LỚP ĐỌC ĐỂ PHỤNG SỰ CHÂN LÝ

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES

CẦN ĐỌC

TẬP XI

với sự hợp-tác của quí ông :

Trương-v-Tống	*Nhà học-giả*
Vỏ-văn-Lúa	*Giáo-sư Pháp-văn*
Ngô-tấn-Huỳnh	— —
Trịnh-văn-Mai	— —
Trần-văn-Lâm	— —
Vủ-hữu-Tiềm	— *V, N.*
Trí-Đức	— *T.H.A.V.*
Châu-sáng-Thế	— *Anh-Văn*
Hoàng-tr.-Việt	— *Việt-ngữ*
Trúc-Khanh	*Thi-sĩ, văn-gia*
Quốc-Ấn	—
Nam-Hồng	—
Lê-Hương	—
B. Truyền	—
Lưu-đình-Khải	*G.Đ.T. Mỹ-thuật*
Bùi-văn-Kính	*Giáo-sư Hội-họa*
Thái-văn-Cấn	— —
Trần-đình-Nhu	— *Hoa-văn*
Thiếu-l-Quân	— *Tốc-ký V.N.*

Tòa soạn : **165 Bd. de la Somme**

Téléphone : 21 309

SAIGON

Giá { *Nam-bộ* **5 $00**
Trung, Bắc, Miên. **6 00**

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIET-NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET-NAM

CHÚNG TA PHẢI » HỌC » VÀ

Cần học

— Có nhiều kẻ học mà không biết « học » để làm gì !... Thường họ học cốt « để lấy bằng cấp » và chiếm địa-vị cao !..

— Có nhiều em cắp sách đến trường vì sự ép buộc của cha mẹ !...

— Biết bao người đang học mà không hiểu « Học » để làm gì !...

— Vì thế, chúng tôi lập ra cuộc thi Cần Học để các bạn độc-giả tự-do **Giảng nghĩa** và **bình luận** 2 chữ « **Cần học** »...

Xin mời qui Bạn gởi bài thi đến toà soạn sớm để chúng tôi tiện bề chọn lựa và lần lượt đăng các bài có giá trị vào trang II báo « **Cần Học** »...

— Những bài nào được đăng trên báo thì tác giả sẽ được thưởng 3 tháng báo (12 cuốn).

Xin chú ý :

1) Bài viết không quá 2 trang giấy tập học trò.

2) Xin các bạn gởi bài đến tòa soạn « Cần Học » tại ấn quán *NAM-HƯNG; 165 Bd. de la Somme=Saïgon.*

3) Các bạn nhớ viết Tên và địa chỉ rõ ràng để tiện bề cho chúng tôi gởi báo đến tặng.

4) Nếu tác-giả là Học-sinh, xin cho biết tên Trường và lớp học.

DẠY TOÁN-PHÁP, PHÁP-VĂN VIỆT-NGỮ

Từ Đệ-Nhứt đến Đệ-Tứ niên

Mỗi tối : 7 đến 9 giờ

Tại trường HỒNG - BÀNG (av. Garros)

Do các thầy : ĐÀO-VĂN-BỘT
VŨ-HỮU-TIỀM

H 1.9235(2

LỚP BA VÀ LỚP NHÌ BAN TIỂU HỌC

Ám-tả

BIBL. CENTRALE de l'Indochine 9818

Yêu mến và kính trọng Cha Mẹ

Thuở xưa, có Huỳnh-Hương tuổi tuy còn nhỏ song ăn ở với cha mẹ rất có hiếu.

Lúc nên chính tuổi, Huỳnh-Hương gần gủi Cha Mẹ luôn để giúp đỡ trong việc nhẹ-nhàng.

Ví như mùa hè trời nóng nực, Huỳnh-Hương quạt chiếu giường cho mát mẻ để cha mẹ nằm.

Mùa đông trời lạnh lẻo, Huỳnh-Hương đắp cho ấm để cha mẹ ngủ.

Bởi Huỳnh-Hương ở với cha mẹ như vậy, nên đặng danh hiếu-tử và để tiếng tốt muôn đời.

Mỗi khi nói « Quạt nồng ấp lạnh » ấy là nói Huỳnh-Hương.

Câu hỏi

1·) Giải-nghĩa chữ : Hiếu-tử.

2·) Mùa hè là mùa gì ? Mùa nào nghịch mùa hè ?

3·) Huỳnh-Hương ở với cha mẹ thể nào mà gọi là hiếu-tử ?

Trả lời

1·) *Hiếu-tử* : con biết kính yêu cha mẹ (bon fils).

2·) Mùa hè hay là mùa hạ, là mùa thứ nhì trong năm, mùa nóng nực kể từ 22 tháng 6 dương lịch đến 22 tháng 9. Mùa đông là mùa lạnh lẻo.

3·) Huỳnh-Hương đặng danh hiếu-tử là nhờ ở gần gủi cha mẹ để giúp đỡ trong việc nhẹ-nhàng ; lo cho cha mẹ đặng an giấc.

HỌC TIẾNG

Ám tả : viết trầm (dictée) *Mệnh-đề* : một câu (proposition)

Quốc-văn : văn tự của bản-quốc (lttérature nationale)

Văn-tự : chữ viết (écriture)

Văn-từ : Văn-chương.

Tác-văn : làm văn (composition)

gồm có 3 thứ : chủ-từ (sujet) tân-từ (attribut) và liên-hệ từ (verbe)

Vd : « Người ta là một thứ động vật » (L'homme est un animal (proposition).

TIẾNG KHÓ VIẾT

Hãi : sợ hãi, hãi hùng. Hải: biển.

Chín : chín-chắn, trái-chín, chín muồi.

Chính : công-chính, chính-trị, số chính (9).

Luận Quốc-văn

— Trò hãy kể lại thường ngày trò làm gì để giúp đỡ cha mẹ.

— Trò ăn ở thế nào đối với cha mẹ để đáng gọi là hiếu-tử ?

PHỤNG-ĐỄ

Thường mỗi sáng tôi thức dậy sớm đặng nấu nước cho cha mẹ tôi uống.

Khi trong nhà thức dậy hết, thì tôi lo cho mấy em rửa mặt, thay áo quần sạch để đi học ; đoạn tôi quét nhà, lau chùi bàn ghế.

Xong việc, tôi cắp sách đến trường.

Trưa, đi học về mau đặng có giúp mẹ tôi dọn cơm ; ăn xong, tôi đem chén bát đi rửa. Chiều, sau khi đi học về cũng làm vậy.

Đó là việc thường ngày tôi làm để giúp đỡ cha mẹ tôi.

Trong lòng cũng như bề ngoài tôi cung kính cha mẹ tôi. Tôi hằng giữ lời thầy dặn nơi trường là đi thưa về trình cha mẹ. Tôi không cãi lời cha mẹ dặn bảo, không nói trả treo vô phép với cha mẹ.

Tối đến tôi lo giăng mùng, trải chiếu, lót nệm cho cha mẹ nghỉ. Khi cha mẹ nghỉ, tôi không làm om sòm và cũng không để cho kẻ khác làm ồn-ào nữa.

Đó là cách tôi ăn ở đối với cha mẹ tôi để tỏ tình hiếu tử.

TOÁN-PHÁP

Chú-ý : Tiền tiêu-dùng + Tiền để dành = Tiền lương.

1.— Chủ-gia kia xuất tiền chợ mỗi ngày 25$, đóng tiền phố và đèn nước mỗi tháng 450$; đến cuối năm ông ta còn dư được 1.315$. Trong năm chủ gia nầy lảnh lương bao nhiêu ? ngày làm việc lảnh lương bao nhiêu biết rằng trong năm nghỉ việc 90 ngày ?

Bài làm : 1o) Tiền chợ trọn năm :

2o) Tiền nhà trong năm :

3o) Tiền tiêu-dùng và tiền để dành :

4o) Tiền lương ngày làm việc :

Trả lời : 1o) 15.840$ — 2o) 57$60

II.— Một cô thơ-ký tiêu dùng mỗi ngày 36$; mỗi tháng cô làm việc 26 ngày và cuối năm cô còn dư được 1.900$. Mỗi ngày làm việc cô nầy lảnh được bao nhiêu ?

Trả lời : 45$

Cours Elémentaire et Moyen

L'amour de la patrie

Je ne suis encore qu'un enfant, mais j'aime de tout mon cœur ma patrie. C'est là que je suis né, c'est là que j'ai grandi, avec les leçons de mes maîtres, avec des amis qui me sont chers. C'est là que je me plais à demeurer. Je m'en souviendrai toujours et, quand je serai homme, je tâcherai d'être utile à mon pays.

Questions.

1°) Expliquez : patrie et cinq mots de la même famille que patrie.

2°) Donnez les contraires des mots : aimer, ami, homme, utile.

3°) Donnez les homonymes de sont et expliquez-les.

Réponses

1°) *Patrie* : pays où nous sommes nés, où sont nés nos parents.
Patriotisme : amour de la patrie.
Patriote : celui qui aime sa patrie.
Patriotique : qui se rapporte à la patrie.
Rapatrier : rentrer dans la patrie.
Expatrier : sortir de la patrie.

2°) *Contraires des mots : aimer* : haïr, détester — *ami* : ennemi — *homme*; femme — *utile* : inutile.

3°) *Homonymes de SONT* :
son = adjectif possessif.
son : bruit.
son : poussièrre provenant de l'écorce du riz.

Trần-văn-LÂM.

LỚP NHỨT BAN TIỂU HỌC

Ám-tả

BÌNH-MINH

Chân trời phía đông đã hơi ửng đỏ. Sắc đỏ lần lần càng thắm và nhuộm hồng những đám mây từ phương trời nam kéo đến. Tia sáng dưới đất vụt lên, xé tan màn trời u ám.

Trên cành cây, trong bụi tre, tiếng ríu-rít của đàn chim nhỏ lẫn với tiếng cúc-cu, của mấy con chim gáy ganh nhau.

Trong đồng, thợ cày cũng thi nhau giục trâu đi. Những tiếng vắt-vào ! vang từ ruộng nọ đến ruộng kia.

Cảnh bình-tịnh ban đêm không còn nữa và hiện ra vẻ hoạt-động của những ngày vui công việc.

NGUYỄN-KHẮC-MẪN

Câu hỏi :

I.— Lấy mỗi tiếng sau nầy mà đặt thành một câu : sắc, sắt, vẻ, vẽ.

II.— Giải nghĩa những chữ hoạt-động, bình-minh bình-tịnh.
III.— Mặt trời mọc hướng nào và lặn hướng nào ?

Bài làm

I.— Sắc : Cầu-vồng có 7 sắc : 1o tím 2o chàm 3o dương (lơ) 4o xanh biếc 5o vàng 6o vàng cam 7o đỏ.

Sắt : Chí công mài sắt chầy ngày nên kim.

Vẻ : Vẻ-vang, vẻ đẹp, mọi-vẻ.

Vẽ : Tôi ham vẽ.

II.— *Hoạt-động :* Hành-động cách hoạt-bát — Sinh-hoạt — Bôn tẩu để vận-động về mục-đích gì (activité, vitalité) — *Hoạt-bát :* hoạt-động lanh lợi. Làm việc không ngừng.

Bình-minh: Bình-đán(aurore).Lúc trời mới sáng.Ban mai.

Bình-tịnh hay là bình-tĩnh : Yên-lặng (calme, tranquille) không ồn-ào.

III.— Mặt trời mọc Hướng-Đông và lặn Hướng Tây.

Học tiếng

Bình chú : Chú thích và phê-bình.
Bình-dã : Chốn đồng bằng.
Bình-dân : Dân thường (peuple, populace).
Bình-dân chủ-nghĩa : Chủ-nghĩa lấy dân-chúng làm chủ-thể (démocratie).
Bình-diện : Mặt bằng (plan).
Bình-đẳng : Ngang hàng nhau (égalité).
Bình-địa : Đất bằng.
Bình-luận : Phẩm-bình và nghị-luận.
Bình-nguyên : Đồng bằng (plaine).
Bình-phẩm : Phê-bình đều xấu tốt (critiquer, commenter).
Bình-phân : Chia hai bên đều nhau.
Bình-phong : Cái đồ che gió dời chỗ được (écran, paravent).
Bình-phục : Khỏi bịnh (rétabli).
Bình-quyền : Có quyền ngang nhau.
Bình-sinh : Trong đời mình (toute sa vie).
Bình-trắc : Vần bằng vần trắc, trong thi phú ca từ.
Bình-văn : Bình-luận văn-chương.

Chữ khó viết.

Vụt : Vụt-quăng, vụt-chạc, vụt chạy, gió thổi vùn vụt.
Vục : Vục mặt xuống, múc vục, dày vục, vục lấy.
Tan : (Tấn) : Tan hoang, tan canh, tan học, tan hầu, tan tác, bàn tan, vở tan.
Tang : Tang chế, mãn tang.

Tác-văn

Từ lớp năm đến lớp nhứt, trò đã học được nhiều bài thuộc lòng. Trò thích bài nào ? Tại sao ?

PHỤNG-ĐỀ

Đã hơn bốn năm nay, nghĩa là từ khi tôi còn học lớp năm đến bây giờ, tôi đã học nhiều bài thuộc lòng, thường là những thơ dạy đời ; luân-lý, xã-hội v.v... Nhưng trong số ấy tôi chỉ thích một bài mà bất cứ lúc nào, rảnh việc là tôi lập lại mãi : Bài « Cần phải học ».

Tôi còn nhớ độ ấy, mỗi lần ôn bài, được Thầy gọi đọc « Cần phải học » thì tôi sung-sướng « kéo » từ hơi dài-giản... Khi đọc «Cần phải học» thì tôi có cảm tưởng dường như nghe lời của Thầy tôi giảng-giải, khuyến-khích tôi chăm học: học để giúp ích cho nước nhà, cho xã-hội.

Trong bài có câu : « Anh hùng bốn bể, giang-san một nhà », câu mà tôi chú ý nhứt, và ghi sâu vào trí óc.

Sở dĩ tôi thích bài « Cần phải học » là vì hiện nay nó bổ khuyết ở nhằm chỗ xung-yếu tôi, nói rõ hơn, vì nó là nguồn yên-ủi, nung chí tôi cố-gắng trong bước đường dốc-dác khó-khăn của sự học vấn.

Những nước văn-minh là nhờ sự học được phổ-thông trong các từng lớp xã-hội, nước ta còn nằm mãi trong quá-khứ chỉ tại nỗi thiếu học của đồng-bào ta. Thảm hại thật !...

LEÇONS PARTICULIÈRES

ANGLAIS - FRANÇAIS - SCIENCES MATHÉMATIQUES

Classes secondaires & P.S. Préparation intensive aux divers examens. Méthode classique — Auditions disques — Linguaphone Assimil.

S'adresser : TRI-DUC
226, Lagrandière -:- Saigon

LEÇONS PARTICULIÈRES DE FRANÇAIS POUR TOUTES CLASSES

PAR

NGÔ-TẤN-HUỲNH

PROFESSEUR

252, Quai de Belgique — Saigon

Toán-Pháp

I.— Mẹ trò mua khúc vải giá 1.725$ để may áo dài. Trò hãy tính coi : 1°) Giá tiền mỗi thước vải bao nhiêu — 2°) may mỗi cái áo tốn hết bao nhiêu tiền, biết rằng mỗi cái áo phải tốn 3th, 50 và tiền may với nút áo tất cả là $\frac{1}{3}$ tiền khúc vải. Lại nữa, nếu như mẹ trò mua thêm 1th,50 nữa thì sẽ may được 7 cái áo dài.

Bài làm : Trò hãy kiếm :

1o) tiền may và tiền nút áo ;

2o) tiền vải, tiền may và tiền nút áo ;

3o) bề dài khúc vải ;

4o) Tiền một thước vải ;

5o) Tiền nút và may một cái ;

6o) Giá mỗi cái.

Trả lời : 170$83

II.— Thầy thơ ký nọ trả tiền cơm mỗi ngày 25$60 từ ngày mùng một tháng giêng dương lịch đến ngày 30 tháng 6 d.l.

Hỏi trong 6 tháng sau thầy nầy phải trả tiền cơm mỗi ngày bao nhiêu để chi tiêu mỗi năm là 8.880$ mà thôi.

Bài làm : Trò hãy kiếm :

1o) Số ngày trong 6 tháng trước ;

2o) Tiền cơm trong 6 tháng trước ;

3o) Số tiền cơm trong 6 tháng sau ;

4o) Tiền cơm mỗi ngày trong 6 tháng sau ;

Trả lời : 23$07

PRÉPARATION AU B. E. ET AU B. E. P. S.

Orthographe

Un vieil aveugle

Je connais les saisons tout comme dans le temps où je voyais les avoines, faucher les prés, mûrir les froments, jaunir les feuilles du châteignier, et rougir les prunes des oiseaux sur les buissons. J'ai des yeux dans les oreilles ; j'en ai sur les mains ; j'en ai sous les pieds. Je passe des heures entières à écouter près des ruches, les mouches à miel qui commencent à bourdonner sous la paille et qui sortent une à une en s'éveillant, par leur porte, pour savoir si le vent est doux et si le trèfle commence à fleurir... C'est mon horloge et mon almanach à moi, voyez-vous. Je me dis : « Voilà le coucou qui chante ; c'est le mois de mars, et nous allons avoir du chaud ; voilà le merle qui siffle : c'est le mois d'avril ; voilà le hanneton c'est la Saint-Jean ; voilà la cigale : c'est le mois d'août ; voilà la grive : c'est la vendange, le raisin est mûr ; voilà la bergeronnette, voilà les corneilles : c'est l'hiver.»»

LAMARTINE

« *Harmonies* »

Questions

1.— Expliquez les expressions : prunes des oiseaux, j'ai des yeux dans les oreilles, sur les mains, sous les pieds, mon horloge et mon almanach.

2.— Comment ce vieil aveugle reconnaît-il les saisons ?

3.— Analyse logique de la phrase : Je passe des heures entières... commence à fleurir.

4.— Analysez grammaticalement (nature et fonctions) : Je connais le vol de toutes les mouches.

Réponses

1.— EXPLICATIONS

Prunes des oiseaux : prunes sauvages souvent appelées prunelles venant surtout dans les haies et les buissons.

J'ai des yeux dans les oreilles, sur les mains, sous les pieds : ce que j'entends, ce que je touche et sens par mes mains et mes pieds, me permet d'imaginer les choses qui m'entourent ; tout comme si je les voyais.

Mon horloge et mon almanach : l'horloge dit l'heure, l'almanach dit les saisons. Ce que j'entends et ce que je sens me permettent de reconnaître les heures du jour et les saisons de l'année.

2.— Le vieil aveugle reconnaît le printemps par le chant du coucou, l'été par le hanneton, l'autome par les cris de la grive et par la vendange, l'hiver par les croassements des corneilles.

ANALYSE LOGIQUE.

La phrase : « Je passe des heures entières à écouter près des ruches, les mouches à miel qui commencent à bourdonner sous la paille et qui sortent une à une en s'éveillant, par leur porte pour savoir si le vent est doux et si le trèfle commence à fleurir. » contient cinq propositions.

N°	Propositions	Nature	Fonction
1	Je passe des heures entières à écouter près des ruches les mouches à mieil.	principale	
2	qui commencent à bourdonner sous la paille	subordonnée relative par qui	complément de mouches
3	et qui sortent une à une en s'éveillant, par leur porte, pour savoir.	subordonnée relative par qui coordonnée à la 2e par conjonction *et*	complément de mouches
4	si le vent est doux	subordonnée conjonctive par si	compléments d'objet direct de savoir
5	et si le trèfle commence à fleurir	subordonnée conjonctive par si coordonnée à la 4e par *et*	compléments d'objet direct de savoir

4.— Analyse grammaticale.

Je	Pronom presonnel sujet de connais.
Connais	Verbe connaître, forme active, sens transitif direct, 3e groupe.
Le	Article défini, se rapporte à vol.
Vol	Nom commun, complément d'objet direct de connais.
De	Préposition, met en rapport vol et mouches.
Toutes	Adjectif indéfini, se rapporte à mouches.
Les	Article défini, se rapporte à mouches.
Mouches	Nom commun, complément déterminatif de vol.

TRẦN-VAN-LÂM

DEUXIÈME DEGRÉ

Composition française

SUJET — Montrez que, d'après la parole d'un moraliste, la lâcheté, c'est la peur consentie et le courage c'est la peur vaincue.

DÉVELOPPEMENT

Il n'est pas donné à tout le monde d'accomplir des exploits héroïques, des prodiges de bravoure, des miracles de vertu. L'abnégation, le sacrifice de soi-même l'intrépidité et le sang-froid sont loin d'être des vertus exigibles de tous. Néanmoins, nos défaillances, nos bassesses quotidiennes ne proviement pas tant d'un défaut de courage que d'un manque de volonté. De la même façon, les victoires que nous remportons chaque jour sur nos mauvais penchants, sur notre pusillanimité, sur notre égoïsme sont dues moins à un excès de vigueur morale qu'à un sursaut d'énergie de notre volonté. C'est dans ce sens que nous devons interpréter l'affirmation en apparence naïve du moraliste. Il veut nous faire comprendre que dans la plupart des cas, le courage n'est qu'une question de volonté ou même simplement de bonne volonté.

Le plus souvent, on est lâche, parce qu'on veut être lâche, parce qu'on consent à être lâche, pour qu'on subit passivement sa peur, sans aucune tentative de résistance. On se laisse entraîner par le courant de sa frayeur. La peur des

fantômes par exemple, les superstitions stupides, la panique collective ne sont-elles pas autre chose qu'une soumission aveugle et honteuse aux instincts élémentaires, à la forme la plus basse de la réaction de l'homme devant les mystères qui l'entourent ? En vérité, combien de timides, de poltrons qui pâlissent aux récits des apparitions et des spectres, qui redoutent les représailles d'une divinité cruelle et vindicative, qui s'affolent d'un péril imminent, croient à la réalité des dangers qui les menacent ? Alors de quoi s'effraient-ils ? Ils ont peur d'une ombre, des produits de leur imagination. Ils ont le tort de considérer la peur comme irrésistible, indomptable et ils se laissent emporter sans résistance. Ainsi sont lâches, parce qu'ils consentent à leur peur, tous ceux qui ne font aucun effort pour vaincre en eux l'appréhension d'un danger souvent imaginaire ou pas aussi grave qu'ils se l'imaginent. Les exemples peuvent être multipliés à l'infini : le malade qui préfère un long traitement ou même la mort à une opération douloureuse mais rapidement efficace, l'employé timide qui hésite à revendiquer des avantages auxquels il a droit, le spéculateur qui n'ose pas risquer sa fortune dans une affaire presque sûre, le prudent stupide qui n'ose pas se jeter à l'eau pour sauver un malheureux sur le point de se noyer.

Si le lâche accepte sa peur comme une fatalité, le courageux ne diffère de lui que par sa résolution de ne pas céder à la sienne. Il faut croire que le brave qui s'élance dans les flammes pour arracher à la mort quelques attardés, a éprouvé lui aussi des hésitations, des émotions, au moment d'accomplir son exploit. Mais il a du se dire qu'il s'exagère les risques, qu'il est honteux de laisser mourir ses semblables, alors que tous les moyens ne sont pas encore mis en œuvre et que son calme, son sang-froid, sa lucidité les sauveront d'une mort affreuse. Il maîtrise sa peur et se précipite dans les flammes. Il est courageux parce qu'il a su vaincre sa peur.

Le courage est une vertu qui s'acquiert, qui s'apprend. Apprendre à dompter sa peur, à dominer ses émotions, à ne pas écouter l'appel de l'égoïsme de la lâcheté, à faire un effort de volonté.

TRỊNH-VĂN-MAI

Arithmétique

Une somme d'argent doit être partagée entre deux personnes. Le total de ce qu'elles réclament dépasse de 4.090$ le montant de la somme. Le partage étant fait proportionnellement à leurs demandes, la première personne reçoit 20.250$ et la seconde 16.560$. Combien chacune réclamait-elle ?

Solution.— La somme partagée s'élève à 20.250$+16.560$ = 36.810$.

La somme réclamée s'élevait à 36.810$+4.090$ = 40.900$.
Le rapport de la somme réclamée à la somme payée est de $\frac{40.900}{36.810}$. En réduisant cette fraction à sa plus simple expression, on a $\frac{10}{9}$. Si on a payé 20.250$ à la 1ère personne, sa réclamation s'élevait à $\frac{20.250\$ \times 10}{9} = 22.500\$$

La réclamation de la seconde personne montait à $\frac{16.560\$ \times 10}{9} = 18.400\$$

Réponses : *1°* / 22.500$ — *2°* / 18.400$

Problème proposé

(Le corrigé sera donné dans le numéro suivant.)

Trois personnes, ayant à parcourir 40 Km., s'entendent avec deux autres personnes qui ont à se rendre à 22 Km sur la même route, pour louer une voiture à frais communs. On leur demande pour cette voiture 20$50. Quelle part de cette somme chaque personne devra-t-elle payer, en proportion des distances parcourues ?

PHÁP-VĂN THEO LỐI HÀM-THỤ

Le Français par Correspondance

CHO CÁC HỌC-SINH VÀ CÁC BẠN MUỐN TỰ BỒ TÚC
ĐỌ MỘT NHÓM GIÁO-SƯ CHUYÊN NGHIỆP ĐẢM NHẬN

Bài vỡ soạn chương trình ở trường và tùy theo trường hợp riêng biệt của mỗi người, chú thích kỹ lưỡng, đều in sẵn.

Tổ chức gồm nhiều cấp học (degrés) cho thích hợp với nhu-cầu và học lực của người học.

Học phí nhẹ.

Xin hỏi bổn điều lệ in sẵn do :

Ông NGÔ-TẤN-HUỲNH

252, Q. Belgique -:- SAIGON

Trả lời những câu hỏi về bài ám-tả trong đầu bài thi thành-chung vừa rồi.

I.— Phân-tách và giải nghĩa những tiếng :

Phong-vị : *phong* là thói tục, *vị* là mùi vị ; *phong vị* chính nghĩa là ý-vị sâu xa ; nghĩa dùng trong bài theo cách *ám-tỉ* là *cuộc sống, hoàn-cảnh,* « *bầu không-khí* ».

Sát-khí : *sát* là *giết, khí* là *hơi thở ; sát-khí* là « không-khí chiến-tranh, *sầu thảm âm u* ».

Hư-ảo : *hư* là không có thực, *ảo* là dả-dối mà như thực; *hư-ảo* là như thật như dả, dả-dối, tạm bợ.

Lý-thuyết : *lý* là lẽ, *thuyết* là nói rõ ra, bàn-bạc ; *lý-thuyết* là bàn-nói lý-lẽ, ngược nghĩa với thực-hành ; ở đây ám-tỉ về *lý-luận, lý-tưởng, triết-lý.*

Sáng-chế : *sáng* là bắt đầu, *chế* là đặt ra, *sáng-chế* là gầy-dựng đầu tiên.

Thiêng-liêng : thiêng là mầu-nhiệm, nghĩa tiếng *linh* của hán tự ; liêng là tiếng đệm đặt thêm vào sau tiếng thiêng biến tiếng thiêng rộng nghĩa hơn vậy *thiêng-liêng* ở đây có nghĩa là mầu-nhiệm huyền-bí, huyền-diệu biến-hóa.

II.— **Mệnh-đề phân-tích :**

« Nhà bác-học chế ra máy móc, phát-minh và tìm-tòi những lẽ bí-hiểm của trời đất, nhà học-giả nghiên-cứu những lý-thuyết có quan

hệ với sự sinh-hoạt của nhân-loại, ai củng có công cả, còn nhà thi-sĩ thì có sinh-sản được gì không ?

Câu nầy có 6 mệnh-đề :

1) *Nhà bác-học chế ra máy móc*, mệnh-đề độc-lập thứ nhứt

2) *Phát-minh*, mệnh-đề độc-lập thứ 2 (tịnh trí) chủ-từ tỉnh-lược (nhà bác-học).

3) *Và tìm tòi những lẽ bí-hiểm của trời đất*, mệnh-đề độc-lập thứ ba, tập-hợp với mệnh-đề trên (do tập-hợp liên tự *và*).

4) *Nhà học giả nghiên-cứu những lý-thuyết có quan-hệ với sự sinh-hoạt của nhân loại*, mệnh-đề độc-lập thứ tư (tịnh trí). Tất cả 4 mệnh-đề độc-lập nầy đều có công-dụng biểu-diễn *ý-nghĩa kê-khai* và *so-sánh* với ý-nghĩa của mệnh-đề thứ sáu.

5) *Ai cũng có công cả*, mệnh-đề chính có công dụng biểu diễn ý nghĩa tóm tắt 4 mệnh-đề độc-lập ở trên.

6) Còn nhà thi-sĩ thì có sinh-sản được gì không ? mệnh-đề-phụ liên hợp với mệnh-đề chính bởi tiếng tập-hợp liên-tự *còn*, có công dụng biểu-diễn một sự nghi-vấn để so sánh.

Loại-tự và công dụng của những tiếng :

tới : giới-tự dùng biểu diễn ý nghĩa chuyển-tiếp giữa động-từ *đem* và danh-từ *nơi*.

một : mạo tự chỉ định *danh-từ chung* : nơi.

nơi : danh-từ chung làm trường-hợp túc-từ chỉ nơi chốn cho động-từ *đem*.

bấy nay : trạng-từ kép, chỉ thời-gian, biểu diễn ý-nghĩa từ trước đến nay, phụ thêm nghĩa cho động-từ mơ-tưởng.

mơ-tưởng : động-từ kép, chỉ cái dụng của chủ-từ [ta (tỉnh lược)] tới một nơi bấy nay **ta** mơ-tưởng.

TÙNG-BÁCH
Nhà sách P. Văn-Tươi *(Sabouraiin)*

CÔNG LÝ VÀ NHÂN ĐẠO

Đây hai câu ngạn-ngữ tây-phương mà các bạn thường nghe và quến rủ các bạn hiểu trùng nghĩa, nhưng thưa các bạn, chúng ta hảy thử cùng nhau phân tách, xem nó có nghĩa tinh túy như thế nào.

Câu thứ nhứt: « Ne faites pas à autrui ce que vous ne voudriez pas qu'on vous fit». Tạm dịch: Bạn không thích người ta làm cho bạn đều chi, thì bạn chớ làm như vậy cho kẻ khác.

Câu thứ hai : « Faites à autrui ce que vous voudriez que les autres fissent pour vous ». Tạm dịch : Bạn thích kẻ khác làm đều chi cho bạn, thì bạn hãy làm như vậy cho kẻ khác.

Chúng ta cùng nghỉ sao về câu thứ nhứt ?. — Thưa bạn đây là một lời ngăn cấm và bắt buộc : bạn đừng làm vì không nên làm.

Nếu làm, bạn sẻ xâm- phạm quyền lợi của người bàn cận.

Mà nói tới quyền-lợi là nói tới công-lý.

Công lý xã hội buộc mỗi cá nhân phải tôn trọng tánh mạng, tài sản, danh dự và các tự do thích đáng của mỗi cá nhân khác.

Nếu vô cớ, bạn xâm phạm đến một trong những quyền lợi thiên nhiên mà hễ ai đã là người đều có quyền hưởng và bảo vệ lấy thì bạn xâm phạm đến công lý xã-hội.

Công lý xã-hội là một đạo luật thiên nhiên Tạo-hóa đặt ra và phú trong bổn tính con người buộc con người tôn trọng và kính nể quyền lợi của nhau. Không công lý xã-hội, thì lẽ sống của con người bị tổn thương nặng nề và trật tự xã hội bị đảo lộn.

Theo kinh nghiệm ở đời, việc rất dễ hiểu : Bạn hay tôi không ai muốn quyền lợi của mình bị xâm phạm, vậy lý nào ta xâm phạm quyền lợi của người bàn cận ?

Đây chúng ta bị đặt trước một luật thiên nhiên mà bạn hay tôi không thể cưỡng lại mà khỏi phạm đến công lý xã-hội

oOo

Nhưng thưa bạn, nếu ta giữ đúng công lý xã-hội mà thôi, thì lý-do câu ngạn ngữ sau không có nghĩa. Trái lại, nó có đầy nghĩa.

Đây tôi và bạn cùng xem xét một cách thiết thực hơn ở trên :

Người bạn bàn cận ta có quyền lợi gì, ta nhứt định không xâm phạm ; vách ta ở khích vách người ; ta không lấn, không làm ồn-ào trong giờ ngủ, không biêu xấu nhà người, cấm tôi tớ xéo xắc của vặt vạnh hay lớn lao nhà người.

Nhưng, người bàn cận ta vừa mắc nạn : sạch của và tánh mạng đang lâm nguy. Ta không nghịch với người, cũng không thân, nhưng người kêu cứu đến ta !

Thật đáng thương hại ! Bạn thấy lòng bạn cũng cảm động trước tình thế đau thương của người ! Bạn nghỉ sao ! Chỉ lấy mắt bàn quang mà ngó sao ?

Không ! Bạn không có trách nhiệm giúp người nguy khốn ấy, nhưng vì nghĩa (hay nói mạnh hơn) vì nghĩa vụ, bạn tùy sức để giúp người ta.

Tôi nói là tùy, nghĩa là không buộc giúp thể nọ hay thể kia. Bạn giúp vì lòng từ thiện và nếu bạn rủi ra phải đứng vào hoàn-cảnh ấy thì bạn cũng chỉ muốn nhờ lòng từ thiện thôi. Bạn hay tôi, hãy làm đi cho người bàn cận bị nạn sự chúng ta muốn cho kẻ khác làm cho mình trong trường hợp ấy.

Tóm lại : nếu công lý xã hội buộc : Của ai phải trả cho nấy, của César phải trả cho César và đừng làm đều chi cho kẻ khác mà mình không thích người ta làm lại, thì lòng nhơn đạo, vì bác ái (nếu bạn không ngần ngại gọi tới nhơn đức cao siêu nầy) bạn và tôi hãy làm những việc mình thích được người ta làm cho, nếu mình cùng ở trong một trường hợp như người ta.

Công lý xã-hội khe khắc và bắt buộc nhưng đức bác ái thì dung hòa giúp cho đời sống đặng dễ chịu hơn.

B. TRUYỀN

PROBLÈMES DE MATHÉMATIQUES au D.E.P.S.I.

ALGÈBRE

Représentation graphique des fonctions :

$$y = \frac{x^2}{3}$$

et $y = 2x - 3$

Définir la position de la droite par rapport à la courbe.

(Saigon Session Juillet 50)

SOLUTION

a) Représentons graphiquement les variations de la fonction :

$$y = \frac{x^2}{3}$$

Pour cela, dressons le tableau des variations :

x	$-\infty$	-2	0	$+2$	$+\infty$
$y = \frac{x^2}{3}$	$+\infty$	$\frac{4}{3}$ (minimum)	0	$\frac{4}{3}$	$+\infty$
Points		A	O	A'	

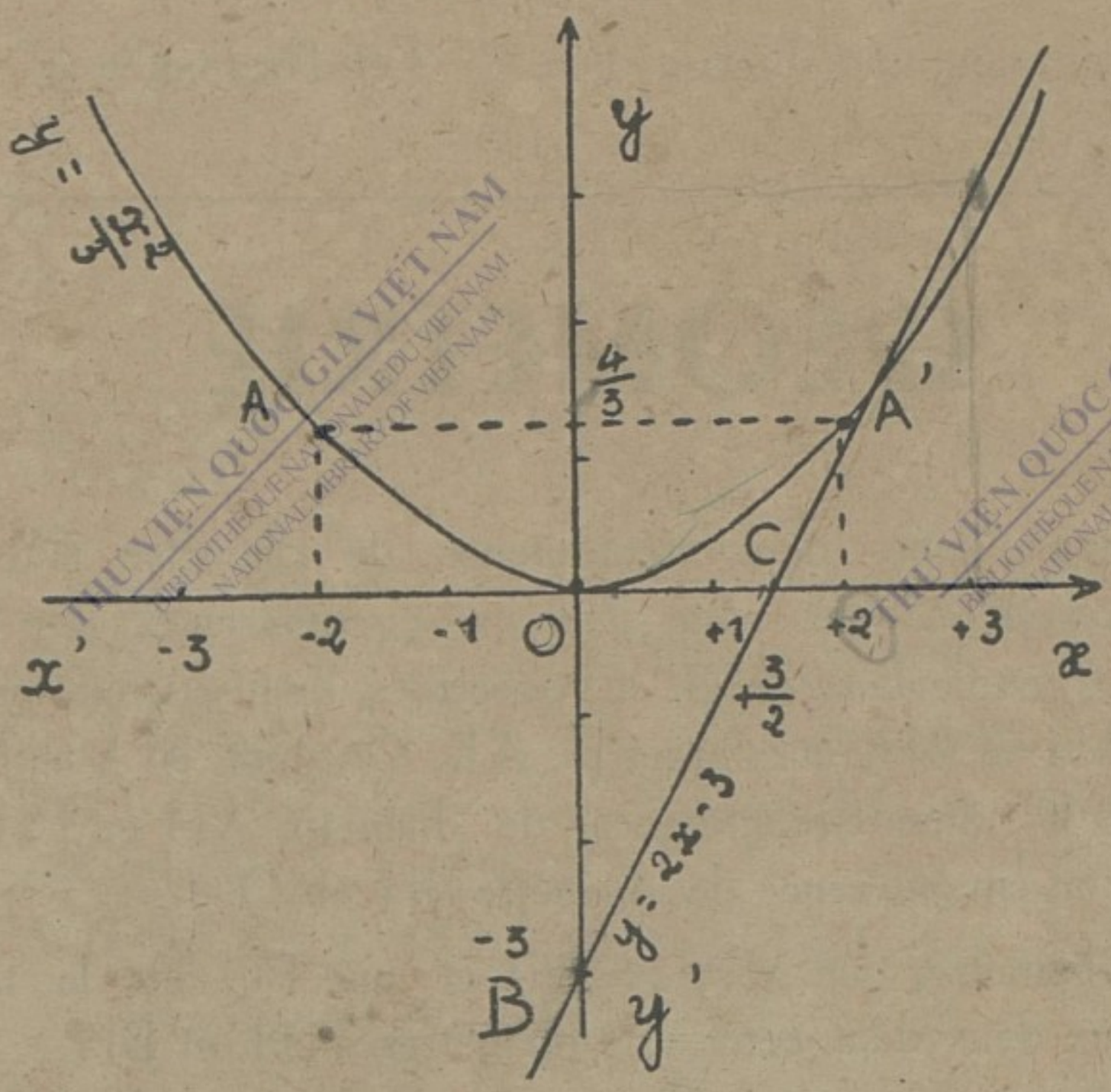

Relions les trois points A, O, A' par un trait continu, nous obtenons la courbe représentative de la fonction : $y = \frac{x^2}{3}$, qui est une parabole.

b) Représentons graphiquement les variations de la fonction

$$y = 2x - 3$$

Pour cela, faisons $x = o$, y sera égal à -3. Nous obtenons ainsi le point B d'abscisse $x = o$, d'ordonnée $y = -3$.

Faisons $y = o$, x sera égal à $+\frac{3}{2}$. Nous obtenons ainsi le point C d'abscisse $x = +\frac{3}{2}$ et d'ordonnée $y = o$.

Relions ces 2 points B et C par une droite et nous obtenons le graphique des variations de la fonction $y = 2x - 3$.

c) Nous avons :

$$\frac{x^2}{3} = 2x - 3$$

ou : $x^2 = 6x - 9$

ou encore : $x^2 - 6x + 9 = O$. Cette équation du 2è degré a une racine double $x' = x'' = 3$. Donc : la droite de la fonction $y = 2x - 3$ est tangente à la courbe représentative de la fonction $y = \frac{x^2}{3}$ au point D d'abscisse $x = +3$ et d'ordonnée $y = +3$.

GÉOMÉTRIE

On donne une demi-circonférence de diamètre AB et un point quelconque M sur cette demi — circonférence. De M, on abaisse la perpendiculaire MB. On décrit 2 demi-circonférences du diamètres AH et BH, intérieures de AB. On joint MA et MB.— MA coupe la demi-circonférence de diamètre AH en P, et MB coupe la demi-circonférence de diamètre BH en Q.

1o) Démontrer que MH = PQ et que PQ est la tangente commune aux deux demi-cercles de diamètres AH et BH.

2°) Montrer que le périmètre de la surface comprise entre les 3 demi-circonférences est indépendante de la position du point M, et que son aire est équivalente à celle d'un cercle de diamètre MH.

SOLUTION

1°) *a*) Joignons HP, HQ et PQ.

L'angle $\widehat{AMB}$ inscrit dans la demi-circonférence de diamètre AB est un angle droit. L'angle $\widehat{APH}$ inscrit dans la demi-circonférence de diamètre AH est un angle droit ; par suite, son supplément $\widehat{MPH}$ est aussi droit. L'angle $\widehat{HQB}$ inscrit dans la demi-circonférence de diamètre HB est un angle droit ; son supplément $\widehat{MQH}$ est au si droit. Les 3 angles $\widehat{HPM}$, $\widehat{PMQ}$, $\widehat{MQH}$ du quadrilatère PMQH étant des angles droits, le 4è angle $\widehat{PHQ}$ est aussi droit, et le quadrilatère PMQH est un rectangle.

Par suite, ses diagonales MH et PQ sont égales et nous pouvons écrire :

$$\boxed{MH = PQ}$$

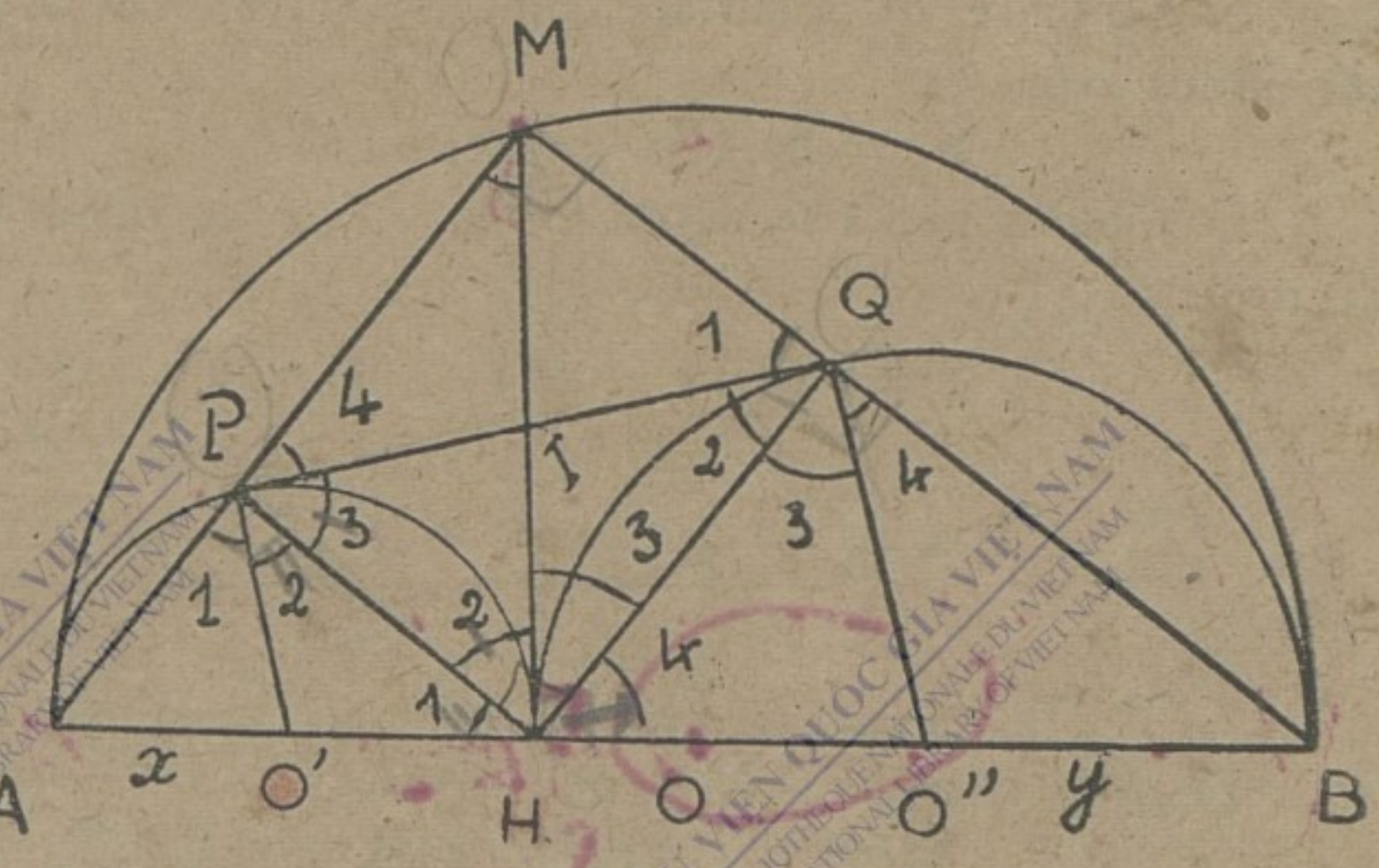

b) Considérons les 2 triangles isocèles O'PH et IPH. Dans le triangle isocèle O'PH, l'angle $\widehat{H_1}$ = l'angle $\widehat{P_2}$. Dans le triangle isocèle IPH, $\widehat{P_3} = \widehat{H_2}$. Comme $\widehat{H_1}$ est le complément de $\widehat{H_2}$, son égal $\widehat{P_2}$ est aussi le complément de $\widehat{P_3}$. Donc, l'angle $\widehat{O'PQ}$ est droit, et, PQ est tangente au demi-cercle de centre O' en P.

— Dans le triangle isocèle IHQ, $\widehat{H_3} = \widehat{Q^2}$; dans le triangle isocèle O"HQ, $\widehat{H_4} = \widehat{Q_3}$, Comme $\widehat{H_3}$ est le complément de $\widehat{H_4}$.

son égal $\widehat{Q_2}$ est aussi le complément de $\widehat{Q_3}$. Donc, l'angle IQO'' est droit, et PQ est tangente au demi-cercle de centre O'' en P.

Ainsi, QP est la tangente commune au deux demi-cercles O' et O''.

2°) *a*) Désignons l_1 la longueur de la demi-circonférence de diamètre AB, l_2 celle de la demi-circonférence de diamètre AH et l_3 celle de la demi-circonférence de diamètre HB.

Soit p le périmètre de la surface comprise entre les 3 demi-circonférences. Nous avons :

$$p = l_1 + l_2 + l_3 = \pi \cdot OA + \pi\ O'H + \pi\ O''H$$

$$\text{ou : } p = \pi\ (OA + \underbrace{O'H + O''H}_{\text{constant}})$$

constant (quelle que soit la position de M. sur la demi-circonférence de diamètre AB.)

Ainsi. le périmètre p est constant et indépendant de la position du point M.

b) Désignons par S_1 l'aire du demi-cercle de diamètre AB, S_2 celle du demi-cercle de diamètre AH, et S_3 celle du demi cercle dediamètre HB.

Soit S l'aire de la surface comprise entre les 3 demi-circonférences. Nous avons :

$$S = S_1\ (S_2 + S_3) \quad (1)$$

Désignons par x le rayon O'A, et y le rayon O''B. (1) peut s'écrire :

$$S = \frac{\pi\ (y + x)^2}{2} - \left(\frac{\pi\ x^2}{2} + \frac{\pi\ y^2}{2}\right)$$

$$S = \frac{\pi\ y^2 + x^2 + 2xy) - \pi\ x^2 - \pi\ y^2}{2}$$

$$S = \pi\ xy.$$

Dans le triangle AMB, nous avons :

$$MH^2 = AH \times HB.$$

$$MH^2 = 2x \times 2y = 4xy$$

$$\text{d'où : } MH = 2\sqrt{xy}$$

$$\text{et } \frac{MH}{2} = \sqrt{xy}$$

Par suite : $\boxed{\pi \times \frac{MH^2}{4} = \pi \times xy = S}$

TRÍ-ĐỨC *Professeur.*

BACCALAUREAT

(1ère PARTIE - SESSION JUILLET 1950)

SÉRIE MODERNE

1er Sujet de Français :

Expliquer et discuter ce mot de Sainte-Beuve : « Aimer La Fontaine, c'est *presque* la même chose qu'aimer Molière ; on ne les sépare pas, on les aime ensemble. »

DIRECTIVES

Pour traiter ce sujet, il conviendrait d'exploiter les quatre remarques suivantes :

1° Le « castigat ridendo mores » (Elle, la comédie, corrige les mœurs en riant), qui s'applique aux comédies de mœurs et de caractères de Molière, est par la pensée l'équivalent de ce vers de la Fontaine, au Livre VI, Fables I & II:

« En ces sortes de feinte, il faut instruire et plaire. »

En d'autres termes, Molière dans son théâtre, La Fontaine dans ses fables poursuivent un but identique, à savoir contribuer à l'édification morale, à la formation du caractère de l'individu. But, par ailleurs, commun à tous les écrivains classiques français, à ceux de l'école de 1660.

2° De nombreuses fables de La Fontaine ont toute l'allure d'une comédie en raccourci, d'une « comédie resserrée » selon l'expression même de Sainte-Beuve, comportant une exposition, un ensemble de péripéties qui forment l'intrigue, enfin un dénouement.

Sainte-Beuve en a signalé « le Savetier et le Financier » ; mais « le Coche et la Mouche », « le Meunier, son Fils et l'Ane » « le Héron » ou « la Fille » ne sont pas moins des comédies en raccourci. La peinture des personnages, de leurs états d'âme et de leurs sentiments en fonction de leurs caractères et des circonstances où se trouvent ces personnages, leur langage, leurs attitudes et leurs gestes, tout se subordonne au principe de la vraisemblance, formulé, consacré dans le chant III de l'Art poétique de Boileau. Le lieu où se passe l'action, est parfois nettement marqué, comme, par exemple, dans « le Coche et la Mouche », dans « le Héron »...

3° Mais La Fontaine va plus loin que Molière : si Molère s'arrête à la comédie mœurs et de caractères, c'est-à-dire à la comédie classique, telle que l'avait conçue l'Antiquité gréco-latine La Fontaine s'aventure au delà des frontières de l'apologue d'Esope ou de Phèdre.

La fable, chez La Fontaine, a une ambition philosophique très nette et très grande.

Sainte-Beuve, dans ses Causeries du lurdi, a bien parlé de ces « autres fables qui sont... pleines également de philosophie », et dont il a cité « le Vieillard et les trois jeunes Hommes » comme un spécimen remarquable.

La comédie humaine que nous présente La Fontaine à travers ses Fables, est bien plus complète, bien plus profonde que celle de Molière à travers son théâtre : elle nous représente non seulement les sottises et les ridicules, les vices et les défauts, les naïvetés et les méchancetés de l'homme, mais encore les injustices et les abus de la société, mais encore les aspirations et les croyances, les pensées et les idées d un peuple... Ici la comédie classique dans le cadre étroit de la peinture exclusive des mœurs et des caractères, s'avère bien pauvre quant à sa substance ; la dialectique que suit La Fontaine dans son système de morale, est bien plus féconde, bien plus délicate, bien plus philosophique que l'expérience et l'observation de Molière dont on a tant parlé.

4° Enfin il y a encore trop de poésie dans les fables de La Fontaine comme il y a trop de philosophie, trop de politique. Et surtout de la poésie personnelle, du romantisme en pleine époque classique, c'est-à-dire en pleine époque de littérature impersonnelle.

« Les deux Pigeons », « le Songe d'un Habitant du Mongol » chantent tantôt l'amertume d'un cœur déçu par de cruelles désillusions, tantôt l espoir d'une âme bercée de magnifiques aspirations demeurées à jamais inassouvies.

De telles poésies ne se trahissent guère dans l'œuvre de Molière cent pour cent classique, où le mélange des genres est scrupuleusement évité.

PLAN PROPOSÉ

II. — Introduction. — *Le sens précis de la parole de Sainte-Beuve.*

Molière et la Fontaine ont à peu près les mêmes droits à notre estime, à notre admiration: quand, on admire, quand on estime l'un, on admire, on estime l'autre ; l'un et l'autre se rejoignent dans un même mouvement de sympathie de notre part.

Et pour les raisons suivantes :

a) Molière et La Fontaine pousuivent un but commun à savoir : contribuer à l'édification morale de l'individu, à la formation du caractère de l'homme ;

b) Molière développe en grand ce que La Fontaine enferme dans les dimensions modestes, dans le cadre étroit de de l'apologue. « Le Bourgeois Gentilhomme » de Mo-

lière, c'est le développement grandiose, étincelant de « La Grenouille qui veut se faire aussi grosse que le bœuf » de la Fontaine ; de même « la Poule aux œufs d'or » de La Fontaine est un drame en raccourci de « l'Avare » de Molière.

II.— Critique.— *Ce qui distingue pourtant La Fontaine de Molière.*

a) L'ambition philosophique et politique de La Fontaine en face de la morale pratique, de la morale du bon sens, de la morale bourgeoise représentée par les comédies de mœurs et de caractères de Molière.

La dialectique que suit la pensée de La Fontaine, le conduit de la morale pratique fondée sur les intérêts mesquins de l'individu, à des considérations philosophiques et politiques pleines de grandeur et d'humanité.

b) Le lyrisme de La Fontaine, la poésie personnelle et romantique que La Fontaine introduit dans ses fables, élargissant ainsi l'apologue antique, lequel prend désormais des formes diverses, depuis l'élégie (telles «Tircis et Amarante», « les deux Pigeons) jusqu'au discours politique (telle « le Paysan du Danube ») en passant par la satire sociale (telle « les Animaux malades de la peste »).

III.— Conclusion.— *La réserve de Sainte-Beuve est justifiée.*

Ainsi s'explique la réserve de Sainte-Beuve dans ses appréciations sur l'identité d'intérêt et de valeur à établir entre les comédies de mœurs et de caractères de Molière et les fables de La Fontaine, entre Molière et La Fontaine. Car aimer La Fontaine, ce n'est pas, dans bien des cas, la même chose qu'aimer Molière.

De toutes les œuvres classiques françaises, les fables de La Fontaine sont donc les plus curieuses à connaître quant à la hardiesse de la pensée et à la beauté d'une dialectique toute platonicienne de profondeur.

le professeur **VO-VAN-LUA.**

Lớp Dạy Vẽ

PHÉP PHỐI-CẢNH

(Tiếp theo)

1. — *Khuôn-cảnh* (Tableau) Khuôn-cảnh là một vùng không gian, bao gồm nhiều vật, nếu ta đứng yên một chỗ, mắt ta có thể nhìn bao-hàm một cách dễ dàng ; đó là khuôn-cảnh do mắt thấy (tableau visuel) khuôn-cảnh ở đây ch

nghĩa là một mặt bằng phẳng như mặt giấy chẳng hạn, trên ấy ta trình bày toàn thể hay một phần của những vật mà mắt ta bao-hàm dễ dàng.

Thí-dụ : (hình 1) Khoản giữa Họa-sĩ « S » và một vật mà họa-sĩ sắp trình bày « AB », có chắn ngang một tấm kiến (tấm kiến ấy tức là khuôn-cảnh) Ta sẽ thấy rằng hình ảnh của vật ấy hiện ra trên tấm kiến ở chỗ mà hai đường thị-tuyến SA-SB chạy từ mắt họa-sĩ đụng với tấm kiến. Đường DB đi từ chơn họa-sĩ đến chỗ vật nằm gọi là đường chuẩn (ligne directrice) của hình ấy ; C là chỗ giáp mối của tấm kiến với đường chuẩn, Khoản đứng in trên kiến CB tượng-trưng khoản cách thật sự từ chỗ tấm kiến đến vật « AB ».

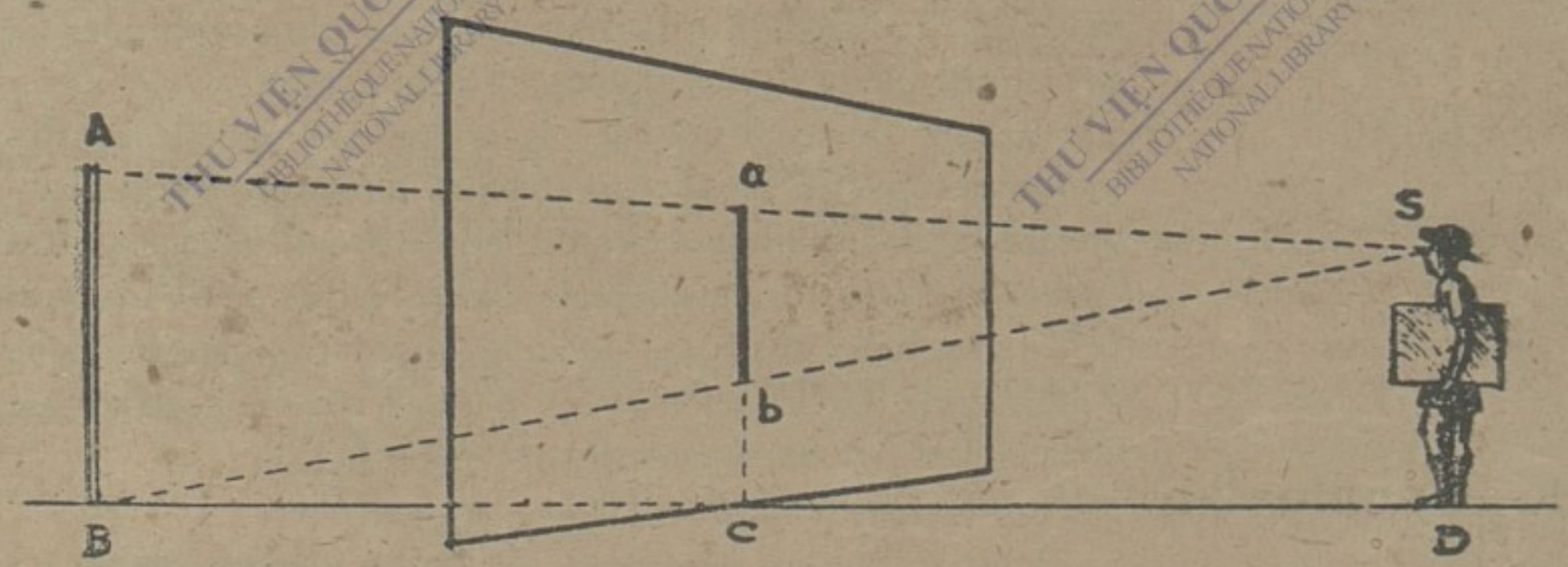

Đường tầm : (ligne d'horizon) = DT. Đường tầm đối với họa-sĩ là một lằn vắt ngang qua khuôn-cảnh do một mặt phẳng để nằm (plan d'horizon visuel) chắn ngang mắt của họa-sĩ, mặt phẳng ấy đi đến tận khuôn-cảnh và cắt ngang khuôn-cảnh bằng một nét nằm ngang ; cố nhiên cả mặt phẳng nói trên và đường mà nó cắt trên khuôn-cảnh đều do tưởng-tượng. (Hình 2)

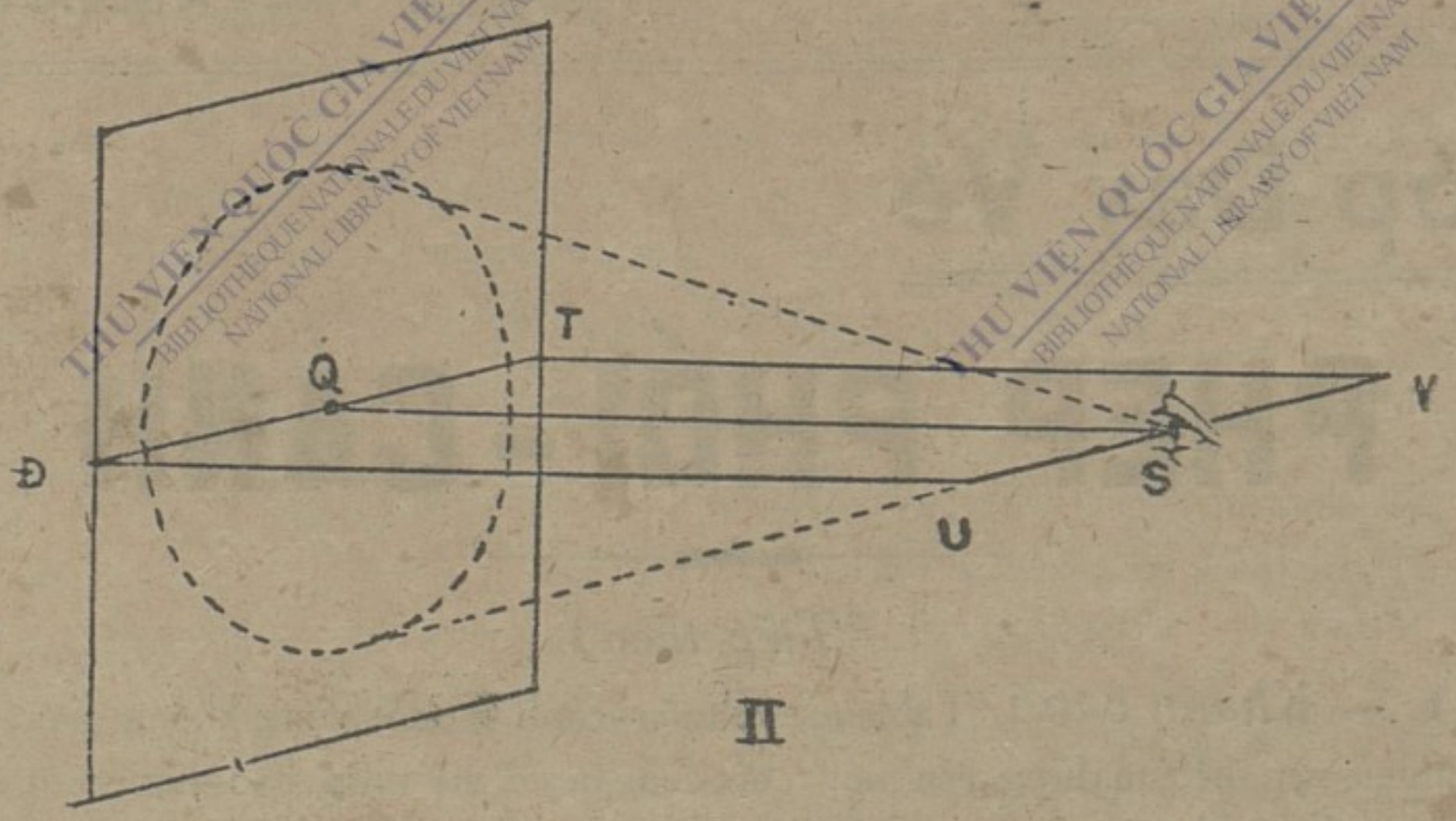

II

Thí-dụ : Ta lấy một miếng giấy bồi (carton) hình chữ nhựt bề dầy chừng ba ly, ta để miếng giấy ấy nằm ngang, chắn qua đôi mắt ta chỉ thấy bề dầy của nó thành một đường ngay không thể thấy được mặt trên hay mặt dưới. Đường ngay ấy nằm ngang trước mắt ta án trên khuôn-cảnh, nơi bị án ấy là đường tầm.

Đường tầm chỉ trông thấy rõ ở mặt biển, nơi mà ta thấy và nước dường như đụng nhau thành một lằn ngang dài, đó là đường tầm do mắt thấy (horizon visuel), Trong những trường hợp khác, họa-sĩ có thể tìm đường tầm của mình bằng cách để một cây viết chì nằm ngang trước mắt, xem trên khuôn-cảnh chỗ nào bị án, đó là đường tầm. Đây gọi là đường tầm Hợp Lý (horizon rationel).

Sự trồi sụt của đường tầm trên khuôn-cảnh định rõ vị-trí của mắt ta cao hay thấp đối với vật ta nhìn, và tùy theo đó mà những chiều-hướng về mặt sâu của vật biến đổi. (xem hình 3, 4).

Đều đáng để ý là các nhà danh-họa xưa nay, trong các tác-phẩm của mình thường lừa thế nào cho tầm mắt nằm vào 1/3 hay 2/3 của bức tranh, không khi nào để đường tầm vào khoản giữa.

(Còn nữa)

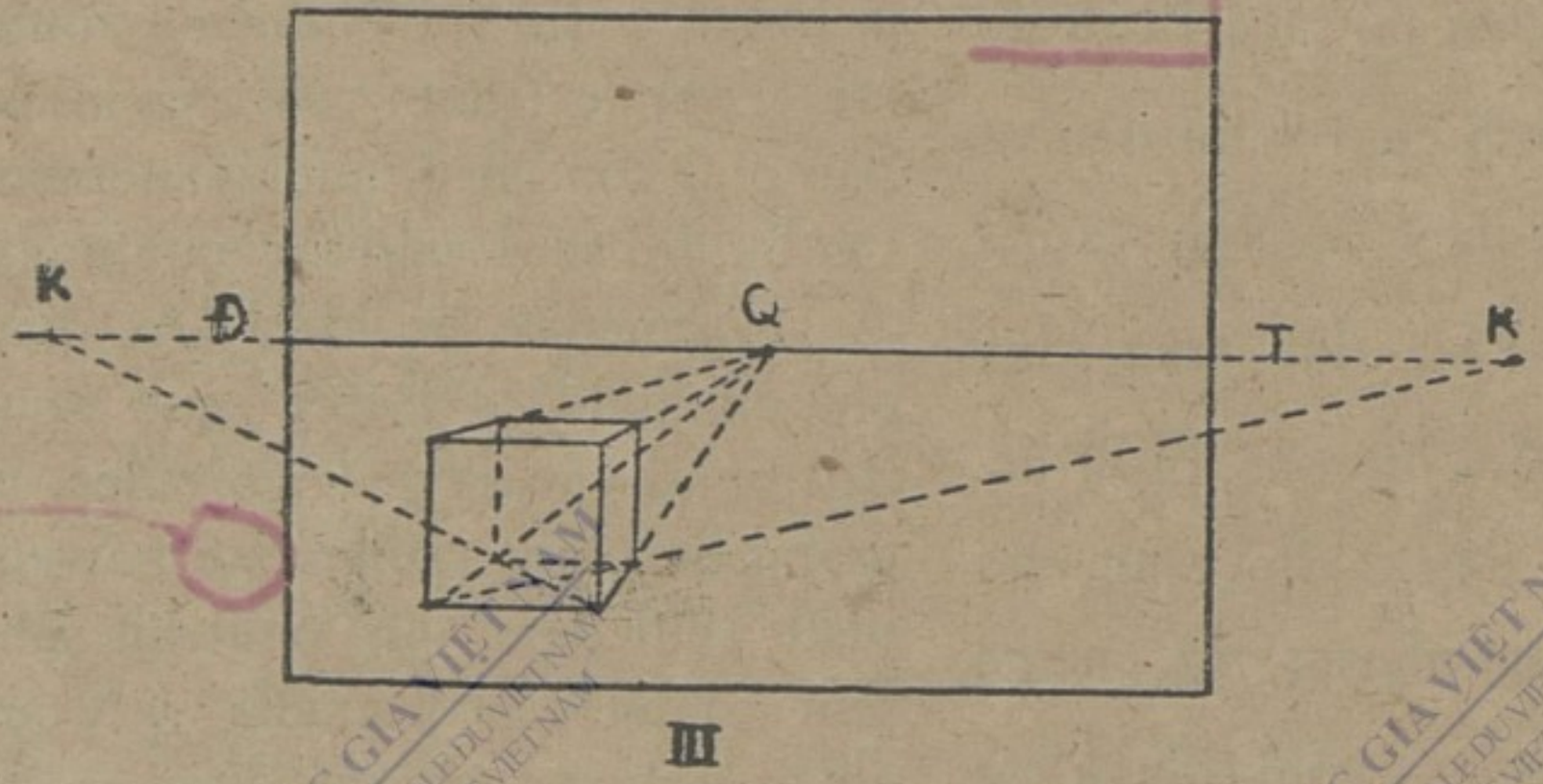

III

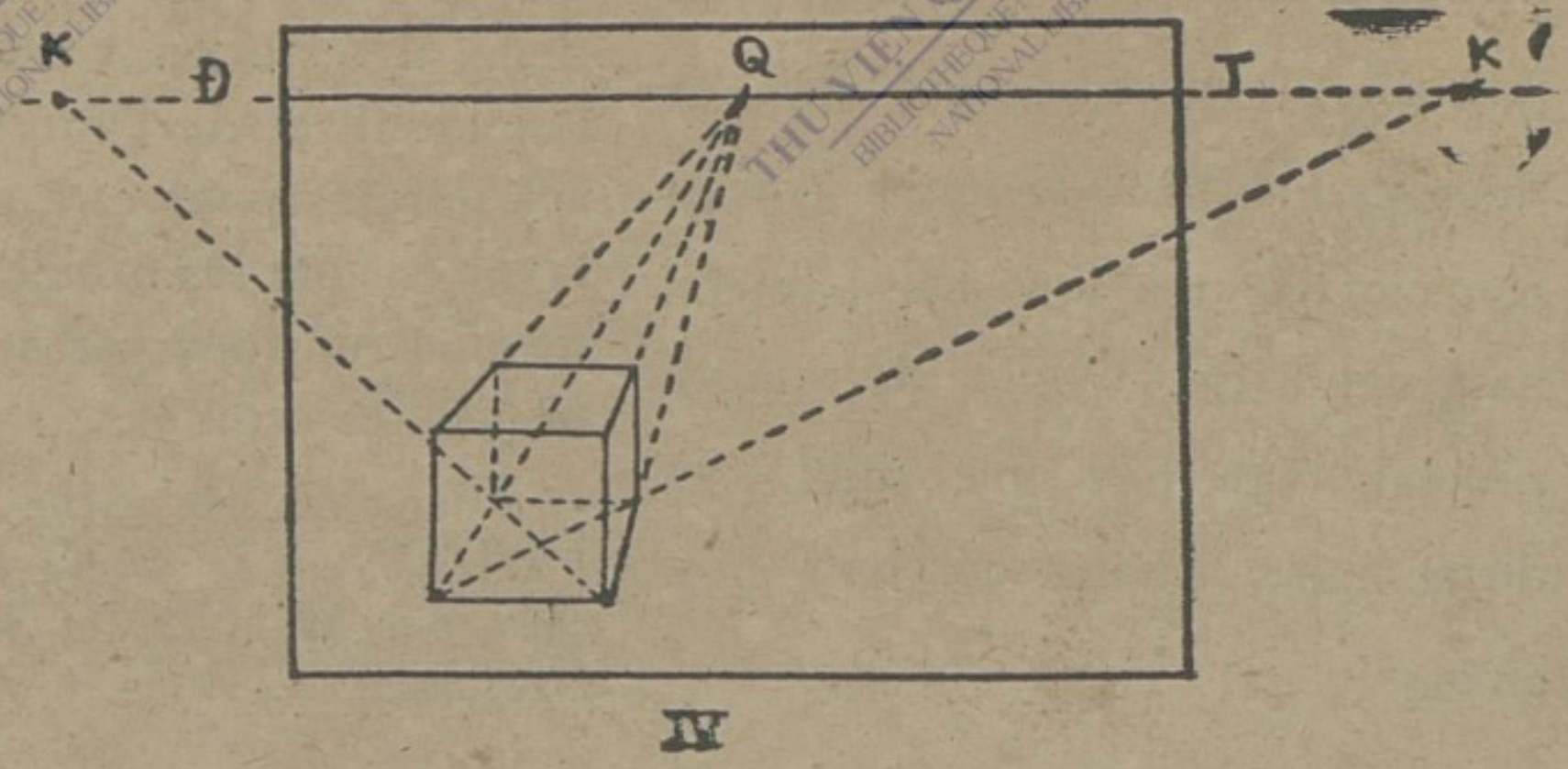

IV

THÈME

3e & 4e Année (Ban Trung học)

Không ham lợi

Vua Nghiêu muốn nhường ngôi lại cho Hứa-do, nên vời Hứa do lại mà nói « Trẫm nghe Ngài là một bậc kỳ tài đại đức, Trẫm muốn nhường ngôi lại, vậy ngài hãy kế Trẫm mà trị vì thiên hạ. Nghe xong Hứa-do cả cười rồi vội vã ra bờ sông Dỉnh-Thủy rửa tai. Ngay lúc ấy, Sào-Phủ giữ trâu cũng dắt trâu xuống uống nước gặp Hứa-do đang nghiêng mình rửa tai, hỏi tại sao. Hứa-do đáp « Vua Nghiêu vời tôi đến và muốn nhường ngôi ». Nghe xong tức thì Sào-Phủ dắt trâu lên nguồn cho uống nước. Hứa-do hỏi. Sào-Phủ đáp « Tôi toan cho trâu uống nước, nhưng sợ nước ấy bác đả rửa tai rồi thì trâu uống bẩn cả miệng trâu. Sào-Phủ còn tiếp thêm « Đi khắp nơi để cho thiên hạ biết rõ có kẻ muốn truyền ngôi cho bác mà lòng bác hãy còn ham danh lợi. Nghe để mà đi rửa tai, vậy hãy giữ mình và đừng nghe, phỏng có hay hơn chăng !

Le désintéressement

Le roi Nghiêu voulant céder le trône à Hứa Do aussitôt le manda et lui dit « J'ai entendu dire que vous êtes un homme de grand talent et de grande vertu. Je voudrais vous céder le trône, pourriez-vous me succéder pour prendre en mains le peuple » A cette proposition, Hứa-Do éclata de rire et s'empressa de descendre au fleuve Dỉnh-Thủy, se laver les oreilles. A ce même moment, Sào phủ, gardien de buffles s'y rendit en vue de leur faire boire. Voyant Hứa-Do se courber, en train de se laver les oreilles, il lui en demenda la cause. « Le roi Nghiêu a voulu me céder le trône » A ces mots, Sào phủ conduisit immédiatement ses buffles se désaltérer en amont. A la demande de Hứa-Do, Sào phủ expliqua « Parce que vous êtes venu vous laver les oreilles, je crains que mes buffles ne boivent juste cette eau qui pourrait sâlir leur mufle. Et il ajouta « Vous allez partout pour que l'on sache qu'on veut vous céder le trône, donc, il reste en vous l'envie de l'honneur et de l'intérêt. Ecouter ces paroles pour être obligé de se laver ensuite les oreilles; pourquoi ne doit-on donc pas se garder de ne pas les écouter.

Traduction de Mlle LÊ-THỊ-PHƯỢNG (3e Année P.S.) retouchée par M. CHÂU-SÁNG-THẾ Professeur.

LỪA và CHÓ

Có tài cứ giữ tự-nhiên,
Người hay gượng, ép, cố-nhiên bị cười.

Chuyện Lừa, Chó đáng xem làm gương tốt.
Lừa to đầu đến cạnh chủ-nhân-ông,
Nghĩ : « Thầy thương, không phụ những « kỳ-công »
Suốt năm, tháng, tớ oằn lưng gánh vác.
Kìa thằng Chó được mến yêu vồ-vập.
Ông vuốt-ve, Bà cho « xực » (1) tối ngày ;
Lúc vui, cười, ôm-ấp chẳng rời tay,
Mà trò khỉ chỉ quơ toi hai cẳng vịt !
Và nhảy cởn, mồm gẫu-gâu tíu-tít,
Chủ khen : « Hay ! ». cao hứng hít-hôn (2) bừa.
Còn tớ đây chẳng có mống nào ưa,
Động tí chuyện, đòn reo nghe vun-vút.
Chịu tớ có dại gì không bắt chước,
Thử xem Người mê thích đến bực nào ? »
Gặp chủ nhân khoái chí hát nghêu-ngao.
Lừa mò đến cọ mình, đầu lúc-lắc,
Và vụt cất đôi chân tầy (3) lưới cuốc,
Đưa vào càm ông chủ vuốt liên hồi.
Mồm hừ-hừ, hí-hí rú một hơi.
Người té ngửa, quát vang : « Lừa ôn-dịch !
Trẻ đâu ? Vát « Chú (4) Hèo » đem ta « bịch »,
Sửa giống này cho hết thói ngu đần.»
Gậy bay vèo. Lừa chồng vó rống ầm,
Cong đuôi, cút. Chủ phóng theo đập tưới.

LÊ-HƯƠNG

(dịch phỏng theo « L'âne et le Petit Chien »
của LA FONTAINE)

---

(1) — *xực :* tiếng Quãng-đông nghĩa là Ăn,

(2) — *hít-hôn:* Người Lang-sa hay hôn thú-vật. Người Việt ta không có thói ấy.

(3) — *tầy :* lớn bằng (vì chân lừa lớn bằng lưỡi cuốc để so sánh với chân nhỏ bé của chó)

« *Chú-Hèo* » Ông La Fontaine đặt tên tất cả thú đóng vai trong bài, đến món đồ dùng cũng thế, Ở đây ; nguyên-văn là « MARTIN BÂTON », nhưng Người dịch phỏng theo, để « chú « cho có vẻ khôi-hài.

KIM VÂN KIỀU

CHU, BÌNH và GIANG

của TRÚC KHANH
PHẠM-THẾ-ĐIỂN

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

Lạ gì « bỉ sắc tư phong (1)
Tời xanh quen thói má hồng đánh ghen (2)
Cảo thơm lần gió trước đèn. (3)
Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh (4)
Rằng Năm Gia tĩnh Triều Minh (5)
Bốn Phương phẳng lặng (6) hai kinh vững vàng (7)
Có nhà Viên Ngoại họ Vương (8)
Gia tư nghĩ (9) cũng thường thường bậc trung (10)

dịch Pháp Văn

— Quoi de surprenant dans cette loi des compensations qui veut que l'abondance ne se manifeste quelque part que comme pendant d'une pénurie qui se manifeste autre part ?

— Le ciel bleu a contracté l'habitude de livrer avec les joues roses le combat de la jalousie.

— En feuilletant un à un, devant ma lampe, ces bons vieux manuscrits.

— Je suis tombé par hasard sur les extraits d'anciens textes sur les « Amours frivoles » qui nous révèlent dans leurs tablettes de bambou.

— Que sous règne de Giatĩnh de la dynastie des Minh,

— Le calme et la tranquillité régnaient aux quatres coins de l'Empire et les deux capitales (Pékin et Nankin) vivaient dans une quiétude absolue.

— Il y avait un certain Viên Ngoại du nom de Vương,

— Dont la situation de fortune était plutôt moyenne ;

CHÚ

(1) *Bỉ* : kia ; sắc : kém ; tư ấy; phong : hơn. Ý nói kẻ ở đời đã được cái nọ thì mất cáikia. Sách có câu : « Phong vu bỉ, sắc vu thư » nghĩa là : Được cái nọ, hôngcái kia. Phong vu tài, sắc vu ngộ : được về tài hỏng vì duyên.

(2) *Tạo hóa* ghen với người đàn bà đẹp.

(3) *Cảo thơm* là cuốn sách hay.

(4) *Phong-tình cổ lục* là sách ngày xưa chép vào mảnh tre xanh.

(5) Năm Giatĩnh là niên hiêu đời nhà Minh bên Tàu.

(6) *Bốn phương phẳng lặng* : là ý nói thời thanh bình yêm thắm,

(7) *Hai kinh* : là Namkinh và Bắckinh. Bây giờ là Bắc Bình.

(8) *Vương Ngoại* : là người giàu có.

(9) Có bản chép là « *nghĩ* » nghỉ là « hắn ta » là nó, tiếng nói của người tmiền Trung, nhưng *nghỉ* thì trúng hơn, nghĩa là nhà cửa nghĩ cũng thường...

(10) Bậc Trung la khá giả không nghèo lắm mà cũng không giàu lắm : rung bình.

BÌNH

Như số 8 đã nói, bốn câu trên là Cụ Nguyễn Du mở đầu đến câu thứ 5 là ý cụ định mở đầu 1 thiên truyện tình mà « khách má hồng » làm giai Chính trong truyện.

Bây giờ Cụ mới bắt đầu rằng : Cảo thơm lần giỏ trước đèn những cuốn phong tình còn truyền rành rành ra kia, và sách chép rằng :

— « Rằng Năm Giatĩnh Triều Minh » trời hòa bình lắm ! Nhân dân yên thấm làm ăn, Nam Kinh và Bắc Kinh rất vững vàng...

Thế rồi... Có một nhà Viên Ngoại kia họ là Vương, gia tư bấy giờ kể ra cũng thường bậc trung không hẳn là phú hộ mà củng không là nghèo nàn lắm,

(Còn nữa)

T. Kh. P. T. Đ.

Mes chers lecteurs.

Vous trouverez dans le numéro suivant le Problème d'Algèbre et le 2e sujet de Français : « Quels sont les genres littéraires nouveaux qu'a créé le XVIIIe siècle. A quels nouveaux besoins répondaient-ils ?» au Bacc. (1re Partie) session Juillet 1950).

TINH HOA VĂN HỌC

Cổ thi : Thơ xưa

Nhứt thốn quang âm (1) *nhứt thốn kim :*
Một tấc quang âm một tấc vàng,
Thốn kim nan mãi thốn quang âm :
Tấc vàng không chuộc tấc quang âm,
Quang âm thất cước vô tầm xứ :
Quang âm lặn mất không nơi kiếm.
Thất thốn kim do hữu xứ tầm.
Mất tấc vàng đi có chỗ tầm.

(1) *Quang âm* : Ánh sáng và bóng tối – Ngày giờ (hết sáng rồi tối, hết tối rồi sáng.)

Cần huấn :

Trị sinh chi đạo mạc thượng hồ cần. Cố Thiệu tử vấn : « Nhất nhựt chi kế tại ư thần, nhứt tuế chi kế tại ư xuân, nhứt sinh chi kế tại ư cần, ngôn tuy cận, nhi chi tắc viện hy. Vô như nhân chi thường tình, ố lao nhi hiếu dật, cam thực du y, ngoạn nhựt khiết tuế ; dĩ chi vi nông, tắc bất năng thâm canh nhi dị hậu, dĩ chi vi công, tắc bất năng kế nhựt nhi hiệu công ; dĩ chi vi thương tắc bất năng thừa thời nhi xu lợi ; dĩ chi vi sĩ, tắc bất năng đốc chí nhi thực hành, đồ nhiên thực tức ư thiên địa chi gian, thị nhứt đỗ nhĩ. Phù thiên địa chi hóa nhựt tân tắc bất tế, cố hộ xu bất tế, cố hộ xu bất đỗ, lưu thủy bất hủ, thành bất dục kỳ thường an dã. Nhân chi tâm dử lực hà độc bất nhiên ? Lao tắc tử, dật tắc vong : vật chi tính dã. Đai-Vũ chi thánh, thả tích thốn âm, Đào khản chi hiền, thả tích phân âm, hữu huống hiền thánh bất nhược bỉ giả hồ ?

Dịch nghĩa

Lời khuyên về sự siêng năng

của **Lý-văn-Chiểu**

Đường tìm kế sinh nhai (trị sinh) chẳng có đường nào hơn sự siêng năng. Vậy nên Thiệu tử nói : « Buổi tốt nhứt của một ngày ở tại buổi sáng ; mùa tốt nhứt của một năm ở tại mùa xuân ; sự tốt nhứt ở đời ở tại sự siêng năng. »

Lời tuy gần mà ý thì sâu xa vậy. Thế nào (vô như : không cách nào tránh khỏi) tính thường người ta cũng là ghét làm mệt nhọc mà ưa được thong thả ; ăn ngon mặc đẹp, vui đùa cả ngày, nghỉ cả năm ; bắt họ làm việc người nông, thì họ không chịu cày sâu cuốc bẫm ; bắt họ làm người thợ, thì họ không biết tính toán ngày giờ để được thành công, bắt họ làm người buôn bán thì họ không biết thừa thời cơ mà đeo đuổi mối lợi, bắt họ làm kẻ sỹ (học trò) thì họ không biết bền chí mà ra sức thực hành. Luống những biết ăn, nghỉ trong khoảng trời đất ; ấy là một con mọt vậy. Ôi ! Sự biến hóa của trời đất hễ mỗi ngày mỗi mới thì không bị hư nát. Vì vậy (cố) cho nên chốt cửa không bị mọt ăn, nước chảy không bị đọng thối. Thật ra không muốn thường yên một chỗ vậy. Chỉ có tấm lòng và sức lực của con người, sao lại không như thế ? Làm việc thì sáng ý, ta ở không thì quên mất, ấy là sự tự nhiên của sự vật vậy ?

Thánh như Đại Vủ, còn tiếc tấc bóng, hiền như Đào Khản còn tiếc phân bóng ; phương chi (huống hồ) hiền thánh lạikhông bằng các ông ấy nữa kia !

(*bóng* : bóng sáng mặt trời, nói phải cần tiếc thì giờ làm việc.

---

10 LỜI KHUYÊN NÊN GIỮ

1°) Việc con làm được hôm nay chớ giam đến ngày mai.

2°) Con đừng chi phí tiền bạc trước khi con được lợi.

3°) Con chớ mua vật gì vô ích vì lẽ rằng « rẻ ».

4°) Con đừng tiếc vì ăn chưa no.

5°) Sẵn lòng làm việc thì không biết mệt.

6°) Việc con làm được thì chớ mượn kẻ khác làm.

7°) Tính khoe khoang và kiêu hảnh làm cực ta hơn sự đói khát.

8°) Con khởi hành việc ngay từ lúc đầu.

9°) Con đừng để mình áy náy và lo sợ vì 2 mối đó chỉ ở trong trí về và không khi nào xảy đến.

10°) Khi con không bằng lòng ai thì trước khi nói phải đếm đến 10 ; mà khi con giận thì phải đếm tới 100.

TỪ-TƯƠNG ĐÔNG-TÂY

« HỌC VẤN »

— Muốn viết giỏi ta nên đọc nhiều sách hay.

— Học-vấn là để cho tâm tư và đạo-đức càng ngày càng đi đến chỗ hoàn thiện.

— Tâm trí mở-mang nhờ học hỏi, thân-thể nẩy-nở nhờ tập thể-thao.
— Chất phác quá thì ra quê mùa, văn-hoa quá thì ra hào-nháng.
— Kẻ ngu thích nói, người trí thích im.
— Bất cập là dở, mà tháy quá cũng không hay.
— Nhờ đọc nhiều trí-tuệ được tiến hóa và mở-mang.
— Nghe cho nhiều, rồi chọn điều phải, và làm cho kỳ được ; xem cho rộng, rồi ghi nhớ lấy để suy xét cho tường.
— Học quan sát, là một thuật (1) lâu nhất và khó nhất.
— Tính người lúc mới sanh không khác nhau mấy chỉ vì tập quen hay thì hay, tập quen dở thì dở.

L.H.

Sao lục

(1) *Thuật :* phương pháp.

TRANG THỂ-DỤC

« Cần Học » đã cố-gắng giúp các Bạn Học-sinh, công-chức và công-nhơn giồi mài *Trí-tuệ*. Mới đây, các bạn đã được đọc Quyển « Rương vàng của con tôi », do ông Nicola Trương-vĩnh-Tống, nhà triết-học trứ danh soạn ra và hiến cho quí bạn để trao giồi *đức-dục*.

Nay, « Cần Học » rất hân-hạnh được ông Nguyễn-văn-Đoan, Giám-đốc Thể-dục Nam-Việt, hiến cho mục *Thể-dục* để khuyến-khích và thêm ý kiến cho các bạn ham mộ thể-dục và thể-thao. Ước mong mục nầy sẽ giúp ích cho thân xác của các bạn, hầu được đúng như câu châm ngôn latinh : Mens sana incorpore sano : Xác khoẻ mạnh thì trí nhẹ-nhàng...

o°o

Tập thể dục thế nào ?

Ta thường nghe và trông thấy « tập thể dục » và học trò các trường sơ đẳng và trung đẳng thường chơi thể thao. Các hội nầy hội nọ thường mỗi chủ nhật, ngày lễ rủ nhau đi đá banh, bơi lội, hoặc đi cắm trại chạy nhảy vui đùa.

Vậy ích lợi và phương pháp vận động đó ra sao ? Nhiệu trò tưởng là hiểu biết rõ nhưng phần động chỉ là hiểu biết sơ qua, nhất là ở những nơi xa lánh có khi lại không biết tới, vì sân vận động không có người huấn luyện và kẻ ham mộ không sẵn.

Ngồi trên ghế học sinh, chúng ta trau giồi cho trí-tuệ để mở mang tầm kiến thức chưa đủ ! Vì con người sống ở đời cần cái bản thân hùng mãnh đi đôi với cái trí-tuệ mở mang. Luyện tập cho thân thể tráng kiện và để tháo vát muôn công việc tay chân tức là ta gây một căn bản vững chắc cho tinh thần. Bằng chứng là một người mạnh không dụt dè sợ sệt trước một công việc phải làm.

Thân thể cần phải có những năng lực nào ? Hình thể của ta cần phải cân đối nghĩa là vai không thiên lịch,lưng không gù, ngực không lép, bụng không thưởn...

Thể chất của ta phải trong sạch nghĩa là sự hô hấp khoáng đạt sự tiêu hóa điều hòa, giồng máu tươi hồng.

Thể năng ta phải dồi dào nghĩa là khi hữu dụng ta có tốc lực (vitesse), mãnh lực (force), thăng lực(détente) trường lực (résistance)

Thần năng ta phải phát triển nghĩa là can đảm, tĩnh chí (sang-froid), bạo dạn (audace) nói tóm lại tinh thần phải anh dũng (virilité).

Hết thảy những đức tính đó làm cho thân thể ta hoàn hảo, mỗi khi động dụng ta có đủ điều kiện để tháo vát (débrouillage).

Có người sẽ hỏi, vận-động theo phương pháp gì mà bảo đảm được bấy nhiêu điều hữu ích ?

Để tránh sự dẫn giải những lý thuyết dài giòng, chúng ta bắt tay vào việc, nghĩa là tôi trình bày vấn đề kỷ thuật vận động để áp dụng ngay rồi kết quả của sự vận-động sau này sẽ tự giải thích vấn đề lý thuyết.

Trước khi nhập đề kỷ thuật, ta nên hiểu rõ điểm này : luyện tập thân thể để làm phát triển những tiềm lực sẵn có và làm xuất pháp những đức tín thiếu sót. Còn áp dựng những năng lực của ta là một việc kế tiếp. Ta không thể đảo ngược thứ tự đó được, vì cái hại xảy ra chắc chắn. Ví dụ một thanh niên không luyện tập trước mà cởi áo quần nhảy xuống sông mong lội băng sông thì không cần nói cũng sẽ thấy kết quả. Con trẻ chưa đủ hơi thở đã bắt chạy hàng ngàn thước thì

lỗi đó do sự không biết phương pháp. Vậy ngoài cái điểm luyện tập rồi áp dụng còn vấn đề phương pháp.

Nói tới phương pháp thể dục ta liền tưởng ngay tới khoa học Khoa động vật sinh lý học là cái chìa khòa mở đường cho ta tập luyện thân thể. Cũng để tránh sự dài giòng lý thuyết mà sau đây tôi trình bày những lệ luật tập luyện hợp lý để ta áp dụng ngay. Saú khi đã toát yếu những lệ luật luyện tập hợp lý, tôi sẽ trình bày những kỷ thuật vận động.

(Còn nữa)

NGUYỄN-VĂN-ĐOAN
Giám đốc sở thể dục trung ương
Nam-Việt

Tủ sách gia-đình

PHÁP-VĂN THỰC-HÀNH VÀ BỔ-TÚC

Leçons Pratiques de Français

Trọn bộ là 4 quyển số 1, 2, 3, và số 4. Mỗi số 7$.

Là một bộ sách quí giá cho gia đình và con, em.

Trọn bộ sách Khoa-Học

ÁI-TÌNH BỬU-GIÁM I

ÁI-TÌNH và SẢN-DỤC II

Của Bác-sĩ Byrnes

Dịch và Bổ chính Phạm-Hoàng

Giá mỗi bộ là 27 $. Giá ở Ngoài : 30$

Các sách kể trên qui bạn muốn mua, xin viết thơ và ngân-phiếu về : Phạm-văn-Sơn. Hộp thơ số 286 Saigon.

RƯƠNG VÀNG CỦA CON TÔI

Tác giả : **Ông N. Trương-vĩnh-Tống**

CHƯƠNG THỨ I

ĐẠO THỜ CHA MẸ *(tiếp theo)*

Tử-du là người chỉ biết nuôi cha mẹ mà thiếu ý kính-thờ cho nên ngài đối với câu thầy ta hỏi đạo hiếu, thì đáp rằng : « Ngày nay họ kêu là hiếu, chị bảo là biết nuôi, vậy thì đến như con chó con ngựa nó cũng đều có sự biết nuôi nếu chẳng có ý kính-thờ thì lấy chi mà phân biệt ».

Tử-Hạ là người chỉ biết hầu-hạ nuôi-nấng cha mẹ, mà thiếu vẻ hòa-vui cho nên ngài đối với câu thầy ta hỏi đạo hiếu thì đáp rằng : « Đối với cha mẹ khó về vẻ mặt hòa-vui, chớ như cha mẹ có việc gì mà mình phục hầu khó-nhọc ; hay là mình có rượu thịt mà đem dưng-biếu cha mẹ, có thể lấy đều đó làm hiếu được sao ? »

Hãy coi qua mấy chương trên đây, đã đủ thấy đạo hiếu là vô cùng, kẻ làm con dầu có một tiết hay, một lẽ phải, cũng chưa dễ tâu là vẹn hiếu. Tuy vậy mình cứ miễn hết lòng mình, biết phận mình là được, vì kẻ đã hết lòng mình, biết phận mình, biết phận mình, thì suy ra trăm việc đều hạp, sẽ không phạm vào những bịnh như mấy nhà hiếu-tử khuyết-diểm đã kể trên đây.

Cái tinh-thần đạo hiếu thì vẫn rất sâu-xa, mà cái hình-thức thì hiện ra ở sự phụng-dưỡng. Làm con mà không biết phụng-dưỡng cha mẹ, thì bởi đâu mà thấy được lòng hiếu của mình ?

Cái đó là sự-lý đương nhiên, nghĩa là cha mẹ sanh ra mình từ thuở trẻ thơ, ngày nay mình đã lớn khôn, mà cha mẹ tác yếu tuổi già, thì mình phải nuôi trở lại. Con quạ còn biết tha mồi nuôi trả mẹ nó, huống chi là con người Mà sự phụng-dưỡng cha mẹ thì đều tùy theo sức của mình. Nhà sang-giàu phụng-dưỡng bằng ngàn tứ muôn chung, cũng chưa là hậu, vì sẵn có ơn vua lộc nước, hay là đem của cha mẹ mà phụng-dưỡng cha mẹ, nào có khó gì ? Còn như nhà nghèo-khó, thì cha mẹ ăn ở bần-chật đã quen, con mắt không từng ngó thấy chi là đồ phục-thực cao-sang, thì dầu phụng-dưỡng bằng : quần vải áo bô, cháu đậu canh rau, cha mẹ cũng không trách-bị. Như vậy thì phụng-dưỡng cha mẹ về phần hình-thức vẫn đều là sự dễ, chỉ khó nơi tinh-thần là tấm lòng thành kính mà thôi. Sự phụng-dưỡng cha mẹ là đem hình-thức ngụ tinh-thần, gởi tinh-thần ở hình-thức, cho nên bất cứ nhà sang giàu hay là nhà nghèo khó, phụng-dưỡng bằng đồ sang hay là hèn mặc dầu, phải miễn hết tấm lòng thành kính, thì phàm những đồ phục-dụng ẩm-thực, đều trước phải cung-phụng cho

COMMISSARIAT DE FRANCE POUR L'INDOCHINE DIRECTION DES ARCHIVES ET DES BIBLIOTHEQUES HANOI-SAIGON

cha mẹ, rồi mới tới mình và vợ con ; và lúc dậy, lúc nằm, lúc mạnh, lúc yếu, không lúc nào là chẳng để ý đến cha mẹ, cái tinh-thần không lúc nào rời ra khỏi cha mẹ, đó tức là nghĩa Thờ cha mẹ được hết sức mình.

Cha mẹ mong nhờ con nuôi, đại để từ thời-kỳ năm, sáu, bảy chục tuổi trở lên, chơn chậm, mắt lòa, đồ thực-dụng không kiếm lấy được, phải nhờ có con cung-cấp,mới cầm lại được cái hơi thở hòng tàn, kẻ làm con đối với cha mẹ về thời kỳ nầy, cái ngày quá khứ rất nhiều, cái ngày tương lai rất ít, trông gương tơ tuyết(1), xiết đỗi kinh-hoàng!Nếu không thừa lúc nầy mà phụng-dưỡng được được ngày nào, rồi sau đây giọt sương ngọn cỏ phút khô, bóng đuốc trước gió vụt tắt, trên trời dưới đất, tìm kiếm không nơi, chừng đó mới kêu trời la đất mà than câu : Cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng..., ăn năn đã muộn !

Làm con muốn báo hiếu cha mẹ, thì miễm hết tâm lực mà phụng-dưỡng cha mẹ ở lúc còn sống, chớ sau khi đã thác, thì dầu tam sanh ngũ đỉnh, ma lớn giỗ to, chỉ là đồ no bụng người sống, đẹp mắt người sống mà thôi, có ích gì cho thể-phách tinh-anh của cha mẹ ?-Vì thói đời thường không biết nuôi cha mẹ lúc còn sống, mà khoe-khoang với đời sau khi đã thác, nên tục mới có câu-biếm nhẻ rằng ;

Lúc sống thì chẳng cho ăn,
Tới khi đã thác. làm văn-tế ruồi.

Vậy sự phụng-dưỡng cha mẹ là bổn -phận của kẻ làm con, miễn làm sao cho cha mẹ được vui-vẻ yên lành thì lòng con mới vui-vẻ yên-lành được, vì nuôi cha mẹ là nuôi cơ thể chung của mình đó, chớ chẳng phải sự tử tế thảo lảo gì. Cẻ làm con thử ngoái đầu trở lại mà nghĩ coi : cái lúc mình chưa ra đời, thì thân mình ở chỗ nào ? Nguyên với cha mẹ đồng một trái tim, một cục thịt, một điểm cốt huyết, thì ngày nay há nên phân-tách thân mình với cha mẹ mà ăn ở hai lòng hay sao ! Cho nên sự nuôi cha mẹ chẳng những nuôi khẩu thể mà thôi, còn rất trọng về lẽ nuôi tâm chí nữa. Nuôi khẩu thể là chỉ lo sắm thức ăn đồ mặc, cầu cho cha mẹ được ấm no ; đến như nuôi tâm chí thì phải lấy lòng cha mẹ làm lòng mình. mà chiều theo ý muốn của cha mẹ. Đây dẫn ra một chuyện nuôi cha mẹ của một nhà họ Tăng, thì thấy sự nuôi tâm chí với sự khẩu thể khác nhau :

(Còn tiếp)

---

(1) Thơ Lý-Bạch : « Quân bất triển cao đường minh kính bi bạch phát, chiều như thanh ti, mộ như tuyết ».

(Người chẳng thấy tấm gương sáng trên thềm cao thương tóc bạc, sớm như tơ xanh, chiều như tuyết) — Nghĩa là đời người mau già. Rồi đời sau nhơn chữ cao-đường mà dùng làm nghĩa : cha mẹ đã tới tuổi già.

CONTE NORVÉGIEN

A chacun son métier.

Il y avait une fois un mari grincheux et querelleur, qui n'est jamais satisfait de la besogne que faisait sa femme dans la maison. Un soir qu'il revenait des champs, il cria et gronda tant que sa pauvre femme lui dit :

— « Alors, mon homme, ne sois pas si fort en colère. Si tu veux, nous changerons de besogne. Tu prendras ma place au logis, tandis que j'irai dans les champs faire ton ouvrage »

Le mari consentit à cet arrangement en riant de bon coeur. « Belle histoire ! pensait-il en lui même. Dix femmes ne sauraient faire autant d'ouvrage qu'un homme.

Donc, le lendemain, de grand matin, la femme partit pour les champs, la faux sur l'épaule. Le mari, resté seul à la maison se mit à l'oeuvre pour faire du beurre ; mais, après avoir battu la crème pendant quelques minutes, il se sentit altéré et descendit à la cave pour tirer de la bière.

Tandis que sa chope se remplissait, il entendit un chien entrer dans la cuisine, et dans la crainte qu'il ne culbutât la baratte,notre homme remonta bien vite pour chasser l'animal importun et ne prit pas le temps de remettre le fausset(nút thùng rượu)

Mais la baratte était déjà renversée, et le chien léchait la crème répandue à terre !

A cette vue, notre homme entra dans une telle fureur qu'il oublia le tonneau de bière et se mit à poursuivre le chien à toutes jambes. Puis, remarquant qu'il avait encore le fausset à la main,il retourna précipitamment à la cave.Mais il était trop tard le tonneau était vide, toute la bière avait coulé.

Alors la vache, par ses meuglements, demanda à aller aux champs. L'homme la conduisit sur un talus (bờ mầu) auquel était adossée sa maison, et, pour l'empêcher de vagabonder, il lui passa autour du cou une corde dont il jeta l'autre bout par la cheminée. Et rentrant bien vite dans la cuisine, il attacha la corde àla jambe.

Mais la vache glissa sur le talus et tira brusquement la corde qui entraina l'homme dans le tuyau de la cheminée. Il y resta suspendu, la tête en bas, criant comme un fou, se battant avec les murs noirs de suie (mò hóng) tandis que la bête gesticulait (con bò vùng vẫy) sans pouvoir se remettre sur ses pieds.

Quand la femme, en revenant à la maison, vit la vache dans cette triste situation, elle se hâta de couper la corde avec la faux, et l'homme, dégringolant dans la cheminée(tuột xuống ống khói) tomba la tête.

Cette expérience lui suffit. Le lendemain, il partit, la faux sur l'épaule, laissant à sa femme les soins du ménage.

Pensées

L'homme sage marche dans la Voie de la Vertu. Faire la moitié du chemin et défaillir, c'est ce que je ne peux faire.

Ne dites point qu'il faut tromper les hommes au nom de Dieu : se serait le discours d'un diable s'il y avait des diables.

VOLTAIRE

La meilleure manière de se venger, c'est de ne pas se rendre semblable aux méchants.

MARC AURELE

Je crois invinciblement que la science et la paix triompheront de l'ignorance et de la guerre ; que les peuples s'entendront, non pour détruire mais pour édifier et que l'avenir appartiendra à ceux qui auront le plus fait pour l'humanité souffrante.

Tư-tưởng

Người quân tử noi theo con đường của Đạo đức mà tiến bước, Đi nữa đường rồi bỏ đó là điều ta không thể làm được.

Chẳng bao giờ nên mượn quyền của đứng Tối cao, Tối đại (Thiên Chúa) để lừa dối thiên hạ ; vì đó là lời nói của yêu tinh, nếu loài yêu tinh ấy có thật,

Cái cách trả thù hay nhứt là không nên cư xử như kẻ hung tàn.

Tôi tin chắc-chắn là khoa học và hòa bình sẽ đánh bại được thô lậu và chiến tranh ; các dân tộc sẽ hòa hợp với nhau, không phải để phá hoại mà để kiến thiết, và tương lai sẽ về phần những ai đã làm lợi ích hơn hết cho nhân loại đang rên siết kia.

CHÂU-SÁNG-THẾ

Giáo-sư.

HIỆU NOVA

MAY Y-PHỤC
và
CHEMISE

Sang Pháp và trong xứ rất danh tiếng khắp nơi.
Có nhiều hàng vải đẹp vừa ý quí ngài.

33, đường SABOURAIN
Gần chợ SAIGON

Giây nói : Cardi, 435

Nhà sách TÙNG QUANG

159, đường Lê-Lợi -:- SAIGON

Tại đây có bán đủ các thứ sách Việt-Ngữ, Pháp-văn, đồ dùng của học trò và bản nhạc bốn phương.

Lại cũng có cho mướn sách, tiểu thuyết, truyện cũ và mới.

Xin mời quí Ngài chiếu cố.

Cùng bạn đọc thân yêu!

« Vạn sự khởi đầu nan » câu ca dao mà chúng ta thường nói và cũng nghe lập đi lập lại mãi.

Bốn tháng vừa qua, Cần-Học gặp nhiều trở ngại, lắm nỗi khó khăn về các phương diện. Song nhờ lòng nhiệt-thành và hy-sinh của các ông Giáo-sư cộng-tác với sự ủng-hộ của quí bạn đọc mà Cần Học đứng vững đến tập XI.

Từ đây Cần Học cố gắng lựa chọn bài vở và thêm nhiều mục khoa-học cũng như văn-chương để mong giúp ích các bạn Học-sinh, công-chức, và công-nhơn. Lại nữa, để bù đắp vào những chỗ khiếm-khuyết về biên tập cũng như ấn-loát trong 10 tập trước, thì từ nay Cần Học nhờ ông chủ Ấn-quán Nam-Hưng hết sức chu-đáo về việc ấn-loát và trình-bày các bài vở cho quí bạn đọc được hài lòng.

Cần Học trân-trọng cảm ơn quí bạn đọc đã mua dài hạn, và xin quí bạn đọc nào đã mua báo 3 tháng, kể từ số I đến số XII, vui lòng mua tiếp để ủng-hộ tờ báo được sống vĩnh viễn...

C. H.

Giá mua dài hạn

Saigon–Chợlớn	L.T.	T.B.M.L.
3 t. : 12 số	50$	52$ 65$
6 » : 25 »	100$	104$ 125$
12» : 50 »	200$	208$ 250$

Thơ và ngân phiếu xin đề :

Mr NGÔ - VAN - THANH

165, Bd de la Somme -:- Saigon

HỘP THƠ

Cùng bạn đọc Cần Học đã gởi thơ đến tòa soạn ngày 20-7-50 — mà ký tên không rõ và không cho biết địa chỉ — yêu cầu đăng trên báo bài Sciences trong kỳ thi Brevet d'Etudes du 1er. Cycle du Second Degré.

Song vì chúng tôi xét thấy bài Sciences cũng như Histoire và Géographie đã có trong sách và học thuộc lòng, nên không cần phải đăng trên tờ báo mà choán trang.

C.H.

Giấy phép số 267/T.X.B.
Ngày 24 tháng Bảy 1950 d. l.

—:— In tại Ấn Quán —:—
— **NAM - HUNG** —
165, Bd. de la Somme -: SAIGON.

HỌC ĐỂ PHỤNG SỰ CHÁNH

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES

CẦN HỌC

TẬP XII

44 TRANG

với sự hợp-tác của quí ông :

Trương-v-Tống	*Nhà học-giả*
Vỏ-văn-Lúa	*Giáo-sư Pháp-văn*
Ngô-tấn-Huỳnh	— —
Trịnh-văn-Mai	— —
Trần-văn-Lâm	— —
Vủ-hữu-Tiềm	— *V. N.*
Trí-Đức	— *T.H.A.V.*
Châu-sáng-Thế	— *Anh-Văn*
Nguyễn-v-Đoan	*G. D. Thể-dục*
Trúc-Khanh	*Thi-sĩ, văn-gia*
Quốc-Ấn	—
Nam-Hồng	—
Lê-Hương	—
B. Truyền	—
Lưu-đình-Khải	*G.Đ.T. Mỹ-thuật*
Bùi-văn-Kỉnh	*Giáo-sư Hội-họa*
Thái-văn-Cẩn	— —
Trần-đình-Nhu	— *Hoa-văn*
Thiếu-l-Quân	— *Tốc-ký V.N.*

Tòa soạn : **165 Bd. de la Somme**

Téléphone : 21.309

SAIGON

Giá { *Nam-bộ* **5$00** ; *Trung, Bắc, Miên.* **6 00**

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Cần học rất hân-hạnh nhận được nhiều bài của quí bạn đọc khắp nơi gởi đến để tỏ lòng nhiệt thành hưởng-ứng cuộc thi Cần Học.

Nay Tòa-soạn đã xét thấy bài của cô Tuyết-Hoa đã gởi đến ngày 24 - 7 - 50 có giá trị, nên Cần Học hân-hạnh đăng bài của cô vào tập nầy.

Rồi đây lần lượt sẽ đăng tiếp các bài của quí bạn đọc khác.

GIẢNG-NGHĨA VÀ BÌNH LUẬN 2 CHỮ CẦN HỌC

Là người, ta phải «cần học» vì học là một bổn phận, người mà không học thì chẳng hơn loài cầm thú (nhân bất học, bất như vật). Vậy muốn xứng với danh từ «người» ta phải "cần học" hầu trí-khôn và lý-trí được nẩy-nở. Tại sao ta quả-quyết nói sự học-vấn rất cần ? Phải chăng rất cần. vì có học mới mong lấy được bằng-cấp và chiếm địa-vị cao ? — Thật hoàn-toàn sai. Vậy, ta ihử so-sánh đời sống vừa vật-chất lẫn tinh-thần của người có học và người dốt.

Đời sống của người có học

— Họ được sở-thích chọn nghề vì rất có nhiều nghề, chỉ người có học mới làm nổi.

— Trong các ngành hoạt–động, người trí-thức phần nhiều chiếm được phần ưu-thắng đó rồi đạt được mục-đích chắc-chắn. Vì thế mà các cấp cán-bộ do người có học thuộc quyền điều-khiển.

— Họ được nhiều thú vui về tinh-thần như đọc sách để giúp họ tư-tưởng và kiến-văn thêm rộng trong lúc người dốt vẫn hủ-lậu, vẫn đầu độn.

— Họ rất thận-trọng trong các hành-vi tư tưởng, họ hiểu được dây liên-quan giữa các phần-tử trong xã-hội và trong đó nhận định được trách-nhiệm mình.

Đời sống của người dốt

— Thật rất đáng thương-hại vì hầu-hết chỉ đành lảnh lấy những nghề vất-vả, khó-nhọc.

— Họ vì quá chất-phác nên dễ bị người lợi-dụng.

— Họ còn làm nô-lệ cho nhiều thành-kiến sai-lầm, lạc-hậu để rồi nhiều tin-tưởng dị-đoan phản tiến-hóa.

— Họ là người mù, sống trong một thế-giới vô-cùng phức-tạp. Quanh năm cho đến mãn đời chỉ được hưởng thú vui thừa-thãi rất tầm-thường của vật-chất.

Tóm lại — *Lúc trẻ ta phải «Cần học» ở nơi trường sau khi rời khỏi ghế nhà trường ta cũng phải "Cần học" bằng sách-vở, báo-chí để tập quan-sát, suy-nghĩ, bình-luận, khảo-cứu hầu trở nên một phần-tử hữu-dụng cho Nước Nhà.*

TUYẾT - HOA
(nữ - sinh viên Gialong)
lớp đệ - nhị niên
5 Rue Pétrus – Ký.

Cần Học hân-hạnh tặng cô 3 tháng báo từ tập XII đến tập XXIV.

Cô Tuyết-Hoa Cần học cũng ... đáng thương hại!

KHUYÊN CẦN - HỌC

TẢN-ĐÀ

Mẹ cha, công khó-nhọc,
Sinh con, cho đi học.
Con hay, cha mẹ vinh !
Hư hèn, cha mẹ nhục !

Con nghĩ đến mẹ cha,
Sao cho hơn người ta.
Học cần phải chăm cố ;
Ăn ở cho nết-na.

Tài đức nổi thanh-danh ;
Ngu ác, thiên hạ khinh.
Phần hơn, ta phải chọn ;
Giữ nết, chăm học hành.

Chúng ta còn tuổi xanh,
Tính trời đương thanh minh.
Lúc học, không cố học !
Đến sau, rồi ăn-năn !

Ta xem bao nhiêu người,
Dở-dang, hư một đời ;
Nào phải chất óc kém,
Bởi xưa công học lười.

Học thường là phổ-thông,
Gây thành tư cách chung.
Dẫu biết chưa là mấy,
Có học hơn người không.

Không học, như mọi rợ,
Có mắt, như không mở.
Đời người, như đi đêm,
Trí-thức, như đèn lửa.»

Ta xem bao nhiêu người,
Không học, ngu một đời,
Ấy, cũng cùng tai mắt,
Tôi tớ cho người sai.»

Tư-chất ai không tốt,
Học lười, ai cũng dốt,
Thông-minh chưa vững hay,
Siêng-năng là sự cốt.»

Ta nay cũng là người,
Tai mắt, đứng trong đời,
Cố học theo hiền thánh,
Không để thế gian cười.

TẢN-ĐÀ,
Nguyễn-khắc-Hiếu
trích lục sách « LÊN - TÁM »
(Nhà xuất-bản *Hương-Sơn*
Hà-nội)

LỚP BA VÀ LỚP NHÌ BAN TIỂU-HỌC

Ám-tả

Thì giờ quí báu

Có khi nào em nghĩ đến giá-trị của một giờ đồng-hồ chăng ? Em nghe đồng-hồ đổ, em nói : « một giờ qua », rồi em cứ vui đùa. Nhưng trong khoảng thời-gian ngắn-ngủi ấy, biết bao người đã chịu cực-khổ, lao-lực cực-tâm, kẻ ngoài đồng dầm mưa dãi nắng, người trong xưởng vất-vả nhọc-nhằn.

Biết bao đứa trẻ mồ-côi đi lang-thang đầu đường xó chợ để tìm sự sanh-sống với đôi cánh tay bé nhỏ. Biết bao cụ già tay yếu chơn run cũng phải dùng tàn-lực để đổi lấy miếng ăn...

Còn em, em há không biết dùng tuổi xuân ngắn-ngủi của em cho đáng hay sao, vì em ơi !

« *Thì-giờ thấm-thoát thoi đưa,*
Nó đi, đi mất, có chờ, chờ ai ».

Câu hỏi

1') Trò hãy tóm lại đại-ý bài nầy :

2') Giải-nghĩa những chữ : đi lang-thang, tàn-lực, tuổi-xuân, thấm-thoát thoi đưa.

Trả lời

1') Bài nầy ước-ý nói : thì-giờ qua mau, tuổi-xuân ngắn-ngủi, chúng ta phải quí nó và dùng nó cho đáng việc.

2') *Đi lang-thang :* đi vẫn-vơ, không định-ý.

Tàn-lực : sức thừa còn lại.

Tuổi xuân : thời tuổi trẻ, lúc còn nhỏ.

Thấm-thoát thoi đưa : thì-giờ qua mau chóng, lẹ-làng như cái thoi của người dệt vải.

Học tiếng

lực lượng : sức mạnh (force)

lực học : ra sức mà học.

học-lực : sức học, trình-độ học-vấn của một người (capacité).

lực-sĩ : người có khí-lực mạnh mẽ, cũng gọi là lực nhân.

Chữ khó viết.

dải : dải nhà ; dải sông.
dãi : dãi dầu, dãi bày ; nước dãi ; mũi dãi.
lan : khoai lan ; tàn lan ; lan ra ; bò lan ; lan can.
lang : lang bang ; lớp lang ; heo lang ; cà lang.
than : than đá ; than củi ; đen như than ; nếp than ; than van.
thang : nấc thang ; thang thuốc.

Cáo lỗi — Xin sửa chữ *chín tuổi* — *số chín* trong bài Ám-tả Lớp Ba và Nhì Ban Tiểu-Học trong tập XI.

Tác-văn

Trò hãy kể ra cả ngày từ sáng đến tối trò dùng thì giờ thế nào để tỏ ra trò biết quí thì giờ.

Bài làm

« Thì giờ là bạc » là câu tôi thường nghe nơi trường. Các Thầy giáo ưa lập đi lập lại câu ấy để khuyến-khích học trò lo chăm học, kẻo uổng-phí thì giờ.

Từ khi tôi nên 8 tuổi, vừa suy sét và công nhận được thì giờ quí báu, thì tôi dốc quyết lo dùng nó không để uổng phí lúc nào : từ sáng đến tới tối tôi làm việc luôn.

Phận tôi là học trò, nên việc học là cần nhứt, mỗi ngày tôi thức dậy sớm đặng học bài ngày đó, học thuộc bài, dọn bài tới, coi lại bài cũ. Xong rồi, tôi cập sách đến trường đúng giờ học. Vào lớp, tôi châm chỉ nghe lời thầy giảng-giải, ra sức làm bài cho kỹ-lưỡng và sạch-sẽ.

Trong giờ học, tôi không nói chuyện hay ra ngoài khi không cần. Nếu có chút giờ rảnh, thì tôi coi sách, tập đọc, học tiếng, tập viết, làm toán.

Sau giờ học, thì tôi đi thẳng về nhà. không ghé xóm viếng làng. Cơm nước xong, thì tôi làm bài hoặc học bài chiều. Kế đến giờ đi học.

Buổi chiều, sau khi học về thì phụ giúp cơm nước trong nhà. Xong các việc đó, tôi làm bài, hoặc coi sách, học các sách giáo-khoa : như sách Tập đọc, tập chí Cần Học, mà Cha tôi mua để cho tôi học thêm. Vì lẽ rằng : học ở trường chưa đủ, cần phải học thêm ở nhà nữa.

Tới giờ ngủ thì tôi lên giường, nghe trong mình khoẻ-khoắng và vui vẻ vì cả ngày làm việc mệt và làm tròn phận sự, nên tối ngủ được an tâm.

Toán-Pháp

Chú Ý: Tiền chi phí trong năm = tiền lương trọn năm — Tiền để dành.

1. Anh thợ máy lảnh mỗi ngày làm việc 64$, mà trong năm anh ta nghỉ việc 120 ngày. Anh thợ nầy muốn để dành mỗi năm 1080$. Hỏi mỗi ngày Anh thợ nầy phải chi xuất bao nhiêu ?

Trò hảy kiếm :

— Tiền lương trọn năm.

— Số tiền chi phí cả năm.

— Tiền chi xuất hằng ngày.

Trả lời : 40$

2. Anh thợ may lảnh mỗi ngày 60$, mà mỗi tháng làm việc 20 ngày. Mỗi tháng đóng tiền phố 180$, mỗi năm sắm đồ dùng trong nhà hết 1.440$ và để dành được 900$.

Hỏi trót năm anh thợ nầy còn phải xuất bao nhiêu nữa để xài việc khác ?

Trả lời : 9.900$

DICTÉE FRANÇAISE

LE PETIT OISEAU

Quand la mère fut partie, l'un des petits oiseaux ne fut pas obéissant. Il voulut sortir du nid ; il avança jusqu'au bord ; oh ! le petit imprudent ! il va tomber !... Ah ! le voilà qui tombe... Il est tombé dans la cheminée !... Et quand le père et la mère revinrent, ils ne trouvèrent plus que trois petits oiseaux dans leur nid. Et le père, et la mère, et les trois petits oiseaux eurent tous ensemble bien du chagrin.

Questions

1°) Qui appelle-t-on père ? mère ? grand-père ? grand'mère ? oncle ? tante ? aîné ? cadet ?

2°) Donner les homonymes de mère et expliquez-les.

3·) Conjugez le verbe tomber aux présents de l'indicatif, du conditionnel et du subjonctif.

Réponses

1·) EXPLICATIONS :

Père : homme qui a un ou plusieurs enfants.
Mère : femme qui a un ou plusieurs enfants.
Grand-père : père du père ou de la mère.
Grand'mère : mère du père ou de la mère.
Oncle : frère du père ou de la mère.
Tante : sœur du père ou de la mère.
Aîné : enfant premier né.
Cadet : enfant dernier né.

2·) HOMONYMES DE MÈRE :

mère : femme qui a un ou plusieurs enfants.
mer : grande étendue d'eau salée.
maire : premier chef d'un village.

3·) CONJUGAISON :

Verbe tomber

INDICATIF	CONDITIONNEL	SUBJONCTIF
Présent	*Présent*	*Présent*
Je tombe	Je tomberais	Que je tombe
Tu tombes	Tu tomberais	Que tu tombes
Il tombe	Il tomberait	Qu'il tombe,
Nous tombons	Nous tomberions	Que nous tombions
Vous tombez	Vous tomberiez	Que nous tombiez
Ils tombent	Ils tomberaient	Qu'ils tombent.

Trần-văn-LÂM.

LEÇONS PARTICULIÈRES

ANGLAS - FRANÇAIS - SCIENCES MATHÉMATQUES

Classes secondaires & P.S. Préparation intensive aux di ers examens. Méthode classique — Auditions disques — Linguaphone Assimil.

S'adresser : TRI-DUC
226, Lagrandière -:- Saigon

LEÇONS PARTICULIÈRES DE FRANÇAIS POUR TOUTES CLASSES

PAR

NGÔ-TẤN-HUỲNH

PROFESSEUR

252, Quai de Belgique — Saigon

LỚP NHỨT BAN TIỂU HỌC

Ám-tả

SỰ HỌC

Phàm là người ai cũng phải học, có học thì kiến-văn mới được rộng-rãi, trí-thức mới được mở-mang.

Người không học thì năng-lực chỉ có tay làm chơn chạy, đầu đội vai mang.

Người có học thì ngoài cái năng-lực ấy, lại còn thêm cái năng-lực của khối óc khôn ngoan, tấm lòng suy-nghĩ ; mà cái trí khôn-ngoan suy-nghĩ của tấm lòng khối óc ấy lại có thể giúp cho sức người hành động thêm mau, thêm khéo.

Cùng một nghề, một việc, mà người có học với người không học hơn kém nhau rất xa, cho nên chẳng những người làm việc bằng trí-não phải học đã đành, mà người làm việc bằng tay chơn không học cũng không được.

Ở các nước văn-minh bây giờ, nhiều nơi đã thiệt-hành cái phép giáo-dục cưỡng-bách, ai cũng phải có cái công-phu học-vấn bảy tám năm trời. Hết mỗi hạng người trong nước, người cày-cuốc, kẻ thợ-thuyền, không mấy ai mà không xem nổi cuốn sách, không đọc thông tờ báo.

Câu hỏi :

1·) Đại ý bài nầy và phân ra làm mấy đoạn ? trò hãy kể ra.

2·) Nước văn-minh là nước gì ? — Nước Việt-nam ta có gọi được là nước văn-minh không ?

3·) Định nghĩa những chữ : trí-thức, hành-động, văn-minh.

Trả lời

1·) Đại ý bài nầy là : Phàm là người ai cũng phải học, vì sự học rất cần và có ích. Bài nầy chia làm 3 đoạn :

a·) Tác-giả so sánh người có học với người không học.

b·) Sự học rất cần cho người làm việc bằng tay chơn.

c) Kết quả của phép giáo-dục cưỡng-bách ở các nước văn-minh.

2°) Nước văn-minh là nước được mở-mang, tiến-bộ trên nền đạo đức, chính-trị, pháp-luật, học-thuật, điển-chương... nhờ học thức nhiều.

Hiện giờ nước Việt-nam ta mới tỉnh-thức để bước lên và tranh đấu với các nước trong hoàn cầu trên đường văn-minh tiến-bộ.

3°) *Trí-thức* : hay là tri-thức, là học biết nhiều, sáng-suốt, hạng trí-thức (classe intellectuelle) — *hành-động* : cử động để làm việc — *văn-minh* : văn là tốt, đẹp ; minh là sáng. Văn-minh chỉ cái gì làm cho đời sống của người ta trở nên càng ngày càng tốt đẹp, sáng sủa hơn, cao thượng hơn, tiến-hóa hơn. Văn-minh trái với dã-man.

HỌC TIẾNG

Kiến-văn : những điều mắt thấy, tai nghe do sự kinh-nghiệm và học-thức mà thâu thập được (expérience, connaissance).

Kiến-thức : những điều thấy và biết (connaissance).

Kiến-trúc : xây đắp nhà cửa, thành lũy (construire).

Kiến-trúc-sư : người chuyên môn về việc cất nhà cửa (architecte).

Năng-lực : Sức có thể làm được : có đủ năng-lực làm việc.

Trí-não : trí và óc : đọc sách nhiều thì trí não mở mang.

Cưỡng-bách : ép buộc phải làm theo, không được cãi.

Học-thuật : học vấn (instruction)

điển-chương : các khuôn phép, lễ-tế từ vua trước đặt ra (rite).

CHỮ KHÓ VIẾT

Man : dã man (sauvage) ; man di ; mê mang.

Mang : hoang mang ; mang gói ; mang tội ; mang cá ; phùng man.

Nghỉ : nghỉ chơn ; tháng nghỉ ; nghỉ mát ; nghỉ lễ.

Nghĩ : suy nghĩ ; ngẫm nghĩ.

Nảo : nảo đơn ; kiểu nảo ; ra não.

Não : áo não ; khổ não ; long nảo.

Cưởng : con cưởng.

Cưỡng : miễn cưỡng ; cưỡng chế.

Tác-văn

Tại sao ta phải có nghề nghiệp ? Cần phải học nghề không ? Vì sao ?

PHỤNG-ĐỀ

Đây ong hút mật, kia kiến tha mồi, và xa hơn, thợ nề xây nhà, nông phu cày ruộng. Loài vật cũng như loài người, cần phải có nghề để sinh sống, cần phải làm việc để nuôi thân.

Nghề nghiệp bảo đảm ta một đời sống đầy đủ. Dẫu giàu có đến đâu, mà không nắm tay một nghề nghiệp nào, thì rồi gia-sản to-tác mấy cũng phải tan bay. Đúng như câu. « Ăn không lo của kho cũng hết »

Hơn nữa ta cần phải luyện tập cho nghề nghiệp ta càng ngày càng được tinh xảo hầu giúp ích cho xã-hội cho đồng bào. Và nhờ thế ta mới nưng cao trình độ của dân tộc V. N. để khỏi thẹn mặt với thế giới khoa học ngày nay. Không một nghề nhỏ mọn nào là hèn cả chỉ có hạng người ăn không ngồi rồi đáng khinh bỉ thôi.

Dù thế, ta cần phải chọn nghề thích hợp với thiên tư của ta nhứt là phải ăn hạp với sức khoẻ để khỏi hại đến tánh mạng.

Chọn nghề nghiệp theo sở thích mình cũng là một vấn đề quan hệ, liệu thế nào cho ngày sau mình được tinh xảo trong nghề nghiệp ấy, và khỏi phải nay ốm mai đau bỏ dở công việc ta.

Nói tóm lại, ta cần phải chọn lấy nghề nghiệp để nuôi sống gia-đình, để nưng đỡ quốc-gia, để đền ơn xã-hội.

Toán-Pháp

I Năm 1914 người thợ làm việc mỗi ngày 10 giờ, trót năm 292 ngày và lảnh mỗi giờ 0$75. Đến cuối năm còn dư được 540$.

Bây giờ, thì làm việc mỗi ngày 8 giờ, trọn năm 240 ngày và mỗi giờ lảnh được 7$50. Song tiền chi phí nhiều hơn năm 1914 gấp 7 lần. Hỏi cuối năm anh thợ nầy còn dư được bao nhiêu ?

Trò hãy kiếm :

— Số giờ làm việc năm 1914 :

— Tiền lương trọn năm đó :
— Tiền xài trong năm đó :
— Số giờ làm việc trong năm nay.
— Tiền lương trong năm :
— Tiền chi xuất trọn năm :
— Tiền để dành cuối năm :

Trả lời : 2.840$

II. Trong nhà tôi, cha tôi lảnh lương hằng tháng 1.500$, mẹ tôi lảnh trót năm 6.250$ và 2 anh tôi, mỗi anh lảnh mỗi ngày làm việc 17$50 mà cả năm làm việc 302 ngày. Mỗi kỳ 3 tháng đóng tiền phố 725$, mỗi tháng sắm đồ dùng 725$; cuối năm dư được 4.200$. Hỏi xuất tiền cơm mỗi năm bao nhiêu ?

Trả lời : 20.520$

Orthographe

UN CAMELOT

Monté sur un barre. un camelot vendait des crayons : mais il tirait de cet article banal de telles inventions que la foule se pressait autour de lui. Armé d'une lame de faux, il taillait ses crayons à grands coups pour montrer la solidité de la mine. Puis, par moments, il se baissait, en prenait dans l'énorme tas, devant lui, une poignée qu'il jettait à la volée. Je ne les vends pas, moi, je ne les offre même pas, je les donne. Vingt sous la poignée, sans compter... et j'ai de grandes mains, des mains d'Auvergnat.

Jean Pallu.

Questions.

1°) Expliquez : un article banal, vendre, offrir, donner.
2°) Que faisait camelot pour attirer l'attention ?
3°) Analysez : monté (sur un banc) armé (d'une lame de faux) par moments.

1°) *EXPLICATIONS* :

Article banal : objet commun sans grande valeur.

Vendre ; faire le commerce, céder moyennant de l'argent,

Offrir : (du latin offerre : présenter) présenter, proposer.

Donner : (du latin donare : faire don) procurer quelque chose à titre gratuit.

2°) Pour attirer l'attention, le camelot s'arme d'une lame de faux et taille à grands coups ses crayons. Il vante avec éloquence les qualités de ses crayons, article banal en vérité,

3°)*ANALYSE GRAMMATICALE.*

Monté	Verbe monter, forme passive; sens transitif indirect, mode participe temps passé employé sans auxiliaire comme adjectif, mis en apposition à camelot, masculin singulier.
Armé	Verbe armer forme passive, sens transiti indirect mode participe temps passé employé sans auxiliaire comme adjectif qualificatif, mis en apprositon à il, masculin, singulier.
Par moments	Adverbe de temps, modifie se baissait.

Trần-văn-LÂM

RÉDACTION FRANÇAISE

Décrivez votre rue ou votre village pendant un court orage.

Devoir.

La chaleur est étouffante. Le soleil darde ses rayons, implacable, chauffant fortement la chaussée et les trottoirs. Dans les boutiqnes, les marchands s'assoupissent derrière les étalages. Quelques passants, vaincus par le chaud, se mettent à l'ombre tandis que les cyclos s'exténuent à pédaler, la peau des jambes, luisante de sueur.

Cependant vers trois heures de l'après-midi, le ciel se couvre de gros nuages noirs qui se pressent en masses compactes. Le vent souffle avec violence soulevant la poussière en tourbillons aveuglants. Les passants pressent le pas, la tête oncée en avant, les yeux bridés par crainte des poussières. Les cyclistes se courbent pour pédaler plus vite. Appelés par leur mère les enfants rentrent précipitamment dans les maisons.

Soudain, des éclairs zigzaguent dans le ciel noir. Le tonnerre éclate, grondant comme les canons, éveillant les échos. Une pluie torrentielle se déverse sur la terre et innonde chaussées et trottoirs. Des ruisseaux se forment, se précipitant dans les égoûts. L'immense rideau de gouttelettes estompe les maisons et les choses. Une jeep passe, rapide, et éclabousse de boue et d'eau les manteaux des passants.

Après une demi-heure, l'orage cesse. Le ciel s'éclaircit, le soleil projette de nouveau ses rayons, faisant miroiter l'asphalte mouillée de pluie. La rue re prend peu à peu son animation activée par la fraîcheur bienfaisante,

TRẦN-VĂN-LÂM

PREMIER DEGRÉ

Orthographe

Le mal, c'est l'oisiveté

Ta mère me demanda en mourant de faire de toi un homme instruit, parce qu'elle savait que l'instruction est la clef qui ouvre toutes les portes. J'ai voulu ce qu'elle avait voulu. Te voilà instruit, c'est bon ; mais il ne faut pas que ce qui est fait pour le bien tourne pour le mal. Le mal, c'est l'oisiveté. J'ai travaillé comme une bête de somme et j'ai, du matin au soir, donné de rudes coups de collier.

C'est un fameux outil que la main d'ouvrier ! Mais le cerveau d un homme instruit est un outil bien plus merveilleux encore, et celui-là, tu l'as. Ta besogne sera plus douce que la mienne, mais il faudra que tu la fasses. Je suis pauvre, tu le sais ; mais je serais riche que je ne te donnerais pas les moyens de vivre sans rien faire parce que ce serait te donner des vices et de la honte. Ah ! si je savais que ton instruction t'eût fait prendre le goût de la paresse, je regretterais de n'avoir pas fait de toi un ouvrier comme moi !

ANATOLE FRANCE.

Questions

1, Expliquez : j'ai travaillé comme une bête de somme, j'ai donné de rudes coups de collier.

2. Quels conseils l'auteur donne-t-il dans le premier paragraphe ?

3. Analysez logiquement la première phrase de la dictée.

4. Analyse grammaticale : ouvre (qui ouvre tontes les portes) comme (comme une bête de somme) ne pas (je ne te donnerais pas).

Réponses

EXPLICATIONS:

J'ai travaillé comme une bête de somme (bête de somme : animal propre à porter des charges, des fardeaux) je suis accablé par le travail.

J ai donné de rudes coups de collier (coup de collier : grand effort) j'ai fait de très grands efforts.

2. Dans le premier paragraphe, l'auteur veut préserver l'enfant de l'oisiveté qui est un mal. L'intruction est un bien mais elle ne dispense pas du travail et que l'oisiveté ne vienne faire tourner ce bien en mal,

3. Analyse logique

La première phrase de la dictée « ta mère me demanda en mourant de faire de toi un homme instruit, parce qu'elle savait que l instruction est la clef qui ouvre toutes les portes » contient quatre propositions.

No	Propositions	Nature	Fonction
1	Ta mère me demanda en mourant de faire de toi un homme instruit	principale	
2	parce qu'elle savait	subordonnée conjonctive par parce que	complément circonstanciel de demanda
3	que l'instruction est la clef	subordonnée conjonctive par que	complement d'objet direct de savait
4	qui ouvre toutes les portes.	subordonnée relative par qui	complément de clef

4. Analyse grammaticale

Ouvre Verbe ouvrir, forme active, sens transitif direct, mode indicatif temps présent, 3e personne ou singulier 3e groupe.

Comme Conjonction de subor dination mot invariable, indique rapport de ressemblance entre j'ai travaillé et bête de somme.

ne pas Locution adverbiale de négation mot invariable, modifie donnerais.

TRẦN-VĂN-LÂM.

THÈME

3e & 4e Année (Ban Trung học)

Chớ khi thị kẻ nông-phu

Một ông quan đại thần kia có tánh kiêu hảnh, xem người nghèo khổ, quê mùa ~~rất nên hèn hạ~~ nhứt là kẻ nông-phu. Vua nghe việc ấy nên muốn sửa người kiêu hảnh. Vua cho mời quan ấy vào đền để dự tiệc. Trong tiệc có đủ món ăn ngon lành.

Một chập vua đến hỏi vị quan rằng : Bửa ăn có được đoàn hoàn không khanh ? Ông quan tâu rằng Tâu Bệ hạ vật thực món nào cũng ngon song thần ăn chẳng đặng no là vì thiếu món cơm là món ăn cần nhứt của loài người.

Vậy khanh biết hột cơm là quí sao khanh chẳng biết trọng kẻ nông-phu ?

Từ đó về sau, ông quan ấy không còn khi thị kẻ nông-phu nữa

Ne méprisez pas les culivateurs

Un grand et orgueilleux mandarin méprisait les pauvres et les ignorants surtout les cultivateurs.

Le roi qui en fut au courant, voulut corriger l'orgueilleux. Il le fit assister à un festin dans la Cour : tous les bons plats furent servis.

Peu après, le roi vint lui demander : « Comment trouvez-vous le repas ? » Et le mandarin de répondre respectueusement « Votre Majesté, tous les mets sont délicieux mais je ne mange pas à mon appétit car il me manque du riz qui nous est indispensable.

Ah ! vous savez que le riz est précieux, mais pourquoi ne respectez-vous pas les cultivateurs.

A partir de ce jour, ce mandarin ne méprisait plus les cultivateurs.

Traduction de Mlle LÊ-THỊ-BẠCH-MAI 3ème Année P.S. retouchée par M. CHÂU-SÁNG-THẾ Professeur.

GIỚI-THIỆU

Cuốn **TAM-GIÁC-TỰ.** Phóng sự lạo tù 1949 tác-giả : ông Võ-hòa-Khanh, do Nhà xuất bản **TÂN-VĂN-HÓA**, đã phát hành.

GIÁ { NAM . . . . . 14$; TRUNG, BẮC, MIÊN. . 15$

CÁO LỖI

Trong tập XI, rang *21* tin lộn cái khuôn hình bài Đại Số Học— Xin đổi lại cái khuôn hình nầy

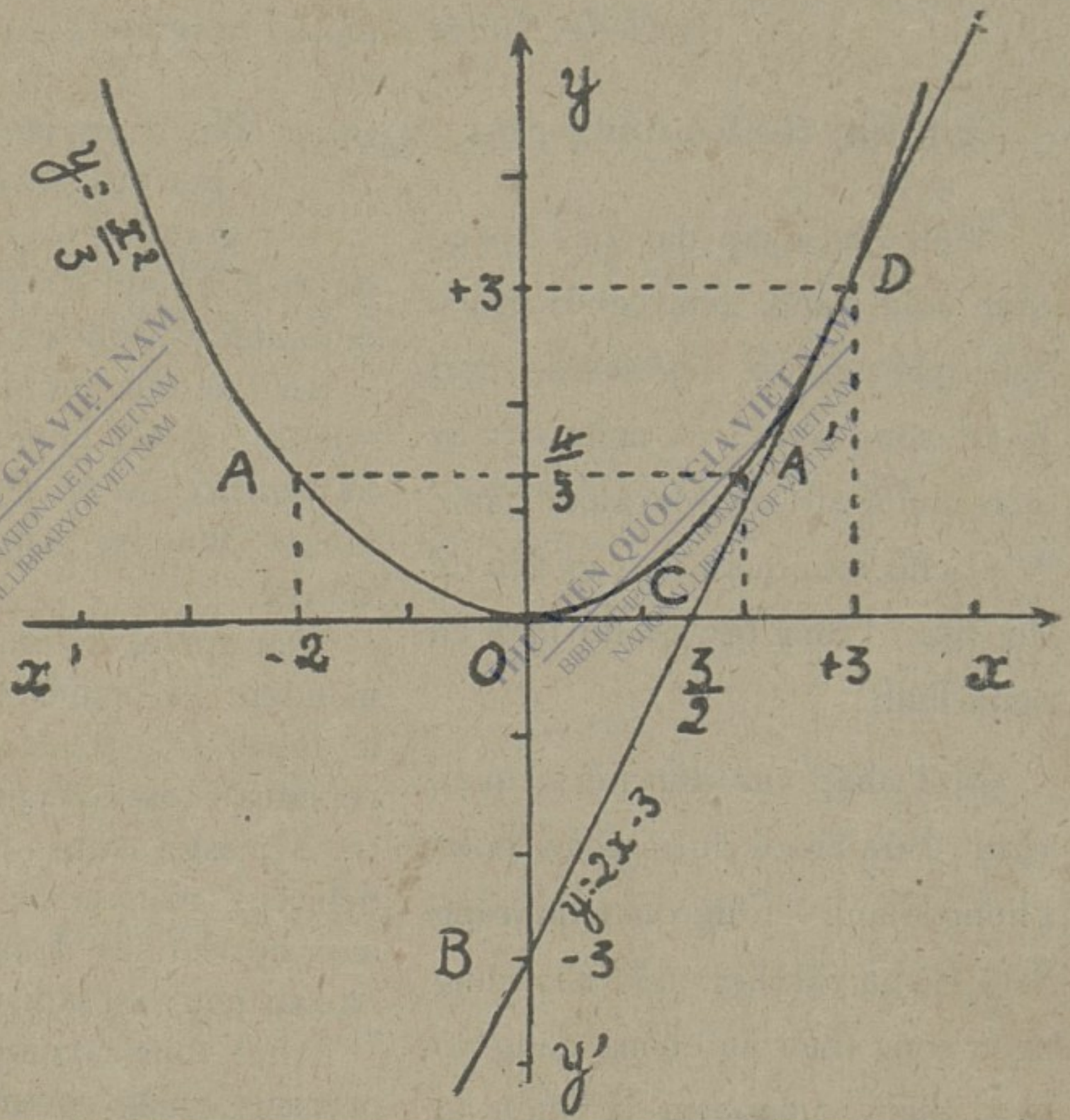

Tủ sách gia-đình

PHÁP-VĂN THỰC-HÀNH VÀ BỔ-TÚC

Leçons Pratiques de Français

Trọn bộ là 4 quyển số 1, 2, 3, và số 4. Mỗi số 7$.
Là một bộ sách quí giá cho gia đình và con, em.

Trọn bộ sách Khoa-Học

ÁI-TÌNH BỬU-GIÁM I
ÁI-TÌNH và SẢN-DỤC II

Của Bác-sĩ Byrnes

Dịch và Bổ chính Phạm-Hoàng

Giá mỗi bộ là 27 $. Giá ở Ngoài : 30$

Các sách kể trên qui bạn muốn mua, xin viết thơ và ngân-phiếu về : Phạm-văn-Sơn. Hộp thơ số 286 Saigon.

Xin các bạn đừng xé ! thế này !, nhớ ngữ cẩm quyển sách sau cái bạn, còn cần cứ vào đâu mà biết được bài để sang như thế này ?!

$$l - x = x$$
ou : $l = 2x$
et : $\boxed{x = \frac{l}{2}}$

c) Déterminons x, sachant que la diagonale du rectangle a une longueur d :
Dans le triangle rectangle MPQ, nous avons :

$$\overline{MP}^2 = d^2 = \overline{MP}^2 + PQ^2 = (l - x)^2 + x^2$$
ou : $d^2 = l^2 + x^2 - 2lx + x^2$
$$d^2 = 2x^2 - 2lx + l^2$$
ou encore : $2x^2 - 2lx + l^2 + d^2 = 0$ (1)

Si nous avons :

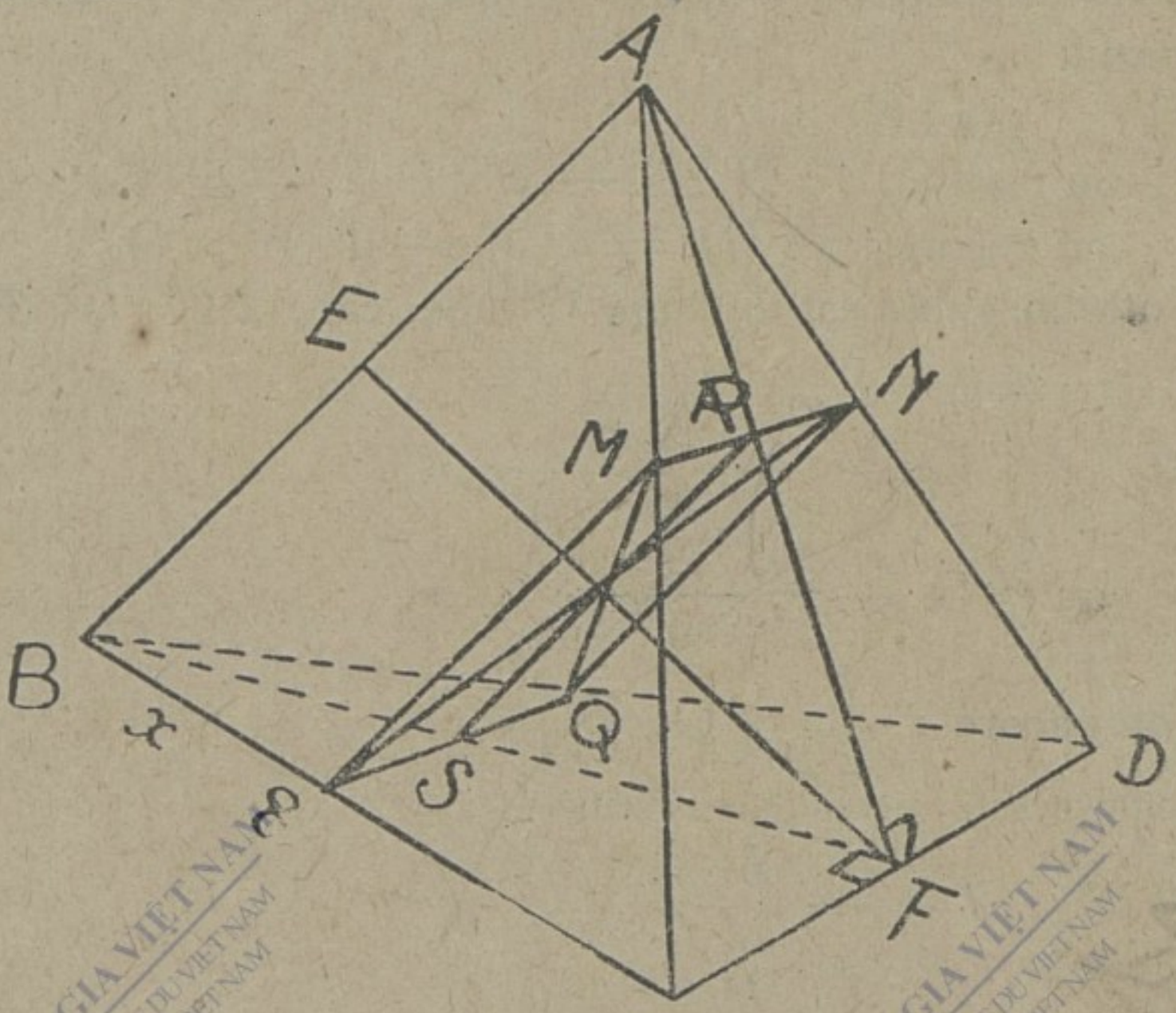

ou : $\Delta' = l^2 - 2(l^2 - d^2) \geqslant 0$
$= l^2 - 2l^2 + 2d \geqslant 0$
$= 2d^2 - l^2 \geqslant 0$
ou encore $2d^2 \geqslant l^2$
$d^2 \geqslant \frac{l^2}{2}$
$d \geqslant \frac{l}{\sqrt{2}}$

$\boxed{d \geqslant \frac{l\sqrt{2}}{2}}$ l'équation (*l*) admettra 2 racines distinctes x', x'', ou une racine double :

Buyer,— I want some mate-
Baïeur. — *aï wont seum met-*
rials (or some stuffs) for dresses.(2)
rieulz or seum steuffs for drèssiz.

Sh.— Come in, please... Will
kheum inn, plize... ouill
you sit down on this chair, and
ijou sit daun onn' dzis tchèr, ènd
let me show you a few samples
lèt mi shôou ijou e fiou sèmp'l
of silk-materials. Here, we sell
ov silk metirieulz. Hïe, ouï sill
all kinds of silks, stuffs of various
ôll khaïnds ov silks, steuffs ov vèrïeuss
qualities... Well, what sort of ma-
quolitiz... Wèll, whot sortt ov me-
terial, or silk would you like (3)
tirieul, or silk would ijou laik
madam ?
mèd'm.

B.— I want some artificial
aï wont seum artifisheul
silk-materials for ladies' dresses (4)
silk metirieulz for lédéz drèssiz.

Sh.— Here they are. madam.
Hïe dzéi are, mèd'm.

B.— Oh ! these ones (5) are
Ô ! dzize oueunz are
too thin, I don't like them ! Can
tou thinn, aï dônt laïk dzèm Khèn
you let me see some others ?
ijou lèt mi si seum eudzeuz ?

Sh.— With pleasure, ma-
Ouïth plèzeur, mè-
dam. Here is a printed stuff;
dam. Hïe iz e prinntid steuff
it is rather thick, and its printed
it iz radzeur thiek ènd itss prinntid
flowers (8) are very pretty.
flaoueuz are véré pritté.

B.— I think this one does not
aï thinnk dziss oueun deuz not

Acheteuse.— Je voudrais des tissus pour robes.

B.— Entrez, s.v.p... Voulez-vous vous asseoir sur cette chaise et laissez-moi vous montrer quelques échantillons de tissus de soie

Ici, nous vendons toutes sortes de soieries, d'étoffe de différentes qualités... Eh bien, quelle sorte de tissu ou de soierie voudriez-vous, madame ?

A.— Je voudrais des tissus de soie artificielle pour les robes pour dames.

B.— Les voici madame.

A.— Oh ! ceux-ci sont trop minces, je ne les aime pas. Pouvez vous me laisser voir d'autres

B.— Volontiers, madam. Voici un tissu à dessins imprimés ; il est assez épais et ses fleurs imprimées sont très jolies.

A.— Je crois (littér : je pense) que celui-ci ne me convient pas.

suit me, because its colour is too
sïout bikhôze itss kheuleu iz tou
dark, and its flowers too big.
dark. ènd itss flaoeuz tou bigue,

car sa couleur est trop foncée, et ses fleurs trop grosses.

Sh.— Here is another one ;
hïe iz euneudzeu oueun ;
does it please you, madam ?
deuz it plize ijou, mèd'm ?

B.— Yes, thîs one suits me
ïes, dziss oueun sïouts mi
very much ; I shall take (9) it...
véré meuch aï shèll téke iit...
Please show me some fancy stuffs,
plize shôou mi seum fènsé steuffs.
and some plain stuffs.
ènd seum plén steuffs.

B.— En voici un autre ; vous plait-il, madam ?

A.— Oui, celui-ci convient beaucoup. Je le prendrai... Veuillez me montrer des tissus de fantaisie, et des tissus unis.

Sh.— Will you wait a minute
ouïll ijou ouét e minit ;
I must go upstairs take them.
meust gôou eupstèz tou te'k dzèm.

B.— Voulez-vous attendre une minute ; je dois monter à l'étage pour les prendre.

B.— What is the price of this
whot iz dze praïce ov dziss
fancy stuff per meter ?
fènsé steuff pe mite,

A.— Quel est le prix de ce tissu de fantaisie, par mètre ?

Sh. — Fifty piastres, madam
fifté pièsteuz, mèd'm

B.— 50$, madame.

B.— Can you let me have it
khèn ijou let mi hèv it
at forty piastres ?
ètt forté pièsteuz

A.— Pouvez-vous me le laisser à 40$.

Sh.— If you buy a large
iff ijoiu baï e large
quantity, we can afford you a re-
quontité ouï khèn eufôrd ijou e ri-
duction of 10% (ten per cent)
deuksheun ov tèn pe cent

B.— Si vous achetez une grande quantité, nous pouvons vous offrir une réduction de 10 %.

B.— No, I prefer to have a
Nô, ai prife tou hèv e
reduction of two piastres per me-
rideuksheun ov tou piesteuz pe mi-
ter.
te

A.— Non, Je préfère avoir une réduction de 2$ par mètre.

Sh.— All right, madam. How
ôll raït, mèd'm. haou
many meters do you want ?
mèné miteuz dou ijou wont

B.— Ça va, madame. Combien de mètres voulez-vous?

B.— Two hundred and fifty
tou heundrèd èend fifté
meters of fancy stuffs, and one
miteuz ov fènsé steuffs èend oueun
hundred meters of plain stuffs.
heundrèd miteuz ov plén steuffs
Oh ! I have forgotten to ask you
ô ai hèv forgott'n tou ask ijou
about (10) the price of plain stuffs
ebéout dze praice ov plén steuffs
how much are they per meter ?
haou meuch are dzéi pe mite.

A.— 250 mètres de tissus de fantaisie et 100 mètres de tissus unis. Oh ! j'ai oublié de vous demander les prix des tissus unis combien coûtent-ils par mètre ?

Sh.— Forty piastres, but we
forté pie teuz, beut ouï
can let you have the same reduc-
khèn lèt ijou hève dze sém rèdeuk-
tion of two piastres per meter.
sheun ov tou pièsteuz per mite,

B.— 40$ mais nous pouvons, vous offrir (litter : vous laisser avoir) la même réduction de 2$ par mètre.

B.— Thank you very much.
thènk ijou véré meuch.

A.— Merci beaucoup.

Sh.— Will you go and pay at
ouïll ijou gôou èend péï èt
the desk,and here is your bill,ma-
dze dèsk, èend hïe iz ïjor bill ma-
dam.
d'm.

B.— Voulez-vous aller payer à la caisse, et voici votre note, madame.

B.— Please send these mate-
plize sènd dzize meti-
rials to the following address :
rieuls tou dze folléïng edrèss :
75 G.M. as soon as possible.
sèveunté faïve dji. em. èz soun èz possib'l.

A.— Veuillez envoyer ces tissus à l'adresse suivante : 75 GM. aussitôt que possible.

Sh.— Very well, madam,
véré ou'll, mèd'm
good bye, madam.
goud baï mèd'm,

B.— Très bien, madame, au revoir madame.

EXPLICATIONS.

Remarque.—La prononciation figurée se trouve au-dessous de chaque phrase anglaise.

Notes explicatives et remarques grammaticales

(1) At the silk-mercer (shop) = (littéralement : (à) le marchand de soieries (boutique)chez le marchand de soieries. Nous avons ici une tournure de phrase anglaise appelée *Cas possessif*. Dans cette tournure, le nom du possesseur (the silk-mercer : le marchand de soieries,) se place devant celui de l'objet possédé (shop) ; tandis que dans *la tournure anglaise ordinaire* impliquant la même idée de possession, le *nom de possesseur* se place **après** celui de l'objet possédé. Comparez :

a) Tournure ordinaire : *at the* **shop** *of the silk-mercer* = à la boutique du marchand de soieries.

b) Cas possessif : *At the silk-mercer's* **shop** = à la boutique (ou chez)... du marchand de soieries. Nous voyons que dans le cas possessif, **'s** remplace la prépcsistion **of.**

(2) *dresses* = les robes. (au singulier : dress. Les noms se terminant par s. x, prennent **es** à la fin au pluriel).

(3) *Would you like* = voudriez-vous, Would est le passé de will (vouloir) et s'ajoute devant un verbe à l'infinitif pour former le conditionnel de ce verbe, Ex : He would come : il viendrait.

(4) *ladies' dresses* = les robes pour dames (littér : les robes des dames). Ce membre de phrase est au *cas possessifs*. Puisque le nom du possesseur est au pluriel et se termine par un *s*, ou lui ajoute à la fin une seule apostrophe, au lieu de : **'s.**

(5) *these ones* = ceux-ci (these : adjectif démonstratitf : ones : pronom indéfini, remplace tissus)

some ofthers = quelques autres, ou d'autres. (others : pronom indéfini remplace ici : les autres tissus.)

(7) *a printed stuff* = une étoffe ou un tissu à dessins imprimés. (printed est le participe passé de to print qui signifie : imprimer,)

(8) *its printed flowers* = ses fleurs imprimées (its : adjectif possessif s'accorde avec le possesseur et non avec l'objet possédé.)

(9) *I shall take it* = je le prendrai. (shall : verbe défectif, s'ajoute devant un verbe à l'infinitif pour former le futur de ce verbe.

(10) *to ask... about* = demander... au sujet de quelque chose.

III) GRAMMAIRE

A) Cas possessif.

a) Dans la construction ordinaire, la possessif se traduit par **of.**

Ex : la maison **de** mon père : the house **of** my father. Ainsi, le nom du possesseur (father) se place **après** celui de l'objet possédé (house)

b) Dans un membre de phrase au *cas possessif*, l'ordre des termes est toujours le suivant :

nom du possesseur + **s'** + nom de l'objet possédé.

Ex : My father + **s'** + house (**the** devant **house** est sous-entendu)

Ainsî, le nom du possesseur (father) se place **devant** celui de l'objet possédé (house) et est suivi du signe du cas possessif (**s'**).

B) Adjectifs possessifs.

My : mon, ma, mes (à moi)
His : son, sa, ses (à lui)
Her : son, sa, ses (à elle)
Its : son, sa, ses (à cela, à une chose, un animal)
One's : son, sa, ses (à une personne quelcoque)
Our : notre, nos (à nous)
Your : votre. vos)
Their : leur, leurs (à eux, à elles)

Règle — A la 3e personne du singulier, l'adjectif possessif s'accorde avec le **possesseur** et non avec l'objet possédé.

Ex : A man and **his** wife : un homme et **sa** femme.

A lady and **her** husband : une dame et **son** mari.

A dress and **its** flowers : une robe et **ses** fleurs.

IV) EXERCICE.

(A traduire en Anglais. Le corrigé sera donné dans le prochain numéro).

Ma mère est chez le marchand de tissus. Elle achète toutes sortes de tissus. Votre robe est trop longue. Je n'aime pas ces fleurs. Montrez-moi les échantillons des nouveaux tissus. Ma sœur confectionne (make) ses robes avec les tissus de fantaisie, quelquefois avec les tissus unis. Je n'aime pas les tissus de fantaisie, parce qu'ils ne sont pas jolis. Puis-je avoir une réduction de 15°, o ? Combien coûte-t-il par mètre ? Je payerai à la caisse avec votre note.

CORRIGÉ DE L'EXERCICE PROPOSÉ DANS LE N° VIII

Y have a new wire*less*-set. He wants to buy an eight-valve set. Will you see this one ? I don't like that one. I don't forget what you tell me. I have much money. You are near the cashier. He does not want to speak, ou : he will not speak Do you want this invoice ? It is on that table. We shall be very happy to see you again.

TRÍ-ĐỨC *Professeur.*

EXPRESSIONS USUELLES

(Suite)

— *S'entendre à quelque chose* : đồng tâm hiệp ý

— *Etre à la coule* : hiểu biết rõ sự gì

— *Se débrouiller* : biết cách giải-thoát (tháo-vát)

— *Connaître le flambeau* : biết rõ điều mình nói, việc mình làm ; khéo léo.

— *Changer son fusil d'épaule* : thay đổi thái-độ, cách hành-động ; đổi lại phương pháp làm việc.

— *Faire des merveilles* : làm việc lạ-lùng, khó-khăn, hiếm có.

— *Faire merveille* : có kết quả rất tốt : *le remède a fait merveille* : thuốc công hiệu lạ thường ; linh dược.

— *Promettre monts et merveilles* : hứa bốc mạc.

— *Avoir plusieurs cordes à son arc* : có nhiều cách hành-động nhiều lối xoay trở, nhiều phương-pháp.

— *Se jouer des difficultés* : không kể là sự khó-khăn, giải-quyết cách dễ dàng.

— *Faire des tours de force* : làm những việc khó-khăn.

— *Etre agile comme un écureuil* : lanh-lẹ, khéo léo lắm.

— *Se faire la main* : vì làm quen việc nên làm rất khéo.

— *Se ménager des intellgiences* : bí-mật thông đồng với người khác để làm sự gì.

— *Faire mouche* : bắn trúng chỗ.

— *Brasser des affaires* : *mener plusieurs affaires de front* : làm nhiều việc một lúc, tham công tiếc việc.

— *Enlever une affaire* : làm sự gì rất lanh lẹ chóng vánh, kẻ khác theo không kịp.

— *Etre rond en affaires* : người làm việc cách thật thà, chắc-chắn.

— *Mener quelqu'un ou quelque chose rondement (tambour battant, à la baguette)* : đối đãi với ai thẳng tay, không vị-nể, làm việc gì mau chóng.

— *Mener quelqu'un par un chemin où il n'y a pas de pierres* : (nghĩa như câu trên).

(A suivre)

Lớp Dạy Vẽ

PHÉP PHỐI - CẢNH

(Tiếp theo)

Quang-điểm : Một tia nhìn (thị tuyến) đi thẳng từ mắt của họa-sĩ do theo trục của hình nón (xem hình 2, điểm Q) xuyên qua mặt kiến hay khuôn-cảnh, chỗ nó xuyên qua, chấm thành một điểm, gọi là Quang-điểm chánh (Q) (Point de vue principal). Quang-điểm luôn luôn nằm ngang đường tầm và tùy thuộc ở vị-trí của họa-sĩ, nếu họa-sĩ đứng bên trái hay bên phải của khuôn cảnh, thì Quang-điểm chánh cũng nằm theo bên trái hay bên phải và như thế thì dáng vẻ (aspect) của khuôn cảnh trông thay đổi ngay (xem hình 5, 6, 7).

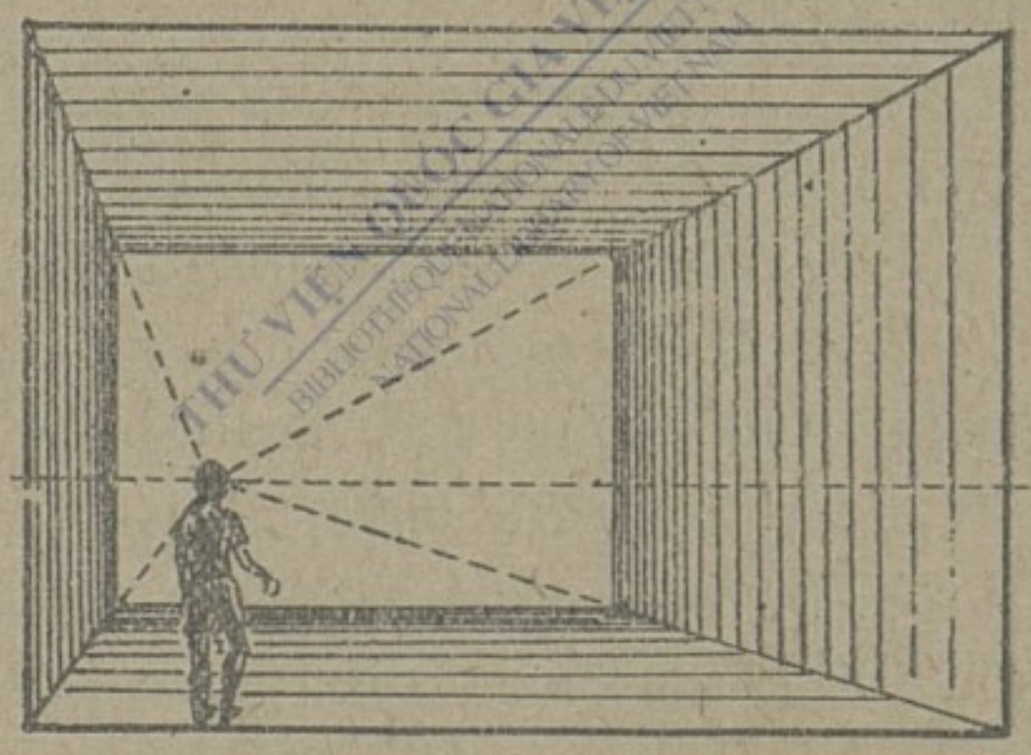

V

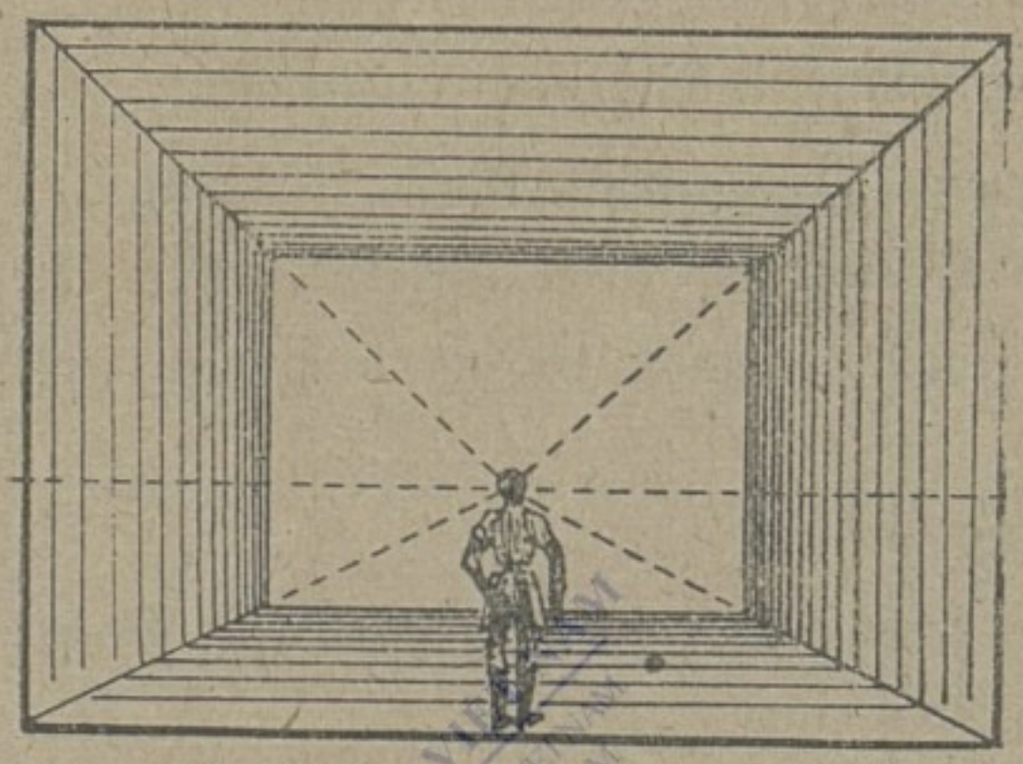

VII

Đường-đất (ligne de terre) Đường chơn của tấm kiến hay khuôn cảnh nằm trên tấm ván ngang gọi là đường đất. Khuôn-cảnh ví như một tấm kiến thật phẳng dựng đứng trước mắt họa-sĩ, dưới chơn của khuôn-cảnh, nằm trên mặt đất gọi là đường đất. (Tức là CD trong hình 8) Còn trên mặt giấy khi ta vẽ thì ta lấy cạnh giấy phía dưới làm đường đất GH (xem hình 9).

Khoản-cách (la distance). Muốn phỏng-họa một vật gì trước tiên họa-sĩ phải chọn một chỗ ngồi của mình phải cách xa vật ấy, ít lắm, bằng hai lần rưỡi đến ba lần bề cao hoặc rộng tổng quát của vật ấy. Như thế mắt ta mới có thể nhìn bao gồm dễ dàng vật ấy và trông rõ được những chi-tiết cần ích của nó.

Nếu ta ngồi gần vật quá, dầu ta bị bắt buộc phải xây qua xây lại mới trông thấy được cái chi tiết bao gồm trong khuôn cảnh ; và như vậy tức nhiên sẽ nảy sanh ra nhiều quang-điểm khác nhau — điều đáng để ý là

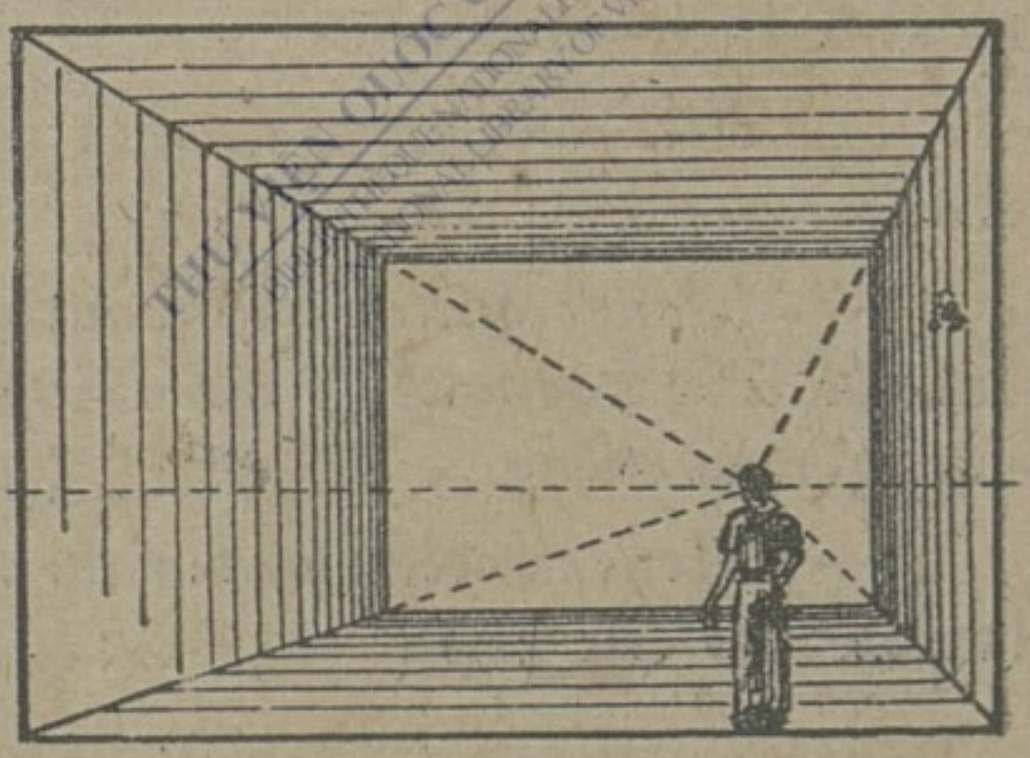

VII

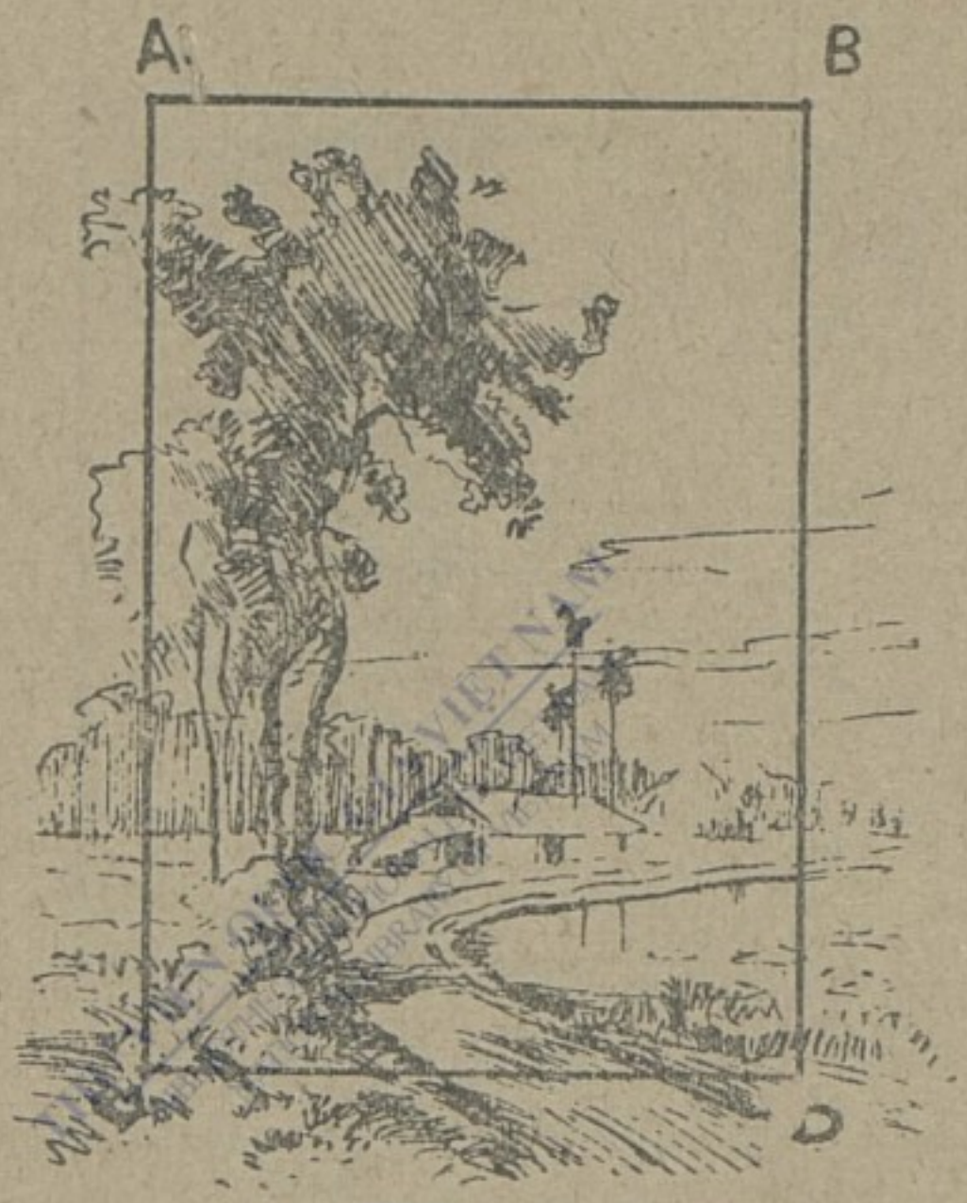

VIII

Thí-dụ muốn vẽ những khoản đều nhau nằm về chiều sâu, ta cứ ghi dài theo đường chơn của khuôn cảnh cái khoản đầu hết và cứ theo chiều ấy ta gạch thêm bao nhiêu khoản bằng nhau tùy ý ta muốn, rồi từ các khoản ấy kéo lên chú điểm nằm trên đường tầm bao nhiêu đường tréo song đôi, cần thiết (xem hình 13, 14).

mỗi lần mắt đổi vị-trí thì vật cũng tùy theo đó mà biến đổi hình dáng.

Trái lại nếu ta ngồi hay đứng xa vật quá thì mắt trông không rõ được vì thị-tuyến bị lớp không gian nằm giữa ta vàvật làm mờ yếu đi.

Cách điểm (point de distance) Gọi là cách-điểm là chú điểm (chỗ gặp gỡ) của những đường nằm nghiên 45° (độ) như hai đường tréo của hình vuôn (xem hình : 3, 4 điểm K) Cách điểm chỉ khoản cách từ vị-trí của họa-sĩ đến đường chơn của khuôn cảch.

Tỉ-lệ-xích (échelle de proportion) Tỉ-lệ-xích là một độ lượng tự ý xác định ở phía trước khuôn cảnh gần họa-sĩ hơn hết. Độ lượng ấy nằm ngang hay đứng thẳng cũng đều do hai đường song đôi đưa về một điểm nào đó trên đường tầm.

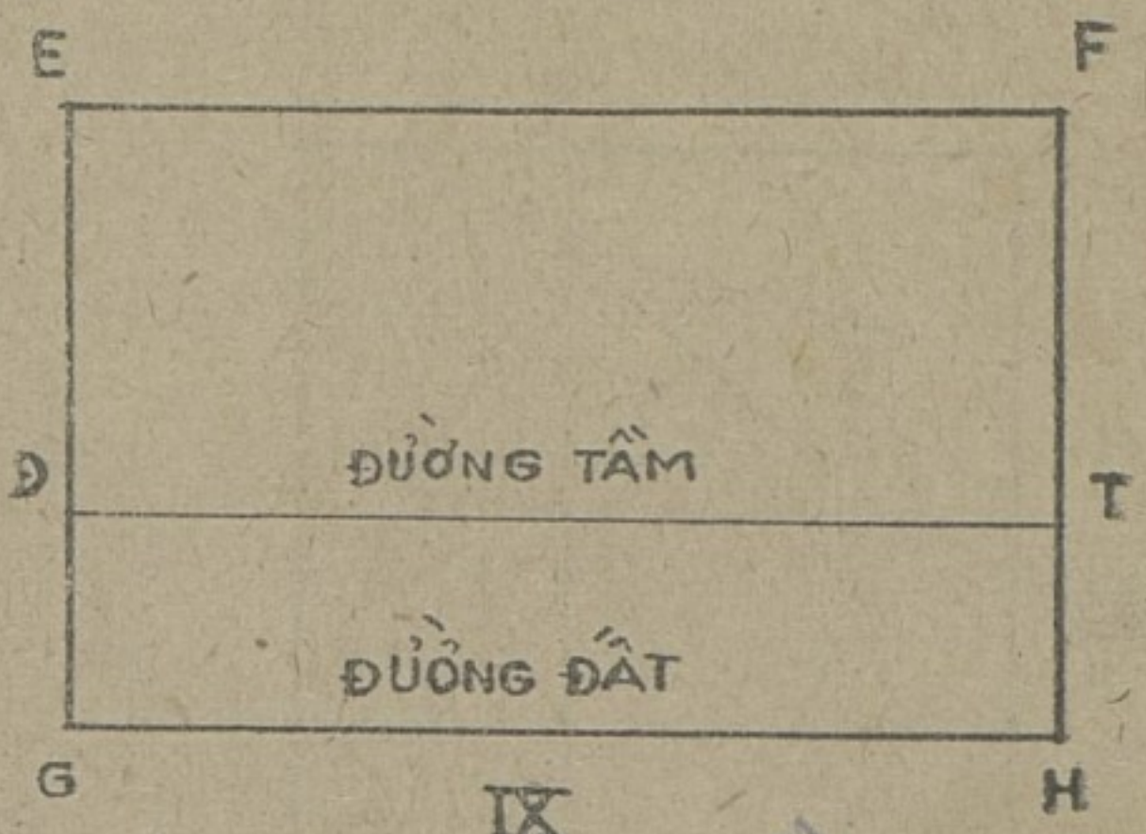

IX

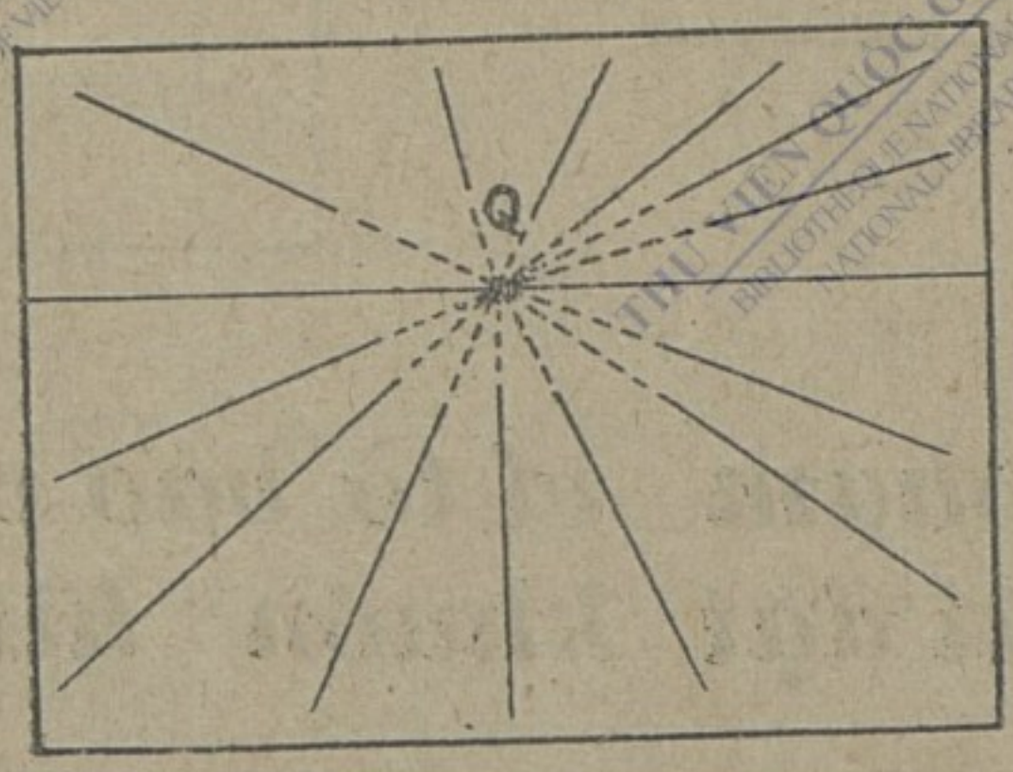

X

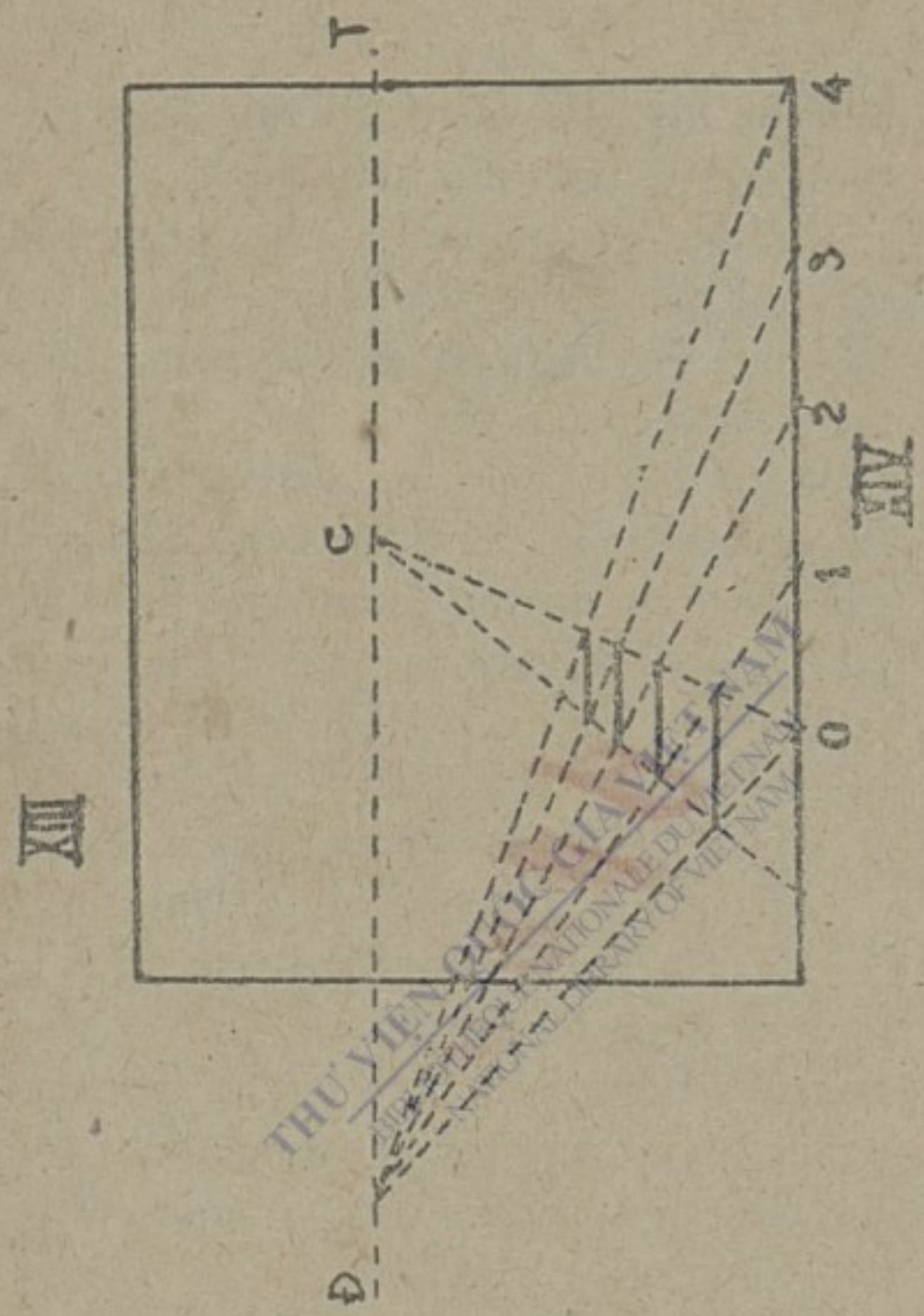

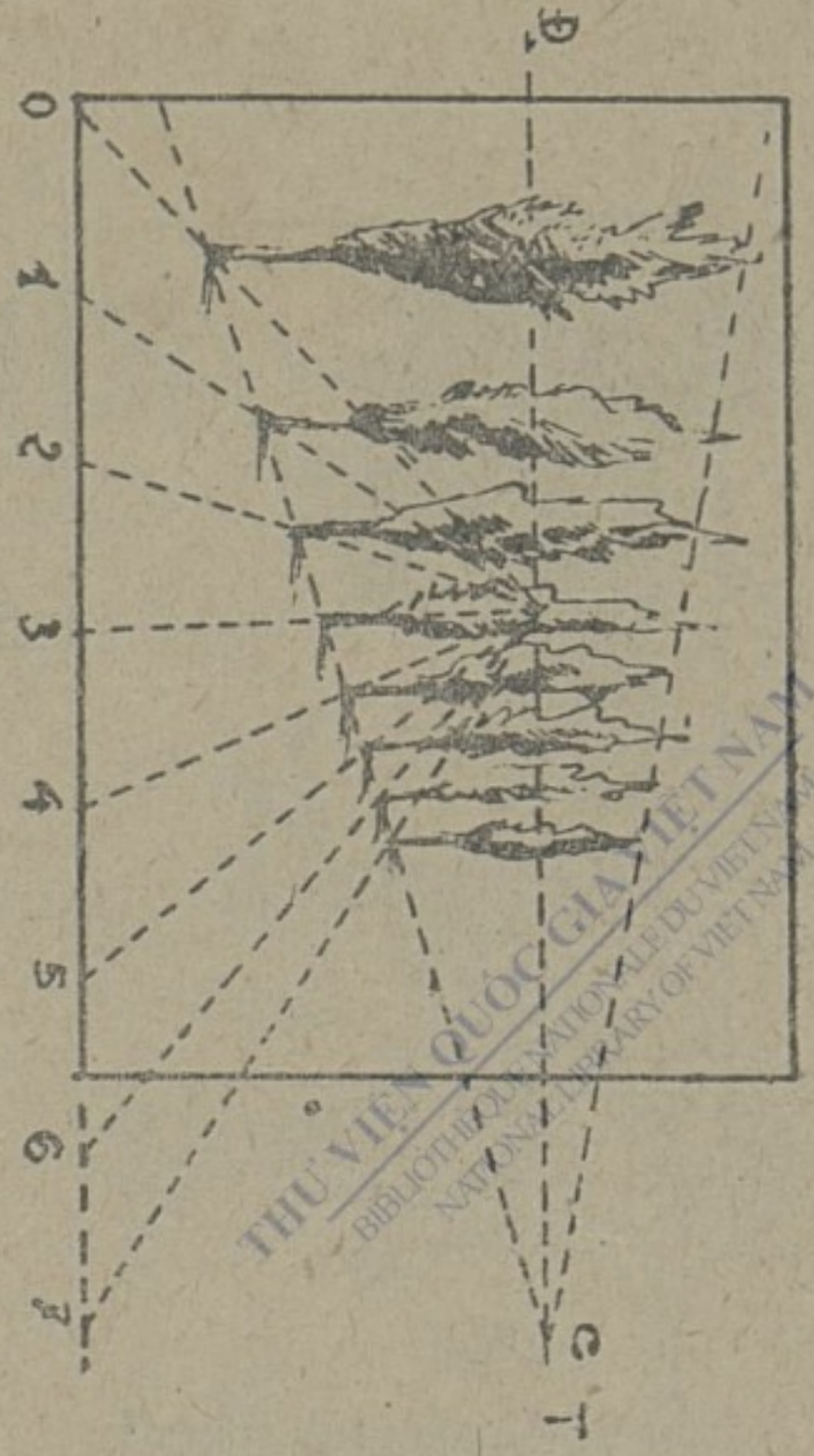

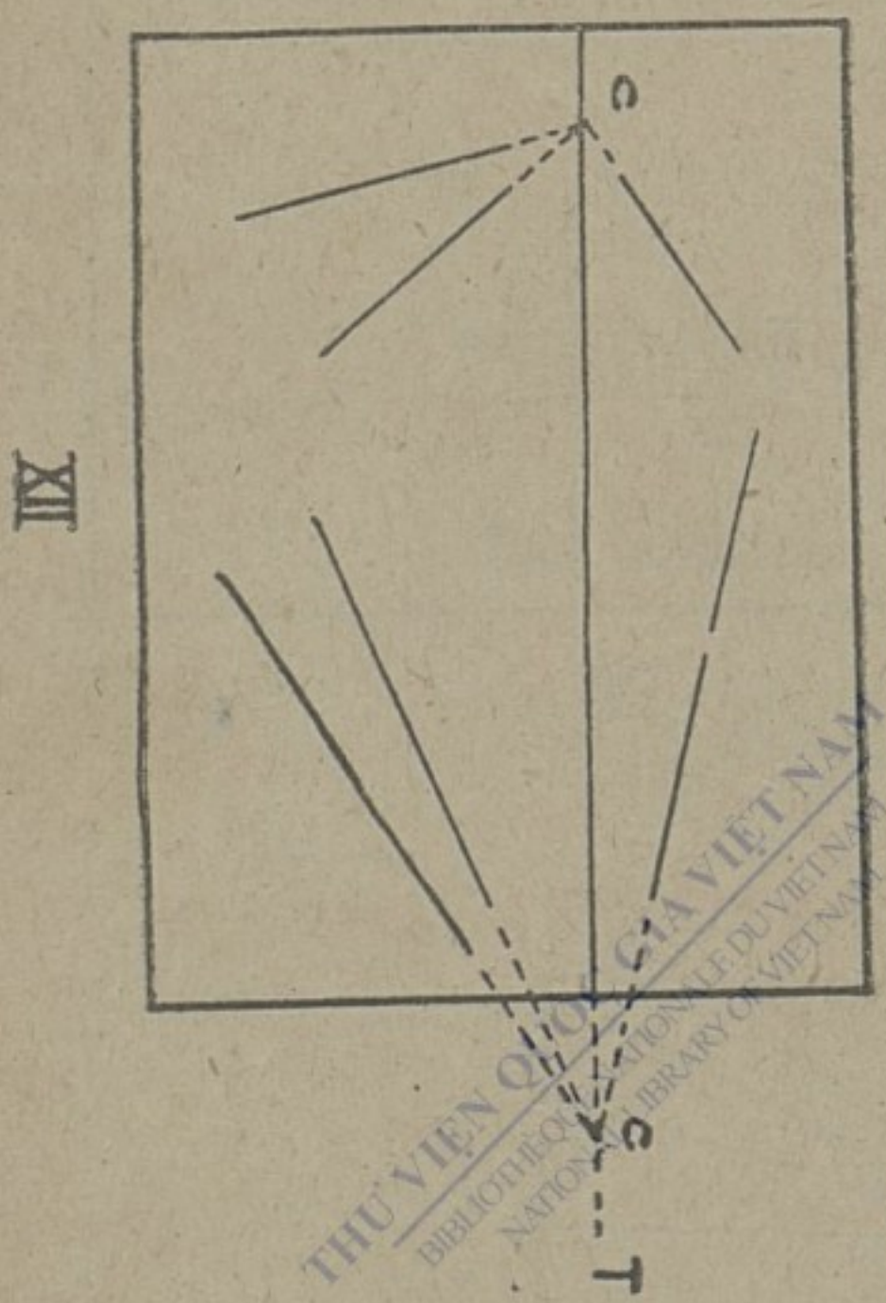

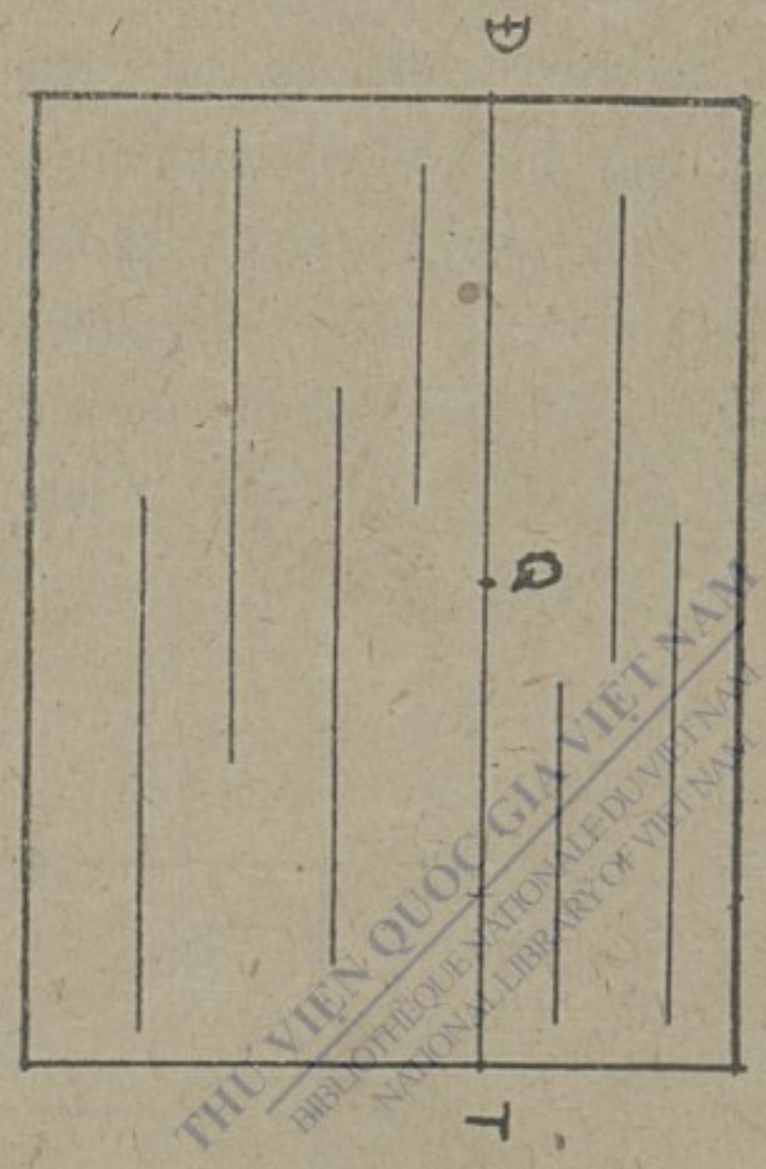

Vì phạm vi tờ báo chật hẹp nên phải đặt khuôn hình nằm ngang.

TINH HOA VĂN HỌC

Tửu nhập thiệt xuất : Rượu vào, lưỡi ra.
Thiệt xuất ngôn thất : Lưỡi ra, nói sai.
Ngôn thất thân khí : Nói sai, thân bỏ. (hư)
Dư dĩ vi khí thân bất như khí tửu :
Ta cho rằng bỏ mình, sao bằng bỏ rượu đi.
Phụ tâm mạn thiên địa, kiểu tha nhứt phiến nhiệt trường :
Lòng tự phụ đầy trời đất, dựa vào một mảnh ruột sốt sắng của nó.
Luyến thái tự cổ kim, huyền thử lượng chích lảnh nhạn :
Thói thường quen từ xưa nay, treo sẵn hai khóe mắt lảnh đạm là đây.
Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng :
Trời sanh ta có tài ắt có chỗ dùng.
Huỳnh kim tán tận hoàn phục lai:
Vàng bạc tan hết rồi trở lại.
Nhơn tâm hiếu thắng, ngã dĩ thắng ưng tất bại :
Lòng người thường ham thắng (ưa hơn người) ta cho rằng hiếu thắng hắn phải thua.
Nhơn tình hiếu khiêm, ngã dĩ khiêm xứ phản thắng :
Tính người ưa khiêm nhường ta cho rằng chỗ khiêm tốn trở lại thắng (hơn)
Yếu tố nam tử, tu phụ cương trường :
Muốn làm kẻ trai tráng, phải nên mang lấy dạ cứng rắn.
Dục học cổ nhơn, đương kiên khổ chí :
Muốn học người đời xưa, cần phải có chí chịu khó.

Lược sử ba phái học thuyết, Khổng, Lão, Mặc,

Khổng-phu-tử là một nhà đại chánh trị.

Sanh ra tại nước Lỗ, nhằm đời Linh-vương nhà Châu (Trung-hoa) năm thứ 21, tức là 551 năm trước kỷ nguyên dương-lịch.

Lúc đầu tiên ra làm một chức tiểu-lại nước Lỗ, rồi làm quan tể đất Trung-đô (tức chức Quận, hoặc Huyện bây giờ) có biệt tài về chánh trị. Ít lâu, thăng chức đại-tư-khấu (bộ hình) giúp việc tướng cho ông Định-công. Đi dự cuộc hội minh với ông lảnh-công nước Tề tại đất Giáp-cốc, làm cho nước Tề phải trả lại đất Mãn-dương đã xâm chiếm cho nước Lỗ. Lúc bấy giờ nước Lỗ được thắng lợi trên trường ngoại-giao. Đến đời Châu-kính-Vương năm thứ 23,

Khổng-tử được quyền nhiếp chức tướng quốc, ngài giết kẻ nịnh thần là Thiếu-chính-Mão ; trong khoảng 3 tháng, mà nước Lỗ được tiếng thạnh trị. Vì nước Tề sợ nước Lỗ mạnh lên, sẽ làm bà chủ các nước chư hầu, nên bày ra kế ly gián vua tôi nước Lỗ. Vì vậy, mà Khổng-tử từ chức, bỏ nước Lỗ đi châu-du các nước như Vệ, Tống, Trần, Thái, Tề, Sở ; song bọn vua tôi các nước bấy giờ không dùng được ngài. Đến đời Châu-kính-Vương năm thứ 36, ngài lại trở về nước Lỗ, thì đã 68 tuổi rồi, nước Lỗ lại không biết dùngngài mà Khổng-tử cũng không muốn ra làm chánh-trị nữa.

Qua năm 41 Kính-Vương, Khổng-tử thọ chung, sống được 73 tuổi.

Khổng-phu-tử là một nhà học giả, rất thích về chánh-trị, ngài muốn đưa tài học ra để giúp đời, (thố sở học vu sở hành) ; nhưng đời chánh trị của ngài không được toại chí.

Khổng-tử là người học rộng tài nhiều (bác học đa năng).

Lúc còn bé, đi chơi với lũ trẻ con, Khổng-tử đã biết bày ra đồ trở đậu (tế khí) sắp theo lễ nghi. Đến 15 tuổi, tu chí vào việc học ; có lần đi hỏi lễ với Lão-tử, học nhạc (âm nhạc) với Khanh-Hoằng. Ngài hết lòng sưu-tầm nghiên-cứu các chế độ Giao Xã, Minh-đường (lễ tế đời xưa). Bất luận lúc đọc sách hoặc làm việc, ngài đều ân cần ; sách Luận-Ngữ từng chép những lời nói của Khổng-tử như : « *Mận nhi hiếu học, bất sĩ hạ vấn* » : Nhặm lẽ và ham học, không thẹn hỏi kẻ dưới mình.

« *Ngã phi sinh nhi tri chi gã, hiếu cổ mận dĩ cầu chi dạ* » : (Ta không phải đẻ ra mà biết liền, nhờ ham chuyện xưa, nhặm lẽ tìm tòi mà được biết v.v.).

Nước Ngô đánh nước Việt phá hủy thành Hội-kẻ, lượm được một khúc xương làm cốt xe, đó là thứ xương rất lớn. Vua Ngô sai người hỏi Khổng-tử : Xương nào lớn hơn hết ? Khổng-tử kể chuyện vua Hạ-Vũ giết Phòng phong-thị, lấy xương làm cốt xe v.v. Sứ nước Ngô phục là bậc thánh nhân. Có lần một bầy chim lớn, dài chừng ba thước, mình đen cổ trắng, mỏ dài, một chân, bay liệng ở miền ruộng phía nam nước Lỗ, người làm ruộng đuổi không được, Quý-Tư nghe tin quái dị ấy cho người tới hỏi, Khổng-tử nói : thứ chim ấy là con Thương-dương, nếu nó hiện ra, sẽ có mưa dầm lụt lớn. Quả nhiên ba ngày sau đó, trời mưa lớn nước ngập hết, dân nước Lỗ nhờ biết phòng bị trước, nên tránh được tai hại. Còn nhiều chuyện khác nữa, chứng tỏ ra Khổng-tử nhờ học rộng nên biết được nhiều chuyện lạ.

(Còn nữa)

DẠY TOÁN-PHÁP, PHÁP-VĂN VIỆT-NGỮ
Từ Đệ-Nhứt đến Đệ-Tứ niên
Mỗi tối : 7 đến 9 giờ
Tại trường HỒNG - BÀNG (av. Garros)
Do các thầy : ĐÀO-VĂN-BỘT
VŨ-HỮU-TIỀM

TRANG THỂ-DỤC

TẬP THỂ-DỤC THẾ NÀO ?

(*Tiếp theo tập XI*)

Tập luyện thân thể thế nào cho hợp lý ?

Cuộc đời văn minh lần lần đưa ta tới một ngày, mà có thể, ta sẽ không cần vận động cho lắm vì đi lại đã có xe hơi, tàu thủy, trèo thang đã có máy hơi đưa ta từ thấp lên cao,... rồi tới lúc hữu sự thì ta không tự tin vào thể lực của ta được mà phải trông cậy vào máy hoặc một sức ngoại thuộc.

Và trong cuộc sống, chuỗi ngày dài và lâu bắt buộc thân thể ta phải luôn luôn chống đỡ với trạng lực nó chỉ chờ những tấm lưng yếu mà làm khòm xuống như ông lão.

Và tập luyện thân thể cho hợp lý nghĩa là lập luyện các môn vận động cần thiết cho con người (cũng như cho một con vật thường) để khi hữu dụng con người không hóa ra vô ích. Tập luyện cho hợp lý nghĩa là vận động sao cho thân thể được luôn luôn cân đối ngay ngắn. Vì thế bộ cân đối mà các cơ thể ta không chịu những ảnh hưởng không hay như ngực lép thiếu hô hấp, nước da xanh, thiếu máu sạch tươi, bụng mỡ, lưng gù... Tập luyện thân thể cho hợp lý còn nghĩa là hằng ngày phải lượng sao cho sự xuất lực tinh thần tương đối với sự xuất lực thể chất. Ví dụ hạng học-sinh vì trau dồi trí tuê nên càng phải trau dồi thân thể. Cũng như hạng lao-công vì vận-động nhiều nên càng phải nghỉ ngơi tĩnh dưỡng. Nhưng sự thường thì khác hẳn.

Tập luyện cho hợp lý còn nghĩa là quy theo điều kiện thể trạng và sinh lý trạng của thân-thể ta mà tập luyện nữa, vân... vân...

Khoa-học và kinh-nghiệm dạy ta rằng :

1o Tập luyện thân-thể phải tuần tiến (progressif) nghĩa là trước dễ sau khó, trước nhẹ sau nặng...

2o Tập luyện thân-thể phải cân đối điều hòa (harmonieux) nghĩa là tinh thần phải tương-quan với thân thể, mà thân thể phải có bộ lưng cho mạnh, bộ ngực cho rộng và bụng cho cứng. Vấn đề bắp thịt

nở lớn chỉ là kết quả của một sự năng vận động.

3o Tập luyện thân-thể phải nâng cao thể giá con người nghĩa là con dân mạnh để cho quốc-gia nhân loại mạnh chứ không phải tập cho khéo, cho giỏi để theo đuổi hư danh, thỏa mãn tự-ái.

Tôi thiết-tưởng, sơ sài mấy điều trên đây có thể giúp bạn đọc hiểu sơ lược một vài nguyên tắc thể dục. Vậy tôi bắt đầu trình bày ít điều thuộc phạm vi kỷ-thuật vận-động để các bạn có thể bắt tay ngay vào việc mà lĩnh hội cái tay của thể dục cũng như « chưa ăn thì không thiết, ăn rồi mới thấy ngon » (l'appétit vient en mangeant). Vậy đồng thời với sự vận động ta sẽ nhận thấy ích lợi của vận động và như vậy tôi sẽ thực hiện được đường lối tôi đã vạch trong số trước : « Thực hành sẽ cụ thể hóa lý thuyết ».

Cách thức tập luyện thân-thể :

1o Mỗi ngày mỗi tập.

2o Khi tập, luôn luôn chú ý tới sự thở và điều hòa nhịp hô-hấp với nhịp vận-động — Thở cho đều, thở cho đầy phổi, thở ra cho hết.

3o Khi tập, không nên hấp tấp vội vàng và phải ý thức lấy kiểu vận động.

4o Trước tập nhẹ, sau tập nặng, rồi tắm rửa, nghỉ.

5o Thứ tự vận động có thể là :

Tập chân cẳng rồi tay và cổ
Tập lưng, bụng, cạnh sườn rồi bày sườn và tập thở.
Tập một kiểu hữu dụug ví-dụ nhảy, vác đồ nặng.
Tập chạy hoặc đi.
Tập đặc biệt cho bộ phổi
Rồi tắm rửa, nghỉ ngơi.

NGUYỄN-VĂN-ĐOAN

(Còn nữa)

GIẢI-PHÁP BÀI THI TOÁN ĐỐ TRONG CẦN HỌC

Tập X — trang 20

Số bó cỏ mà trâu đứng và trâu nằm ăn là một số nguyên thì tất nhiên số bó cỏ mà trâu già ăn cũng là một số nguyên và phải là một bội số của 3 (vì 3 con ăn 1 bó).

Nếu chỉ có hạng trâu nằm và trâu già, thì theo giả-tỉ-pháp ta sẽ thấy số trâu già là *75*.

Nếu chỉ có hạng trâu đứng và trâu già thì theo giả-tỉ-pháp ta sẽ thấy số trâu già là hơn *85*.

Số 75 và 85 đều không thể là giải-đáp thiết-thực vì sẽ chỉ có 2 hạng trâu mà thôi.

Vậy, theo những giả-tỉ ấy ta có thể kết luận rằng : số trâu già phải là một bội số của 3, lớn hơn 75 và nhỏ hơn 85, tức là 3 số sau nầy :

78, 81, 84.

1°) Nếu số trâu già là 78 thì số trâu đứng và trâu nằm sẽ là 22 con và số bó cỏ mà chúng ăn là : $100 - \frac{78}{3} = 74$

Cũng theo giả-tĩ-pháp ta sẽ kiếm được 4 trâu đứng và 18 trâu nằm.
2°) Nếu số trâu già là 81, thì ta sẻ kiếm thấy 8 trâu đứng và 11 taâu nằm
3°) Nếu số trâu già 84, thì ta sẽ kiém ra 12 đnứg và 4 trâu nằm.
Kết luận có 3 giải-đáp sau đây.

1°/	78 trâu già	2°/	81 trâu già	3°/	84 trâu già
2°/	4 — đứng		8 — đứng		12 — đứng
3°/	18 — nằm		11 — nằm		4 — nằm.

ĐOÀNG-VĂN-BỘT
giáo-sư **Trường Hồng Bàng**

Cần Học rất hân-hạnh nhận được nhiều bài của quí bạn đọc hưởng-ứng cuộc thi Toán-đố.

Vậy, theo 3 giải-đáp ở trên, thì chúng tôi nhận thấy quí bạn kể tên sau đây trúng 3 giải-đáp :

1) Anh Nguyễn-văn-Tâm c/o Mr. Nguyễn-thanh-Sơn, N° 230, Rue Paul Blanchy (cité des P.T.T. Tân-định).

2) Anh Lê-đình-Thêm, Thơ-ký công-nhật Bộ Canh-nông, số 12, Đường Massiges Saigon.

3) Anh Nguyễn-hữu-Nam, 41 đường France, Tourane (Đà-nẵng).

4 Nguyễn trung Cang, Elève de la 3 Année P. S. de l'Institution Tablerd. 30 Rue Calmette — Tânđịnh.

Còn bạn Trần-văn-Quan, số 36, đường làng số 23, Thị-nghè, Gia-định trúng 2 giải-đáp.

Còn quí bạn kể tên dưới đây trúng được 1 giải-đáp :

1 Anh Nguyễn-văn-Cảnh, Secrétaire au Trésor (Budget National V. N. Bd Charner — Saigon

2 Anh Lê-văn-Tiết, học sinh lớp tiếp-liên Trường Lê văn Duyệt, ở 34 d'Ariès Dakao,

3 Cô Van thị Linh, Tiệm may « Liên Hoa » 48 bis đường La Pagode — Giadịnh.

4 Anh Quang — Khinh, Rue Hòa-Hảo — Chợlớn.

5 Anh La-văn-Dược, Học sinh lớp Nhất, 225, đường xe Lữa Châuđốc.

6 Anh Nguyễn-nhứt-Thống, Học sinh lớp tiếp liên A, trường Sơ-Học bổ túc Nam. Gòcông.

7 Anh Nguyễn hào Lý c/o m Nguyễn văn Quyện, secrétaire C.R.F/P.P.

8 Anh Keck Mỹ, élève de la 4 Année de l'Ecole Miche à P.P.

9 Auh Nguyễn-hữu-Thành c/o Mr Nguyễn văn Hương, secrétaire des P.T.T. Bếntre.

10 Anh Hoàng-Long c/o Mr Văn-Đại, Plantations Pasteur Nhatrang

11 Nguyễn thành-Thới c/o Mr Ng, ngọc Lào, 382/9 E Rue des Marins Chợlớn.

12 Anh Võ-hoàng-Phương, élève de l'Ecole centrale de Technologie — Chợquán.

13 Anh Đoàn quang Mỹ c/o Đ.V. Vàng, N° 2 Place Cuniac (3e subd.) Saigon.

14 Anh Phạm-Nguyên-Phong, 3e Année P.S. de l'Institution Taberd Saigon.

a) Quí bạn trúng 3 giải-đáp sẽ được tặng 10 cuốn Cần Học từ tập I đến tập X hay là 2 tháng báo từ tập XIII đến tập XX, tùy ý quí bạn chọn.

b) Còn Bạn T.V. Quan trúng 2 giải-đáp sẽ được tặng 10 cuốn Cần Học hay là1 tháng rưỡi báo từ tập XIII đến tập XVIII.

c) Còn quí Bạn trúng được 1 giải đáp sẽ được thưởng 1 tháng báo, từ tập XIII đến tập XVI.

Còn có nhiều bạn đọc đã dự cuộc thi, song chúng tôi rất tiếc vì trả lời trúng mà không có giải-pháp.

PHÁP-VĂN THEO LỐI HÀM-THỤ

Le Français par Correspondance

CHO CÁC HỌC-SINH VÀ CÁC BẠN MUỐN TỰ BỒ TÚC
DO MỘT NHÓM GIÁO-SƯ CHUYÊN NGHIỆP ĐẢM NHẬN

phíBài vỡ soạn chương trình ở trường và tùy theo trường hợp riêng biệt của mỗi người, chú thích kỹ lưỡng, đều

Tổ chức gồm nhiều cấp học (degrés) cho thích hợp với nhu-cầu và học lực của người học.

Học phí nhẹ.

Xin hỏi bổn điều lệ in sẵn do :

Ông NGÔ-TẤN-HUỲNH

252, Q. Belgique -:- SAIGON

HIỆU NOVA

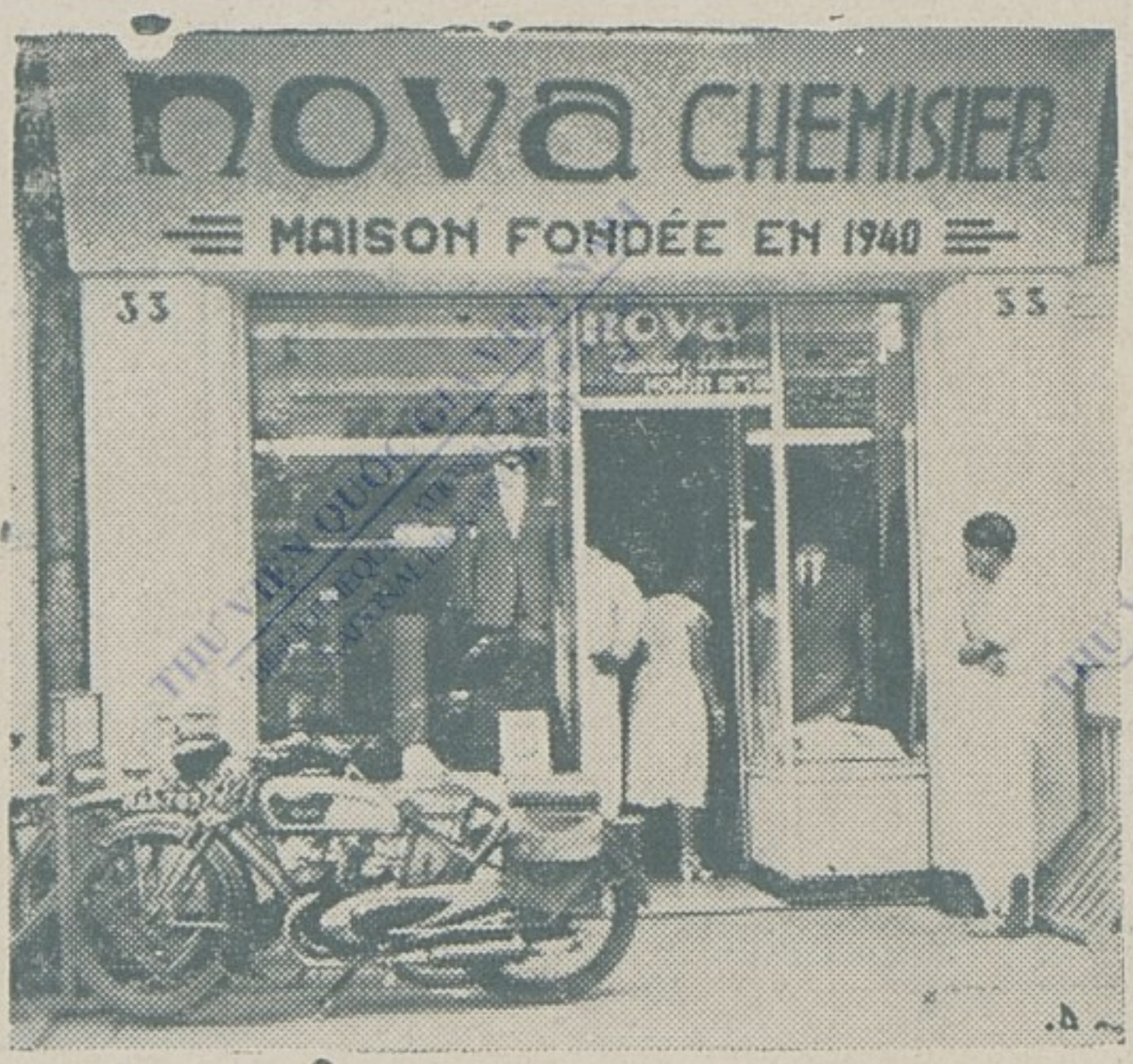

MAY Y-PHỤC
và
CHEMISE
Sang Pháp và trong xứ rất danh tiếng khắp nơi.
Có nhiều hàng vải đẹp vừa ý quí ngài.

33, đường SABOURAIN
Gần chợ SAIGON

Giây nói : Cardi, 435

Nhà sách TÙNG QUANG

159, đường Lê-Lợi -:- SAIGON

Tại đây có bán đủ các thứ sách Việt-Ngữ, Pháp-văn, đồ dùng của học trò và bản nhạc bốn phương.

Lại cũng có cho mướn sách, tiểu thuyết, truyện cũ và mới. Xin mời quí Ngài chiếu cố.

RUỘNG BỀ BỀ

không bằng có nghề trong tay
PHƯƠNG-PHÁP MỚI VIỆT-NAM

Tự-học cắt Âu-phục do Vũ-văn-Hưng sáng tác và Bùi-kim-Túc xuất bản số 1 về quần dài và số 2 về sơ mi đã xuất bản.

Đầu tháng Août sẽ ra số 3 về Veste Américaine và Short.

Giá bán 20$ 1 số, ở xa thêm 5$ cước phí.

PHOTOGRAVURE ET DESSINS
NGUYỄN VĂN DẦU
Chuyên-môn khắc bản kẽm để in :
HÌNH ẢNH · SÁCH BÁO · TẠP-CHÍ
MỤC-LỤC · QUẢNG-CÁO · NHÃN HIỆU
ĐỦ MÀU VÀ ĐỦ KIỂU
MẮT KIẾN RA ĐI Ô
KIẾN RỌI MÀN ẢNH

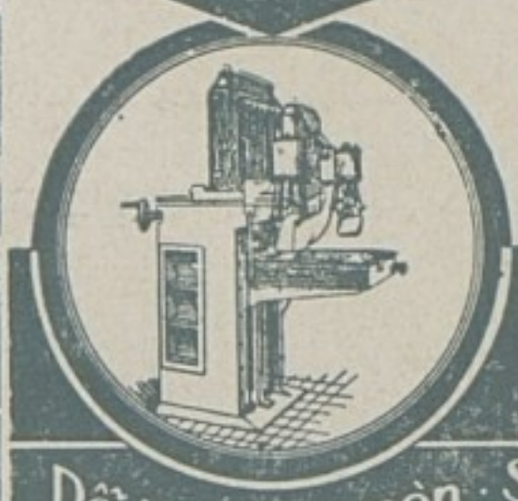

Cliché Dau
TÉL: 21.651
17
ĐO-HUU-VI
SAIGON
Dễ in · Lâu mòn · Sạch · Rõ · Đẹp

DANH SÁCH QUÝ ĐỘC-GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN

Ông Viễn Denis Frères — Saigon	3 tháng	55$
— Lâm-v-Thông 47-7, Nguyễn-đồ-Chiểu, Hòa-Hưng	»	55
— Mr Vicaire Joseph, Sce S.H.C. à Snoul, Cambodge	»	65
R.P. Antoine Luật, Phước-viện Cainhum, Chợlách	12 tháng	220
— Louis Vinh, Thanh-Sơn, Bếntre	»	220
— Paul Chiếu, Phú-Thuận, Anhóa-Mytho	»	220
Bà Nhứt Phước-viện Caimơi.—Bếntre	»	220
Cô Ngọc, 371, Verdun prolongée	6 tháng	120
— Như-Mai, 211, Catinat, Saigon	»	120
— Công-Huyền Tôn Nữ Tường Vi, 71/6, Taberd	»	120
Ông Trần-đình-Huyền, Bộ Tham Mưu V.B.Đ.T.V. Huế	3 tháng	65
— Bữu, 2, Pellerin — T. P.	»	55
— Nguyễn-hữu-Bài, Douanes et Régies, Saigon	12 tháng	200
— Nguyễn-v-Siêu — — P. P.	»	220
Bà Đinh-thị-Lang, 99. Charner, Saigon	6 tháng	110

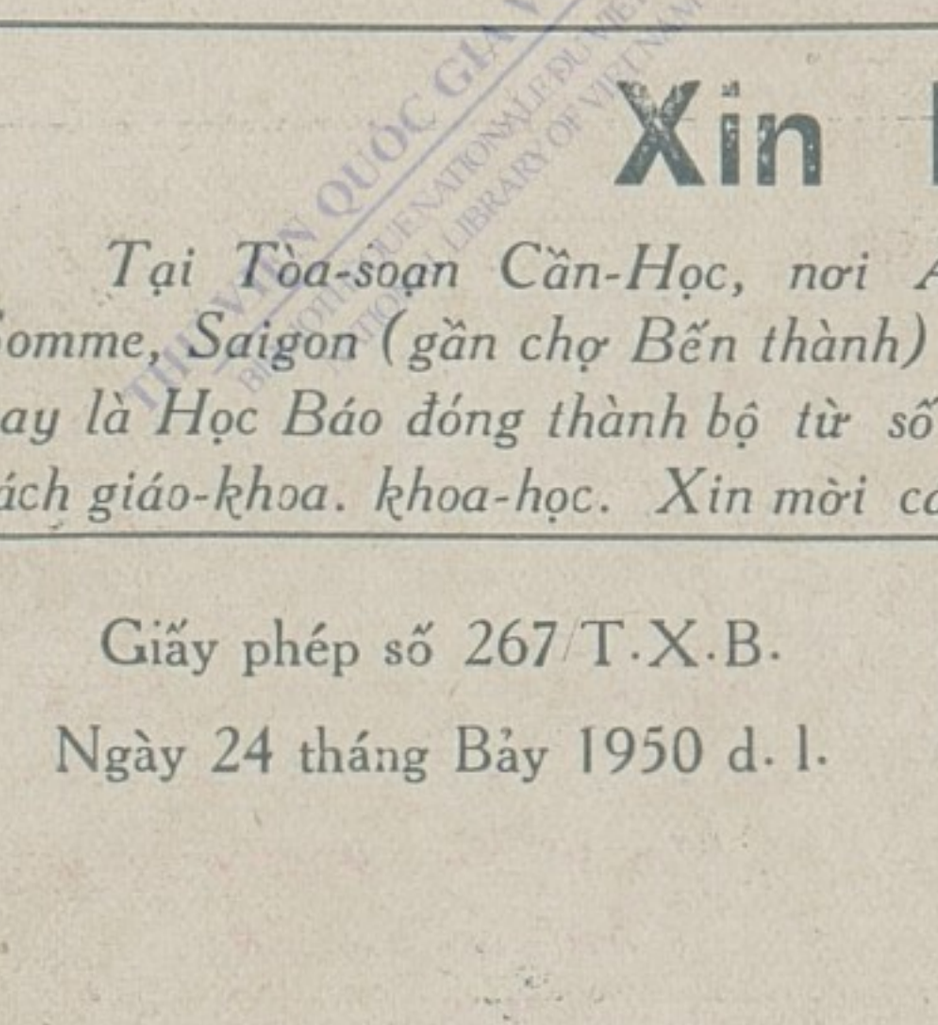

Giá mua dài hạn

Saigon-Chợlớn	L.T.	T.B.M.L.
3 t. : 12 số 50$	52$	65$
6 » : 25 » 100$	104$	125$
12» : 50 » 200$	208$	250$

Thơ và ngân phiếu xin đề :

Mr NGÔ - VAN - THANH

165, Bd de la Somme :- Saigon

Xin lưu ý

Tại Tòa-soạn Cần-Học, nơi Ấn Quán Nam-Hưng, 165, Bd. de la Somme, Saigon (gần chợ Bến thành) có bán Học Báo lẻ từ 1 tới số 21 — hay là Học Báo đóng thành bộ từ số 1 đến số 20 — và cũng có nhiều thứ sách giáo-khoa. khoa-học. Xin mời các Bạn lưu ý.

Giấy phép số 267/T.X.B.
Ngày 24 tháng Bảy 1950 d. l.

—:— In tại Ấn Quán —:—
— NAM - HƯNG —
165, Bd. de la Somme- SAIGON

HỌC ĐỂ PHỤNG SỰ CHÂN LÝ

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES

CÀ NHỌC

TẬP XIII

44 TRANG

với sự hợp-tác của quí ông :

Trương-v-Tống	*Nhà học-giả*
Vỏ-văn-Lúa	*Giáo-sư Pháp-văn*
Ngô-tấn-Huỳnh	— —
Trịnh-văn-Mai	— —
Trần-văn-Lâm	— —
Huỳnh-văn-Đó	— —
Trí-Đức	— *T.H.A.V.*
Châu-sáng-Thế	— *Anh-Văn*
Nguyễn-v-Đoan	— *G. D. Thể-dục*
Trúc-Khanh	*Thi-sĩ, văn-gia*
Quốc-Ấn	—
Nam-Hồng	—
Lê-Hương	—
B. Truyền	—
Lưu-đình-Khải	*G.Đ.T. Mỹ-thuật*
Bùi-văn-Kính	*Giáo-sư Hội-họa*
Thái-văn-Cẩn	— —
Trần-đình-Nhu	— *Hoa-văn*
Thiếu-l-Quân	— *Tốc-ký V.N.*

Tòa soạn : **165 Bd. de la Somme**

Téléphone : 21 309

SAIGON

Giá { *Nam-bộ* **5$00**
{ *Trung, Bắc, Miên.* **6 00**

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

GIẢNG-NGHĨA VÀ BÌNH LUẬN 2 CHỮ

CẦN HỌC

Sự học rất cần cho đời sống con người. Cùng trong một công-việc, người ta có thể phân-biệt người có học và người dốt rất xa. Nhưng, cái mục-đích học để chiếm địa-vị cao, để đoạt cấp bằng lớn ngày nay đã thúi nát. Thanh-niên ngày nay biết nhiệm-vụ mình : «Cần Học» để tiến-bộ, để mở-rộng kiến-văn, để rèn luyện chí khí, để tự-cường, để xứng đáng là công-dân đất Việt-Nam. Trình-độ của dân-chúng cao thấp là do văn-hóa của nước ấy thế nào. Xem thế, sự học có ích cho ta biết là bao nhiêu.

Trái lại, nhiều bạn học cả ba bốn năm, nhưng họ không thâu-thập được nhiều. Ta thử tìm nguyên-nhân của sự chậm-tiến ấy : Học là một lẽ quan-trọng và cần-mẫn, cũng là một điều trọng yếu. Thử hỏi : làm việc gì không cố-gắng, cần-mẫn ta có thể thành công không ? Sự học cũng thế, có thể ví «học-tập» và "cần-mẫn" như cá với nước.

Nếu dân ta hiểu rỏ và thực-hành hai chữ «cần học" thì nước ta không còn nằm trong quá khứ như ngày nay. Chắc chắn, trong công việc gì, sự cần-mẫn là cái đà để ta tiến đến sự thành công. Biết bao bài ngụ-ngôn, và ca-dao đã ca-tụng sự "cần-học" : ông Tử-Lộ, ông Thừa-Cung....

Vậy, ta không còn lạ gì với hai tiếng «cần học» . Tập chí Cần học may mắn xuất bản trong buổi thanh-niên hiếu-học. Chúng ta hy-vọng một ngày gần đây, những học-sinh ấy sẽ thành những ngọn đuốc sáng để kiến-thiết quốc gia và dẫn dắt những đồng bào quê-mùa, thấp kém. Chừng ấy, chúng ta sẽ hợp nhau dưới trăng sáng mừng cho Tổ-Quốc vinh-quang.

Sadec, ngày 3 - 8 - 50

ĐỊA - CHỈ

Jeune Hà - cẩm - Tâm

Học - sinh lớp Nhứt A

Nam Bổ-túc Tiểu-học-đường Sadec

chez **M. Ngô - văn - Thoại**

Instituteur du chef-lieu de l'Ecole des filles de

SADEC

Cần Học hân-hạnh tặng Bạn Tâm 3 tháng báo từ tập XIII đến tập XXIV

KHUYÊN CẦN HỌC

Cần Học rất hân-hạnh nhận được bài dưới đây của ông Đào-trọng-Đủ, Commis principal hors classe, Douanes et Régies, Phnom-Penh, gởi đến để tỏ lòng nhiệt-thành cộng-tác với chúng tôi trong việc kiến-thiết văn-hóa nước nhà...

Khuyên Bạn Nhi - Đồng

Khuyên em cần học
Có học mới nên
Theo đạo Thánh hiền (1)
Lấy chuyên làm gốc

Em đừng ngu ngốc
Học để rồi thi
Lấy cái bằng gì
Đem về treo cột

Cũng đừng bồng bột
Vì tuổi thanh niên
Con cháu rồng tiên
Em nên sáng suốt

Nay em học cốt
Thành một công dân
Biết cách tu-thân
Tề-gia trị-quốc

Học sao cho nước
Giỏi được bằng ai
Học để ra đời
Khỏi ai bốc lột

Bao nhiêu giặc dốt
Giết nốt là êm
Rồi muốn giỏi thêm
Em xem CẦN HỌC

ĐÀO-TRỌNG-ĐỦ
Nam-vang

(1) Khổng-Tử hình như có nói : Nhất sinh chi kế tại ư CẦN.

LỚP BA VÀ LỚP NHÌ BAN TIỂU-HỌC

Ám-tả

THỢ CÂU

Một con thuyền, một cần câu. linh-đinh giữa dòng nước thì còn gì thanh-nhã cho bằng.

Thuyền nhè-nhẹ trôi đi, thợ câu châm-chỉ ngó chiếc phao nổi lềnh-bềnh trên mặt nước. Bỗng đâu phao động-đậy, ông thợ câu liền giựt mạnh. Một con cá nhỏ mắc ở lưỡi câu, rán sức vẫy-vùng, nhưng dễ nào thoát được. Ông thợ câu bắt cá bỏ vào giỏ và móc lại mồi. Bộ-tịch lanh-lẹ, đều-đều, chỉ rằng ông rất quen công việc. Được cá ông không lộ vẻ mừng vì ông cho đó là một lẽ dĩ-nhiên. Bởi thế cho nên có bửa không câu đặng cá, ông cũng chẳng buồn, ông lại còn gõ nhịp vào mạn thuyền và se-sẽ ngâm-nga :

Nước trong rửa ruột sạch trơn,
Một câu danh-lợi chi sờn lòng đây.
Sớm doi, tối vịnh vui vầy . . .

Câu hỏi

1) Giải-nghĩa những chữ : *linh-đinh, thanh-nhã, dĩ-nhiên, mạn thuyền.*
2) Giải-nghĩa 3 câu thơ sau hết :

(*Trả lời trong số sau*)

Học tiếng

Linh các : Chỗ các quan đại-tướng ở.
Linh chỉ : Phúc trời cho.
Linh cữu : Cái quan đựng thây người chết, cái hòm (cercueil).
Linh dị : Thiêng-liêng quái lạ. Thần quái.
Linh diệu : Thiêng-liêng mầu nhiệm, biến hóa không lường được.
Linh dược : Thuốc linh nghiệm lắm (remède très efficace).
Linh đơn : Thuốc tiên (élexir d'immortalité).

Thanh danh : Tiếng tăm (renommée)
Thanh dụng : Tiếng nói và mặt mày.
Thanh đơn : Cái giấy giao hàng (facture).
Thanh liêm : Trong sạch không ham lợi (không hối lộ : intègre).

Chữ khó viết.

Nổi : làm nổi ; chìm nổi ; nổi danh ; nổi giận ; nổi phình.
Nỗi : nỗi buồn ; đến nỗi ; nông nỗi ; lắm nỗi.
Nhả : nhả ra ; nhả mồi ; nhả nhớn.
Nhã : nhã ý ; hòa nhã ; nhã nhặn ; khoan nhã ; tu nhã.
lẻ : lẻ bạn ; bán lẻ ; chẵn lẻ ; lẻ loi ; lẻ tẻ
lẽ ; cãi lẽ ; cạn lẽ ; làm lẽ ; lặng lẽ.

Tác-văn (作文)

Trong tháng nghỉ, trò cùng anh em bạn rủ nhau ra ruộng câu cá. Trò hãy kể lại cuộc hành trình và buổi câu ấy.

oOo

Trong kỳ nghỉ hè vừa qua, tôi cùng 2 bạn lân cận, cả ba thừa dịp trời mát, rủ nhau đi câu cá ở ngoài thành.

Sắp đặt xong, định giờ khởi hành rồi, thì mỗi người lo kiếm cần câu, mồi.

Cột các vật ấy vào xe đạp, đạp thẳng đến vườn thú, qua cầu Thị-nghè (Phú-Mỹ) tới đường hàng Sanh. Đó là chỗ chúng tôi dừng xe lại mà định câu cá ở đấy.

Hai bên con đường thì toàn là ruộng lúa xanh um, cao độ 3 tất. Dưới ruộng thì có nước lúp xúp, dựa mé đường thì có cái rạch nhỏ, ăn luồng vào ruộng.

Xe dựng vào gốc cây, đồ điểm tâm cũng treo trên xe, mỗi người tay cầm cần câu, tay xách lon mồi trùng và cái lon lớn hoặc cái giỏ để đựng cá.

Phân ranh chia giới, người đi một ngả, câu cá gì tùy thích. Tôi thích cá bóng dừa, 2 anh kia người thích cá chốt, người nọ thích cá lóc.

Tôi đi kiếm mấy bụi lá dừa nước, thả câu theo kẹt lá rộng có nước đụt. Hết bụi nầy sang bụi nọ. Đến bụi thứ 3 thì tôi giựt được

con cá bóng dừa lớn bằng ngón chơn cái. Tôi mừng bèn tri hô lên cho hay bạn tôi biết.

Bây giờ có vẻ hăng-hái hơn.

Chập sau nghe anh bạn câu cá chốt cũng la lên rằng anh ta được một con. Còn anh kia thấy 2 bạn mình được cá bỏ giỏ, còn mình không có con nào dính tay, cũng hơi ngã lòng.

Độ một giờ sau, coi đồng hồ thì thấy *11* giờ, kẻ có cá người không. Kết quả là tôi được 2 con cá, anh bạn câu cá chốt được 3 con, còn anh kia thì giỏ không, hội lại coi cá... rồi ăn điểm tâm ... nằm dài trên cỏ hát xướng vui đùa. Đoạn nghe óc hụ, đó là 12 giờ, kéo nhau trở về, kẻo trễ cơm trưa.

Đó là kết liễu buổi câu cá của chúng tôi.

o°o

—Trò hãy thuật lại một buổi đi vớt cá thia-thia với anh em bạn ở ngoài đồng ruộng.

Dàn bài.— Định giờ lên đường các vật cụ đem theo để vớt cá.
— Đến chỗ vớt cá, người đi một ngả.
— Đến giờ trở về.
(Bài làm trong số sau).

Toán-Pháp

I. Người kia nuôi 30 con gà mái. Mỗi con ăn mỗi ngày 0$15 lúa. Trọn năm 30 con gà đẻ được 280 lố trứng. Bán lại lời được 177$50. Hỏi người nầy bán lẻ một lố hột gà bao nhiêu ?

Bài làm :
— Tiền nuôi 30 con gà mỗi ngày :
— Tiền nuôi 30 con gà trọn năm :
— Tiền bán hột gà cả năm :
— Tiền bán 1 lố hột gà.
Trả lời : 6$50

II. Chủ tiệm kia mua 28 thùng rượu giá 4050$. Bán lại lời $\frac{1}{10}$ tiền mua. Hỏi lời một thùng bao nhiêu ? — Tiền bán 1 thùng bao nhiêu ?

Bài làm :

— Tiền lời chung :

— Tiền lời một thùng rượu :

— Tiền bán một thùng rượu :

Trả lời : 1o) 22$ 50 2o) 247$ 50

I. Người kia nuôi 6 con bò sữa, mỗi ngày tốn tiền nuôi mỗi con 3$20. Hằng ngày nặng mỗi con bò được 8 lít sữa, bán 8$ một lít. Người nầy lời mỗi tháng được bao nhiêu ?

II. Người thợ may mua 18 th. hàng giá 45$ một thước. Dùng hàng đó may được 15 cái quần. Tiền may mỗi cái 12$. Tiền nút chung hết 72$. Hỏi tốn mỗi cái quần bao nhiêu ?

(*Trả lời trong số sau*)

Dictée française

On va à l'école

Hai et Ba ont fait un beau rêve cette nuit. Ils savaient lire.

Ils connaissent déjà : A, la première lettre de l'alphabet : le T qui tend ses deux bras ; l'O rond comme un cerceau ; I droit comme un bâton et même OI de Mère l'Oie.

Les enfants se sont réveillés très tôt ce matin. Il sont prêts avant l'heure.

Maman va conduire ses enfants à l'école. Elle est fière de les voir si belle mine, l'air si content.

Questions

1°) Trouvez dans la dicté des mots se terminant en *eau*. Cherchez-en d'autres dans votre mémoire.

2°) Cherchez des mots de la même famille que enfant, école.

3°) Dites quels sont les mots contraires de : tôt, maman, content.

(Les réponses seront données dans le prochain No)

(GRAMMAIRE — 1ÈRE LEÇON)

1°) Pour écrire les mots, on se sert de *lettres*.

2°) Il y a en français 26 lettres : a, b, c, d, e, f, g. h, i, j, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, w, x, y, z.

3°) La réunion de ces 26 lettres s'appelle l'*alphabet*.

VOCABULAIRE : Cris et bruits

Copiez en remplaçant les points par un des mots suivants ; coquerico — bêbê — miaou — hue — tic-tac — pan — hi-han.

Le coq qui chante fait. . . . . — Le mouton qui bêle fait. . . . — Le chat qui miaule fait. . . . . — Le charretier qui veut faire avancer son cheval crie. . . . . — La montre qui marche fait. . . . . — Le marteau qui frappe fait. . . . . — L'âne qui brait fait. . . . .

RÉDACTION

Racontez votre premier jour à l'école.

Devoir.

J'ai six ans. Maman me dit : « Tu es grand maintenant ; il te faut aller à l'école. »

Le lendemain, maman me met de nouveaux habits. Elle me sert un bon déjeuner. Elle me donne des gâteaux et quelques sous. Puis elle me conduit à l'école maternelle. Elle me confie à l'institutrice et retourne à la maison. Je pleure beaucoup car j'ai grand peur d'être seul, loin de maman. L'institutrice connaît mon chagrin et me console de son mieux. Elle est si bonne pour moi ! C'est elle qui, la première, m'apprend à lire *A, B, C*. . . Je fais aussi connaissance avec quelques camarades. Nous devenons de très bons amis.

Voilà mon premier jour à l'école. Je garde encore un bon souvenir de mon institutrice et de mes amis que j'aime beaucoup.

DEVOIR PROPOSÉ :

Décrivez votre salle de classe.

Faites votre dictée et répondez aux questions. Faites par écrit les exercices proposés. Observez bien votre classe et décrivez-la. Employez des mots très simples et très clairs et votre devoir sera bien noté.

TRẦN-VĂN-LÂM.

LỚP NHỨT VÀ BỔ TÚC BAN TIỂU-HỌC

Ám-tả

VĂN CHƯƠNG

Văn là một cái thú của nhơn sinh, nghề làm văn là một cách luyện-tập để hiểu cái thú của nhơn-sinh.

Cổ nhơn có nói rằng : « Trên thế-giới không có văn không khác gì người không biết cười, biết khóc, ngày không có mặt trời, đêm không có mặt trăng, trên trời không có mây ráng, dưới đất không có cây-cỏ, kiền-khôn vắng-ngắt, thân-thế buồn tanh, còn có thú-vị gì ? »

Vậy mỗi một dân-tộc, tất phải có một thứ văn ; văn là thứ tiếng nói được, viết được, bày ra có điều-lý, đọc lên có âm-hưởng, dùng để tả-chân cái tình cảm vô hình như là một bức hữu-hình, có thể hả-hê những nông-nỗi của mình, lại có thể cảm-động được cả người đọc người nghe.

Văn bởi tánh tình khí-phách mà sanh ra, tuy có lúc chất-phác, có lúc trang-nhã, có lúc diễm-lệ, là tùy theo cái trình-độ tiến-hóa của một dân-tộc, song cái chơn-tượng văn-chương không bao giờ đổi cả. Nếu đổi đi thì không thành văn nữa. Cho nên văn-chương không những quan-hệ đến tâm-địa hay tư-cách của cá-nhân, mà lại quan-hệ đến cuộc thạnh-suy của một thời-đại. Người nào văn hay tất không phải một người tầm-thường ; đời nào văn hay tất là đời thạnh.

X.

Câu hỏi :

1) Đại ý bài nầy nói về sự gì ?

2) Bài nầy phân làm mấy đoạn và định nghĩa mỗi đoạn.

3) Giải-nghĩa những chữ : mây ráng, kiền-khôn, điều-lý, âm-hưởng, khí-phách, trang-nhã, diễm-lệ, tâm-địa.

4) Những chữ đồng nghĩa với những chữ : kiền-khôn, vắng-ngắt.

(Trả lời trong số sau)

HỌC TIẾNG

Văn bằng : Cái giấy chứng nhận (chứng-thư : certificat).

Văn hóa : Văn-vật và giáo-hóa (dùng văn-tự mà giáo-hóa cho người).

Văn học : Học-vấn về văn-chương — Đủ cả tài văn-chương và học-thức.

Văn nhân : Người văn-học (lettré) văn-sĩ.

Văn pháp : Qui-luật để làm văn (grammaire).

Văn phòng : Phòng đọc sách (cabinet de travail).

Văn vật : Những sản-vật của văn-hóa : như lễ-nhạc, chế-độ.

Âm địa : Chỗ im, không nắng, — mồ mả.

Âm học : Tức là thanh-học (acoustique).

Âm lịch : Phép lịch định theo mặt trăng, tức là lịch Tàu và Ta thường dùng (calendrier lunaire).

Dương lịch : Lịch-pháp lấy thời-gian địa-cầu xoay một vòng quanh thái-dương là một năm 365 ngày 1/4 (calendrier solaire).

CHỮ KHÓ VIẾT

Rán : Rán sức ; nói rán ; rán mỡ.

Ráng : cây ráng ; chổi ráng ; trời ráng ; ráng mưa.

Vắn : Vắn tắt ; vắn ngủn ; vắn vỏi.

Vắng : Vắng mặt ; vắng vẻ ; vắng tanh ; thanh vắng.

Trăn : Con trăn ; trăn trở.

Trăng : Trăng trối ; mang trăng, sáng trăng.

Tác-văn

Trò tả con gà trống ở nhà trò hay là con gà mà trò đã trông thấy,

(Dàn bài trong tập IX, trang 6)

Ò... ó... o... ò... o... tiếng gà gáy gần sáng. Ấy là biểu-hiệu một đêm sấp tàn, một ngày hòng đến. Đó là con gà trống tơ ở nhà tôi gáy.

Hình dáng nó nghiêm-trang, phong-nhã, giò cao, cổ dài. Thân mình phủ bộ lông đen xen trắng trông rất đẹp.

Đầu nhỏ với cặp mắt tròn, lanh-lợi sáng-suốt ; đáng để ý nhất là cái mòng cao, tích đỏ, mỏ nhọn và rất cứng làm cho cái đầu nhỏ càng tăng thêm vẻ oai-nghi.

Chân cao và to rất cân đối với cái mình hình bắp chuối ; bốn móng dài và nhọn dùng bươi đất kiếm ăn, sau chơn có cái cựa dài bằng 2 lóng tay rất nhọn và bén là món binh khí lợi hại của con vật để hộ thân trong khi đá lộn hay binh vực gà nhà.

Đuôi dài gần chấm đất, hình cong như tàu lá dừa rủ xuống. Hai cánh lúc sè ra rộng tợ cái quạt lông, cũng mạnh và to, nhưng bởi mình nặng nên bay không được cao và xa.

Ban ngày đi thơ-thẩn ngoài vườn để bươi móc kiếm lúa, gạo hay hột bắp rơi hoặc sâu bọ côn-trùng mà ăn.

Tánh khí hung-hăn, dũng-cảm. Hễ gặp gà trống khác, lạ chuồng thì không khi nào dung thứ ; rượt đá ngay.

Ở thôn quê, lúc rạng đông, gà trống gáy ra hiệu gần sáng hầu đánh thức thúc-giục kẻ nông-phu mau mau bắt tay vào việc, chị buôn bán gánh hàng đi chợ — lại trong đời tam-quốc tiếng gà gáy trừ rắn rít, giúp ông Quan-Công qua khỏi núi và thoát chết.

Đầu-đề : Nhà trò có nuôi con mèo. Trò hãy tả hình dáng và tính nết nó thế nào.

Dàn-bài : 1) Nhập đề : ta thấy con thú ấy ở đâu.
2) Phụ đề : *a*) hình dáng, vóc vạc, màu sắc.
b) Các phần thân-thể : đầu, mắt, mũi, tai, mình, chơn, đuôi.
c) Sức cử-động : lúc ngủ, đi, ăn, kêu.
Tính nết : *Kết-luận* : con mèo có ích lợi hay phá hại...
(Bài làm số sau...)

GIÓ'I-THIỆU

Cuốn Cờ Việt Cỏi Trời Âu, do ông Mai-văn-Chất soạn ra, thuật lại các trận gặp gỡ với các tay Vợt Quốc-tế, đã xuất-bản ngày 4 tháng 8, năm 1950. Trong sách có 30 trang Hình, đủ các cây vợt Thượng Hạng.

Quí Bạn nào muốn mua xin gởi thơ ngay nhà in Thăng-Long. 41 Chemin des Dames — Saigon.

Toán-Pháp

I. Một chị thợ may may tay 1 lố áo sơ-mi mất 20 ngày, ăn công mỗi cái 6$25. Chị thợ nầy mua cái máy may hết 1350$ may 1 lố áo chỉ có 8 ngày xong. Hỏi chị nầy phải may bao lâu mới lấy lại số tiền đã mua cái máy ?

Bài làm

— Tiền may 1 lố áo :
— Tiền công may 8 ngày :
— Số ngày may máy :

Trả lời : 244 ngày

II. Một người thợ đang tất mua 3kg.750 chỉ giá mỗi kg. là 61$20. Người nầy đang hết số chỉ đó trong *27* ngày, bán 16$50 một đôi. Đang 6 đôi tất hết 750gr. chỉ. Hỏi người nầy làm công mỗi ngày được bao nhiêu ?

Bài làm

Tiền mua chỉ
— Số đôi tất đang trong 3750 gr chỉ :
— Tiền bán tất
— Tiền công đang.
— Tiền công một ngày.

Trả lời : 9$ 83

I· Một thầy thơ ký mướn một cái phòng ở nhà hàng mỗi tháng *225*$. Mỗi ngày ăn buổi sáng *2*$, *25*, buổi trưa 7$, 50 và buổi chiều 5$. 50. Song một gia đình nọ cho thầy nầy ở ngụ và ăn cơm mỗi tháng *525*$. Hỏi nếu thầy thơ-ký nầy ngụ trong gia đình đó thì mỗi năm dư được bao nhiêu ?

II Người thợ kia chi-xuất mỗi ngày *32*$, cuối năm còn dư được 1760$. Hỏi người thợ nầy làm việc trọn năm mấy ngày, biết rằng mỗi ngày lảnh được 56$.

(Trả lời trong số sau).

Dictée française

LE VÊTEMENT DÉCHIRÉ

Je regardais, tout consterné, l'accroc béant de mon pantalon; jamais plus je ne pourrais le porter un dimanche ou un jour de fête. Et que d'heures ma pauvre maman devrait passer pour le rendre mettable. A la pensée de la fatigue supplémentaire que j'allais lui imposer par mon étourderie, des larmes me montèrent aux yeux. Mais la honte de pleurer devant des camarades m'aida à les refouler. Je fis le brave et déclarai d'un ton dégagé : « Ce n'est rien. Maman le réparera. »

Questions.

1°) Expliquez: *tout consterné, mettable, fatigue supplémentaire, un ton dégagé.*

3°) Quels étaient les sentiments de ce petit garçon ?

4°) Les verbes: *je ne pourrais plus mettre, maman devrait passer*, constatent ils des faits certains ou expriment-ils ce que l'enfant *imagine* ? A quel mode sont-ils ?

Exercice écrits de vocabulaire.

1) Qu'est-ce que des *circonstances atténuantes*, des *circonstances aggravantes* ?

2°) Classez les mots suivants en partant du mot qui a le sens le plus fort pour arriver à celui qui a le sens le plus faible: *la consternation, la peine, le chagrin, le désespoir, l'accablement.*

3°) Quelle différence y-a-t-il entre *contenir* et *refouler ses larmes* ?

4°) Un travail *minutieux* est un travail qu'on fait avec *minutie*, en faisant attention aux plus *menus* détails. Citez des exemples de travail minutieux.

GRAMMAIRE

A. *Mode indicatif*

Je joue bien; je jouais bien; je jouerais bien. Ces formes du verbe expriment des faits certains. Elles appartiennent au *mode indicatif*. Sont présentées comme **certaines** toutes les actions exprimées au mode indicatif.

Résumé : (à apprendre par cœur) **le mode indicatif est le mode de la certitude.**

Ex : Je joue bien.

B. *Mode conditionnel*

La forme : *je jouerais bien* exprime un désir elle appartient au *mode conditionnel* qui est le mode de l'imagination, du rêve, du désir.

Ex : Si j'étais riche ! *j'aurais* une automobile.

Grâce au conditionnel, on présente aussi les faits comme possibles.

Ex : Le père affirme : notre enfant est malade. — La mère dit : Notre enfant serait malade.

Où est le fait présenté comme certain ? Quel est le mode employé ? Où est le fait présenté comme possible ? Quel est le mode employé ?

Résumé: **Le mode conditionnel est le mode de l'imagination, de la supp. sition, du désir**

Ex : Je jouerais bien

Composition Française

En vous amusant, vous avez déchiré votre chemise. Les circonstances de l'accident, l'état de la chemise, vos sentiments.

Devoir

I. *Les circonstances de l'accident.*

Avec ardeur, mes camarades et moi nous jouons au cache-cache sur la cour de récréation. Je suis poursuivi par un grand qui redouble de vitesse pour m'atteindre. Mes petites jambes courent de leur mieux lorsque le pied du grand vient se heurter contre le mien. Perdant l'équilibre, je suis projeté avec force, par l'élan, la face contre terre. Du même coup, les bras de l'adversaire me saisissent à la taille, la manquent, et... ma chemise se déchire, prise à pleine main, m'arrêtant dans la chute. Je suis préservé ainsi d'une blessure grave possible grâce à ma pauvre chemise.

II. *L'état de ma chemise.*

Hélas ! c'est la chemise que je préfère le plus, la chemise en soie que maman m'a donnée pour les sorties du dimanche. Maintenant en quel piteux état. Elle est réduite ! La déchire est si longue qu'elle transforme mon habit en deux morceaux d'étoffe. Ils pendent des deux côtés, pareils à des torchons qu'un mauvais farceur attache à mon dos. Tout à l'heure, à la fin de la classe, je n'oserai pas avec ma chemise réduite à l'état de loque prendre, comme d'habitude, la grande rue qui mène à la maison. J'aurais perdu ainsi ma réputation d'élégance dont j'étais si fier.

III. *Les sentiments*

Comme maman sera peinée lorsqu'elle verra ma pauvre chemise ! Elle l'avait achetée sur ses économies de ces derniers mois et confectionnée avec tant de soin, dans ses veillées tardives. Je me rappelle encore son visage radieux lorsqu'elle me la mettait pour la première fois. Elle me pardonnera, bien sûr maman est si bonne ! mais quel dur travail j'imposerai encore à pauvre maman !

DEVOIR PROPOSÉ

Vous avez cassé un jouet auquel vous tenez beaucoup. Les circonstances de l'accident, vos sentiments.

PRÉPARATION

1. *Le jouet auquel vous tenez beaucoup*. Lequel ? Pourquoi le préférez vous plus que les autres ? Comment est–il ? Comment fonctionne-t-il ? Qui vous l'a donné ? À quelle occasion ?

2. *Les circonstances de l'accident*. Avec qui jouez-vous ? Ou bien jouez–vous seul ? Les causes de l'accident. Le jouet cassé, en quel état est-il réduit ? Est-il cassé complèment ? Peut-il fonctionner encore ? Pourrez-vous le réparer ?

3. *Vos sentiments*. Regrettez-vous le jouet ? Etes–vous peiné ? Pleurez-vous ? Papa vous gronde-t-il ? Maman vous console-t-elle ? Comment ferez-vous pour avoir un jouet semblable ?

Traitez avec grand soin les devoirs proposés. Vous comparerez les vôtres avec les devoirs modèles qui seront donnés dans le prochain numéro.

TRẦN-VAN-LÂM

PHÁP-VĂN THEO LỐI HÀM-THỤ

Le Français par Correspondance

CHO CÁC HỌC-SINH VÀ CÁC BẠN MUỐN TỰ BỒ TÚC
DO MỘT NHÓM GIÁO-SƯ CHUYÊN NGHIỆP ĐẢM NHẬN

Bài vở soạn chương trình ở trường và tùy theo trường hợp riêng biệt của mỗi người, chú thích kỹ lưỡng, đều in sẵn.

Tổ chức gồm nhiều cấp học (degrés) cho thích hợp với nhu-cầu và học lực của người học.

Học phí nhẹ.

Xin hỏi bổn điều lệ in sẵn do :

Ông NGÔ-TẤN-HUỲNH

252, Q. Belgique -:- SAIGON

PREMIER DEGRÉ

(1re et 2e Année P. S.)

Orthographe

VOUS AVEZ UNE AUTO

Vous ouvrez le robinet d'essence, vous fermez le volet du carburateur, vous mettez le contact, vous appuyez sur le démarreur. Voilà votre moteur qui tourne doucement, sans bruit, comme l'exige la mécanique moderne. N'était cette legère trépidation, il est tellement silencieux que vous ne sauriez pas qu'il se prépare à moudre des kilomètres. Vous voilà parti. Vous êtes attentif au changement de vitesse, au ronron de la machine. Votre moteur lui-même, vous invite à l'accélération, Votre voiture vous conduit à une forte moyenne sur le dos de ces serpents entrelacés qui sont les routes de Cochinchine. Le démon de la vitesse vous glisse à l'oreille de pernicieux conseils. Prenez garde.

D après M. Constantin Weyer

Préparation

a) Beaucoup de vocabulaire dans ce texte : faire porter, sur les mots techniques, une interrogation Lamartinière.

b) Porter l'attention des élèves sur la terminaison des verbes : appuyer, prendre, savoir.

Questions

a) Que signifie l'expression : une forte moyenne ?

b) Qu'est-ce qu'un conseil pernicieux ?

c) Analysez grammaticalement : *l* (exige), *vous* (conduit), *vous* (glisse).

(Les réponses seront données dans le prochain N°).

RÉDACTION

SUJET : Une automobile vient s'approvisionner en combustible devant le distributeur d'essence du quartier. Décrivez la scène.

Plan

I. – Situez le posie d'essence. Décrivez-le avec ses pompes peintes en rouge, ses bidons de verre, son long tuyau flexible de caoutchouc...

II.— Une voiture arrive, le vendeur s'empresse... Il donne de l essence, de l'eau, de l'huile, « un coup de gonflage ».

III.— La voiture repart...

Indications

Chacun de nous peut « prendre sur le vif » cette scène rapide. Récit à rendre aussi vivant et pittoresque que possible.

Un alinéa, par exemple, sur l'arrivée de la voiture devant le poste d'essence.

Un autre sur la mise en place du tuyau d'alimentation et sur la commande faite.

Un 3ème sur le pompage de l'essence ; description de la manoeuvre et de l'arrivée du liquide dans les bidons de verre.

Enfin, l'essence est versée dans le réservoir de l'auto : manoeuvre du long tuyau flexible.

Sujet analogue à proposer aux élèves

Vous avez vu une automobile arrêtée à la porte d'un magasin. Faites-en la description sommaire. Au bout d'un certain temps, des personnes sortent du magasin et s'installent dans l'auto. Racontez le départ.

Plan

1 — Introduction : Circonstances où vous avez vu l'auto.
2.— Son aspect général : état, couleur...
3.— Description sommaire de ses diverses parties.
4.— Le départ de l'auto.
(Le développement de ce devoir sera donné dans le prochain N°).

Version

La première automobile

Le fils Gaudioz, heureux propriétaitre de la voiture, passait ses jours étendu sur le pavé ; oint de cambouis, armé d'une burette et d'une clé anglaise, il fouillait le ventre de sa *Serpollet*...

De loin une pétarade nauséabonde annonçait au quartier la résurrection de l'engin. Aux appels de la trompe et dans le cri des engrenages, le teuf-teuf s'élançait. Ainsi qu'un feu de salve, le bruit du moteur foudroyait le tranquille faubourg; puis ce fracas s'éloignait, tandis que, toute fumante d'allégresse, l'auto prenait le virage de la rue des Chapeaux.

D'après H. Beraud

Serpollet : une ancienne marque d'automobile.
(La traduction de ce texte sera donnée dans le prochain N°).

Toán-pháp

(Giải pháp 2 bài toán trong số trước)

I. — Số ghế bán sau hơn số ghế bán trước : 30—16=14 cái.
— Giá tiền 14 cái ghế = 720$ — 580$ = 210$.
— Giá tiền 26 cái ghế bán trước : (210$: 14) X 16 = 240$.
— Giá tiền 2 cái bàn : 580$ — 240$ = 340$.
— Bán một cái bàn : 340$: 2 = 170$.

Trả lời : 1. Giá tiền một cái ghế 15$
2. — bàn 170 $.

II. — Giả-tỉ chị bạn hàng mua ở vựa sau : 10 × 2 = 20 con gà giò và 28 × 2 = 36 con vịt, thì phải trả số tiền : 222 × 2 = 444 $.
— chị bạn hàng đó được thêm : 36 — 15 = 21 con vịt.
— và phải trả hơn : 444$ — 225$ = 189$.
— Giá tiền 15 con vịt : (489$: 21) × 14 = 135$.
— Giá tiền 20 con gà : 255$ — 135$ = 120$.
— Giá tiền 1 con gà giò : 120$: 20 = 6$.

Trả lời 1. Giá tiền 1 con vịt 9$.
2. — gà giò 6$.

I Người cha muốn mua cho mỗi đứa con một đôi guốc giá 4$75, song thiếu 1$. Vậy người chọn guốc giá 3$95 một đôi, như vậy thì dư được 2$20. Người cha nầy được mấy đứa con ? Và trong túi có bao nhiêu tiền ?

Cách làm bài Trò hãy kiếm nếu mua guốc giá sau thì người cha tốn cho mỗi đứa con *ít hơn* giá trước bao nhiêu và mua cho đủ hết mấy đứa con thì xuất ra ít hơn được bao nhiêu ?

Kiếm được 2 số tiền đó thì trò biết được người cha có mấy đứa con, sau hết trò biết trong túi có bao nhiêu tiền.

Trả lời 1. 4 đứa con
2. 18$.

II Người chủ điền kia mướn 2 người cu-li cũng đồng giá trong tháng 3 dương lịch. Đến cuối tháng thì trả cho người thứ I $1^{hl}\ 8^{l}$ gạo và 114$. người thứ II 95^{l} gạo và 133$,50. Hỏi giá tiền 1^{hl}

gạo và tiền công mỗi ngày làm việc bao nhiêu, biết rằng 2 người nầy nghỉ việc 8 ngày.

Cách làm bài Trò hãy kiếm người culi thứ nhứt lảnh nhiều hơn người thứ II mấy lít gạo và bởi lảnh gạo nhiều hơn thì phải lảnh số tiền ít hơn bao nhiêu. Như vậy trò biết được số tiền 1 lít gạo và 1^{hh} gạo. Đoạn kiếm coi người đó lảnh số tiền chung là bao nhiêu, rồi tiền công mỗi ngày.

Trả lời 1°/ 1^{hh} gạo 150$ 2°/ tiền công mỗi ngày làm việc là 12$

DEUXIÈME DEGRÉ

3e & 4e Année (P. S.)

Lecture expliquée

NOCTURNE

La blême lune allume en la mare qui luit,
Miroir des gloires d'or, un émoi d'incendie
Tout dort. Seul, à mi-mort, un rossignol de nuit
Module en mal d'amour sa molle mélodie.

Plus ne vibrent les vents en le mystère vert
Des ramures. La lune a tu leurs voix nocturnes :
Mais à travers le deuil du feuillage entr'ouvert
Pleuvent les bleus baisers des astres taciturnes.

La vieille volupté de rêver à la mort
A l'entour de la mare endort l'âme des choses.
A peine la forêt parfois fait-elle effort.
Sous le frisson furtif de ses métamorphoses.

Chaque feuille s'efface en des brouillards subtils.
Du zénith de l'azur ruisselle la rosée
Dont le cristal s'incruste en perles aux pistils
Des nénufars flottant sur l'eau fleurdelisée.

Rien n'émane du noir, ni vol, ni vent, ni voix,
Sauf lorsqu'au loin des bois, par soudaines saccades,
Un ruisseau turbulent croule sur les gravois.
L'écho s'émeut alors de l'éclat des cascades.

Stuart Merrile

LES MOTS ET LES EXPRESSIONS :

blême : pâle.

gloire: couronne de lumière qui entoure la tête des saints.

miroir des gloires d'or : la mare reflète la lumière nocturne.

un émoi d'incendie : les reflets de la lune dans la mare semblent y créer une animation.

moduler : chanter en montant et en baissant suivant la voix.

en mal d'amour : le rossignol souffre de n'avoir pas l'amour.

le deuil du feuillage entr'ouvert : les feuilles mortes laissent des vides dans le feuillage qui prend ainsi un aspect triste.

taciturne : silencieux. *volupté* : joie, ivresse.

métamorphose : changement. *subtil* : très fin, ténu.

zénith : firmament. *s'incruster* : graver.

pistil : cái nhụy bông. *nénufar* : bông sen.

fleurdelisée : l'eau de la mare semble parsemée de fleurs de lis.

émaner : provenir, sortir de. *saccades* : mouvements brusques.

turbulent : qui fait du bruit, dissipé. *gravois* : cailloux, pierre.

cascades : chute d'eau.

LES IDÉES.

1°) L'ensemble.

En musique, on appelle nocturne, un morceau tendu et mélancolique. Ce poème justifie son titre car il exprime la douce harmonie de la nuit au clair de lune. La lumière laiteuse de la lune semble envelopper les choses d'un voile de mystère et allumer des lueurs furtives. Le silence de la nuit n'est troublé que par la mélodie du rossignol, le léger murmure des branches et enfin par la voix cristalline d'un ruisseau lointain que l'écho répète. Les notations visuelles alternent avec les notations auditives. Les images se mêlent aux sons ; et les images et les sons suffisent au poète pour rendre l'harmonie ineffable de cette nuit. L'impression générale est une impression de mystère suave, de volupté discrète, de beauté subtile. L'abondance des allitérations (điệp vận) traduit magiquement cette impression.

2°) Les strophes.

La première strophe présente la lune qui se reflète dans la mare et note la chanson du rossignol. Ce reflet et ce chant sont les deux seules choses qui troublent le silence. Ils sont séparés par l'expression : « tout dort ». Le reflet est un émoi d'incendie, puis qu'il semble animer, mettre en émoi, éveiller la mare.

Le même silence se retrouve exprimé dans la deuxième strophe qui note l'immobilité des branches à cause de l'absence du vent. Cependant, la lumière des étoiles, ou de la lune pénètre à travers le feuillage et semble y susciter quelque animation. Le feuillage immobile paraît mystérieux, mais les rayons de la lune qui le percent semblent percer son mystère.

La troisième strophe montre le sommeil silencieux qui règne à l'entour de la mare et lui oppose le frisson furtif de la forêt qui semble se contraindre un mouvement, au changemant, sous la pression du vent.

La quatrième strophe montre les brouillards qui voilent les arbres et aussi, les gouttes de rosée qui brillent les perles sur les fleurs des nénufars.

Enfin la dernière strophe oppose au silence de l'obseurité, le bruit de chute d'eau.

On remarque que le poète peint par contraste. Dans chaque strophe, après avoir noté le silence, l'immobilité, le sommeil, le flou, il s'ingénie à renforcer cette impression par un détail qui semble la détruire. Habileté d'artiste, plus justement, de musicien qui sait que l'accouplement de deux tons qui se heurtent produit souvent un accord. La justesse exquise des images et des termes et les délicieuses sonorités des mots confèrent à cette nocturne un charme indicible.

STYLE :

En guise d'exercices, le lecteur s'efforcera utilement de relever et de commenter les expressions qui servent à noter le contraste dans chaque strophe (seul, mais, à peine, sauf.). Il pourra aussi commenter quelques images; gloires d'or, bleus baisers, métamorphoses, brouillards subtils, croule, et quelques vers dont l'harmonie est particulièrement suggestive (vers 4 où dominent les « m », vers 20 où dominent les « v »).

TRỊNH-VĂN-MAI

Composition française

Développez cette pensée : « *Une vie bien réglée multiplie le temps* ».

Plan

Traçons un emploi du temps.

I°) *Sa nécessité* dans notre vie.

a) en dehors des heures du sommeil et du repos, nous devons travailler avec ordre et méthode.

b) A l'exemple de Franklin nous devons avoir un règlement de vie et le suivre fermement.

2°) *Son utilité.*

a) celui qui commence tout et ne finit rien perd beaucoup de temps.

b) Que dirait-on d'un élève travaillant sans ordre ; d'un instituteur ne suivant pas l'emploi du temps bien distribué et bien ordonné à l'avance.

3) *Conclusion* : il nous faut avoir un règlement de vie et l'observer.

(*Le développement sera donné dans le prochaine N°*)

Arithmétique

(SOLUTION du Problème proposé dans le N° précédent)

Pour aller, cette personne a mis $3^h\ 42^{mn}$ c-à-d. $60^{mn} \times 3 + 42 = 222$ minutes, et pour revenir elle a mis $4^h\ 37^{mn}\ \frac{1}{2} = 60 \times 4 + 37{,}5 = 277^{mn}\ \frac{1}{2}$

En revenant elle fait 16m. $\frac{2}{3}$ de moins par minute ; au bout de 222^{mn}. il lui reste donc encore à faire $16m. \frac{2}{3} \times 222 = \frac{50m}{3} \times 222 = 3.700^m$.

Pour parcourir ces 3.700^m. elle met $277^{mn}. \frac{1}{2} - 222^{mn}. = 55^{mn}. \frac{1}{2}$

Puisque, en $55^{mn}.5$, elle parcourt 3.700m ; le chemin parcouru en $277^{mn}. \frac{1}{2}$, ou la longueur de la route est de $\frac{3.700m. \times 277{,}5}{55{,}5} = 18^{km},500$

A l'aller pour parcourir 1Km., cette personne a mis $\frac{222m}{18{,}5} 12^{mn}.$ et au retour : $\frac{277{,}5}{18{,}5} = 15$ minutes.

Réponses:
1°) La longueur de la route : 18Km
2°) Temps employé pour parcourir 1Km., à l'aller, 12 minutes ; au retour 15 minutes.

Problème proposé : A la rentrée des classes, le cours supérieur d'une école comprenait le $\frac{1}{4}$ de l'effectif total, le cours moyen les 7/20 et le cours élémentaire le reste.

Six mois après, l'effectif était doublé; le cours supérieur comprenait alors le 1/5 du nouvel effectif, le cours moyen les 3/8, et le cours élémentaire le reste.

Sachant qu'à ce moment le cours supérieur comptait 15 élèves de plus qu'à la rentrée, on demande quels étaient, aux deux époques les effectifs de chaque cours ?

(Solution sera donnée le dans prochain No)

Lúc biệt-ly, thân tặng một giáo-sư dạy Việt-ngữ

Nỗi lòng

Thưa thầy, đây buổi ban đầu
Ai xui ly-biệt để sầu chia phôi
Đó đây tuy chẳng xa vời...
Nói chi thời thế buộc người sâm-thương
Nhớ ngày cắp sách đến trường,
Chép vô trang giấy những hàng thơ hay...
Chúng em sung-sướng thơ-ngây
Lặng nghe thầy dạy mê say tâm-hồn
Hôm nay trạnh tiếc nguồn-cơn
Giựt mình vai gánh nặng ơn của thầy
Ơn nầy, em tính sao đây ?
Mười phần ăn ở ven đầy mới ngoan
Còn đâu nữa buổi sáng choang
Buồn lòng, rưng lệ, lệ loan trút sầu
Thôi em đành gạt lệ rầu
Giả-từ, xin hẹn về sau gặp thầy
Cùng thầy em nguyện từ đây,
Rắp sầu, cốt muốn sau nầy nên danh
Lòng em xin nguyện trung-thành,

Huỳnh-thị-Tuyết-Hoa
(nữ-sinh Gialong)

Luận-văn

Một thi-sĩ Hồng Mao có nói « con nít là cha người lớn ». Anh hiểu câu nói đó ra sao ?

Câu nói rằng « con nít là cha người lớn » có hình thức ngụy-ngôn nhưng suy xét câu nói đó kỹ cang thì ý nghĩa của nó rất sâu xa. Mới suy nghĩ thì hiểu rằng con nít lần lần sẽ phát nở mà thành một người lớn ; bao nhiêu tính xấu, đức hay của con nít sẽ tồn tại khi nó lớn; bao nhiêu cảm giác của thời con nít sẽ ghi lại khi nó lớn lên ; thời ấu sinh có thể ví như một bầu tài liệu mà lương tâm của đứa trẻ sau này khi đúng tuổi, sẽ có liên quan mật thiết tới cái bầu tài liệu dĩ vãng đó. Vậy giáo dục con nít là cần thiết. Uốn nắn thân thể và tinh thần con nít có nghĩa là chuẩn bị những thế hệ sau.

Ta thử xét những xu hướng và tính xấu con nít ta sẽ thấy hai điều đó sẽ xuất hiện mãi trong đời đứa trẻ, và có lẽ còn rõ rệt và trầm trọng hơn nữa. Như một đứa trẻ xảo ngôn, kiếm cách nói dối để tránh bị phạt khi còn đi học, khi lớn lên tính xấu đó sẽ làm mất nhân phẩm của nó, tư cách nó sẽ bần tiện, hèn nhát, đáng khinh. Một đứa trẻ hay táy máy lấy trộm năm ba xu, một vài hào của cha mẹ để hoặc ăn kẹo, mua đồ chơi ; khi lớn, đứa trẻ đó sẽ có thể thành một đứa ăn cắp tài giỏi nguy hiểm cho xã-hội. Gó một câu phương ngôn đã nói rằng « ai ăn cắp một quả trứng, sẻ ăn cắp một con bò » (qui vole un œuf, volera un bœuf). Vả lại nếu ta suy sét mỗi tính xấu, mỗi xu hướng của nhi đồng, mỗi tập quán không hay của trẻ con, ta sẽ thấy những điều đó, theo ngày tháng năm, và sự tái diễn mà trở thành tật xấu cho tới khi lão thành.

Nay ta xét sự tiến bộ tổng quát của đứa trẻ từ trí tuệ tư tưởng tới cảm giác hành vi, ta mới nhận thấy rằng cuộc đời của người lớn là do ảnh hưởng của ấu thời. Như một đứa trẻ mồ côi cha mẹ, thiếu thốn đủ điều, tình phụ mẫu không, mà nhu cầu vật chất cũng thiếu ; đứa trẻ đó sẻ hùng cường trong phần tính và cần năng trong phần thể. Lớn lên tính tình cương quyết, tâm chí siêng năng, cuộc đời của nó sẽ đầy nhựa sống, dồi dào năng lực. Và như cậu bé Đinh bộ Lĩnh, khi nhỏ, đã có chí điều khiển ba quân (tức lũ trẻ mục đồng) mà ban binh

bố trận ; khi lớn, tự nhiên chí cả xuất hiện và kỷ niệm đinh tiên Hoàng còn lưu vết ngàn thu.

Vậy từ thể chất tới tinh thần, con người tốt hay xấu, hoặc hay dở là do lúc ấu thời. Giáo dục nhi đồng từ nhỏ là việc cần. Ảnh hưởng bạn hữu, thời thế sẽ in sâu trong óc trẻ. Ta tập luyện những tập quán tốt từ nhỏ lớn lên ta sẽ được hưởng điều hay, ta sẽ đủ năng lực để tranh đua với đời, và, kết quả « một người hùng, một tâm hồn cường » sẽ chờ những đứa trẻ có giáo dục.

Nguyễn-văn-Đoan.

THÈME

(3e & 4e Année P. S.)

Cờ bạc, bác thằng bần

Lư-Sanh vốn con nhà phú hộ, lương thiện. Lúc cha mẹ còn sanh tiền, thì anh ta rất chí-thú làm ăn. Lhi cha mẹ thác rồi, anh ta nghe lời bạn, đâm ra chơi bời cờ bạc. Trước còn chơi cầu vui, thua ước năm bảy cắc. Nhưng ác-nghiệt thay! mới bàn đầu mà thua trên chục bắt anh ta phải đánh lớn để gỡ lại cho mau. Dè đâu « cờ bạc là bác thằng bần » tiền bạc lần lần tiêu hết, lại thêm nợ-nần, đến nỗi đất cát phải bị phát mãi, chỉ còn một cái nhà và đồ đạc lặt-vặt. Ngựa quen đường cũ, tới nước nầy, mà vẫn còn mê cờ-bạc, đến nỗi bán luôn nhà cửa thậm chí chén bác cùng các vật quí ông bà để lại cũng chẳng còn. Anh ta đành phải đụt mưa che nắng trong một lều tranh xơ xác.

Le jeu engendre la misère

Lu-Sanh est né dans une famille riche et honnête. Il s'intéressait beaucoup au travail du vivant de ses parents. Mais à la mort de ceux-ci, il s'adonnait au jeu sur les instigations de ses amis. Au début, il ne jouait que pour son plaisir, perdant cinq à sept pièces de dix sous. Le sort fut hélas cruel à son égard ! Il en perdait, dans la seule première partie, plus de dix, ce qui l'obligeait à mettre de gros enjeux pour les reprendre plus rapidement.

Il ne savait pas cependant que le jeu engendre la misère, aussi tout son argent s'en allait-il de jour en jour. L'argent de ses dettes y passait également. Mettant même à prix ses terres, il ne lui restait qu'une maison et quelques objets sans valeur. Réduit à cette extrémité, il se passionna cependant encore plus au jeu comme le cheval s'habitue aux anciens chemins. Sa maison était aussi vendue. La vaisselle et même les objets précieux que lui léguaient ses ancêtres disparaissaient de la même façon. Il s'abritait maintenant contre le soleil et la pluie sous une misérable masure en chaume.

Tội nghiệp cho Lư-Sanh ! Hồi nào nhà lớn đẹp đẽ, măm bạc đủa ngà, ngựa gỏ chiếu bông mà nay lều tranh xơ xác, chén đá đủa tre, gối rơm chiếu rách giải nghĩa một cách rõ ràng đau đớn cho anh ta hiểu câu : « Cờ bạc, bác thằng bần ».

Comme Lư-Sanh est digne de pitié! Où sont donc, aux heureux temps, la grande et belle maison, les plateaux en argent et les baguettes en ivoire, les lits de camp en gỏ et les nattes dessinées de fleurs ? Maintenant cette misérable masure en chaume, ces bols en argile et ces baguettes en bambou, ces oreillers bourrés de paille et ces nattes en lambeaux lui démontrent avec une douloureuse clarté la vérité de ce *proverbe* : Le jeu engendre la misère.

THÈME Proposé.

Tình mẹ con.

Có hai mẹ con con vượn, mẹ thì khôn-ngoan, tai-quái, con thì ngây-ngô nhẹ-dạ, nhưng lúc nào cũng đi liền bên vượn mẹ.

Người đi săn không thể nào nhử mồi, đánh bẫy được, mới lấy thuốc độc xát đầu mũi tên, rình lúc vượn mẹ vô ý, đem bắn vào. Vượn mẹ bị tên, biết mình không thể sống được, bèn vắt sửa ra rừng cho con uống. Xong rồi lăn ra chết.

Người thợ săn quay về phía vượn con, cầm roi quất vào xác vượn mẹ. Vượn con thấy thế, kêu gào thương xót, chạy ngay lại gần, người đi săn bắt sống được.

Lúc về nhà, cứ đêm đêm, vượn con nằm phục bên xác mẹ thì mới yên ; một hai khi lại ôm lấy kêu gào, vật-vã, rất thảm-thiết. Không được mấy hôm, vượn con cũng chết.

Than ôi ! vượn là giống vật còn biết thương mẹ, liều chết với mẹ, huống chi loài người lại nỡ nhẫn-tâm quên mẹ, phụ lòng mẹ ư!

Tống-Liêm.

(Bài sửa sẽ đăng trong số tới)

Elles avaient toutes deux le profil gracieux
des abricotiers et la blancheur pure de la neige.
Chacune avait son genre, mais toutes deux étaient parfaites.
Thúy-Vân, à bien la regarder, était d'une beauté grave au dessus du commun.
Le Visage rond comme la lune pleine et les sourcils rappelant la forme du ver-à-soie couché tout de son long,

N. V. V.

CHÚ

(1) Rốt lòng : con út, con đẻ sau cùng.
(2) Tố nga : Con gái đẹp
(3) Khuôn trăng : Nói mặt tròn và đẹp như mặt trăng, ý bóng đẹp như chị Hằng-Nga trong mặt trăng.
(4) Nét ngài : Lông mày (mi) dài như hình con tằm.

BÌNH

Sau khi đã mở đầu và tả gia thế rồi, bây giờ tác-giả mới tả đến vai chính trong truyện : « Thúy-Kiều là chị..... » là chị thì đẹp đã đành rồi nhưng đến cô em là Thúy-Vân cũng có cái vẻ đẹp không thua gì cô chị. Cụ Nguyễn-Du khéo-léo vẽ ra cái đẹp của «một người một vẻ...» ví như vườn hoa kia thì «Mai cốt cách, tuyết tinh thần...»

Ấy thế, nhưng ngay sau đầu đề bức họa « Hai á Tố-Nga», tác-giả liền bỏ lửng mà hạ câu : « Vân xem trang trọng khác vời » ngụ ý bảo rằng « Thúy-Vân có vẻ thùy-mị đoan-trang khác thường và nét mặt đầy-đặn, nét ngài nở nang, như thế đã là đẹp rồi, nhưng..... để người đọc phải đợi cái bức truyền-thần của Thúy-Kiều còn đẹp hơn nữa, cái tài và cũng là cái dụng ý của Tác-giả là ở chỗ đó.

Trúc-Khanh (P.T.Đ.)

Xin lưu ý

Tại Tòa Soạn Cần Học, 165 B^d de la Somme-Saigon, có bán hai cuốn sách có giá trị, do Ông **Trần-cửu-Chấn**, Docteur ès Lettres, đã soạn :

1°) *Etude critique du Kim-vân-Kiều, Poème National du Việt-Nam.*
Giá : 30$

2) *Etudes littéraires sur les Grandes Poétesses du Việt-Nam.*
Giá : 28$

Xin mời quí Bạn nên lưu ý.

ÔNG GIÀ TRỒNG XOÀI

Sẳn tay giúp ích cho đời,
Đây là nghĩa vụ đối người với ta.
Sách xưa thuật chuyện Ông già,
Phiêu phiêu đầu bạc, tà tà bóng dương ;
Ngảnh tai danh lợi qua đường
Dầy đầy ích-kỷ của phường tiểu-nhân
Dồi dào bể nghĩa nguồn ân,
Dẫu rằng tài trí muôn phần kém suy...
Cách tường một lủ vô-tri,
Dòm xem nhạo báng xầm xì mỉa-mai,
Cười Ông trồng một cây xoài,
Bên đường nhành ngọn ngày ngày khoe tươi :
« Cây năm tấc, Ông tám mươi,
« Xoài mà đơm trái thì người ra ma
« Trồng xoài thật sự đây mà,
« Mười lăm năm nữa, biết ta hởi còn !
Nói cười, cười nói thiệt giòn,
Nào dè lão-trượng lòng son một bầu,
Ông rằng ông há cơ cầu
Ra công vun bén chẳng hầu hưởng chi.
Vật còn *hổ tử lưu bì,*
Cày nầy vun bén cũng vì hậu-sanh ;
Trẻ con khôn lớn trưởng thành,
Hiển nhiên trước mắt công trình ông cha
Tàn cây che phủ dặm đà,
Bóng hồng với khách quang-hà xa nhau ;
Ông đâu đem cuộc phú hào,
Với lòng ích kỷ, buộc vào nghĩa nhân .

Giáo-sư **Vỏ-văn-Lúa**

(Soạn theo lối ngụ-ngôn La Fontaine)

Conversations *Nói chuyện*

Le temps

— Quel temps fait-il ?

— Il fait beau temps aujourd'hui. Le temps se met au beau : nous aurons une belle journée.

— Tant mieux, car hier le temps était inconstant et variable.

— Je m'en suis bien aperçu, j'ai été surpris par une averse et trempé jusqu'aux os.

— Vous n'aviez donc ni parapluie ni imperméable ?

— Le ciel était si beau que je n'avais pris aucune précaution en partant,

— Oui, le temps était lourd; la chaleur accablante, et il y avait au ciel de ces petits nuages cuivrés qui annoncent l'orage.

— Je croyais qu'ils se dissiperaient, Hélas ! tout à coup, le vent s'est levé, le ciel s'est couvert de gros nuages et une pluie battante est venue fondre sur moi.

— Et où étiez vous à ce moment ?

— A un demi-kilomètre de la ville, en pleine campagne.

— Vous ne pouviez donc pas vous mettre à l'abri ?

— Impossible. Il y avait bien quelques gros banians dans les champs, mais vous savez combien il est dangeureux de se réfugier sous un arbre pendant l'orage,

Thời-tiết

— Trời thế nào ?

— Hôm nay trời tốt. Xem ra trời đẹp ! chúng ta sẽ được một ngày tốt trời.

— Thì càng hay, vì hôm qua trời thất thường và hay thay đổi.

— Thật phải, tôi nhận thấy có vậy : vì đã bị mắc đám mưa lớn ướt thấm tận xương.

— Vậy thì anh không có dù củng không có áo mưa ?

— Lúc ra đi thì trời rất tốt (trong khe) nên tôi không dè mà đem cái gì theo cả.

— Phải nhưng mà khí trời nặng nề, nóng hâm quá, và ở trên trời có it cụm mây đỏ vàng nhỏ chỉ sấp có trận mưa to.

— Tôi tưởng những đám mây đó tan đi. Nhưng rồi, thình lình nổi con giông gió lên, mây phủ giáp trời rồi trận mưa to đổ ào xuống ướt mình tôi hết.

— Chớ lúc đó anh ở đâu ?

— Ở ngoài giữa cánh đồng cách xa thành nữa cây số.

— Chớ anh không đụt mưa ở đâu được sao ?

— Không thể núp đâu được vì ở ngoài đồng có vài cây bàng to, nhưng anh biết đang khi mưa lớn mà đụt dưới gốc cây thì nguy hiểm biết chừng nào.

— Mais alors vous avez reçu toute l'averse.

— Cela va sans dire. Ajoutez à cela que des éclairs et des coups de tonnerre se succédaient sans relâche, et que le vent m'enleva mon chapeau.

(A suivre)

— Vậy thì anh dầm đến tàn đám mưa.

— Cái đó thì chắc rồi, còn nói gì nữa. Lại thêm trời chớp và sấm sét không ngớt, rồi gió lại thổi bay mất cái nón của tôi

(Còn tiếp)

EXPRESSIONS USUELLES

— *Faire quelque chose en un tour de main* : làm việc gì rất mau chóng, nội trong nháy mắt.

— *Se tirer d'affaire* : khéo xoay trở, chuyển nguy thành an.

— *Savoir retomber sur ses pieds* (*sur ses pattes*) : người lanh lẹ khéo léo, lâm vào cảnh nguy khốn mà giải-thoát cách dễ dàng.

— *Avoir sa revanche, prendre sa revanche* : trước thua kém ai sự gì, bị ai lấn lướt, nay thắng lại.

— *Poser* (*ou planter*) *ses jalons* : gom góp tài liệu để làm việc gì — làm thử việc, xem coi có chóng thành.

— *Faire une combine* : sắp làm một việc, hy-vọng sẽ có kết quả tốt.

— *Il n'est pas né d'hier* (câu nói nhạo) : nó có kinh-nghiệm ít nhiều, chớ không phải hư dốt, bất tài.

— *Il passe pour un homme très habile* : người ta kể nó là người khéo lắm, là thơm tay may miệng lắm.

— *C'est une fine mouche, c'est un homme de ressource*: nó là người khéo léo cơ mưu lắm.

— *Il a fait un coup de maître* : nó làm một cách rất giỏi, rất khéo.

— *Quel brasseur d'affaires !* : người làm nhiều việc một lượt.

— *C'est un fin, un rusé compère* : người khôn-khéo, cơ xảo, quỉ-quyệt.

— *Je ne suis pas en peine de lui* : tôi không lo gì nó, nó biết xoay nguy làm an.

— *Il est riche en système D ; il sait appliquer le système D* : nó thạo lắm, nó khéo xoay trở.

TINH HOA VĂN HỌC

Tích thời hiền nhân : Người hiền đời xưa.
huấn ngữ chuân-chuân : Lời dạy đáu đáu (ân cần)
tập vận tăng quảng : góp vận lại thêm rộng.
đa kiến đa văn : Nhiều sự thấy nhiều đều nghe.
quan kim nghi giám cổ : Xem chuyện đời nay nên soi gương xưa.

Vô cổ bất thành kim : không có xưa thì không thành nay.
Tri bỉ tri kỷ : biết mình biết người,
Tương tâm tỷ tâm : đưa lòng mình so sánh với lòng khác.
Tửu phùng tri kỷ ẩm ; Tiệc rượu gặp người tri kỷ càng uống.
Thi ngộ cố ngâm ngôn : Câu thơ gặp kẻ bạn củ cùng ngâm vịnh.
Dị phản, dị phúc, tiểu nhân tâm :
(dĩ = Dễ) hay tráo, hay trở là lòng kẻ tiểu nhân.
Vận khứ kim thành thiết :
Vận đi (xui) Vàng thành Sắt.
Thời lai thiết tự kim :
Thời lai (tới) Sắt giống Vàng.
Độc thư tu dụng ý :
đọc sách phải nên để ý.
Nhứt tự trị thiên kim :
Một chữ đáng giá ngàn vàng.

Lược sử ba phái học thuyết, Khổng, Lão, Mặc,

Việc giáo dục và sự nghiệp về trước thuật của Khổng-tử.
Khổng-tử học rộng tài cao, cho nên nhân sĩ bốn phương theo học rất đông. số đệ tử có 3 ngàn người, trong số thông thạo sáu nghề có 72 người, mà có 10 người giỏi hơn, đời sau gọi là thập triết.

Về phương phép giáo dục của người 1° chú trọng về cái tánh thích ứng — tùy tài mà dạy 2° chú trọng về sự mở mang (khởi phát) «*Bất phận bất khãi, bất phị bất phát* » : Không giận thì không mở, không lo thì không phát v. v. Về khoa mục giáo học là Thi thơ, Lễ, Nhạc, với học thuyết của ngài mà bọn học trò đã thuật ra như sách Luận Ngữ, và Nhi Đái lễ ký v. v.

Những sách ngài trước thuật là Thi, Thơ, Dịch, Lễ Xuân thu.

Lão-tử – họ Lý, tên Nhỉ, tên chữ là Nhiêm lại còn tên chữ là Bá dương. Người khúc nhân lý, làng Lễ Hương, Huyện Khổ, thuộc nước Sở. Từng làm sử quan tại tàng thất nhà Châu (tức là quan quản lý tàng thơ viện). Về ngày tháng sanh đẻ và lúc chết của Ngài không thể xét định được. Lúc Khổng-tử đi qua nhà Châu, có tới Viếng Lảo tử hỏi về việc lễ, đủ chứng tỏ ông đồng một thời với Khổng-tử, mà lớn tuổi hơn. Lời Lão tử đáp với Khổng tử: «Điều mà nhà Thầy nói đó, người với xương đều đã mục nát hết rồi, chỉ còn lại lời nói nữa thôi. Ta nghe rằng » kẻ buôn giỏi giấu kín đồ như không có, kẻ quân tử có đức tốt, dáng điệu như người dại. Hãy bỏ khí kiêu căng với lòng đa dục của nhà ngươi đi, thói sắc với lòng dâm đều không ích gì cho thân nhà người. Đó là điều tôi cần nói lại với nhà thầy đó thôi ».

Khổng-tử bỏ đi về, nói với học trò rằng :

Loài chim, ta biết tài hay bay ; loài thú, ta biết tài hay chạy ; loài cá ta biết tài hay lội; hay chạy có thể dùng bẫy, hay lội có thể dùng lưới, hay bay có, thể dùng tên ; còn như con rồng, thì ta không biết,cởi mây giómà lên trời được ngày nay ta thấy Lão–tử, có phải rồng đó chăng.

TRANG THỂ-DỤC

TẬP THỂ-DỤC THẾ NÀO ?

NGUYỄN-VĂN-ĐOAN

Tập luyện bộ máy thở

Ai cũng nhận thấy rằng con người cần đồ bổ dưỡng nhiều sinh chất để nuôi các tế bào. Đồ bổ dưỡng đặc là các thức ăn, đồ lòng là các thức uống và đồ khí là dưỡng khí. Dưỡng khí lởn vởn trong không khí bao bọc ta. Cơ quan thâu nhận dưỡng khí là hai lá phổi. Hai lá phổi nằm trong lồng sườn. Vậy lồng sườn phải rộng rãi để đựng lá phổi lớn. Trong trình diện tích trực tiếp dưỡng khí là 130 thước vuông do phổi đảm nhận. Mỗi ngày ta cần thở một số tối thiểu không khí là 10. 800 lít. Như thế ta thấy rằng sống nơi thoáng khí và trong sạch là cần. Vả lại phổi còn đảm nhận một công tác tối quan trọng là tiêu độc vì do phổi mà chất thán khí theo máu dẫn tới phổi và thoát ra ngoài.

Công tác của phổi là vậy cho nên bộ máy thở đắc lực thì sự cường tráng mới được bảo đảm. Tập luyện bộ máy thở là điều thứ nhất ta phải quan tâm.

Tập luyện bộ máy thở thế nào ?

Thoạt tiên ta hãy phân biệt 2 điệu thở : Điệu hít không khí vào và điệu thổi ra. Ta nên hít vào bằng mũi và thở ra cũng bằng mũi. Ta chỉ nên thở bằng mũi mà thôi. Những học trò hoặc người lớn mà miệng thường hả ra, phần đông là thiếu thở hoặc có thể nói là không biết thở. Thở bằng mũi phải là một tập quán vì khí trời trước khi chảy vào phổi đã được hấp ấm rồi, và bụi bặm do cánh mũi và lông mũi cản giữ lại, và áp lực thấm vào các lỗ phổi được điều hòa không quá mạnh như khi ta hút bằng miệng.

Động tác thở lại có hai lối : lối thở bình thường và lối thở nỗ lực. Thở bình thường thì ta chỉ do nhu cầu mà thở thôi. Nhưng thở theo nhu cầu thì thường ta không để ý tới mà lần lần ta lâm vào tình trạng, lười thở nghĩa là thở thiếu nhu cầu. Còn lối thở nỗ lực thì không những thở đủ nhu cầu mà còn hít vào dư khí trời và thổi ra hết khí dơ. Vậy tập luyện thở có nghĩa là nỗ lực thở. Muốn nỗ lực thở thì các bắp thịt có liên quan tới lồng sườn phải phụ lực vào động tác thở mà mở rộng lồng sườn ra hoặc khép hẹp lồng sườn lại để khí trời vào cho nhiều và hơi thở ra cho hết. Có những bắp thịt chuyên công mà mở lồng sườn ra và có những bắp thịt chuyên công mà khép nó lại. Vì muốn tránh những chi tiết phức tạp về khoa-học nên tôi sẽ trình bày ngay vài kiểu động tác thở và vài phương cách tập luyện.

(Còn tiếp)

Dự cuộc Thi Toán-đố

Có 3 bạn kể tên dưới đây đã gởi bài Thi Toán-cố đến Tòa-soạn ngày 4-8-50.

1) Bạn Đinh-thái-Anh, trường Đa-Nghĩa Dalat — trúng 3 giải đáp, được tặng 3 tháng báo từ tập XIV đến tập XXV.

2) Bạn Phạm-thanh-Liêm, Học-sinh Cao-lảnh, trúng 1 giải-đáp, được tặng 1 tháng báo từ tập XIV đến tập XVII.

3) Cô Bạch-Cúc, Đệ Nhị-Niên, trường Gia-long — 73 Avenue Alexandre de Rohdes, trúng 1 giải đáp cũng sẽ được tặng 1 tháng báo từ tập XIV đến tập XVII.

RƯƠNG VÀNG CỦA CON TÔI

Tác giả : **Ông N. Trương-vỉnh-Tống**

CHƯƠNG THỨ I

ĐẠO THỜ CHA MẸ *(tiếp theo)*

Ông Tăng–Tích thuở xưa, bình sanh ưa ăn trái dương-tảo, con của ông là Tăng–Sâm phụng-dưỡng ông, không khi nào thiếu món ấy ; ngoài ra hằng bữa đều có rượu thịt, sau khi ăn xong rồi mà dọn mâm đi, ông Sâm thường hỏi cha có muốn cho ai chăng. Cha hỏi có còn dư không ? thì ông đều thưa rằng còn. Ấy là ông Sâm dọ ý của cha mình muốn đem khẩu-trạch cho con cháu, hoặc người nào, thì mình cũng chiều theo vậy.

Đến đời con của ông Tăng-Sâm là Tăng-Nguyên, phụng-dưỡng cha mẹ, hằng bữa cũng thường có rượu thịt, nhưng sau khi ăn xong rồi mà dọn mâm đi, thì ông Nguyên không hỏi ý cha mẹ muốn cho ai. Cha mẹ hỏi có còn dư chăng? thì ông Nguyên trả lời rằng hết. Ấy là ý để dành đặng bữa sau dọn lên lần nữa vậy.

Làm con như ông Tăng-Sâm, đối với việc nuôi cha mẹ thì đủ lễ nuôi khẩu-thể và nuôi tâm-chí. Một sự chiều theo ý muốn của cha mẹ thì suy ra trăm sự sẽ thấy ông hết thảy chiều theo, như ông Tăng-Sâm thì thiệt hiếu tử thay, kẻ làm con nên lấy đó làm gương ; Còn như ông Tăng-Nguyên thì tuy chẳng đến đỗi bất hiếu, nhưng chỉ biết khẩu-thể mà thôi.

Cái bổn-phận phụng-dưỡng cha mẹ đó là bổn phận chung của cả một bầy con, vì cha mẹ sanh con, nuôi con, đối với con nào cũng một mực quân-bình, chẳng phân-biệt gái với trai, lớn với nhỏ, đều đem công khó mà thương yêu hết thảy. Vậy thì cả bầy con đều nên nhận sự nuôi cha mẹ làm bổn–phận, nuôi thân–thể, nuôi tâm-chí, con nào miễn hết tâm lực của con nấy, chớ chẳng nên ganh–tị với nhau, xô–đẩy cho nhau. Kinh Lễ-Ký nói rằng : « *Tả hữu tựu dưỡng vô phương* (1) là nghĩa đó vậy.

Thế mà ở đời lại có những nhà đối với sự nuôi cha mẹ, con nầy ganh–tị với con khác, con nọ xô–đẩy cho con kia, té ra *xôi hỏng bỏng không*, nhà đông con lại không bằng nhà con một, Vì vậy mà tục-ngữ có câu : « *Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể ; con nuôi cha mẹ con kể từng ngày* » lại có câu « *Một mẹ nuôi được mười con ; mười con không nuôi được một mẹ* ».

Đã là con một nhà, thì cha mẹ vẫn là cha mẹ chung, bầy con đều phải hiệp lòng đâu sức mà phụng dưỡng cha mẹ. Nhưng năm ngón tay còn có ngón dài ngón ngắn, huống chi là con người ta, trong hàng anh em lẽ nào chẳng có người sang kẻ hèn, người giàu kẻ khó. Vậy đều nên tùy theo phận-lượng, có sức nào miễn hết sức nấy, cho xứng với lòng mình, chớ kẻ nghèo–khó chẳng nên đổ

(1) Nghĩa là : con nầy con kia tới nuôi cha mẹ không phân biệt phương hướng.

trút cho anh em sang-giàu ; mà người sang-giàu cũng chẳng nên phân bì với anh em hèn khó.

Con người ta còn phải nghĩ rằng cha mẹ đối với mình là hạng người tuyệt đối, dầu có kẻ thân quí bậc nào cũng không bằng cha mẹ mình đợực, chẳng nên đem tình nịch-ái mà đổi lòng thần-hôn.

Thế mà ở đời lại có những kẻ chỉ biết thương mến vợ con, thức ăn đồ mặc chỉ lư tú-cho vợ con, mà chẳng ngó ngàn tới cha mẹ. Nếu có kẻ trách mắng sự trái lẽ của họ, thì họ lại biện quấy rằng : Sanh con, nuôi con là chức phận của cha mẹ, ngày nay tôi cũng phải mang chức phận ấy, nên không có ngày-giờ ngó nhìn tới cha mẹ, nghĩa là tôi còn mắc bận vợ con.

Vợ vẫn là kẻ mê thương, nhưng họ thử ngẫm lại lúc họ oa-oa đợi mớm, thì đã sẵn có vợ nân-niu bồng bế cho họ chưa ! Cha mẹ nuôi cho lớn lên, lo-âu khó nhọc, trông có dâu để thay thế công việc hầu hạ, Té ra có dâu mà cha mẹ không được có con nữa, thì có phải là lòng *sanh trai mong có vợ* của cha mẹ không được kết quả hay chăng ? Trái lẽ luân thường, sao họ không nghĩ tới nghĩa đó ?

Con vẫn là kẻ nên mến, nhưng họ thử nghĩ : trước khi chưa có ta thì đã sẵn có con chưa ? Con là con của ta, mà ta là con của cha mẹ; ngày nay ta chẳng ngó nhìn tới cha mẹ, sau nầy con ta nó sẽ học theo ta chẳng ngó nhìn tới ta, rồi đó mới thấy cái lẽ: *Bắc cầu mà noi* và tin câu cổ-ngữ nói : « *Hiếu thuận hoàn sanh hiếu thuận tử, ngọ-nghịch hoàn sanh ngọ-nghịch nhi.* (1)

Quả như tình tệ đã kể trên đây, nên ông Tăng-Tử nói rằng » : *Lòng hiếu suy, vì vợ con* » là câu cảm-thương thói đời vậy. Mà thói đời tới ngày nay lại càng tệ lắm : Ta thường thấy người đời lúc chưa có vợ con thì vẫn quyến-luyến cha mẹ, kính trọng cha mẹ ; tới chừng có vợ con mà coi vợ con rất trọng coi cha mẹ trở ra khinh ; đối với vợ con càng thân, đối với cha mẹ càng sơ. Chẳng hay tánh trời của họ để đâu, mà họ điên đảo cang thường như vậy ?

Cho nên cái tánh trời thuần hiếu, ở về lúc chưa có vợ con vẫn chưa thấy rõ ; mà thấy rõ ở lúc đã có vợ con. Kẻ có lòng thuần hiếu do tự tánh trời, thì dầu lúc đã có vợ con vẫn giữ một niềm quyến-luyến kính trọng như xưa, chẳng những vẹn đạo hiếu của mình mà thôi, lại còn cảm hóa được vợ con, gầy nên thói hiếu trong gia đình nữa. Rồi đây sẽ thấy con hiếu lại dắt con dâu cũng hiếu theo, vì nàng dâu biết chiều ý cha mẹ chồng, thì sẽ sanh một bầy hiếu tử. Dâu hiếu rồi lại dẫn cháu cũng hiếu với, vì đứa cháu biết vui lòng ông nội và bà nội, thì nó sẻ nhóm thành một lũ hiếu tôn.

(1) Nghĩa là : Hiếu-thuận lại sanh con hiếu-thuận, ngang-trái lại sanh con ngang-trái.

TƯ-TƯỞNG ĐÔNG-TÂY

« HỌC VẤN »

—Viết trật chữ và sai nghĩa là để cho người ta thấy mình ít học.

— Học rộng mà phải chuyên tâm bền chí, hỏi những điều thiết thực mà suy nghĩ để hay cho tấm thân.

— Sự kinh nghiệm ví như một trường học mà những bài học giá rất mắc.

— Nghề văn-chương cốt phải đọc sách vở cho nhiều, tích nghĩa lý cho giàu.

— Tin sách cả, không bằng không sách còn hơn.

— Đứa ngu dốt lúc nào cũng tự khen tài mình.

— Kẻ sĩ cần nhất phải có khí độ cho to, và kiến thiết cho rộng.

—Người ta biết nhiều cũng là làm giàu.

— Người nào có tánh kiêu ngạo là tự phô bài sự dốt nát của nó.

— Gươm tuy tốt, có mài mới sắc, tài tuy tốt có học mới cao.

L.H.

(Sao lục)

So sánh những câu ngạn-ngữ và cách-ngôn Việt-Pháp

— Có công mài sắt, chầy ngày nên kim.
A force de forger, on devient forgeron.

— Ăn có nơi, ngồi có chốn.
Une place pour chaque chose, chaque chose a sa place.

— Trăm lay không bằng tay quen.
La théorie ne vaut pas la pratique.

— Thân lừa ưa nặng.
La rudesse réussit mieux que la douceur.

— Hữu-xạ tự nhiên hương.
A bon vin point d'enseigne.

— Tốt danh hơn lành áo.
Bonne renommée vaut mieux que ceinture dorée.

— Gần chùa gọi bụt bằng anh.
Il n'y a pas de grand homme pour son valet de chambre.

Lecture instructive

Ne craignez pas les difficultés

Un jeune homme rencontra un enchanteur dans la forêt. Il le salua et le vieux petit sorcier pour le remercier de sa politesse lui promit qu'à l'avenir il n'aurait qu'un mot à dire : chacun de ses désirs serait satisfait. Cette promesse fut si bien de son goût qu'il voulut tout de suite en faire l'épreuve. Il souhaita d'habiter un palais et fut aussitôt transporté dans une habitation merveilleuse. Il voulut être l'homme le mieux habillé qu'il y eût dans le monde entier, et il se trouva vêtu de velours soutaché d'or avec des broderies de perles et des nœuds de pierres précieuses. Il veut commander les troupes du Roi : cavaliers et fantassins se mirent à défiler devant lui, le saluant avec leurs hallebardes, et tirant les bombardes en son honneur. Et ainsi de suite... L'année était à peine terminée, notre jouvenceau s'en alla au carrefour de la forêt : « Méchant petit sorcier : qu'as-tu-fait de moi? et que t'avais-je fait ? Je ne t'avais pas offensé et voilà tu m'as rendu le plus malheureux des hommes et donné « le désir de mourir ».

Je trouve ce petit conte plein de saveur, je vous l'offre afin que vous en méditiez le sens et qu'il vous soit utile. Car je vous ai entendus vous plaindre de votre condition et de votre temps, vous trouvez que les débuts de la vie sont rudes et vous vous récriez : « Comment tout est devenu difficile ! Combien il faut de travail et d'efforts pour un mince résultat ! et c'est chaque jour à recommencer, ce n'est pas gai ! »

Le fait est que vous avez été des écoliers laborieux et vous êtes effrayés de tout ce qu'il vous reste à apprendre ; vous avez pris un métier et il surgit de tous les coins des concurrents. Vous tâchez d'agir en braves gens et vous apercevrez qu'on vous prête des tas de mauvaises intentions, qu'on soupçonne dans vos paroles, et dans vos actes, des abîmes d'arrière-pensée. Chaque morceau de pain que vous mangez, vous avez dû le gagner, et celui du lendemain n'est pas assuré. Pas un jour sans peine, pas une heure sans lutte ! Il vous faut batailler, résister, attaquer ou vous défendre, même pour avoir le droit

de prier Dieu. Souhaitez qu'il en soit toujours ainsi ; à vivre difficilement vous prenez conscience d'être des hommes, c'est à l'intensité de votre effort que se mesure votre dignité. (R. Doumic)

Hộp thơ

Cùng Bạn Trần văn Láng c/o Mr T. V. Chung, Instituteur Ecole primaire de Garçons Sadec. Chúng tôi có nhận được bài của bạn gởi đến. Lần lượt sẽ đăng trên báo. Rất đa tạ.

C. H.

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP HÀNG SÁCH HÀNG BÁO

Sách Tiểu-Thuyết Mới

EM KHÔNG YÊU ANH

Tiểu-thuyết ngắn Của HỒNG-SƠN

(Bìa in hai màu bằng litho) Giá Saigon : 9 $

NGA và THUẦN

Truyện dài Của LÝ - VĂN - SÂM. *Giá 11 $*

(Là một truyện của thời loạn)

NGA : thiếu-nữ thời loạn — THUẦN : thanh-niên thời loạn

SÁCH HỌC THƯỜNG NGÀY

PHÁP-VĂN THỰC-HÀNH VÀ BỔ-TÚC

Leçons Pratiques de Français

Đã ra số 1 và số 2

Trường Bình dân Học-Hiệu do giáo sư NGUYỄN-VĂN-HẠNH

(*L'Université populaire*) *Giá mỗi cuốn 7$*(Trọn bộ là 4 cuốn)

TRỌN BỘ SÁCH KHOA-HỌC

Của bổn phận thanh-niên nam-nữ

ÁI-TÌNH BỬU-GIÁM I Giá ; 12 $ 00

ÁI-TÌNH VÀ SẢN-DỤC II Giá : 15 $ 00

dịch và bổ chính PHẠM-HOÀNG của Bác-Sĩ BYRNES

Thơ từ và ngân phiếu xin gởi ngay PHẠM-SƠN

Hộp thơ 286 -:- Saigon

HIỆU NOVA

MAY Y-PHỤC
và
CHEMISE

Sang Pháp và trong xứ rất danh tiếng khắp nơi.

Có nhiều hàng vải đẹp vừa ý quí ngài.

33, đường SABOURAIN

Gần chợ SAIGON

Giây nói : Cardi, 435

Nhà sách TÙNG QUANG

159, đường Lê-Lợi -:- SAIGON

Tại đây có bán đủ các thứ sách Việt-Ngữ, Pháp-văn, đồ dùng của học trò và bản nhạc bốn phương.

Lại cũng có cho mướn sách, tiểu thuyết, truyện cũ và mới. Xin mời quí Ngài chiếu cố.

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được cuốn « **Kiếp Gió Sương** » thuộc loại chọn lọc của nhà xuất bản Nam-Việt phát hành. Tập truyện của 3 cây viết : Hoài-Sơn — Thiếu-Lăng-Quân — và Trúc-Khanh.

C. H. xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

C. H.

PHOTOGRAVURE ET DESSINS

NGUYEN VAN DAU

Chuyên-môn khắc bản kẽm để in :
HÌNH ẢNH · SÁCH BÁO · TẠP-CHÍ
MỤC-LỤC · QUẢNG-CÁO · NHÃN HIỆU
ĐỦ MÀU VÀ ĐỦ KIỂU
MẮT KIẾN RA ĐI Ố
KIẾN RỌI MẤN ẢNH

Cliché Dau

TÉL: 21.651

17 ĐỖ-HỮU-VỊ SAIGON

Dễ in · Lâu mòn · Sạch · Rõ · Đẹp

DANH SÁCH QUÝ ĐỘC-GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN

R. P. P. Tri. Curé de Hiệp-Hòa, Đức-Hòa, Chợlớn	6 tháng	104$
Sœur Lucie, Ecole confessionnelle de Xóm-chiếu	3 tháng	50
— Elisabeth, Cathédrale. Saigon	»	50
— Marie Bông, Thạnh-tân, Bình-đại, Mytho	6 tháng	104
— Marthe Vốn, Thủ-ngử Bình-đại, Mytho	»	104
— Marie Đến, Kinh-điều. Mytho	»	104
— Cécile Sa, Phú-nhuận, Giadịnh	»	100
— Anne Hương, Phú-nhuận, Giadịnh	»	100
— Marie Lộc, — —	»	100
— Anne Ca, Gia-định	12 tháng	200
Ông Triều, 47, Norodom, Saigon	3 tháng	50
— Phụng, Pharmacie de France	»	50
— Đỗ-hữu-Sung, Section d'Identité Judiciaire de Nhatrang	»	65
— Đỗ-hữu-Sang, Interprète Tribunal dc Compong-cham-Camboge	12 tháng	220
— Nguyễn-Bộ, 12, Rue Prison, Nhatrang	6 tháng	125

Háy đọc, cổ động và truyền-bá cho

CẦN - HỌC

được phổ thông.

Giá mua dài hạn

	Saigon-Chợlớn	L.T. T.B.M.L.
3 t. : 12 số 50$	52$	65$
6 » : 25 » 100$	104$	125$
12» : 50 » 200$	208$	250$

Thơ và ngân phiếu xin đề :

Mr NGÔ - VAN - THANH

165, Bd de la Somme :- Saigon

HỘP THƠ

Cùng Bạn Hoài-vẫn, ở Đà-nẵng, chúng tôi sẽ thi hành cái chương-trình mà quí bạn đã vạch ra và cố-gắng làm hài lòng quí bạn. Rất đa tạ.

Cùng Bạn Nguyễn-hoa-Lý, 18, Ruelle Desbos, Nam-vang, ý-kiến của Bạn rất hay, chúng tôi tán thành và sẽ thi-hành.

Trong tập 14 sẻ đăng đủ các bài thi nhập Trường Trung-Học ở Saigon.

Giấy phép số 267 T.X.B.

Ngày 24 tháng Bảy 1950 d. l.

—— In tại Ấn Quán —:—

— NAM - HƯNG —

165, Bd. de la Somme- SAIGON

HỌC ĐỂ PHỤNG SỰ CHÁNH

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES

CẦN HỌC

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

TẬP XIV

44 TRANG

với sự hợp-tác của quí ông :

Trương-v-Tống	*Nhà học-giả*
Vỏ-văn-Lúa	*Giáo-sư Pháp-văn*
Ngô-tấn-Huỳnh	— —
Trịnh-văn-Mai	— —
Trần-văn-Lâm	— —
Huỳnh-văn-Đó	— —
Trí-Đức	— *T.H.A.V.*
Châu-sáng-Thế	— *Anh Văn*
Nguyễn-v-Đoan	*G. Đ. Thể-dục*
Trúc-Khanh	*Thi-sĩ, văn-gia*
Nam-Hồng	—
Lê-Hương	—
B. Truyền	—
Lưu-đình-Khải	*G.Đ.T. Mỹ-thuật*
Bùi-văn-Kính	*Giáo-sư Hội-họa*
Thái-văn-Cẩn	— —
Trần-đình-Nhu	— *Họa-văn*
Thiếu-l-Quân	— *Tốc-ký V.N.*

Tòa soạn : **165 Bd. de la Somme**
Téléphone : 21 309
SAIGON

Giá *Nam-bộ* **5$00**
Trung, Bắc, Miên. **6 00**

Con số xưa

Kính ông chủ bút báo Cần Học.

Chúng tôi là một nhóm độc-giả nhiệt thành Cần Học xin gởi đến ông vài hàng sau đây để khuấy rối ông trong công việc kiến-thiết nền văn-hóa nước nhà...

Kính thưa ông, chúng tôi thấy trên bìa Cần Học, nhứt là từ mấy tập sau nầy, in màu đẹp, giấy tốt, song dùng con số thứ tự, ít mấy khi thấy dùng đến...

Vậy chúng tôi xin ông vui lòng cắt nghĩa số ấy là số gì ? Cách dùng và luật-lệ phải giữ khi dùng đến thế nào ?..

. . . . . .

Cùng quí bạn đọc nhiệt thành Cần Học, đáp lại bức thơ của quí bạn gởi đến tòa soạn, mà tôi cho đăng trên mặt báo : vì xét thấy cũng là một ích-lợi chung cho quí bạn đọc khác được hoặc coi lại, hoặc học thêm về con số thứ tự mà Cần Học dùng...

Con số ấy gọi là số ROMA mà xưa người Romano dùng đặng đếm khi viết. Những con số ấy mượn trong cuốn vần gồm có 7 con số là :

I V X L C D M

1, 5, 10, 50, 100, 500, 1000

Bây giờ người ta thường dùng số Roma để chỉ ngày, tháng, năm khi khắc trên mộ bia kỷ niệm, để chỉ giờ trên mặt đồng hồ, để chỉ chương (đoạn) sách hay là những khoản trong một chương.

Khi dùng số Roma thì phải giữ 3 luật nầy :

1°) những số đồng giá đặt tiếp theo nhau thì thành ra nhiều hơn : XXX = 30.

2°) Một số đặt phía mặt số lớn hơn thì thêm vô nhiều hơn XV = 15 (10+5)

3°) Một số đặt phía trái số lớn hơn thì bớt số ấy ra nhỏ hơn XL = 40 (50—10).

Vài thí dụ : 14 thì viết XIV, chớ đừng viết XIIII.

19 thì viết XIX chớ đừng viết XVIIII.

Cô Lệ-Khanh (Cholon) Đúng như ý nghĩ của cô, tờ Cần Học là tờ báo rất hữu ích trong gia-đình. Học sinh đọc Cần Học thì đã đành rồi, đến những anh em lao động, sự học hỏi dang dở phải lấy tờ Cần Học làm cây kim chỉ Nam giúp ích cho trí tuệ.

LƯỚNG-KHANH

KHUYÊN CẦN HỌC

TẢN ĐÀ

Ngày tháng như chim bay,
Nên nghĩ mà lo thay:
Một mai ta lớn tuổi,
Khó học hơn ngày nay.

Sự học trong nghĩa-lý,
Có học có suy-nghĩ.
Nghĩa-lý không biết suy.
Học-vấn như vô-vị.

Sách vở chúng ta học,
Mắt trông, miệng thời đọc.
Chữ sách ở ngoài thân,
Nghĩa-lý vào trong óc.

Nhờ óc ta thông-minh
Nhờ học, óc càng tinh.
Có học không biết nghĩa,
Như óc không thần-kinh.

Nghĩa-lý không cùng-kỳ,
Càng học càng tinh-vi.
Thánh-triết cùng ngu-dốt,
Hơn nhau vì biết suy.

Thầy dạy ta biết ơn,
Tư-ích có bạn hiền,
Công học không ai giúp,
Siêng gắng từ ta hơn

Có học có khôn biết,
Trí khôn học có tiến,
Bước lên đường thông-minh,
Một mai theo thánh triết.

Sự học trọng đức hạnh,
Người hay như ngọc sạch.
Nung đúc nhờ núi sông,
Mài dũa nên thánh hiền.

Hiền thánh cũng là người,
Đức hạnh hay hơn đời
Nhìn xưa nào có mấy,
Quý báu trên trần-ai.

Học vấn có từng bước,
Nghĩa-lý có sau trước.
Nghĩa học từ thân ta,
Suy nhà ra đến nước.

TẢN-ĐÀ,
Nguyễn-khắc-Hiếu
trích lục sách « LÊN - TÁM »
(Nhà xuất-bản *Hương-Sơn*
Hà-nội)

LỚP BA VÀ LỚP NHÌ BAN TIỂU-HỌC

Ám-tả

DƯƠNG-HƯƠNG

Ngày kia Dương-hương đi theo cha cắt lúa gần mé rừng. Thình-lình có một con cọp nhảy ra, bắt cha Dương-hương hầu toan ăn thịt. Dương-hương nóng ruột a vào đâm cọp với con dao cắt lúa ; bạ đâu đâm đó, chẳng sợ oai-hùm, chỉ sợ cha chết mà thôi. Thấy vậy, cọp hoảng-kinh thả cha Dương-hương ra rồi cong đuôi nhảy riết vào rừng.

Cho hay hùm dữ còn sợ oai con thảo huống chi người, ai thấy chẳng kiêng.

Có bài thơ rằng :

Thấy cọp bắt cha, ngó chẳng đành
Dương-hương vì hiếu, chẳng vì sanh
Cho hay phụ-tử tình thâm trọng
Nguy-biến dường bao cũng vẹn-gìn.

Lời bàn.

Tấm lòng con thuờng yêu cha mẹ vẫn ai ai cũng có. Song gặp cơn nguy biến như cảnh ngộ của Dương-hương đây mà chẳng sợ chết, chẳng tham sống, liều thân để cứu cha, ấy mới thiệt là biết thương cha mẹ vậy.

Câu hỏi :

1) Giải-nghĩa những-chữ : A-vào; hoảng-kinh ; vì hiếu chẳng vì sanh.

2) Dương-hương đi đâu với cha ?

3) Xảy có chuyện gì ?

4) Dương-hương làm thế nào ?

5) Vì sao mà Dương-hương không sợ oai cọp.

Học tiếng

Hiếu-hạnh : lòng kính yêu cha mẹ (piété filiale)
Hiếu-học : ham học (studieux)
Hiếu-hữu : kính yêu cha mẹ và nhường nhịn anh em (piété filiale et amour fraternel)
Hiếu từ : Đức tốt của con đối với cha mẹ là *hiếu*, đức tốt của cha mẹ đối với con là *từ*.
Phụ ân : Bội ơn
Phụ bạc : Phụ-ân và bạc-tình
Phụ-huynh : Cha anh : tiếng gọi chung các người lớn trong nhà.
Phụ lão : người già (vieillard)
Phụ-lục : văn-tự chép thêm vào sau quyển sách (appendice)
Phụ-lực : cậy sức khoẻ của mình.
Phụ-mẫu : cha và mẹ (parents)

Chữ khó viết.

Dữ : dữ-dằn, dữ-tợn. hung-dữ.
Giữ : giữ-gìn, giữ mình.
Kiên : (bền) : kiên cố, kiên nhẫn, kiên tâm.
Kiềng : kiêng-cữ. kiêng-dè, kiêng-nể.
Biến (đổi) : biến cải, biến chuyển, biến hóa, nát biến.
Biếng : làm biếng, biếng nhác

(Trả lời bài ám-tả trong số trước)

1.— *Linh-đinh* hay là lênh-đênh : Trôi nổi lờ-đờ bập-bềnh trên mặt nước.
Thanh-nhã : trong sạch thanh bai, không thô-tục bợn-nhơ.
Dĩ-nhiên : tức-nhiên : phải xảy đến như vậy
mạn thuyền : cạnh thuyền, be ghe.
2.— *Nước trong rửa ruột sạch trơn* : trong bài, nghĩa bóng : lấy thú vui thanh-nhã trừ bỏ lòng ham muốn danh-lợi.
Một câu danh-lợi chi sờn lòng đây : *danh-lợi* : làm quan và giàu-sang cũng không ham, không đổi lòng.
Sớm voi, tối vịnh vui-vầy — — *voi* : là mỏm đất ló ra sông, biển; *vịnh* : là eo đất, là sông, biển, ăn thâu vô đất liền (ngược với *voi*. Ban ngày thì ở ngoài khơi, ban đêm thì vô mé bờ.

Tác-văn

VỚT CÁ THIA-THIA

(Đầu-đề và dàn bài trong số trước)

Bài làm

Cách đây đã bốn năm, sau khi loạn-lạc ở Sài-thành, tôi phải theo mẹ tản-cư về đồng quê.

Tôi còn nhớ rõ một buổi trời sáng-rạng kia, thừa lúc mẹ tôi đi khỏi, tôi ở nhà tự cho phép vào ruộng để vớt cá mà tôi đã mơ-ước từ khi thấy anh bạn tôi có cá thia-thia. Thật là : (vắng chủ nhà, gà mọc đuôi tôm) Đành không có vợt sẵn, tôi thế cho vào một cái thúng vậy. Tay cặp một cái lọ mà mẹ tôi dành để đựng kẹo và một cái thúng, chạy nhanh đến cổng tôi kêu to : « Hùng, Vũ ơi ! bây đi vớt cá thia-thia không » ? Như một cái máy Vũ, Hùng chạy ra tiếp tôi. Sau một hồi bàn-bạc Hùng, Vũ tay cầm lọ, vợt ; chúng tôi cùng ra ruộng.

Đến ruộng, thật là không may cho tôi. À ! dường như thia-thia đã đoán biết trước sự ruồng bố to ở ngày hôm nay nên chúng không đóng một chút bọt nào ở dựa mé đê cả. Vốn ở ruộng. Hùng đã giải-nghĩa rõ-ràng cho tôi : « đống bọt nào vàng thì là nơi cá không ở nữa, phải tìm những đống bọt nào mà trắng như bọt xà-phòng ». Đến lượt nầy chúng tôi phải tản-lạc, ba đứa mỗi phía. Không chút ngại-ngùng tôi lội xuống ruộng để tìm đống bọt trắng như bọt xà-phòng. Sợ động nước cá lội mất hết đi, tôi đi nhè-nhẹ và rất nhẹ hơn nữa mà tôi tưởng như con mèo Mun ở nhà tôi khi rình cũng thế. Ở giữa một thửa ruộng rộng mênh-mông, tôi vẫn kiên-nhẫn vùi chơn xuống bùn ngớt hai tiếng đồng hồ ... Ô-hô kìa, đằng xa thấp-thoáng một đống bọt trắng nổi lình-bình trên mặt nước. Tôi mừng quá muốn rú lên một tiếng như VÈ VẶT lại sợ cá đi mất hết ... Đi đến, tay tôi nắm chặt lấy vành thúng và lanh-lẹ hớt lên nào là bọt, nào là cá nhảy tung-toé. Tôi mừng-quýnh tay vừa chụp, miệng vừa rú lên để kêu bạn lại bắt tiếp. Nhưng kìa Hùng nhỏ tí ở mãi đằng xa. Cá đẹp quá làm tôi quên hẳn bạn đi mà quày gót trở về.

Hôm nay, hè đã về ước gì được về quê để cùng Hùng, Vũ

đi vớt cá thia thia là một quà để giải-trí vừa trẻ-trung, vừa tinh-khiết ở chốn đồng quê thì thấy không còn hạnh-phúc nào bằng.

TUYẾT-HOA
(*nữ-sinh*)

Đầu đề : Tả một buổi cày của người nông-phu.

Dàn *bài*. 1) Lúc ra đồng.
2) Lúc đang cày.

Tục ngữ : Công lao khó nhọc quên đâu.
Ngày nay nước lạc, ngày sau cơm vàng.

(Bài làm trong số sau)

Toán-Pháp

(Giải pháp 2 bài toán trong số trước)

I. — Tiền nuôi 6 con bò mỗi tháng :
$(3\$,20 \times 6) \times 30 = 576\$.$

— Số lít sữa mỗi tháng :
$(8 \times 6) \times 30 = 1440$ lít.

— Tiền bán sữa mỗi tháng :
$8\$ \times 1440^{l} = 11.520\$$

— Tiền lời mỗi tháng :
$11.520\$ - 576\$ = 10.944\$$

Trả lời : | 10.994$ |

II. — Tiền 18^{th} hàng : $45\$ \times 18 = 810\$.$

— Tiền may và tiền nút 15 cái quần :
$(12\$ \quad 15) + 72\$ = 252\$$

— Tiền tốn chung : $810\$ + 252\$ = 1062\$$

— Tiền một cái quần : $1062\$: 15 = 70\$,80$

Trả lời : | 70$ 80 |

I. Một khúc vải dài $7,^{th}30$ giá 75$,92. Mà mẹ tôi bán 4 con gà thì mua được 5 thước vải. Vậy mẹ tôi bán mỗi con gà là bao nhiêu?

II. Chị bạn hàng mua 1 thúng hột vịt, giá 6$ mỗi chục. Bán lại 7$,5 một chục. Vậy trong thúng có mấy chục hột vịt biết rằng lời cả thảy 45$.

(Trả lời trong số sau)

Dictée française

A un enfant.

Quand ton père, le soir, te berce doucement dans ses bras, avant de te porter dans ton lit, songe, mon enfant, aux pauvres petits qui n'ont ni caresses, ni baisers pour s'endormir.

Et le matin, lorsque ta mère, au réveil, vient t'embrasser, n'oublie pas ces chers petits anges qui pleurent leur maman perdue et qui par-fois, l'appellent dans la nuit.

Le cœur plein de reconnaissance pour tes bons parents, partage avec ces malheureux ta joie et ton bonheur, et qu'ils deviennent pour toi des amis et des frères.

Questions.

1·) Tous les enfants ont-ils un père qui les embrasse le soir avant le sommeil ?

2·) Pourquoi pleurent-ils la nuit ?

3·) Quand on a le bonheur de posséder ses parents, que faut-il faire pour les petits orphelins ?

4·) Trouvez les contraires des mots suivants : s'endormir, matin, pleurent, reconnaissance, joie, bonheur.

GRAMMAIRE

2ème leçon

1·) **e** s'appele **e** muet ; **é** s'appelle **e** fermé ; **è** ou **ê** s'appelle **e** *ouvert*.

Il y a donc trois sortes d'**e** : l'**e** muet, l'**e** fermé ; l'**e** ouvert.

2·) Il y a un **e** muet dans plac**e**.

Il y a un **e** fermé dans caf**é**.

Il y a un **e** ouvert dans cr**è**me, f**ê**te.

EXERCICE PRATIQUE DE GRAMMAIRE

Copiez les mots suivants un souligant les **e** fermés (**é**) ; les **e** muets (**e**) ; les **e** ouverts (**è** ou **ê**) : Ex : la port**e** (e muet)

la porte	la rivière	un procès	de la crème.
un pâté	la carafe	la fenêtre	une chèvre
la tête	de la bière	mon frère	un cheval
du blé	la vérité	un chêne	un modèle

2.— Tìm tiếng đồng nghĩa với những tiếng : *kham-khổ ; bô-lão ; thô-kệch.*

3.— Tìm tiếng phản nghĩa với những tiếng : *thể-chất ; chất-phác ; giản-dị.*

(Trả lời trong số sau)

Học tiếng

Thủ công : nghề làm bằng tay (travail manuel)

Tâm-lý : nguyên-lý và bản-thể của lòng người

Bảo-ban : chỉ-biểu, dạy-dỗ.

Mê-tín : tin nhảm, tin xằng.

Dị-đoan : những mối huyền-hoặc không hợp lẽ chính.

Thủ-lãnh : đứng đầu làm lãnh-tụ một bọn (leader, chef).

Thủ-phạm : người đứng đầu phạm tội (premier coupable).

Thủ-phận : giữ bổn phận của mình (observer son devoir).

Thủ-quỹ : người giữ công-quĩ (caissier).

Chữ khó viết

ngả : ngả ba, ngả đường.

ngã : ngã lòng, ngã nghiên, ngã lăn, ngã lẽ.

vác : gánh vác, cân vác.

vát : ghe chạy vát, cắt vát.

phác : hậu phác, phác họa.

phát : phát cỏ, phát rẫy, phát giác (đem chuyện kín của người ta mà bày lộ ra cho kẻ khác biết (dénoncer) phát-triển (mở mang ra) (développer).

Trả lời câu hỏi bài ám tả trong số trước :

1/ *Đại ý* : Văn-chương rất cần cho đời sống của nhơn-loại trên thế-giới và văn hay hoặc dở tùy theo trình độ tiến-hóa của một dân tộc.

2/ *Bài phân ra 4 đoạn* :

a) Định-nghĩa tiếng « Văn ».

b) Văn-chương rất cần cho loài người.

c) Văn-của mỗi dân-tộc.

d) Văn-chương rất quan-hệ đến cuộc thạnh-suy của một

thời-đại.

3/ *Mây-ráng* : Đám mây phản chiếu bóng mặt trời về buổi sáng hay buổi chiều : Ráng vàng thì nắng, ráng trắng thì mưa (Tục-ngữ)

Kiền-khôn : Càn-khôn, là trời đất.

Điều-lý : Đoạn, khoản rõ-ràng, lời lẽ ý tứ minh-bạch, sắp-đặt có mạch-lạc. hợp với lẽ phải.

Âm-hưởng : Tiếng vang, tiếng dội, giọng kêu.

Khí-phách : tính mạnh-mẻ của người ta.

Trang-nhã : nghiêm-chỉnh, thanh tao, vui-vẻ, có lễ-độ, có ý-nhị, không thô-tục.

Diễm-lệ : xinh đẹp, văn-hoa.

Tâm-địa : lòng dạ.

4/ *Kiền-khôn* : vũ-trụ. *vắng-ngắt* ; quạnh-hiu.

Tác-văn

Đầu đề : *Nhà trò có nuôi con mèo. Trò hãy tả hình dáng và tính nết nó thề nào.*

Bài làm

Nhà tôi có nuôi con mèo được vài năm, mình dài, lông trắng tợ con thỏ nhà.

Đầu hơi tròn với cái mặt lanh lẹ. Lỗ tai đứng, mắt xanh lóng-lánh, mũi nhỏ, cẳng thấp nhỏ mà cứng, đuôi dày và cong không giống đuôi heo.

Thường ngày thì nó ngủ theo kẹt bếp, ở góc giường núp theo đống gối mền. Đến giờ trong nhà ăn cơm nó nghe khua chén đủa ngửi mùi đồ ăn mà theo lẫn quẫn kiếm ăn.

Ban đêm, nó thức chạy rảo ruông, ngoài sân, trên nóc nhà, mái nhà để săn chuột.

Bộ điệu nó đi thì chầm-rải, nhẹ nhàng, nó rút móng vô nên không nghe tiếng.

Tiếng kêu thì nhỏ mà thanh.

Nó ăn chậm, mà ít, thường sau bữa ăn tôi cho nó chút cơm chan nước thịt, cá. Nhưng khi nó bắt được chuột, thì nó táp và ngầm-ngừ nhai hối hả dường như sợ chó hoặc mèo khác giựt mồi của nó vậy.

Bình thường nó êm-dịu, không tỏ chút vẻ gì dữ tợn : nó ưa nân niu, bồng-ẵm ... mà hễ gặp chuột thì đổi sắc ngay : nó nhảy chụp

liền. Nhiều khi chụp hụt, mà phải té nhàu vì trớn mạnh quá ! Nếu bắt được chuột, thì nó giật chuột cho nhừ tử, liệng lên ném xuống, nhảy qua nhảy lại, cách như giỡn với chuột ; sau rồi mới ăn.

Nuôi mèo thì có ích : nó trừ loài chuột ; song cũng có hại vì nếu mấy chị bếp để đồ ăn, thịt, cá hơ hỏng, không đậy, không treo thì nó xực ngay, cho nên có câu tục-ngữ : Chó treo. mèo đậy là vậy đó.

Đầu đề. Nhơn dịp nghỉ hè, anh đi nghỉ mát ở một bờ biển hoặc miền quê, viết thơ về cho bạn học kể lại cuộc nghỉ mát của anh các sự thú-vị và cảm-tưởng.

Dàn bài I. chỗ ở và ngày tháng.

II. mở đầu thơ hỏi về bạn,

III. Các sự anh trải qua, phong cảnh và thú vui ở chỗ ấy.

IV Cảm tưởng và nhận xét ích lợi của sự đi nghỉ mát nầy và lời chúc bạn.

Toán-Pháp

(*Giải pháp 2 bài toán trong số trước*)

I.— Tiền ăn mỗi ngày : 2$,25 + 7$,5 + 5$,5 = 15$,25

— Tiền ăn mỗi tháng : 15$,25 × 30 = 457$,50

— Tiền tốn mỗi tháng : 457$,5 + 225$ = 682$,50

— Tiền dư mỗi năm : (682$,5 — 525$) × 12 = 1.890$.

Trả lời : 1.890$

II.— Tiền chi xuất trọn năm : 32$ × 365 = 11.680$

— Tiền lãnh lương trọn năm: 11.680$ + 1760$ = 13.440$

— Số ngày làm việc trọn năm : 13.440$: 56$ = 240 ngày.

Trả lời : 240ngày

I. Một con thỏ ra khỏi hang 312 thước để kiếm ăn. Vừa thấy dạng con chồn cách nó 35 thước nó liền chạy về hang. Trò hãy kiếm xem con thỏ có thoát khỏi miệng chồn không, biết rằng trong 24 phút nữa thỏ sẽ về đến hang và chồn chạy 900th. trong 1 giờ.

II. Một người đi xe đạp từ Saigon đến Bac Mỹ-thuận 144cây

số. Ra đi hồi 6 giờ sáng và tính đến 10 giờ sẽ tới chỗ. Nhưng đến 7 giờ 30 phút xe người đó bị nổ bánh, nên phải nghỉ đặng vá lại hết 30 phút. Vậy khi vá xong người đó phải đi bao nhiêu cây số 1 giờ nếu muốn tới nơi theo giờ đã định ?

(*Trả lời trong số sau*).

Orthographe

Préparatifs de départ.

Ma mère prépara mon trouss au; je la vis coudre, sur des mouchoirs, sur des chemises et des habits, mon numéro, le numéro 15. A cette besogne, son grand front devenait pensif, je le voyais bien, et je voyais aussi que ses regards se faisaient plus tendres, et je sentais que ses baisers insistaient plus qu'à l'ordinaire.

Ma grand'mère s'affligeait à l'idée de perdre son camarade de lit. Elle s'effrayait de voir « son pauvre nicheron » partir si loin...

Mon père faisait le brave; il parlait de mon départ comme de la chose du monde la plus naturelle, du plaisir d'habiter une ville « Tu as bien de la chance, disait-il; j'aurais bien voulu aller au collège! »

Ma mère me prit sur ses genoux, et ma figure toucha la sienne; bientôt elle me mit par terre, mais trop tard; j'avais senti que le coin de sa paupière se mouillait.

Le lendemain matin, nous partions, mon père et moi. Une période nouvelle allait commencer dans ma vie; elle devait durer quatre années, les plus heureuses de mon temps scolaire.

Ernest Lavisse.
(Souvenirs)

Questions.

1°) Expliquez: Trousseau, insistaient, nicheron.

2°) Le départ de l'élève émeut-il ses parents.

3°) Analyse grammaticale: pensif (devenait pensif) loin (partir si loin) nous partions (mon père et moi.)

4°) Conjug z le verbe prendre aux 3e personnes de tous les temps de l'indicatif, du conditionnel et du subjonctif.

GRAMMAIRE

Les propositions

Il y a des propositions qui ne dépendent d'aucune autre et dont aucune ne

dépend — Ce sont des *propositions indépendantes*. Ex : *Hai m'a prêté un livre ; je l'ai lu avec plaisir*.

Les conjonctions de subordination indiquent que la proposition qu'elles précèdent dépend d'une autre proposition. Ex : *Je crois que vous êtes malade*.

La proposition: *que vous êtes malade* précédée d'une conjonction de subordination *que* est une *proposition subordonnée*.

La proposition : *je crois* est une *proposition principale*. Elle est complétée par une proposition subordonnée, elle ne dépend elle-même d'aucune autre.

Des propositions subordonnées au lieu de compléter le *verbe* de la proposition principale complètent des *noms* contenus dans cette proposition, Ex: J'*entend le forgeron qui frappe sur l'enclume*. Ces propositions subordonnées sont rattachées à la principale par des pronoms relatifs (ici *qui* ailleurs *que, dont,* où).

Résumé (à apprendre par cœur)

1°) Les propositions indépendantes ne dépendent d'aucune autre proposition ; aucune ne dépend d'elles.

2°) Les propositions principales ne dépendent d'aucune autre proposition ; mais une ou plusieurs autres propositions les complètent des mots qu'elles renferment.

4°) Les propositions subordonnées dépendent des propositions principales ou d'autres subordonnées.

EXERCICES SUR LA LEÇON DE GRAMMAIRE

Modifiez les phrases suivantes qui comprennent deux propositions indépendantes, de façon à avoir une proposition principale et une proposition subordonnée précédée de *que*, dès que, lorsque etc...

Ex : Le père dit que Tám sera puni.

1°) Tám, tu seras puni, dit le père — Vous ferez mieux demain, j'espère — Maman est malade, paraît-il — Le riz est mûr; les paysans se mettent à moissonner.

2°) *Même exercice*. Giáp sera cultivateur ; car il aime la campagne — Et il sera un bon cultivateur, car il est intelligent — Ăt sera puni : il a bavardé — Ăt a bavardé, il sera puni — Vous arriverez, je serai prêt, nous partirons — Je suis arrivé, vous n'êtiez pas prêt.

Ex : Giáp sera cultivateur parce qu'il aime la campagne.

3°) Modifiez de façon à avoir des propositions indépendantes les phrases : Le cultivateur livre à la terre une bataille qui ne s'arrête jamais – Il exerce un rude métier qu il aime parce qu'il aime la terre.

EXERCICES DE VOCABULAIRE

Famille du mot char.

1·) Lire et copier :

Un chariot — une charrette — une charretée — un charretier — un charron — le charronnage — une carriole — un carrosse — carrossable — la carrosserie — un carrossier — charrier — le charriage — le charroi — une charrue.

2·) Remplacer les points par les mots convenables de la famille de char

Une petite charrette couverte et suspendue est une ..... — Une voiture luxueuse, à quatre roues, est un ..... — Un chemin ..... est un chemin où les carrosses peuvent avoir accès — La ..... est l'art du carrossier — Un .... est une voiture à quatre roues pour le transport des fardeaux. — Le fleuve ..... du sable — Le ..... frabrique des chariots et des voitures. — Celui qui conduit une charrette est un .... — La contenannce d'un char est une ... — Un bois de .... est un bois propre aux ouvrages du charron — On laboure le sol avec une ..... — Le ..... est le transport au moyen d'une charrette — Une voiture à deux roues pour le transport de gros fardeaux est une ..... — Le ..... est l'action de charrier — Un fabricant de carrosse est un .....

Khoa-học quan sát

Một quyển sách rất cần ích cho các em học-sinh.

Kỳ tựu trường tới, các em nhớ đón mua quyển « Khoa-học quan-sát », do quí ông : Tăng văn Chương, Huỳnh văn Đó, Nguyễn hửu Thông Giáo-viên các trường Sơ-học Saigon. Soạn riêng cho 2 Lớp Nhứt và Nhì, đúng theo chương-trình trong Giáo-khoa tạp-chí của Nha Giáo Huấn Nam-Việt.

Sách gồm có 5 chương : 1·) Sinh-lý. 2·) Động vật. 3·) Thực-vật. 4·) Khoáng-vật. 5·) Vật-lý.

Ấn loát mỹ-thuật với trên 200 hình vẽ tuyệt đẹp.

Xin hỏi nơi Ấn Quán NAM-HƯNG

165 B^d de la Somme

Saigon.

LE VÊTEMENT DÉCHIRÉ

Réponses aux questions données dans le Nº 13

1º EXPLICATIONS

Tout consterné : tout stupéfait, tout désolé.
Mettable : que je peux mettre.
Fatigue supplémentaire : fatigue ajoutée à d'autres causées par les travaux du ménage...
Un ton dégagé : une façon aisée, libre de toute contrainte.

2º *Sentiments du petit garçon* :

Les sentiments de ce petit garçon sont d'abord de la *consternation* à la vue de son vêtement déchiré, puis de la *peine* de causer encore une fatigue supplémentaire à sa pauvre maman, et enfin de la *honte* de pleurer devant ses camarades.

3º *LES MODES DES VERBES*

Les verbes : *je ne pourrais plus mettre, maman devrait passer* ne constatent pas des faits certains qui existent, mais expriment ce que l'enfant *suppose, imagine.* Ils sont donc au mode conditionnel (c.f. la leçon de grammaire au Nº 13 du C.E.P.)

EXERCICES ÉCRITS DE VOCABULAIRE

1º Circonstances atténuantes ou aggravantes

Circonstances : certaines particularités qui accompagnent un fait.
Atténuantes qui atténuent, qui rendent moins graves.
Aggravantes : qui aggravent, qui rendent plus graves.

On appelle *circonstances atténuantes* les particularités qui ont pour effet de diminuer la culpabilité et d'abaisser la peine. *Exemple :* tuer quelqu'un dans un mouvement de colère.

On dit que les *circonstances* sont *aggravantes* parce qu'elles constribuent à augmenter la culpabilité et par conséquent à ajouter la peine. *Exemple* : tuer quelqu'un de sang-froid.

2º Ces mots suivants sont classés en partant du mot qui a le sens le plus fort pour arriver à celui qui a le sens le plus faible : *le désespoir, l'accablement. la consternation, la peine, le chagrin.*

3º Différence des mots

Contenir ses larmes : retenir ses larmes s'empêcher de pleurer.
Refouler ses larmes : faire rentrer ses larmes qui montent déjà aux yeux.

4º Un travail *minutieux* est un travail qu'on fait avec *minutie*, en faisant attention aux plus *menus* détails. *Exemples :* la broderie, la bijouterie, l'horlogerie, la ciselure, etc...

(Le développement du devoir proposé : **un jouet cassé** : *sera donné dans le prochain Nº).*

Concours d'admission en 1re Année

(Lycée Pétrus Ký — Saigon 7-8-1950)

Dictée & Questions

LETTRE D'UNE MÈRE À SON FILS

Cette nuit, mon fils, j'ai fait un triste rêve, j'étais dans une chambre froide, j'étais vieille, j'avais dépensé tout mon argent pour faire de toi un homme, j'étais pauvre ; et toi, tout triste, tout pâle tu disais : « Mais maman nous allons être riches. Je vais gagner de l'argent. Je serai médecin. — « Mais tu ne sais rien », t'ai-je répondu. — « Je serai peintre. » — « Tu ne sais rien !..»

Et tu me citais toutes les professions et je te répondais toujours : « Tu ne sais rien ! » Alors tu t'es mis à pleurer en disant: « Pourquoi est-ce que je ne sais rien ?» Je t'ai dit : « Parce que, quand tu étais petit garçon, tu ne pensais jamais à ta mère, tu jouais en disant : « Demain, je travaillerai ». Et maintenant, tu ne sais rien, et je pleure de chagrin, et je mourrai de honte.

Sarah Bernhardt

Questions

1) Expliquez les expressions suivantes: triste rêve, tout pâle, je mourrai de honte.

2) Analyse grammaticale des mots suivants ; « Tu ne sais rien ».

3) Conjuguez le verbe : *mourir* aux temps présent et futur simple de l'indicatif.

4) *a*) Que promet le fils à sa mère ?

b) Est-ce que sa mère en est-elle contente ? Pourquoi ?

c) Que lui reproche-t-elle ?

Réponses

1) ***Triste rêve*** : rêve où l'on ne voit que des choses pénibles.

Tout pâle : plein de crainte devant l'avenir incertain.

Je mourrai de honte : J'ai si grand honte de toi que je pourrais en mourir.

2) *Tu* pronom personnel, 2ème personne du singulier, masculin, sujet de sais.

Ne rien : locution négative, invariable.

Sais : verbe savoir, transitif direct, 3ème groupe mode indicatif, temps présent, 2ème personne du singulier, ayant pour sujet tu.

3) *Présent de l'Indicatif*	*Futur simple de l'Indic.*
Je meurs	Je mourrai
Tu meurs	Tu mourras
Il meurt	Il mourra
Nous mourons	Nous mourrons
Vous mourez	Vous mourrez
Ils meurent	Ils mourront

4) *a*) Le fils promet à sa mère de travailler et toujours il remet au lendemain ce qu'il doit faire le jour même.

b) Sa mère en est très affligée parce qu'il gaspille le temps qu'il aurait dû employer pour s'instruire.

c) Elle lui reproche de n'avoir pas pensé à elle, d'être un ignorant incapable de gagner la vie si jamais elle devient pauvre et vieille.

Luận-văn

Hai tháng bãi trường, muốn thưởng cho trò thi đậu, cha trò cho trò một trong hai điều-kiện sau nầy : để tiền mua sách đọc hoặc đi nghỉ-mát.

Trong hai điều-kiện trò chọn điều nào ? Nói tại sao ?

Bài làm

Ồ! ... khó giải-quyết thật.

Sau khi đã chiếm được mảnh bằng Sơ-học, muốn nung-chí tôi trên con đường học-vấn, cha tôi sẽ thưởng cho một trong hai điều kiện : lấy tiền đi nghỉ mát hoặc lấy tiền để mua sách.

Hai điều-kiện nầy cứ lai-vãng mãi trong óc tôi từ chiều hôm qua và tôi cũng vẫn chưa nhứt-quyết để chọn một điều nào. Tôi do dự trước hai điều-kiện mà tôi đều muốn cả.

— Đi du-lịch để thưởng-thức cảnh-vật đẹp-đẻ mà biết bao nhà thi-sĩ đã làm ra thơ, luôn đấy tôi sẽ hiểu biết được một phần Địa-dư của nước nhà.

— Sách sẽ giải-trí trong mùa hè, bồi-bổ tinh-thần mệt-nhọc trong một học-niên qua. Tôi sẽ thưởng-thức được những lời văn đẹp, những giọng an-ủi êm-đềm trong văn-hóa hầu giúp ích cho đời sống ta thêm ý-vị và nâng cao tinh-thần. Sách chẳng những để bồi-bổ tinh-thần mà lại còn là một phần quan-trọng (một ông giáo gần và cần nhứt) của đám học-sinh hiếu học.

Trong khi cân nhắc sự hữu-ích của hai điều-kiện nầy, bỗng nhiên tôi nghĩ đến một người bạn thân của tôi là « Hữu-Hòa » con nhà hàn-vi mà rất hiếu học. Bạn tôi là một người học trò thông-minh chăm học, song tiếc thay gặp cảnh nhà cùng-quẫn chạy tiền đâu ra để mua sách đọc vừa giải-trí, vừa để học tâm-lý loài người ... Nên một hôm đã tự mình luận-biện ra một cái đề mà lấy tựa là « Đời học-sinh ».

Người mộ sách mà không sách học, thật là rố khổ. Vì thế tôi không còn chút hứng-thú gì về du-lịch mà lại quay về với đời học-sinh niên thiếu luôn luôn gần sách vở. Vả lại, sau khi thi đậu tôi được cha mẹ chiều-chuộng, nưng-niu đủ cách, tôi lại há không ở nhà để nủng-nịu đấy ru ?

Tuyết-Hoa
(nữ-sinh)

Toán đố

I. Tôi có một số tiền. Tôi lấy ra 1/3 số tiền ấy và gởi cho em tôi 3/4 số tiền còn lại. Biết rằng tôi còn đặng 105$. Hỏi số tiền của tôi là bao nhiêu ? Và tôi gởi cho em tôi bao nhiêu ?

II Hai tỉnh A và B cách nhau 459 cây số. Một người đi xe hơi từ A đến B và khởi hành lúc 6 giờ 15 phút. Một người khác cũng đi xe hơi từ B tới A và khởi hành lúc 7 giờ 45 phút. Người đi trước đi 68 cây số 1 giờ, người đi sau đi 51 cây số 1 giờ. Hỏi mấy giờ hợi gặp nhau ? và một nơi cách tỉnh A bao nhiêu cây số ?

Bài làm

Bài I Phần số tiền còn lại lần thứ 1o/: $\frac{3}{3} - \frac{1}{3} = \frac{3-1}{3} = \frac{2}{3}$

Phần số tiền còn lại lần thứ 2o/: $\frac{4}{4} - \frac{3}{4} = \frac{1}{4}$

Phần số tiền còn lại: $\frac{1}{4} \times \frac{2}{3} = \frac{2}{12}$ hay là $\frac{1}{6}$

Số tiền chung của tôi: $\frac{105\$ \times 6}{1} = 630\$$

Tiền của tôi xài còn lại: $\frac{630\$ \times 1}{3} + 105\$ = 315\$$

Tiền cho em tôi: $630\$ - 315\$ = 315\$$

Trả lời:

1o/ Tiền chung của tôi: **630$**

2o/ Tiền cho em tôi: **315$**

Bài II 2 người khởi-hành cách nhau:

7 *giờ* 45 — 6 *giờ* 15 = 1 *giờ* 30 hay 90 *phút*

Người thứ nhứt đi được:

$\frac{68\,km \times 90}{60} = 102\,km$

Con đường còn lại:

$459\,km - 102\,km = 357\,km$

Lúc gặp nhau:

$1\,giờ \times \frac{357}{68 + 51} = 3\,giờ$

Thì giờ gặp nhau:

$7\,giờ\,45 + 3\,giờ = 10\,giờ\,45$

Thì giờ A đến chỗ gặp:

$10\,giờ\,45 - 6\,giờ\,15 = 4\,giờ\,30$ hay 270 *phút*

Bề dài từ chỗ gặp đến A.

$\frac{68\,km \times 270}{60} = 306\,km$

Trả lời:

1o/ Gặp nhau **10 *giờ* 45**

2o/ Cách tỉnh A **306*km***

Thème

THÀNH-THỰC

Vợ thầy Tăng-Tử đi chợ. Con khóc, đòi đi theo. Mẹ bảo « Con ở nhà, rồi mẹ về, mẹ làm thịt lợn cho con ăn.»

Lúc vợ về, thầy Tăng-Tử đi bắt lợn làm thịt. Vợ nói : « Tôi nói đùa nó đấy mà !» Thầy Tăng-Tử bảo : « Nói đùa là thế nào ? Đừng khinh trẻ thơ là không biết gì. Cha mẹ làm gì nó thường: hay bắt chước. Nay mình nói dối nó, chẳng qua là mình dạy nó nói dối ư ! »

Tăng-Tử nói xong, làm thịt lợn cho con ăn thật.

(Trích Cổ-học tinh-hoa. Quyển I)

LA FRANCHISE

La femme de Tang-tu se rend au marché. Son fils pleure et demande à l'accompagner. Elle lui dit : « Reste à la maison, chéri, et à mon retour j'abattrai le porc pour te préparer le repas»

Quand elle revient du marché, Tang-tu ligote le porc pour l'abattre. « Pourquoi ? Mais je plaisantais avec notre fils ! » lui dit sa femme. « Il n'y a pas de plaisanterie qui tienne ! replique Tang-tu. Ne croyez pas que les enfants ne savent rien. Ils imitent ce que font les parents. C'est donc apprendre à notre fils à mentir que de ne pas tenir ce qu'on lui promet.»

Sur ces mots, Tang-tu égorge le porc, l'apprête et le donne à manger à son fils.

Dịch bài Pháp-văn trong số trước ra Việt-ngữ

CÁI XE HƠI ĐẦU TIÊN

Cậu Gaudioz, người chủ tốt phước của cái xe, cả ngày cứ nằm dưới lộ đá ; mình lấm đầy dầu mỡ, với một bình dầu và một cái chìa khóa, cậu moi móc dưới giàn chiếc xe Serpollet của cậu.

Từ đàng xa, một tràng pháo nổ lẫn với hơi khói nôn oẹ báo cho cả xóm biết máy xe lại chạy. Giữa tiếng còi và tiếng kêu của giàn máy,

cái xe rầm rầm tiến tới. Cũng như một tràng súng liên-thinh, tiếng động-cơ làm náo động cả xóm yên-tịnh. Rồi tiếng động dần dần xa, khi giữa đám khói tưng-bừng, chiếc xe rẽ qua đường Hàng-Nón.

Huỳnh-văn-Đó

Réponses aux questions de la dictée proposées dans le nº 13

a) Une vitesse moyenne, c'est le résultat de la division de la distance parcourue par le nombre d'heures employé à la parcourir ; « la moyenne est forte » signifie que la vitesse est grande.

b) C'est le conseil de faire une chose mauvaise dont on supportera probablement d'ailleurs, les fâcheuses conséquences.

c) *L'* : mis pour le, pronom personnel neutre, complément d'objet direct de exige.

Vous : pronom personnel, 2ème personne du masculin sing. complément d'objet direct de conduit.

Vous : pronom personnel 2ème personne du masculin sing. complément d'objet indirect de glisse.

Développement du devoir proposé dans le nº précédent

1.— Une belle automobile s'est arrêtée devant un grand magasin du quartier. Comme je suis curieux, je l'ai admirée avec plaisir.

2.— C'est une conduite intérieure toute neuve. Sa jolie carrosserie marron foncé brille au soleil. Les coussins et le capitonnage à l'intérieur sont de même teinte. Comme on doit être bien là-dedans !

3.— Le chauffeur est à son poste. Je l'aborde et, poliment, je lui demande de m'expliquer un peu le fonctionnement des principaux organes de la voiture. Le brave homme s'y prête avec complaisance. Il me montre le volant qui lui permet de diriger l'automobile, le levier de changement de vitesse et de l'accélérateur, le frein qui peut immobiliser les quatre roues du même coup. Plus de manivelle à l'avant, une simple pression sur un bouton produit la mise en marche du moteur par démarrage électrique. Enfin, le chauffeur soulève le capot et me montre le moteur, l'âme de la voiture.

4.— Le capot est à peine remis en place qu'un gros monsieur

sort du magasin. Le chauffeur ouvre la portière pour laisser monter son patron. Celui-ci s'installe sur le coussin du fond. La portière refermée, le chauffeur saute sur son siège. Puis prenant le volant entre ses mains, il appuie sur le bouton de démarrage et, sans rescousse, l'automobile repart en laissant derrière elle un petit nuage de fumée.

(*Devoir d'élève retouché*)

Sujet proposé : *Un chien poursuit des petits poussins. La poule les défend. Décrivez la scène.*

Plan

1) Le cadre. Où se passe la scène ?
2) La poule et les poussins. Ce qu'ils font.
3) Le chien attaque les poussins : la poule les défend.
4) La fuite du chien. La poule rassemble ses petits.

(*Giải pháp 2 bài toán trong số trước*)

I.— Nếu mua cho mỗi đứa con một đôi guốc giá sau thì bớt được : 4$,75 — 3$,95 = 0$80

— Và mua cho hết mấy đứa con thì cũng bớt được :

1$ + 2$20 = 3$20

— Vậy người cha có : $\frac{3\$,20}{0,80}$ = 4 đứa con.

— Tiền mua guốc cho 4 đứa con : 3$,95 × 4 = 15$,80

— Người cha có trong túi : 15$,80 + 2$,20 = 18$.

Trả lời :

4 đứa con
18$

II. — Người thứ 1o lãnh : $1^{hl}, 8l = 108l - 95l = 13l$ gạo hơn người thứ 2o

— Người thứ 1o lãnh : 133$50 — 114$ = 19$50 ít hơn người thứ 2o.

— Giá tiền 1 lít gạo = $\frac{19\$50}{13}$ = 1$50

b) et aussi aux pauvres.

De même que « l'oisiveté est la mère de tous les vices » l'ennui est le fidèle compagnon de la paresse.

2) *a)* Dans ses distractions : visites, promenades, voyages... le riche doit avoir un but utile, sinon l'ennui viendra l'assaillir.

b) « Fortune oblige » le riche a des obligations et des devoirs envers la société, l'Etat...

Avec ses biens il pourrait créer de grandes entreprises, fonder des œuvres de charité, rechercher dans les fonctions publiques l'occasion de servir son pays.

Arithmétique

Solution du problème proposé.

Le 1re fois, le cours supérier représentait le $\frac{1}{4}$ de l'effectif ; la 2e fois, était le $\frac{1}{5}$ d'un effectif double du 1er, soit les $\frac{2}{5}$ du premier effectif. La différence entre $\frac{1}{4}$ et $\frac{2}{5}$ ou entre $\frac{5}{20}$ et $\frac{8}{20}$ est $\frac{3}{20}$. Cette diffénence étant 15, il s'ensuit que 15 est les $\frac{3}{20}$ du 1er effectif. Cet effectif était donc $\frac{15 \times 20}{3} = 100$. — Par conséquent, à la rentrée, le cours supérieur comprenait : $\frac{100}{4} = 25$ élèves ; le cours moyen : $\frac{100 \times 7}{20} = 35$ élèves, le cours élémentaire : $100 - (25 + 35) = 40$ élèves.

Six mois après, le cours supérieur comprenait : $25 + 15 = 40$ (ou $\frac{200}{5} = 40$) ; le cours moyen : $\frac{200 \times 3}{8} = 75$ élèves, et le cours élémentaire : $200 - (40 + 75) = 85$ élèves.

Réponses

- Cours supérieur :
  - 1o/ 25 élèves.
  - 2o/ 40 élèves.
- Cours moyen :
  - 1o/ 35 élèves.
  - 2o/ 75 élèves.
- Cours élémentaire
  - 1o/ 40 élèves.
  - 2o/ 85 élèves.

Problème proposé. — 4 ouvriers ont fait un ouvrage de 3.239 mètres. Le travail du 2e est les 4/5 de celui du 1er; le travail du 3e est les 2/3 de celui du 2e et le travail du 4e est les 3/4 de celui du 3e.

L'ouvrage total ayant été payé 6.724$, combien chaque ouvrier a-t-il fait de mètres, et combien recevra-t-il ?

Việt - văn

Đi cho biết đó biết đây, Ở nhà với me biết ngày nào khôn.

« *Độc vạn quyển thư, bất như hành thiên lý lộ* », ấy là câu nói nghìn xưa của cổ nhân, có nghĩa là : Đọc một vạn cuốn sách không bằng đi một nghìn dậm đường.

Lại có câu tục-ngữ bình-dân này nữa :

« *Đi một ngày đàng học một sàng khôn* ».

Cổ nhân nói : *HỌC* thì phải *HÀNH*.

Tất cả những điều đã học được trong sách vở, ở nhà trường, chỉ là cái vốn liếng thâu vào trong tim trong óc để có lúc phải mang ra mà *HÀNH*.

Trường đời rộng rãi, hữu ích, có khi còn gấp trăm gấp nghìn lần nơi học đường. Cho nên cuộc đời bao giờ cũng là cuốn sách SỐNG, mang những giòng chữ *SỐNG THẬT, ĐẸP, THIỆN*, và cả ÁC nữa.

Đông, Tây, Kim, Cổ đã cho ta nhiều bằng chứng cụ thể về câu *ĐI CHO BIẾT ĐÓ BIẾT ĐÂY*.

Thái-Tử Tất Đạt Đa nhờ có cuộc ngự-du ra khỏi cung vàng điện ngọc mà nẩy ra thuyết lý cứu vớt chung sinh và hành đạo dưới gốc Bồ-Đề.

Chúa Cứu-Thế trót 3 năm đã hăng hái đi khắp xứ để truyền bá giáo-lý, bác-ái và nhân đạo.

Khổng-Tử đi chu-du thiên hạ, vừa *DẠY vừa HỌC* mà trở nên một nhà hiền triết phi thường.

André Gide, Pierre Loti, M. Gorki, Albert Londres v.v. là những nhà văn đi nhiều, hiểu rộng, tác phẩm của họ đã chứng tỏ điều đó.

Cụ Nguyễn Du nhờ có cuộc đi Sứ sang Trung-quốc đọc được cuốn «Đoạn trường Tân Thanh » để về viết cuốn thơ tuyệt tác là truyện Kim Vân Kiều.

Gần đây nhất nhiều văn gia như Nguyễn Tuân, Lê văn Trương v. v. cũng đã đi nhiều, thấy xa mà có những tác-phẩm làm cho kẻ hậu sinh phải thán phục.

« *Ếch nằm đáy giếng* » chỉ thấy được mảnh trời lớn bằng miệng giếng mà thôi.

Có đi mới mở rộng tầm mắt, mới thấy cảnh trời bao la bát ngát, mới thấy những cảnh tượng hùng-vỹ, mới thấy cuộc đời có ý nghĩa nhiều tốt

đẹp cũng như nhiều xấu xa.

Có đi mới thấy con người chỉ là một phần mười hột cát, là con số không (zéro) trước cảnh tượng thiên nhiên rộng và lớn, đẹp và đáng yêu. Mới thấy sự tiến triển dị thường của Khoa học, của Văn-Minh, mới thấy đời là một cuộc chiến đấu không ngừng.

Một người đi nhiều là người bao giờ cũng lịch lãm và từng trải.

Có đi mới thấy lòng mình phơi rộng ra để hòa hợp vào cuộc sống luôn-luôn diễn ra thiên hình vạn-trạng, và nhất là mới nhận thức được triệt để cái **« đạo làm người »**

Nhưng trên đường đời có nhiều ngả, nhiều hướng.

Kiếp nhân sinh cũng có nhiều vinh, nhiều nhục.

Bởi vậy, nên Tinh thần cũng như thực tế, phải làm sao chọn được « con đường Sáng », tôn thờ được « lý lẽ chính » để giữ cho mình thanh-cao, không ầm lỗi và **lạc đàng**

Có như vậy thì sự « đi » mới có nghĩa và, mới không mang tiếng là bọn « du thủ du thực » đáng chê và đáng ghét.

Người có tâm-trí lấy sự « *ĐI* » làm cõi *HỌC*.

Vậy Ca dao Việt Nam còn có câu:

Ở nhà nhất mẹ, nhì con, Ra đường chán vạn người còn hơn ta,

Trúc-Khanh

THÈME corrigé

La mère et l'enfant.

Il y avait une mère gibbon et son petit. La mère était prudente et délurée tandis que son petit était plein de naïveté et de légèreté, mais allait toujours de pair avec elle, à son côté.

Le chasseur essayait en vain de les leurrer et de les prendre au piège. Il imprégna, alors, de poison les pointes de ses flèches et se mit à l'affût. Il profitait du moment où la mère gibbon s'aventura par mégarde pour tirer sur elle. Touchée par la flèche empoissonnée, elle savait qu'elle ne pouvait plus vivre. Elle allaita une dernière fois son petit et roula raide mort.

Le chasseur se tourna alors du côté du petit gibbon et fouetta avec force le cadavre de la mère. A cette vue, le petit hurla de douleur et se précipita sur l'homme qui le captura.

Amené chez celui-ci, le gibbon, de jour et de nuit, ne se calma que prostré près du cadavre de sa mère. Parfois, il l'entoura de ses pattes et poussa des hurlements très atroces de souffrance. Après quelques jours, il mourut.

Hélas ! le gibbon est une bête mais il sait aimer sa mère et se sacrifier pour elle. Pourquoi l'homme est-il si cruel pour oublier l'être qui l'a mis au monde et méconnaître son amour?

TRẦN-VĂN-LÂM

THÈME à proposer

Bất-định.

Một người đi qua rừng gặp con cọp đuổi theo. Điến hồn người ấy vội vàng leo lên một cây đặng thoát nạn. Còn sợ một nỗi không thể tránh được nếu con cọp nhảy lên, anh ta lại còn muốn leo cao hơn nữa Nhưng kinh khủng thay, một con rắn to lớn đang quấn trên cành cây ngó anh ta và sắp sửa muốn chụp. Sợ quá anh ta không biết làm sao thoát khỏi. Thình lình thấy một ổ ong đương đầy mật đóng trên cành cây. Lòng ham muốn anh ta làm quên cả sự hiểm nguy. Anh ta liền đưa tay vói lấy một tàng mật. Ấy thế, tâm lý của người đời. Lơ lững giữa, sự tử sanh, chung kẻ thù nghịch mãi dòm chừng, thế mà loài người quên đi hy sanh đời sống của mình và nhiều khi làm mất nó đi vì miếng mồi của một hư danh thoáng qua.

LỜI KHUYÊN HỌC TRÒ KHI TỪ GIÃ THẦY

(gửi Em Tuyết-Hoa)

(đáp lại thơ em từ biệt tôi) 2-3-1950.

Ta khen em đó ! em Hoa !
Viết thơ từ-giã, thật là đáng khen.
Cảm ơn, ta gửi lời khuyên :
« Háy vui học-tập, chớ phiền chia-ly ;
« Mến ta, em rán học đi,
« Học sao xứng-đáng nữ-nhi Lạc-Hồng ;
« Địa-dư, sử-ký đều thông,
« Văn-chương, toán-pháp, nữ-công hơn người ;
« Học sao giúp ích cho đời,
Mẹ cha sung-sướng, trọn lời thầy khuyên,
« Mến ta, em học cần chuyên,
« Sách hay, năng đọc, bạn hiền, năng thân ;
« Thầy xa thì sách ở gần,
« Bạn xa, thì đã câu văn thay lời ;
« Mến ta, cố học nên người.
Mai sau giúp ích cho đời mới ngoan :
Nên danh phụ-nữ Việt-Nam ! ...

(Lời hồi đáp của một giáo sư.)

Truyện Thúy Kiều

(Tiếp theo)

Hoa cười ngọc thốt (1) đoan trang
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
Kiều càng sắc-sảo mặn-mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn.
Làn thu thủy nét xuân-sơn (2)
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành, (3)
Sắc đành đòi một tài đành đòi hai.
Thông-minh vốn sẵn tính trời
Pha nghề thi họa ; (4) đủ mùi ca ngâm.
Cung, thương (5) lầu bậc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt, hồ cầm một trương.
Khúc nhà tay lựa nên chương,
Một thiên bạc-mệnh lại càng não nhân ;
Phong-lưu rất mực hồng quần, (6)
Xuân xanh xấp-xỉ tới tuần cập-kê (7)
Êm-đềm trướng rủ màn che
Tường đông (8) ong bướm đi về mặc ai.

Kiều en prose

La ro e de son sourire et l égrènement de ses mots quand elle parlait étaient d une grâce décente.

Les nuages étaient moins vaporeux que ses cheveux et la neige cédait en pureté à son teint. Thúy-Kiều éta t d'une intelligence plus vive ; sa grâce éta t plus expressive.

La comparaison des deux soeurs entre elles, au point de vue des talents et de la beauté, fa sait res ortir les avantages de Kiều.

Ses yeux avaient la courbe gracieuse des ondes d'automne et ses sourcils rappelaient le dessin des mon agnes vues au printemps,

Les fleurs sont jalouses d'être moins vives et le saule se morfond d'être moins vert.

D'un sourire et d'un deuxième sourire, elle boule er ait les empires et révo'ution ait les cités.

Pour la beauté, il faut nous résigner à la considérer comme unique en son genre ; pour le ta'ent, elle aurait tout au plus sa pa eille.

Intelligente, elle l'était tout naturellement, étant née avec ce don du ciel.

Cumulant tous les arts, y compris la poésie et le dessin ; et possédant au complet tous les goûts supérieurs, y compris le chant et l'art de dire les vers.

Les Cung et les Thương, elle connaissait à fond les gammes des cinq tons.

Mais comme art personnel. elle possédait incontestablement au plus haut degré, les règles de la guitare des Hồ (littér. le chapitre des règles).

D'un air familier quelconque, sa main sut toujours, pour une combinaison savante des sélections, faire un morceau classique.

La composition « le sort ingrat » était ce qu'il y avait de plus attendrissant.

Elle était distinguée au suprême degré parmi les filles de bonne famille.

Elle vivait dans la calme douceur du gynécée, les rideaux tirés et les stores baissés.

Du côté des murs de l'Est, les galants pouvaient rôder à leur aise, elle les laissait faire. N.V.V.

CHÚ

(1) Ý nói miệng cười, lời nói ra một cách đứng đắn đoan-trang, thốt là tiếng nôm, thưa thốt, thốt lời ra.

(2) Tình-Sử có câu : « Nhỡn như thu-thủy, mi tự xuân sơn » nghĩa là mắt trong như nước mùa thu, lông mi như núi mùa xuân.

(3) Cổ-thi có câu : « Nhất cố khuynh nhân thành, Tái cố khuynh nhân quốc. » Ý nói, người con gái đẹp đến nỗi làm cho những bậc đế-vương say mê mà mất nước, mất thành.

(4) Người xưa hễ được tiếng là tài hoa phải biết đủ bốn nghề chơi : Cầm (đàn) kỳ (cờ) thi (thơ) họa (vẽ).

(5) Cung, thương là hai dấu của nền âm-nhạc cổ, gồm có 5 dấu : CUNG, THƯƠNG, GIỐC, CHỦY, VŨ,... mãi sau này người ta mới đổi thành năm tên dấu khác : Hồ, Sừ, Sang, Sế, Cống.

(6) Hồng-Quần : chỉ phái yếu, người con gái. Ngày xưa con gái Tàu hay mặc quần hồng.

(7) Cập-kê : tuổi đến thì, có thể thành vợ chồng được.

(8) Mạnh-Tử có câu : « Du đông-lân nhi lâu ký xử tử ».

BÌNH

Thúy-Vân cũng đã đẹp lắm, đẹp đến nỗi cười tươi như hoa, nói lời ra như ngọc, mây còn phải thua nước tóc và trắng đến như tuyết mà còn phải nhường cái trắng cho màu da, nghĩa là trắng hơn tuyết. Thế mà Thúy-Kiều lại còn đẹp hơn « so bề tài sắc lại là phần hơn ». Đẹp đến nỗi hoa phải ghen ghét liễu phải giận hờn. Đẹp đến nỗi thành phải mất, nước phải nghiêng-ngửa. Cái sắc thì như thế, đến cái tài cũng không thua gì, Kiều cũng biết đủ cầm, kỳ, thi, họa, thật là người con gái hoàn toàn có cả tài lẫn sắc. Con người vào bậc quần-thoa ấy luôn luôn có dáng điệu phong-lưu. Ngày tháng qua, tuổi xuân-xanh đã ngoài đôi tám, tới cái tuổi thành vợ thành chồng rồi, nhưng vốn là người con gái có nhân-cách cho nên trong phòng the trướng rủ vẫn cứ êm-đềm cho thời gian trôi qua, mặc lủ ong bướm dập-dìu ở ngoài bức tường đông.

TRÚC-KHANH bình-chú.

Conversations *Nói chuyện*

(Tiếp theo)

— Un malheur ne vient jamais seul.

— Je courus après et j'eus le bonheur de l'arrêter en posant mon pied dessus.

— Excellent moyen de donner une forme originale à votre chapeau !

— Vous riez, mais je ne riais pas. J'étais fait comme un voleur. Mes souliers ne tenaient plus à mes pieds, mon pantalon blanc était crotté jusqu'aux genoux, mes cheveux étaient ébourriffés et mon chapeau faisait goutière.

— Vous devriez être beau à voir.

— Ce n'est pas tout.

— Encore une mésaventure.

— Thật là họa vô đơn chí.

— Tôi chạy theo mãi, rồi may phước tôi lấy chơn đạp chận lại được.

— Thật là phương-kế rất hay làm cho cái nón của anh trở ra kiểu lạ !

— Bây giờ anh cười, chớ hôm qua tôi không thể cười được. Lúc ấy tôi như thằng ăn trộm ; chơn không còn giày, cái quần trắng thì lắm lem tới đầu gối, tóc rối nùi, cái nón thì nước chảy lỏn-tỏn như cái máng xối.

— Trông anh lúc đó chắc là bãnh trai lắm.

— Chưa hết chuyện đâu.

— Còn sự gì chẳng may nữa hay sao ?

— Il fallait bien rentrer chez moi, et impossible de trouver une voiture.

— Cela se conçoit.

— Tout à coup l'orage cesse par enchantement.

— A la bonne heure.

— Les nuages se dissipent, le soleil reparait, les eaux s'écoulent ou s'évaporent.

— Vous voilà sauvé.

— Vous croyez ? Détrompez vous. A peine l'orage fut-il passé qu'une foule de promeneurs sortit de la ville et se répandit dans la campagne.

— Phải về nhà, song tìm không được một chiếc xe gì cả.

— Cái đó thì chắc.

— Rồi bỗng chúc cơn giông mưa tạnh hẳn đi như là có phép lạ gì vậy.

— Thật là may.

— Mây tan, mặt trời mọc lại, nước chảy đi hay bốc thành hơi đau cả.

— Vậy thì anh thoát nạn.

— Anh tưởng ? Anh đừng lầm. Mưa vừa tạnh thì bọn người đi chơi ở thành về rải rác đầy cả làng.

(còn nữa)

(EXPRESSIONS USUELLES)

(Thành ngữ thông thường)

— *Tenir des conciliabules* : (nghĩa đen) tựu hợp nhau để âm mưu làm việc gì — (nghĩa bóng) : ngồi xúm chùm để trò truyện bàn tán với nhau.

— *Tailler une bavette* (câu hơi tục) : nói hết chuyện nọ sang chuyện kia — nói chuyện chơi.

— *Faire un brin de causette avec quelqu'un* : nói với ai một lát.

— *Avoir bon bec* : nói chuyện lanh, miệng lưỡi.

— *Tenir le crachoir* : (nghĩa bóng) nói mãi không thôi.

— *Avoir du bagout* : nói chuyện nầy sang chuyện nọ ; nói không ra vàm, lắm điều vô ích — già hàm — không để mồi kéo da non.

— *Chanter quelque chose, répéter quelque chose sur tous les tons* : lập đi lập lại một chuyện mãi — không chán.

— *Se payer de mots* : nói sao tin vậy — ai nói sự gì — hứa sự gì cũng tưởng là phải, cho là thật.

— *Avoir le mot sur le bout de la langue* : toan nói câu gì, chuyện gì, chợt quên hẳn đi.

— *Hacher de la paille* : nói cách cằng-nhằn, khó nghe.

Parler français comme un basque espagnol : nói tiếng Pháp câu được câu mất : sai mẹo, sai tiếng.

Tinh hoa văn học

Tương thức mạn thiên hạ : Biết nhau đầy cả thiên hạ (thiên hạ : dưới bầu trời)

tri kỷ năng kỷ nhận : Biết rõ mình có được mấy người !

Tương phùng hảo tự sơ tương thức : Gặp nhau tốt hơn là giống như buổi đầu mới biết nhau.

Đáo lão chung vô oán hận tâm : Đến già cũng không lòng gì oán hờn

(nghĩa chánh : Hai câu này : Hễ gặp nhau vẫn giữ tử tế như lúc đầu mới biết nhau, thì dầu đến già cũng không có điều hờn oán.)

Cận thủy tri ngư tánh : Ở gần nước biết rõ tánh tình loài cá.

Cận sơn thức điểu âm : Ở gần núi biết rõ tiếng chim.

Dị trường, dị thối sơn khê thủy : dễ lớn, dễ ròng là nước khe trong núi.

Dĩ phăn dĩ phúc tiểu nhơn tâm : dễ tráo dễ trở là lòng kẻ tiểu nhơn.

Lược sử ba phái học thuyết, Khổng, Lão, Mặc,

Học thuyết của Lão-tử.

Học thuyết Lão-tử chủ trương thanh tịnh vô vị, (trong sạch yên tịnh không làm gì cho nhiều chuyện). Ông ta chẳng những phản đối chánh lịnh các vị vua chúa lúc bấy giờ có hại cho nhân dân, mà còn phản đối những người lợi dụng công cụ vô hình để làm chuyện ác nữa, như những danh-từ : nhân, nghĩa, hiếu, từ, trung thần, thánh triết v. v. Chủ trương của Lão-tử, sự sinh hoạt của dân chúng, trở lại theo xả hội chất phác không chữ nghĩa như thời đại thái cổ vậy. Ông ta nói: « Dân sự đói, là vì kẻ trên bắt đóng thuế nhiều, nên dân mới đói. Dân khó trị, là vì kẻ trên làm nhiều chuyện, nên khó trị. » « Tuyệt thánh, bỏ trí đi, dân lợi được gấp trăm ; tuyệt (dứt) nhân, bỏ nghĩa đi dân trở lại hiền lành ; tuyệt điều xảo, bỏ lợi đi, thì trộm cướp không còn nữa. » Nước nhỏ, dân ít, có đồ thập, bá mà không dùng, khiến dân chết sắp lớp mà không dời đi xa ; dầu có xe, thuyền, không ai đi cho, dầu có binh giáp, (áo giáp) không chỗ bày ra, khiến dân lại thắt khúc mà dùng ; ăn được ngon, mặc được đẹp, ở được yên, tục được vui, nước láng giềng đều trông qua, tiếng gà chó cùng nghe, dân đến già chết không qua lại với nhau. » Lão-tử ở tại nước Châu lâu năm, thấy nhà Châu ngày một suy vi, bèn từ bỏ chức quan, đi du-lịch miền tây đến cửa Hàm-cốc, (nay là huyện Linh Bửu, tỉnh Hànam) viên quan giữ cửa ải là Doạn Hỷ yêu cầu ông làm sách. Lão-tử mới làm ra hai thiên thượng và hạ, thuật ý nghĩa đạo-đức, cọng lại trên năm ngàn lời. Nay còn lưu truyền lại một quyển sách, gọi là **đạo đức kinh**. Tung tích ông ta về sau, theo truyền thuyết truyện liệt tiên, nói rằng; Lão-tử với Doạn Hỷ đồng đến phía tây Lưu Sa, rồi không biết về sau thế nào ?

TRANG THỂ-DỤC

TẬP THỂ-DỤC THẾ NÀO ?

NGUYỄN-VĂN-ĐOAN

Tập nồ lực hô hấp,

Trong tập XIII của tuần báo « Cần Học » này tôi đã trình bày vài lý lẽ chính của sự cần thuyết tập luyện bộ máy hô hấp. Tôi nhắc lại đây một điểm quan trọng của động tác thở : « Khí trời chảy vào phổi do lẽ áp lực ngoại xâm mạnh hơn áp lực trong phổi ; hơi thở hắc ra ngoài do lẽ trái lại. Như vậy nghĩa là nếu lồng sườn giương mở rộng ra, thì màn phổi vì dính vào lồng sườn sẽ kéo giãn các lỗ phổi ra và theo luật vô hình học, khối phổi lớn thì áp lực của khí nằm trong phổi sẽ giảm, đồng thời khí trời ở ngoài theo áp lực mạnh hơn trong chảy vào. Ta nên nhận định rằng : lồng sườn càng được mở rộng, sự hô hấp càng tích cực điều động. Vậy tập nồ lực hô hấp nghĩa là tập huy động các bắp thịt chuyên công mở rộng lồng sườn khi hít khí trời và ép hẹp lồng sườn khi thổi hơi ra. Nên nhớ trong các kiểu động tác mở lồng sườn để hít vào thì :

a) Lưng phải cứng rắn bằng cách khép hai cái sườn bả vai lại tự nhiên là hai vai kéo ra phía sau mà giương cao những sườn lên.

b) hai vai phải hạ thấp xuống để giúp cho hai cái sườn bả vai khép lại thêm sát nhau.

c) Cần cặp vào trong cổ để kéo gáy cho ngay đồng thời giúp các bắp thịt chằng lồng sườn kéo nâng lồng sườn lên.

d) Bụng cho cứng để cho bắp thịt hoành cách mạc có một áp điểm vững mà giương cao mấy cặp sườn ở dưới lên.

e) Đồng thời xúc động sức hít của phổi mà thâu nhận khí trời cho đầy ngực.

Trong các kiểu động tác khép lồng sườn để thổi ra thì :

a) Lưng, vai, cằm lần lần trở lại thường trạng,

b) Đặc biệt những bắp thịt bụng co dúm lại cho thót sát vào phía sau,

c) Đồng thời sức động xúc thổi ra của phổi mà hất ra đàng mủi cho hết hơi khí trong ngực.

1° Nằm ngửa KIỂU I

Hai chân duỗi thẳng khép lại
Lưng sát xuống đất hay ván
Hai cánh tay giang ra hai bên
Hai bắp tay dựng thẳng
Lòng bàn tay quay vào nhau

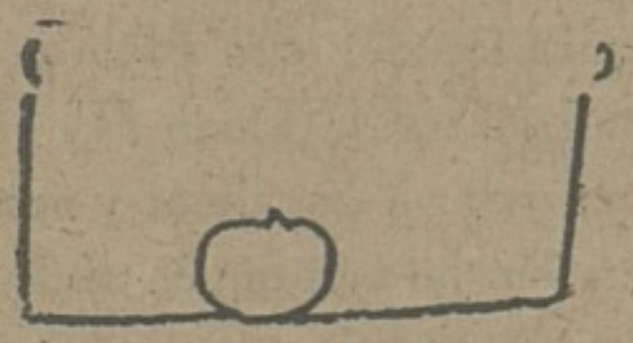

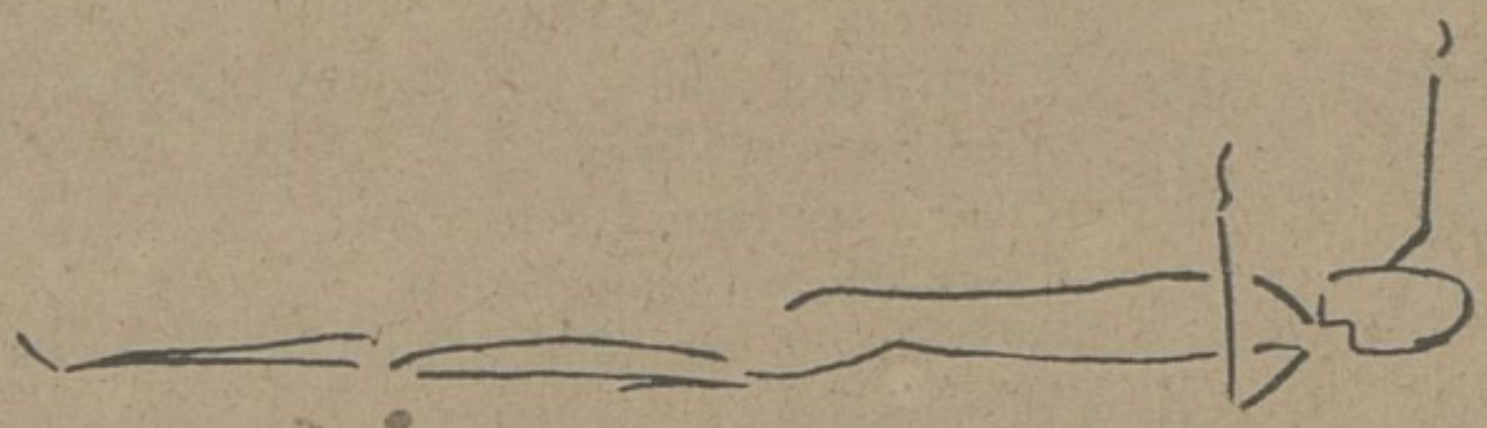

2º Vừa hít vào thủng thỉnh, bằng mũi vừa, vừa thực hiện động tác như sau :

Thắt lưng, 2 khuỷu tay (cùi chỏ) và sọ dính xuống đất hay ván để làm áp điểm.

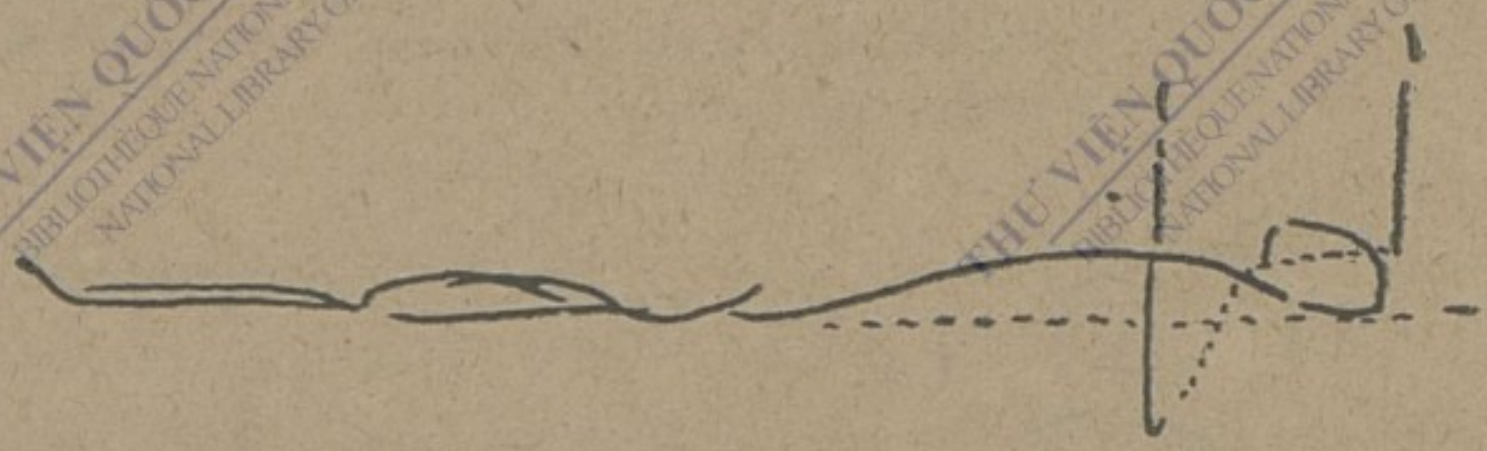

Ưỡn cây sống lưng lên
Mở cao lồng sườn lên
Ép cằm vào trong cổ

3º Cầm giữ khí trời đầy phổi trong 3 giây đồng hồ.

4º Vừa thổi ra bằng mũi vừa thủng thỉnh trở lại thế 1.

KIỂU 2

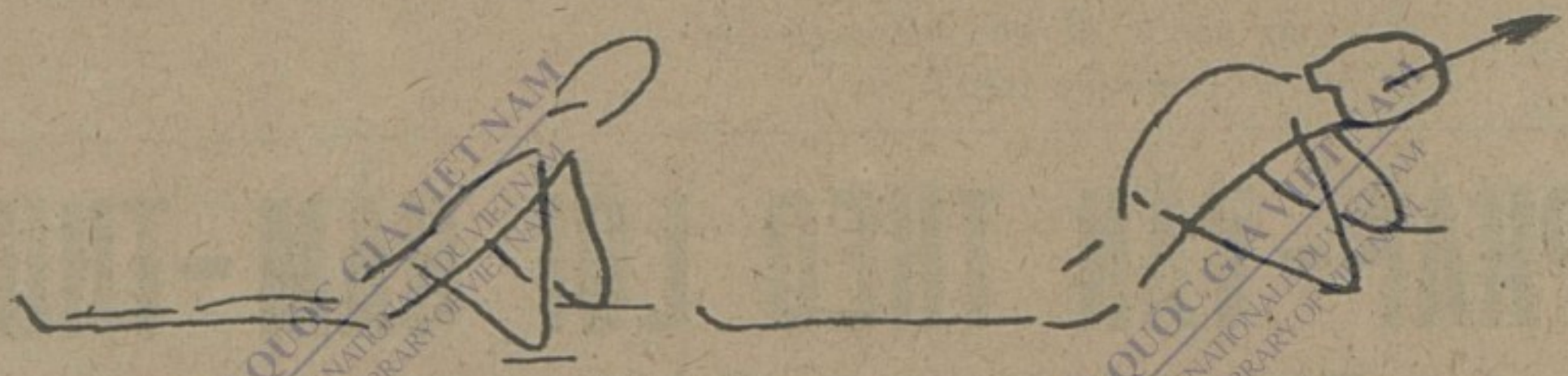

1º Nữa nằm nữa ngồi
Hai chân duỗi thẳng
Đít cho vững chỗ
Lấy khuỷu tay (cùi chỏ) chống mình lên.

2º Vừa hít vào bằng mũi vừa thực hiện động tác như sau :
Ưỡn cây sống lưng lên
Mở cao lồng sườn lên
Kéo thấp hai vai xuống
Ép cằm vào trong cổ, kéo thẳng gáy theo mũi tên.

3º Cầm giữ khí trời đầy phổi trong 3 giây.

4º Vừa thổi ra bằng mũi vừa thủng thỉnh trở lại thế 1.

KIỂU 3

1° Đứng giang 2 chân
Mình ngay ngắn
Tầm mắt ngó bằng
Đuổi 2 tay sang 2 bên
Lòng bàn tay quay vào đùi
2° Vừa hít vào bằng mũi thủng thỉnh vừa thục hiện động tác như sau

Hai chân đứng vững cho hông ngay ngắn

Hai cánh tay mở lần cho lòng bàn tay quay ra 2 bên, (nhớ quay cánh tay từ nách trở xuống và mở cả cạnh nách ra).

Kéo thấp 2 vai xuống và mở ra sau cho 2 xương bả vai khép kín lại, Ta có cảm tưởng sau lưng rắn chắc và cạnh sường nâng lên.

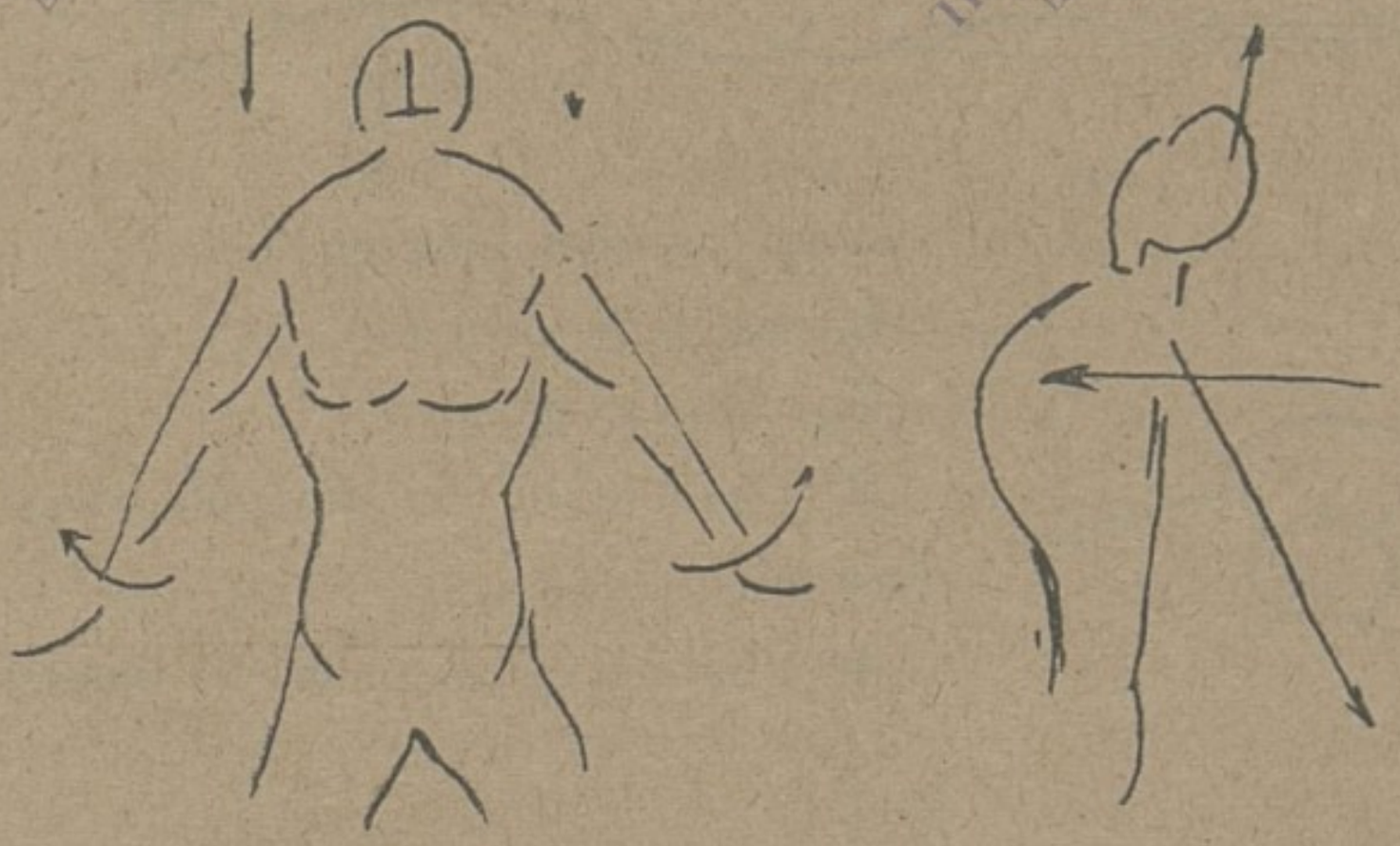

Ép cằm vào cổ để kéo thẳng gáy lên.
3° và 4° (coi kiểu trên).

PHÁP-VĂN THEO LỐI HÀM-THỤ

Le Français par Correspondance

CHO CÁC HỌC-SINH VÀ CÁC BẠN MUỐN TỰ BỒ TÚC LỚP MỘT NHÓM GIÁO-SƯ CHUYÊN NGHIỆP ĐẢM NHẬN

Bài vở soạn chương trình ở trường và tùy theo trường hợp riêng biệt của mỗi người, chú thích kỹ lưỡng, đều in sẵn.

Tổ chức gồm nhiều cấp học (degrés) cho thích hợp với nhu-cầu và học lực của người học. Học phí nhẹ.

Xin hỏi bổn điều lệ in sẵn do :

Ông NGÔ-TẤN-HUỲNH *252, Q. Belgique -:- SAIGON*

RƯƠNG VÀNG CỦA CON TÔI

Tác giả : **Ông N. Trương-vĩnh-Tống**

CHƯƠNG THỨ I

ĐẠO THỜ CHA MẸ *(tiếp theo)*

Rất ngán về thói đời : cha mẹ đối với con, từ nhỏ chí lớn, nào nuôi, nào dạy, nào gầy-dựng vợ chồng nhà cửa hao-tổn biết bao nhiêu tiền-của ; sau cùng lại đem gia-tài chia cho các con nữa. Những khoản đó, ở kẻ làm con thì vẫn cho là sự-lý đương nhiên ; tới chừng cha mẹ tuổi già, nếu có nghèo-khó mà phải nhờ đến con cung-cấp sự ăn mặc, hoặc cần dùng tiền-của mà cầu con cung-cấp thì kẻ làm con lại phần nhiều keo-kiệt, mà chẳng cho là sự-lý đương nhiên. Sao họ chỉ biết cái lẽ cha mẹ nên ở hậu với con, mà chẳng nghĩ tới cái lẽ con nên đền-đáp trọng-hậu với cha mẹ như vậy ?

Lại có kẻ đối với cha mẹ nghèo-khó, những oán trách về nỗi không có của để cho mà nhẹ bề hiếu-niệm. Nào họ có biết cái lẽ giàu-nghèo có số, cha mẹ nghèo tức là số của mình nghèo vậy, chớ cha mẹ nào chẳng muốn có của để cho con. Huống chi cha mẹ nghèo thì đối với chuyện nuôi dạy gầy-dựng cho con lại càng khó-nhọc bội phần, cái công ơn còn nặng hơn cha mẹ giàu ưa. Thế mà lại vì cớ không có của để cho mà chẳng hết lòng báo hiếu, thì thiệt là kẻ mất hết lương-tâm và không biết mạng trời.

Lại có kẻ ỷ mình tài-năng mà kiêu với cha mẹ, có kẻ ỷ mình sang-giàu mà ngạo với cha mẹ. Sao họ không nghĩ cái lẽ : ai sanh ra thân họ, ai dạy dỗ, ai gầy-dựng cho họ, mà có tài năng ấy, có cái sang giàu ấy ? Vậy thì các cái tài năng sang giàu đều do của cha mẹ hết thảy, thế mà lại trở đi đem của cha mẹ kiêu-ngạo với cha mẹ, là nghĩa lý gì !

Lại có kẻ phạm sự lỗi lầm, cha mẹ đánh mắng dạy răn, đã chẳng biết ăn năn mà thuận thọ lỗi mình, lại trở ra trách-oán cha mẹ, lãnh-đạm cha mẹ, thì thiệt là tội lớn lắm thay ! Kẻ làm con phải biết rằng cha mẹ có thương con thì mới răn dạy con cho chừa dại nên khôn. Mà dầu cha mẹ có thiệt là người chẳng

hiền-từ, cố tình bắt-buộc những điều chẳng chịu nỗi, mình cũng càng nên dốc lòng hiếu thuận, thì cha mẹ sẽ cảm ngộ mà trở lại hiền-từ, chớ sao vì điều cha mẹ răn-dạy mình mà trách oán hay là lãnh đạm với cha mẹ !

Lại có kẻ trách oán cha mẹ tuổi già thường đổi tánh mà trái nết : hay sai-khiến, hay la-rầy. Nào có phải vậy đâu, người ta lúc trẻ tuổi thì mắt còn sáng, sức còn mạnh, việc gì cũng có thể làm lấy được liền, tới chừng tuổi già thì sức yếu, mắt lòa, phải cần có con cháu hầu-hạ giúp-đỡ ; Vả lại người già tánh ưa yên-tịnh, nếu có sự lộn-xộn khó chịu thì phải la rầy. Vậy thì chiều-chuộng và hầu hạ cha mẹ là bổn-phận của kẻ làm con, há nên lấy những điều đó mà trách oán.

Bao nhiêu đó đều là những tội bất hiếu, vậy kẻ làm con muốn giữ lấy toàn đạo hiếu, thì nên học lấy những điều cách ngôn sau đây :

Ông Lữ-tâm-Ngô nói rằng : « Con hiếu thờ cha mẹ, chẳng nên có nết trầm-tịnh (thiếu vẻ hòa-vui), chẳng nên có nết nghiêm-trang (thiếu vẻ kính nhường), chẳng nên có nết hào-hùng (làm lối với cha mẹ), chẳng nên có nết lạt-lẽo (không thiết với cha mẹ), chẳng nên có nết lao quyện (chán-nản sự hầu cha mẹ), chẳng nên có nết tật-bệnh (làm cho cha mẹ lo), chẳng nên có nết sầu khổ (làm cho cha mẹ buồn), chẳng nên có nết oán giận (trái mạng cha mẹ)

Lại nói rằng : « Con người ta đối với cha mẹ, về phần lễ thì phải khiêm kính như kẻ tôi tớ ; về phần tình thì phải dịu-dàng như đứa trẻ con ».

Ông Viên-quân-Tài nói rằng : « Con hiếu thờ cha mẹ, chẳng nên để cho cha mẹ có lòng lãnh đạm (phải làm cho cha mẹ thương), chẳng nên để cho cha mẹ có lòng phiền-não (phải làm cho cha mẹ vui), chẳng nên để cho cha mẹ có lòng sợ-sệt (phải yên lòng cha mẹ), chẳng nên để cho cha mẹ có lòng sầu-muộn (phải chiều lòng cha mẹ), chẳng nên để cho cha mẹ có lòng khó nói (phải đón ý cha mẹ), chẳng nên để cho cha mẹ có lòng thẹn thùa (phải làm vẻ vang cha mẹ.

Lại nói rằng : Con người ta đối với cha mẹ, về mặt và lời nói phải nên hòa-nhã dịu dàng ; chẳng nên lỗi về nghiêm-nhặt cứng xẵng.

Nói tóm lại, kẻ làm con phải nên có lòng yêu chơn thật, lúc nào cũng để lòng nghĩ tới cha mẹ, thì tự nhiên khí hòa vẻ dịu, đối với mọi sự khởi-cư ẩm-thực của cha mẹ, sẽ chẳng hề có ý khi lơn, đó là kính do yêu mà sanh ra, mới tỏ ra lòng thật kính vậy.

(Còn tiếp)

TƯ-TƯỞNG ĐÔNG-TÂY

« HỌC VẤN »

— Đợi rãnh rang mới học, thì lúc rãnh cũng không có thể học được.
— Cái gì cũng phải biết, hoặc không biết cái gì hết.
— Trăm sông học bể, đến được bể ; gò đống học núi, không đến được núi ; là tại một đằng đi, một đằng đứng.
— Người không học không rõ lẽ. Già không học không bằng trẻ.
— Bắng ở nước ra mà lạnh hơn nước, mầu xanh ở chàm ra mà thẩm hơn chàm.
— Văn hay mà không có tư-tưởng như bông đẹp không hương.
— Không biết thì hỏi, không hay thì học
— Tài cao mà không học, vẫn chưa là hoàn-toàn
— Mộng không phải SUY NGHĨ. Mơ-mộng còn hại tư-tưởng, một đàng làm suy-nhược, một đàng dục thực-hành.
— Kẻ học-giả không lo không có tài, chỉ lo không có chí.

Pensée des grands hommes
Danh nhân tư-tưởng

của **Châu-sáng-Thế** *dịch*

Je me sens pénétré de deux impressions profondes. La première c'est que la science n'a pas de patrie. La seconde qui paraît exclure la première mais qui n'en est pourtant qu'une conséquence directe, c'est que la science est la haute personnification de la patrie parce que le savoir est le patrimoine de l'humanité, le flambeau qui éclaire le monde. La science doit être la plus haute personnification de la patrie, parce que de tous les peuples, celui-là sera toujours le premier, qui marchera le premier par les travaux de la pensée et de l'intelligence.

Tôi tự thấy có hai cảm-giác sâu xa, cái thứ nhứt là khoa-học không có quê-hương. Cái cảm-tưởng thứ nhì như mâu-thuẫn đối với cái trên, nhưng nó lại chính là cái kết quả trực-tiếp của cái trên, là khoa-học chính là một của chung của nhân-loại. Khoa-học còn là cái hình thức cao thượng nhứt của quốc-gia, nó cũng chính là cây đuốc để rọi sáng khắp thế-giới. Khoa-học chính là cái hình thể cao nhứt của quốc-gia, vì trong các dân-tộc, dân-tộc nào đi bước đầu tiên, nhờ tư-tưởng và trí-tuệ, thời dân-tộc ấy đáng làm hướng-đạo.

Pasteur

So sánh những câu ngạn-ngữ và cách-ngôn Việt-Pháp

— *Hổ-phụ sinh hổ-tử* : (*cha nào con nấy*) Tel père, tel fils.

— *Đi đêm có ngày gặp ma* : (*có câu : chơi dao có ngày đứt tay*) Tant va la cruche à l'eau qu'à la fin elle se casse.

— *Hết nạt thì vạc đến xương* : Faute de grives on se contente de merles.

— *Đặng chim bẻ ná, đặng cá quên nơm* : La fête passée, adieu le saint.

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP HÀNG SÁCH HÀNG BÁO

Sách Tiểu-Thuyết Mới

EM KHÔNG YÊU ANH

Tiểu-thuyết ngắn Của HỒNG-SƠN

(Bìa in hai màu bằng litho) Giá Saigon : 9 $

NGA và THUẦN

Truyện dài Của LÝ-VĂN-SÂM. *Giá 11 $*

(Là một truyện của thời loạn)

NGA : thiếu-nữ thời loạn — THUẦN : thanh-niên thời loạn

SÁCH HỌC THƯỜNG NGÀY

PHÁP-VĂN THỰC-HÀNH VÀ BỔ-TÚC

Leçons Pratiques de Français

Đã ra số 1 và số 2

Trường Bình dân Học-Hiệu do giáo sư NGUYỄN-VĂN-HẠNH

(*L'Université populaire*) *Giá mỗi cuốn 7$* (Trọn bộ là 4 cuốn)

TRỌN BỘ SÁCH KHOA-HỌC

Của bổn phận thanh-niên nam-nữ

ÁI-TÌNH BỬU-GIÁM I Giá ; 12 $ 00

ÁI-TÌNH VÀ SẢN-DỤC II Giá : 15 $ 00

dịch và bổ chính PHẠM-HOÀNG của Bác-Sĩ BYRNES

Thơ từ và ngân phiếu xin gởi ngay PHẠM-SƠN

Hộp thơ 286 -:- Saigon

HIỆU NOVA

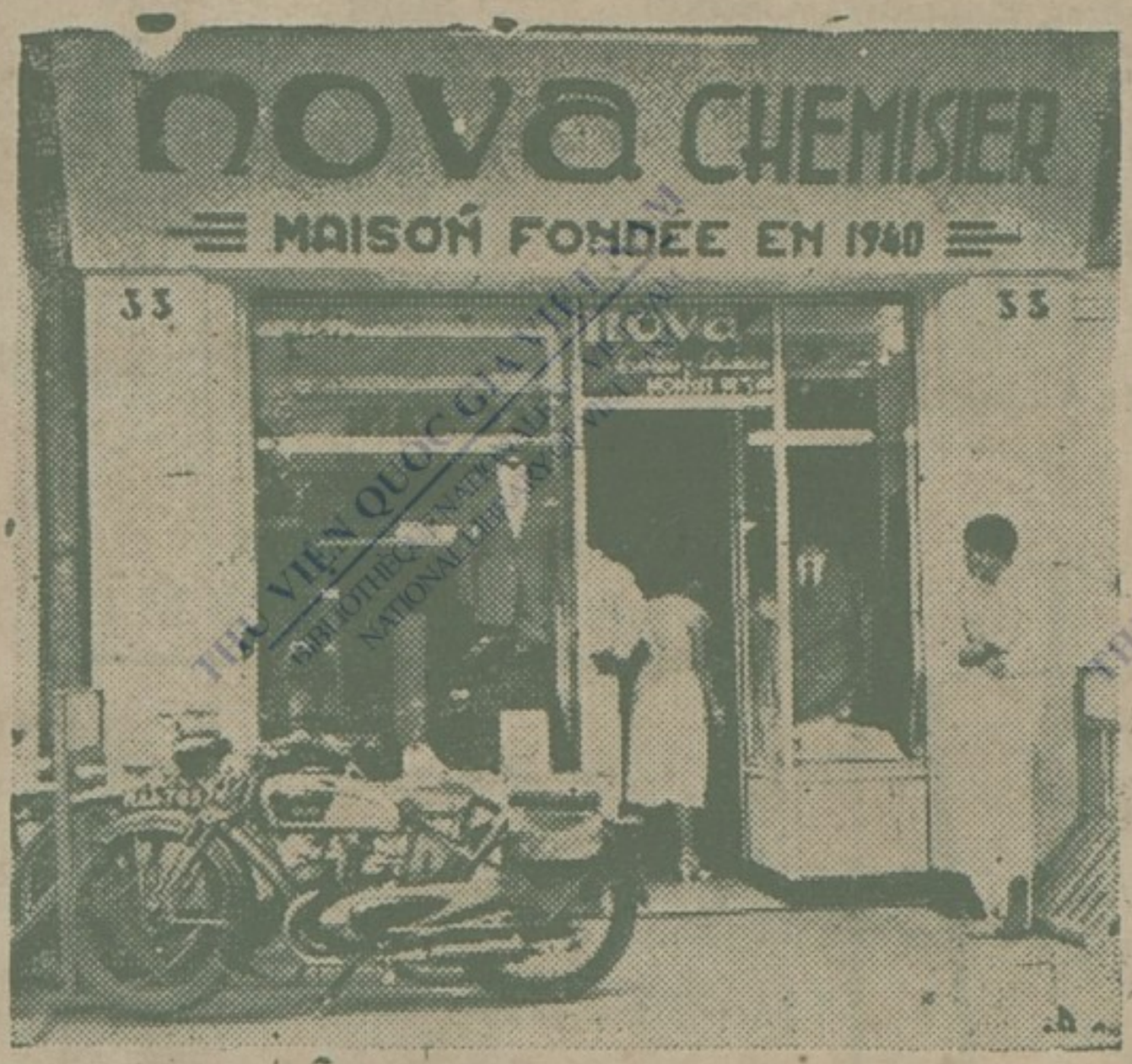

MAY Y-PHỤC
và
CHEMISE

Sang Pháp và trong xứ rất danh tiếng khắp nơi.

Có nhiều hàng vải đẹp vừa ý quí ngài.

33, đường SABOURAIN

Gần chợ SAIGON

Giây nói : Cardi, 435

Nhà sách TÙNG QUANG

159, đường Lê-Lợi -:- SAIGON

Tại đây có bán đủ các thứ sách Việt-Ngữ, Pháp-văn, đồ dùng của học trò và bản nhạc bốn phương.

Lại cũng có cho mướn sách, tiểu thuyết, truyện cũ và mới. Xin mời quí Ngài chiếu cố.

XIN LƯU Ý

Tại Tòa Soạn Cần Học, có bán hai cuốn sách có giá trị, do Ông **Trần cửu Chấn**, Docteur ès Lettres, đã soạn.

1° Etude critique du Kim-vân-Kiều, Poème National du Việt-Nam,

Giá 30 $

2° Etudes littéraires sur les Grandes Poétesses du Việt-Nam.

Giá: 28 $

PHOTOGRAVURE ET DESSINS

NGUYỄN VĂN DẦU

Chuyên-môn khắc bản kẽm để in:
HÌNH ẢNH · SÁCH BÁO · TẠP-CHÍ
MỤC-LỤC · QUẢNG-CÁO · NHÃN HIỆU
ĐỦ MÀU VÀ ĐỦ KIỂU
MẮT KIẾN RA ĐI Ố
KIẾN RỌI MÁN ẢNH

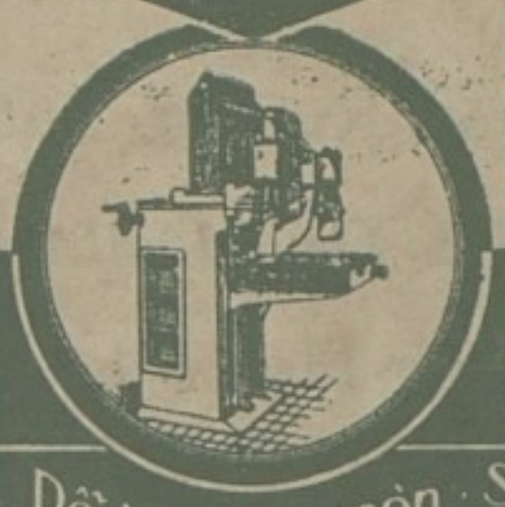

Cliché Dau

TÉL: 21.651
17
ĐỖ-HỮU-VỊ
SAIGON

Dễ in · Lâu mòn · Sạch · Rõ · Đẹp

DANH SÁCH QUÝ ĐỘC-GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN

Sœur Supérieure de la Ste Enfance, Tânđịnh	6 tháng	100$
Ông Nguyễn-Phó, 8 B, Rue đe l'Hôpital Nhatrang,	12 tháng	250
— Lê-văn-Bé, P. T. T. Dalat	6 tháng	125
— Phiếu-Ny, Service Cadastre, Kompong-cham, Cambodge	»	125
— Hà-văn-Ba, Hôpital Lalung Bonnaire, Chợlớn	3 tháng	50
— Lê-toàn-Nghĩa, 26, Quai de Ceinture, Chợlớn	»	50
— Nguyễn-xuân-Hão, c/o Phát An, 41, Av. de France, Tourane	6 tháng	125
— Nguyễn-văn-Vạn — — — —	»	125
— Trần-thượng-Nhơn — — — —	»	125
— Bùi-văn-Thình, 2, Place Cuniac, Saigon	3 tháng	50

Giá mua dài hạn

Saigon-Chợlớn L.T. T.B.M.L.

3 t. : 12 số 50$	52$	65$
6 » : 25 » 100$	104$	125$
12» : 50 » 200$	208$	250$

Thơ và ngân phiếu xin đề :

Mr NGÔ - VAN - THANH

165, Bd de la Somme -:- Saigon.

HỘP THƠ

Cùng quí bạn đọc Cần Học đã hết hạn mua báo từ tập XII, xin quí bạn gởi thơ hay giấy nhận mua báo đến tòa soạn hoặc đóng tiền cho người đem báo.

Cần Học trân trọng cám ơn quí bạn kể tên dưới đây đã mua báo tiếp theo :

1o Anh Huỳnh-văn-Rương, *266, Général Lizé, Saigon*

2o **Cô Nguyễn-kim-Tư**, *Hôpital Giadinh*

3o Ông Hạng-trung-Hai, *34, Charner, Saigon*

Giấy phép số 267 T.X.B.

Ngày 24 tháng Bảy 1950 d. l.

—:— In tại Ấn Quán —:—

NAM-HƯNG

165, Bd. de la Somme- SAIGON

HỌC ĐỂ PHỤNG SỰ CHÁNH ĐỜI

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES

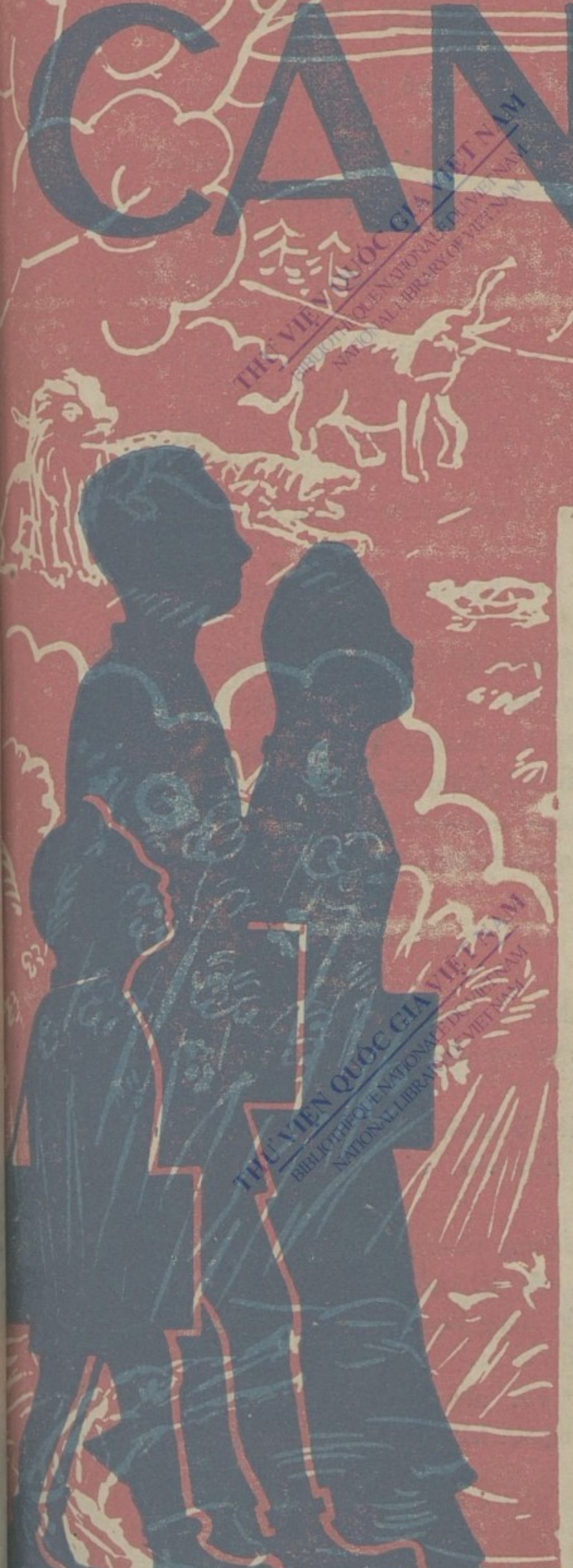

CẢI HỐC

TẬP XV

44 TRANG

với sự hợp-tác của quí ông :

Trương-v-Tống	*Nhà học-giả*
Vỏ-văn-Lúa	*Giáo-sư Pháp-văn*
Ngô-tấn-Huỳnh	— —
Trịnh-văn-Mai	— —
Trần-văn-Lâm	— —
Huỳnh-văn-Đó	— —
Trí-Đức	— *T.H.A.V.*
Châu-sáng-Thế	— *Anh-Văn*
Nguyễn-v-Đoan	— *G. D. Thể-dục*
Trúc-Khanh	*Thi-sĩ, văn-gia*
Nam-Hồng	—
Lê-Hương	—
B. Truyền	—
Lưu-đình-Khải	*G.Đ.T. Mỹ-thuật*
Bùi-văn-Kinh	*Giáo-sư Hội-họa*
Thái-văn-Cần	— —
Trần-đình-Nhu	— *Hoa-văn*
Thiếu-l-Quân	— *Tốc-ký V.N.*

Tòa soạn : **165 Bd. de la Somme**

Téléphone : 21 309

SAIGON

Giá { *Nam-bộ* **5$00** ; *Trung, Bắc, Miền.* **6 00**

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Mr PHAN-CÔNG-BÌNH
c/o 211, Paul Blanchy
TÂN ĐỊNH

Tânđịnh, ngày 31 Juillet 1950

Giảng nghĩa và Bình Luận 2 chữ

Cần Học

Cần là siêng năng, chăm chỉ, chuyên-ý gồm có những điều kiện nhẫn-nại hăn-hái và nghị-lực để theo đuổi cái gì luôn luôn.

Học là nghiên-cứu, thu-thập tài-liệu và ghi nhớ, nó chi-phối cử chỉ hành-động và tư-tưởng. Khi ta để tay vào một việc gì, trí ta nghiền ngẫm một vấn-đề nào tức là ta đã học.

Đức Khổng-Tử dạy rằng : Ngọc bất trác, bất thành khí ; nhơn bất học bất tri lý.

Nức mắt ra, kịp thấy đời và vũ-trụ thì một bài học vô cùng đã diễn ra có lớp lang trước mặt và đòi hỏi ở ta một đức-tính phải có Cần Học.

Người có Học và Cần Học như anh chàng đi đêm, rọi, tìm thấy và tránh những gì anh muốn biết trong tâm-tối dày đặc.

Chung quanh đứa trẻ ngây thơ hay dĩ vảng và tương-lai của người trưởng thành đều dẫy đầy tâm-sự để bồ túc tâm hồn họ.

Ông Clémenceau bảo : Người ta vẫn học suốt đời. (on est à l'école toute sa vie).

Đứa trẻ muốn nên người từ nhỏ, đăng đắng dưới mái trường khuyếch-trương trí-tuệ bằng sách vở và lời giảng dạy của cha mẹ và thầy.

Người mà định-mệnh sẽ ném ra đời, bắt đầu lăn lóc trong gian-truân, mưu sinh cuộc sống, đời là cả một trường kinh-nghiệm cần-thiết.

Khi ta ở vào trường-hợp bệnh hoạn ươn-yếu, mới thèm ước sự mạnh khỏe và ích-lợi của nó cũng như ta đang hạnh phúc sống, ta cần phải tìm ý-nghĩa của đau khổ với tất cả yếu-tố của nó.

Nếu ta thấm thía được cái cười vui tươi, không quên tìm hiểu cái khóc tủi-cực.

Xa hơn nữa, nhân-loại có từng đoàn người đang nghiên cứu, tìm tòi cái mới cái hay của chân lý với vũ-trụ để văn-minh-hóa đời sống mình đến mục-đích toàn-mỹ toàn-thiện.

Sự học không có hạn. Thiên nhiên là khối mà ta cho rằng trừu-tượng « học tức là chìa khóa để mở toát hết cửa nẻo, các từng lớp còn đương bí, mật đối với ta. »

Tạo-hóa hình dung ra ta, lồng ta trong vũ-trụ, chứa-sẵn cho ta một kho tài-liệu quí-báo và vô-tận, ban cho ta một trí khôn hiểu-biết ; Cần và Học là hai điều-kiện tương-quan như hình với bóng làm lợi-khí dùng để khảo-sát và hưởng-thụ tất cả nhu-cầu cần-thiết đối với ta.

Tóm lại, ta phải cần-học, học với mục-đích là dồi mài trí-tuệ của ta để cảm-thông cùng vạn-vật và loài người bằng đủ mọi phương-diện vật-chất lẫn tinh-thần.

LỚP BA VÀ LỚP NHÌ BAN TIỂU-HỌC

Ám-tả

THỂ-DỤC

Người tập **thể-dục** không tranh hơn thua với ai. Họ chỉ tự **phấn-đấu** với mình, với cái tính lười biếng, với sự yếu-đuối, với các ma bịnh. Giữa hai buổi lăn-lộn ngoài đời, sau những giờ làm việc nhọc-nhằn, họ để mười phút, nửa giờ đặng tu-bổ cái thân-thể lại. Họ tập để giữ-gìn sức-khỏe cho nguyên-vẹn. Họ tập để cho nó trở nên dồi-dào, do đó **tinh-thần** sẽ thêm **khang-kiện**, trí não thêm sáng-suốt hơn, để mà phấn-đấu với đời một cách **đắc-thắng** Nói tắt, họ dùng thể-dục làm một phương-thế chớ chẳng phải một **mục-đích.**

Họ tập-luyện vì sự ích-lợi của họ, chớ chẳng phải để rước lấy tiếng khen của một ai. Mà ai đâu lại thấy họ, vì lúc nào họ cũng một mình trong một gian phòng với một đôi trái tạ làm bạn là đủ.

Vừa thấy mệt là họ nghỉ, chẳng bao giờ họ rán quá sức. Sự rán sức ta chỉ thấy trong các cuộc **giao-phong**, vì ai cũng quyết rước lấy cái đắc-thắng vẻ-vang về mình, cái đắc-thắng mà người thể-dục không màng đến. Họ chỉ biết một sự thắng trận là mình thắng mình, đó là những trận vẻ-vang nhứt.

J. TƯƠI
(Văn-Lang)

Câu hỏi

1) Giải-nghĩa những chữ : thể-dục, phấn-đấu, tinh thần, kháng-kiện, đắc-thắng, mục-đích.

2) Tại sao ta cần phải tập thể-dục.

Học tiếng

Thể-diện : danh dự (honneur).

Thể-giải : một thứ hình phạt ngày xưa kẻ phạm tội đem chi-thể xé lìa ra.

Thể hệ : hệ thống (système).

Thể-lệ : qui-luật.

Thể-lực : sức mạnh của thân thể.

Thể-mạo : hình thể và tướng mạo.
Thể-pháp : cách thức.
Thể-tháo theo qui tắc mà vận động thân-thể (gymnastique).
Thể-thống : tất cả những việc gì có trật-tự nhứt định, có quan-hệ liên-lạc với nhau.
Thể-thức : cách thức (forme)

Chữ khó viết

Cúi : cúi đầu, cúi xuống.
Cuối : cuối mùa, cuối tháng.
Củ : qui củ, củ khoai.
Cũ : cũ mới, nhà cũ, cũ kỹ.
Đắc : (đặng) đắc-chí, đắc thế, tự-đắc.
Đắt : bán đắt, đắt hàng.

Trả lời bài ám tả trong tập XIV

1) A-vào : nhảy đại vô, không sợ gì hết.
Hoảng-kinh : hết hồn, sợ sệt.
Vì hiếu chẳng vì sanh : vì lòng thương yêu cha, chớ chẳng vì mạng sống của mình mà bỏ cha chết.
2) Dương-hương đi theo cha cắt lúa gần mé rừng.
3) Bỗng có một con cọp nhảy ra, bắt cha Dương-hương hầu toan ăn thịt.
4) Dương-hương nóng ruột, a vào đâm cọp bằng con do cắt lúa.
5) Dương-hương không sợ oai cọp vì quá thương cha.

Tác-văn

Đầu đề : *Tả một buổi cày của người nông-phu.*
(*Dàn bài trong số trước*)

Bài làm

Gà vừa gáy canh năm thì chàng nông-phu đã dắt trâu ra cày.
Anh ta đầu đội nón lá, vai vác ách, tay dắt trâu, con trước con sau. Cái cày để sẵn ngoài ruộng.
Đến ruộng, cập trâu mang ách nơi cổ sau đuôi kéo cái cày. Anh nông-phu đi sau, tay cầm roi mây dài, tay cầm cày với 2 sợi dây cột từ mũi trâu đến. 2 sợi dây rất cần khi cày : để điều-khiển trâu đi ngay thẳng hay quanh quẹo.

Cập trâu đựt mạnh lại còn khỏe cẳng nên đi mau, không cần roi ; mà hễ cày độ 2 giờ sau thì cẳng mỏi, bụng đói, trâu đi chậm, phải nhịp roi, la nhiều nó mới cày mãn buổi.

Lúc cày thì đi ngay một đường độ 10 thước rồi quẹo lại trên miếng đất hình chữ nhựt. Khi trâu đi ngay thì thả dây mũi, trâu đi thong thả, mà khi muốn quẹo bên nào thì kéo sợi dây bên ấy và la : VÍ, (phía mặt) THẢ, (phía trái). Cập trâu già quen 2 tiếng đó thì không cần kéo dây cũng đi trúng đường.

Cày một chập, mặt trời mọc lên, chủ mệt, trâu đuối. nên nghỉ một hồi. Trâu dừng lại, anh nông-phu lên bờ hút thuốc.

Nghỉ, lấy sức lại rồi, cày tiếp đến đúng buổi là độ 10 giờ thì người và thú đều mệt, bụng đói. Thả cày, mở ách, cho trâu đi ăn. Trâu mệt nằm nghỉ một hồi lâu, mới dậy đi kiếm ăn. Chủ vác ách về nhà.

Đó là xong một buổi cày ; công lao cực nhọc rất nhiều, mồ hôi đổ xuống mới được hột lúa mà ăn.

Vậy ta chớ khinh thị người nông-phu, vì nhờ hạng người đó ra công khó nhọc thì chúng ta mới có gạo cơm ăn.

Tục-ngữ Việt-Nam có câu : công lao khó nhọc quản dâu.

Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng.

ĐẦU-ĐỀ : Tả một buổi tập thể-tháo của học trò nơi sân trường.

Toán-pháp

(Giải-pháp 2 bài toán đố trong tập XIV.)

I.— Giá tiền mỗi thước vải : 75$92 : 7*m*30 = 10$40.

Giá tiền 5 thước vải, hay tiền 4 con gà :

10$40 × 5 = 52$

Giá tiền mỗi con gà : 52$: 4 = 13$.

Trả lời : Mẹ tôi bán mỗi con gà là **13$**

II.— Tiền lời mỗi chục hột vịt : 7$50 — 6$ = 1$50

Tiền lời mỗi hột : 1$50 : 10 = 0$15

Thúng hột vịt đựng được : 45$: 0$15 = 300 *trứng*

Trả lời : Thúng hột vịt có **300** *trứng.*

I.— Xây một nền nhà, 2 người thợ hồ lãnh 166$, người thứ 1o làm việc 5 ngày, người 2o lãnh được 91$. Vậy người thợ thứ hai làm việc mấy ngày biết rằng người đó lãnh ít hơn người thứ 1o 2$ trong một ngày ?

II.— Một xấp vải trắng dài 30 th, giá mỗi thước là 10$ 25' Bán lại nửa xấp giá 11$ 20 mỗi thuốc và khúc còn lại bán 10$ 80 mỗi thước. Vậy bán hết xấp vải lời được bao nhiêu ?

Dictée française

Aime ton maître.

Respecte et aime ton maître, mon fils. Aime-le parce que ton père l'aime et le respecte : aime-le parce qu'il consacre sa vie au bonheur de tant d'enfants qui l'oublieront. Aime-le parce qu'il ouvre et éclaire ton intelligence et élève ton âme.

Aime-le comme tu aimerais un père; aime-le quand il te carresse et aussi quand il te gronde, quand il est juste et quand il te semble ne l'être pas ; aime-le quand il est gai, mais aime-le plus encore quand il est triste.

Questions.

1°) Quels sentiments l'élève doit-il avoir pour le maître !

2°) A côté de quelle personne place-t-on le maître ?

3°) Conjuguez le verbe « j'aime mon maître » aux temps présent, imparfait, passé simple de l'indicatif et au présent du subjonctif.

4°) Donnez quatre homonymes de *père* et expliquez-les.

3ème leçon

GRAMMAIRE

Les mots sont formés d'une ou de plusieurs SYLLABES.

Ainsi COQ a une syllabe ; POULE a deux syllabes : POU—LE ; ÉCUREUIL a trois syllabes: É—CU REUIL.

Devoir d'application

Copiez les mots suivants en mettant après chacun d'eux un chiffre qui indique le nombre de syllabes : Ex : *cuisine (3)*

cuisine	(nhà bếp)	casserole	(cái tay cầm)	poireau	(củ kiệu, củ hẹ)
fourneau	(hỏa lò)	écumoire	(cái vá hớt bọt)	céleri	(rau cần)
broc	(bình xách nước) (có một quai)	haricot	(đậu)	asperge	(măng tây)
				fève	(đậu)
vaisselle	(chén bát)	salade	(rau sống)	éponge	(rong đá)
légume	(rau, đậu)	carotte	(củ cải đỏ)	balai	(cây chổi)
fourmi	(con kiến)	chameau	(con lạc đà)	pigeon	(chim bò câu)
canard	(con vịt trống)	airaignée	(con nhện)	cheval	(con ngựa)
chien	(con chó)	cigogne	(con cò)		

Copiez les mots suivants en rangeant ensemble :

1°) les mots d'une seule syllabe ; *2°)* les mots de deux syllabes ; *3°)* les mots de trois syllabes.

dromadaire (con lạc đà có cục gu) cruche (cái bình, plat cái ché có quai) pot (cái bình, hũ, vò) marmite (cái nồi) soucoupe (dĩa lót dưới) verre (cái ly, kính) soupière (bình đựng cháo) sceau (ắn, con dấu) chaudron (chảo nhỏ) passoire (cái rây, đồ lọc) terrine (cái ảng, chậu, vịm) réchaud (lò, hỏa lò)

A un enfant.— *(Réponses aux questions)*

1.— Non, tous les enfants n'ont pas un père qui les embrasse le soir avant le sommeil.

2.— Ils pleurent la nuit parce qu'ils ont perdu leur maman.

d'eux.

3.— Quand nous avons le bonheur de posséder nos parents, nous ne devons pas oublier les petits orphelins, mais partager avec eux notre joie et notre bonheur et faire d'eux des amis et frères.

4.— S'endormir : *se réveiller* ; matin : *soir* ; pleurent : *rient* ; reconnais sanc : *ingratitude* ; joie : *tristesse* ; bonheur : *malheur*.

THÈME CORRIGÉ.

Je vais au maché.

Allez-vous au marché ?

Je vais *en* automobile.

Il va *à* bicyclette,

Ce soir nous allons à la promenade (nous nous promenons.)

Avez-vous déjà mangé ?

Quand finissez - vous votre devoir ?

Je vous attends ici.

Qui passe par là ?

Est-il déjà parti ?

THÈME À PROPOSER.

— Tôi phải đi học chiều nầy

— Mầy phải đi lập tức.

— Chúng tôi đi chơi về.

— Chúng nó mới về.

— Anh ở gần đây.

— Nó ở làng xa.

— Anh nói gì ?

— Ai gỏ cửa ?

— Anh viết thơ xong rồi chưa ?

— Anh làm bài xong chưa ?

LỚP NHỨT VÀ BỔ TÚC BAN TIỂU-HỌC

Ám-tả

Một buổi chiều quê

Mặt trời gác núi, bóng vàng nhuộm những đọt cây xanh. Luồng gió nhẹ thoảng qua : cây cỏ sột sạt, lá vàng rơi lả-tả. Trên vừng không, mây hồng từng lớp đuổi nhau chạy dồn về chân trời xa tích. Muôn ngàn mũi tên vàng của vừng kim-ô phai màu dần-dần, rút ngắn lại, rồi biệt mất dưới rặng cây xanh. Không một bóng người, chỉ thấy lác-đác vài túp lều-tranh hay một hai nấm mồ nằm co ro ở vệ đường trong bầu-không khí yên-lặng.

Trời nhá-nhem tối. Gió từ phương xa vẫn gào lên từng-chập Chim gọi đàn con về tổ, một vài bầy cò trắng thong-thả lượn trên nền trời xám thẳm. Tiếng vạc ăn đêm hòa với đàn vế cầm canh như oán than, trách móc sao chẳnh bừng ánh sáng cho cây cỏ, vạn vật khỏi cơn lạnh-buốt của đêm dài.

Câu hỏi

1 — Giải-nghĩa những chữ : gác núi, kim-ô, lác-đác.

2 — Phân-tích mệnh đề câu : Không một bóng người, chỉ thấy lác-đác vài túp lều tranh hay một hai nấm mồ nằm co ro ở vệ đường trong bầu không khí yên lặng.

3 — Trò thử phỏng-đoán xem tác-giả tả buổi chiều quê vào mùa nào ? Tại sao trò biết ?

Trả lời câu hỏi bài ám-tả trong số XIV

1.— *Vận-động* : cử-động để cho có sức khoẻ.

Nhật-dụng : dùng hằng ngày.

Tối đâu là nhà : gặp trời tối, ở đâu cũng được, không cần phải về nhà.

Ngã đâu và giường : nằm ngủ ở đâu thì đó là giường, gặp đâu ngủ đó, không cần phải có giường êm, nệm ấm.

Tháo vát : xoay trở bốc-vát (débrouiller). Nợ nần cũng chẳng là bao, ra tay tháo-vát lúc nào cũng xong (Ca dao).

Thắng cảnh : chỗ có phong cảnh đẹp.

Lưỡng-lợi : lưỡng là hai : Lưỡng-lợi, là hai mối lợi.

2.— Thiếu-thốn — trưởng thượng — quê mùa.

3.— Tinh-thần — xảo-quyệt — phức-tạp.

Tác-văn

Đầu đề : *Thơ gởi bạn học...*

Ô-Cấp ngày 25 tháng 7 dương-lịch 1950

Bạn Hoàng thân-mến.

Tiếp được thư nầy chắc bạn lấy làm lạ : một bức thư của bạn anh từ một bờ biển gởi về. Một buổi tất niên kia, chúng ta cùng chia tay, lẽ ra tôi phải ngỏ với bạn vài lời trước về cuộc du-lịch xa nầy; nhưng không, vì mãn nghĩ mình không được may mắn để đi chơi xa. Tôi không ngờ, sau khi chiếm được Cấp-bằng Sơ-học, cha, mẹ tôi lại chìu sự nhu-cầu tôi đến thế nầy. Còn anh thế nào ? Có đi chơi xa không ? Theo lời anh đã cho tôi hay trước, giờ phút nầy tôi tưởng anh đang mài miệt học âm-nhạc thì phải. Còn các bạn Lành, Phụng, Thắng, Hóa hiện đang làm gì ? Có lẽ đang học toán dữ lắm nhỉ !

Riêng tôi, tôi nhận thấy sung sướng vô hạng, còn có vui thích nào bằng : nơi bãi biển ta ngắm trời cao, bể rộng, nơi ấy ngày ngày nghe tiếng sóng gào và thở trong một bầu không-khí bao la tinh khiết. Làm một thời khắc-biểu, mỗi ngày chia giờ học và đọc sách xong, em tôi cùng tôi ra bãi biển tắm gội, nô đùa. Chúng tôi có lẽ là tinh-nghịch nhất, bơi lội chán rồi lại gây trận « giặc nước » : khoát nước nhau có khi đến ngộp thở. Lại cũng chán, rũ nhau đi dọc theo bờ biển bắt các thứ ốc dị hình, cùng các thứ rêu đá lắm màu sắc. Là một nơi núi non, rừng bụi, chúng tôi còn tổ-chức đi cắm trại, đốt lửa, ca hát. Có khi thách nhau hì hục trèo lên trên đỉnh núi để ngắm mây trắng điểm trên trời với đàn chim tung gió bay lượn chập chờn. Thêm vào đó, chúa-nhựt rồi chúng tôi xin phép nhà đi theo ghe chài ra tận ngoài khơi xem đánh cá. Đêm đến, chúng tôi trải qua giấc ngủ êm đềm, lặng-lẽ mà sóng biển tuần tự gào lên như một điệu nhạc hồn nhiên của vũ-trụ. Mặc thời-gian thầm lặng trôi, biển cả hầu như vọng đưa mối hờn dân-tộc...

Bức thư nhảm nầy viết đã dài lắm, tôi xin tạm ngưng bút nơi đây. Tôi rất nóng lòng đợi tin anh và mong rằng chúng ta sẽ trao đổi thư từ cho nhau về mọi phương-diện hữu-ích cho học-vấn luôn nồng-hậu ở tình bạn.

Chào anh thân-ái,

BÍNH

Đầu đề : *Thơ Hoàng gởi cho bạn Bính nói về sự học thêm trong tháng nghỉ.*

Toán-Pháp

Giải-pháp 2 bài toán đố trong sổ thước

Bài I. Khoản đường chồn chạy trong 1 phút 900th. : 60 = 5 thước

— Trong mỗi phút thỏ chạy được : 312 th. : 24 = 13 thước.

— Khoản đường chồn chạy hơn thỏ trong 1 phút. 15 — 13 = 2 thước.

— Muốn chạy hơn thỏ 35 thước chồn phải được một thời gian là : 35: 2 = 17, phút 30.

Trả lời. — Chồn bắt được thỏ vì nếu muốn về đến hang thì thỏ phải chạy đến 24 phút, mà mới chạy đến 17 phút 30 thỏ đã vào miệng chồn rồi.

Bài II. — Từ 6 giờ đến 10 giờ có 4 giờ hay là 240 phút:

— Từ 6 giờ đến 7 giờ 30 có 1 giờ 30 hay là 90 phút.

— Khoản đường người đi xe đạp đi trong 1 giờ 30 phút.

$\frac{144 \times 90}{240}$ = 54 cây số.

— Khoản đường còn lại : 144 — 54 = 90 cây số.

Người phải đi 90 cây số trong thời gian : 10 giờ — (7,30 + 30) = 2 giờ.

— Mỗi giờ người ấy phải đi : 90 : 2 = 45 cây số.

Trả lời : Muốn tới nơi theo giờ đã định sau khi vá xe rồi phải chạy 45 cây số mỗi giờ.

I. Anh A mới vừa trúng số. Anh bèn chia số vốn ra làm 2 và cho vai cùng một lợi-suất : 800$, trong 2 năm 3 tháng và 1.200$ trong 4 năm 6 tháng. Tiền lời của số cho vay thứ nhì nhiều hơn tiền lời của số cho vay thứ nhứt là 162$. Hỏi vậy lợi-suất chung là mấy ?

II. Trong 20 ngày, 15 bác thợ hồ xây xong phân-nửa. ($\frac{1}{2}$) cái vách tường ; vào lúc ấy có 3 người té nên nghỉ việc. Hỏi vậy mấy bác còn lại xây bao lâu nữa mới xong tấm tường ?

Orthographe

L'amitié

Qu'un ami véritable est douce chose !
Il cherche vos besoins au fond de votre cœur ;
Il vous épargne la pudeur.
De les lui découvrir vous-même ;
Un songe, un rien, tout lui fait peur,
Quand il s'agit de ce qu'il aime.

La Fontaine

Questions

1. — Expliquez : un ami véritable (donnez son contraire) ; il vous épargne la pudeur ; un songe.
2. — Analysez : les et lui (les lui découvrir...), rien (un rien) découvrir.

Exercices écrits de vocabulaire

1. — Donnez le contraire des mots ou expressions en italique dans les phrases suivantes : Son affection est *fragile, toute de surface*, parfois *blessante*.

Comment s'exprime une affection discrète, une affection indiscrète:

3. — Le mot *démonstration* dans l'expression : démonstration d'amitié se rattache davantage au sens de *montrer* (manifester, rendre apparent) qu'à celui de *démontrer* (rendre évident, faire comprendre) Employez-le dans une phrase où il se rattachera au sens de démontrer. Employez dans des phrases les mots *montrer*, une *montre* (instrument montrant l'heure), *démontrer, démontable*, remontrer (montrer de nouveau ou bien montrer à quelqu'un son fort) remontrance.

GRAMMAIRE

Les propositions subordonnées

Les propositions subordonnées peuvent se diviser en deux grandes catégories :

1.— Propositions subordonnées relatives.

2.— Propositions subordonnées conjonctives.

1.— Les propositions subordonnées relatives sont introduites par un pronom relatif dont l'antécédent est exprimé. Elles jouent dans la phrase le rôle que jouent les adjectifs dans la proposition : elles qualifient, complètent des noms ou des pronoms — Ex : *J'ai un ami qui m'est fidèle.* La phrase équivaut à : *J'ai un ami fidèle. Celui que vous cherchez n'est pas ici.*

2.— Les propositions subordonnées conjonctives sont introduites par des conjonctions ou des locutions coujonctives. Elles jouent dans la phrase le rôle d'un *nom.*

a) Elles peuvent être sujet. Ex : *Il est certain que Ba est venu.* Qu'est-ce qui est certain ? *que Ba est venu.*

b) Elles sont parfois attributs. Ex : *Tout mon espoir est qu'il viendra. Qu'il viendra* est attribut de *espoir.*

c) Elles sont le plus souvent compléments du verbe, soit compléments d'objet, Ex : *Je désire que Ba vienne,* soit compléments de circonstances. Ex : *Le temps passe pendant que nous bavardons ; je dois me presser parce que le temps passe.*

RÉSUMÉ (à apprendre par cœur)

1. Les propositions subordonnées relatives jouent le rôle d'un *adjectif*. Ex : *j'ai un ami qui m'est fidèle.*

Les propositions subordonnées conjonctives jouent le rôle d'un *nom*. Elles sont sujets, attributs et le plus souvent compléments du verbe. Ex : *Je désire que Ba vienne.*

EXERCICE SUR LA LECON DE GRAMMAIRE

1.— *Distinguez parmi les propositions suivantes les principales et les subordonnées. Vous direz à propos de chacune des subordonnées si elle complète le sens d'un nom ou si elle complète un verbe.*

Soulignez et analysez les mots de liaison ;

On dit souvent que le métier de paysan est agréable, c'est en réalité un très dur métier que, seuls, les paysans nés à la terre, peuvent aimer. Il est vrai qu'on travaille au grand air. Mais il faut travailler quand il fait à peine jour et quand il commence à faire noir, quand il fait chaud et quand il fait froid.

Le travail que fait un cultivateur est incessant. Les foires et les marchés qui sont ses seules sorties sont rares. S'il ne travaillait pas tout le long du jour, il ne gagnerait pas sa vie.

EXERCICES DE VOCABULAIRE

Devoir corrigé. *Famille du mot char*

2) Remplacer les points par les mots convenables de la famille de char :

Une petite charrette couverte et suspendue est une *carriole* — Une voiture luxueuse, à quatre roues, est un *carrosse* — Un chemin *carrossable* est un chemin où les carrosses peuvent avoir accès — La *carrosserie* est l'art du carrossier. — Un *chariot* est une voiture à quatre roues pour le transport des fardeaux — Le fleuve *charrie* du sable — Le *charron* fabrique des chariots et des voitures — Celui qui conduit une charrette est un *charretier* — La contenance d'un char est une *charrée* — Un bois de *charronnage* est un bois propre aux ouvrages du charron — On laboure le sol avec une *charrue* Le *charroi* est le transport au moyen d'une charrette — Une voiture à deux roues pour le transport de gros fardeaux est une *charrette* — Le *charriage* est l'action de charrier — Un fabricant de carrosse est un *carrossier*.

Préparatifs de départ. (*Réponses aux questions*)

1.— *Trousseau :* ensemble des vêtements, du linge que doit avoir un élève qu'on met en pension.

Insistaient : étaient plus longs, plus appuyés.

Nicheron : de nicher, nom familier dont la grand'mère désignait son petit-fils ; il est comme un oiseau qui n'a pas encore quitté le nid.

2.— Le départ de l'élève émeut profondément ses parents. Sa mère souffrait le plus de son départ ; « son front était pensif, ses regards se faisaient plus tendres, ses baisers insistaient plus qu'à l'ordinaire, ses paupières se mouillaient de larmes. » Son père cachait la peine en faisant le brave. Sa grand'mère s'affligeait de le perdre et s'effrayait de le voir partir si loin.

ANALYSE GRAMMATICALE

Pensif } Adjectif qualificatif, masculin, singulier attribut de *front*.
Loin } Adverbe de lieu, mot invarible, modifie *partir*
Nous } Pronom personnel, 1ère personne du masculin, pluriel, sujet de *partions*.

Partions } Verbe partir, forme active, sens intransitif, 2e personne du pluriel, mode indicatif, temps imparfait, 3e groupe.

4.— *Conjugaison* — Verbe **Prendre**

Indicatif

Présent	*Passé composé*	*Imparfait*	*Plus-que-parfait*
Il prend	Il a pris	Il prenait	Il avait pris
Ils prennent	Ils ont pris	Ils prenaient	Ils avaient pris

Passé simple	*Passé antérieur*	*Futur simple*	*Futur antérieur*
Il prit	Il eut pris	Il prendra	Il auraient pris
Ils prirent	Ils eurent pris	Ils prendront	Ils auraient pris

Conditionnel

Présent	*Passé (1ère forme)*	*Passé (2e forme)*
Il prendrait	Il aurait pris	Il eût pris
Ils prendraient	Ils auraient pris	Ils eussent pris

Subjonctif

Présent	*Passé*	*Imparfait*	*Plus que parfait*
Qu'il prenne	Qu'il ait pris	Qu'il prît	Qu'il eût pris
Qu'ils prennent	Qu'ils aient pris	Qu'ils prissent	Qu'ils eussent pris

Vous avez cassé un jouet auquel vous tenez beaucoup. Les circonstances de l'accident, vos sentiments

Devoir corrigé

C'était le jour de mon anniversaire. A cette occasion, maman m'a fait inviter quelques camarades de classe et naturellement tous mes petits cousins et cousines. Tout était prêt et j'attendais avec impatience leur arrivée. Dans ma chambre, j'avais installé, sur le tapis, un magnifique train, don de papa à Noël dernier. Tout près sur une table, j'avais disposé des jeux de l'oie, de domino et des cartes. Plus loin, à côté du lit, c'était mon mécano.

Vers sept heurs, les petits invités commencèrent à affluer dans ma chambre. Ils me serrèrent la main, me donnèrent de jolis cadeaux avec leurs souhaits de joyeux anniversaire. Quelques uns admirèrent ma collection de jouets ; d'autres s'empressèrent déjà à faire marcher mon train, à dresser mon mécano... D'un commun accord, nous commençâmes par jouer avec le train. Deux petites cousines posèrent des rails, un de mes camarades plaça les bâtiments de la gare. Ceux-ci disposèrent des ponts et des tunnels; ceux-là plantèrent des signaux et des sémaphores. Le petit train, alors, s'avança lentement salué par des cris de joie et des battements de mains. Jugeant que le paysage était encore insuffisant, je courais prendre mon mécano afin de dresser une grue, figurant la scène d'un port. Mais soudain, hélas ! par mégarde, en passant, mon pied écrasa la petite locomotive qui se tortillait sous mon poids.

Mes amis poussèrent des cris de terreur ; Ma joie aussitôt se mua en gros chagrin. Je refoulais à grand'peine mes larmes pour ne pas pleurer devant mes invités. M'excusant rapidement, je disparaissais dans le cabinet de toilette. Là, je pleurais tout mon soûl, soulageant ma peine par les larmes. Mais me faisant violence, je reparus devant mes amis, avec un visage rasséréné.

Le soir, j'avouais la faute à ma mère qui me console de son mieux en disant que le dégât n'est pas grave, que papa en achèterait sûrement un autre train. Maman disait ainsi car elle ne voulait pas me gronder le jour de mon anniversaire.

Devoir de **Georges Gélot**
retouché par **M. Trần-văn-Lâm**

Décrivez un parapluie :

Plan

1) Parties essentielles dans un parapluie.
a) Armature
b) Etoffe
2) Comment fait-on pour ouvrir le parapluie.
3) Comment fait-on pour le fermer.

Khoa-học quan sát

Một quyển sách rất cần ích cho các em học-sinh.

Kỳ tựu trường tới, các em nhớ đón mua quyển « Khoa-học quan-sát », do quí ông: Tăng-văn-Chương, Huỳnh-văn-Đó, Nguyễn-hửu-Thông, Giáo-viên các trường Sơ-học Saigon. Soạn riêng cho 2 lớp Nhứt và Nhì, đúng theo chương-trình trong Giáo-khoa tạp-chí của Nha Giáo-Huấn Nam-Việt.

Sách gồm có 5 chương : 1·) Sinh-lý. 2·) Động-vật. 3·) Thực-vật. 4·) Khoáng-vật. 5) Vật-lý.

Ấn-loát mỹ-thuật với trên 200 hình vẽ tuyệt đẹp.

Xin hỏi nơi Ấn Quán NAM-HƯNG
165 Bd de la Somme
Saigon.

Concours d'admission en 1re Année

(Session du 7 Août 1950 — Collège Gialong)

Dictée & Questions

UN ÉCOLIER D'AUTREFOIS

Nous devions apporter non seulement notre pain, mais notre bois pour entretenir le feu.

Chaque matin, il me fallait partir de bonne heure, ayant une lieue et demie à faire.

Ma mère me gardait toujours, de la veille. un peu de soupe, qu'elle faisait réchauffer. pendant que je mangeais, elle mettait, durant un moment, dans mes sabots, quelques braises mêlées de cendres qui réchauffaient le bois.

Ma soupe avalée, j'enfilais mes sabots et je partais. J'emportais dans mon sac, qui avait deux poches d'un côté mon pain, du fromage, une pomme, des noix, des chataignes, et, de l'autre côté une bûche ou deux.

George Migremont

Questions.

1. — Quel est l'arbre qui produit la pomme ?
Quel est celui qui produit la noix ?
Quel est celui qui produit la chataigne ?
Qu'est-ce qu'une bûche ?

2.— Analyse grammaticale des mots : *pain* (notre pain), ***braises*** (quelques braises), *sac* (dans mon sac), *qui* (qui avait deux poches).

3. — A quel tempts est le verbe *faisai* ? Conjuguez-le au présent de l'indicatif et au futur.

Réponses

1. — L'arbre qui produit la pomme est le pommier.
Celui qui produit la noix est le noyer.
Celui qui produit la chataîgne est le chataîgnier.
Une bûche est un morceau de gros bois de chauffage.

2.— *Pain* ; nom commun masculin, singulier, complément d'objet direct de *apporter*.
Braises : nom commun féminin, pluriel, complément d'objet direct de *mettait*.

Sac : nom commun, masculin, singulier, complément circontanciel de lieu de *emportais*.

Qui : pronom relatif ayant pour antécédent *sac*, masculin, singulier sujet de *avait*

3. — *faisait* est à l'Imparfait de l'Indicatif .

Présent de l'Indicatif.	Futur simple de l'Indic.
Je fais	Je ferai
Tu fais	Tu feras
Il fait	Il fera
Noufaisons	Nous ferons
Vous faites	Vous ferez
Ils font	Il feront

Luận-văn

Đêm qua trời mưa to gió lớn. Sáng đến trò thấy những cái hư hại nào nhà, nào vườn và nói ý-nghĩ của trò ra.

Bài làm

Ai mà nghĩ đến một đám mưa tai hại, một đám mưa tàn-khốc của một đêm qua !

Một đám mưa đã bao-vi lấy dân lầm than trong những cơn lo sợ, hoảng hốt. Họ rất lo và rất băn-khoăn dưới mái nhà dột nát. Lại càng hoảng hốt hơn cho những cơn gió ào-ạt. Gió cứ thổi, thổi mãi đành làm xiêu vẹo nơi tổ ấm của đám bần dân hay hiện giờ chỉ còn thấy mấy cây cột mỏng mảnh chỉ thiên.

Ngoài trời, loài thảo-mộc còn đang mê mạn, rạp mình sát đất sau cơn khủng-hoảng vừa qua. Cành lìa cây rơi ngổn ngang ngoài vườn. Lá thay lốt vàng, bao phủ lấy sân.

Đứng trước tình-trạng ấy tôi liên miên nghĩ đến những cái chòi lá đã sụp đổ và thương hại cho người không nơi nương-vựa.

Nhưng giờ đây : Sau một cơn giông tố, trời lại sáng. Cho tôi là một học-sinh thì câu nầy không khác gì hơn là nhắc cho tôi phải gắng-công đèn sách. Vì có câu :

« Thiếu tiểu tu cần học,
Văn-chương khả lập thân ».

Đời người là một ngày nhanh chóng như đám mưa nầy, như cơn giông qua, rồi trời lại sáng, một ngày qua rồi không bao giờ trở lại. Thế lúc trẻ ta nên học tập hầu nhờ văn-chương mà trí óc được khai hóa, ta mới có thể lập thân sau nầy. Lúc thiếu-niên ta cần phải dồi mài trí-tuệ cho khỏi phải phí thì giờ vô ích để đi đôi với câu của một nhà văn-sĩ Pháp « Bernardin de St Pierre » : « Nhưng mà cuộc đời chỉ là một hành-trình nhỏ-nhen và đời người chỉ là một ngày nhanh chóng ».

Tuyết-Hoa
(nữ-sinh)

Toán đố

I. — Một chị nuôi gà ra chợ bán đặng lấy tiền sắm áo Tết. Nếu bán đặng 23$ mỗi con thì mua đặng áo ấy dư lại 12$ song chị chỉ bán đặng có 20$ mỗi con nên chị thiếu 10$ mới mua đặng áo ấy. Hỏi vậy chị đem bán mấy con gà ? và áo chị muốn sắm giá là bao ?

II. — Anh nông phu kia gặt được 4.500 kí lúa. Anh không chịu bán ngay 160$ mỗi 100 kí. Để 3 tháng sau, anh bán 164$ mỗi 100 kí, lúa lúc ấy đã sụt cân hết 2 phần trăm vì khô nhót.

Nếu bán lúc gặt thì tiền anh có thể sanh lợi 4,5 phần mỗi năm (taux annuel).

Anh bán sau như thế thì có lợi hay lỗ cho anh ? và bao nhiêu ?

Giải pháp

I. — Chị bán gà vừa mất 17$. — vừa lỗ 10$. — Chị mất tất cả là 17$ + 10$ = 27$.

Bán mỗi con gà, chị mất : 23$ — 20$ = 3$.

Số gà chị bán là : $\frac{27}{3}$ |9 con gà|

Chị bán 9 con gà với giá tiền là : 20$ + 9 = 180$.

Áo chị muốn sắm giá là : 180$ + 10$ = |190$|

Trả lời : { Chị đem bán |9 con gà|
Áo chị sắm giá là |190$|

passait avant l'histoire de France — Dans l'art d'écrire et de parler on était alors tributaire de Rome. Horace enseignait aux jeunes Français les préceptes du style, Cicéron, ceux de l'éloquence. De là, une intelligence façonnée par Rome, une mémoire remplie de souvenirs romains, une imagination juvénile, construisant dans les exercices littéraires une Rome idéale, plus belle, plus grande, plus vertueuse que la Rome authentique. A ces influences familiales et scolaires s'ajouter *celle de l'époque*.

Car entre 1625 et 1646, les Romains inspirent une admiration très vive à la haute société. Balzac les idéalise et s'acquiert par là une immense réputation. Dans les romans, sur la scène, il n'est question que des illustrations romaines, Corneille suivit la mode.

II.— Corneille, Romain par son élection

Cependant, ces influences ne suffisent pas à expliquer la prédilection de Corneille pour Rome. Ses goûts personnels, son génie, sa secrète affinité le portaient vers la littérature et la civilisation romaines. Il avait la *passion du grand*, il aimait une certaine *éloquence raisonneuse*, voire *l'emphase. Les actions héroïques*, l'enthousiasmaient ; la *politique* dans les grands débats l'intéressait au plus haut point. Aussi, plus qu'aucun de ses contemporains qui reçurent la même formation a-t-il fouillé l'histoire de Rome chez les auteurs latins...

III.— Corneille, Romain par sa vie

Sa vie et son œuvre sont l'épanouissement logique de la formation qu'il avait reçue et celle qu'il s'était donné à lui-même.

Noble par ses conceptions, son âme ne l'est pas moins par les actions. Chef de famille admirable qui donne généreusement ses enfants à Dieu, au pays, qui se sacrifie au bonheur des siens !.

Vertu digne de Rome ! se fût écrié le vieil Horace !

Pour conserver son indépendance, il rompt avec Richelieu et les « Cinq auteurs ». Au dénigrement de ses ennemis, il oppose des déclarations qui sont comme le *Civis Romanus sum* des Romains conscients de leur dignité, de leur valeur :

« Je sais ce que je vaux, et crois ce qu'on m'en dit.
« Je ne dois qu'à moi-même toute ma renommée ».

IV.— Corneille, Romain par son œuvre

A part les comédies du début, quelques pièces comme le *Cid*, le *Menteur*, et sa suite *Psyché*, l'œuvre de Corneille est *toute romaine*. Elle embrasse l'histoire entière de Rome, depuis les origines légendaires (Horace) à la destruction de l'empire par les Barbares (Attila). Il nous suffira pour justifier le mot de Victor Hugo, de nous rappeler les chefs d'œuvres incontestés : *Horace. Cinna, Polyeucte*, Rien ne prouve mieux comment le génie de Corneille s'est identifié avec le génie de Rome.

a) *Horace,*

Horace nous présente une famille romaine au début de la royauté. [Le père y est omnipotent, il a sur ses enfants le droit de vie ou de mort.

... Ces mains. ces propres mains
Laveront dans son sang la honte des Romains.

Horace le père est foncièrement religieux. Pour la patrie il n'est point de sacrifice qu'il ne consente et il exige des siens un pareil dévouement. Cette pièce dépeint en perfection la simplicité d'une époque primitive.

b) *Cinna*.

Bien différents sont les temps qui font revivre Cinna. A la vertu des vieux Romains, créatrice de l'unité ont fait place les passions individualistes et dissolvantes. L'ambition a provoqué des guerres intestines ; c'est l'ère sanglant du triumvirat : Octave, Antoine, Lépide, qu'évoque Corneille. Tous les personnages lui sont intimement connus : on dirait de ses contemporains tant il a scruté leurs âmes. Ne dirait-on pas que l'auteur a pris part aux assemblées secrètes des conjurés ? qu'il a épousé pour l'instant leur querelle ? Quelle intensité de vie, quelle éloquence dans le discours de Cinna aux Révoltés ! Et quel sens politique dans la célèbre discussion entre Maxime et Cinna sur la royauté et la république ! En vérité, on croirait que Corneille a été le témoin, à Rome, de semblables disputes !

c) *Polyeucte*

Plus encore qu'Horace et Cinna, Polyeucte révèle une intime connaissance du monde romain. Sévère, Félix, Pauline, Stratonice sont autant de types romains aux temps du christianisme naissant. Quant à Pauline, digne de Polyeucte, de Sévère et de la conversion elle est l'image de ces âmes d'élite que n'a pas touchées la corruption ambiante, dont l'intelligence est resté apte à embrasser la Vé.ité en dépit des théories.

Elle a trop de vertu pour n'être pas chrétienne.

Nous sommes en Arménie et pourtant la Rome lointaine vit intensément en cette tragédie.

Restrictions

La justesse du second hémistiche de Victor Hugo établie d'antithèse appelle des restrictions. En effet Corneille fut au moins aussi Français et Normand que Romain. Son âme si elle s'évadait volontiers sur les rives du Tibre, se complaisait plus encore sur les bords de la Seine, à Rouen, à Couronne, à Paris, aux Andelys. Par sa prudence, par le soin qu'il a de ne point se compromettre en prononçant un oui ou non catégoriques (son quatrain sur Richelieu, ses sonnets sur Voiture) par son tempérament processif (plaidoyers, discussions) par une certaine subtilité, qui s'acharne à couper un cheveu en quatre (Examens de ses pièces) par la disposition que l'on constate en lui entre « être » et « paraître », il est bien un des plus purs produits du sol français et du terroir normand.

Devoir proposé :

Dans la scène VI de l'acte II de *Britannicus* Néron se cache pour épier l'entrevue de son rival et de Junie : « petit artifice de comédie » dit Fontenelle « puéril » déclare Voltaire.

Discuter ces jugements. Est-il donc interdit au tragique d'user dans certaines conditions, de procédés comiques ? Un critique contemporain (Emile Faguet) dit de même de Racine. « L'élève de Molière n'a pas conçu la tragédie autrement que comme une comédie qui finit mal ».

TRẦN-VĂN-LÂM

Truyện Thúy Kiều

(Tiếp theo)

Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục (1) đã ngoài sáu mươi, (2)
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
Thanh-minh trong tiết tháng ba (3)
Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh.
Gần xa nô nức yến anh.
Chị em sắm sửa, bộ hành (4) chơi xuân,
Dập dìu tài tử giai nhân (5)
Ngựa xe như nước, áo quần như nêm (6)
Ngổn-ngang gò đống kéo lên.
Than vàng-vó rắc trò tiền giấy bay (7)
Tà tà bóng ngả về Tây.
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
Bước lần theo ngọn tiểu khê.
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.
Nao nao giòng nước uốn quanh.
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

Les jours du printemps passèrent, rapides comme l'hirondelle poussant la navette.

Des quatre-vingt-dix beaux jours du printemps, on était déjà au-delà du soixantième.

Le tapis vert d'herbe tendre s'étendait jusqu'à l'extrême horizon.

Les branches de poiriers étaient de blanc tachetées par quelques fleurs.

C'était la féte de la Clarté Pure, dans le beau climat du troisième mois.

Les gens pratiquent le rite de la toilette des tombes, et fêtent le foulage de la verdure (la promenade sur le gazon).

Partout une foule joyeuse défile.

Les deux sœurs et leur frère s'habillent et pédestrement font ensemble leur promenade printanière :

Une foule élégante anime la campagne ;

Les chevaux et les voitures se suivent comme un cours d'eau, les jolies toilettes emplissent l'étendue,

Nombreux, les tertres et les tumulus défilent sous les yeux des promeneurs et surgissent de toutes parts ;

Des lingots d'or en ex-voto sont semés partout, la cendre des papiers imprimés de sapèques, s'éparpille.

Le soleil approche du couchant.

Les deux sœurs et le frère, tout en flânant, se prennent par la main pour rentrer.

Pas à pas, ils longent un arroyo.

En fouillant les différents points du paysage, ils constatent que l'aspect en est d'une beauté simple.

Le cours d'eau tortueux coule en torrent.

Un tout petit pont est posé sur l'arroyo, tout en aval.

CHÚ

(1-2) *Thiều Quang :* Bóng sáng dịu của mùa Xuân, thiều quang chín chục là ý nói mùa Xuân có ba tháng, 90 ngày, mà bây giờ đã ngoài sáu mươi ngày rồi là ý nói đã hết tháng hai, bước sang tháng ba.

(3) Tục lệ có từ nước Tàu, truyền sang nước ta, cứ tháng ba mỗi năm thì làm lễ Thanh-minh, đi ra mộ đắp hoặc sửa sang những ngôi mộ của bà con thân thích, người ta cũng gọi là tảo-mộ, hoặc đạp thanh.

(4) *Bộ-hành* — Hành-trang của người đi đường.

(5) *Tài tử giai-nhân* : Tài tử : Những người giỏi về nhiều môn thuộc tinh-thần, như cầm, kỳ, thi, họa. Giai-nhân : Những người con gái đẹp.

(6) *Nêm :* Nêm cối. Ý nói đông đúc, chen lấn.

(7) *Than vàng :* Đồ hàng mã, hình chữ nhật, bó vào từng nén. Tiền : Tiền bằng giấy, hai thứ nầy do người Tàu mang sang, đốt trong những ngày thanh-minh, những ngày rằm, ngày Tết v. v... Ở Việt-Nam bây giờ cũng vẫn còn nhiều, dùng để đốt, thật là món xa xí phẩm, cần phải trừ...

BÌNH

Cuối tháng hai, sang tháng ba trời còn hiền dịu trong mùa Xuân. Quang cảnh đẹp như bức tranh thủy-mạc :

Lúa và cỏ non xanh thẳm chạy đến chân trời xa xa, trong khi những bông hoa lê, trắng nở càng làm nổi bật lên một màu xanh của

mùa Xuân ngát hương và sắc. Giữa lúc bức tranh thiên nhiên hiện ra như thế thì có cuộc lễ thanh-minh, cho nên gần xa nô nức, những tài tử, những giai-nhân mượn tiếng là thanh-minh để du xuân.

Gia-đình Thúy-Kiều là gia-đình phong-lưu thì chị em Kiều sao tránh được cuộc du xuân ấy ? Thế là chị em sắp sửa bộ hành để chơi xuân, hớn hở trong cái cảnh « dập dìu tài tử giai nhân, ngựa xe như nước, áo quần như nêm » và « ngổn ngang gò đống kéo lên, Than vàng vó rắc, tro tiền giấy bay »...

Ngày vui thì chóng hết, quay lại đã thấy mặt trời gần tuột xuống và ẩn mình trong dãy núi xa xa ở miền Tây. Cho nên chị em Thúy-Kiều mới « thơ thẩn dan tay ra về », và trong cái cảnh « tà tà xế chiều » ấy thấy «phong cảnh có bề thanh thanh», bóng nắng dịu bớt lại in xuống giòng suối uốn quanh lờ lững chảy dưới cầu nho nhỏ ở cuối gềnh. Thật là một cảnh nên thơ vô cùng.

TRÚC-KHANH

(*Còn nữa*)

Đôi lời thanh minh

Cùng quí-vị độc-giả

Bài kinh-tế chánh-trị nhiều lắm ; chị em chúng tôi chọn lựa bài nào cần kíp đăng trước đặng giúp cho đồng-bào mở - mang và kiến-thiết, nhứt là món bí-mật nhà nghề (secret professionnel) và chúng tôi bước tới, không thể đăng tái bài cũ lại.

Vậy học-sanh cùng sĩ-nữ lỡ vận, muốn cho có đủ bài học, xin mua năm, đặng chúng tôi định cho đủ số báo xuất-bản, kẻo để thiếu bài thì rất uổng.

Cô TÂN-HUỲNH-HOA — *Chợlớn*

Kinh-tế chánh-trị

(De l'économie politique ou politico-économique)

Khoa kinh-tế chánh-trị gồm có : thương-mãi, tiểu công-nghệ, kinh-tế và ban chánh-trị.

Trước hết phải học khoa bút toán. Khoa nầy có ba thứ :

1°) Bút toán thương-mải (comptabilité commerciale).

2°) Bút toán ngân-hàng (comptabilité bancaise).

3°) Bút toán thầu khoán (comptabililé de l'entreprire).

Thuộc các khoa bút toán rồi thì học đến :

1·) Giao thiệp thương-mãi (correspondances commerciales).

2·) Làm quảng-cào (publicité).

3·) Nhập cảng (importation).

4·) Xuất cảng (exportation).

5·) Việc làm ăn chung với ngân-hàng (opérations bancaires) v.v.

Phải hiểu rõ: ouverture de crédit (irrévocable ou non), traite documentaire D/P. transfert par avion ou télégraphique v. v.

6·) Biết cách lập Công ty và nhóm hợp (Des Compagnies et Assemblées.

7·) Cách làm giao kèo (contrat).

8·) Dây thép chữ dấu (codes) dây thép dấu riêng (code privé).

9·) Bí-mật nhà nghề (secret professionnel).

Nói tóm tắt đó là các công văn dùng trong các hảng buôn lớn Ngoại-quốc.

Tư cách của người buôn bán

(Les qualités requises pour être un bon commerçant).

Người buôn bán đúng đắng phải có đủ tư cách sau nầy :

1·) Phải biết bút toán (comptabilité).

2·) Giao thiệp thương-mãi (correspondances commerciales).

3·) Nhập-cảng và xuất-cảng (importation et exportation).

4·) Làm quảng-cáo (publicité).

5·) Việc làm ăn chung với ngân-hàng (opérations bancaires)

Biết xem địa-thế và thời-thế (la situation économique et commerciale).

7o) Xây trở đồng vốn (le roulement de fonds)

8o) Biết nơi sản-xuất hàng hóa mà mua cho rẻ (origine ou maison de fabrique)

9o) Kiếm nơi tiêu thụ hàng hóa (trouver le débouché,)

10o) Chế tạo kiểu hàng mới (créer les nouveautés)

Biết tâm-lý bạn hàng (la psychologie de la clientèle)

Biết việc đầu-cơ (la spéculation) và com-binh (la combine) đặng ngừa cho khỏi lầm

13o) Phải biết làm cuộc-chê (courtier), bán ăn huê-hồng (la commission)

14o) Biết giá thị trường (le cours du jour)

15o) Biết lúc nào đắt lúc nào ế (l'écoulement ou le marasme)

16 Biết cách lập công ty (sociétés) v. v. và có khi phải biết viết báo hoặc đặt bài diễn-văn nữa

Đến đây là hết khoa kinh-tế chánh-trị (Economie politique) về phần lý-thuyết (théorie). Lần lượt, chị em chúng tôi sẽ chỉ ra tỉ mỉ (les détails) mỗi món.. Nếu cha mẹ có của cho con ra vốn làm ăn, còn phải cho nó lưu lạc học mánh lới nhà nghề nữa (le secret professionnel). Ban sơ ra vốn ít ít, rủi có thất bại thì sau nó sẽ thành công vì nó đã rõ lý-thuyết rồi, còn việc thực hành. Đến đó sẽ bỏ ra số vốn lớn lao thì khỏi lo nó thất bại nữa. *(Còn tiếp)*

Bổn báo hân-hạnh yêu cầu Cô TÂN-HUỲNH-HOA, tác-giả bài kinh-tế chánh-trị cho biết địa-chỉ của Cô hầu tiện bề gởi báo đến Cô.

(Tòa-soạn C. H.)

PHÁP-VĂN THEO LỐI HÀM-THỤ

Le Français par Correspondance

CHO CÁC HỌC-SINH VÀ CÁC BẠN MUỐN TỰ BỔ TÚC
DO MỘT NHÓM GIÁO-SƯ CHUYÊN NGHIỆP ĐẢM NHẬN

Bài vở soạn chương trình ở trường và tùy theo trường hợp riêng biệt của mỗi người, chú thích kỹ lưỡng, đều in sẵn.

Tổ chức gồm nhiều cấp học (degrés) cho thích hợp với nhu-cầu và học lực của người học. Học phí nhẹ.

Xin hỏi bổn điều lệ in sẵn do :

Ông NGÔ-TẤN-HUỲNH *252, Q. Belgique -:- SAIGON*

Ca-dao toán học

Ca dao toán-học
Trằn trọc bấy lâu
Đồng chí gieo cầu
Nhế đâu lần lữa
Má hồng quá nữa
Chi nữa đèo bòng
Quê kịch vài dòng
Những mong ủng hộ
Trăm năm biết có
Ích lợi chi mà

I

Toán-học chia ra
Làm ba phần chính
Chuyên môn các *tính*
Tên gọi là *soan*
Một bậc cao hơn
Giản đơn tổng quát
Tên là *giản quát*
Lưu loát thần tình
Sau rốt *thể hình*
Chuyên môn *hình thể*
Ngoài ra xin để
Thạc sĩ gần xa.

Giải thích

Toán là tính, tính ra xem bao nhiêu. *Toán học* có ba phần chính, phần nào cũng chuyên môn về «tính»

phần thứ nhất, là *soan-học*, hay là *soan khoa*, dạy ta giảng-giải các toán đề về sáu phép thông thường, là cộng, trừ, nhơn, chia, nâng-ngành và bới rễ. Ví dụ bài toán :

Chị em đi chợ mua hồng
Mỗi trái ba đồng chục rưỡi bao nhiêu ? là một toán đề về soan-học, nói tắc là một *soan-đề*.

Phần thứ nhì là *giản quát*. Cách giảng-giải giản-dị hơn, cho nên gọi là *giản*. Giảng nghĩa lại tổng quát, học một bài có thể suy rộng ra trăm nghìn bài khác, cho nên gọi là *quát*. Ví dụ bài toán :

Thỏ gà cùng ở với nhau.
Đếm chân băm sáu, tính đầu mười ba.
Em ngồi em tính cho ra
Có bao nhiêu thỏ với gà bảo anh

là một toán đề về giản quát, nói tắt là *giản đề*.

Phần thứ ba, là *thể hình học*, nói tắt là thể hình, chuyên môn về các hình thể, như hình vuông, hình tròn, hình tam giác, v.v.. Ví dụ bài toán :

Nếu bình tam giác
Biết góc là bao
Em tính làm sao
Cho ra diện tích

là một toán đề về thể học, nói tắt là một *thể-đề*.

Ngoài ba phần trên, toán học còn nhiều môn khác nữa. Nhưng trong gia đình trí-thức Việt nam, tác giả cuốn *ca dao toán học* chỉ là một người vợ bé vừa già vừa xấu, nói đến những chuyện cao xa quá, sợ mang tiếng chơi trèo. Công việc nặng-nề ấy, xin để nhường các bậc thạc sĩ.

Chú thích. — *Toán đề*, là một vấn đề về toán học.
Bình tam giác, là một tam giác ba góc bằng nhau.
Vợ bé, là người vợ muốn lớn hơn vợ cả.
Nâng-nghành bởi rề là gì, sẽ cắt nghĩa trong một bài sau.

Học thêm Pháp-ngữ.

Toán học = Mathématiques. — *Toán đề* Problème de mathématiques. — *Soan khoa* = Arithmétique. — *Soan đề* = Problème d'arithmétique. — *Giản-quát* = Algèbre. — *Giản-đề* = Problème d'algèbre. — *Thể-hình học* = Géométrie. — *Thể-đề* = Problème de géométrie. — *Bình-tam-giác* = Triangle équilatéral. — *Diện-tích* = Surface, aire. — *Thạc-sĩ* = agrégé. — *Nâng-ngành* = Elever à la puissance *n*. — *Bởi-rề* = Extraire la racine *n*. — ième d'un nombre.

Bạn-đọc chú-ý :

Mục-đích bài trên là giới-thiệu cuốn Ca-dao toán-học với bạn đọc Cần-Học.

Ca-dao toán-học là một cuốn sách giải-trí : giải-trí ở giọng văn ngo'-ngẩn và những chỗ lạc-đề.

Tập thứ nhất chuyên chú về cách đặt danh-từ mới về toán-học, có những qui-tắc và định-lí cần-thuyết từ nguyên-yêu (nombres entiers) tới đại-công-ước (plus grand commun diviseur) và tiểu-công-nhân (plus petit commun multiple. Sách in sắp xong và sẽ phát-hành do nhà Sách Vĩnh-Bảo, Saigon.

Tập thứ nhì, cách trình-bày có vẻ đúng chương-trình toán-Pháp hơn, nhưng vẫn giữ được tính-cách ca-dao, mỗi bài thường có một vài câu nôm-na không dính-dáng gì đến bài toán học, để nối bài nọ với bài kia, cho trẻ em dễ thuộc lòng như phần đông các bà các cô đã thuộc lòng truyện Thúy-Kiều vậy.

Mỗi bài lại có đoạn « *Ôn lại bài cũ và học thêm Pháp-ngữ* » để dành riêng cho các bạn nào chưa xem qua những bài trước.

Tập thứ nhì, bắt-đầu từ kỉ-phần (fraction) sẽ tuần-tự đăng lên Cần-học, cho tới chương cuối cùng là tơ-lộc lộc-tơ.

Tác giả mong rằng các trẻ em sẽ vui lòng xem từ đầu đến cuối.

Dù hay dù dốt
Học nốt lộc-tơ
Tháng đợi năm chờ
Những mơ lộc-biếu

ĐÀO-TRỌNG-ĐỦ
Nam-vang

Tinh hoa văn học

Phùng nhân thả thuyết tam phân thoại : Gặp người hãy chuyện chừng ba phần.

Vị khả toàn phao nhứt phiến tâm : Chưa nên buông trọn hết cả một tấm lòng.

Hữu ý tài hoa, hoa bất phát ; Có ý trồng bông, bông không phát.

Vô tâm thụ liệu, liệu thành lâm ; Không chủ tâm trồng cây liệu, liệu trở nên rừng,

Họa hổ họa bì nan họa cốt ; Vẽ cọp vẽ da khó vẽ xương.

Tri nhơn tri diện bất tri tâm ; Biết người biết mặt khó biết lòng.

Tiền tài như phấn thổ ; Tiền của như đất phân.

Nhân nghĩa trị thiên kim : Nhân nghĩa đáng giá ngàn vàng.

Lược sử ba phái học thuyết,
Khổng, Lão, Mặc,

(tiếp theo)

Học thuyết Mặc tử.

Mặc-tử tên Địch, người nước Lỗ, ông ta ra đời sau Khổng tử 60 năm. Ban đầu làm quan đại phu nước Tống, cho nên đời sau gọi ông là người Tống. Điều chủ yếu về học thuyết của Mặc tử là phản đối chiến tranh, đề xướng chủ nghĩa Kiêm ái (thương yêu gom hết) Thiên Phi công của Mặc tử có nói rằng : « hay có một người vào vườn người khác hái trộm đào lý, chúng nghe nói đều chê bay ; kẻ làm quan trên lại bắt phạt tội, ấy là vì sao? Cho rằng làm hại người, làm tư lợi cho mình vậy. Còn như người bắt trộm gà, chó, heo, lại còn quá hơn kẻ vào vườn trộm trái đào. ấy vì cớ làm sao ? Vì làm thiệt hại người nhiều, thì điều bất nhơn lại lớn hơn. Đến người vào chuồng, bắt trâu, ngựa của người, là chuyện bất nhân lại càng hơn bắt trộm gà heo nữa kia. Ấy là vì cớ làm sao ?

Ấy vì làm thiệt hại người càng nhiều hơn nữa. Nếu nó làm thiệt hại người nhiều, điều bất nhơn quá lắm thì tội thêm nặng lên, đến kẻ giết người vô tội, lột áo quần người, lấy dao gươm, thì điều bất nghĩa lại còn quá hơn là vào chuồng, bắt trâu ngựa ; là cớ làm sao ? Cũng vì làm thiệt hại người hiều, điều bất nhơn lớn, tội thêm to ; lúc ấy người quân tử trong thiên

hạ đều biết mà chê bai, cho là bất nghĩa. Đến nay làm điều đại bất nghĩa, đánh đất nước người ta, thì không biết là chuyện quấy, kẻ theo đó mà khen ngợi và cho là làm nghĩa. Như thế có thể bảo là biết phân biệt đeu phải hay không phải ?

Thiên Kiêm ái nói :

Loạn từ đâu khởi ra ? khởi ra vì không chỗ thương nhau. Kẻ ăn trộm, yêu nhà mình mà không yêu nhà người khác, cho nên làm loạn nhà người để lợi cho nhà mình. Các nước chư hầu chỉ thương nước mình, mà không thương nước khác, cho nên mới đánh nước khác để làm lợi cho nước mình.

Xét điều đó từ đâu khởi ra ? Đầu khởi ra từ chỗ không thương nhau mà ra Nếu khiến cho thiên hạ xem nhà người như nhà mình, thì còn ai ăn trộm ? Coi thân người như thân mình, thì ai còn làm giặc ? Xem nhà người như nhà mình, thì có ai làm loạn ? Xem nước người như nước mình, thì có ai đi đánh ai ? Cho nên thiên hạ gồm yêu nhau thì trị, đều ghét nhau thì loạn. Sách Mặc-tử có 71 thiên, nay còn lại 53 thiên

Conversations Nói chuyện

(Tiếp theo)

— Rien de plus agréable que de se promener après un orage

Oui, mais rien de plus désagréable que d'être vu de ses amis et connaissances quand on est fait comme j'étais

— Mais encore pourquoi n'avez-vous pas pris de parapluie ?

— Parce que je ne veux pas avoir l'air d'un notable du village.

— Fait-il froid aujourd'hui ?

— Nous avons 20 degrés. Le thermomètre indique 20 degrés.

— Fait-il du brouillard ?

— Non le froid est vif, mais le ciel est serein.

— Tant mieux.

— Si vous avez à sortir, prenez votre pardessus

— Il paraît que le temps doit s'être adouci.

— Còn gì khoái bằng đi dạo sau trận mưa to.

— Phải, nhưng mình ăn mặc như thế mà gặp các bạn hữu và người quen biết thì có gì tệ cho bằng.

— Nhưng tại sao anh lại không đem dù theo ?

— Tại tôi không muốn có vẻ ông làng.

— Hôm nay trời lạnh không ?

— Hàn-thử-biểu chỉ 20 độ.

— Có sương sa mù không ?

— Không, tuy lạnh gắt nhưng trời thì trong ve.

— Vậy thì hay

— Nếu anh có ra ngoài thì mặc cái áo dài ấm vô,

— Hình như trời đã bớt lạnh.

— En effet ; hier au soir le thermomètre était descendu à 10 degrés.

— Dix degrés ! est-il possible ? En tout cas, je préfèreun froid sec à un temps humide et malsain.

— Je pense comme vous : mais il faut bien accepter le temps quel qu'il soit quand il arrive.

— Je déteste la chaleur, la pluie, le vent, le brouillard.

— Vous voudriez jouir d'un printemps éternel.

— Je m'en accommoderais fort bien.

— Alors quittez cette terre et allez habiter Dalat.

— Merci de votre conseil ; j'en profiterai à l'occasion.

— A propos, voudriez - vous bien m'expliquer le sens du mot Dalat ?

— Dalat est la réunion des cinq premièrers lettres d'une phrase latine.

— Comment est - elle, cette phrase ?

— Vous n'entendez pas le latin, je pense. La voici, la phrase Dat aliis lœtitiam aliis temperiem.

Dat veut dire il donne *A iis* : à ceux-ci, *lœtitiam* : de la joie, *al iis* : à ceux-là, *tempeiem*: de la fraîcheur.

— Bravo ! Quel latiniste, vous êtes.

— C'est le résultat de mes dix années d'études.

— A merveille ! Longues études profondes connaissances.

Merci. Je les mets d'ailleurs au service de ma patrie et de la société.

— Quel idéal ! Mais, il faut que je vous laisse. Lorsque vous aurez l'occasion, passez chez moi, n'est-ce-pas ?

— D'accord, merci. Je viendrai dès la première oceasion.

— Phải, chiều hôm qua hàn thử biểu xuống tới 10 độ,

— Mười độ ! Có thể được sao ?

— Nhưng cách nào tôi cũng thích trời lạnh gắt hơn trời ẩm thấp có hại sức khoẻ.

Tôi cũng nghĩ như anh, nhưng dầu trời thế nào mình cũng phải chịu.

— Tôi thì ghét hẳn nắng bức, mưa, gió, sa mù.

— Anh thì chỉ muốn hưởng xuân mải.

— Mà xuân thì tôi thích lắm.

— Thôi anh bỏ đất nầy đi, rồi lên Đà-lạt mà ở.

Cám ơn Anh khuyên tôi như thế nếu có dịp tôi sẽ lên.

— À tiếng Đàlạt có nghĩa gì anh, xin anh cắt nghĩa tiếng ấy giùm tôi.

— Tiếng Đàlạt là lấy 5 chữ đầu vần trong một câu latinh mà ráp lại.

Câu latinh có nghĩa làm sao ?

Câu ấy như vầy :Anh không biết tiếng latinh, chắc : *Dat aliis lœtitiam aliis temperiem*

Dat : nghĩa là nó cho, aliis: kẻ nầy, lœtitiam ; sự vui thú, aliis : người nọ, temperiem : sự mát mẻ.

— Hay quá ! Anh giỏi tiếng latinh quá.

— Tôi đã học tiếng ấy 10 năm trời.

— Quí quá, học nhiều biết nhiều.

— Phải biết nhiều để giúp đồng-bào và xã-hội.

— Tốt quá. Tôi xin kiếu anh nếu có dịp, xin mời anh ghé nhà chơi.

— Vâng, cám ơn, tôi sẽ ghé khi có dịp.

— *Tuer le temps :* làm việc cho khuây lãng, đỡ buồn, để thì giờ qua đi.
— *Profiter du temps* : nhơn dịp, lợi dụng thời gian.
— *Etre de son temps* ; xu hướng, người ta sao mình vậy.
— *Passer le temps à...* Dùng thì giờ để làm việc gì...
— *Avoir le temps*: có đủ thì-giờ để làm việc, không cần vội-vả hấp-tấp...
— *Perdre son temps* : mất ngày giờ, mất công.
— *Prendre son temps* : làm việc gì thủng-thẳng.
— *Prendre le temps comme il vient* : dùng hết các phương thế.
— *Les anciens temps, le temps de nos pères* : đời xưa, ngày trước.
— *Le jeune temps, le temps de la jeunesse*: lúc tuổi trẻ, thuở thiếu niên.
— *Par le temps qui court* ; đang lúc nầy,
— *En même temps* ; trong một lượt, cũng một trật,
— *De temps en temps* : một hai khi, thỉnh-thoảng.
— *Le beau temps* : trời thanh, trời tốt,
— *Le temps pluvieux* : trời mưa,
— *Le mauvais temps* : trời xấu, (xấu trời)
— *A temps* : kịp kịp, vừa,
— *De tout temps* : thường thường, luôn, mải,

Lecture — Vous parlez mieux Anglais que Français

Lisez les lignes suivantes et tâchez de remplacer chaque mot anglais par un mot français, mais un mot unique, et non une traduction en plusieurs mots. Combien de fois y parviendrez-vous ?

o°o

« Un *reporter* à l'allure de *gentleman*, vêtu d'un costume de *sport : Knickerbokers* et *pull-over*, aborda la jeune *star* qu'il se proposait d'*interviewer* et qui passait dans son *roadster*, en *short*, sa raquette de *tennis* à la main :

» — *Stop !* lui cria-t-il. Venez prendre un *drink* avec moi ; *cocktail, grape-fruit juice, whisky, extra-dry, sherry* ?... Prenez un *toast*. un *bun*, un *sandwich*, un *cake*, un *pudding* ou même un petit *lunch* si vous voulez, car ce *match* a dû vous ouvrir l'appétit. Parlez-moi de vos derniers *gags*, si pleins d'*humour*. Je suis *Speaker* et je prépare un *sketch* qui passera ensuite au *music-hall*. J'ai besoin de *girls* et de *boys* qui porteront alternativement le *water proof* et le *smoking*. Prenez un second *glass* ?.... Il y aura aussi un *jazz-band* pour la scène du *dancing*. Vous danserez un *fox-trot* et quelques *blues*. Les *gansters : racketeers, kidnappers* et autres, arriveront en *car*. J'avais pensé à des *cow-boys* envahissant un *bungalow*, saccageant les *bow-windows* et le *cosy-corners* de ce petit *home* paisible, mais c'est démodé. On attaquera donc votre *wagon*, votre *sleeping*. Vous recevrez quelques *swings*, mais qui ne vous mettront pas *knock-out*, car nous connaissons le *fair-play*, et tout se passera en un seul *round*. Connaissez-vous le *crawl*, l'*over-arm* ; jouez-vous au *water-polo*, au *cricket*, au *foot-ball* ? O. K.... En attendant, faites du *golf*, du *footing* pendant votre *week-end*, *All-right ! Good bye !*

o°o

Les Anglais parlent peu, pensent juste, et leurs mots portent bien. C'est pourquoi la langue courante ne sait pas se défendre de cette *invasion* de mots utiles et rapides, que nous n'écorchons plus depuis que le cinéma sonore nous a appris à les prononcer correctement.

RƯƠNG VÀNG CỦA CON TÔI

Tác giả : **Ông N. Trương-vĩnh-Tống**

CHƯƠNG THỨ I

ĐẠO THỜ CHA MẸ *(Tiếp theo)*

Ông Trần-hoành-Mưu nói : «*Hai chữ Kính Hòa là cội-rễ đạo hiếu, xử cảnh thuận cảnh nghịch, không chi là chẳng hạp nghi*». Kẻ làm con lúc nào cũng nên ghi-nhớ câu cách ngôn nầy, vì hay chữ *Kính Hòa* nó gồm đủ cả tình và lễ.

Vả lại, con người ta còn xử cảnh thuận mà giữ được đạo hiếu, vẫn còn là lẽ thường ; chớ như kẻ gặp cảnh nghịch mà đạo hiếu vẫn giữ được toàn, đó mới thấy chỗ khó-khăn, và tỏ ra lòng hiếu đặc-biệt. Đại để như cha mẹ hiền mà con hiếu, vẫn là đem đạo thường xử với cảnh thuận ; đến như cha mẹ không hiền mà con cũng hiếu, đó mới là xử cảnh nghịch mà chẳng lỗi đạo thường. Coi như đức Khổng-Tử chỉ khen vua Đại-Thuấn là *đại hiếu* mà thôi, thì há phải ngoài ra đều là kẻ bất hiếu ? Nghĩa là vẫn có kẻ hiếu, nhưng đối với đức hiếu lớn của vua Đại-Thuấn thì là nhỏ, vì thuở hàn vi ngài toàn đạo hiếu đối với cảnh nghịch là cha mẹ không hiền. « Cha là Cổ-Tẩu người thì ương-ương : mẹ ghẻ lại tánh càng khe-khắt ». Sách Khuyến-Hiếu-Ca đã hình-dung cái đức chẳng hiền của ông cha bà mẹ vua Thuấn như vậy. Thế mà ngài giữ được toàn đạo hiếu, làm cho cả cha và mẹ đều phải cảm hóa mà được vui lòng. Cái đức hiếu của ngài có hiệu-quả đến đỗi đi cày-cấy tại núi Lịch-Sơn để có lúa nuôi cha mẹ, mà cảm-động tới trời đất : mưa thuận gió hòa ; cảm-động tới loài vật : voi cày ruộng ; chim nhổ cỏ thế cho ; Tiếng hiếu-thuận xa bay bệ thánh, cảm-động tới cả ông vua thuở đó : phải triệu về triều mà trao chánh nhường ngôi cho. Vậy cái gia-sản bằng chữ Hiếu của ngài chẳng những không lỗ vốn mà thôi, còn có lời to nữa.

Lại như trong sách Khuyến-Hiếu-Ca chỉ dẫn truyện hai vị đế-vương là vua Đại-Thuấn, vua Văn-Đế và nhà hai mươi hai đấng hiền trong hàng sĩ thứ, thì há hiếu-tử xưa nay chỉ có số hai mươi bốn hay sao ? Nghĩa là hiếu-tử chẳng những hai mươi bốn nhà ấy mà thôi nhưng nhắc ra hai mươi bốn nhà ấy

làm gương treo đất nghĩa trời kinh, vì đều là nhà hiếu-tử xử cảnh-nghịch mà chẳng lỗi đạo thường : hoặc nghèo khó mà phải đội gạo nuôi cha, chôn con nuôi mẹ ; hoặc gặp những ông cha bà mẹ éo-le, đòi ăn măng mùa đông, đòi uống sữa nai tươi ; hoặc là nàng dâu biết kính thờ cha mẹ chồng như cha mẹ ruột, mà đều đem lòng hiếu cảm động đến cả trời đất, thần-tiên, cùng đạo-tặc, cầm-thú vân vân...

Coi đó thì thấy rõ rằng : *Người tai mắt đứng trong thiên-địa, ai là không cha mẹ sanh thành.* Mà ở sao cho xứng chút tình làm con, chẳng hai mươi bốn nhà là hết, nhưng nói về tiết hiếu đặc-biệt, mà có thể sôi gương tỏ-rõ cho đời, thì *Trải xem thuở trước thanh hiền, thảo hai mươi bốn, thơm nghìn muôn thu!*

*

* *

Bàn cho rộng ra, thì đạo hiếu chẳng những trực tiếp với cha mẹ mà thôi ; còn gian tiếp với người của cha mẹ nữa. Cho nên nói rằng : « *Những người của cha mẹ kính thì mình cũng kính, những người của cha mẹ yêu thì mình cũng yêu* ».

Suy ngược trở lên, thì ông bà nội ngoại ay la những người của cha mẹ rất kính. Lấy lương-tam mà noi, thi la minh chieu long kính cua cha mẹ mà kính theo. Nhưng lấy luân-ly mà bàn, thi cũng là bon-phận cua minh nưa, nghia là sanh ra minh la cha mẹ, mà sanh ra cha mẹ là ông bà, co cha mẹ mới co thân minh, co ông bà mới co thân cha mẹ. Huông chi ông bà nội ngoại van co cái hy-vọng bồng cháu, co cái lạc-thu ngạm đường (1), thi minh phai nen đem le kính thơ cha mẹ mà kính thơ ông bà ; hẹt bon phận lam cháu đoi voi ông bà, tức là hẹt bon phận lam con đoi voi cha mẹ.

Suy xuôi sấp xuống thì bầy con cháu của cha mẹ ấy là những người của mẹ rất yeu. Lay thien-ly mà bàn, thi la minh chieu long yeu cua cha mẹ mà yeu theo. Nhưng lay nhon-tinh mà noi, thi cũng là chi-tanh cua minh đây, nghia la cha mẹ sanh ra một bay con, dong với minh là hàng anh em ruột ; anh em minh sanh ra bầy con nữa, đối với cha mẹ minh la hàng cháu.

(Còn nữa)

.....

(1) Trong tờ chiếu của bà Mã Thái-Hậu đời Đông-Hán có câu : « Ngô đân đương hàm di lộng tôn ». (Ta chỉ nên ngậm đường giỡn cháu). Nghĩa là bà đem miếng ngọt miếng bùi mà làm vui với cháu.

So sánh những câu ngạn-ngữ và cách-ngôn Việt-Pháp

— Vào lỗ hã, ra lỗ hổng.

L'argent trop facilement gagné se dissipe avec la même facilité.

— Góp gỗ nên rừng.

Les petits ruisseaux font les grandes rivières.

— Người cười trước làm chước cho kẻ cười sau.

Rira bien qui rira le dernier.

— Mưu sự tại nhơn, thành sự tại Thiên :

L'homme propose, Dieu dispose.

— Sanh ư nghệ, tữ ư nghệ (Sanh nghề tữ nghiệp) :

Celui qui vit d'un métier, périra par ce métier.

— Hết cơn bỉ cực đến tuần thái lai.

Après la misère vient la richesse (Après la pluie, le beau temps)

TƯ-TƯỞNG ĐÔNG-TÂY

— Il faudrait qu'après nous le monde fût un peu meilleur parce que nous avons vécu.

— Ayons un esprit qui calcule et un cœur qui ne calcule pas.

— Soyez pour ceux qui vous entourent une source de vie.

— Sau cuộc đời của chúng ta thì thế-gian phải nên tốt hơn vì chúng ta đã sống trước.

— Ta hãy để trí tính-toán song chớ có lòng so-đo.

— Con hãy nên như mạch suối sự sống cho kẻ xung quanh con được nhờ.

P. K.

LEÇONS PARTICULIÈRES

ANGLAIS-FRANÇAIS-SCIENCES-MATHÉMATIQUES

Classes secondaires & P.S. Préparation intensive aux divers examens. Méthode classique — Ai Lauditions disques — 7 phone Assimil.

S'adresser: TRI-DUC

226, Lagrandière -:- Saigon

HIỆU NOVA

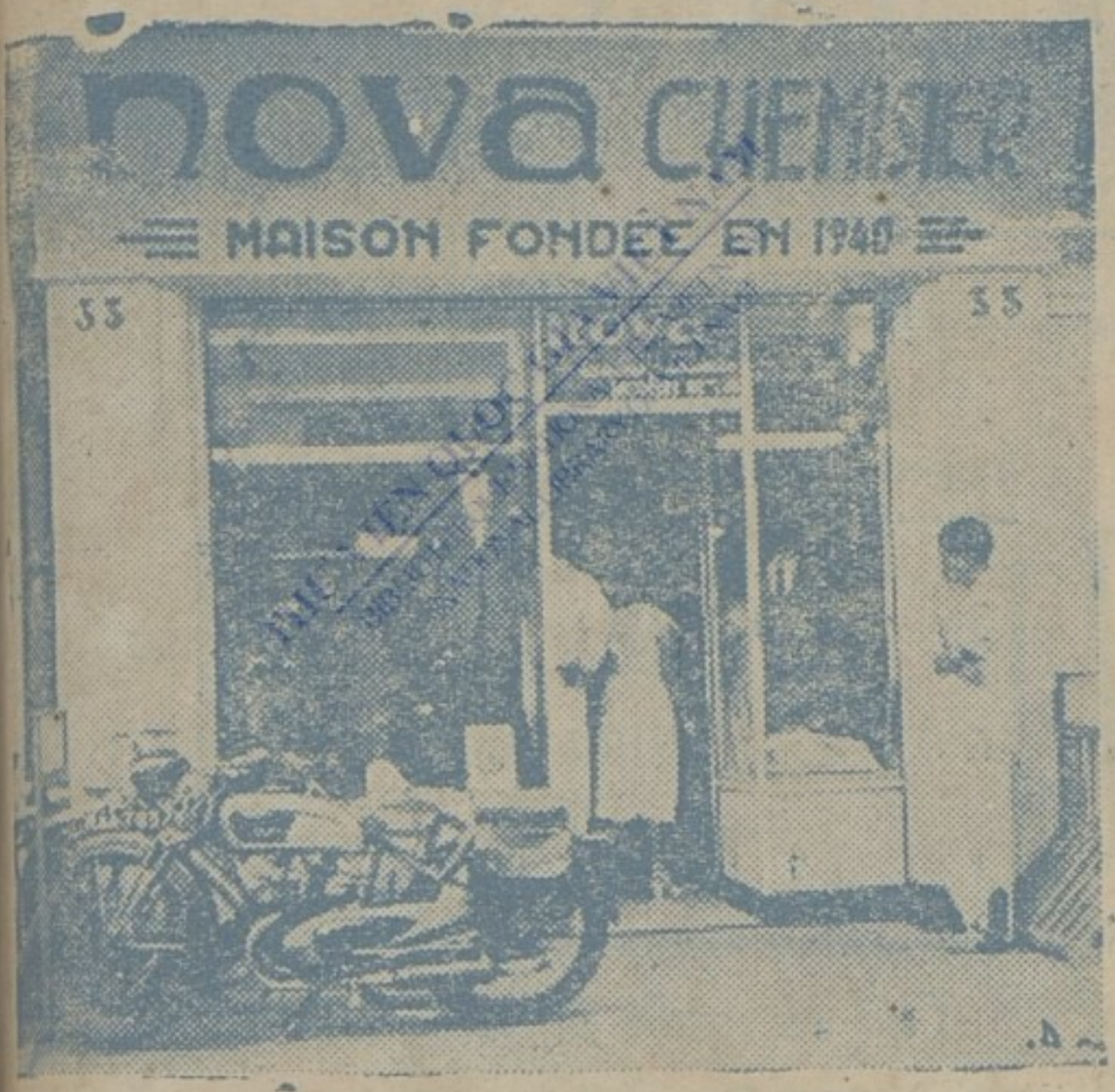

MAY ÂU-PHỤC
và
CHEMISE

Sang Pháp và trong xứ rất danh tiếng khắp nơi.

Có nhiều hàng vải đẹp vừa ý quí ngài.

33, đường SABOURAIN
Gần chợ SAIGON

Giây nói : Cardi, 435

Ấn Quán NAM-HƯNG

165, Đại lộ de la Somme — Saigon

(Gần chợ Bến thành)

Giây nói : 21.309

Nhận in Sách, Báo, các loại giấy tờ công và tư.
Mau lẹ, Mỹ thuật, Giá phải chăng.

XIN LƯU Ý

Tại Tòa Soạn Cần Học, có bán hai cuốn sách có giá trị, do Ông **Trần cửu-Chân**, Docteur ès Lettres, đã soạn.

1° *Etude critique du Kim-vân-Kiều, Poème National du Việt-Nam,*

Giá : 30 $

2° *Etudes littéraires sur les Grandes Poétesses du Việt-Nam.*

Giá: 28 $

COMPTOIR GÉNÉRAL SUD-INDOCHINOIS

S.A.R.L. CAPITAL 100.000

COSUD

NHÀ XUẤT-NHẬP-CẢNG VIỆT-NAM

Buôn sỉ và lẻ

ĐỒ VĂN-PHÒNG VÀ HỌC-SINH, VIẾT-MÁY:

EVERGOOD BAYARD KAOLO

Bao kẽ hộp đủ màu, vân-vân

GIÁ ĐẶC-BIỆT

28 - RUE A. COURBET - SAIGON

« CẦN HỌC »

Đóng thành bộ (bộ 1) từ tập I đến tập X sẽ phát hành cuối tháng.

Giá { *Nam* : 45$ / *Trung, Bắc:* / *Miên* : 50$

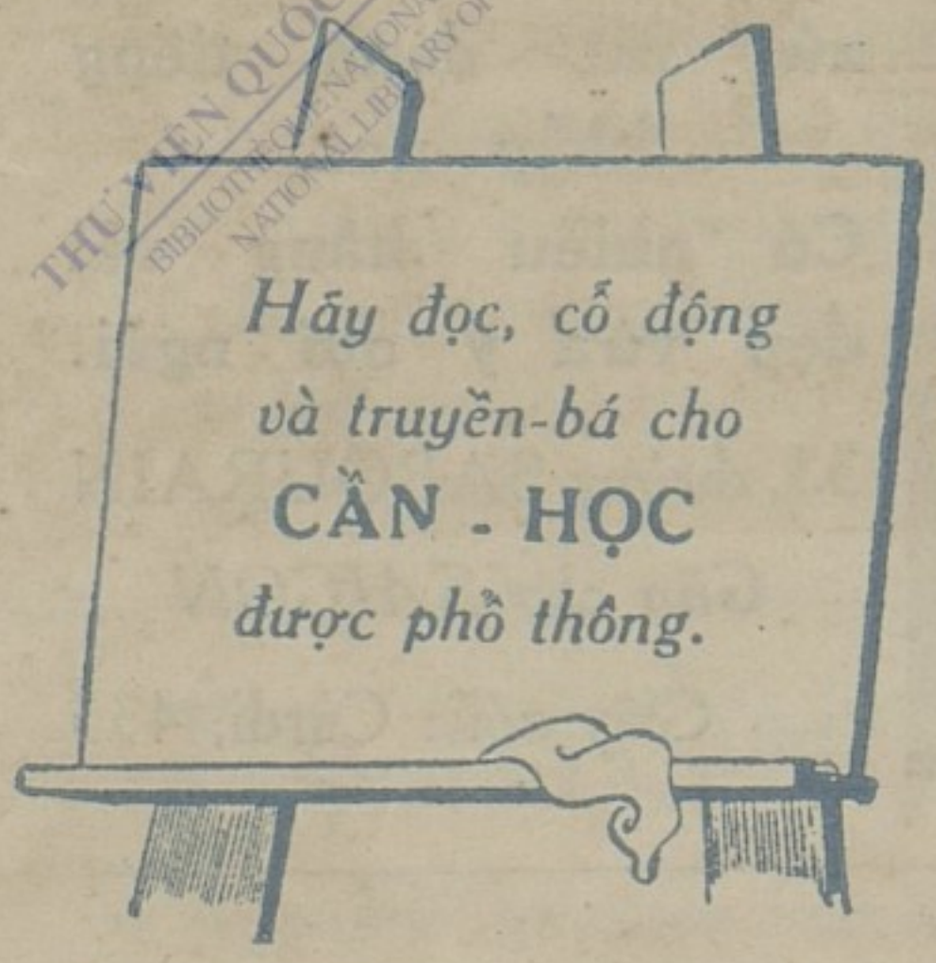

Hãy đọc, cổ động và truyền-bá cho

CẦN - HỌC

được phổ thông.

Giá mua dài hạn

Saigon–Cholon L.T. T.B.M.L.

3 tháng : 12 số 50$	52$	65$
6 » : 25 » 100$	104$	125$
12» : 50 » 200$	208$	250$

Thơ và ngân phiếu xin đề:

Mr NGÔ - VAN - THANH

165, Bd de la Somme -:- Saigon

HỘP THƠ

Cần Học trân trọng cám ơn qui bạn kể dưới đây đã mua báo dài hạn tiếp theo,

1· Ông Nguyễn-Vực, kho bạc Dalat. Có gởi đến ông tập VII.

2· — Phạm-văn-Nhẹ, Thơ ký Quận Caolãnh. Bổn báo đã gởi đến ông từ tập I đến tập VIII.

3· — Lê-Huyền, Ga Phanthiết.

4· Bạn Dương-văn-Đại tức Hoàng-Long. Nhatrang.

5· Ông Vinh-Ký, 111, Lê-Lợi, Saigon.

6· Ông Cử, Linh đông Xã, Thủ đức.

7· — Thành, Cosud, 28, A. Courbet.

8· — Khai, Propriétaire Tràvinh.

9· — Liêm, 97 B, Ad. Rousseau, Cholon.

10 Cô Bạch-Mai, 7 A, Villard, Giadịnh.

Giấy phép số 267 T.X.B.

Ngày 24 tháng Bảy 1950 d. l.

—:— In tại Ấn Quán —:—

— NAM - HƯNG —

165, Bd. de la Somme : SAIGON

HỌC ĐỂ PHỤNG SỰ CHÁNH

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES

CẢI HỌC

TẬP XVI

44 TRANG

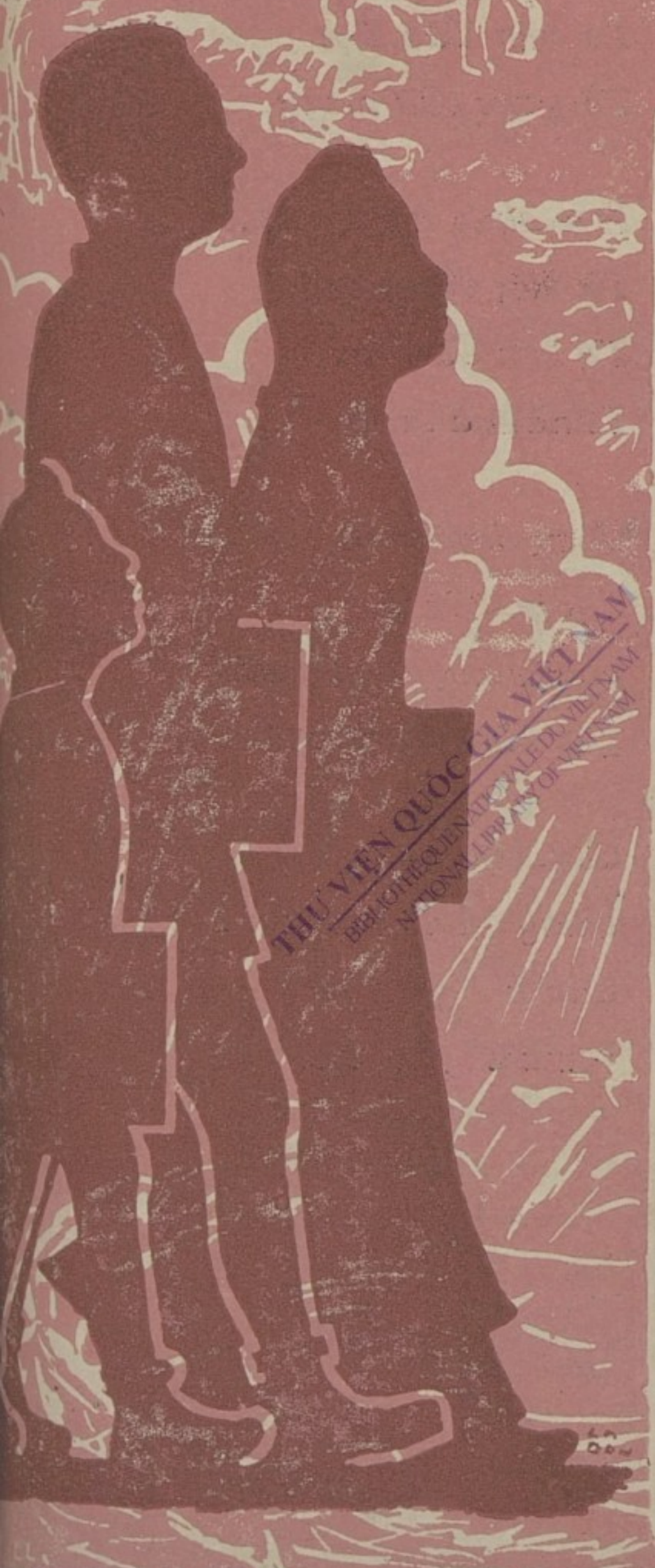

với sự hợp-tác của quí ông :

Trương-v-Tống	*Nhà học-giả*
Vỏ-văn-Lúa	*Giáo-sư Pháp-văn*
Ngô-tấn-Huỳnh	— —
Trịnh-văn-Mai	— —
Trần-văn-Lâm	— —
Huỳnh-văn-Đó	— —
Trí-Đức	— *T.H.A.V.*
Châu-sáng-Thế	— *Anh-Văn*
Nguyễn-v-Đoan	*G. Đ. Thể-dục*
Trúc-Khanh	*Thi-sĩ, văn-gia*
Nam-Hồng	—
Lê-Hương	—
B. Truyền	—
Lưu-đình-Khải	*G.Đ.T. Mỹ-thuật*
Bùi-văn-Kỉnh	*Giáo-sư Hội-họa*
Thái-văn-Cần	— —
Trần-đình-Nhu	— *Hoa-văn*
Thiếu-l-Quân	— *Tốc-ký V.N.*

Tòa soạn : **165 Bd. de la Somme**

Téléphone : 21 309

SAIGON

Giá

Nam-bộ, Miên,	*5$00*
Trung, Bắc,	*5 50*

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Cần Học

Thân tặng các bạn học-sinh trẻ tuổi và em Trần-hoàng-Việt ở Chợlớn.

Hoàng-Long (Nhatrang)

Học-sinh, học-sinh,
Vui như bình minh,
Như trời trong sáng,
Phải hiểu nhục vinh.

Ta nên Cần Học (1)
Rèn chi, ngang dọc
Một đời thiếu niên,
Lấy học làm gốc.

Ta nên Cần Học,
Ta là rường cột,
Của khắp non sông,
Ta là then chốt !

Học sinh Việt-Nam,
Ta phải rán làm,
Cho tròn bổn phận :
Người dân Việt-Nam.

Bổn phận học-sinh,
Ở trong gia-đình,
Phụng thờ cha mẹ,
Đền ơn sinh thành.

Ta là học-sinh,
Đầu còn đương xanh,
Ta nên Cần học,
Mai ngày rạng danh.

Ta là giống dòng,
Con cháu Lạc-Long,
Ta nên Cần học,
Tổ quốc chờ mong.

Học-sinh nước Việt,
Ta hãy đồng ca,
Ta nên Cần học,
Tinh hoa là ta.

Công dân là ta,
Chiến sĩ là ta,
Con Nam, cháu Việt,
Lúc khải hoàn ca !

Cần-học, Cần-học, (2)
Dừng quản khó nhọc
Cần học giúp ta,
Vui trong lúc học.

---

(1) Cần là chuyên cần

(2) Cần là cần phải.

LỚP BA VÀ LỚP NHÌ BAN TIỂU-HỌC

ÁM TẢ

Trời mưa

Một hôm, trời oi-ả khác thường ! Không một mảy gió, cây-cối im phăng-phắc. Cánh đồng vắng-tanh. Cả chim-chóc đều yên lặng ẩn núp dưới vòm cây.

Bỗng trời tối sầm lại. Từ phương đông mây đen kịt, nặng trĩu, đủ các hình kỳ-quái đem lên rất mau và che khuất mặt trời. Một luồng gió lạnh bắt đầu thổi. Rồi nổi theo những luồng gió khác. Gió mỗi lúc một mạnh. Những ngọn tre ngả-nghiêng, những lá khô bay tán-loạn.

Phút chốc mây đen kéo đầy trời. Chớp sáng-loáng, sấm-sét vang-động.

Hột mưa đã bắt đầu rơi lộp-độp trên mái ngói. Rồi một trận mưa to ào-ào trút xuống.

Một giờ sau mây đen tan lần ; mưa mỗi lúc một thưa hột rồi dứt hẳn. Mặt trời lại rực rỡ, có phần rực-rỡ hơn trước.

Phỏng theo TRẦN-TIÊU

Câu hỏi.

Giải-nghĩa những chữ : *oi-ả, tán-loạn, kỳ-quái, chớp, sấm, sét.*

2. Mưa có ích hay hại cho ta ? — lúc nào ?

Học tiếng.

Kỳ dị : Lạ lùng (extraordinaire)

Kỳ diệu : lạ lùng khéo léo (habileté extraordinaire).

Kỳ dư : còn những cái khác, còn ngoài ra.

Kỳ-hạn : thì giờ nhất định (terme).

Kỳ-hội : hội hợp có định kỳ trước (réunion fixée)

Kỳ lão : Người già cả (vieillard),

Kỳ tài : Tài lạ lùng (talent extraordinaire).

Kỳ vọng : Trông mong (espérer),

Chữ khó viết. — *Lặn* : lặn hụp, lặn lội, trăng lặn, chen lặn.

Lặng : Lặng gió, lặng-lẽ. lặng trang, phẳng lặng, nín lặng, lẳng lặng,

Luồn : Luồn chi, luồn cúi, ăn luồn, luồn trôn,

Luồng : Luồng mưa, luồng gió, con thuồng luồng,

Nghiên : Nghiên cứu. bút nghiên, nghiên mực.

Nghiêng : Nghiêng đồ, nghiêng vai, nghiêng ngửa.

Trả lời bài ám tả trong tập XV

Thể-dục : Luyện tập thân thể cho được thăng-bằng có đủ các điều-kiện để sống một cách vui-vẻ, hoạt động và để chống với mọi sự đau yếu, bịnh-tật.

Phấn-đấu : Phấn là hành-động mạnh-mẽ ; đấu là tranh-đấu. Phấn-đấu là tranh-đấu hăng-hái cho hơn người.

Tinh-thần : Phần linh-hồn của con người ; phần thuần-túy của vạn-vật.

Khang-kiện : Thân thể mạnh-mẽ : Tuổi đã già nua, mình còn khang-kiện (Bửu-Cân.)

Đắc-thắng : Chiến-đấu được hơn kẻ nghịch.

Mục-đích : Chỗ mình chú-ý đặng đi cho tới,

2) Ta cần phải tập thể-dục bồi bổ thân-thể, giữ-gìn sức-khỏe, tinh-thần khang-kiện, trí-não sáng-suốt.

LUẬN-VĂN.— Đầu-đề : *Buổi tập-thể-tháo của học trò nơi sân trường.*

Bài làm.— Năm giờ chiều.. Sau một hồi trống đánh liên tiếp, chúng tôi hết thảy tuôn ra sân, tung-tăn chạy nhảy nô-đùa, để rồi còn phải tập thể-tháo đến sáu giờ.

Lúc ấy, ánh mặt trời nung-nấu lần lần ngả xuống phía Tây, khi ẩn, khi hiện dưới đám mây lưu-động nhuộm một màu khói và để lại mấy tia sáng yếu-ớt trên sân trường lợp cỏ xanh rì.

Một hồi còi hùng-dũng rít lên để kêu gọi và thúc chúng tôi tựu lại. Bầy ong vỡ ổ liền hóa ra lẳng-lặng và sắp hàng theo lịnh chỉ-huy của thầy dạy thể-dục : trông người vặm-vỡ, khỏe mạnh.

Trước hết, chúng tôi sắp hàng đôi, kế hàng tư, rồi trở vào hàng chiếc. Đoạn chúng tôi chạy ba vòng trên sân trường, sân không rộng lắm, nhưng chạy đủ ba vòng thì mệt rồi, kế đến, bắt đầu vào việc cử-động tay, chân, thân mình cho thêm cứng-rắn, nở-nang và dẻo-dai. Chúng tôi tập rập-ràng ăn nhịp theo tiếng còi thổi « hoe-hoét », và gọn-gàng với cái quần đùi, áo ngắn. Thỉnh-thoảng, gió thổi hiu-hiu, lùa những ngọn cây, cành lá rung-động dường như hòa-nhịp, cử động theo chúng tôi.

Sau hết, chúng tôi tập thở để cho hết mệt và luôn đấy được thưởng vài cuộc chơi giải-trí : như ném banh, mèo bắt chuột, bỏ khăn v. v.

Vậy tập thể-dục có ích gì cho ta chăng ?

Tôi xin đáp rằng : thể-dục là một môn rất cần-thiết và hữu-ích cho loài người cũng như 2 môn trí-dục và đức-dục vậy. Nhờ thể-dục ta được khỏe

mạnh, tinh thần sẽ thêm khang-kiện, nên làm việc nhiều mà không thấy chán, Vì thế, hiện giờ chúng ta là học sinh còn đang lo dồi mài trí-tuệ, nên mỗi ngày cần phải có một giờ thể-dục để đeo đuổi dễ-dàng con đường học vấn.

Tuyết-Hoa
(nữ-sinh)

TOÁN-PHÁP *(Giải-pháp 2 Bài Toán đố trong tập XV.)*

I.— Người thứ nhứt lãnh 5 ngày : 166$ — 91$ = 75$.
Người ấy lãnh 1 ngày : 75$: 5 = 15$.
Người thứ nhì lãnh mỗi ngày : 15$ — 2$ = 13$.
Người ấy làm việc : 91$: 13$ = 7 ngày.

Trả lời : 7 ngày

II.— Giá tiền 30 thước vải : 10$,25 × 30 = 307$,50.
Tiền bán phân nửa xấp vải lần đầu : (30 : 2) × 11$,20 = 168$.
Tiền bán phân nửa xấp vải còn lại : 10$,8 × 15 = 162$.
Tiền bán chung : 168$ + 162$ = 330$.
Tiền lời chung : 330$ — 307$,50 = 22$,50.

Trả lời : 22$,50

I. Người kia muốn rào chung quanh cái sân có 435 thước bề châu vi 3 đường dây sắt. Người ấy mua 5 cuồn dây sắt, mỗi cuồn dài 86 thước. Vậy dây sắt ấy đủ dùng hay thiếu, hay là dư bao nhiêu ?

II. Trò Trí muốn thả con diều bằng giấy. Trò mua 2 cuồn nhợ gai. 1 cuồn dài 4 đê-ca-mết, cuồn kia dài hơn 1 đê-ca-mết rưỡi. Tiền nhợ 5 xu một mết. Hỏi trò Trí phải trả tiền nhợ bao nhiêu ?

DICTÉE FRANÇAISE — L'automne.— Connaissez-vous l'automne, l'automne en pleins champs, avec ses bourrasques, ses longs soupirs, ses feuilles jaunies qui tourbillonnent au loin, ses sentiers détrempés, ses beaux couchers de soleil, pâles comme le sourire d'un malade, ses flaques d'eau dans les chemins ? ... Connaissez-vous tout cela ?

Questions. — 1. Qu'est-ce que l'automne ? Combien y-a-t-il de saisons dans l'année ? Citez-les.

2. Formez des adjectifs avec les mots : champ, nombre, pluie, soleil.

3. Conjuguez le verbe connaître aux temps présent, imparfait, passé simple et futur simple de l'indicatif

GRAMMAIRE. — **4e leçon**.— Le mot qui sert à désigner une personne est un *NOM*. Père et mère sont des noms de personnes.

Applications.— *I.;- Copiez les phrases suivantes en soulignant les noms de personnes.*

Le berger garde les moutons — Votre sœur mène les vaches aux champs — Le charretier conduit l'attelage — L'instituteur instruit les élèves — La boulangère sert un pain à sa cliente — Thanh accompagne sa sœur à l'école — L'officier commande les soldats — Phan obéit à ses parents –

II. — Comp'étez les phrases suivantes à l'aide d'un nom de personne à choisir dans la liste de droite.

La...vend du fil et des aiguilles – La...lave et repasse le linge – Le..... fabrique et vend des bijoux. Le..... fait des paniers – L'...fait le plan des maisons – Le...a posé un carreau

bijoutier —
vitrier — mercière
architecte —
blanchisseuse —
vannier

III ORTOGRAPHE. — **La lettre** : (z) — *Copiez* :

Un lézard (con thằn lằn, rắn mối, kỳ nhông). *le nez* (mũi)
Le bazar (phố hàng xén) *onze* (11), *douze* (12),
Un zéro (số không), *treize* (13), *quatorze* (14),
En zigzag (nét lăng quăng, quanh quẹo), *quinze* (15),
Le gazon (cỏ xanh) *seize* (16).

TRẦN-VĂN-LÂM.

DICTÉE FRANÇAISE. **Aime ton maître**. *Réponses aux questions*

1 — L'élève doit avoir pour le maître de l'amour et du respect

2 — On place le maître à côté du père

3.— CONJUGAISON.— « j'aime mon maître »

Indicatif

Présent	*Imparfait*
J'aime mon maître	J'aimais mon maître
Tu aimes ton maître	Tu aimais ton maître
Il aime son maître	Il aimait son maitre
Nous aimons nos maîtres	Nous aimions nos maître
Vous aimez vos maîtres	Vous aimiez vos maîtres
Ils aiment leurs maîtres	Ils aimaient leurs maîtres

Subjonctif

Passé simple	*Présent*
J'aimai mon maître	Que j'aime mon maître
Tu aimas ton maître	Que tu aimes ton maître
Il aima son maître.	Qu'il aime son maître
Nous aimâmes nos maîtres	Que nous aimions nos maîtres
Vous aimâtes vos maîtres	Que vous aimiez vos maîtres
Ils aimèrent leurs maîtres	Qu'ils aiment leurs maîtres

4.— Homonymes de père

Pair : (adjectif) égal, semblable, pareil. qui est divisible par deux.
Pair : (nom commun) : noble, membre de la chambre haute.
Pair : (nom com.) coupe, deux choses de même espèce
Perd : du verbe perdre,

THÈME corrigé.

— Ce soir, je dois aller à l'école (il faut que j'aille à...)
— Il faut que tu ailles immédiatement.
— Nous revenons de nous promemer.
— Ils viennent de rentrer.
— Vous habitez près d'ici.
— Il habite un village éloigné.
— Que dites-vous ?
— Qui frappe à la porte?
— Avez-vous fini d'écrire votre lettre ?
— Avez-vous fini votre devoir ?

THÈME à proposer.

— Tôi đi ghe.
— Nó đi tàu thũy.
— Anh đi chợ về phải không ?
— Không, tôi đi học về.
— Lại đây tao nói mầy nghe.
— Anh buồn ngủ không ?
— Có phải cuốn sách nầy không ?
— Có phải anh làm việc ấy không?
— Mầy đánh nó, phải không ?
— Nó nói dối, phải không ?

VERSION

— Je parle à mon maître. Il me regarde et m'écoute — Mon gran d'père m'entend parler — Mon petit-frère crie et pleure très fort — Mon oncle est sourd et muet — Ce mendiant est aveugle, mais il marche tout seul.

LEÇONS PARTICULIÈRES
ANGLAIS-FRANÇAIS-SCIENCES-MATHÉMATIQUES
Classes secondaires & P.S. Préparation intensive aux divers examens. Méthode classique — Auditions disques — Linguaphone Assimil.
S'adresser: TRI-DUC
226, Lagrandière -:- Saigon

LỚP NHỨT VÀ BỔ TÚC BAN TIỂU-HỌC

ÁM-TẢ. *Con Dế và con Bướm*

Dế kia ẩn nơi bụi cỏ, thấy bướm bay liệng giữa vườn, ngó không mỏi mắt. « Người sao ngọc điểm vàng trau, cánh mình rực-rỡ ! Quanh mùa trải khắp vườn xuân, nếm đủ mùi thơm, mật ngọt. Kiếp sao sung-sướng lạ thường ! Còn mình, da đen, mặt nám, quanh năm vui dập nẻ đất bóng cày ! Có cất tiếng kêu thì thiên-hạ gọi rằng khóc sương than phận ! Kiếp nào hèn hạ nữa thôi ? ».

Dế đang thầm-thỉ mấy đều, bỗng thấy một đoàn con trẻ : nào vợt, nào khăn ruợt theo con bướm... Ôi thôi ! Đứa đầu, đứa cánh, làm cho ngọc nát vàng rơi !

Dế phát tối tâm mày mặt, giây lâu lặng-lẽ tiếng người, tỉnh mê thức dậy còn ngờ chiêm-bao ! Kiếm bướm, bướm đâu chẳng thấy ! Chỉ còn một hai vẻ ngọc, thức vàng nằm trên mặt đất. Dế bò lại gần ngẫm nghĩ hồi lâu nên thở ra mà rằng : « Độc thay cho chút hực-hở nầy, khiến người mắt chóa lòng tham, nên nỗi tan-tanh thân bướm ! Đoái lại mình, không còn nỗi riêng than phận nữa ».

Lời bàn.— Ở đời nhiều người luốn đua chen, giành giựt với nhau những mồi phú quí, những bả vinh-hoa, mong sao cho chói rạng cỏi trần được người trông ngó. Mãn hy vọng bấy nhiêu mà quên lo tay hại bên mình. Hễ người càng trông ngó thì lửa ghen của họ càng hực hực bừng lên, máu tham của họ càng sục sục sôi lên, roi ra chẳng khác chi trẻ thơ bắt bướm kia. Nghĩ lại giau nghèo, sang tiện, không ai được hạnh-phúc hoàn-toàn, sự vui buon hằng xen lan thâu năm. Huống chi cuộc giàu sang la tuong mộng ao...! Ghe phen cực khổ, lắm bước gạp ghềnh, mong theo cho được cùng tột rồi lại hóa mơ màng một giac Nam-Kha. Thế thoi ta cũng chớ khá trông mong chi cho não dạ, mien biết tùy duyên an phận thì tự nhiên nha lá mà được vui. Đừng ngó cao tham quay mà mỏi cổ đau lòng. Đừng tạo-hóa chí công, chớ thấy kẻ hơn minh mà than rằng Người tư-vị.

Câu hỏi

1) Giải-nghĩa những câu : *ngọc điểm vàng trau, ngọc nát vàng rơi, tối tâm mày mặt.*

2) Tìm những chữ phản nghĩa : *rực-rỡ, lặng-lẽ.*

3) Đại ý bài nầy ra làm sao ?

4) Bài nầy có ý dạy ta sự gì ?

Học tiếng

Tạo-hóa : Sáng tạo và hóa sinh : Ông Trời (Créateur).

Tạo-lập : Gày dựng lên (créer, constuire).

Tạo-thiên lập-địa : Gây a trời, dựng nên đất : Gây dựng nên vũ-trụ (*Création du monde*).

Tạo-vật : Dựng ra vạn vật — Trời, tạo-hóa.

Chữ khó viết :

Kiếp (căn sỗ) : đời kiếp ; kiếp người ; mạt kiếp.
Kíp (gấp) : cần kíp ; chầy kíp.
Chim : chim chóc ; muông chim ; chim bỉm.
Chiêm : chiêm nghiệm ; chiêm ngưỡng ; chiêm bao.

Trả lời câu hỏi bài ám-tả trong số XV

1) Gác núi : khuất sau nửi ; *kim-ô :* con quạ vàng, nghĩa bóng là mặt trời ; *lác-đác :* rải-rác, lưa-thưa.

2) Câu ấy có ba mệnh đề : a) *không một bóng người,* (mệnh đề chính thứ nhứt) ; b) *chỉ thấy lác-đác vài túp lều tranh hay một hai nấm mồ,* (mệnh-đề chính thứ nhì) c) *nằm co ro ở vệ-đường trong bầu không-khí yên lặng* (mệnh-đề phụ) phụ nghĩa cho «mồ».

3) Tác-giả tả buổi chiều quê vào mùa thu, vì trong bài có câu : lá vàng rơi lả tả. « Lá vàng rơi » là tượng trưng cho mùa thu vậy.

TÁC VĂN.— Đầu đề : *Thơ Hoàng gởi cho bạn Bính nói về sự học thêm trong tháng nghỉ.*

Sài-thành, ngày 10 tháng 8 d.l. 1950

Cùng bạn Bính thân mến,

Tôi rất vui mừng khi vừa nhận được và đọc hết bức thơ của Bạn gởi ! vì Bạn đi du-lịch xa xuôi, nếm đủ các cuộc vui thú nơi bãi biển, hưởng bầu không khí trong sạch, mát-mẻ, trí-khôn và thân thể rày quên hết các buổi khó khăn và mệt nhọc trên bàn

học nơi trường nhứt là lúc gần thi Sơ-Học... Nói tắt là Bạn rày được : An tâm khoẻ xác mọi đàng.

Phần tôi, thì không được như thế, tuy không bịnh hoạn, ăn cũng ngon ngủ cũng an giấc, cũng có cuộc vui chơi nô đùa : Như ngay Chủa-nhựt rồi tôi theo cha, mẹ tôi đi tắm suối ở Thủ-đức, rồi đi án măng, sầu riêng, lôm-chôm ở Lái-thiêu...Đến mấy nơi đo thì hưởng được chút khí trong gió sạch ở đồng quê... Chớ không được an tâm khỏe xác như bạn vậy...

Bạn sung-sướng vô hạn, mà Bạn còn nhớ đến tôi : là tôi rày cũng như trước : tháng nghỉ cũng như lúc học. Cha mẹ tôi cũng không cho nghỉ hẳn : cho phép tôi đến nha một ông Giáo-sư dạy riêng đặng học thèm Pháp-văn và Toán-Pháp. Còn việc học Âm-nhạc là bổn-phận thứ nhì của tôi.

Tôi cần học thèm trong tháng nghỉ ; là vì tôi xét thấy tuy đã chiếm được cấp-bằng Sơ-học, nhưng sức học còn kém, nên mới học với Giáo-sư riêng như vầy.

Mà thật, sự học riêng nầy nó đem lại cho tôi kết quả tốt đẹp... Nhiều điều tôi không hiểu khi trước, thì rày được hiểu, vì nhờ hỏi ngay ông Giáo-sư, Ngài cắt nghĩa rõ-ràng dễ hiểu ; về Toán-Pháp là chỗ be-yeu của tôi, thì nay tôi được hiểu nhiều.

Đo là việc tôi làm trong tháng nghỉ.

Còn Bạn thì cũng sắp trở về nhà, nèn chúng ta sẽ gặp lại mà trò truyện nữa.

Trước khi ngưng bút, tôi xin cầu chúc Bạn cùng cả gia-quyến vạn an. Chúc Bạn được nghỉ khỏe xác và trí-tuệ được mở mang nhờ cuộc du-lịch xa nầy : vì người ta thường nói : *Thanh niên được học thêm bằng cuộc du-lịch.* Sau hết tôi chúc Bạn mau về đến nhà.

Chào anh thân-ái
HOÀNG

ĐẦU ĐỀ : *Thuật lại trận hỏa-hoạn đã xảy ra trong làng trò.*

DÀN BÀI : Mở bài — Lúc mới cháy — Lúc đang cháy dử-dội — Sau khi cháy — Kết luận.

TOÁN PHÁP : *(Giải-pháp 2 bài Toán-đố trong số trước)*

I.— Sự cho vay nầy chia ra 2 thời kỳ bằng nhau (2 năm 3 tháng). Trong thời-kỳ đầu, vốn thứ 2 nhiều hơn vốn thứ — 400$ (1200$ — 800$).

Trong thời-kỳ sau thì hơn : 1.200$ + 400$ = 1600$ trong 2 năm 3 tháng (27 tháng).

Vốn 1600$ cho vay trong 27 tháng lời 162$.

— 100$ ..... 12 ..... x.....

Vậy lợi-suất chung :

$$\frac{162\$ \times 100 \times 12}{1600 \times 27} = 4,50$$

Trả lời : 4, 5%

II.— Số thợ còn lại để xây xong vách tường :

15 — 3 = 12 người.

15 người thợ làm trong 20 ngày xong $\frac{1}{2}$ tấm vách.

12 ..... x .....

Một người thợ làm xong $\frac{1}{2}$ công việc trong thời-gian : 20 ngày × 15 300 ngày.

Mấy người thợ còn lại làm xong tấm vách trong :

$$\frac{300}{12} = 25 \text{ ngày}$$

Trả lời : 25 ngày

I.— Cái sân hình chữ nhựt dài $38^m 60$ và ngang $26^m 50$.

Người ta tráng xi-măng một đường rộng $2^m 20$ dọc theo bề dài và hai bề ngang. Hỏi làm xong cái đường tốn hết bao nhiêu biết rằng 9$50 một thước.

II.— Cái vườn cũng hình chữ nhựt dài 35^{th} ngang 18^{th}. Người ta làm 2 con đường đi tréo hình chữ thập rộng $1^m 5$. Hỏi bề mặt miếng vườn còn lại trồng đồ được và bề mạt 2 cái đường đi nhỏ bao nhiêu ?

DICTÉE FRANÇAISE.— **Au marché**

Les femmes, ayant posé à leurs pieds leurs grands paniers, en avaient tiré leurs volailles qui gisaient par terre, liées par les pattes, l'œil

écarlate. Elles écoutaient les propositions, maintenaient leurs prix, l'air sec, le visage impassible, ou bien tout à coup, se décidant au rabais proposé, criaent au client qui s'éloignait lentement : « C'est dit, je vous le donne».

Puis, peu à peu, la place se dépeupla ; ceux qui demeuraient trop loin se répandaient dans les auberges.

Guy de Maupassant

Questions.— 1° Justifiez l'orthographe de *gisaient* (gisaient par terre), *criaient* (criaient au client) *demeuraient* (ceux qui demeuraient).

2° Expliquez en recourant au texte : *l'air écarlate, le visage impassible, rabais.*

3° Expliquez l'expression *l'air sec*. Trouvez son contraire de même que le contraire des expressions suivantes : *un temps sec, du bois sec, du pain sec des jambes sèches.*

GRAMMAIRE.— Les pronoms relatifs QUI et QUE

Nous connaissons les pronoms relatifs *qui* et *que*. Nous savons qu'ils remplacent des noms ou des pronoms et qu'en outre ils mettent en relation une proposition subordonnée avec ce nom ou ce pronom.

Ex : *J'ai entendu un oiseau* **qui** *chantait dans les arbres. Sang a fait un devoir* **que** le *maître lui avait donné.*

Qui est sujet, *que* est souvent complément d'objet direct du verbe de la proposition subordonnée. Parfois *que* est attribut.

Ex : *L'homme* **que** *vous êtes ne saurait faire une telle sottise.*

Leçon.—*Les pronoms relatifs* **qui** et **que** *remplacent des noms ou des pronoms. Ils relient ce nom ou ce pronom à une proposition subordonnée.*

Exercices d'application.—*I. Complétez les phrases suivantes:*

Je voudrais un métier *qui...*, *qui ...* (subjonctif). Je vois de ma place des nuages *qui...* des arbres *qui....* J'entends un automobiliste *qui....*, un coq *qui....*, des plumes *qui...*, des élèves *qui...*, une mouche *qui...*

II. — Complétez les phrases suivantes à l'aide de **que** *ou* **qui**, *dites ensuite quelle est la fonction des pronoms relatifs.*

Le métier. . . . mon frère a appris ne lui plaît plus. Il cherche un métier... lui plaise davantage — Mais l'homme. . .

Concours d'admission en 1re Année

(Centre de Châu-Đốc, 7-8-50)

DICTÉE & QUESTIONS. *Comment il faut lire.* — Lisez un crayon à la main. Vous prendrez ainsi des notes où seront renfermées les fleurs du livre, les plus belles pensées, les plus heureuses expressions. les plus utiles enseignements de l'auteur.

Vous recueillez ainsi dans chaque ouvrage un bouquet délicieux dont chaque fleur sera pour vous pleine de miel.

Passant de la lecture au travail matériel vous pourrez penser à ce que vous aurez lu : c'est une sorte de méditation des plus fécondes en heureux résultats.

QUESTIONS. — 1) Quelle est la plus belle partie d'une plante ?

2) Pourquoi lisez-vous un crayon à la main ?

3) Expliquez : les fleurs du livre.

4) Analysez grammaticalement : *vous recueillez, ouvrage, bouquet*, dans la 3 phrase.

5) Conjuguez le verbe « *prendre* » aux temps simples de l'Indicatif.

RÉPONSES.— 1) C'est la fleur qui est la plus belle partie d'une plante.

2) Je dois lire un crayon à la main afin de prendre des notes sur mes lectures.

3) Les fleurs du livre, ce sont les plus belles pensées, les plus heureuses expressions, les plus utiles enseignements contenus dans le livre.

4) *Vous* : Pron. pers, 2e pers. du plur, sujet de *recueillez*.

Recueillez : Verbe *recueillir*, 3e groupe, mode indicatif, temps présent, 2e pers. du plur.

Ouvrage : Nom com, masc, sing, complément circonstanciel de lieu de *recueillez*.

Bouquet : Nom com. masc, sing, complément d'objet direct de *recueillez*.

5) Conjugaison du verbe *prendre*.

Présent	*Imparfait*	*Passé simple*	*Futur simple*
Je prends	Je prenais	Je pris	Je prendrai
Tu prends	Tu prenais	Tu pris	Tu prendras
Il prend	Il prenait	Il prit	Il prendra
Nous prenons	Nous prenions	Nous prîmes	Nous prendrons
Vous prenez	Vous preniez	Vous prîtes	Vous prendrez
Ils prennent	Ils prenaient	Ils prirent	Ils prendront.

LUẬN VĂN.— Trước giờ và đang giờ thi luận văn, trò nghe thấy gì ? Hãy tả ra và nói cảm tưởng của trò.

Hỏi trọng-lượng sắt còn lại, biết rằng mỗi $^{cm3.}$ nặng $7^{gam}50$?
Giải-pháp : *Bài I.*— Số người trả tiền : 9—2 = 7 ng.
Phần tiền của 2 người không trả : 18$ × 7 = 126$.
Giá tiền thuê xe ô-tô : $\frac{126\$ \times 9}{2} = 567\$$

Trả lời : 567$

Bài II.— 4^{dm} 45^{cm} ; 5^{mm} $0^{cm}50$
Thể-tích miếng sắt : $1^{cm_3} \times 45 \times 8 \times 0,50 = 180^{cm3.}$
Thể-tích 4 lỗ vuông : $1^{cm3} \times 4 \times 4 \times 0,50 \times 4 = 32^{cm3.}$
Thể-tích còn lại : $180^{cm3} - 32^{cm_3} = 148^{cm3.}$
Trọng lượng sắt còn lại : $7^{gam}50 \times 148 = 1.110^{gam}$.

Trả lời : 1.110^{gam}

Giải-pháp 2 bài toán-đố trong số XV

I.— **Giải pháp**

Nếu bán mỗi con heo giá 160$, thì lợi chung :
830$ — 200$ = 630$.
Số heo bán : 630$: (160$ — 155$) = 126.
Giá tiền miếng đất : (160$ × 126) + 200 = 20.360$.

Trả lời :
- 126 con heo
- 20.360$ miếng đất.

I .— Tiền lời và lỗ chung : 950$ + 130$ = 1080$.
Số giấy bán : 1080$: (50$ — 30$) = 54 số.
Giá tiền chiếc xe : (50$ × 54$) 950$ = 1750$.
Giá tiền chiếc xe và tiền lời : 1750$ + 410$ = 2160$.
Mỗi số : 2160$: 54$ = 40$.

Trả lời :
- 1.750$
- 54 số
- 40$

THÈME

Con cóc

Hễ đến chiều tối thì con cóc nhảy ra đường, ra sân để kiếm ăn.

Hình con cóc thật là xấu : mồm rộng, bụng to, mắt lồi, da lưng u lên từng cục. Tuy thế nhưng nó không độc, mà lại là giống rất có ít. Nó ăn những con ốc sên, con giun, là giống hay phá-hoại những rễ cây và lá cây

Le crapaud

Le soir venu, le crapaud sort sur le chemin, dans la cour pour chercher sa nourriture.

Le crapaud a un aspect des plus laids : la bouche large, le ventre gros, des yeux saillants, la peau rugueuse sur le dos et mouchetée de boutons. Cependant, il n'est pas dangereux, bien au

l n'y a pas de Racine à Molière, différence d'essence, mais de degré. Racine pousse à fond l'étude des passions, arrivant ainsi jusqu'aux conséquences les plus terribles. Et c'est par là que, gardant l'unité d'impression il se distingue de notre grand comique.

Conclusion. Racine ne s'est jamais embarrassé des règles, et en cela il suivait Molière. Il observe et peint tout simplement Mais peut-être Fontenelle et Voltaire n'ont-ils pas compris pleinement l'art admirable d'un auteur qui, pourtant, même, s'il se rapproche de Molière, conserve la pureté, l'unité de la forme avec la perfection du naturel. Ce fut une grande erreur que de proscrire de la tragédie cette simplicité racienne. Elle s'est perdue depuis dans une sorte de banalité solennelle d'effets, de ton et de style que devait, non sans raison, railler le romantisme. Et Voltaire lui-même a précipité la décadence.

T. V. L.

Truyện Thúy Kiều

(Tiếp theo)

Sè sè nấm đất bên đường.
Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.
Rằng : « Sao trong tiết thanh minh
« Mà đây hương khói vắng tanh thế mà ? »
Vương Quan mới dẫn gần xa :
Đạm Tiên nàng ấy, xưa là Ca - Nhi (1)
« Nổi danh tài, sắc một thì (2)
« Xôn-xao ngoài cửa, thiếu gì yến-anh :
« Kiếp hồng - nhan có mong manh.
« Nửa chừng xuân (3) thoắt gãy cành thiên-hương (4)
« Có người khách ở Viễn - phương (5)
« Xa nghe cũng nức (6) tiếng nàng tìm chơi.
« Thuyền tình vừa ghé tới nơi.
« Thì đà trâm (7) gãy, bình rơi bao giờ.
« Buồng không lạnh ngắt như tờ.
Dấu xe ngựa đã rêu lờ mờ xanh.

Apparaît tout à coup un tumulus sur le côté du chemin.
L'herbe qui le couvre est fleurie.

Kiều dit : Comment se fait-il que dans ce jour de la Clarté pure.

Ici l'encens et la fumée (qui animent aujourd'hui toutes les tombes) sont tout à fait absents ?

Vu'o'ng-quan alors raconte toute l'histoire :

Dam-Tiên était une chanteuse,
Alors célèbre par son talent et sa beauté.
Une foule bruyante affluait toujours devant sa porte :
Mais la vie des belles femmes a des vicissitudes,
Le rameau qui portait cette fleur divine, au beau milieu du printemps, se rompit.
Un amateur, venu de loin,
Qui, de son pays lointain, avait connu la réputation de cette chanteuse, vint la chercher pour son plaisir.
Mais la barque de l'amoureux accosta à peine le port.
Que déjà le bijou était brisé, le beau vase anéanti (la belle était morte), depuis on ne sait quand.
Dans la chambre vide régnait un silence glacial.
Les ornières, laissées devant la maison par tant de chevaux et voitures, étaient déjà couvertes d'une couche légère de mousse.

Chú

(1)— *Ca-nhi* : Người con gái làm nghề ca-hát.

(2) — *Thì* : Tiếng nôm : cùng nghĩa với chữ thời, thời gian, thời giờ, chữ THÌ ở đây có nghĩa là một thời gian ngắn nhất định, tức là một khoảng thời gian. Người ta nói : Con gái đến thì....

(3) — *Nửa chừng xuân* : ý nói một nửa đời người con gái,

(4) — *Thiên-hương* : Thiên : trời, Hương : mùi hương, tức là hương trời ! Ý nói người đàn bà đẹp. Chữ sẵn : «*Sắc nước hương trời.*»

(5) — *Viễn* : xa. *Phương* : phương hướng, phương xa.

(6) — *Nức* : Chữ nôm, nô-nức, thơm nưng nức. Ý nói cái hương trời thơm kia đã nức mùi thơm đến tận phương xa.

(7) — *Trâm* : cái lược gài đầu tóc của phụ-nữ. Chỉ về đàn bà đẹp người ta thường gọi trâm-anh. *Trâm gãy, bình rơi* là ý nói người con gái đã chết.

Bình

Trên bước đường về, trong khi phong cảnh thanh thanh dưới ánh hoàng-hôn, bỗng Thủy Kiều chú ý đến một đống đất sè sè nằm ở bên đường, và đám cỏ thì nửa vàng úa, nửa xanh. Thúy-Kiều liền lấy làm ngạc nhiên và lẩm bẩm : Quái lạ, sao trong tiết thanh minh, người ta đua nhau đi tảo mộ, mà ở nấm mộ bên đường này lại vắng tanh không ném hương, một thoi vàng, hay một tờ tiền nào vậy ? Đứa em nàng là Cậu Vương Quan mới cắt nghĩa và kể chuyện lại như thế nầy :

— Ngôi mộ này là của nàng Đạm Tiên lúc còn sống vốn là một Ca Nhi có tài, có sắc, đã nổi tiếng một thời. Khách thập phương đua nhau tìm đến để được nghe nàng hát. Thôi thì Vương tôn Công-Tử đủ cả. Dường như ông trời hay ghen ghét những người có tài, có sắc, phải nhận cái số phận mong manh, mệnh bạc.

Chính vì thế mà Đạm-Tiên đã bước qua thế giới khác giữa lúc tóc còn xanh, tuổi chưa già. Tiếng nàng đả nổi dậy ở bốn phương cho nên, một hôm, có người ở miền xa lắm, không quản công phu khó nhọc trèo non lặng suối để tìm đến thưởng thức cái sắc đẹp và tiếng hát của nàng. Rủi thay, lúc đến nơi thì nàng đả ra người thiên cổ rồi.

Nhìn vào buồng ngủ của nàng thì thấy lạnh lẽo, im lặng như tờ, ngoài gốc liễu dấu xe dấu chân ngựa đã mọc rêu lờ mờ xanh xanh.

Bàn về bút pháp

Chỉ có hai câu 14 chữ mà Cụ Nguyễn Du đã « chấm phá » thành một bức tranh « ngôi mộ hoang » không được người còn sống đắp điếm, sửa sang, hai chử Sè Sè ở câu lục, và hai chữ Dầu Dầu ở câu « *bát* » quả đã là một nghệ thuật dùng chữ vậy.

Chữ *RẰNG* thật hay, lại có vẻ Việt Nam vô cùng. Ngoài chữ *rằng*" ra thiệt không còn kiếm đâu ra một chữ như thế để tả được câu nàng Kiều đã nói, ở trong một câu chỉ vỏn vẹn có 6 chữ.

Cậu Vương-Quan mà Cụ Nguyễn Du tạo ra thật là thông minh. Về chỗ nà*y* cần phải mở ra một cái dấu ngoặc, để bàn về Cậu Vương-Quan một chút : Theo Cụ Nguyễn-Du thì Vương-quan là con út Thúy-Kiều mới xuân xanh đôi tám, tới kỳ cặp kê, nghĩa là mới có 16 tuổi, rồi đến Thúy-Vân nhiều nhất cũng chỉ 13 tuổi

rồi đến Vương-Quan, thì chỉ 10 tuổi là cùng. Vậy mà khi nghe chị nói, Vương-Quan lại «dẫn chuyện gần, chuyện xa...» 10 tuổi dù có là thần-đồng cũng không thể thạo đời và biết rõ đầu đuôi câu chuyện về một Ca-Nhi là Đạm-Tiên. Cứ tính cái niên kỷ ra thì Vương-Quan chỉ mới là đứa con nít, nếu có mẹ thì vẫn còn khóc và làm nũng. Bây giờ xin khép lại cái dấu ngoặc.

Tất cả một triết lý về kiếp nhơn-sinh được gói trong hai câu :

Kiếp hồng nhan có mong manh.

Nửa chừng xuân thoắt gãy cành thiên hương.

Cả cuốn Kiều người nào cũng có tên, chỉ duy có một người không có tên ; ấy là người khách nầy :

Có người khách ở Viễn Phương,

Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.

Đến hai câu này thật thì hay :

Buồng không lạnh ngắt như tờ,

Dấu xe ngựa đá rêu lờ mờ xanh.

Câu bát thật là hay, mạch văn lưu loát. nhẹ nhàng, có nhạc... Chỉ có tám chữ mà tả được cả một bản nhạc của dĩ vãng, một bản nhạc rất buồn.

TRÚC-KHANH

Khoa-học quan sát

Một quyển sách rất cần ích cho các em học-sinh.

Kỳ tựu trường tới, các em nhớ đón mua quyển « Khoa-học quan-sát », do quí ông : Tăng-văn-Chương, Huỳnh-văn-Đó, Nguyễn-hữu-Thông, Giáo-viên các trường Saigon. Soạn riêng cho 2 lớp Nhứt và Nhì, đúng theo chương-trình trong Giáo-khoa Tạp-chí của Nha Giáo-Huấn Nam-Việt.

Sách gồm có 5 chương : 1°) Sinh-lý. 2°) Động-vật. 3°) Thực-vật. 4°) Khoáng-vật. 5°) Vật-lý.

Ấn-loát mỹ-thuật với trên 200 hình vẽ tuyệt đẹp.

Xin hỏi nơi Ấn Quán NAM-HƯNG

165 Bd de la Somme

Saigon.

Kinh-tế chánh-trị

(Tiếp theo)

Chị em chúng tôi không đi theo chương trình vì lẽ sau đây. Mấy em vừa thất nghiệp thì không sao. Tội nghiệp thay, có nhiều người thất nghiệp đã chịu khốn khổ lâu rồi, mà phần nhiều đã biết chút ít bút toán, như cuốn sổ thâu-xuất (Livre de caisse), cuốn sổ nhựt ký (Livre-journal) v.v... song le không hạp thời.

Lúc kiến thiết, người ngoại-quốc ở Saigon lập ra nào là Hãng nhập-xuất cãng, nào là Ngân-hàng. Vậy chị em chúng tôi chỉ những món đại khái trước cho người nào chưa thấy, còn mấy món để ẽ chỉ sau, vì chị em chúng tôi đã rõ thấy có nhiều chỗ làm trước mắt mà kiếm không ra người ; tỉ như người giữ sổ gởi tiền vô hạn của Ngân-hàng (Dépôt en compte-courant).

Cô Tân Huỳnh-Hoa, Cholon

Bút toán ngân-hàng (Comptabilité bancaire).

Nói về sổ gởi tiền vô hạn (Dépôt en compte-courant).

Gởi tiền vào nhà Băng có nhiều cách, song thường khi là gởi vô hạn, nghĩa là muốn rút ra giờ nào cũng được. Nhà Băng phát cho mình cuốn ngân-phiếu (Carnet de chèques) thường khi 25 tờ, mình phải trả tiền con niêm dán vào mỗi tờ. Muốn rút bạc ra thì viết chèque. Tiền lời mỗi năm 3%, song ngày nào bạc còn nằm trong Băng thì tính lời ; vậy thì ngày gởi tính, còn ngày rút ra không tính.

Ngân-hàng tính mỗi năm là 365 ngày ; nếu nhuần thì 366 ngày. Theo lệ thường thì nhà buôn tính một năm có 360 ngày thôi.

Trước khi gởi tiền phải ký tên vào sổ (Dépôt de signature) dấu ký tên không được thay đổi ; nếu có sự nghi ngờ về chèque giả, người ta sẽ rọi kiến chiếu đại (verre d'agrandissement) vào tấm chèque của mình phát ra.

Tiền lời tính như vầy 1-6 đến 10-6 có 9 ngày. Tiền lời 50.000$ nằm trong Băng 9 ngày là :

$$\frac{3\times 9}{100\times 365} = 36\$.98$$

Lưu ý. – Cuốn sổ nầy ở trương sau chót có mục-lục (répertoire) Tên gì ở trang mấy cho dễ kiếm. Tỉ như: A-Á Pay.page 1–

H. Hoàng Cầu Dương hàng. Page 95.

Dépôt en Compte courant

H. Hoàng-cầu Dương hàng — Saigon. 95

DATE	Crédit	Débit	Balance	Nombre de jours	Intérêt 3 ·/.	Numéros de chèque
1-6-50	50.000	»	50.000	9	.36 98	»
10-6-50	»	5.000	45.000	5	18 49	100
15-6-50	»	3.000	42.000	2	6 90	102
17-6-50	»	2.000	40.000	6	19 72	101
23-6-50	»	30.000	10.000	3	2 46	105
26-6-50	»	8.000	2.000	4	0 65	104
30-6-50	20.000	»	22.000	»	» »	»
Total...	70.000	48.000	»	»	85 20	
1-7-50	»	»	22.085 20	»	» »	

Nói về bạc ngoại-quốc (monnaies étrangères) Bên Anh, một đồng liu (Livre sterling) đổi 20 shilling, mỗi shilling đổi 12 pences (ou penny).

Toán cọng

L	S	P
22	18	11
11	16	9
7	14	8
30	17	7
70 =	65 =	35 =
73	7	11

Trong 35 pences có mấy shilling? = 2 sg. dư 11.
Để số 11 giữ 2. Cọng 65+2 = 67.

Trong 67 s. có mấy Livres? 3 L. dư 7. Để số 7 giữ 3. Cọng 70 3 = 73 L.

Total : 73 L. 7 S. 11 P.

CẦN HỌC là người bạn quí và là Giáo-sư chân chánh của mỗi gia-đình. Các Phụ-Huynh lo tương-lai cho con cháu, đều nên mua sắn CẦN HỌC.

Ca-dao toán học

Nên dùng Việt-Ngữ

Ta dùng quốc ngữ.
Văn tự nước nhà.
Thiếu tiếng thì ta.
Đặt ra mà dạy.

Thày Ba thầy Bảy,
Nèn dạy lấy con.
Tiếng Việt nam còn,
Nước non là đấy,

Bừng con mắt dậy.
Xuống tấm ao ta.
Trong đục ao nhà.
Tha hồ dùng vẫy.

Chi chưng đã vậy.
Ta trách đời xưa.
Mà tới bây giờ.
Chứng nào tật ấy.

Thôi đừng trong cậy.
Vào bạn xa gần.
Tri kỉ tri nhàn.
Có thân lập lấy.

Những điều trông thấy.
Nghĩ lại càng đau.
Quê kịch vài câu.
Khuyên nhau tỉnh dậy.

Đào-trọng-Đũ
Nam-Vang

Lượng-điểm quân phân.
Em cần lấy mấy,
Quả cam chia bảy.
Em lấy ba phần,
Được một *kỉ-phần*.

Là ba phần bảy.
Thân chia làm mấy.
Thủ lấy bao nhiêu.
So sánh với *yêu*.

Hơn bằng hoặc kém.
Kém yêu *kỉ lẹm*.
Bằng nhất *kỉ bình*.
Hơn một càng xinh.
Bẩm sinh *kỉ trội*.

Tùy thân phân loại.
Tên gọi khác nhau.
Nhưng để về sau.
Các em hãn học,

Lượng điểm quân phân, là lượng điểm chia ra nhiều phần bằng nhau.

Ví dụ lượng điểm là trái cam, chia trái cam ra bảy phần bằng nhau. Anh cho em ba phần thế là em được ba phần bảy trái cam. Cái số ba phần bảy ấy, soan-học gọi là kỉ-phần.

Kỉ-phần, nghĩa đen là mấy phần, là một danh từ Việt Nam thuần túy,

Kỉ-phần có hai bậc ; một bậc gọi là thủ, một bậc gọi là thân, Thủ, tức là định lấy bao nhiêu. Thân, tức là toàn thể cái gì ta định chia ra nhiều phần bằng nhau. Trong thí dụ trên này, số 7 là thân số ba là thủ,

Anh chia trái cam ra 7 phần, em đòi lấy 10 phần, nghĩa là em muốn lấy hơn một trái cam. mười phần bảy, là một kỉ-phần lớn hơn số 1 ; soan-học gọi là kỉ-trội hay là kỉ-trội.

Anh chia trái cam ra 7 phần, em đòi lấy cả 7, nghĩa là em muốn lấy vừa vặn một trái cam. Bảy phần bảy, là một kỷ phần bằng số 1 ; soạn-học gọi là kỉ-bình,

Anh chia trái cam ra 7 phần, em chỉ lấy ba thôi, nghĩa là em lấy chưa đầy một trái cam. Ba phần bảy, là một kỉ-phần bé hơn số 1. ; soạn-học gọi là kỉ-lẹm.

Kỉ-phần có nhiều thứ ; tên gọi khác nhau vì số thân khác nhau. Nếu thân là số não nao, thì kỉ-phần gọi là kỉ-thường, ví dụ ba phần 7 là một kỉ-thường. Nếu thân là ngành chục, nghĩa là 10, 100, 1.000, v.v... thì kỉ-phần gọi là kỉ-linh, Ngoài ra còn nhiều thứ kỷ phần khác nữa, nhưng tác giả là một thày đồ đã đứng tuổi ;

Chữ nghĩa mớm dần con trẻ hết,

Rào ria đàm mãi cái già ra, nếu không để dành một vài chữ thì bài sau thày này còn chữ đâu mà dạy,

Chú-thích,— Kỉ phàn thường gọi tắt là kỉ, Ba phần bầy là một kỉ, mười phần bầy là một kỉ, v. v... Theo định nghĩa trên này thì hai bậc của kỉ-phần bao giờ cũng là số nguyên, nhưng soạn học thường dùng chữ kỉ với một nghĩa rộng hơn. kỉ nhoài kỉ choãi,

Bằng nhất kỉ-bình nghĩa là bằng số một thì gọi là kỉ-bình,

Ôn lại bài cũ và học thêm Pháp-ngữ-Lượng điểm = Unité, là một danh-từ cụ-thể dùng để đếm, ví-dụ một thước, thước là lượng-điểm, hai trái cam, trái cam là lượng-điểm. *Yêu* = Unité, là một danh-từ trừu-tượng dùng trong toán-học thay cho chữ cái, hai chiếc, vân vân... Nói một yêu, hai yêu, cũng như nói một cái, hai cái gì đó. — *Kỉ-phần* = Fraction. — *Thàn* = Dénominateur. — *Thủ* = Numérateur. — *Kỉ-lẹm* = Fraction plus petite que *1*.— *Kỉ-bình* = Fraction égale à *1*. — *Kỉ-trội* = Fraction plus grande que *1* expression fractionnaire. — *Kỉ-thường* = Fraction ordinaire. — *Kỉ-linh* = Fraction décimale. — *Ngành-chục* = Puissance de 10. — *Số nguyên* = Nombre entier. — *Soan-học* = Arithmétique. — *Kỉ-choãi kỉ-nhoài* = Fraction continue. — *Số nảo nao* = Nombre quelconque.

Danh-từ Việt-Pháp

Nước — Eau

Nước lã : *Eau naturelle.*
— đục : *Eau trouble.*
— trong : *Eau limpide.*
— mặn : *Eau salée.*
— ngọt : *Eau douce.*
— uống : *Eau potable.*
— mắm : *Saumure.*
— lụt : *Inondation.*
— đá : *Glace.*
— lạnh : *Eau froide.*
— nóng : *Eau chaude.*
— dừa : *Lait de coco.*
— chanh : *Limonade.* / *Jus de citron.*

Nước cam : *Orangeade.*
— mía : *Jus de canne à sucre.*
— chè (trà) : *Thé.*
— hoa : *Parfum.*
— dãi : *Salive.*
— mắt : *Larme.*
— mũi : *Morve.*
— mưa : *Pluie.*
— lớn : *Marée montante.*
— ròng : *Marée descendante.* / *Jusant.*
— xuôi : *Marée favorable.*
Nước lớn nước ròng : *Flot et jusant.*

Tiếng *Porter* = Đem, mang, đưa.

Cõng : *Porter sur le dos.*
Vác : — *sur les épaules.*
Đội : — *sur la tête.*
Gánh : — *avec un fléau.*
Quảy : — *au bout d'un bâton.*
Khiêng : — *à deux à l'aide d'un bâton.*
Cắp : — *sous le bras.*

Cầm / Xách : *Porter à la main.*
Bưng : — *les deux mains en avant.*
Đeo : — *au cou.*
Bồng / Bế : — *un enfant dans ses bras.*
Ẵm : — *un enfant à califourchon sur la hanche.*

LỚP DẠY VẼ
(Tiếp theo)

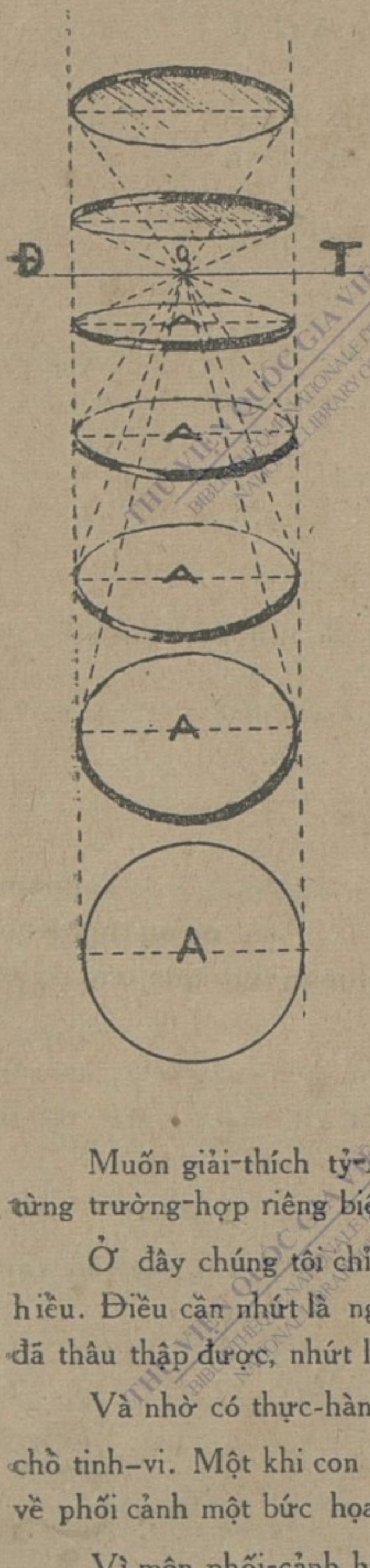

Khi nào một hình dáng nằm ở trên hay ở dưới tầm mắt ta, nếu cách xa đường tầm nhiều chừng nào thì chiều sâu của nó trong nở lớn ra nhiều chừng nấy ; còn trái lại nếu nó nằm xích lại càng gần đường tầm bao nhiêu, thì bề sâu trông thâu hẹp lại lần lần đến khi mất hẳn là khi nó nằm ngay đường tầm (xem hình).

= *Thâu gọn những nguyên-tắc* =

Chiếu theo bài giảng về hình dáng trong Cần Học số 4 thì chúng ta hiểu rằng, những hình dáng có nét cong, có thể nội tiếp (inscrit) trong khuôn khổ một hình dáng có toàn cạnh ngay ; gọi là hình dáng có góc (forme angulée).

Về môn phối cảnh cũng do lẽ đó mà chúng tôi thâu gọn nó lại và chỉ tên hiệu những định luật về sự biến dạng của những hình có nét ngay hay có góc.

a) Sự biến đổi của hai nét ngay nằm song đối nhau.

b) Sự biến đổi của hai nét dụm lại thành góc ; từ góc ngọn đến góc ngay và góc lơi. Mà trong những hình có góc ta lấy hình «vuôn» làm căn bản.

Vì thế mà phối–cảnh có thể làm tóm lại chỉ còn là môn nghiên-cứu về sự biến dạng của một hình « vuôn ». Còn về sự biến dạng của những hình khác, chúng ta cứ chiếu theo nguyên tắc căn bản trên đây, mà trưng ra để áp–dụng.

Muốn giải-thích tỷ-mỷ những định-luật về môn phối–cảnh và chứng minh từng trường-hợp riêng biệt chúng ta phải có cả một quyển sách mới đủ.

Ở đây chúng tôi chỉ thâu gọn những nguyên–tắc căn bản rất giản-dị cho dễ hiểu. Điều cần nhứt là người học nên áp dụng ngay trong nhiều lần những điều đã thâu thập được, nhứt là trong lúc phỏng họa ngay ở tạo vật.

Và nhờ có thực-hành và nhiều như vậy mắt ta đi từ chỗ thuần-thuộc đến chỗ tinh–vi. Một khi con mắt được điều luyện ta nhận thấy dễ dàng sự sai lạc về phối cảnh một bức họa.

Vì môn phối-cảnh hẳn là một khoa-học tinh-xác, nên một chiều hướng nầy có liên-quan với những chiều hướng khác. Nên nếu một chiều một hướng sai lạc thì tất cả các chiều hướng khác đối với nó cũng sai hết.

Tốc-ký Việt-Nam

Bài thứ 4 *(Tiếp theo C.H. số IV)*

AN ĂN ÂN
ANG ĂNG ÀNG
EN ÈN IN
ON ÔN ƠN
ONG ÔNG
UN ƯN
UNG ƯNG

Chú ý : Dấu An, ăn, ân, en, èn v.v.. là một dấu chữ N thu nhỏ lại, như mặt trăng lưỡi liềm nhưng phải nhớ vị trí của nó tức là nằm ngữa, hoặc nghiêng, hoặc sấp v. v...

Vị trí : Dấu nầy nói tóm là dấu của 1 phần 4 hình tròn (quart de cercle). Vậy các bạn nên nhớ vị trí của nó là:

I.= Khi **nằm ngữa** ở dưới AN, ĂN, ÂN. ANG, ĂNG, ÀNG. II.= Khi **nằm trên sấp xuống** ấy là ON, ÔN, ƠN, ONG ÔNG. III.= Khi **đứng nghiêng úp qua mặt** ấy là EN ÈN IN. IV.= Khi **Đứng nghiêng úp qua trái** ấy là UN, ƯN, UNG ƯNG.

Các bạn nên nhớ kỹ vị trí của các dấu nói trên, vì sau nầy ta học qua các dấu khác thì các dấu thuộc về A Ă Â đều **nằm dưới** E È I, nằm bên trái, O Ô Ơ ở trên và U Ư ở bên mặt. Phải nhớ dấu viết rất nhỏ.

Phương Pháp Tốc ký T.L.Q. nhờ đó mà có quy tắc khoa-học vậy.

Cách viết : Cách viết Tốc ký chỉ có một việc là ráp **vần cái vào vần ngược** là thành.

ví dụ:

Man
Tàn
Phang
Sen

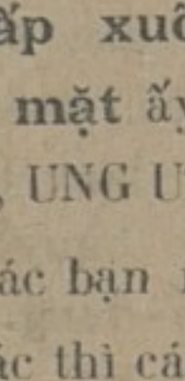

Ting
Kèn
Con
Xòn

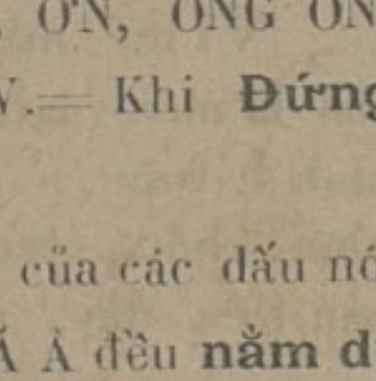

Mòn
Nhún
Bun
Rung

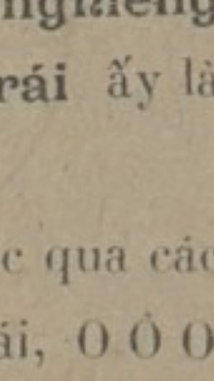

Cá ch đọc : khi viết xong, đọc không có gì khó cả. Chỉ đọc CHỮ CÁI trước rồi đọc tiếp theo vần ngược thì thành. Ví dụ các tiếng Man, Tân, Phang ... Xông . . . v.v. ở trên đây thì đọc ; MỜ + AN = MAN, PHỜ + ANG = PHANG, XỜ + ÔNG = XÔNG v.v.

Bài tập

Tập viết các tiếng và câu sau đây trở đi trở lại 3 lần là ít. Càng tập viết nhiều càng mau biết. Viết xong rồi đọc lại xem có được không.

Tiếng một : Nan, sang, ban. lan, nang, nhan, ngan, khan, kèn, bén, tin, xin, nến, đến, phèn, mong, công, chọn, ngòn, xông, không, phong, lòng, sung, chun, mun, tung..

Tàn-An, mơ màng, thàn mến, than thở, sung công. sau sẽ, dỡ dang, rèn rĩ, lòng dòng, giòng tố, lảng mạn, long đong, nhớ nhung, rung động, bẽ bàng, bồn ba, mong chờ, mê man, đen trắng, hy vọng, phung phí, bền bĩ, phong ba. thủ công, công trạng, sang hèn, sang trọng, trân trọng, trông mong, Cần-thơ, Bến tre Gò công, an nhàn, bạn quen, thân thế, thống khổ, Quang trung, tàn lang, văn võ, Văn Lang, số phần, bổn phận, thân thể, thong dong, đở đần, dung nhan, đúng đắn, thông tin xã, xung phong, công dân, dàn chúng, ăn năn, lỡ làng.

Câu : 1.— Ta đi ra nhà Ga Tàn An cũng chị ta đón cha ta ở đồng quê về. 2.— Chị Lan tròng quá sang trọng, nhưng chị đã ở thôn quê không hề ra chợ. 3.— Bạn bè ta sang hèn, ta cũng không nèn phân rẽ. 4.— Số phần chị Ba thật long đong, nhưng nhờ cần mẫn mà chị đã trở nên an nhàn. 5.— Ta đừng quên bổn phận ta là công dàn đứng trong thế hệ mà số phần đang chờ.

Tập đọc

Các bạn tập đọc bài ngắn sau đây. Nếu sai chữ nào thì lộn ngược bài bèn mặt xem có đúng không.

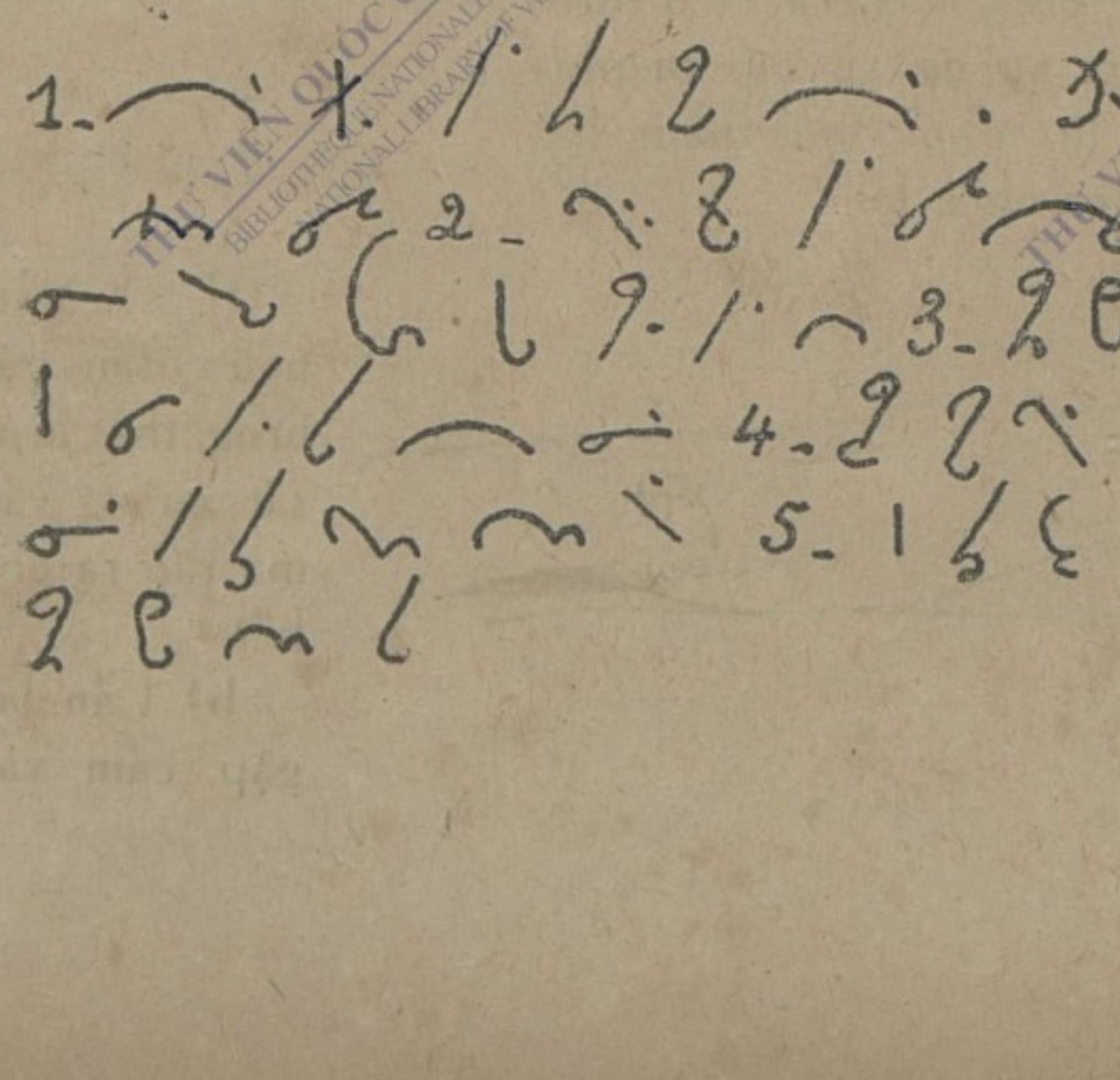

1.— Chị Tư đi đón bạn chị ở Gò công lên. 2.— Trò Hàn đã lên chín mà vẫn không tắn bỏ gì cả. 3.— Bổn phận ta là đở đần cha mẹ. 4.— Bến hàng tre, mẹ già đứng trông con về. 5.— Ta đừng quên bổn phận công dân.

TẬP THỂ-DỤC THẾ NÀO ?

Tập luyện phía sau mình.

Thân con người mạnh vì những bắp thịt ở phía sau mình. Thường nhiều người bị gù lưng không nhiều thì ít. Càng cao tuổi những bắp thịt lưng càng yếu mà làm cho thân mình chĩu ra phía trước vì cái đầu nặng và những bắp thịt dằng cho ngay cây xương sống thiếu cân-lực (tonus).

Những bắp thịt lưng đã thiếu cân-lực, tự nhiên là 2 mảnh xương bả vai choãi ra ngoài mà làm gô vai nhọn ra đồng thời hai que xương đòn gánh đẩy thấp cây xương mỏ ác xuống. Do đó lồng sườn cũng bị ép hẹp lại mà làm tổn hại cho bộ máy hô hấp. Vậy mục đích tập luyện phía sau mình là tăng cân lực cho những bắp thịt kềm 2 xương bả vai vào cây xương sống và cho những bắp thịt chằng các đốt xương sống cho ngay thẳng như một cây cột (trên thuyền buồm).

Dưới đây là một vài kiểu vận động tích cực của những bắp thịt chằng cây xương sống cổ (colonne cervicale).

I. a) Cổ vươn ra trước và đồng thời thổi ra -- khi thổi ra đã hết hơi thì ta có cảm tưởng như phần dưới cổ nơi sát mình kéo dài cổ ra.

b) Lần lần đẩy đầu ra phía sau mà hít vào. Gập cằm cho thụt vào trong họng (đừng ngửa mặt lên). Khi hít vào đầy phổi ta có cảm tưởng cổ bành lớn ra và lồng sườn nâng cao lên.

Trong kiểu vận động này và kiểu dưới đây, hai vai phải xuôi xuống và mở ra phía sau. Muốn được vậy, ta phải duỗi thẳng hai tay và làm cho lưng dẫn chắc lại.

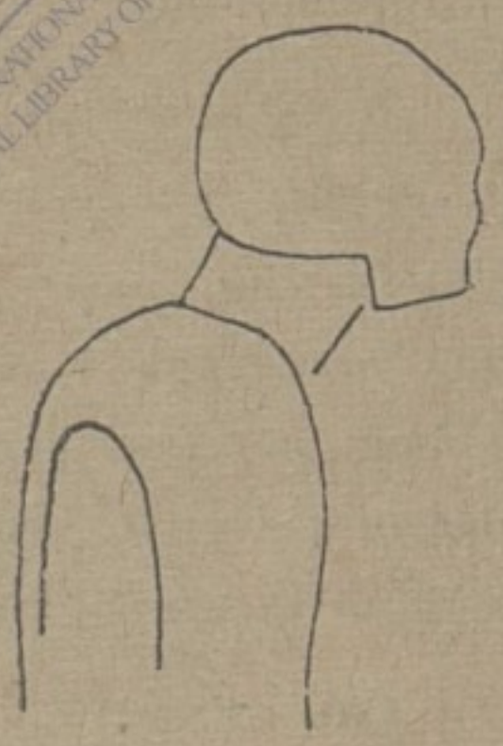

I

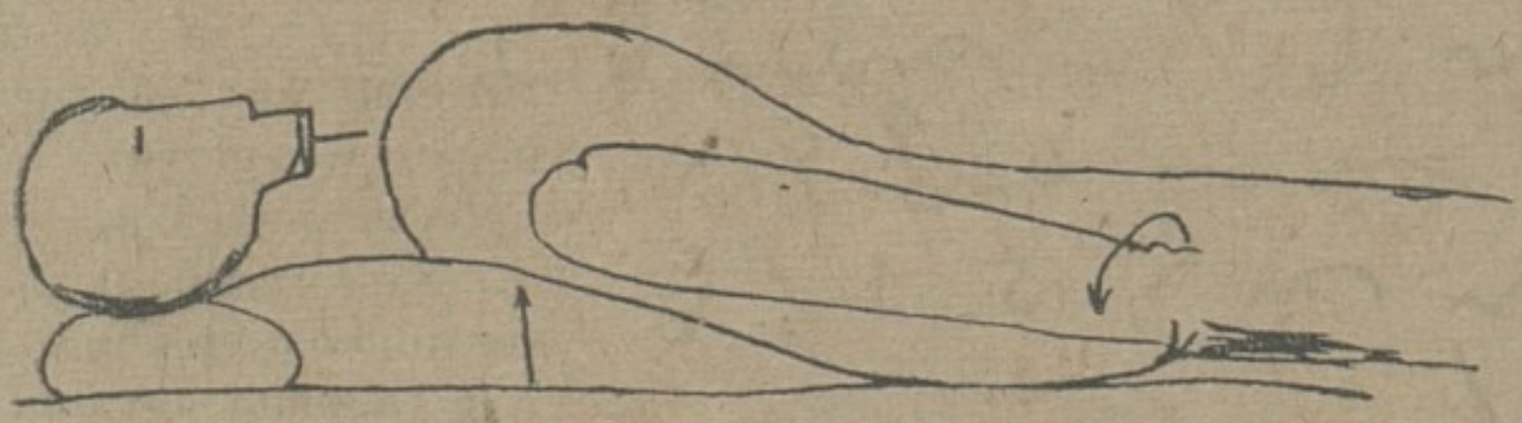

II

II a) Nằm ngữa, đầu, gáy lưng, thắt lưng sát xuống ván mà thở ra cho hết.

b) Lần lần gập cằm vào

họng ấn lực xuống dóc và thắt lưng mà cong sống mình làm cho ngực cao lên mà hít vào cho đầy phổi.

Nhớ rằng ngực phồng lên đồng thời cố ý sát thắt lưng suống ván chỉ làm có phần lưng thôi. Cằm phải giữ chặt trong họng để cho gáy thẳng mà ấn lực xuống dóc.

Hai kiểu vận động trên làm được đúng như lời chỉ dẫn rồi, ta có thể tiến thêm bằng kiểu : Khi tích cực hít vào tá quay sang trái hoặc sang phải để kết động sự hít hơi vào. Như vậy ta cũng vẫn phải nhớ rằng gáy luôn luôn ngay thẳng.

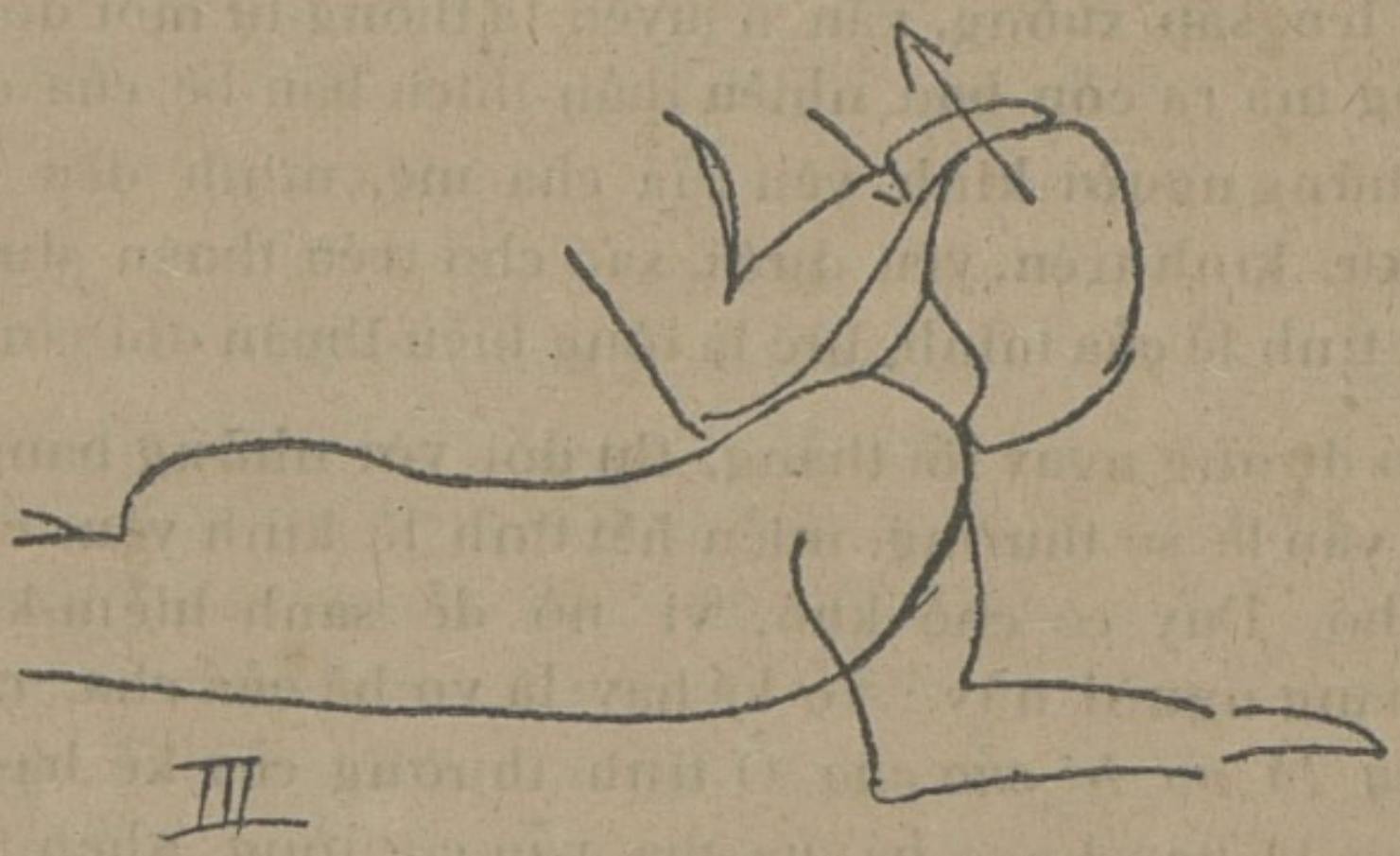

III

a) Nằm sấp chống mình lên trên cánh tay thẳng cẳng tay áp xuống ván. Tay một người bạn ấn xuống óc mình, khuỷu tay (cùi chỏ) của bạn vào lưng (giữa hai xương bả vai). Áp lực của tay bạn ấn đầu mình xuống mà thổi ra cho hết.

b) Khi thổi ra đã hết, áp lực của đầu mình gắng mà đẩy tay bạn lên mà hít vào. Đồng thời tỳ xuống cánh tay mà kéo vai xuống, giương ngực ra phía trước mà cong cây sống xuống ; ngỏng đầu lên gáy cho thẳng,

Luôn luôn bụng sát dưới ván.

Kỳ sau tôi sẽ trình bày vài kiểu vận động của những bắp thịt chằng cây xương sống mình (colonne dorsale).

RƯƠNG VÀNG CỦA CON TÔI

Tác giả : **Ông N. Trương-vĩnh-Tống**

CHƯƠNG THỨ I

ĐẠO THỜ CHA MẸ *(Tiếp theo)*

Huống chi con cháu của cha mẹ đối với mình vẫn là một thể *tay chơn*, vẫn là một mạch *cốt huyết*, thì mình phải nên đem tình yêu mến cha mẹ, hết chí-tánh nhơn-từ đối với kẻ dưới, tức là hết chí-tánh hiếu-thuận đối với người trên.

Trở lên, sấp xuống, vẫn nguyên là thống-tự một dòng. Còn suy ngang mà ra còn bao nhiêu thân-thích bạn-bè của cha mẹ, đều là những người kính yêu của cha mẹ, mình đều nên tùy bậc mà xử, kính trên, yêu dưới, sao cho trên thuận dưới hòa, miễn hết tình lễ của mình, tức là lòng hiếu-thuận đối với cha mẹ.

Theo đường ngay lối thẳng, thì đối với những hạng người trên đây vẫn là sự thường, miễn hết tình lễ kính yêu, chẳng có chi là khó. Duy có chỗ khó, vì nó dễ sanh hiềm-khích, là những hạng người nầy : vợ kế hay là vợ bé của cha, *cùng con vợ kế hay là vợ bé của cha*. Ở tình thường của kẻ hạ-lưu, thì đối với vợ kế hay là vợ bé của cha, vẫn có lòng ghen rằng họ chia sớt mối tình yêu của mẹ mình ; đối với con vợ kế hay là vợ bé của cha, vẫn có lòng ghen rằng nó chia sớt phần tình yêu của mình. Bởi ghen nên hiềm, bởi hiềm nên khích, rồi đó chẳng những không yêu không kính, mà lại thêm ghét thêm thù, chẳng nghĩ vì đến cha, chỉ theo ý riêng của mình cố chấp.

Làm người quân-tử, thì chẳng kể những sự tình chi khác, chỉ biết là những người của cha mình yêu, thì mình chiều ý của cha mình mà yêu theo. Huống chi mẹ kế hay là mẹ thứ đối với mình mặc dầu chẳng đẻ chẳng thương, nhưng cũng là bậc người ngang hàng với mẹ mình, thì mình nên kính ; con của mẹ kế hay là mẹ thứ đối với mình mặc dầu khác dạ khác máu, nhưng cũng là anh em đồng khí, thì mình nên yêu.

Điều đó thì kẻ làm con phải nên lấy chuyện xưa làm gương, mà miễn xử cho hết tình hết lễ, như chuyện Khuyến-Hiếu có

những câu : « *Mẹ ghẻ lại tánh càng khe-khắt, Em Tượng thêm rất mực kiêu ngoa* ». Thế mà : « *Một thân thuận cả bề ba ; trên chiều cha mẹ, dưới hòa cùng em* ». Kính hết lễ, yêu hết tình, vua Đại-Thuấn đã treo gương đại hiếu đó.

Soi gương đại-hiếu của vua Đại-Thuấn thì ông Mẫn-tử-Khiên là một nhà đại-hiền, đã học theo vua Đại-Thuấn cái đạo xử với hoàn-cảnh biến-nghịch nầy, hết lòng kinh yêu, mà cảm hóa được mẹ ghẻ và em thứ, nối gót vua Đại-Thuấn, nên được liệt tên vào số 24 hiếu-tử, cùng truyền tiếng hiếu cho tới ngày nay (1). Vậy anh bảo rằng đạo thánh cao xa, người ta không thể học theo được ? Ông Mạnh-Tử nói rằng : « *Người ta đều có thể làm được vua Nghiêu, vua Thuấn* ». Vậy ta hãy nghiệm như một đức hiếu của vua Thuấn mà ông Mẫn-tử-Khiên làm được đây, thì thấy rằng người ta hễ thành-tâm hảo đức, rồi sẽ tới bước cao xa, đừng cam-chịu tư-chất thấp-hèn, mà tự mình ngăn trở con đường tiến-hóa.

*

* *

Trên đây là bàn qua về đạo thờ cha mẹ khi còn sống, lẽ nên như vậy. Còn đối với cha mẹ về khi đã thác, thì sách Mạnh-Tử đã nói : « *Người đại-hiếu trọn đời thương mến cha mẹ* ». Kinh Lễ-Ký cũng nói : « *Người quân-tử có cái tang trọn đời* ». Ví như ơn trời biển cao sâu, thì dầu trăm năm vật đổi sao dời, mà lòng con chẳng một ngày nào dời đổi, càng trông càng ngày càng vắng, càng xót xa lòng !

Cho nên lúc cha mẹ lâm chung, sắm sửa, quan, quách, y, khâm, cùng là tẩn, liệm, tang, tế, tùy theo chức phận của cha mẹ và chức-phận của mình (Lễ táng theo chức-phận của cha mẹ ; lễ tế cho chức-phận của con). Sự đó đều theo luật phép của quốc gia và lễ-nghĩa của thánh-hiền thuở xưa đã chế định hẳn-hòi, chẳng nên quá kiệm mà keo-kiệt với đàng thân, cũng chẳng nên quá xa mà vượt qua lễ-phép. Những luật phép và những lễ-nghĩa đó đã có đủ ở sách gia-lễ và phép riêng của các tôn-giáo (2), đây chẳng kể ra làm chi cho phiền.

(Còn nữa)

---

1) Sự tích vua Đại-Thuấn và ông Mẫn-tử-Khiên đều coi trong cuốn Nhị-Thập-Tứ Hiếu Diễn-Ca.

(2) Như nước Việt-Nam ta thì coi ở Thọ-Mai Gia-Lễ, là cuốn sách lược ở bộ Chu-văn-Công Gia-Lễ của Trung-Quốc ra, và các phép riêng của các tôn-giáo Nho, Đạo, Thích, người phái nào thì theo phép của phái ấy.

So sánh những câu cách-ngôn Việt-Pháp

Cách ngôn I Maximes

— Quân-tử phòng thân, tiểu-nhân phòng bị gậy.
Le sage sait assurer sa vie, le vulgaire travaille à sa déchéance.
— Khôn-ngoan hiện ra mặt, què-quặt hiện ra chân tay.
La sagesse se lit sur le visage, les membres dévoilent l'infirmité.
— Đem muối bỏ bể.
Jeter du sel dans la mer (faire une chose inutile).
— Sông sâu chớ lội, đò đầy chớ đi.
Ne traversez pas un fleuve profond, ne prenez pas une barque pleine.

(1) *Cách-ngôn :* Lời nói có thể dùng làm phép-tắc được (precepte, maxime, aphorisme).

Châm-ngôn : Lời nói để răn đời (conseil, précepte).

Ngạn-ngữ : Lời nói đời xưa truyền lại (dicton, adage).

Tục-ngữ ; Câu nói lưu-hành trong thế-tục (proverbe).

TƯ-TƯƠNG ĐÔNG-PHƯƠNG

— Học cũng có ích như trồng cây : mùa xuân được hoa, mùa thu được quả.

— Càng học càng hay cũng như khát mà ra sông, ra bể uống, uống nhiều thì được nhiều, uống ít thì được ít.

— Vui nhất không gì bằng xem sách ; cần nhất không gì bằng dạy con,

— Học mà chưa thấy vui thì chưa gọi là học.

— Phú-qúi mà kiêu-ngạo, cố-nhiên là không phải ; học-thức mà kiêu-ngạo, cái hại cũng khá to.

— Đọc sách hay, làm cho thân ta được ít lỗi.

— Học cần nhất phải biến-hóa khí chất (1)

— Xem nhiều cổ-huấn để cho hay người, biết nhiều truyện đời để cho thạo việc.

— Nhà phú quí nên học cách khoan-dung, người thông-minh nên học thói trung-hậu.

— Có học-vấn mà không có đạo-đức thì là người ác, có đạo-đức mà không có học-vấn thì là người quê.

— Đọc sách mà con mắt không tinh, thế là vùi dập cái khổ tâm của người đời cổ.

L.H. (*sao lục*)

(1) biến hoá khí chất ; biến đổi những tính dở, nết xấu.

HIỆU NOVA

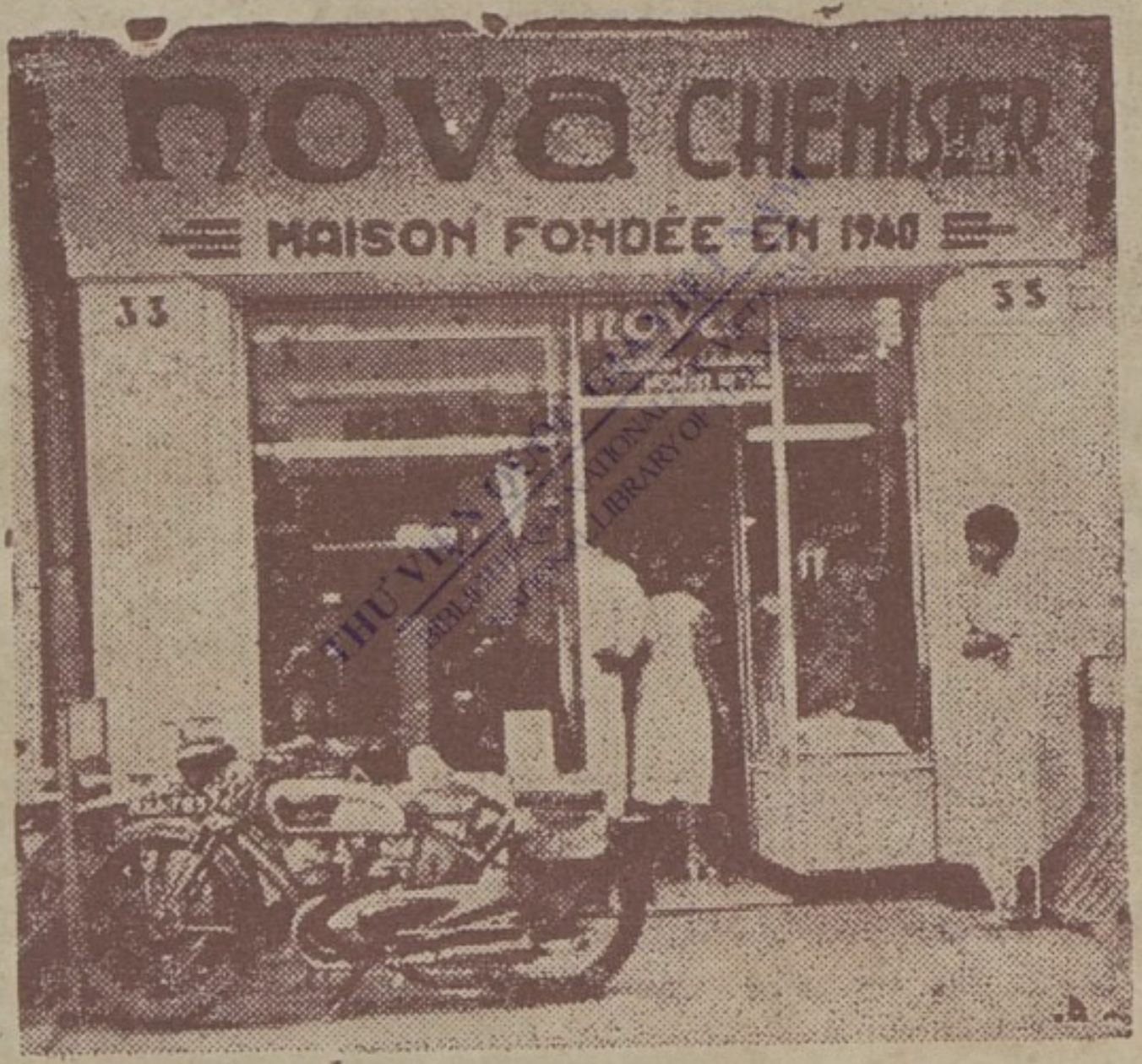

MAY ÂU-PHỤC và CHEMISE

Sang Pháp và trong xứ rất danh tiếng khắp nơi.

Có nhiều hàng vải đẹp vừa ý quí ngài.

33, đường SABOURAIN

Gần chợ SAIGON

Giây nói : Cardi, 435

PHOTOGRAVURE DESSINS

NGUYỄN VĂN DẦU

Chuyên-môn khắc bốn kẽm để in:

HÌNH ẢNH · SÁCH BÁO · TẠP-CHÍ
MỤC-LỤC · QUẢNG-CÁO · NHÃN HIỆU
ĐỦ MÀU VÀ ĐỦ KIỂU
MẬT KIẾN RA ĐI Ở
KIỂN RỌI MẢN ẢNH

Cliché Dau

TÉL: 21.459

17 ĐỖ HỮU VỊ SAIGON

Dể in · Lâu mòn · Sạch · Rõ · Đẹp

XIN LƯU Ý

Tại Tòa Soạn Cần Học, có bán hai cuốn sách có giá trị, do Ông **Trần-cửu-Chấn** Docteur ès Lettres, đã soạn.

1° Etude critique du Kim-vân-Kiều, Poème National du Việt-Nam,

Giá 30 $

2° Etudes littéraires sur les Grandes Poétesses du Việt-Nam.

Giá: 28 $

Hộp Thơ

CẦN HỌC rất hân-hạnh được quí Thầy và quí Cô giáo-viên chuyên *Thể-Dục* ở Lục Tỉnh hoan-nghinh, cổ-động và truyền-bá cho CẦN HỌC được phổ thông ở các trường.

CẦN HỌC thành thật đa tạ quí Ngài.

Ban Giám-đốc,

COMPTOIR GÉNÉRAL SUD-INDOCHINOIS

S. A. R. L. CAPITAL 100.000

COSUD

NHÀ XUẤT-NHẬP-CẢNG VIỆT-NAM

Buôn sỉ và lẻ

Đồ DỒ VĂN-PHÒNG VÀ HỌC-SINH, VIỄT-NÁY:

EVERGOOD BAYARD KAOLO

Bao thứ hộp đủ màu, vân-vân

GIÁ ĐẶT-BIỆT

28 - RUE A. COURBET - SAIGON

CẦN HỌC

Đóng thành bộ (bộ 1) từ tập I đến tập X có bán khắp nơi !

Giá { *Nam : 45$*
Trung-Bắc,
Miên : 50$

HỘP THƠ

Cùng quí Bạn đọc thân mến,

Cần Học trân trọng cám ơn quí bạn đọc-giả gần xa, kẻ mua dài hạn, người mua lẻ. Nhờ quí bạn nhiệt-thành ủng-hộ, nên Cần Học cố gắng hy-sinh và tìm phương liệu kế để mong giúp quí bạn đọc, lớn nhỏ có đủ tài liệu trong việc kiến-thiết nền học-vấn và lập đời sống của mình.

Mặc dầu chúng tôi đã phải xuất vốn ra rất nhiều từ đầu đến bây giờ và trải qua nhiều trở ngại, mà thâu vô chưa được. Nhưng chúng tôi ước mong cho mỗi người được đọc Cần Học và hy-vọng số độc-giả càng ngày càng tăng, mà từ tập XVI, chúng tôi định sụt giá mỗi tập ở Miên 5 $ 00, ở Trung và Bắc Việt 5 $ 50 (tính cước-phí máy bay).

Còn giá mua dài hạn thì định như sau đây :

	Saigon — Cholon	Lục-Tỉnh và Miên	Trung và Bắc Việt
3 tháng :	12 số 50 $	52 $	65 $
6 tháng :	25 số 100	104	125
12 tháng :	50 số 200	208	250 (Cước phí máy bay)

Đọc và ủng hộ tờ CẦN HỌC tức là trau dồi nền học tiếng mẹ đẻ.

Thơ và ngân-phiếu xin đề :

M. Ngô-văn-Thanh

165, Bd. de la Somme — Saigon

Giấy phép số 267 T.X.B.
Ngày 24 tháng Bảy 1930 d. l.

—:— In tại Ấn Quán —:—
— NAM-HƯNG —
165, Bd. de la Somme : Saigon

ỌC ĐỂ PHỤNG SỰ CHÂN LÝ

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES

CẦN HỌC

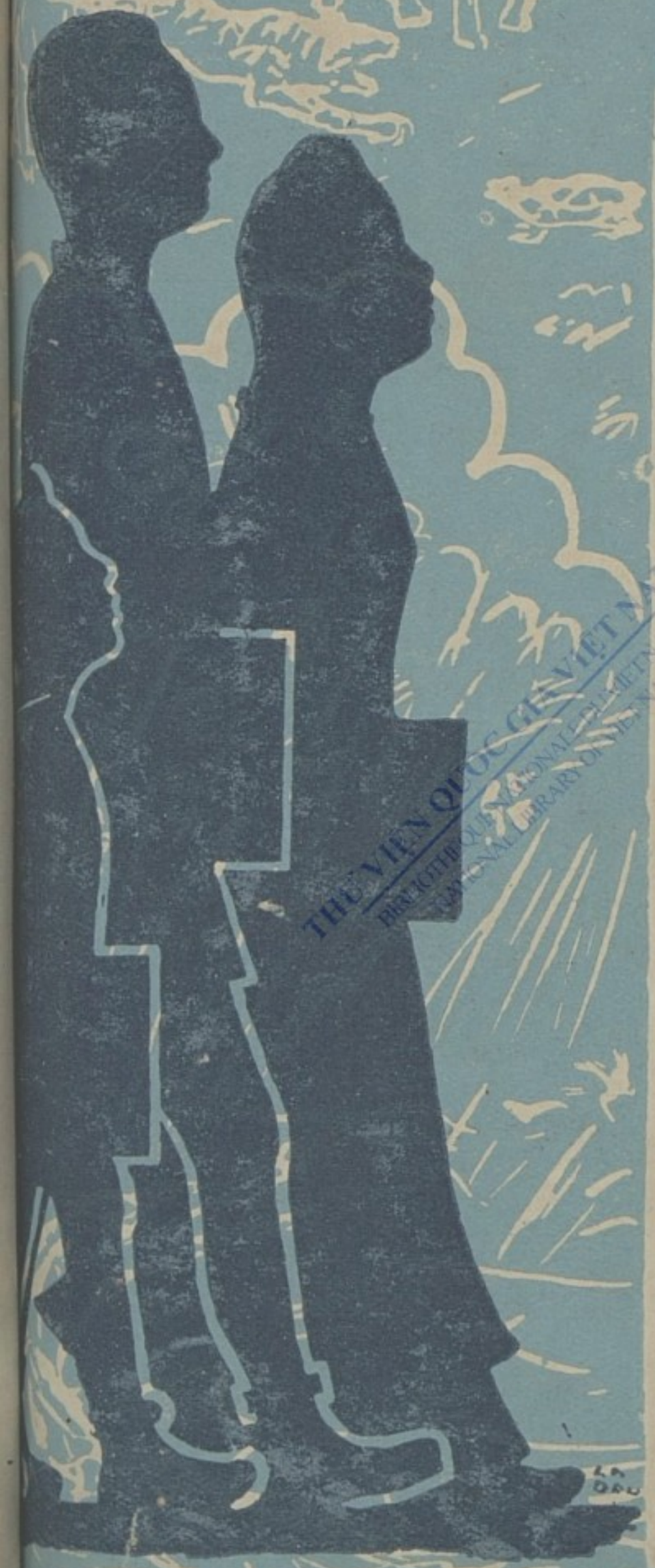

TẬP XVII

44 TRANG

SỐ ĐẶC-BIỆT

VỀ

NGÀY KHAI TRƯỜNG

Có các bài của Giáo-sư Vủ-hữu-Tiềm tặng Học-sinh các Trường Sơ-Học:

TỰU TRƯỜNG

Bài Pháp-văn : Souvenirs de rentrée của Anatole France dịch ra Việt-ngữ : Nhớ lại ngày tựu trường của Giáo-sư Vủ-hữu-Tiềm.

về

Kỳ thi THÀNH CHUNG ngày 4-9-50

tại Trường Petrus Ký — Saigon

có Bài : Dictée & Questions, Réponses par Mr Huỳnh-văn-Đó, Professeur,

Composition.....id.....

Ám tả và Câu hỏi,

Trả lời : do Giáo-sư Vủ-hữu-Tiềm

Luận văn : id

Problème d'Algèbre par Petrus Khanh.

TÒA SOẠN : **165, Bd. de la Somme**

Téléphone : 21.309

SAIGON

GIÁ { *Nam-bộ, Miên* . . . 5 $ 00
{ *Trung, Bắc* . . . . 5 $ 50

TỰU TRƯỜNG

(Tặng học-sinh các trường sơ-học)

VŨ-HỮU-TIỀM

Sáng nay, mây hồng-phớt
Ửng chân trời xanh xanh ;
Đoàn chim vui ca hát
Líu-lo vang trên cành,
∴

Tấp-nập trên đường-cái,
Sáng nay đoàn học-sinh
Vui-vẻ và hăng-hái,
Sung-sướng như đàn chim.
∴

Vì nghỉ nắng đã lâu,
Các em xa-cách bạn ;
Hôm nay, buổi bắt-đầu
Gặp nhau, mừng vô hạn !
∴

Ta có mấy lời khuyên :
Các em nay còn bé,
Đi học rán cần chuyên,
Khỏi phụ công cha mẹ.
∴

Khỏi phụ tấm lòng ta,
Hy-sinh, ngày hai buổi,
Săn-sóc, thay mẹ cha,
Dạy các em nên giỏi.
∴

Các em xin vâng lời,
« CẦN HỌC và cố gắng
Noi gương xưa sáng ngời,
Đặng nên người xứng đáng. »

(Trích trong quyển Học-sinh Ca sẽ xuất bản).

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

LỚP BA VÀ LỚP NHÌ BAN TIỂU-HỌC

ÁM TẢ

Ngày khai trường

Trên đường cái, học trò hớn-hở cắp sách đi học. Đã hơn hai tháng, hôm nay mới lại thấy các cô bé, các cậu bé họp từng bọn đi với nhau nói cười vui-vẻ. Khác ngày thường là bên cạnh những bạn trẻ lanh-lẹ, liến-xáo, ta thấy những học-trò ngơ-ngác, rụt rè, đi sau ông cụ già hay người lớn tuổi. Đó là các cậu học-trò mới theo cha anh đến trường xin học.

Với những bức tường mới quét vôi lại sáng-sủa, với cái sân rộng sạch-sẽ, cỏ cắt sát mặt đất, trường có vẻ mới hẳn.

Trong sân trường, vẻ tấp-nập lại hiện ra. Các cậu bé chạy nhảy, đuổi nhau gào thét. Các cậu lớn ra vẻ đứng-đắn hơn, họp lại từng bọn, nói chuyện về các thú vui của mình trong những ngày nghỉ. Những trò mới học một năm ở lớp nhứt và thi rớt kỳ mới rồi, lại bẽn-lẽn cắp sách đi học, đứng riêng ra một góc trường. Còn học-trò mới thì đứng ngây người ra, xem các học-trò cũ cười nói nô-đùa, ước-ao được vào học như họ, hoặc đi lại trước cửa các lớp, nhìn vào những dãy bàn ghế kê có thứ-tự, những địa-đồ tranh ảnh treo trên tường.

Nguyễn-khắc-Mẫn

(Nỗi lòng)

Câu hỏi 1.— Giải-nghĩa những chữ ! *Hớn-hở, liến-xáo, ngơ-ngác, rụt-rè, tấp-nập, đứng-đắn.*

2.— Tìm tiếng phản nghĩa với : *Lanh-lẹ, vui-vẻ, tấp-nập,* và những tiếng đồng nghĩa với : *Ngơ ngác, rụt rè.*

Học tiếng

Khai-chiến : Mở cuộc đánh nhau (commencer la guerre).

Khai-diễn : Bắt đầu diễn kịch (ouverture, levée du rideau).

Khai-giảng : Bắt đầu diễn giảng ; bắt đầu dạy học (ouverture de l'école).

Khai-hóa : Một dân-tộc còn dã-man mà mở mang biến-hóa lần lần để tiến lên cõi văn-minh (civiliser, développer).

Khai-khẩn : mở mang đất hoang (défricher).
Khai-mạc : Mở màn — Trường hát khai-diễn (levée du rideau).
Khai-tâm : Mở mang trí-tuệ cho người,
Khai-trương : Mở cửa hàng (ouverture d'une boutique).

Chữ khó viết

Nghỉ : Nghỉ ngơi, nghỉ lễ, nghỉ mát.
Nghĩ : Suy nghĩ, nghĩ ngợi.
Cắc : Cắc kè, cắc cớ, lắc-cắc, bạc cắc.
Cắt : Dao cắt, cắt phiên, cắt nghĩa.
Củ : Củ khoai, củ trối, qui củ.
Cứ : Quê cứ, cũ kỹ.

(Trả lời bài ám tả trong tập XVI)

1.— *Oi-ả* : Khí trời bực-bội, khó chịu, khó thở.
Tán-loạn : Tan nát rối loạn. *Kỳ-quái* : Rất lạ.
Chớp : Ánh sáng loè ra rất mau trên mây.
Sấm : Tiếng nổ trên không do hai luồng điện âm-dương gặp nhau.
Sét : Tiếng nổ do luồng điện trên mây gặp luồng điện dưới đất bốc lên mà phát ra rất mạnh.

2.— Thường thường thì mưa có ích cho mùa màng, nên người ta làm ruộng hoặc trồng trỉa theo mùa mưa. Mà mưa vừa vừa thì tốt, còn mưa to và mưa dầm thì có hại cho người ta, làm cho ta bị lụt, nước ngập mạ, lúa lâu ngày thì có hại cũng như mưa sái mùa vậy.

TÁC-VĂN.— Đầu đề : *Trò hãy tả lại ngày tựu trường và cảm-tưởng của trò ra sao ?*

Bài làm : Sáng nay là ngày tựu trường !

Vì 2 chữ *tựu trường* mà bữa nay tôi thức dậy sớm hơn. Được khúc bánh mì lót dạ rồi, tôi liền thâu góp sách, tập, mực, viết sắp vào cập da.

Sau khi thưa cha trình mẹ xong, tôi liền hăng hái ra đi... Dọc đường tôi gặp học-sinh đi đập dìu từng tốp. Đến sân trường đã thấy trắng đen đủ màu, đủ sắc : Học-sinh giụm ba, túm bảy trò truyện vui vẻ, vì vắng mặt trong 2 tháng nghỉ, nay gặp lại, biết bao chuyện nói. Gặp bạn cũ, mừng rỡ hớn hở, hỏi chuyện nầy sang chuyện nọ. Nói chuyện với trò nầy rồi lại sang trò kia.

Còn các học-sinh mới thì coi bộ bợ-ngợ, nhút-nhát, đứng kề cha mẹ, anh chị mà ít thấy hở môi hoặc đi qua đi lại trước lớp học dặng trông coi bàn ghế trong lớp. Có ít trò coi bộ sợ-sệt, mặt buồn, mắt ngó xuống.

Đúng 7 giờ rưỡi thì có trống hiệu vô lớp : học-sinh cũ mau chơn lẹ bước vào trước, kế học-sinh mới từ từ bước vô sau.

Sau khi chào Thầy, rồi ngồi xuống trên bàn. Đoạn nghe Thầy giảng một bài *Khuyên-học*...

Giảng xong, Thầy bảo lấy tập viết ra đặng viết bài và làm bài ngay. Đó là kết-liễu 2 tháng nghỉ vừa qua, bắt đầu niên-học mới.

Ngày tựu trường là một ngày nhắc lại cho chúng ta là học-sinh phải nhớ tháng nghỉ đã dứt, rày phải bắt tay hành việc. Hai tháng nghỉ đã qua để ta bổ dưỡng sức khỏe, nghỉ trí, hầu nay trở lại làm việc đắc lực hơn.

Ngày tựu trường cũng nhắc lại cho chúng ta nhớ sống trên trần-gian là sống trong xã-hội, sống chung-chạ nhau chớ không phải sống lẽ-loi ích-kỷ ; phải kề vai đâu cật để giúp lẫn nhau, hầu nưng đỡ xã-hội tiến trên đường văn-minh cải hóa.

P.K.

Đầu đề : Trò hãy tả cảnh nhà trường của trò và trò có yêu mến trường ấy không ? Tại sao ?

Lời dặn : Các trò phải làm dàn bài trước.

TOÁN-PHÁP *(Giải-pháp 2 bài toán trong tập XVI)*

I.— 5 cuồn dây sắt dài : $86^{th.} \times 5 = 430$ thước.

Trả lời : 5 cuồn dây sắt chưa đủ rào một đường dây.

II.— 2 cuồn nhợ dài : $40^{th.} + 55 = 95$ thước.

Tiền mua nhợ : $0\$,05 \times 95 = 4\$,75$.

Trả lời : **4$,75**

I.— Người làm vườn có 1.400 kí khoai lan. Người ta trả giá mỗi ký 2$,60, Song không chịu bán. Sau vài tuần bán mỗi kí thêm được 0$,20, song khoai bị hư hết 24 kí. Hỏi bán như vậy lời hay lỗ bao nhiêu ?

II.— Người thợ may mua 18 thước vải giá 45$ mỗi thước. Với vải đó may được 15 cái quần. Tiền may mỗi cái 12$, Tiền nút và chỉ chung 72$. Hỏi tốn mỗi cái quần bao nhiêu ?

CẦN HỌC là người bạn quí và là Giáo-sư chân chánh của mỗi gia-đình. Các Phụ-Huynh lo tương-lai cho con cháu, đều nên mua sẵn CẦN HỌC.

DICTÉE—*Nos Parents.* — Savons-nous ce que nos parents ont fait pour nous depuis notre enfance ? Ils nous ont donné du riz qui nous nourrit, des vêtements qui nous couvrent, des livres avec lesquels nous nous instruisons. Quand nous étions malades, ils nous ont soignés jour et nuit.

Que devons-nous faire pour rendre à nos parents leur tâche plus facile ? Aimons-les et respectons-les. Obéissons à leurs commandements. Appliquons-nous à bien travailler en classe. Conduisons-nous bien partout où nous nous trouvons.

En un mot, ne faisons rien qui puisse causer de la peine à nos parents.

QUESTIONS. — 1) Expliquez : *tâche, peine.*

2°) Formez des adjectifs avec les mots : *enfance, peine.*

3°) Conjuguez le verbe *nourrir* aux temps passé simple, futur simple de l'Indicatif et au présent du Subjonctif.

GAMMAIRE : 5e Leçon.—Il y a, en français, deux genres : le *masculin* et le *féminin*.

Tous les noms d'hommes et tous les noms devant lesquels on peut mettre *le* ou *un* sont du genre *masculin* : ex : *le chauffeur, un chien.*

Tous les noms de femmes et tous les noms devant lesquels on peut mettre *la* ou *une* sont du genre *féminin* : *la cuisinière, une automobile.*

APPLICATION.— 1°) *Dites de quels genres sont les noms suivants :*

Age, âme, âne, armoire, image, orange, automne, ivoire, horloge, enclume, encre, éloge. ulcère.

2°) *Remplacer les points par l'article convenable de chaque mot* :— ...souree... fleuve— ... cadenas... malle —... sifflement... balle—... hache . . . charpentier—... cire . . .froffeur —... phare... port—... moteur et . . . châssis . . . automobile.

Réponses aux questions de la dictée : AUTOMNE.

1°)L'automne est la 3e saison de l'année, allant du 22 Septembre au 21 Décembre, temps des récoltes.

Il y 4 saisons dans l'année: le printemps, l'été, l'automne et l'hiver.

2·) Champ : *champêtre* ; nombre : *numérique* ; pluie : *pluvieux* ; soleil : *solaire*.

CONJUGAISONS : verbe *connaître*

INDICATIF

Présent	*Imparfait*	*Passé simple*
Je connais	Je connaissais	Je connus
Tu connais	Tu connaissais	Tu connus
Il connait	Il connaissait	Il connut
Nous connaissons	Nous connaissions	Nous connûmes
Vous connaissez	Vous connaissiez	Vous connûtes
Ils connaissent	Ils connaissaient	Ils connûrent

Futur simple

Je connaîtrai	Nous connaîtrons
Tu connaîtras	Vous connaîtrez
Il connaîtra	Ils connaîtront

THÈME *Corrigé*

— Je vais en barque.
— Il va en bateau.
— Vous revenez du marché n'est-ce-pas ?
— Non, je reviens de l'école.
— Viens ici que je te parle.
Avez-vous envie de dormir ?
— Est-ce bien ce livre-ci ?
— Est-ce bien vous qui avez fait ce travail là ?
— Tu l'as battu n'est-ce pas ?
— Il ment, n'est-ce-pas ?

VERSION *Corrigée*.— Tôi nói với thầy tôi, người trông và nghe tôi. Ông nội tôi nghe tôi nói chuyện. — Thằng em tôi la và khóc to tiếng lắm. Bác (chú, cậu) tôi điec và câm. — Người ăn mày nầy đui, song đi một mình.

THÈME *à proposer*

— Mai nầy anh tôi đi Dalat.
— Ảnh sẽ mặc đồ mới và mang giày đẹp..
— Bác tôi nói tiếng Anh đúng lắm.
— Anh đã trông thấy người nào ?

—Anh có gặp người đó không ?
— Hồi hôm nầy tôi ngủ ngon.
— Mai nầy tôi phải thức dậy 6 giờ sáng.
— Cha anh có ho nhiều không ?
— Người hết ho rồi.
—Người trông khoẻ mạnh.

VERSION *à Proposer.* — Y-a-t-il beaucoup de malades et de blessés dans cet hôpital ? Chaque jour le docteur vient les examiner — Où avez-vous mal ? — Y-a--t-il longtemps que vous êtes malade ? — Je suis malade depuis trois mois — Quel docteur vous soigne ? — Le docteur m'a dit que je serai guéri dans huit jours.

VOCABULAIRE ET EXPRESSIONS.

BON : du bon bois (bonne qualité) : gỗ *tốt*.
du bon vin (bon goût) : rượu *ngon*.
un bon mot (intéressant) : tiếng *hay*.
la fleur sent bon : hoa *thơm*.
un bon ouvrier (habile) : { thợ *giỏi* / — *khéo*
un homme bon (doux) : người *lành*.
un bon ami : bạn *hiền*.

ĂN : ăn cơm : *manger* (*manger le riz*).
ăn lời : *gagner, retirer un bénéfice*, prendre un intérêt.
ăn lương : *avoir un traitement, une solde*
ăn tết : célébrer le jour de l'An
ăn chay : jeûner.
ăn tiệc : festoyer.
ăn người hay hơn người : surpasser les autres.
ăn mày : mendier.
ăn cắp : dérober.
ăn trộm : voler.
ăn bớt : distraire, dérober.
ăn cướp : pirater, voler avec violence.
ăn ở : se conduire, vivre.
ăn tham : gourmand, avide.
(mê ăn)
ăn gian : tricher.
ăn ngon miệng : manger avec appétit.

LỚP NHỨT VÀ BỔ TÚC BAN TIỂU-HỌC

ÁM TẢ.— *Những ích-lợi của sự học.*

Học là một sự có ích-lợi cho mình, bởi vì có đi học thì mới biết đọc, biết tính-toán.

Ấy chỉ nói những sự ịch-lợi trước mắt mà thôi, còn nhiều sự ích-lợi khác *quan-trọng* hơn nữa, như là có học thì mới biết vệ-sinh để giữ cho mình khỏe-mạnh, mới hiểu được việc canh-nông, công-nghệ và buôn bán thế nào là lợi, thế nào là hại. Đến những người đi làm thuê iàm mướn mà có học cũng không đến nỗi làm nghề hèn-hạ quá. Thế có phải sự học có ích-lợi cho mình về đường *thực dụng* biết là *đường-nào*.

Đi học lại có ích-lợi cho mình về đường tri-t ệ. Là vì có học thì mới hiểu các hiện-tượng ở trong trời đất, mới biết ngắm những *cảnh-tượng* đẹp-đẽ của tạo-hóa, có học mới biết xem những sách vở của thánh hiền. Nhờ có học cho nên mình mới được hưởng những cái thú-vị riêng nó làm cho trí-huệ của mình sáng sủa ra và tinh-tình của mình càng ngày càng *tao-nhã* hơn lên.

Sự học lại có ích cho mình về đường đạo-đức nữa. Là vì sự học có thể làm cho cái phẩm-giá của mình cao lên, làm cho mình biết ăn-ở theo đạo công-bằng, biết những cách làm lành, những điều *dung-thứ*, nói tóm lại là nhờ có học, người ta mới là « người » được.

Bởi chưng, người không có học thì dẫu có làm nên chức phận gì, hoặc là có nhiều của-cải đến đâu cũng vẫn là người *thô-lỗ*, *bỉ-tiện*, không đủ tư-cách là người hoàn-toàn được.

Trần-trọng-Kim

Câu hỏi — 1) Giải-nghĩa những chữ : *quan trọng*, *Thực-dụng*, *Tao-nhã*, *Thô lỗ*, *Bỉ-tiện*, *Tư-cách*.

2) Tìm những tiếng phản nghĩa với : *ích-lợi*, *quan-trọng tao-nhã*, *hèn-hạ* ; và những tiếng đồng-nghĩa với : *buôn-bán hoàn-toàn*.

Học tiếng

Học cấp : Thứ lớp của học-sinh trong nhà trường (degré d'enseignement.)

Học-chính : Việc hành-chính về giáo-dục (administration de l'enseignement.)

Học-đường : Học-hiệu (école)

Học-giả : Người nghiên-cứu học-vấn.

Học-lực : Sức học : Trình độ học-vấn của một người (capacité)

Học-phí : Tiền học (rétribution scolaire)

Học-sĩ : Người nghiên-cứu học-vấn. Cái danh-vị của người tốt nghiệp trường Đại học (licencié.)

Học-sinh : Học trò (élève, étudiant.)

Học-thuyết : Cái lý-thuyết của một nhà chủ trương trong học thuật (doctrine.)

Học-thức : Học-vấn và tri-thức (connaissances, le savoir).

Học-vấn : Công-phu học-hành.

Chữ khó viết

Ích (Lợi) hữu-ích, vô-ích, ích-kỷ.

Ít : Ít nhiều, bánh ít, chút-ít.

Lồ : lồ lang, ruồng lồ.

Lỗ ; lỗ mãng, lỗ mỗ, lỗ hang, giùi lỗ, lỗ đầu, lỗ lã, lời lỗ.

Trả lời câu hỏi bài ám-tả số XVI

Ngọc điểm vàng trau : Để chỉ một sự gì hoặc một vật gì thật đẹp đẽ như ngọc, quí như vàng,

Ngọc nát vàng rơi : Để chỉ một cái gì đẹp đẽ mà phải tan nát, để lại sự mến tiếc trong lòng người...

Tối tăm mày mặt : Bất cháng váng khi thấy một sự gì làm cho cam xúc quá mạnh (avoir le vertige).

2) *Rực rỡ* : Xán xa.

Lặng lẽ : Ồn ào.

3) Trong bài này, đại ý của tác giả là khuyên ta phải biết an phận thu-thường. Đừng tham lam những việc gì không thể làm được, vì có khi lại hại đến thân.

4) Bài này dạy ta không nên trông ngó cái vinh-hoa, cái phú quí của kẻ khác để than thân trách phận mình hoặc trách Thượng đế bất công.

Con người mà biết an phận thủ thường thì tấm lòng lúc giờ cũng vui vẻ, nhẹ hẳn buồn lo. Họ chỉ biết sống theo địa vị họ, hoàn cảnh họ mà thôi. Không một dục vọng gì, không một mong ước hão, mà sau sầu khổ vạn-vơ.

TÁC-VĂN.— Đầu đề : Thuật lại trận hỏa-hoạn đã xảy ra trong làng trò.

Bài làm : Ngày thứ năm nọ, lối 5 giờ chiều, ánh mặt trời hơi dịu, bớt nóng bức, tôi cùng em tôi được phép dắt nhau đi dạo chơi.

Vừa ra khỏi nhà, bỗng thấy đàng kia ngọn lửa đỏ vọt lên cao khỏi chót cây. Chúng tôi chưa có cảm-tưởng đó là cháy nhà ; song nghe vẳng vẳng tiếng kêu la cầu cứu, lại thêm mõ đánh thúc kêu người tiếp viện... Chừng ấy mới nhận định được là cháy nhà...

Chúng tôi liền chạy riết đến nơi. Dọc đường cũng gặp người ta chạy, kẻ trước người sau. Đến nơi cháy thì có người ta rất đông đảo: Kẻ lo chữa nhà, người lo dọn đồ ra... Không ai đứng yên một chỗ, mà cũng có ít người đàn-bà ngồi than khóc vì nhà cửa, của cải bị lửa thiêu. Gia-tài sản-vật bị tiêu tan theo ngọn khói, thành than, ra tro mạt !

Ngọn lửa càng lâu càng cháy lớn, lan ra ghê gớm bốc táp dử dội. Lại hồi đó có luồng gió chướng thổi mạnh, nên lửa cuồn cuộn liếm táp những nhà lân cận, guộn guộn đi nhưng con trốt. Tàn lửa bay tung lên mịt trời. Làm cho người ta sợ hãi hết sức !

Người thì vác gàu, kẻ xách thùng múc nước ao, nước giếng tát lên mái nhà. Họ lấy chiếu thấm nước đập lên mái nhà đang cháy đặng giập lửa cho tắt.

Người và lửa đấu chiến với nhau hơn nửa giờ, ngọn lửa mới hạ bớt lần lần.

Sau rốt ngọn lửa chịu thua mà đã thiêu hủy hết một dãy nhà 5 cái cận vách. Nhà lợp lá nên cháy mau, chỉ còn trơ trọi mấy hàng cột đen thành than, có cây còn ngún lửa, cây sập ngã đống. Có nhà thì đem đồ ra không kịp nên bị hư hại nhiều.

Thấy đó mà chạnh lòng thương xót mấy gia-đình vô phước : « Quơ củi một năm, thiêu trong một ngày » là đó. Biết bao công lao khó nhọc mới được cái nhà mà ở, sắm được đồ mà dùng, rày phải lấy trời làm màn che, lấy đất làm chiếu nệm, lại sống theo góc dầu bụi tre. Có nhà không còn que dữa ăn ! Rồi đây chỉ còn bộ đồ dính lưng !

Thấy đó mà răn mình phải cẩn thận trong việc bếp núp lửa củi, kẻo hư hỏng mà phải thiệt hại biết bao gia-đình, ở xóm nhà thưa thì ít hại hơn xóm nhà đông khít vách vì làm mồi thêm bồi cho ngọn lửa, nhứt là nhà lợp lá, lợp tranh.

P. K.

Đầu đề : Trò đi học xa, trò hãy viết thơ về cho cha mẹ hay rằng trò đã tựu trường thể nào và khởi sự học làm sao ? Trò hứa những gì với cha mẹ của trò ? Và trò sẽ làm gì để giữ những lời hứa ấy ?

TOÁN-PHÁP *(Giải-pháp 2 bài toán-đố trong tập XVI)*

I.— Diện-tích cái đường dài : $38,^{m}60 \times 2,^{m}20 = 84^{m^2}92$.
Diện-tích cái đường dọc : $(26^{m}50 - 2^{m}20) \times 2^{m}20 = 53^{m^2}46$.
Diện-tích 2 cái đường đọc : $53^{m^2}46 \times 2 = 191^{m^2}74$.
Tiền tráng xi-măng : $9\$50 \times 191^{m^2}74 = 1.821\$53$.

Trả lời : **1.821$53**

II.— Diện-tích miếng vườn : $35^{m} \times 18^{m} = 630^{m^2}$.
Diện-tích cái đường dài : $35^{m} \times 1,^{m}50 = 52^{m^2},50$.
Diện-tích cái đường dọc : $(18^{m} - 1,5) \times 1,^{m}50 = 14^{m^2},75$.
Diện-tích chung 2 cái đường : $52^{m^2},50 + 14^{m^2},75 = 67^{m^2},25$.
Diện-tích miếng đường còn lại : $630^{m^2} - 67^{m^2}25 = 562^{m^2}75$.

Trả lời : **$562^{m^2}75$** và **$67^{m^2}25$.**

I.— Tôi mua hai xấp hàng hết 540$. Xấp thứ nhứt dài hơn xấp thứ nhì 3 lần và mỗi thước giá là 50$. Giá mỗi thước trong xấp thứ nhì là 30$. Bề dài mỗi xấp hàng là bao nhiêu ?

II.— Chị nọ mua gà giò giá 11$50 một con và gà tây 25$ mỗi con. Gà giò nhiều hơn gà tây gấp bốn lần. Tiền mua cả thảy là 284$.

Hỏi gà mỗi thứ bao nhiêu ?

Dictée française. *Le Grillon*

Un pauvre petit grillon, caché dans l'herbe émaillée de fleurs, regardait un joli papillon qui voltigeait dans la prairie, son vol capricieux. Il aurait bien voulu lui ressembler. Il se trouvail laid et misérable.

Tout à coup arrive un joyeuse troupe d'enfants. Aucun d'eux ne vit l'humble grillon, mais tous se mirent à courir après le bel insecte. La chasse ne fut pas longue; la mort du papillon fut prompte, car chacun se le disputait. « Oh'. Oh!. dit le grillon, je ne regrette plus ma condition obscure ; il en coûte trop pour briller dans le monde.

Combien je vais aimer ma paisib e et profonde retraite ! Le véritable bonheur, je le vois, se rencontre plus aisément dans les situations modestes.

Questions.— 1) Expliquez : *l'herbe émaillée de fleurs ; situations modestes.*

2) Donnez le contraire des mots suivants : *leger, misérable, véritable, modestes.*

3) Conjuguez le verbe ***courir*** aux temps simples de l'Indicatif et au présent du subjonctif.

Réponses aux questions de la Dictée : AU MARCHÉ

1) Verbe *Gisaient* est à la troisième personne du pluriel parce qu'il s'accorde en nombre avec son sujet *qui* ayant pour antécédent volailles. Le verbe *criaient* est la 3è personne du pluriel parce qu'il s'accorde en nombre avec son sujet *elles* qui est à la 3è personne du pluriel. Le verbe *demeuraient* est à la 3è personne du pluriel parce qu'il s'accorde en nombre avec son sujet *qui*, ayant pour antécédent ceux, 3è personne du pluriel.

2) *L'œil écarlate*, l'œil tout rouge; le *visage impassible*: le visage montrant l'air de ne pas s'émouvoir des prix proposés, *rabais* : diminution du prix.

3) L'air sec : l'air humide; *un temps sec*: un temps pluvieux ; *du bois sec:* du bois vert; *du pain sec* : du sanwich ; *des jambes sèches* de jambes grasses.

Devoir corrigé du 1er exercice d'application

Je voudrair un métier qui *rénumère*, qui *rapporte*.

Je vois de ma place des nuages qui *couvrent* des arbres qui *jaunissent*. J'entends un automobiliste qui *klaxonne*, un coq qui *chante*, des plumes qui *frôlent*, des élèves qui *bavardent*, une mouche qui *bourdonne*.

RÉDACTION : Maman vous a acheté un imperméable. Décrivez - le et dites quels sont les sentiments qu'il vous inspire ?

Devoir corrigé : Développement.— « Qu'il est triste de regarder la pluie tomber, mais combien est plus triste de ne pouvoir sortir même sous le crachin ou sous l'averse. » ainsi je passais un soir de Septembre pluvieux. Ah ! que je voudrais avoir un imperméable bleu ! Je ne sais si Dieu m'entendait, mais Il exauçait mon

désir, car le lendemain de retour de sa course maman me fit une grande surprise. Elle me donna un paquet soigneusement ficelé, Je l'ouvris avec précaution et oh ! surprise j'avais devant moi l'imperméable de mes rêves.

La joie était grande et maman souriait de me voir heureux.

Il était de couleur bleu clair avec deux poches ainsi que de longues manches ; l'intérieur était fourré avec des peaux pour me protéger du froid. Je l'essayais sur le champ et comme il me seyait admirablement. Je le montrais à tout le monde et je poussais mon orgueil jusqu'à dire que personne au monde n'avait un plus beau.

Je remerciais Dieu d'avoir en la personne de ma mère exaucé mon plus grand désir.

Le soir allant à l'école, je pris la précaution de prendre mon imperméable, car la pluie menace, mais à ma grande déception il ne tomba aucune goutte. Toutefois je me consolais en voyant avec plaisir qu'aucun de mes camarades n'avait un imperméable comme le mien. Naturellement je fus l'admiration de tous. Ils me pressèrent de questions et à la fin excédé je leur répondis : « Allez acheter un pareil aux grands Magasins Charner. »

Georges Gélot

Rédaction.— *Sujet à proposer.*— **La rentrée des classes**

Plan

Introduction : L'arrivée des élèves et de leurs parents.

Corps du devoir ; L'attitude des anciens élèves et des nouveaux à la cour de récréation — en classe.

Conclusion: Quelles sont vos impressions ?

Devoirs à proposer. *Thème*.— Người ta làm việc ban ngày, phải ngủ. Những giấc-ngủ có ích lợi cho sức khoẻ. Nếu ta ngủ ích thì sẽ ốm. Khi mắc bệnh, ta phải mời ngay thầy thuốc. Bệnh không chữa ngay sẽ trở nên nặng. Bệnh dịch làm chết nhiều người. Bệnh thổ-tả là một bệnh truyền nhiễm. Ta phải sạch-sẽ để tránh những bệnh nguy-hiểm ấy.

Version — **La maison et sa distribution**

En ville, les maisons sont toutes construites en briques.A la campagne, il-y-a les maisons en chaume et en feuilles. A Hanoi on voit de nombrenses maisons hautes et larges. Dans le quartier enropéen il-y-a de luxueux bâtiments et de beaux hôtels. Le théâtre de la ville est un véritable palais.

Les matériaux servant à la construction des masions sont : la brique, la chaux, le mortier, le bois, le fer...,etc.....

Vocabulaire et expressions

Plus

— Càng ngày nó càng đau thêm : *Il va de plus en plus mal.*

— Càng học thêm anh càng thông thái hơn : *Plus vous étudierez plus vous serez savant.*

— Anh hãy ở lại thêm một giờ : *Restez une heure de plus.*

— Ông cho tôi thêm một đồng : *Donnez-moi une piastre de plus*

— Tôi chẳng chịu được nữa : *Je n'en puis plus.*

— Anh hãy đến sớm hơn một chút ; *Venez un peu plus tôt.*

Nói

Nói khéo : parler d'une manière adroite.
Nói khó : implorer.
Nói gượng : parler à contre-coeur.
Nói bóng : parler par allusions.
Nói ướm : sonder les intentions de quelqu'un, tâter quelqu'un.
Nói giễu : plaisanter.
Nói xằng : dire des bêtises.
Nói giềm : médire.
Nói phét : habler
Nói móc : blesser quelqu'un.

— Lòng lang dạ thú : cruel, féroce.
— Lòng ngay dạ thẳng : de bonne foi.
— Cầm lòng không đậu : être ému.
— Lòng chim dạ cá : infidèle.
— Lòng tơ vò rối : coeur troublé.

Đệ-nhứt và đệ-nhị niên

ÁM-TẢ

Hoa sen

Hoa sen có hai thứ : một thứ trắng, một thứ đỏ, nhưng hoa trắng có phần *thanh-tân khả-ái* hơn nhiều.

Hoa nở về mùa hạ, sắc hoa không *sặc-sỡ*, chỉ một màu *thanh-bạch* mà đủ làm cho tôn cái vẻ đẹp của hoa lên khác thường.

Lúc hoa còn búp thì hình tròn mà nhọn, trông như ngòi bút lông, viết *đại-tự* của nhà nho ta ; kịp đến lúc nở thì hoa mới thật đẹp làm sao ! Cành hoa *trăng-trắng* nằm trên tấm lá *xanh-xanh*, trên một cái cộng *mảnh-manh*, trong làn nước *biêng-biếc*, ánh *phản-chiếu* tận đáy hồ, *he-hé* ngỏ vừa thấy một cái nhị vàng *lấm-tấm*. Thật là :

« *Trong đầm, gì đẹp bằng sen ?* »

Hoa *sở-dĩ* qui là bởi cái *tính-chất đạm-bạc*, màu không *sặc-sỡ*, chỉ lạt mà giữ bền, mùi không *nồng-nàn*, chỉ *thoang-thoảng* mà thơm lâu và bởi cái *phẩm cách thanh-cao*, thân *sanh-trưởng* ở nơi *ô-trọc*, nhưng

« *Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn* »

Câu hỏi

1) *Giải-nghĩa* : thanh-tân, khả-ái, sặc-sỡ, thanh-bạch, búp, đại-tự, lấm-tấm, đầm, nồng-nàn, ô trọc.

2) Hoa sen đẹp nhờ gì ? qui tại sao ?

3) Tìm những tiếng phản-nghĩa với : khả-ái, sặc-sỡ, nồng-nàng, thanh-cao.

4) Phân-tách mệnh đề câu : cành hoa trăng-trắng nằm trên tấm lá xanh xanh..... nhị vàng lấm-tấm.

5) *Đại-ý* bài nầy nói gì ?

(Bài giải ở số tới).

VIỆT VĂN.— Đầu đề : Trò mới nhập trường Gia Long, học lớp đệ nhứt niên. Trò hảy viết thơ về cho cha mẹ của trò ở nhà quê và tả cảnh trường, đời sống và sự học của trò ra sao ?

THÈME à proposer.— *Đi máy bay*

Máy bay cứ bổng mãi lên trời, bay cao tít, hễ lên càng cao, thì trông xuống đất lại thấy rõ từng li từng tí. Con sông trông chỉ bằng một cái dây băng trắng, làng Strung-treng chẳng khác một đám tí-hon, người tựa kiến bò.

Lên càng cao gió càng lạnh. Rồi thấy rét : ấy là chúng tôi lên tới từng mây. Bây giờ quanh mình toàn những đám trắng như tuyết, khác nào như ở mặt bể có sống bạc vậy. Có lẽ chúng tôi lên cao đến hai nghìn thước ?

Nhưng máy bay vượt qua những đám mây nguy-hiểm ấy, lại trông ngay thấy mặt đất, xa lắm, không trông thấy người và nhà cửa nữa. chỉ có thể nhận được giải nước xanh xanh sông Cửu-long-giang. còn những cánh rừng như thể đồng cỏ vậy.

Diplôme d'études primaires supérieures indochinoises

(Session du 4 Septembre 1950)

DICTÉE VIETNAMIENNE ET QUESTIONS

TRÊN SÔNG MÉKONG

Đi trên sông Mékong mà tưởng là ở trong cái kinh cái lạch, không mấy lúc có cái cảm-giác là ở giữa chốn tràng giang. Vì trong khoảng từ Mỹ-tho lên Châu-đốc, trong sông đầy những cù-lao cùng bãi cát làm chật mất cả lòng sông. Tàu lại thường chạy len-lỏi ở trong kinh, trong vàm gần những nơi có dân-cư để đỗ khách, đón khách, không mấy khi ra đến mặt sông, nên không biết sông rộng chừng nào. Thỉnh thoảng tàu lại đậu vài ba phút, có khi đậu ngoài khơi, khách lên xuống phải thuê đò ngang để đáp tàu hay ghé bờ. Nhìn vào bờ thấy nhà cửa san-sát, phố-xá đông-đảo, thường những cây cối um-tùm che lấp, đứng ngoài xa trông không rõ. Có khi tưởng tàu ở trước cái bãi bỏ hoang, nhìn kỹ mới thấy có làng xóm ở trong đám cây đó. Coi đó thì biết cây cối trong nầy sầm-uất là chừng nào, chất đất mầu-mỡ là chừng nào.

Phạm-QUỲNH

Câu hỏi

1°) — Giải thích : tràng giang — đò ngang — san-sát — sầm-uất — *Bờ* và *bãi* khác nhau thế nào ? (8 điểm)

2°) — Kể những tiếng đồng nghĩa và phản nghĩa của : um-tùm, Mầu-mỡ. (4 điểm)

3·) — Nhặt những tiếng bổ-trợ-từ trong bài và cho biết công dụng của tiếng bổ-trợ-từ là thế nào ? (4 điểm)

4·) — Tóm-tắt đại-ý bài ám-tả. (4 điểm)

TRẢ LỜI

I.— Tràng-giang. — Viết gạch nối, phải viết Hoa vì là tên 1 con sông nước Tàu là sông Dương-Tử.

Tràng giang (không nên có gạch nối vì một tiếng là phẩm từ, một tiếng là danh-từ. *Tràng* (hay trường) là dài, *giang* là sông ; *tràng giang* là dòng *sông dài*, (chữ hán, theo mẹo thì phần thường là đặt phẩm từ trên danh từ : *tràng giang, đại hải*.

Đò ngang.— Chiếc ghe nhỏ chèo đưa khách từ bờ sông bên nây sang bên kia, *ngang* sông, trái với đò *dọc* là ghe thuyền có buồm chở đưa khách đi xa, dọc theo đường sông.

Vài câu thơ có những tiếng *tràng giang, đò ngang, đò dọc*.

Trông Nam Bắc Đông Tây mờ mịt,
Nhìn nước non xa tít mù xa ;
Tràng giang một dải lờ-đờ,
Bườm ai lơ-lửng như chờ gió xuôi. (Việt Thụ).
Đường về Thanh-Hóa bao xa ?
Bao giờ về nhớ rủ ta với, nàng !
Bảo rằng quan chẳng cho sang ?
Ai đời quan cấm *đò ngang* bao giờ !

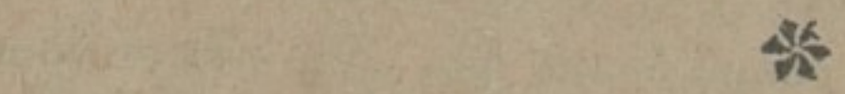

Không than sinh bất phùng thời.
Vuốt xuôi mái tóc, cả cười ta đi.
Bến trần từ đó sinh-ly !
Đôi con *đò dọc*, quản chi sông dài.

NGUYỄN-BÍNH

San-sát : đầy-giẫy, thành hàng nối tiếp liền nhau ; tiếng phẩm-từ *san-sát* chỉ dùng để tả về cảnh-tượng nhà cửa đông đúc như chen kẽ khít nhau.

Sầm-uất : *sầm* là núi cao, *uất* là cây cỏ xanh tốt (hán tự) ghép liền lại : *sầm-uất* nghĩa đen là núi cao rừng rậm ; ở đây có nghĩa bóng là *xanh tốt rậm rạp*.

Bờ và *bãi* khác nhau là vì bờ chỉ có nghĩa là hai bên gần khít cạnh : *bờ* sông, *bờ* đường ; chung quanh gần khít ; *bờ* ao, *bờ* hồ, *bờ* ruộng, *bờ* cỏ.

Còn *bãi* là khoảng rộng phẳng : *bãi* cỏ, *bãi* cát ; ở gần biển thấp lài-lài xuống nước : *bãi* biển.

LUẬN.— « Người quân-tử dè-dặt về lời nói và nhanh-nhẹn về việc làm ». Giảng nghĩa câu ấy và nói ý-kiến trò đối câu ấy thể nào ?

Bài làm

DÀN BÀI : I.— Nhập đề.

II.— Cắt nghĩa thế nào là dè-dặt về lời nói, thế nào là nhanh nhẹn về việc làm ?

III.— Người quân-tử là người thế nào ? Tại sao người quân-tử lại dè dặt về lời nói và nhanh-nhẹn về việc làm.

IV.— *Tỷ-dụ* : a) một chuyện gì không dè dặt về lời nói mà bị hại.

b) một chuyện nhanh-nhẹn về việc làm mà được toại-ý.

V.— Ý-kiến và kết-luận.

I.— Sách có câu : « *Quân-tử sỉ kỳ-ngôn nhi quá kỳ-hành* » nghĩa là người quân-tử lấy làm xấu hổ (mắc cở) về lời nói quá với việc làm. Tinh ra, lời nói và việc làm phải đi đôi với nhau : nói được thì phải làm được, đúng với câu : « *ngôn hành tương cố* » ; có như vậy, mới gây được tín phục, mới thành được người tín nghĩa, mới xứng đáng là người biết tự trọng, thì phải sao cho « *lời nói đi đôi với việc làm* », tất nhiên phải *dè-dặt lời nói*. Còn đã nói ra thì lại cần phải *nhanh-nhẹn về việc làm*, mới tránh được tiếng hứa suông hẹn hão, lừa-gạt, cho đến sau có làm cũng có khi mang tiếng là không thành-thực.

II.— a) *Thế nào là dè dặt về lời nói ?* Ấy là cẩn-thận không để sơ-suất, không cẩu-thả, biết giữ gìn lời nói ; ít nói, trước khi nói đã suy-nghĩ, cân nhắc kỹ điều mình muốn nói xem lợi hại thế nào ; nói ít hiểu nhiều, nói gần mà chỉ hiểu sâu-xa, đúng như câu : « *Ngôn cận chỉ viễn* », chớ không như thói thường của người đời hay nói nhiều nên thường vì nhiều lời mà phạm lỗi lầm, nhằm câu : « *Đa ngôn đa quá* » vậy. Muốn răn người nên ít nói, cổ-nhân đã có câu : « *Nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy* » là *một lời đã nói ra thì dẫu cho đến xe bốn ngựa cũng khó đuổi kịp* ; câu nói hùng hồn nầy muốn bảo ta rằng hãy nên coi chừng đó, chớ coi thường lời nói của mình vì đã nói ra thì không hối lại được nữa. Lại có câu : « *Thủ khẩu như bình* » là giữ miệng kín như miệng bình, cũng một nghĩa là nên cẩn-thận lời nói, như trên vậy.

b) *Thế nào là nhanh-nhẹn việc làm ?* Ấy là mau-mắn, sốt-sắng, nhậm lẹ đối với việc làm, chớ không để nay lần mai lữa, hứa rày hẹn mai, chậm chậm trì trì, dận dà, bơ-lửng, bê trễ, hay dả đò quên lãng, đúng như câu ca : « *Đánh trống bỏ dùi* » vậy.

III.— Đúng theo những nghĩa đã nói ra ở trên, nên người quân-tử hay dè-đặt lời nói ; bởi người quân-tử là người có tài đức xuất chúng, phẩm hạnh ngay thẳng, nhân cách hoàn-toàn thì một lời nói của người quân-tử phải là lời nói làm khuôn mẫu cho thiên-hạ. Lại có câu : *Quân-tử chi nói một lời, không hai (quân-tử nhất ngôn)* ; và câu : « *Lời nói của người quân-tử như dao chém đá* » là những câu rất hùng-hồn về sự người quân-tử dè-đặt về lời nói lắm vậy. Ngoài sự dè-đặt lời nói. Người quân-tử còn phải nhanh-nhẹn về việc làm, vì việc làm của người quân-tử cố nhiên bao giờ cũng là việc làm do thiện-ý minh-mẫn, tất phải hữu ích, việc làm giúp đời, cứu người ; nếu không phải là việc làm ích quốc lợi dân thì cũng là việc làm tốt làm nên cho người đúng với câu : « *Quân-tử thành nhân chi mỹ* » và câu : « *Thành nhơn thủ nghĩa* » vậy.

IV.— Về câu : « *Người quân-tử dè-đặt về lời nói và nhanh-nhẹn về việc làm* » đã xin giảng nghĩa ra trên được bấy nhiêu ý, dám tưởng cũng tạm đủ ; nay lại xin kể chuyện một người vô tình mà lầm-lỗi khuyết điểm vì không dè-đặt lời nói, và một người lanh trí sửa được điều lỗi do người kia, bằng cách nhanh-nhẹn về việc làm : ấy là chuyện ngày xưa vợ ông Tăng-Tử không muốn cho con theo mình đi chợ, mới bảo con rằng : « Con ở nhà rồi mẹ đi chợ về mẹ làm thịt lợn (heo) cho con ăn ». Bà đi chợ về thì thấy chồng đã trói sẵn con lợn để nằm ở cửa bếp, bèn nói rằng : « Mình tính làm thịt lợn đó sao, lúc nãy tôi nói dỗ con cho nó không đòi đi theo đó thôi chớ ! »

Kết quả là con lợn ấy bị làm thịt cho con Tăng-Tử ăn thật. Thế là vì không dè-đặt lời nói, mà nếu không có người chồng lanh trí biết sửa được kịp điều lỗi của bà bằng cách nhanh-nhẹn về việc làm « hy-sinh con lợn, thì vợ Tăng-Tử đã phạm vào điều làm gương xấu cho con bà nói dối, lừa gạt con, tức như dạy con nói dối, lừa gạt vậy » !

Đây chỉ là một chuyện thường thôi, chớ vì không dè-đặt về lời nói mà nguy-hại to, có khi đến thiệt-mạng thì xưa nay cũng chẳng thiếu gì, nào hiền đại-phu Tiết-Giả không biết dè-đặt lời nói, đi can kẻ hôn-quân Trần-linh-Công và trách Khổng-Ninh và Nghị-Hàng-Phủ xúi vua làm điều bất thiện : cả ba vua tôi này cùng tư thông với Hạ-Cơ làm mất thể-thống cả nước. Chỉ

biết can và trách mà không biết xét trước xem có nên can và chăng ? Lời can trách sẽ đem lại kết - quả gì ? Có hiệu lực chăng ? Không xét rõ tâm-lý hôn-quân và tà-thần nên không dè-dặt lời nói mà bị ám hại. Thật đáng thương thay ! Nào chuyện Tấn-Cảnh-Công lam trọng bịnh, một Tang-Môn đại vu không dè-dặt lời nói, cứ nói thẳng là vua sắp chết, đến nỗi bị khép tội rủa vua mà bị giết, còn nội thị Giang-Trung thì nằm mơ giữa ban ngày thấy cõng vua bay lên trời, cũng không biết dè-dặt lời nói, lại đi kể giấc mơ cho nhiều người nghe đến nỗi bị tuẫn-táng tức là chôn sống với đám táng nhà vua, Chuyện không dè-dặt lời nói đến bị hại nhiều lắm, kể sao cho xiết, nên câu chuyện đức Khổng-Tử vào miếu nước Lỗ thấy pho tượng vàng đã bị bịt miệng ba lần mà trên lưng có chữ viết : Lời nói nên giữ gìn thay ! nên giữ gìn thay ! là rất đúng vậy. Tức là câu :

« *Khổng-Tử nhập Lỗ-Quốc chi miếu, kiến kim yên nhân, tam giam kỳ khẩu nhi kỳ bối viết : ngôn, thận tai ! thận tai !*

V.— *Ý-kiến và kết-luận :* Thật vậy, dè-dặt về lời nói là điều rất nên cũng như nhanh-nhẹn về việc làm là điều rất cần, rất phải ; điều trên là để tránh sự không làm được mà cứ nói thì làm cho không ai tin, và lời nói còn là để bày tỏ ý tứ trong lòng mình nên người quân-tử ít muốn cho nhiều người biết ý-tứ lòng dạ mình, nên dè-dặt lời nói là rất hay vậy ; tức là : « *Ngôn vi tâm thanh* » vả lại, người đời có khi chỉ nghe một lời nói là biết rằng người khôn, tức là :« *Nhất ngôn dĩ vi trí* » thì lại càng nên dè-dặt về lời nói lắm vậy. Nếu vào trường-hợp cần phải nói thì cũng chỉ nên nói vừa đủ mà thôi ; còn điều dưới ; điều *nhanh-nhẹn về việc làm* là rất thích-hợp để thành việc cho kịp thời vậy. Tóm lại câu :« Người quân-tử dè-dặt về lời nói và nhanh-nhẹn về việc làm » là rất đúng, phải được coi là một câu răn đời rất có giá-trị nhứt là trong thời buổi loạn ly, quốc-gia đa sự này, lại càng quý giá hơn lúc nào hết, thì ta há chẳng nên lấy câu châm ngôn ấy của người quân-tử mà làm phương châm xử thế ru ? Vậy xin đem hai câu thơ cổ để chấm hết bài luận có màu sắc triết học nay :

Ấy là : *Phùng-nhân thỏa thuyết tam phân thoại,*
mạc khả toàn phao nhất phiến tâm.

Tạm dịch là : Gặp người chỉ nói ba phần,
Chớ nên tỏ hết nỗi gần nỗi xa.

PHẠM-CAO-TÙNG

Nhà sách, PH.-VĂN-TƯƠI, 16 Sabourain

Problème. — Un capital de 80.000$ est divisé en 2 parties placées à des taux différents. Le revenu annuel de la 1 ère partie est 1.050$ et celui de la 2ème, placée à 1% de plus, est 2.250$. Calculer les deux sommes placées et les taux.

Solution— Soient x et 80.000 — x les 2 sommes et soient y et y + 1 leur taux respectif, on a les 2 équations :

$$\frac{y \times x}{100} = 1050 \ (1)$$

$$\frac{(y+1)\ (80.000 - x)}{100} = 2250 \ (2)$$

(1) donc : $xy = 105.000$ (3)

(2) donc : $80.000\,y + 80.000 - xy - x = 225.000$ (4)

or $xy : 105.000$ et $x = \frac{105.000}{y}$

on a : $80.000y + 80.000 - 105.000 - \frac{105.000}{y} = 225.000$

ou $80\,y^2 - 250\,y - 105 = 0$

ou enfin : $16\,y^2 - 50y - 21 = 0$

$$y = \frac{25 + \sqrt{625 + 336}}{16} = \frac{25 \pm 31}{16}$$

$$y' = \frac{25+31}{16} = 3,5$$

y" = à rejeter.

Réponses { 1er taux 3,5% ; 2e taux 4,5%

1er C. $= \frac{105.000}{3,5} = 30.000\$$

2e C. $= 80.000 - 30.000 = 50.000\$$

LEÇONS PARTICULIÈRES
ANGLAIS-FRANÇAIS-SCIENCES-MATHÉMATIQUES
Classes secondaires & P.S. Préparation intensive aux divers examens. Méthode classique — Auditions disques — Linguaphone Assimil.
S'adresser: TRI-DUC
226, Lagrandière -:- Saigon

BACCALAUREAT

(1ère Partie — Série Moderne — Session Juillet 1950)

3ème SUJET de FRANÇAIS: Expliquer cette opinion de Michelet:

« *Puisque tout doit mourir, commençons par aimer les morts : ignorer l'histoire, c'est rester à jamais enfant* ».

DIRECTIVES.1.— Cegenre de sujets ne devraitpas êtretraité, comme si c'était un proverbe, une maxime, ou une pensée de Corneille à caractère général, telle celle-ci : « A vaincre sans péril, on triomphe sans gloire ». C'est-à-dire en faisant appel uniquement à l'expérience de la vie, en se référant à la valeur, au sens des mots.

Quand Michelet formule son opinion sur l'intérêt de l'histoire, il fait plus que d'exprimer une vérité générale, manifestation a priori de sa pensée ; il traduit, au contraire, en maxime ce qu'il a senti. vécu, souffert, avant d'en constater les résultats féconds.

2.— Il faudrait relire la préface de 1869 de l'Histoire de France de Michelet, suivre Michelet dans ses confidences sur l'élaboration lente, laborieuse durant quarante ans, d'une œuvre qui faisait sa gloire ; dans son amour et son enthousiasme pour cette œuvre ; dans ses visions exaltées bien plus propres à un poète romantique qu'à un historien. On s'apercevra que l'amour des morts chez Michelet a un sens spécial, spécifique ; que la première partie de son opinion sur l'intérêt de l'histoire a été bien loin d'être une manière de boutade à l'adresse d'un Lamartine ou d'un Victor Hugo ; qu'elle était une profession de foi, l'expression la plus pure d'une forme d'idéal, le contenu et la consolation de presque toute une existence.

Et après avoir passé quarante ans de son existence à retrouver « la vie de sa chère et grande France », de tous les morts qu'il aime parce qu'ils l'ont honorée, Michelet pleure de la quitter, de les quitter : « Eh bien ! ma grande France, s'il a fallu, pour retrouver ta vie, qu'un homme se donnât, passât et repassât tant de fois le fleuve des morts, il s'en console, te remercie encore. Et son plus grand chagrin, c'est qu'il faut te quitter. « Nous en étions en 1869. »

3.— Michelet identifie, dans son Histoire de France, la cause de la science et de l'histoire, à la cause de la France, de la Patrie. L'Histoire de France de Michelet est un monument élevé à la France dans un élan d ardeur patriotique, bien plus qu'un monument en hommage à la science pour illustrer une nouvelle doctrine d'histoire ; un instrument de propagande inconsciente pour amener les jeunes générations à sortir « de l'enfance », à ne plus « rester enfant », à aimer la France, à tirer de cet amour des forces nouvelles... plutôt qu'une œuvre didactique banale, composée à l'intention de tout le monde.

Michelet parle avec attendrissement, avec une profonde vénération, de Jeanne d'Arc, « dernière figure du passé, mais la première du temps moderne, et en laquelle apparut déjà la Patrie », il voit en elle le réveil du patriotisme français, et son amour pour les morts *se teint étrangement d'une subjectivité toute nationale.*

4.— Michelet est l'œuvre de son œuvre. En connaissant, en découvrant la France, en l'aimant, il n'est plus l'enfant qu'il était quand il l'ignorait, il y a gagné force et lumière, ardeur et puissance... « C'est que l'histoire, dit Michelet, dans le progrès du temps, fait l'historien, bien plus qu'elle n'est faite par lui. Mon livre m'a créé. C'est moi qui fus son oeuvre. Ce fils a fait son père. S'il est sorti de moi d'abord, de mon orage (trouble encore) de ma jeunesse, il m'a rendu bien plus en force et en lumière, même en chaleur féconde, en puissance réelle de ressusciter le passé ».

En aimant la France et ses morts, Michelet a donc gagné suffisamment de force pour persévérer pendant quarante ans devant sa table de travail, où le lendemain d'une nuit épuisante de labeur et d'étude, il se retrouvait toujours « fort de la vie puissante et de la jeunesse éternelle de la France ». Suffisamment de lumière pour pénétrer les mystères de la France, qui, « par son progrès propre, va transformant tous ses éléments bruts » en vertu du principe semi-biologique du « travail de soi sur soi », présidant à cette transformation. Suffisamment de chaleur, d'enthousiasme, pour affronter « ce long cours de misère, de cruelle aventure, de cent choses morbides et fatales», avant de retrouver la vraie figure de la France. Enfin suffisamment de puissance pour opérer sa « résurrection intégrale »,

5.— Michelet s'est fait de l'histoire une conception taillée sur le patron de sa sensibilité et de son patriotisme. Pas uniquement d'histoire des princes, des diplomates, et des conquérants de la terre, de leur fortune et de leur vie. Pas de tableaux chronologiques ou synchroniques. Mais la résurrection intégrale du passé, par laquelle il fait revivre le spectre des siècles révolus de la France, en l'animant du souffle de leur vie trépidante ; par laquelle les générations présentes communient avec les générations passées dans une meme ferveur patriotique, les aiment, cessent d'être de grands enfants, deviennent des citoyens, des héros, des sages...

PLAN PROPOSÉ. **Introduction.**— Michelet a une manière particulière de concevoir l'intérêt de l'histoire.

Cet intérêt est d'ordre psychologique et moral. Il est empreint d'un certain mysticisme tout romantique, où domine la forme la plus haute de l'amour, à savoir, l'amour de la Patrie.

1.— L'opinion de Michelet en elle-même.— 1°) L'intérêt de l'histoire consiste dans l'amour que nous éprouvons pour les morts, c'est-à-dire dans notre ardeur à les connaitre, à connaitre leur vie, leur manière de penser et de sentir, leurs vertus comme leurs erreurs, leur grandeur comme leur misère.

Cet intérêt apparaît à Michelet comme dans un moment de grand désarroi de sa conscience devant la vanité des choses et des biens de ce monde : puisque tout en ce monde est destiné à disparaître, la tendresse d'Elvire de Lamartine aussi bien que la belle et grande passion d'Olympio de Victor Hugo, il reste cependant à Michelet, à l'homme en général, quelque chose de solide, de suffisamment digne d'amour, à savoir, le souvenir des morts, des héros, des sages, de tous les artisans de la vie nationale qui, à des titres divers, chacun dans sa sphère, avaient contribué à la grandeur et à la gloire de la Patrie, à la sauvegarde de son indépendance et de sa liberté.

2°) Cet amour que nous éprouvons pour les générations passées, pour nos ancêtres, constitue tout l'intérêt de l'histoire, car, en aimant nos morts, nous sortirons de « l'enfance », nous ne resterons plus enfants, nous atteindrons à l'âge viril, nous

nous formerons un idéal de vie à la mesure de nos sentiments : sentiment de nous rendre dignes de nos aïeux, sentiment d'émulation dans le sens de la grandeur et de la gloire de notre Patrie, sentiment de sacrifice et d'abnégation... Nous nous conduirons en homme, et, par dessus l'homme, en citoyen.

II. — **L'opinion de Michelet par rapport à sa vie et à son œuvre.**— L'opinion de Michelet traduit en maxime ce qu'il a senti, vécu, souffert, avant d'en constater les heureux résultats :

a) Quarante ans de labeur, d'études, de souffrances pour chercher les raisons d'aimer les morts, d'aimer la France, pour retrouver sa vie dans une résurrection intégrale du passé.

Mais aussi quarante ans d'enthousiasme et de bonheur et d'amour pendant lesquels Michelet « a vécu de la grande âme de la France », « fort de la vie puissante et de la jeunesse éternelle de sa Patrie », en échange de tous les biens de la terre éphémères et vains ; quarante ans « où il a passé à côté du monde, prenant l'histoire pour la vie ».

b) Quarante ans au cours desquels Michelet s'apercevait qu'il etait créé à son tour, par sa propre oeuvre, par son propre livre. Son « Histoire de France » « l'a rendu, dit-il, bien en force et en lumière, même en chaleur féconde, en puissance réelle de ressusciter le passé », de faire revivre les morts, héros et sages, nobles et manants, pour les aimer chaque jour davantage, pour ne plus rester à jamais comme cet enfant vivant une vie égoïste, sans idéal, ignorant sa propre destinée et la destinée de la Patrie...

III.— **Conclusion.**— Michelet, pour avoir traversé la période romantique toute saturée de sensibilité et d'idéal, à ainsi, lui-même, payé son tribut aux besoins nouveaux de la pensée et du coeur. Nous en recevons des reflets saisissants dans son opinion sur l'intérêt de l'histoire dont il a identifié la cause à la cause sacrée de la Patrie.

Le professeur VÕ-VĂN-LÚA

Dịch Pháp - văn

(của giáo-sư VŨ-HỮU-TIỀM)

Souvenirs de rentrée

Je vais vous dire ce que me rappellent, tous les ans, le ciel agité de l'automne, les feuilles qui jaunissent dans les arbres qui frissonnent ; je vais vous dire ce que je vois quand je traverse le Luxembourg dans les premiers jours d'Octobre, alors qu'il est un peu triste et plus beau que jamais ; car c'est le temps où les feuilles tombent une à une sur les blanches épaules des statues. Ce que je vois alors dans ce jardin, c'est un petit bonhomme que les mains dans les poches et sa gibecière au dos, s'en va au collège en sautillant comme un moineau. Ma pensée seule le voit ; car ce petit bonhomme est une ombre, c'est l'ombre du moi que j'étais il y a vingt cinq ans.

Vraiment, il m'intéresse, ce petit ; quand il existait, je ne me souciais guère de lui ; mais, maintenant qn'il n'est plus, je l'aime bien.

Il valait mieux, en somme, que les autres *moi* que j'ai eus après avoir perdu celui-là. Il était bien étourdi ; mais il n'était pas méchant et je dois lui rendre cette justice qu'il ne m'a pas laissé un seul mauvais souvenir ; c'est un innocent que j'ai perdu : il est bien naturel que je le regrette ; il est bien naturel que je le voie en pensée et que mon esprit s'amuse à ranimer son souvenir.

Nhớ lại ngày tựu-trường

Tôi sẽ kể cho các bạn nghe những điều nhắc tôi nhớ lại, năm nào cũng vậy, cảnh trời buồn mùa thu, mây kéo, lá vàng úa trên cây rung rinh ; tôi sẽ kể cho các bạn nghe chuyện tôi đi ngang vườn Luxembourg, tôi đã trông thấy cảnh vật nào về những ngày đầu mùa thu, đầu tháng mười, bây giờ cảnh hiu buồn mà tuyệt đẹp ; ấy là mùa lá cây rơi lác đác xuống những vai phủ tuyết trắng của những pho tượng. Tôi đã thấy gì ở trong vườn đó, ấy là một cậu bé tay thủ túi, cắp sách trên lưng, đi tới trường, vừa đi vừa nhảy nhót như như một con chim sẻ. Chỉ trong trí tưởng tôi là thấy được cậu ta, vì cậu ta là một hình bóng ấy lại chính là hình bóng của tôi hai mười lăm năm về trước.

Thật là cậu bé ấy bây giờ làm cho tôi thích lắm : Khi thời còn cậu, tôi không hề quan tâm gì đến cậu, nhưng bây giờ tôi mới biết yêu mến cậu thì hình bóng cậu đã chẳng còn tìm đâu cho thấy nữa.

Tuổi ấu thơ trôi mất, tôi đã trải qua nhiều giai đoạn và biến đổi theo thời gian, mới nhận biết rằng thời thơ ấu là đáng quí hơn cả. Cậu bé hồi đó tính nghịch lắm nhưng không độc ác, và tôi phải công bằng mà nhìn nhận rằng cậu bé ấy đã chẳng hề để lại cho tôi một kỷ niệm xấu xa nào ; cậu là một bé thơ ngây đã biến mất trong con người tôi thì tôi tiếc cậu là lẽ tự-nhiên lắm, và lẽ rất tự-nhiên là tôi còn thấy cậu trong tâm tưởng và sống lại kỷ niệm của cậu, thì lòng dạ của tôi phải bồi hồi.

Il y a vingt cinq ans, à pareille époque, il traversait avant huit heure, ce beau jardin pour aller en classe. Il avait le cœur un peu serré : c'était la rentrée.

Souriant, il trottait, ses livres sur son dos, sa toupie dans sa poche. L'idée de revoir ses camarades lui remettait de la joie au cœur. Il avait tant de choses à dire et à entendre !

Il se sentait tout léger à la pensée de revoir Fontanet. C'est ainsi qu'il traversait le Luxembourg dans l'air frais du matin.

Tout ce qu'il voyait alors, je le vois aujourd'hui. C'est le même ciel et la même terre ; les choses ont leur âme d'autrefois, leur âme qui m'égaye et m'attriste et me trouble ; lui seul n'est plus.

C'est pourquoi, à mesure que je vieillis, je m'intéresse de plus en plus à la rentrée des classes.

ANATOLE FRANCE

Le livre de mon Ami
Calmann-Lévy, édit.

Đã hai mươi lăm năm rồi, ngày xưa cũng về độ này, một buổi sáng gần tám giờ, cậu đi qua trong cái vườn xinh đẹp ấy để đến lớp học. Trong lòng cậu hơi se lại vì là một buổi sáng tựu trường.

Tuy thế, cậu bé cứ nhảy nhót, với cặp sách trên lưng và con vụ trong túi. Nghĩ đến cuộc tái ngộ bạn bè thì nỗi vui mừng lại tràn ngập, chứa chan trong lòng cậu. Cậu có biết bao nhiêu chuyện vui muốn kể cho bạn nghe và cũng sẽ được bạn kể cho mình biết bao nhiêu chuyện thú.

Nghĩ đến lúc được gặp nhau với bạn Fontanet, cậu thấy lòng mình khoan khoái quá. Như vậy là cậu đi ngang trong vườn Luxembourg, vào một buổi sáng mát trời.

Độ ấy cậu thấy cảnh vật thế nào bây giờ tôi cũng còn thấy như thế, vẫn trời ấy, vẫn đất ấy, cảnh vật vẫn còn phảng-phất hồn xưa, hồn cảnh vật làm cho tôi thú vị, làm cho tôi bôn chôn xao xuyến : duy bóng hình cậu là đã biệt tăm.

Vì vậy cho nên, càng trở về già, tôi càng để tâm nhớ đến buổi tựu trường.

Tiểu-sử tác giả

Cụ *Anatole France* sinh năm 1844 ở Paris, mất năm 1925. Ấy là một đại văn sĩ của thế-kỷ này, có chân trong hàn lâm viện.

Ông A. Brisson, chủ bút tạp chí Annales politiques et littéraires, nhân lễ thọ bát tuần của A. France, đã ca tụng cái sự nghiệp của cụ trong văn giới, có đoạn rất hay rằng :

Cụ A. France xét người không lầm, nào là ích-kỷ, khoe-khoang, bo-bo vụ lợi, nô lệ cho dục tình, toàn là thói xấu chung của loài người, không mấy ai tự phụ là thoát khỏi. Cụ quan sát kỹ càng những cuộc sinh hoạt của các dân tộc tự phụ là văn minh, kỳ thực vẫn dã-man, vẫn dùng đến cách lưu-huyết để tranh bá đồ vương.

Tác phẩm của cụ rất nhiều, đặc sắc nhứt là : Le livre de mon ami, le lys rouge, La vie littéraire, Les dieux ont soif, La révolte des Anges v.v...

Kinh-tế chánh-trị

Cô TÂN-HUỲNH-HOA — *Chợ-lớn*

(Tiếp theo)

Cách thử giấy bạc coi thiệt hay giả·
(Giấy kim-bản vị. Etalon or).
(1.5-20. 100 đông vàng)

Tỉ như giấy đó có con số sau nầy : 59.678.084
084 D.2388

Phải biết série D đứng về hạn mấy.

A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M
25	24	23	22	21	20	19	18	17	16	15	4	13
N	O	P	Q	R	S	T	U	V	X	Y	Z	W
12	11	10	9	8	7	6	5	4	3	2	1	—

Số D.2388 in ra 25 chữ alphabets.

2.388×25= 59.700
Trừ lại số thứ tự D 22
Còn lại 59.678
Nối đuôi số lẽ 084
59.678.084

Lưu ý.— Nếu kỳ nào có thêm série W thì chạy hết 1 số đơn-vị (1 unité).

Người ta cho rằng học kinh-tế chánh trị là điên thì phải
Hồi ở nơi trường mình gọi 80 % : tám chục phần trăm (quatre-vingt pour cent) có đứa dốt lại nói : cent pour quatre-vingt, mình cho nó la điên.

Nay người ta sửa lại y như vậy : cent pour quatre-vingt, mà nào có điên bao giờ.

Nghĩa là : lúc trước có nhiều món hàng ngoại-quốc phải đóng thuế nhập-cãng mỗi 100$ hàng hóa thì đóng 80$ bạc thuế. Nay người ta không tăng sắc thuế len mà đổi n ược lại 100/80 (cent pour 80) nghĩa là 100$ bạc thuế đối với 88$ bạc hàng hóa, coi cái nào có lợi hơn !

Là một khoa khó nhứt, lại còn bị người ta dấu nghề thì càng khó hơn nữa.

Bài toán K.T.C.T. thường đi ngược hơn lúc ở nơi trường ; có khi tính lời thành ra lỗ, lại có khi tính lỗ ra lời.

Đây là cách tính mua bán phố xá (valeur d'immeubles).

1er exemple.— Ba căn phố lầu (1 tầng) tại đường Gaudot, Chợ-lớn, bề ngang mỗi căng 4 thước, bề sâu 9 thước, cất bít-ton (béton armé) được 15 năm, mỗi căng cho mướn hằng tháng 600$, (phố buôn bán) (d'usage commercial) chung quanh không có dư đất.

Ra giá bán 600.000$. Nên mua cùng chăng ?

Solution. Diện-tích : (4×9)×3 108m².

Đường Gaudot thuộc về 1ère zône.. Giá nhà nước (thí dụ) 50$ một m².

108m²×50$ ..... 5.400$.

Tiền phố mỗi tháng : 600$×3 = 1.800$.

— id mỗi năm 1.800$×10 = 18.000$.

(Mỗi năm tính 10 tháng, còn 2 tháng để tu bổ).

Phố cất 15 năm.

Còn 25 năm nữa sẽ hư : 18.000$×25 = 450.000

Cọng 455.400

Theo chúng ta hễ mua thì lỗ ; còn kẻ mua bán phố thì lời. Họ tính như vầy :

Phố buôn bán, mỗi căng tửng lại 200.000$

200.000$×3 = ... 600.000$

Phố lên giá 800$×3×10×25 = ... 600.000

1.200.000

1.200.000$ — 600.000$ = Lời 600.000$.

Lưu ý.— Phố béton dự định 40 năm hư.

Phố vách gạch 30 năm hư.

Phố vách ván lợp ngói — 15 — id —

Xin sửa chỗ sái trong tập XVI : **Tiền lời 50.000$. nằm trong Băng 9 ngày là : $\frac{3\times9\times50.000\times}{100\times365}$ = 36$.98**

Ca-dao toán học

ĐÀO-TRỌNG-ĐỦ

Kỉ-phần muốn đọc
Thủ đọc trước thân.
Giữa đệm chữ phần.
Như ba phần bẩy.
Nhưng ta nhận thấy.
Có mấy danh-từ.

Chữ nửa chữ tư.
Cũng như chữ góc.
Đều sai cách đọc.
Qui tắc nói trên.
Dùng Việt-ngữ nên,
Các em hiểu hết.

Tiếng Pháp có tinh thần riêng của tiếng Pháp, Tiếng ta có tinh thần riêng của tiếng ta. Cho nên :

Muốn đọc một fraction, người Pháp bắt đầu đọc numérateur, rồi đọc dénominateur, sau cùng thêm vần *ième*. Ví dụ chia làm bảy lấy ba phần, người Pháp nói là trois-septièmes.

Muốn đọc một kỉ-phần, người Việt-nam bắt đầu đọc số thủ, rồi đến chữ *phần*, sau cùng mới đọc số thân. Ví dụ ba phần bảy : đệm chữ phần vào giữa hai chữ ba bảy.

Tiếng Pháp có ba lệ-ngoại, là :

— theo lệ là deuxième, nhưng phải nói là demi.

— theo lệ là troisième, nhưng phải nói là tiers.

— theo lệ là quatrième, nhưng phải nói là quart.

Tiếng Việt có hai lệ-ngoại, là :

một phần hai, ta gọi là một nửa.

— một phần bốn, có khi gọi là một phần tư, hay là một góc.

Thân là số 3 thì áp-dụng qui-tắc thông thường, vì việt-ngữ không có tiếng riêng : ta nói một phần ba, cũng như nói một phần năm, một phần bảy v. v.

Xét về cách đọc kỉ-phần, ta nhận thấy danh từ này rất hợp với tinh-thần Việt-ngữ cũng như hai chữ phân-số, rất hợp với tinh-thần tiếng Trung-hoa.

Việt-nam ta nói hai phần ba, năm phần bảy, thí dụ nào cũng có chữ phần, cho nên những số ấy ta gọi là kỉ-phần. Người Trung-hoa thì nói tứ phân chi nhất, bách phân chi nhất, thí-dụ nào cũng có chữ phân, cho nên những số ấy người Trung-hoa gọi là phân-số.

Chú điều. — Dùng chữ *chia* thay cho chữ *phần* cũng được, nhất là khi nào số thân hơi lớn. Ví-dụ.

$\frac{53}{214}$ đọc là 53 phần 214, hay đọc là 53 chia cho 214 cũng được.

HỌC THÊM PHÁP-NGỮ. — *Chú-điều* = Remarque, là những điều ta nên chú-ý đến. — *Qui-tắc* = Règle, cái mà ta phải áp-dụng, phải theo để làm một bài tính gì. — *Lệ-ngoại* = Exception, ra ngoài lệ thường, trái với lệ thường.

Kỉ-phần muốn viết.
Thủ viết trên thân.
Trên dưới hai phần.
Giữa ngang một cái.
Công thầy giảng-giải.
Em phải chuyên-cần.

Muốn viết kỉ-phần, phải viết số thủ trên số thân, và gạch nét ngang ở giữa cho phân-biệt bậc trên bậc dưới. Ví-dụ ba phần bảy, viết là :

$$\frac{3}{7}$$

Khi nào không cần làm tính, ta có thể gạch một đường tréo cho mau. Ví-dụ hai thước vải và một phần ba, ta viết :

$$2\ 1/3$$

Đường ngăn hai bậc không bắt-buộc phải gạch ngang.

HỌC THÊM PHÁP-NGỮ. — *Bậc trên bậc dưới* = Les deux termes de la fraction. — *Bậc trên* = Numérateur. — *Bậc dưới* = Dénominateur.

Tinh hoa văn học

(Tiếp theo)

Chuyện Mặc-tử ngăn Sở đánh Tống

Có một lần Mặc-tử đang ở nước Tề, nghe tin Công-du-Ban nước Sở chế tạo một thứ thang mây (thang nầy dựa vào mây mà đứng, dùng để dòm ngó trong thành quân-giặc) dự-bị đánh nước Tống.

Ông ta lập tức khởi trình, đi luôn 10 ngày 10 đêm, da chơn bị nứt nở ra, bèn xé thân áo để buộc chân lại, rồi lại chạy đi. Lúc đến nước Sở thì nói với Công-du-Ban rằng : » Tôi từ phương Bắc, nghe tin ông làm ra thứ thang mây, sửa soạn đánh nước Tống. Vậy nước Tống có tội gì ? Nước Tống vô tội mà đánh nó thì sao gọi là nhân ? » Rồi Mặc-tử ra mắt vua Huệ-Vương nước Sở mà nói rằng : « Nay ở đây có người nhà có xe hiên-văn, thấy láng giềng có cái xe hư thì muốn lấy trộm ; nhà có đồ gấm vóc, thấy láng giềng có cái áo cụt thì muốn cướp lấy ; nhà có thịt mỡ, nghe láng giềng có tấm cám thì muốn đến giựt : như thế là người thể nào ?»

Vua Huệ-Vương nói : « Ấy là vì tật ăn trộm vậy », Mặc-tử thưa rằng : « Đất-Kinh (nước Sở) vuông 5 ngàn dặm, đất Tống vuông 5 trăm dặm, cũng như xe hiên-văn với xe hư nát. Sở có đất Vân-mộng, dê, tượng, hưu, nai, đầy dẫy ; tôm, cá, rùa trạt sông Giang Hán, giàu hơn thiên hạ ; còn đất nước Tống không có thỏ trị hồ ly, cũng ví như thịt mỡ với tấm cám vậy. Đất Kinh có cây tùng dài, cây tử lớn, danh mộc đầy rừng : còn Tống không có cây cao, cũng như gấm vóc đối với áo cụt vậy ; nên tôi lấy 3 điều trên đây tỷ như chuyện đánh nước Tống cũng đồng một loại như thế. Tôi thấy rằng Đại-Vương làm chuyện thương nghĩa mà không xong...

Huệ-Vương nói : « Hay lắm ! Dầu vậy Công-Du-Ban vì ta mà làm ra thứ thang mây, ắt là lấy được nước Tống ».

Mặc-tử trở lại ra mắt Công-du-Ban. Ngài cởi giải đeo ra làm thành, lấy lá điệp làm đồ đánh thành. Công-du-Ban bày ra bao nhiêu phương lược để tấn công thành, đều bị Mặc tử phá hết.

Vua Sở không thể làm sao với ông ta, nên phải thủ tiêu chủ ý đánh nước Tống.

(Còn nữa)

Có một bộ Cần Học tức là có một Giáo-sư chân-chánh trong nhà.

DƯỢC-TÁNH TRÍCH-YẾU

(Tiếp theo số 6)

THUỐC BỔ **ẮC-TI-TO-NIC** **(Actitonic)**

TRÌNH BÀY : thuốc nước để uống, đựng tron ống (ampoules)

HỢP CHẤT : nước trong gan tươi ép ra, rượu 96 độ, nước lọc cất ra, tryptophane gauche, monochlorhydrate d'histidine G. Bichlorhydrate de lysine droite.

CHỦ TRỊ : thuốc uống để lấy lại sức *(thuốc bổ)* chữa bịnh mất máu, thiếu máu nhiều.

CÁCH DÙNG : *mỗi ngày*, trẻ con *trên 6 tuổi*, uống 1 ống. Người lớn : 2 hay 3 ống. Hòa trong một chút nước và uống trước bữa ăn.

THUỐC BỔ **A-ĐÉ-CAN** **(Adécal)**

TRÌNH BÀY và hợp chất : những bọc nhện sanh tố A, sanh tố D, muối can-xium *(cachets vitamine A, vitamine D, Sels de Calcium)*.

CHỦ TRỊ : èo-ọt, đẹn. chậm lớn, bạc nhược ; uống dưỡng sức khi mới khỏi bịnh, hay giúp cho mau lớn, đàn-bà nên uống khi có thai, khi cho con bú để lấy sức, chữa cho khỏi yếu ớt ; tạng ẻo lả, chữa sâu răng, gẫy xương Ho lao, sắp ho lao uống đều tốt cả.

CÁCH DÙNG : tùy theo lớn nhỏ mà uống từ 1 đến 3 bọc mỗi ngày. Hài nhi *(trẻ mới sanh)* hòa trong ve sữa *(bóc bỏ bọc nhện thuốc ra đổ vào sữa, lắc đều cho tan)*.

THUỐC BỔ **ĂC TI-VA-RÔN** **(Activarol)**

TRÌNH BÀY : Thuốc nước đựng trong ống — hộp nhỏ đựng 8 ống — hộp lớn 24 ống.

HỢP CHẤT : ép gan ra lấy nước, pha rượu, làm cho ăn mau tiêu hóa và biến chuyển gân cốt.

CHỦ TRỊ : Mọi khi suy - nhược trong thân - thể, hay tinh-thần ; đau mới mạnh, lao-lực, thần kinh suy - nhược y. v.

CÁCH DÙNG : người lớn, uống *mỗi ngày* 2 hay 3 ống, *trẻ em* trên 6 tuổi *mỗi ngày* 1 ống,

— Đổ ra trong ly có chút nước rồi uống trong bữa ăn.

RƯƠNG VÀNG CỦA CON TÔI

Tác giả : **Ông N. Trương-vĩnh-Tống**

CHƯƠNG THỨ I

ĐẠO THỜ CHA MẸ *(Tiếp theo)*

Sau đến ngày kị (tiếng tục Việt-nam ta kêu là ngày giỗ), là hằng năm nhằm ngày cha mẹ lâm chung thuở trước. Kị là kiêng cữ, nghĩa là kẻ làm con nhằm ngày ấy thì nhớ đến cái tình-cảnh cha mẹ lúc thác mà mủi lòng, nên kiêng-cữ hết thảy các sự ăn chơi.

Về luật-phép của nhà nước, thì tại nước Trung-Hoa nhằm đời Lục-Triều có lệ cho các quan xin phép nghỉ trong các ngày kị, triều Nguyên-phong đời Tống cũng có lệ chuẩn cho các quan được phép nghỉ làm việc trong ngày kị riêng cha mẹ hay ông bà.

Coi vậy thì thấy tự Triều-đình cũng thể-tất tấm lòng làm con cho kẻ làm tôi, vì « *Người quân-tử cái tang trọn đời* », như câu trong Lễ-Ký đã dẫn trên đây, tức là ngày kị vậy.

Sau nữa đến các ngày Tết, ngày chạp, đều có lễ-tục cúng-vái cầu nguyện Tổ-Tiên, ông bà, cha mẹ, cũng là nghĩa phụng-thờ người thác, thì đều nên ngụ ý kinh-thành.

Còn như những việc : giỗ, chạp, tết nhứt nầy, cúng-vái thể nào, cầu nguyện thể nào, tại đây cũng chẳng kể làm chi, vì cũng có đủ ở sách Gia-lễ và phép riêng của các tôn-giáo.

Duy có điều người xưa đã nói rằng : « *Lễ là nhơn thời - thế và nhơn-tình mà bày đặt ra phẩm-tiết văn-chương* », thì ta cũng nên châm-chước cho hợp với thời-thế và nhơn-tình ngày nay mà sửa đổi đi, chớ chẳng nên cố-chấp làm chi những phẩm-tiết văn-chương phiền-phức.

Số là người xưa đối với các việc ma-chay, giỗ-chạp, mà bày đặt ra những phẩm-tiết văn-chương về các món thực (đồ ăn), dụng (đồ dùng) như cụ-soạn (cỗ-bàn), như minh-khí (đồ-mã) đó, buổi ban đầu chỉ là ngụ nhơn-tình *thờ người thác như thờ người sống, thờ người mất như thờ người còn*, và đối với thời-thế là về *mỹ-quan* mà thôi, chớ người đã thác đã mất, còn có hình-thể

đâu mà ăn uống tiêu dùng được những đồ thực-dụng của dương thế. Mà nếu có ăn uống được thì sao cụ-soạn không thấy chút khuyết ; còn minh-khi là đồ bằng giấy và đốt ra tro, thì tiêu dùng ở chỗ nào. Các cái đó đều là những sự vô lý thay, mà tệ tục di-truyền cho tới trăm ngàn đời, khó lòng mà cải cách được.

Sơ-tâm của người xưa chỉ dùng để ngụ-ý như trên đây đã nói, mà không dè nó anh ra những tệ-tục đến đỗi cụ-soạn thì mổ ra năm trâu bảy bò, một người chết mà làm cho bao nhiêu loài vật phải chết theo ; minh-khí thì bỏ ra bạc chục bạc trăm mua lấy mớ giấy mà đốt. Những món tổn-hao ấy, ở nhà giàu có còn khá, chớ ở nhà nghèo khó thì đến vay công lãnh nợ, hay là bán ruộng đợ nhà ; lại đến anh em chia bồ cho nhau số ít số nhiều, ganh tị với nhau phần hơn phần kém. Nếu hồn thiêng của cha mẹ có biết, có ăn dùng được những đồ cụ-soạn minh-khi ấy đi nữa, mà ngó thấy bầy con và cái xác thịt của mình nên nỗi mất cơ mất nghiệp, bất mục bất hòa đó, thì ngồi mà ăn dùng cho yên được sao ?

Cái đó là do người xưa bày đặt ra những món cụ-soạn minh khí làm đầu nên, rồi lần lần nó thành ra tệ-tục ăn-uống và ganh đua, nên mang nợ miệng mà tục kêu là *trả nợ miệng*. Vay làm chi cho mang nợ phải trả ! Đức Khổng-Tử dạy : « *Ăn gần bên nhà có tang chưa hề no* ». Bởi vì người có lương-tâm thì nghe những tiếng than-khóc thảm-sầu, mà ăn không no được. Ăn gần bên nhà có tang không no được, huống chi đến ở giữa nhà có tang mà ăn uống no say, thì há chẳng phải là sự không có lương tâm sao ?

Xem câu : « *Lắm mã thì cả ống tro, nhiều xôi nhiều bánh thì no bụng làng* », thì rõ rằng người mình từ lâu đã có phần tỉnh-ngộ rồi, nên mới có cân cẩm-khái về nỗi hủ-bại giả-man ấy. Nhưng trong số đông người mình, phân nửa thuộc về phái mê-tín, non phân nửa thuộc về phái ăn uống và ganh đua, còn một hai phần về phái tỉnh-giác không thế chống nổi được tám chín phần kia, cho nên khó bề cải cách được.

Đồng bào ta phải biết : đời nầy là đời tin ở sự thật, hễ cái gì không thuộc về sự thật có lý-do khiến cho mắt ta ngó thấy, đều là không hạp với thời-thế, không hạp với nhơn-tình, thì kíp nên cải-lương đi.

(Còn nữa)

So-sánh những câu ngạn-ngữ Việt-Pháp

Ngạn-ngữ — Dicton

— Có bột mới gột nên hồ.
Il faut semer pour récolter.
— Thuốc đắng giã (dã) tật, sự thật mất lòng.
La vérité offense comme le remède amer déplait au monde.
— Giương cung sắp bắn phượng-hoàng, chẳng may lại phải một đàn chim đi.
La réalité est moins belle que l'idée qu'on s'en fait.
— Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.
Près de l'encre on se noircit, près de la lampe on s'éclaire.

TỨ-ĐỨC — TAM-TÒNG

Les quatre vertus — *Les trois règles*

TỨ-ĐỨC : Les quatre vertus (que doit posséder une femme)

Công Dung Ngôn Hạnh

Le travail, (la bonne)attitude, (le bon)langage, (la bonne) conduite.

TAM-TÒNG : Les trois règles qu'elle doit suivre.
Tại gia tòng phụ : étant à la maison, obéir (suivre) au père.
Xuất giá tòng phu : étant mariée, obéir au mari.
Phu-tử tòng tử : le mari étant mort, obéir au fils.

Lecture instructive

Les devises à portée sociale

Une devise, c'est un exemple en raccourci, une résolution facile à se rémémorer. C'est une vraie et permanente suggestion. Bossuet proclame que « *la maxime fait le grand homme.* » C'est une «*pensée stellaire*» disait le père Gratry, qui guide la conduite, oriente la vie, sollicite la volonté. Cette étoile, au ciel, de la conscience ou au mur de l'étude ou à la 1ère page des livres ou en tête des copies fait que l'idéal est toujours présent à l'esprit. C'est un maître qu'on a librement choisi, qu'on s'est donné et qui vous suit partout de ses affectueux conseils....

— *Faites aux autres ce que vous voudriez qu'ils vous fassent.*
— *Mieux savoir pour mieux servir.*
— *A qui avez-vous fait plaisir ou du bien aujourd'hui ?*
— *On est heureux dans la mesure où on fait des heureux.*
— *Que de bien on ferait avec ce qui se perd !*
— *A l'horreur de chacun pour soi, préférez la douceur du don de soi.*
— *Aimez-vous les uns les autres.*
— *Ne gaspillez rien, d'autres profiteront de vos économies.*
— *Rien n'est meilleur à l'âme que de faire une âme moins triste.*

HIỆU NOVA

MAY ÂU-PHỤC
và
CHEMISE

Sang Pháp và trong xứ rất danh tiếng khắp nơi.

Có nhiều hàng vải đẹp vừa ý quí ngài.

33, đường SABOURAIN

Gần chợ SAIGON

Giây nói : Cardi, 435

Khoa-học quan sát

Một quyển sách rất cần ích cho các em học-sinh.

Kỳ tựu trường tới, các em nhớ đón mua quyển « Khoa-học quan-sát », do quí ông : Tăng-văn-Chương, Huỳnh-văn-Đó, Nguyễn-hữu-Thông, Giáo-viên các trường Saigon. Soạn riêng cho 2 lớp Nhứt và Nhì, đúng theo chương-trình trong Giáo-khoa Tạp-chí của Nha Giáo-Huấn Nam-Việt.

Sách gồm có 5 chương : 1°) Sinh-lý. 2°) Động-vật. 3°) Thực-vật. 4°) Khoáng-vật. 5°) Vật-lý.

Ấn-loát mỹ-thuật với trên 200 hình vẽ tuyệt đẹp.

Xin hỏi nơi Ấn Quán NAM-HƯNG
165 Bd de la Somme
Saigon.

GIỚI THIỆU

CUỐN PHÁP-VĂN THỰC-HÀNH *và* BỔ-TÚC
LEÇONS PRATIQUES DE FRANÇAIS
(Quyển số 3)

Vừa phát hành và có bán khắp nơi. Xin quí Bạn hiếu học lưu ý. C. H.

COMPTOIR GÉNÉRAL SUD-INDOCHINOIS

S.A.R.L. CAPITAL 100.000

COSUD

NHÀ XUẤT-NHẬP-CẢNG VIỆT-NAM

Buôn sỉ và lẻ

ĐỒ VĂN-PHÒNG VÀ HỌC-SINH, VIỄT-MÁY:

EVERGOOD BAYARD KAOLO

Bao thứ hộp đủ màu, vân-vân

GIÁ ĐẶT-BIỆT

28 - RUE A. COURBET - SAIGON

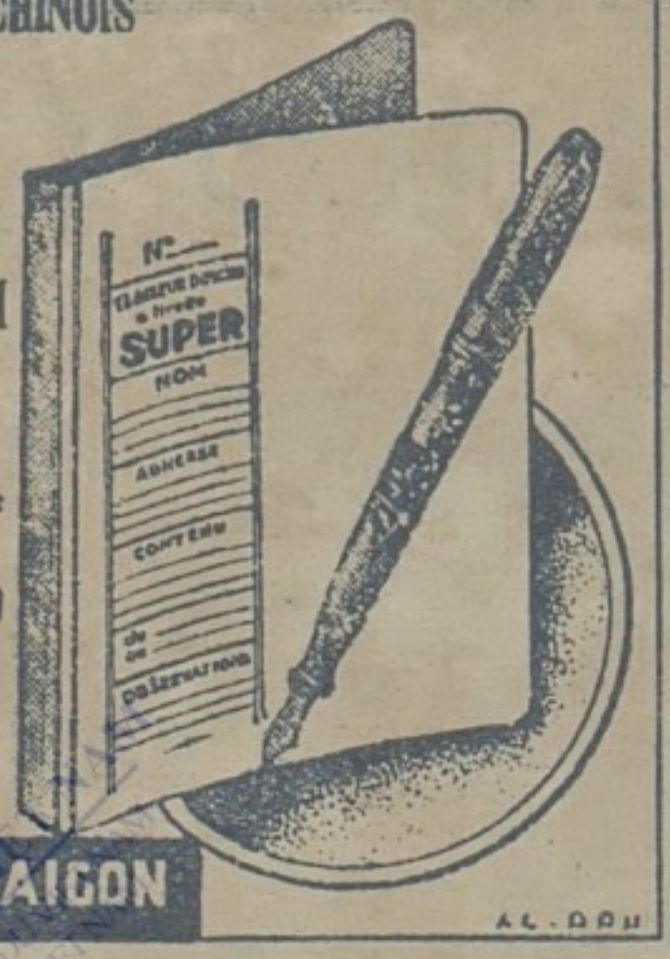

Giây nói, Cardi : 683

CẦN HỌC

Đóng thành bộ (bộ 1) từ tập I đến tập X có bán khắp nơi !

Giá { *Nam* : 45$ / *Trung-Bắc,* / *Miền* : 50$

NÊN DÙNG:

BEKINAN TIÊN cho trẻ em

Quân thù số 1 ban nóng trẻ em

Phân ra 10 gói nhỏ ngọt, ngon và dễ uống

LONKINAN TIÊN cho người lớn

Trị ban nóng và rét rất hay

Hygiène — Santé — Qualité

✻ PHARMACIE TIÊN, 98, BONARD - SAIGON ✻

Hãy đọc, cổ động và truyền-bá cho

CẦN - HỌC

được phổ thông.

Giá mua dài hạn

Saigon–Chợlớn L.T.M. T.B.

3 t. : 12 số	50$	52$	65$
6 » : 25 »	100$	104$	125$
12» : 50 »	200$	208$	250$

Thơ và ngân phiếu xin đề:

Mr NGÔ - VĂN - THANH

165, Bd. de la Somme — Saigon

Giấy phép số 339 T.X.B.

Ngày 6 tháng 9 1950 d. l.

IN TẠI ẤN-QUÁN

—— **N A M - H Ư N G** ——

165, Đại lộ la Somme — Saigon

ỌC ĐỂ PHỤNG SỰ CHÂN LÝ

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES

CẦN HỌC

TẬP XVIII

44 TRANG

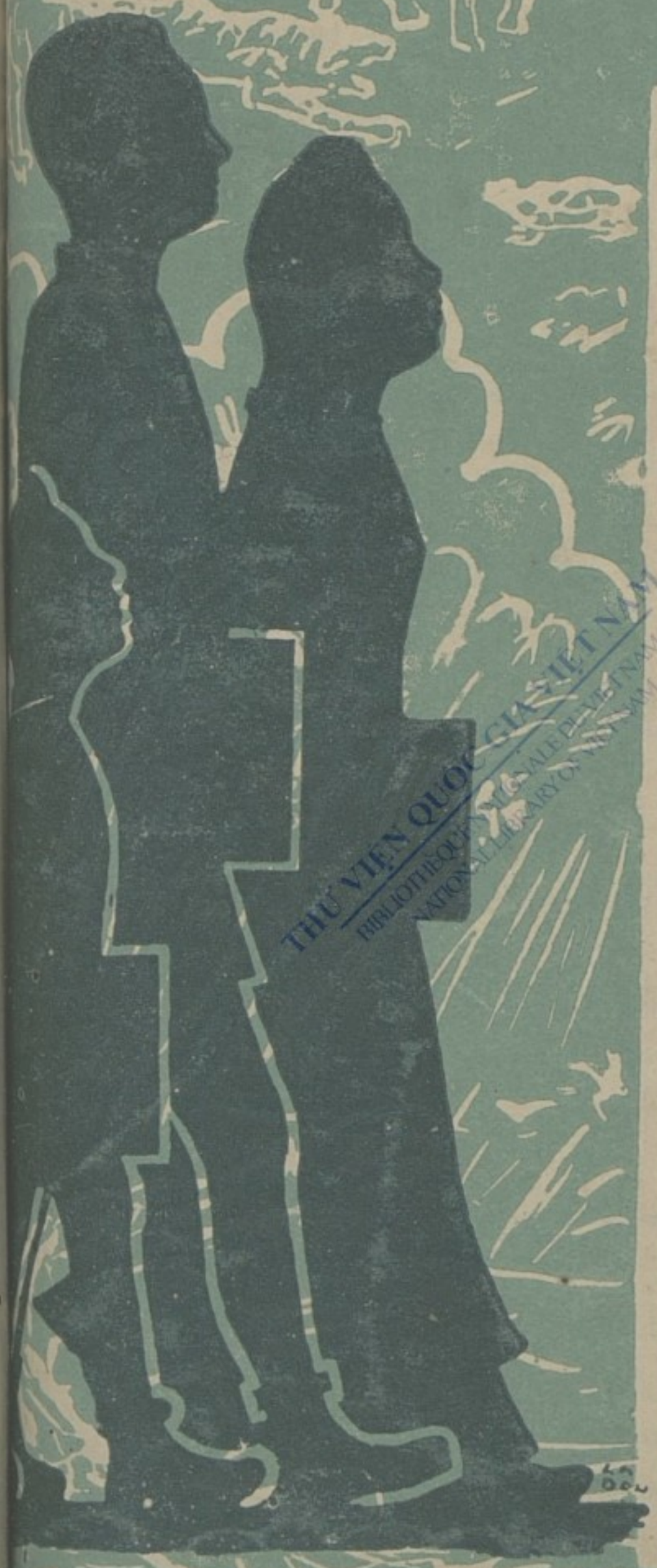

Có Bài học Việt-Ngữ, Pháp-văn, Toán-pháp cho Học-sinh từ lớp Ba Ban Tiểu-học đến Ban Tú-tài

Trong số nầy có Bài thi Ban Triết - học Văn - chương và Khoa-học kỳ nhì ở Saigon.

Trong mỗi số có các Bài :

Pháp-văn thực-hành và Anh-văn bổ-túc.
Kinh-tế chánh-trị.
Ca dao toán - học.
Dạy vẽ.
Tốc-ký Việt-Nam.
Thể-dục.
Tinh-hoa văn học.
Rương vàng của con tôi.
Tư-tưởng — Cách-ngôn Việt-Pháp.

TÒA SOẠN : **165, Bd. de la Somme**
Téléphone : 21.309
SAIGON

GIÁ { *Nam-bộ, Miên . . . .* 5 $ 00
{ *Trung, Bắc . . . . .* 5 $ 50

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIỆT NAM

Trường Huỳnh-thị-Nga

10, Đường René Héraud (vò hãng cống)

TANDINH

Trường có lớp rộng rãi, mát mẻ từ ĐỒNG-ẤU đến ĐỆ NHỨT-NIÊN, có Thầy chuyên môn dạy-dỗ cẩn-thận. Kết-quả kỳ thi vừa rồi rất tốt đẹp!

SƠ HỌC ĐẬU (75 %)

TIỂU HỌC ĐẬU (100 %)

Trường dạy học ban ngày và ban đêm.

NHẬN DẠY RIÊNG:

Để thi TỨ TÀI và THÀNH CHUNG, do nhiều Giáo-sư kinh-nghiệm và tận tâm.

Các trò có SƠ HỌC, để thi B. E. trong 2 NĂM theo chương-trình mới mẻ, nghiên-cứu, kỹ-càng.

Khoa PHÁP-VĂN, TOÁN-PHÁP, KHOA-HỌC, SỬ-KÝ, ĐỊA DƯ, LUÂN LÝ và VIỆT-VĂN.

LỚP ĐÊM cho các *bạn mù chữ* muốn học tiếng *Việt* và cho các bạn lỡ học về *Pháp-văn*: (từ mới học vần đến cở Tú-Tài).

Nhận dạy theo lối GỞI THƠ và chấm dủ các bài cho các trò ở xa gởi bài đến.

TÙNG-QUANG

159, Lê-Lợi — Saigon

Quí Ngài muốn mua, bán, đổi và mướn sách, tiểu thuyết, bản nhạc cũ, mới và đồ dùng văn phòng, xin mời lại địa chỉ trên, sẽ được vừa ý.

LỚP BA VÀ LỚP NHÌ BAN TIỂU-HỌC

ÁM TẢ

Sự học

Con ơi ! Hiện-thời, không một đứa trẻ nào là không đi học.

Mỗi buổi sáng, lúc con đến trường, thì cùng giờ ấy bao nhiêu con trẻ các nước trên hoàn-cầu đều vào lớp học trong ba tiếng đồng-hồ để mở-mang trí-tuệ. Chúng ăn mặc hàng ngàn lối khác nhau, nói bằng trăm thứ tiếng khác nhau, đi một mình hay từng lũ năm ba, xuống trũng lên đồi, băng rừng lội suối. Khi tưởng-tượng con được hân-hạnh dự-phần trong cái ổ kiến học-sanh và cái trường hoạt-động ấy, rồi con tự-nhủ : ví-phỏng một mai sự hoạt-động ấy ngừng hẳn, thì nhân-loại sẽ trở lại đời mọi-rợ, sẽ sa vào cõi tối-tăm vậy. Con ơi ! Hãy cố-gắng lên ! Coi sự ngu-dốt là cừu-địch và lấy sự văn-minh làm cuộc khải-hoàn.

Phỏng theo HÀ-MAI-ANH

Câu hỏi.—1) Giải-nghĩa những chữ : *hoàn-cầu, trũng, đồi, trường hoạt-động, khải-hoàn*.

2) Tìm tiếng đồng nghĩa với : *hân-hạnh khải-hoàn* ; tiếng phản nghĩa với : *ngu-dốt, văn-minh*.

3) Đại ý bài nầy nói sự gì ?

Học tiếng

Hoàn - bị : đầy đủ (complet).

— *cảnh* : cảnh giới chung quanh (milieu, entourage, ambiance).

— *dược* : thuốc viên (médicament en pilules).

— *hảo* : xong-xả, đẹp-đẽ (achevé, parfait).

— *hôn* : làm xong lễ kết hôn rồi (mariage accompli, consommé).

— *lương*: trở lại tốt.

— *mỹ* : đẹp-đẽ hoàn toàn (perfection),

— *tán* : thuốc viên và thuốc bột.

— *thành* : công việc xong xuôi (achèvement des travaux).

— *thiện* : hoàn-toàn thiện-mỹ (perfection).

— *toàn* : đầy đủ không thiếu gì (parfait, entier, intact).

Chữ khó viết

Hoàn : 1) (huờn lại) hoàn công, khải-hoàn.

2) (viên) thuốc hoàn.

3) (vòng quanh, khu vực) hoàn-cảnh, hoàn-cầu.

4) (rồi, xong) hoàn-bị, hoàn-thành, hoàn tất, hoàn-toàn.

5) bàn hoàn, a hoàn.

Hoàng : 1) Hoàng-đế, ngọc-hoàng, hoàng-thân, hoàng-tử.

2) phụng-hoàng.

3) (sợ) sảng hoàng.

4) (vàng) đại hoàng, ngưu hoàng. hoàng nàn.

Sủng (ơn, yêu mến) ân-sủng, sủng ái, sủng nhi (đứa con cưng).

Nơi sủng, sủng xuống.

Sũng : Phát sũng (phát phù) sũng nước.

(Trả lời bài ám tả số XVII)

1) *Hớn-hở* : vui-vẻ trong lòng lộ ra nét mặt.

Liến-xáo : lia-lịa, lẹ-làng ở bộ-tịch và cách nói năng.

Ngơ-ngác : lơ-lảng vì ngạc-nhiên hoặc sợ-sệt.

Rụt-rè : nhút-nhát, do-dự, ngại ngùng.

Tấp-nập : nhộn-nhịp, rộn-ràng có nhiều tiếng động vì đông-đảo.

Đáng-đắn : đàng-hoàng, không có gì chê được.

2) *Lanh-lẹ* : chậm-chạp ; *vui-vẻ* : quạu-quọ ; *tấp-nập* : vắng tanh (vẻ) — *ngơ-ngác* : bợ-ngợ ; *rụt-rè* ; nhút-nhát.

TÁC-VĂN.— *Trò hãy tả cảnh nhà trường của trò và trò có yêu mến trường ấy không ? Tại sao ?*

DÀN BÀI.— Nhà trường nằm chỗ nào trong làng ?

Nhà cửa thể nào ?

Những lẽ làm cho tôi yêu mến nhà trường của tôi.

BÀI LÀM.— Từ Tỉnh thành xuống đến đầu làng tôi, ngó phía tay mặt thấy ngôi nhà ngói đồ sộ, nằm dựa bên đường : đó là trường học trong làng tôi.

Mặt tiền trường day ra lộ xe, trước trường có cái sân rộng, trống trải, không cây. Chung quanh có hàng rào cây tươi xanh, thấp, có gai. Trường là ngôi nhà dài, 8 căn, nóc lợp ngói móc, vách bằng gạch tiều, nền lót gạch tàu, cao ráo. Trường ngăn ra 7 lớp học, còn căn đầu để làm phòng văn của ông Đốc.

Lớp rộng rãi, chứa được 80 trò, sáng sủa và mát mẻ vì có gió lọt vào theo cửa sổ.

Mỗi năm trước kỳ tựu trường thì họ lo quét váng nhện trên nóc, tô vôi vách tường nên trông trắng trẻo và sạch sẽ : khác nào nhà mới cất vậy.

Một ngôi nhà trường như thế, tức nhiên tôi phải thích, muốn học ở đấy ngay.

Tôi yêu mến nhà trường của tôi chẳng phải vì vẻ đẹp bề ngoài đó mà thôi, song vì vẻ đẹp tinh-thần nữa. Là chính nơi đó mà tôi được biết đọc, biết viết, biết tính-toán và biết cách-trí, địa-dư, sử-ký cùng lễ-nghi luân-lý..., cho nên nhờ đó mà tôi được phá ngu giết dốt, trí-tuệ được mở-mang...

Lại còn một lẽ khác nữa làm tôi yêu mến trường ấy là tôi thường nghe nhà mẹ tôi nhắc lại trước kia cha mẹ tôi cũng học tại trường đó... cho nên tôi phải giữ lòng yêu mến trường tôi mà không bỏ học buổi nào lại không làm dơ vẽ bậy trên vách tường chút nào.

ĐẦU-ĐỀ. — Trò hãy kể ra các đồ dùng và trang hoàng trong lớp trò.

TOÁN-PHÁP *(Giải-pháp 2 bài toán trong tập XVII)*

I.— Nếu bán khoai giá 2$60 1 ki thì được :

2$60 × 1.400kg. = 3,640$,

— Khoai còn lại : 1.400kg — 24kg = 1.376kg.

— Tiền bán khoai : (2$60 + 0$20) × 1.376kg = 3.852$80.

— Lời được : 3.852$80 — 3.640$ = 212$80.

Trả lời : 212$80

II.— Tiền vải : 45$ × 18 = 810$.

— Tiền may : 12$ × 15 = 180$.

— Tiền tốn chung : 810$ + 180$ + 72$ = 1062$.

— Mỗi cái quần tốn : 1062$: 15 = 70$80.

Trả lời : 70$80

I.— Một chiếc xe chạy 100km tốn 12*l* săn và 0*l*.25 dầu nhớt. Mua bốn cái vỏ bánh xe 2100$ chạy được 20.000km thì mòn. Tiền săn mỗi thùng đựng 5*l*. 12$50. Tiền dầu mỗi lít 12$. Hỏi chiếc xe nầy chạy mỗi cây số tốn bao nhiêu tiền ?

II.— Người thợ máy in mỗi ngày trả tiền cơm cho chủ nhà in 30$. Mỗi tháng đóng tiền hội chức-nghiệp 18$, mỗi tuần xài lặt vặt hết 60$, tốn áo quần 2034$ trọn năm. Hỏi người thợ nầy mỗi ngày lãnh bao nhiêu, nếu trót năm nghỉ 125 ngày ?

DICTÉE.— Jeux et amusements

Les enfants aiment s'amuser. A l'école, à l'heure de la récréation, les jeunes enfants jouent aux billes ou à la marelle. Quelques uns lancent des toupies. Les grands jouent à colin-maillard ou au ballon. Les jeunes filles, au corps souple, aiment sauter à la corde et jouer au cerceau. La gymnastique est utile à la santé. La question de l'éducation physique est importante pour la jeunesse.

QUESTIONS.—1) Donnez les noms des adjectifs suivants: *soup'e, utile, physique* et les adjectifs des noms suivants : *sante, éduca'ion, jeunesse.*

2) Donnez le contraire de : *u'i'e, jeunesse.*

3) Conjuguez le verbe *'ancer* à l'Imparfait, au passé simple et au futur simple de l'Indicatif.

VOCABULAIRE ET EXPRESSIONS. Aimer : yêu mến, thương yêu, ưa, ham, hạp, chuộng.

— *Aimer (le prochain)* yêu người (*ses parents*) thương mến cha mẹ mình.

— *Aimer avec ardeur (passion)* : mê, ái mộ.

— *Aimer (les bananes)* ưa chuối, (*la musiqu*:) ham nhạc, hát xướng.

— *Aimer mieux* : ưa hơn, chuộng hơn, thà : *j'aime mieux les mangues que les goyaves* : tôi ưa xoài hơn ổi ; *aimer mieux mourir que de forfaire (de pécher)* ; Thà chết chẳng thà làm sự gì xấu hổ (phạm tội).

— *S'aimer* : yêu nhau, yêu mình.

— **Amuser :** làm cho vui, phá ngày giờ, gạt gẫm, phỉnh phờ. *La promenade amuse les élèves-internes :* Sự đi dạo làm cho các học-sinh lưu-trú được vui.

— *S'amuser* : vui chơi, mất ngày giờ.

— **Jouer** : chơi, vui chơi — Đánh, gảy, khảy, kéo, thổi (về đờn, kèn) : *jouer à..., jouer de...*

— *jouer (au ballon)* : đá banh, (*aux cartes*) đánh bài, (à colin-maillard) bị mắt bắt dê, (au cerceau) đánh vòng.

— *jouer (de la flûte)* : thổi quyền, (*du violon*) kéo đờn violon... (*du piano*) đánh đờn piano...

— *cette machine joue bien* : cái máy nầy chạy tốt.
— *jouer un morceau de musique* : đánh một bản đờn.
— *jouer la comédie* : làm trò, hát bội.
— *jouer au plus fin* : tráo trở cho được việc.
— *jouer des jambes* : chạy trốn,
— *jouer sa vie* (nghĩa bóng) liều mạng.
jouer la comédée (id.) giả đò, làm bộ.

— *Se jouer* : chơi bời, giỡn hớt — *Se jouer de quelqu'un* (gạt ai) *des lois* (bỏ luật phép), *des obstacles* (lướt khỏi những điều khó).

Réponses aux questions de la dictée : NOS PARENTS.

1) *tâche* : Travail noble ; *peine* : chagrin, tristesse.

2) *enfance* : enfantin ; *peine* : pénible.

CONJUGAISONS : verbe *nourrir*.

Indicatif		Subjonctif
Passé simple	*Futur*	*Présent*
Je nourris	Je nourrirai	Que je nourrisse
Tu nourris	Tu nourriras	Que tu nourrisses
Il nourrit	Il nourrira	Qu'il nourrit
Nous nourrîmes	Nous nourrirons	Que nous nourrissions
Vous nourrîtes	Vous nourrirez	Que vous nourrissiez
Ils nourrirent	Ils nourriront	Qu'ils nourrissent

nourrit

DEVOIRS CORRIGÉS **Thème**

— Mon frère partira pour Dalat demain : *Aller à... Partir pour...*

— Il portera des vêtements neufs et de beaux souliers.

— Mon oncle parle très correctement Anglais : *Parler Français, Vietnamien.*

— Quelle personne avez-vous vue ? (*vue*, féminin, hiệp theo personne : khi tiếng complément direct đặt trước participe passé thì phải hiệp theo về genre, nombre).

— Avez-vous rencontré cette personne là ?

— Cette nuit (la dernière nuit) je dors tranquillement.

— Demain il faut que je me réveille à 6 heures.

(Demain je dois me réveiller à 6 heures).

— Tousse beaucoup votre père ? Non, il ne tousse plus.

— Il parait bien portant.

VERSION.— Trong nhà thương nầy có bịnh và người bị thương vết nằm nhiều không ? — Ngày nào cũng có ông bác-sĩ đến khám xét những người bịnh — Anh đau ở đâu ? — Anh đau bao lâu rồi ? Tôi bịnh 3 tháng nay. — Ông bác-sĩ nào săn-sóc anh ? — Ông bác-sĩ nói với tôi rằng trong 8 ngày tôi sẽ mạnh lại (hết bịnh)

DEVOIRS À PROPOSER **Thème**

— Thằng em của anh đi học chưa ? — Nó chưa đi học, vì còn nhỏ quá : mới có 5 tuổi. Anh của chị học lớp mấy ? — Anh có cấp bằng Tiểu học chưa ? — Trường anh đông không ? Có mấy lớp ? Tr ường anh chung cho nam nữ phải không ? — Có cô-giáo dạy không ? — Anh mua cây viết và ngòi viết nầy ở đâu ? — Tôi đã mua ở ngoài chợ.

VERSION.— Quelle heure est-il ? — Il est 8 heures du matin — Non, il est 8 heures 15 juste. Quel est ce vieillard ? — Il est mon grand-père maternel. — Pourquoi ce garçon ne va pas à l'école aujourd'hui ? — Parce qu'il est malade, il a la fièvre — Où avez-vous pris cette règle ? Je l'ai achetée au marché ?

Khoa-học quan sát

Một quyển sách rất cần ích cho các em học-sinh.

Lối đầu tháng 10 d.l. các em nhớ đón mua quyển «Khoa-học quan-sát », do quí ông : Tăng-văn-Chương, Huỳnh-văn-Đó, Nguyễn-hữu-Thông, Giáo-viên các trường Saigon. Soạn riêng cho 2 lớp Nhứt và Nhì, đúng theo chương-trình trong Giáo-khoa Tạp-chí của Nha Giáo-Huấn Nam-Việt.

Sách gồm có 5 chương : 1°) Sinh-lý. 2°) Động-vật. 3°) Thực-vật. 4°) Khoáng-vật. 5°) Vật-lý.

Ấn-loát mỹ-thuật với trên 200 hình vẽ tuyệt đẹp.

Xin hỏi nơi Ấn Quán NAM-HƯNG

165 Bd de la Somme

Saigon.

LỚP NHỨT VÀ LỚP TIẾP-LIÊN BAN TIỂU-HỌC

ÁM-TẢ

Sông Cửu-Long

Sông Cửu-Long là một con sông đẹp trong các con sông đẹp nhất ở hoàn-cầu. Nó dài được bốn nghìn cây số, phát-nguyên tự Tây-Tạng, giữa một tảng tuyết dày bên Tàu.

Mặt sông phẳng-lặng như tờ, to-tác mà trang-nghiêm thay! Hai bên bờ thì cây cối um-tùm, tươi tốt quanh năm, nào dừa, nào xoài, nào chuối, nào cau; trong các bụi cỏ mọc xanh-rì ấy thì có các làng rải rác, chỗ nầy thì nhà lá, chỗ kia thì nhà tranh, dân-cư phần nhiều làm nghề chài lưới cả, ngày ngày ở trên con thuyền nhỏ, bơi bơi, chèo chèo giáp bờ sông.

Về chiều da trời xanh, làn nước biếc, khi bóng kim-ô đã ngả về tây, ánh sáng rọi xuống mặt nước lóng-lánh như sao-sa, trông ngoạn-mục lắm, và lại có vẻ hữu-tình thực đáng nên thơ.

Cảnh đêm ở sông Cửu-Long mới lại đẹp nữa! Bóng trăng lồng nước, thuyền lan sóng vỗ, gương Nga rời-rọi đáy sông, thấp-thoáng bụi cây khi ẩn khi khuất, khi tỏ khi mờ, trên trăng dưới nước, thực là một cảnh thiên-nhiên đẹp quá, không bút nào mà tả cho xiết, không lời nào nói hết được.

DƯƠNG-TỰ-QUÁN dịch

(Trích trong Quốc-văn Sơ-học Độc-bản)

Câu hỏi.— 1) Giải nghĩa những chữ *Phát-nguyên, Kim-ô, Ngoạn-mục, Gương-Nga, Thiên-nhiên.*

2) Tìm những tiếng phản nghĩa với: *phẳng-lặng, thiên-nhiên*; và tiếng đồng nghĩa với: *to-tác, um-tùm, rải-rác.*

Học tiếng

Cửu-châu (sử) Tên một quận xưa trong nước ta đương hồi Bắc-thuộc, từ Hà-nội trở vào, Thừa-thiên trở ra.

— *Châu* (sử) Ngày xưa nước Tàu chia làm 9 châu

— *Chương toán pháp* (Toán) Phép toán xưa của Tàu, cũng gọi là cửu-số.

— *Khanh*: 9 chức quan to ở nước Tàu đời xưa, dưới chức Tam-công: Thiếu-sư, Thiếu-phó, Thiếu-bảo, Trủng-tể, Tư-đồ, Tôn-bá, Tư-mã, Tư-khấu, Tư-không.

— *Kinh* : 9 đạo thường dùng để trị thiên-hạ : 9 bộ sách : tức là Ngũ-kinh và Tứ-truyện.

— *Lễ* : 9 lễ ngày xưa là : Quan, hôn, triều, sính, tang, tế, tân, hương-ẩm-tửu, quân-lữ.

Long : 9 con rồng (Địa) Con song lớn nhứt trong nước V. N. phát-nguyên từ Tây-tạng chảy qua Ai-lao, Cao-miên và Nam-Việt ra biển (Mékong).

— *Tộc* : 9 họ — Kể cha làm hạn thì suy lên đến Cao-tổ 4 đời, trở xuống đến Huyền-tôn 4 đời ; suy ngang ra đến anh em 3 từng.

— *Trùng* : 9 từng *Trời* : chỗ ở của vua (le Ciel, le Roi).

— *Tự cù-lao* : 9 chữ : *Sinh* (cha sinh), *cúc* (mẹ đẻ), *phủ* (vỗ về), *dục* (nuôi cho khôn), *cố* (trông nom), *phục* (quấn quít), *phủ* (nâng nhấc), *súc* (nuôi cho lớn), *phúc* (bồng bế), chỉ công khó nhọc của cha mẹ đối với con.

— *Tử nhất sinh* : Chín phần chết một phần sống : cảnh ngộ rất nguy hiểm.

Chữ khó viết

Rải : rải bông, rải rác, rải trát.

Rãi : lãi rãi, rộng rãi, chấm rãi.

Rảy : rảy nước, búng rảy, phủi rảy, rảy tay.

Rẫy : (từ bỏ) Bỏ rẫy, rẫy đi.

Trả lời câu hỏi bài ám-tả số XVII

Quan-trọng : lớn-lao và khẩn-yếu ; quan-hệ : có liên-can đến.

Thực-dụng : dùng vào việc sống hằng ngày.

Tao-nhã : thanh-lịch, — *Thô-lỗ* : không lịch-sự, quê kịch.

Bỉ-tiện : xấu-xa và hèn-hạ.

Tư-cách : những điều phải có cho được xứng với địa-vị hay chức-vụ.

2) *Ích-lợi* : vô-dụng ; *quan-trọng* : nhỏ-nhen ; *tao-nhã* : thô-lỗ ; *hèn-hạ* : sang-trọng. — *buôn-bán* : thương-mãi ; *hoàn-toàn* : hoàn-thiện.

TÁC-VĂN.— Trò đi học xa, trò hãy viết thơ về cho cha mẹ hay rằng trò đã tựu trường thể nào và khởi sự học làm sao ? — Trò hứa những gì với cha mẹ của trò ? — Và trò sẽ làm gì để giữ những lời hứa ấy ?

BÀI LÀM

Saigon, ngày 25 tháng 9 d.l. 1950.

Con trọng kính thăm Cha Mẹ yêu dấu,

Kể từ ngày con lìa Cha, xa Mẹ đến nay đặng 10 ngày rồi. Lòng con thương nhớ cha mẹ chẳng chút phai, mà trái lại càng xa cha mẹ thì càng nhớ thương hơn !...

Đến đất Sài-thành thì con vào trường liền. Qua bữa sau thì thi lên lớp với anh em bạn. Con được gọi lên lớp nhứt A, vì lớp nầy số học-sinh rất đông nên chia ra nhiều lớp — lớp con có 60 trò.

Mới nhập trường thì gặp được bạn cũ mà thầy mới : nên chưa biết sự học tấn thối thể nào. Nhưng dầu sao, con thật lòng hứa với cha mẹ : con sẽ cố-gắng đeo đuổi việc học-vấn luôn, vưng giữ luật trường chín-chắn và ăn ở nết na tử-tế để khỏi nhơ danh xấu tiếng cho con và cho cha mẹ nữa !

Những lời cha mẹ dặn bảo mỗi khi con vác rương đi tựu trường và trong các bức thơ mà cha mẹ gởi đến nhắc con phải ân-cần học-vấn và lo giữ phẩm giá mình thì con đã ghi tạc vào lòng.

Con biết rằng bổn phận con cái là phải giữ lòng hiếu thảo đối với cha mẹ. Giữ lòng hiếu thảo ấy chẳng qua là con phải vưng giữ việc bổn phận con cho tròn : đó là làm đẹp lòng vừa ý cha mẹ vậy.

Lại nữa, hiện giờ con còn là học-sinh, mà sau nầy con không phải là học-sinh nữa ! nên con phải lo cho có tài-liệu để lập thân ngày sau.

Lại nhờ suy mải 2 câu nầy, là : « *con nít là cha người lớn* » của nhà thi-sĩ Anh và câu trong sách Sấm-Ký : « *con cái là sự vinh-hiển và là mũ triều của cha mẹ* » mà làm cho con cố-gắng và làm việc đắc lực hơn.

Bấy lời con mọn kính gởi trước thăm cha mẹ, sau làm tin hầu cha mẹ được rõ và an lòng.

Nay trọng kính

TỐT

ĐẦU ĐỀ : Anh trò mới được nhập trường Pétrus Ký học lớp đệ nhứt niên, vừa gởi thơ về thăm cha mẹ của trò. Vậy trò thay mặt cha mẹ mà viết thơ trả lời cho Anh trò hay tin ở nhà thể nào và khuyên Anh trò cố-gắng học làm sao ?

TOÁN-PHÁP *(Giải-pháp 2 bài toán-đố trong tập XVII)*

I.— 3 thước hàng trong xấp nhứt và 1 thước hàng trong xấp nhì giá là : (50$ × 3) + 30$ = 180$.

Bề dài xấp thứ nhì : 540$: 180 = 3 thước

và bề dài xấp thứ nhứt : $3^{\text{thước}} \times 3 = 9$ thước.

Trả lời : 9 thước và 3 thước

II.— 1 con gà tây thì 4 con gà giò.

4 con gà giò và 1 con gà tây giá là : (11$50 × 4) + 25$ = 71$.

Chị mua đặng : 284$: 71 = 4 con gà tây và : 4 × 4 = 16 con gà giò.

Trả lời : 16 con gà giò 4 con gà tây

I.— Giáp có 34 viên đạn, Ất có 14. Sau khi chơi đặng vài bàn, thì số đạn của Ất nhiều hơn Giáp 7 lần. Giáp có mấy viên đạn ?

II.— Tí và Tỉ đến nhà ga mua giấy hạng ba để đi đến Tỉnh. Trước khi mua giấy Tí có 100$ và Tỉ có 247$. Khi mua giấy rồi thì Tỉ có số tiền hơn Tí 3 lần. Giá giấy hạng ba bao nhiêu ?

DICTÉE. *Histoire du général et de la fourmi.*

Il y avait autrefois un général qui, parti faire la guerre, fut constamment battu par l'ennemi, Découragé il décida de retirer ses troupes. Un soir qu'il était assis pensif, en arrière du camp, il aperçut par terre une fourmi qui emportait un vers. Le vers était gros et la fourmi petite. Cependant la fourmi, patiemment, s'efforçait d'emporter sa proie vers son gîte. En voyant cela, le général reprit soudain courage et décida de recommencer le combat afin de chasser les ennemis. Par la suite il fut vainqueur.

En vérité, la fourmi fut la cause de cette réussite.

Có một bộ Cần Học tức là có một Giáo-sư chân-chánh trong nhà.

QUESTIONS.— 1·) Expliquez ! *proie, gîte, réussite.*

2·) Donnez le synonyme de *réussite* et son contraire.

3·) Analy ez grammaticalement la phrase de la dictée : *Cependant a fourmi.... son gîte.*

Vocabulaire et expressions : **FAIRE**

(*'àm*) : Les élèves font leur devoir (Học trò *làm* bài).

Faire le bien, le mal : làm lành, làm tội.

(*Học*) : *Ma sœur aînée fait ses études au Collège Gialong* : Chị Hai tôi hay chị *cả* (ở Nam-Việt), *Nhứt* (ở Trung và Bắc-Việt) *học* tại trường Gia-long.

Mon grand-frère fait son droit en France: Anh tôi học luật bên Pháp.

(*Đọc*) : *Le dimanche les chrétiens (catholiques) font leur prière à l'église* :

Ngày chúa nhựt bổn đạo *đọc* kinh (cầu nguyện) trong nhà-thờ.

(*Lập, cất*) : *Mon père vient de faire une maison* : Cha tôi mới cất nhà.

(*Sinh, đẻ*) : *La chatte a fait ses petits* : con mèo đẻ rồi.

Tiếng **FAIRE** nó nhiều nghĩa khác nữa *(Sens divers)* :

— *Faire des progrès* : tấn tới.— *Faire des économies* : tiết kiệm

— *le malin* : làm bộ giỏi. (*une lettre*) : viết thơ (thư).

— *le fier* : làm cao. (*le lit* : dọn giường.

— *le mort* : giả chết. (*un bon somme*) : ngủ ngon giấc.

— *ses efforts* : ra sức. *(de son mieux)* làm hết sức.

— *preuve* : tỏ ra — *Il a fait preuve d'audace* : nó đã tỏ ra can đảm.

— *grâce* : Tha.

— *la guerre* : đánh giặc.

— *une bicyclette* : ăn trộm xe máy.

— *du sang* : đi sông ra máu,

— *du cent à l'heure* : chạy 1 giờ 100 cây số.

— *les cent pas* : đi qua đi lại.

— *des façons, des simagrées* : làm bộ.

— *le beau, la belle* làm dáng.

— *la sourde oreille* : giả điếc làm ngơ. (làm thinh)

— *le diable à quatre* : (faire du vacarme, du bruit) làm om sòm, làm rầy.

— *le pitre* : vì vui nên pha trò.

— *bonne contenance* : vẫn yên tâm, giữ nét mặt, thái-độ tĩnh tuồng, chẳng chút bối rối.

— *un brin de causette avec quelqu'un* ; nói với ai một lát,

— *mouche* : bắn trúng chỗ.

— *quelque chose en un tour de main* : làm việc rất mau chóng, nội trong nháy mắt.

la barbe à quelqu'un : tráo trở, quỉ-quyệt, mạnh hơn người nào...

— *la mouche du coche* : kể công, mà sự thật không có công gì cả.

Le bateau fait eau : tàu phá nước.

Il fait le bon apôtre : nó là người tử-tế, nhưng đừng tin cậy nó.

Ça me fait du bien : cái đó bổ ích cho tôi.

Ça fait l'affaire : (được), cái đó được việc, tôi ưng bụng việc đó.

Se faire (có, ra, hóa nên) : *Il se fait vieux* : nó coi già rồi.

— *la main* : vì làm quen việc nên làm rất khéo.

— *au travail* : quen việc làm.

Réponses aux questions de la Dictée : **LE GRILLON.**

1°) *l'herbe émaillée de fleurs* : l'herbe parsemée de diverses sortes de fleurs ; *situations modestes* : conditions peu élevées, simples.

2°) *léger* : lourd, *misérable* : heureux, *véritable* ; faux, *modestes* : élévées.

3°) **CONJUGAISONS : Verbe** *courir.*

INDICATIF

Présent	*Imparfait*	*Passé simple*
Je cours	Je courais	Je courus
Tu cours	Tu courais	Tu courus
Il court	Il courait	Il courut
Nous courons	Nous courions	Nous courûmes
Vour courez	Vous couriez	Vous courûtes
Ils courent	Ils couraient	Ils coururent

Futur simple		**SUBJONCTIF** *présent*	
Je courrai.	Nous courrons	Que je coure:	Que nous courions
Tu courras.	Vous courrez	Que tu coures :	Que vous couriez
Je courra.	Ils courront	Qu'il coure :	Qu'ils courent

RÉDACTION. *La rentrée des classes*—**Devoir modèle.**—C'est aujourd'hui la rentrée. Ma mère m'a conduit ce matin, pour me faire inscrire au cours supérieur. Toutes les rues fourmillaient d'enfants. Les deux boutiques de librairie étaient envahies par les parents qui achetaient des cahiers, des buvards, des serviettes de cuir...

Comme nous franchissions la porte de l'école, je vis le directeur, dont la barbe me parut un peu plus blanche que l'an dernier, entouré de dames fort contrariées parce qu'on n'avait plus de place pour leurs enfants.

Je trouvai plusieurs de mes camarades très grandis. Au rez-de chaussée, on voyait des enfants des classes élémentaires qui ne voulaient pas entrer et se butaient comme des ânons ; il fallait les faire entrer par force ; quelques-uns se sauvaient des bancs et d'autres se mettaient à pleurer en voyant leurs parents s'éloigner. Ceux-ci revenaient sur leurs pas, pour les exhorter ou les consoler ; et les maîtresses se désespéraient... A huit heures, nous étions tous en classe : cinquante-quatre élèves.

Comme l'école me parut petite et triste en comparaison des bois et des montagnes où j'avais passé quelques semaines ! Je regrettais aussi mon maître du cours moyen si bon, et qui riait toujours avec moi ! . . .

Je me disais en moi-même : « Voilà le premier jour ! Encore dix mois avant les vacances ! ».

Edmondo de AMICIS

RÉDACTION à proposer.— *Enumérez les objets qui se trouvent dans votre salle de classe.*

Plan— Introduction.

— Ce qu'on voit en entrant : le mobilier scolaire ;

a) — Pour le maître : le bureau, l'estrade, la chaise.

b) — Pour les élèves : les tables, les bancs (nombre, disposition).

— Objets qui servent à l'enseignement : tableau noir, tableaux mureaux, cartes géographiques, globe terrestre.

— Objets qui servent à orner la classe : images, dessins.

CONCLUSION — Dites vos impressions sur votre salle de classe.

Devois corrigés. **THÈME.**— L'homme travaille pendant le jour, la nuit il doit dormir. Le sommeil est utile pour la santé. Si l'on dort peu on sera malade. Quand on a contracté une maladie (est tombé malade) il faut faire venir (inviter) immédiatement le médecin. Une maladie qui n'est pas soignée (guérie) de suite peut devenir (deviendra) grave. La peste fait périr beaucoup de personnes. Le choléra est une maladie épidémique. Il faut être propre pour éviter ces dangereuses maladies.

VERSION.— *Nhà và cách xếp đặt.*

Ở thành-phố, những nhà đều bằng gạch cả. Ở thôn quê thì có nhà tranh và nhà lá (paillotes). Ở Hà-nội thì có nhiều nhà cao, rộng rãi. Ở khu người tây ở có những nhà sang-trọng và những dinh-thự đẹp. Nhà hát của thành phố thật là một cái lầu-đài.

Những vật liệu để làm nhà là gạch, vôi, hồ, gỗ, sắt vân vân...

DEVOIRS PROPOSÉS. *Thème.*—Sao em không thuộc bài sử-ký ? Mọi lần, em học thuộc lòng giỏi lắm mà ? — Thưa thầy, vì tại má em đau, em không thể học đặng. — Má em đau gì ? — Thưa má em nóng lạnh. — Má em bây giờ có bớt chưa ? — Thưa má em bớt chút đỉnh. — Ba em có rước thầy thuốc cho má em không ? — Dạ có.

VERSION.— *L'enseignement.*

L'instituteur explique une leçon de morale. Les élèves sont tous sages. Phuc est le plus attentif, c'est pourquoi il comprend les explications du maître. Le maître l'appelle pour réciter sa leçon. Il est studieux. Il sait sa leçon par cœur, aussi est-il félicité par le maître. De plus il est fort en calcul et en géographie. Phuc est un élève intelligent.

Expressions formées avec **CƯỜI :**

Cười, vui cười : *rire* Cười thầm (khúc khích) *rire dans sa barbe*

Tức cười } *avoir envie* — om sòm : *rire aux éclats.*
Nực — } *de rire* — giễu cười : *plaisanter.*
Buồn — chê cười : *se moquer de.*
Mỉn — : *sourire.*

Cười ai (nhạo cười) : *rire de quelqu'un.*

Cười gượng : *rire du bout des lèvres.*

Ne. . . que

Chỉ có nó là giàu : *Il n'y a que lui qui soit riche.*

Nó *chỉ* vui chơi : Il ne fait que s'amuser.

Đứa trẻ nầy *chỉ* là đứa ngu-dại ! Cet enfant n'est qu'un sot.

Ngày mai tôi *mới* về : Je ne reviendrai que demain.

Đêm khuya nó *mới* về : Il n'est rentré que tard dans la nuit.

Sau khi nó đi người ta *mới* khám phá ra tội ác nó : Ce n'est qu'après son départ qu'on a découvert le crime.

Nặng tai : *avoir l'oreille dure.*

— tình : *être étroitement attaché par les sentiments.*

— tội : *commettre une faute grave.*

— nợ : *avoir de lourdes dettes, éprouver de vifs désagréments.*

CẦN HỌC là người bạn quí và là Giáo-sư chân chánh của mỗi gia-đình. Các Phụ-Huynh lo tương-lai cho con cháu, đều nên mua sắn CẦN HỌC.

PHÁP-VĂN THEO LỐI HÀM-THỤ

Le Français par Correspondance

CHO CÁC HỌC-SINH VÀ CÁC BẠN MUỐN TỰ BỒ TÚC
DO MỘT NHÓM GIÁO-SƯ CHUYÊN NGHIỆP ĐẢM NHẬN

Bài vở soạn theo chương trình ở trường và tùy theo trường hợp riêng biệt của mỗi người, chú thích kỹ lưỡng, đều in sẳn.

Tổ chức gồm nhiều cấp học (degrés) cho thích hợp với nhu-cầu và học lực của người học. Học phí nhẹ.

Xin hỏi bổn điều lệ in sẳn do :

Ông NGÔ-TẤN-HUỲNH *252, Q. Belgique -:- SAIGON*

Đệ-nhứt và đệ-nhị niên

ÁM-TẢ

(Đệ nhứt niên viết một nửa, đệ nhị và đệ tam niên viết trọn)

Tết Trung-thu

Rằm tháng tám là Tết *Trung-thu*, nghĩa là tết giữa mùa thu, cho nên theo chữ gọi là *trung-thu-tiết*. Tết trung-thu, trẻ con thì chơi đèn, bày cỗ, nên thường gọi là tết trẻ con ; người lớn thì uống rượu ngắm trăng nên gọi là tết *trung-thu thưởng-nguyệt*.

Ở miền Trung và miền Bắc, tết này vui lắm. Ban ngày, làm cỗ cúng *gia-tiên*, tối đến bày cỗ thưởng nguyệt ở ngoài sân. Đầu cỗ là bánh mặt trăng, và dùng nhiều thứ bánh trái hoa quả, nhuộm các màu các sắc, *sặc-sỡ* xanh đỏ tím vàng. Các thiếu-nữ hàng phố thi nhau *tài khéo :* gọt đu-đủ, *trổ* các thứ hoa nọ hoa kia, nặn bột đã nhuộm đủ màu thành các *con giống* coi rất đẹp.

Đồ trẻ con chơi trong tết này, toàn là các thứ *bời* bằng giấy, như là : voi, ngựa, kỳ-lân, sư-tử, rồng, hươu, tôm, cá, bươm-bướm, bọ-ngựa, cho chí cành hoa, *giàn* mướp, đèn-cù, đèn *xẻ-rãnh,* đình chùa, ông nghè đất, con thiềm-thừ v.v.

Trẻ con tối hôm ấy, *dắc-díu* nhau từng lũ, đám thì nhảy vò, đám thì kéo co, đám thì « *bắt cái hồ-khoan* », đám thì rước đèn, rước sư-tử, trống, thanh-la đánh vang cả đường, tiếng reo tiếng đùa *rầm-rĩ*. Lại nơi nọ hát *trống quân*, nơi kia hát *trống quít, tổng chi* gọi là cách trung-thu thưởng nguyệt.

Câu hỏi :

1.— Cắt nghĩa những tiếng : rầm, trung-thu-tiết, thưởng nguyệt, gia-tiên, sặc-sỡ, trổ, con giống, bời.

2.— Tìm những tiếng đồng nghĩa và phản nghĩa của những tiếng : sặc-sỡ, rầm-rĩ.

3.— Phân tỉnh mệnh đề trong câu : « Trẻ con tối hôm ấy dắt-díu nhau . . . . . tiếng đùa rầm rĩ ».

4.— Tóm tắt đại-ý bài ám-tả.

(Bài làm ở số tới)

Bài giải (1) về những *câu hỏi* trong *ám-tả « HOA SEN »* của những *lớp đệ nhứt và đệ nhị niên.*

1 Giải nghĩa

I.— Thanh-tân : (Chữ hán) ở đây *thanh* là *trong ; tân* là *mới, thanh-tân* là còn *trong* còn *mới*, nghĩa bóng là *quý* và *đẹp*, vì vật gì còn *mới* thì *đẹp* còn *trong* thì *quý*. *Thanh-tân* nói về người thì là tuổi xanh, vì *thanh* là xanh tốt.

Khả-ái : (Chữ hán) *khả* là *khá* tức là *đáng ;* **ái** là yêu, thương, *khả-ái* là đáng yêu mến.

Sặc-sỡ : Loè-loẹt, nhiều màu sắc tươi đậm quá và không hòa đối, tương phản nhau trông rất khó coi.

Thanh-bạch : Chính chữ *thanh* là *trong* và *bạch* là *trắng ; thanh bạch* là trong trắng, trong sạch. Nhưng ở bài tả về màu sắc thì tưởng nên lấy nghĩa là *xanh* và *trắng* vì *thanh* cũng là *xanh*, và màu xanh trắng là để ngược phản lại màu sặc-sỡ;

Búp : Hoa chưa nở. *Hoa nhỏ chưa nở* không gọi là búp mà là *nụ*, nụ hồng-nụ cúc, nụ đào, nụ mai. Búp cũng còn chỉ về lá nõn nầy ở kẽ cành một vài thứ cây và hoa cây đa không gọi là *hoa đa* mà là *búp đa*.

Đại-tự : *Đại* là lớn, *tự* là *chữ ; đại-tự* là chữ lớn, thường chỉ nghĩa những chữ nho, chữ hán viết lớn và một câu chỉ hai, ba, bốn chữ, có công-dụng treo trên cao, giữa những gian nhà để tỏ ý cảm phục và noi theo vì chữ đại-tự thường viết những danh ngôn của thánh-hiền, ví dụ : *Thiện tối lạc* (Tánh hiền rất vui). *Hòa vi quí* (hòa là trọng, là hơn). Đại-tự treo ở giữa hai câu đối hai bên.

Lấm-tấm : Rơi rát từng hạt nhỏ.

Đầm : Chỗ rộng có nước sâu ở giữa đồng.

Nồng-nàn : Sực-nức, mùi gắt quá.

Ô-trọc : *Ô* là *dơ*, *trọc* hay *trược* là đục ; *ô-trọc* là *vừa dơ vừa đục*.

II.— *a*) Hoa sen đẹp nhờ màu sắc không sặc-sỡ ; dáng hoa xinh : bông tròn vă múp đầu, cánh nở hình giống trái tim, nhị vàng tươi, cộng bông mảnh khảnh, lá xanh to và vũm như cái nón, lại mọc ở dưới hồ nước trong in bóng xuống lồng lộng lẫn với mây trắng trời xanh ; gió thổi lai cành, động mặt nước lung-linh, làm thành một tấm tranh có toàn màu đẹp, man mát vậy.

b) Hoa sen quí bởi hương sen thơm lâu, sắc sen đẹp bền.

III.— Những tiếng *phản nghĩa* với : *khả-ái* (đáng mến) là *khả-ố* (đáng ghet); với *sặc-sỡ* là *thanh-nhã* ; với *nồng-nàn* là *thoang-thoảng* ; với *thanh-cao* là *t y-tiện đê-hạ,*

IV.— Trong câu : « Cánh hoa trăng-trắng nằm trên tấm lá xanh-xanh, trên một cái cộng mảnh-mảnh, trong làn nước biêng-biếc, ảnh phản chiếu tận đáy hồ-he hé ngỏ vừa thấy một cái nhị vàng lấm tấm ».

Có bốn mệng đề :

1) cánh hoa trăng-trắng nằm trên tấm lá xanh-xanh, trên cái cộng mảnh-mảnh trong làn nước biếc, *là mệng đề độc-lập thứ nhứt ;* có một động-từ là : *nằm*.

2) ảnh phản-chiếu tận đáy hồ, *mệnh đề độc-lập thứ nhì*, đứng liền với mệnh đề trên, không có *tiếng nối* nên gọi là *mệnh-đề tịnh trí*.

3) he-hé ngỏ vừa, *mệng đề độc-lập thứ ba*, tịnh trí, chủ từ tỉnh lược : cánh hoa (cánh hoa he-hé ngỏ...)

4) thấy một cái nhị vàng lấm-tấm, *mệnh-đề độc-lập thứ tư,* tịnh trí ; tỉnh-lược chủ từ cánh-hoa, và động từ thấy có nghĩa chính là *để lộ ra* (cánh hoa *lộ* một cái

nhị vàng...) tiếng *thấy* thì là mệnh đề tỉnh lược hai tiếng *cho ta*. tức là lối hành-văn không dùng chủ từ, bỏ bớt chủ từ, là lối thường dùng trong cách viết văn của ta. (Cánh hoa he hé ngỏ *vừa* (đúng) *cho ta* thấy một cái nhị vàng lấm-tấm ; mệnh đề chót chỉ trường hợp bổ túc cho động từ *he hé ngỏ* của mệnh đề trên.

Đại-ý bài nầy nói hoa sen đẹp vì màu sắc, qúi vì hương và nhứt là vì phẩm-cách thanh cao ; ví như người quân-tử, hoa sen ở gần bùn mà chẳng hôi, tanh, người quân tử ở gần, ở lẫn với đám tiểu-nhân cũng vẫn giữ nguyên tánh-tình của mình vậy.

(1) **Lời tòa soạn**. — Bài giải trên đây là của một nhà giáo nên không phải chỉ riêng có tánh cách một bài làm mà chính là cần có tánh cách một bài giảng rộng rãi với nhiều lời nhiều nghĩa để giúp các em học-sinh đọc mà hiểu kha-khá về Việt văn, cũng có thể kể là một bài học về Việt-ngữ vậy.

VIỆT-VĂN

Lá thư của một nữ-sinh được nhập học lớp đệ nhứt niên trong Gia-Long nữ học đường, gửi về cho cha mẹ ở nhà quê.

(Đầu bài ra trong số 17, cuối trang 16)

LỜI TÒA-SOẠN.— Chúng tôi tiếp được bài làm này, viết theo thể *thơ song thất lục bát* (1), đọc nhận thấy đủ nghĩa, vậy xin các em học-sinh lớp đệ nhứt niên đọc rồi *tự đổi thể văn vần ra văn xuôi là được thêm một lá thư nữa*, vả lại viết thư và gởi thư bằng một bài *thơ* (văn vần) cũng là một cách đặc-biệt Việt-Nam từ xưa, vậy xin chớ lấy làm lạ.

Vũ-hữu-Tiềm

Kính thưa *Tía, Má,*

(cha, mẹ, tiếng người trong làng hay dùng).

Tuần nay, con *nhập học* (2) rồi,
Lòng vui, xin kính gửi lời báo tin :
Con theo *đệ nhứt niên* (3) dùng sức,
Ngoại-trú (4), trường nữ-học Gia-Long.
Rất may ! gặp bạn *đồng song* (5),
Tính tình *tương đắc* (6), một lòng giúp con.
Nơi ăn, ở, đâu hơn nhà bạn ?
Được bạn hiền, con rán *kết thân* (7).
Trường về nơi trọ cũng gần,
Chân đi hai buổi, bốn lần không sao.

Trường mát mẻ, cây cao rợp bóng ;
Lớp phong quang, sân rộng, cỏ xanh.
Bên ngoài, bao bọc xung-quanh,
Tường xây, rào sắt như thành *thâm nghiêm* (8).
Nữ-sinh kể dư nghìn bạn trẻ,
Đều thắm tươi như thể hoa-xuân ;
Với lòng trong trắng, *thanh tân* (9),
Với hồn tốt, đẹp, với thân *mạnh, lành* (10).
Đều hăng-hái đua tranh học-hỏi ;
Mong sau này nên giỏi, nên hay.
Giáo-sư, mỗi môn mỗi thầy,
Các bà ai cũng ngày ngày tận tâm.
Nên con tự nhủ thầm trong dạ,
Rằng *tương-lai* (11) con đã dựng xây ;
Ra công, cố chí từ đây,
Trừ giặc dốt (12), để sau nầy *vinh qnang* (13).
Chí *quyết chí* (14), dạ càng *khoan-khoái* (15) ;
Tâm *kiên-tâm* (16), lòng lại *hân-hoan* (17).
Con mừng hi-vọng chứa-chan ;
Biết rằng cha mẹ, *nồng-nàn* (18) tình thương,
Trông tin con lên đường bữa ấy,
Nửa tháng rồi, nên lấy làm lâu.
Vậy, con kính-cẩn cúi đầu,
Thơ nầy, con gửi về hầu *hai thân* (19).
Rồi sau, tháng một lần con viết,
Gởi về nhà để biết tin con...
Tuy rằng cách trở nước non,
Lòng con tưởng nhớ, *vàng son* (20) một lòng.

Kính bái bút, (21)

TÂN-LONG ái nữ

Saigon, 26-9-50.

---

1) 2 câu bảy chữ, 1 câu 6, 1 câu 8 chữ liên tiếp.

2) *vào* học.

3) năm thứ nhứt, năm đầu.

4) trọ ở ngoài.

5) cùng ngồi học ở một cửa sổ, bạn cùng lớp.

6) hợp ý nhau.

7) ăn ở thân mật (đoàn *kết thân ái*)

8) sâu và thẳng, kín đáo cho phụ-nữ.

9) xanh, mới, trẻ trung.

10) mạnh khỏe và không có bịnh hay lây.

11) sẽ tới, cuộc đời về sau.

12) đốt cũng thiệt hại như bị giặc hại.

13) vẻ vang, sung sướng.

14) định chắc, không đổi ý chí.

15) lâng lâng vui vẻ, dễ chịu.

16) vững-lòng, bền lòng.

17) vui-vẻ.

18) đắm thắm, đượm nồng, quá nhiều.

19) cha và mẹ là 2 người thân nhứt *(song thân)*,

20) bền (*vàng* và *son* đều có màu sắc bền lâu hơn các thứ khác).

21) kính lạy cày viết, (cách dùng rất lễ phép tôn trọng ở cuối thư, chỗ ký tên, ngày xưa.

ĐẦU-ĐỀ : *Em có một chị bạn thân vì hoàn-cảnh gia-đình nghèo túng mà phải thôi học. Vậy hãy viết thơ an-ủi người bạn nghèo ấy.*

1er DEGRÉ *(1ère et 2e Année P.S.)*

DICTÉE *Un nouvel élève*

Nous étions à l'étude quand le Proviseur entra suivi d'un nouveau habillé en bourgeois. Resté dans l'angle, derrière la porte, si bien qu'on l'apercevait à peine, le nouveau était un gars de la campagne, d'une quinzaine d'annés environ, et plus haut de taille qu'aucun de nous tous. Il avait les cheveux coupés droit sur le front comme un chantre de village, l'air raisonnable et fort embarrassé.

Quoiqu'il ne fût pas large des épaules, son habit veste de drap vert à boutons noirs devait le gêner aux entournures et laissait voir, par la fente des parements, des poignets rouges habitués à être nus. Ses jambes, en bas bleus, sortaient d'un pantalon jaunâtre très tiré par les bretelles. Il était chaussé de souliers forts mal cirés, garnis de clous.

Gustave Flaubert
(Madame Bovary)

QUESTIONS.— 1) A quels traits reconnaissons-nous que le nouvel élève est un campagnard ?

2) Dans la 2ème et 3ème phrase, dites la fonction des mots : nouveau, gars (2ème phrase) cheveux, air (3è phrase),

3) Décomposez en propositions la 1ère phrase de la dictée et donnez la fonction des propositions.

Construction de phrases.— La proposition subordonnée introduite par QUAND. Relisons la 1ère phrase de la dictée :

« Nous étions à l'étude quand le Proviseur entra suivi d'un nouveau habillé en bourgeois ».

Les 2 actions sont au passé et *se passent en même temps* : l'une est à *l'imparfait* (nous *étions*), temps des actions qui se prolongent et durent, alors que l'autre est au *passé simple*, temps des actions qui surviennent tout à coup (à ce moment-là, le Proviseur entra).

Exercice.— Construisez 4 phrases d'après ce modèle, Vous soulignerez la proposition subordonnée.

(Que se passa-t-il au moment précis où nous étions sur la route de l'école ? où nous jouions dans la cour ; où nous récitions nos eçon s...)

Réponses.— 1) Nous marchions tranquillement vers l'école *lorsque, soudain, un chien s'avança vers nous.*

2) Nous jouions dans la cour *quand, tout à coup, le tamtam sonna.*

3) Nous récitions nos leçons *quand M. l'Inspecteur entra dans notre c asse.*

4) L'après-midi s'achevait *lorsqu'un cri, soudain, retentit : « Au feu ».*

Rédaction. *En récréation vous voyez passer au-dessus de la cour un avion. Vous suivez du regard ses évolutions dans l'air.*

Racontez et dites-nous vos impressions.

Sujet traité.— Nous étions en récréation. Chacun se livrait à son jeu favori. Les grands jouaient au volant et les petits se poursuivaient avec tout l'ardeur de leur jeune âge.

Tout à coup monte dans l'air pur un violent ronflement. Nous levâmes les yeux et, Dieu ! très haut dans le ciel bleu vif était suspendu un avion blanc qui, dans un vrombissement glissait à travers l'atmosphère. Kiệt poussa un cri en le montrant des deux bras... Que c'était donc beau ! Grâcieux comme un héron sans choc ni heurt, il naviguait ca mement dans l'air, avec ses ailes et sa queue blanc aigu sur le bleu chaud. L'air était plein d'un ronflement d'acier.

Tous les élèves dans la cour quittaient leurs jeux et regardaient dans le ciel. L'avion était au-dessus de nos têtes et son hélice qui tournoyait rapidement scintillait sous les rayons du soleil matinal. Pendant quelques minutes, nous restâmes en extase, le regard fixé sur l'avion qui disparut enfin au loin dans les nuages.

A voir cette machine volante évoluer si aisément dans les airs, on se croirait en présence de quelque œuvre surnaturelle de magie. C'est le génie de l'homme qui l'a créée et je me sentais transporté d'admiration pour une telle puissance. Peut-être que mon ami Kiệt

éprouvait-il le même sentiment que moi, car je le vis encore l'air ravi et le regard tourné vers le ciel dans la direction de l'avion bien qu'il eût déjà plusieurs minutes que celui-ci avait disparu:

— Qu'en penses-tu, Kiêt, lui demandai-je ?

— Je vois là une étonnante réalisation de la science. Et quoique l'avion me soit familier, il est toujours pour moi un nouveau sujet d'admiration.

Réponses au questionnaire de la Dictée : L'avion dans la tempête— 1·) *Sans-fi'iste* : l'homme chargé de recevoir et d'envoyer les dépêches par T. S. F. On dit encore le radiotélégraphiste.

En perdition : qui est en danger de se perdre.

2·) On se passerait volontiers de la radio parce que les nouvelles qu'elle communique sont mauvaises, ce qui met l'angoisse au cœur de ceux qui sont eux-mêmes en danger. Le mauvais moment qu'on traverse a été fatal à d'autres, pourquoi ne le serait-il pas pour nous ?

3·) *Indéchiffrab'e* est formé du préfixe *in* qui marque la négation, du radical *déchiffrer* et du suffixe *ab'e* qui marque la possibilité.

Indéchiffrable : qu'on ne peut pas déchiffrer.

Les 5 mots formés de la même manière sont : inhabitable, incalculable, inégalable, indéformable, imprenable.

Sujet à proposer: *Le nouvel élève.— Un nouvel élève a été admis ce matin dans votre classe. Faites son portrait. Quels sentiments éprouvez-vous pour lui ?*

Thème corrigé : **En avion**

L'avion ne cessait de monter dans le ciel, de prendre de la hauteur, et la terre, au fur et à mesure de notre éloignement nous dévoilait tous ses détails. Le fleuve n'était plus qu'un mince ruban clair, le village de Strung-treng un amas de minuscules cases, les hommes des fourmis en mouvement...

Au plus nous nous élevions, au plus l'air se rafraichissait. Bientôt il fit froid : c'est que nous avions atteint la région des nuages. Tout autour de nous, maintenant, ce n'était que blocs neigeux, un peu comme une mer à vagues d'argent. Peut-être étions-nous à deux mille mètres d'altitude ?

Mais l'avion bondit hors de ces masses ennemies, la terre nous apparut brusquement, plus petite encore, les hommes et les cases

étaient invisibles, seule la ligne bleuâtre du Mékong pouvait se distinguer, et les forêts ne semblaient être que des prairies couvertes d'herbe.

Texte de J. MARQUET

Version à proposer : **Les enfants mal élévés**

Toutes les fois que Giap et At sortaient de l'école, sans que le maître les suivît, ils jetaient de grands cris ou se disputaient avec les enfants de leur âge. Avait-il plu, ils marchaient où il y avait le plus de boue, et prenaient plaisir à éclabousser les élèves plus petits qu'eux. Rencontraient-ils une poule, un canard ou tout autre animal, ils le pourchassaient, lui lançaient des pierres et prenaient un grand plaisir à inquiéter la pauvre bête. Un jour qu'ils se livraient à ces jeux grossiers, un vieillard qui passait leur fit de vifs reproches et leur dit qu'il était honteux, pour des enfants élevés dans une école, de tenir une telle conduite. Mais les petits polissons écoutèrent à peine la réprimande du bon vieillard, et s'enfuirent en éclatant de rire. Quels sont les enfants qui voudraient ressembler à ces élèves grossiers et brutaux ?

BÀI THI TÚ-TÀI V.N. *(Kỳ nhì 4-9-50. Saigon)*

LUẬN. — BAN TRIẾT-HỌC VĂN CHƯƠNG

Trong bài văn Chiêu hồn của cụ Nguyễn-Du có những câu :

Kìa những kẻ bày binh bố trận
Đem mình vào cướp ấn nguyên-nhung
Gió mưa sấm sét đùng đùng
Phơi thây trăm họ nên công một người.

Tìm ý nghĩa của những câu đó và phân tích quan-niệm của nhà thi-sĩ.

Bài làm

Bốn câu thơ nầy là trích trong bài văn *tế-thập-loại chúng-sinh* của cụ *Nguyễn-Du* làm theo thể *song thất lục-bát* ; bài văn-tế ấy là một bài thơ dài, lời văn rất thống-thiết lâm-ly, đọc lên nghe như khóc như than, khiến người nghe phải cảm-động, xót thương những vong hồn lang-thang, vô định, âm-thầm, chìm đắm bơ-vơ trong cõi u-minh tưởng chừng như có một thế-giới âm-phủ, trong đó người chết đang khóc than thảm-thiết, kéo dài một cuộc đời lạnh-lẽo chơi-vơi.

Gọi hồn người chết về hưởng đồ cúng, cụ Nguyễn-Du đã thừa tài trong lời văn. Cụ mở đầu bằng tả cảnh tháng bảy mưa dầm, gợi lòng thương nhớ thật tài-tình.

Trong bài kêu gọi hết thảy các vong hồn chết về đủ cách, nhưng nay chỉ đem bốn câu sau nầy mà giải nghĩa là muốn cho hợp-thời, hợp cảnh : thời loạn-ly, cảnh nhân loại tàn-sát. Ấy là bốn câu thơ kêu gọi hồn tử-sĩ, hồn những người chết trận vậy :

« Nào những kẻ bày binh bố trận !
Đem mình vào cướp ấn nguyên-nhung.
Gió mưa thét giọng đùng đùng !
Phơi thây trăm họ, nên công một người ! »

Loài người còn tranh-giành nhau, chen lấn nhau ; tranh-giành chen lấn đến đánh giết nhau, rồi kẻ mạnh được, kẻ yếu thua thì chiến tranh phải xảy ra là lẻ tự nhiên.

Dân-tộc nầy tranh hơn thua với dân-tộc khác, để lấy quyền-lợi hơn, trong khi chưa ai chịu nhường-nhịn ai, thì phải đem chiến-thuật và chiến-lược ra mà nghệ-thuật hoá cuộc tranh-giành bằng võ-lực ở chiến-trường, thế gọi là *bài binh bố trận.*

Đã bày binh bố trận rồi tất phải cố công gắng sức, đến liều đem thân ra xông-pha ra trận tiền mong thắng quân địch, lập nên chiến-công, rồi nhờ kinh-nghiệm và có tài dùng binh thao-lược đến *bách chiến bách thắng*, đoạt được nhiều chiến công, trở nên một ông tướng không ai địch nổi rồi được giữ chức cầm đầu các tướng sĩ có *ấn-tín* một vị *nguyên soái, tổng-tư-lịnh.*

Ấy là nghĩa hai câu ; *Nào những kẻ bày binh bố trận.*

Đem mình vào cướp ấn nguyên-nhung

Muốn cướp *ấn nguyên nhung* phải can-đảm xông-pha, *vào sinh ra tử* trong những trận tác-chiến, phải dày công lao-luyện quân lập chiến công, phải hăng-hái dũng cảm oai-phong lẫm-liệt, mau như gió như mưa, mạnh như sấm-như sét, đúng lời văn trong câu thứ ba :

Gió mưa thét giọng đùng đùng.

Câu văn nầy cũng như bốn chữ cuối câu trên : cướp *ấn nguyên nhung* là lối văn dụng cách ám-tỉ, *ấn nguyên nhung* ám tỉ chức người cầm đầu các tướng sĩ, chức tổng tư lịnh, nguyên soái ; còn *gió mưa sấm sét đùng đùng* ám tỉ sự điều binh khiển tướng, sát khí đằng đằng trong những trận ác chiến quyết tử, khí hăng như mưa gió, sấm sét để đoạt lấy phần thắng oanh-liệt.

Mà đã là trận đánh ác-liệt quyết tử để quyết thắng tất phải hy-sinh tướng sĩ, tất phải hao binh tổn tướng cả hai bên, xác quân tử trận phải đầy đồng, ấy là nghĩa bốn chữ đầu câu chót : *Phơi thây trăm họ*, vậy.

Còn bốn chữ cuối câu chót : *nên công một người*, thì theo quan-niệm và chế-độ phong kiến ngày xưa là như vậy, một trận đánh, hy-sinh chết cả muôn vạn binh tướng, mà rồi công lao chỉ qui về một người cầm quân, về chức nguyên soái, tổng tư lịnh, là nhiều ; còn được thưởng công xứng đáng chỉ một số ít người có danh, và quân sĩ chỉ được khao thưởng ăn uống, kỳ dư muôn vạn người chết trận chỉ đem vào chung một cuộc lễ cúng tế truy điệu, truy-phong rồi lập một đài chung là đài « tướng sĩ trận vong » để truy-niệm trong các cuộc lễ của quốc-gia chính thức.

Âu cũng chỉ là cách khuyến lệ, làm nong chí dân gian tham dự chiến-tranh mà thôi.

Nên công một người : rất đúng để tả về ý-nghĩa tôn-sùng lãnh-tụ của người đời xưa vậy.

. . .

Kêu gọi vong hồn tướng-sĩ về hưởng đồ cúng, với bốn câu :

Nào những kẻ bài binh bố trận.
Đem thân vào cướp ấn nguyên nhung.
Gió mưa thét giọng đùng đùng.
Phơi thây trăm họ, nên công một người.

Tác-giả cho đời là một cuộc sống bất công xã-hội loài người kiến-thiết trên một nền tảng mơ hồ dã-dối, nên tác-giả có quan-niệm phản-đối chiến-tranh nhưng chỉ có thể thụ-động phản-đối ; thấy sự bất công chỉ than trách, tuy vẫn hiểu rằng những lời than trách dầu cho thống-thiết cảm-động đến đâu cũng không cải-tạo được xã-hội bao giờ ! Âu cũng là một quan-niệm. « Có còn hơn không ». Không được gì là tích-cực thì tiêu-cực vậy, vẫn hơn à chỉ ngồi không, tay không làm được thì miệng than một lời còn hơn lạ chỉ ngồi dương mắt ếch. Người khác, nghe lời than mà công phẫn lên, và có tài sức làm được thì ra làm mà nên việc biết đâu.

Quan-niệm này là quan-niệm gần như chung hết thảy của những nhà nho học thời xưa, một quan-niệm chịu ảnh-hưởng của đạo Khổng, Mạnh, trung dung lấy lễ-nghĩa, văn-chương và tư-cách quân-tử để mong cảm-hóa người và cải-thiện xã-hội vậy.

PHẠM-CAO-TÙNG

Nhà Sách P. VĂN-TƯƠI. 16, Sabourain SAIGON

LUẬN PHÁP - VĂN

Ban Triết-học Văn-chương và Khoa-học

Sujet.— Commentez ce mot de Mme de Staël : « *Seuls, veillons sur nos pensées : en famille, veillons sur notre humeur ; en société, veillons sur notre langue* ».

Devoir.— Qu'a voulu dire Mme de Staël par ces mots : « *Seuls, veillons sur nos pensées ; en famille, veillons sur notre humeur ; en société, veillons sur notre langue* ? »

A mon sens, cette simple phrase contient en elle-même les principes fondamentaux d'une existence bien équilibrée. En effet, elle résume en trois points une règle de vie qui, une fois agréée et mise en pratique par l'individu, permet d'accepter la vie et de faire accepter sans heurt sa personnalité par sa famille et son milieu.

Nous allons essayer de démontrer le bien fondé de ces trois affirmations : *Seuls, veillons sur nos pensées !* Tous, tant que nous sommes, n'avons pas été sans remarquer que le plus souvent notre existence s'oriente d'une façon imprévue et très fréquemment dans un sens que nous n'avions point souhaité ; il ne nous reste plus qu'à accuser le sort contraire, la malignité des gens ou la dureté d'une époque difficile. S'il est vrai que de nombreux facteurs extérieurs peuvent venir contrecarrer nos projets, il est, malgré tout, évident que la plupart du temps notre conduite ne pouvait que nous amener à une désillusion ou à un échec. A quoi cela tient-il ? Simplement à ce que notre pensée qui a dicté notre décision n'a pas tenu compte de la raison. Inutile d'illustrer une fois de plus l'opposition entre l'imagination et la raison pure. *Veillons sur nos pensées* ! Evitons que l'imagination débridée ne se laisse emporter loin des réalités. Le plus souvent, lorsque nous sommes seuls, tranquilles, l'esprit se met à fonctionner à grande vitesse, l'imagination faisant table rase des difficultés et des oppositions nous conduit rapidement au but désiré. Sachons au terme d'une subtile combinaison ou de dangereux projets nous poser cette question : Est-ce raisonnable ? Alors pourrons-nous sans nul doute vérifier la réelle profondeur de ce simple conseil : *Seuls, veillons sur nos pensées* !

Une bonne méthode pour que chacun de nous puisse se faire accepter par son entourage immédiat est de *surveiller son humeur !* Certes il apparaît difficile de montrer à tous dans les périodes tourmentées que nous vivons un visage serein et une amabilité à toute épreuve, mais pour vivre en bonne harmonie avec les gens qui composent notre famille, il faut tendre à oublier momentanément nos soucis, à ne pas montrer un visage bougon. Aux réunions plus ou moins agréables savoir être patient, compréhensif, savoir une bonne fois que les gens qui vivent en contact journalier avec nous ont également leurs peines et que les faire participer aux nôtres, n'est pas le fait d'un caractère bien trempé. L'on vous saura gré d'être toujours d'humeur égale. Mais ce résultat ne peut être obtenu qu'avec une attention soutenue et un très sérieux effort de volonté.

En société, veillons sur notre langue ! Cette phrase nous amène infailliblement à penser à une autre phrase d'Esope : « *La meilleure et la pire des choses !*» Nous ne voudrons pas revenir sur les méfaits causés par des paroles inconsidérées jetées dans un cercle même restreint, paroles qui sont le plus souvent répétées, déformées ; tout cela est banal ; la chronique fourmille de pensées et de lieux communs sur ce sujet. Néanmoins à titre pratique, si l'on veut se faire apprécier dans une société, il est indispensable, selon une expression un peu vulgaire, de savoir tenir sa langue.

L'expérience a démontré que l'on doit le moins possible faire part de ses projets ou de ses idées. Il est un fait que l'on apprécie beaucoup plus un homme discret qu'un bavard. Cela est surabondamment prouvé et il est inutile de pousser davantage la démonstration d'une telle évidence.

Que faut-il conclure de la phrase de Mme Staël? A mon sens, elle n'est que le rappel d'une logigue déjà éprouvée ; elle ne peut guère porter à diverses interprétations et il est évident que la mise en application de ces trois maximes nous conduit à une façon de vivre plus rationnelle et, à coup sûr, plus intelligente.

En résumé ; il apparaît nécessaire d'exercer un contrôle constant sur ses pensées et son comportement extérieur, c'est ce qu'a voulu synthétiser Mme de Staël.

MARCEL Louis

Professeur

Dịch Việt-ngữ ra Anh-văn

(Thi Tú-Tài kỳ nhì — Saigon)

Cảnh Huế

Người khách mới đến thành Huế tưởng như bước chân vào bức tranh cảnh : chung quanh núi, giữa con sông, nhà cửa tụ-hợp hai bên bờ, trên bến dưới thuyền ; tròng xa như một òa thành cổ bao la, thâm nghiêm kín cổng. Cái phong cảnh Huế sở dĩ đẹp thứ nhứt là bởi con sông Hương-giang. Con sông xinh thay ! Hanoi cũng có con sông Nhị-hà, mà sông Nhị với sông Hương khác nhau biết chừng nào ! Một đàng ví như cô còn gái tươi cười ; một đàng ví như bà lão già cay nghiệt. Nhị-hà là cái thiên-tai của xứ Bắc, Hương-giang là châu báu của xứ Kinh. Nước trong như vắt, giòng phăng như tờ, ít khi có tý sóng gợn trên mặt, đi thuyền trong sông như đi trong hồ vậy. Huế không có con sông Hương thì tưởng cái đẹp của xứ Huế giảm mất nửa phần. Nhưng đã có con sông Hương lại có núi Ngự nữa, cái cảnh mới thực toàn xinh.

The landscape of Hue (or Hue Landscape)

A traveller who happened to come to Hue for the first time would fancy to step into a fairy land (or to face an artist's pamting) with mountains all round, a river in the middle, alive with dwellings, on both sides, with wharves up and boats down. Seen from afar, it looks like a most impressive and mysterious antique town. The beauty of the Scenery comes chiefly from the " Fragrance-River ". How beautifull she is ! Hanoi has also the Nhị-Hà, but what a difference between the two rivers ! Nhị may be compared to an old frump ; Huong to a blooming young lady. The former is the mishap-bearer of the North, while the latter is an adamantine endowment of the Center. Her water is clear as if filtered, her stream as quiet as a sheet of paper, scarcely ruffled by small waves ; so sailing over her is as on a lake. Deprived of the F. R. Hue would lose half of her gracefulness. But adorned with this and enriched with the Royal Mountain, its landscape is brougth to a nicety.

(Bài Anh-văn dịch ra Việt-ngữ trong số tới).

Dịch Việt-văn ra Pháp-văn (Thème)

Tết Trung-Thu

PHAN-KẾ-BÍNH

Chúng tôi đăng nguyên văn sau đây một bài nói về Tết Trung-Thu. Ấy là bài trích ở quyển *Việt-Nam Phong-Tục* của Phan-kế-Bính. Ông Phan-kế-Bính (1875-1921) là một nhà văn Việt-Nam có giá-trị, vừa là một nhà viết báo có tài, cùng là một nhà văn rất thiết-tha với Sử-ký nước Việt. Ông viết tiếng Việt rất giản-dị, tinh-vi và rõ ràng, văn ông bóng-bẩy và rất gợi ý.

Rằm tháng tám là tết Trung-thu. Tết này thường gọi là tết trẻ con' nhưng có nhà tốn phí nhiều tiền lắm.

Ban ngày, làm cỗ cúng gia tiên, tối đến bày cỗ thưởng nguyệt. Đầu cỗ là bánh mặt trăng, và dùng nhiều thứ bánh hoa quả nhuộm các màu các sắc sặc-sỡ xanh đỏ trắng vàng. Con gái hàng phố, thi nhau tài khéo gọt đu-đủ, trổ các thứ hoa nọ hoa kia, nặn bột làm con tôm con cá, coi cũng đẹp.

Đồ trẻ con chới trong tết này, toàn là các thứ bồi bằng giấy, như là: voi, ngựa, kỳ-lân, sư-tử, rồng, hưu, tôm,

La fête de la mi-automne

traduit par MAURICE DURAND

Nous donnons ci-après un extrait relatif à la fête de la mi-automne. C'est un passage des Mœurs et Coutumes du Viêt-Nam du Phan-kê-Bính (1875-1921), l'un des meilleurs écrivains de langue Viêtnamienne, journaliste de talent, lettré passionné de l'histoire de son pays. Phan-kê-Binh s'exprime dans une langue simple et concise, mais nuancée et précise, aux images puissamment évocatrices.

Le quinze du huitième mois esl la fête de la mi-automne. Cette fête, nous avons l'habitude de l'appeler fête des enfants ce qui n'empêche pas certaines familles de faire de grands frais à cette occasion.

Pendant la journée, on prépare un festin que l'on offre aux mânes des ancêtres ; la nuit venue, on dispose un festin en l'honneur de la lune. Dans ce festin, au premier rang, figurent les gâteaux de la lune ; on présente aussi beaucoup de sortes de pâtisseries et des fruits dont les teintes et les couleurs, diverses et variées, rutilent en une bigarrure de bleu, de rouge, de blanc, de jaune. Les jeunes filles de la ville rivalisent d'adresse et d'habileté : elles pèlent des papays et les découpent en fleurs de toute espèce, elles pétrissent la farine et la moulent en écrevisses, en poissons, également beaux à voir.

Durant cette fête, on confectionne tous les jouets des enfants avec du papier collé: éléphants, licornes, lions,

cá, bươm-bướm, bọ-ngựa, cho chí cành hoa, giàn mướp, đèn cù, đèn xẻ rãnh, đình chùa, ông nghè đất, con thiềm-thừ v.v...

Trẻ con, tối hôm ấy, dắt-díu nhau từng lũ, đám thì nhảy vô, đám thì kéo co, đám thì bắt cái hồ-khoan, đám thì rước đèn, rước sư-tử, trống, thanh-la đánh vang cả đường, tiếng reo tiếng đùa rầm-rĩ. Lại nơi nọ hát trống quân, nơi kia hát trống quít, tổng chi gọi là cách trung-thu thưởng-nguyệt.

dragons, cerfs, écrevisses, poissons, papillons, mantes religieuses, et mêmes les branches de fleurs, les tonnelles de cucurbitacées, les lanternes tournantes, les lanternes à rigoles, les temples et les pagodes, les docteurs en terre, les crapauds de la lune, etc...

Le soir de cette fête, les enfants s'entraînent par bandes et par groupes: on saute, on se tiraille, on joue à « Attrapons-le, Ho, Ohé ! », on exécute une retraite aux lanternes, on fait la procession du lion ; le tambour, les cymbales retentissent dans toutes les rues, les cris et les plaisanteries fusent A tel endroit, on chante au tambour de guerre, à tel autre au tambourin. En résumé, telle est la façon de fêter la lune à la mi-automne.

Anglais pratique

Phrases courantes	**Current phrases**
J'ai	I have (*aï hàv*)
Je n'ai pas	I have not (*aï hàvn't*)
Je veux	I want (*aï wònt'*)
Je désire	I wish (*aï wish*)
Je voudrais	I should like (*aï shoudlaïk*)
Je préfère	I prefer (*aï prifër*)
Veuillez (*me dire*)	Kindly (*tell me*) (*kaïndl'*)
Je vous prie	Please (*plîz*)
S'il vous plaît	If you please (*ifyouplîz*)
Pardon	Excuse me (*iksyouz mî*)
Distes-moi	Tell me (*telmî*)
Donnez-moi	Give me (*givmî*)
Montrez-moi	Show me (*shoou mî*)
Pouvez-vous	Can you (*kanyou*)
Voulez vous	Will you ? (*wilyou*)

PHÁP-VĂN THỰC-HÀNH và ANH-VĂN BỔ-TÚC

Những câu thường dùng để *quả-quyết, chối-cải, ưng thuận, phản-đối.*	*Phrases et expressions courantes employées* pour affirmer, pour nier, pour approuver, paur désapprouver.	Current phrases and expressions used : *to affirm, to deny, to approve, to disapprove.*
— Đó là trúng,	*C'est juste.*	That's right[1].
— Chính là cái đó.	*C'est cela (çà).*	That is so.
— Anh tưởng như vậy hử ? (Anh có tưởng cái đó không).	*Vous le pensez ?* *Le pensez-vous ?*	Do you think so ? I do.
— Phải (có vậy).	*Oui.*	Where did you get
— Ai đã ra ý kiến đó cho Anh ? (Ai nói với Anh đó ?)	*Qui vous a donné cette idée ?*	that idea[2] from ?
— Người ta đã nói với tôi cái đó.	*On me l'a dit.*	I have been told [3] of it.
— Tôi tin sự đó.	*Je le crois.*	I believe so.
— Tôi tưởng đó là trúng.	*Je pense que c'est juste*	I believe it's right.
— Tôi ưng bụng sự đó mọi đàng. (theo ý kiến đó)	*Je suis entièrement de cet avis.*	I quite approve [4] of it.
— Anh hãy tin chắc cái đó.	*Vous pouvez en être persuadé.*	You can take it for granted[5].
— Tôi lấy làm chắc cái đó.	*J'en suis certain,*	I am sure of it.
— Anh hãy tin tôi việc đó.	*Vous pouvez m'en croire.*	You can take it from me.
— Anh hãy lấy làm chắc cái đó.	*Vous pouvez en être certain.*	You may be sure of it.
— Chẳng có gì thật hơn nữa.	*Rien n'est plus vrai*	Nothing is more true [6].
— Cái đó không trúng.	*Cela n'est pas juste.*	That's not right.
— Đó là sai.	*C'est faux.*	That's wrong[7].
— Cái đó không thể có được.	*Cela ne se peut pas.*	That cannot be so.
— Anh có nói chắc hkông ?	*Parlez-vous sérieusement ?*	Are you in earnest[8]?
— Anh lầm rồi.	*Vous vous êtes trompé.*	You are mistaken[9]
— Tôi không dè cái đó.	*Je ne le pense pas.*	I don't think so.
— Đó là sai hẳn.	*C'est complètement faux.*	It is absolutely [10] untrue

— Anh đừng tin cái đó. — Chẳng phải hẳn là cái đó đâu.	*Ne le croyez pas.* *Ce n'est pas tout à fait cela.*	Do not believe it. It is not quite like that.

Dưới đây là prononciation figurée những tiếng mà quí bạn chưa gặp trong mấy số trước : *(1) zhàt-z, (2) aï-dir, (3) bîn toll-d, (4) quoiët ep-prouv, (5) grenn-tid, (6) rong, (7) eurnest, (8) trou, (9) misteikenn, (10) ebsoliout'lé.*

Kinh-tế chánh-trị

Cô TÂN-HUỲNH-HOA — *Chợ-lớn*

(Tiếp theo)

Cách tính về việc mua bán phố xá

(Calcul sur la valeur d'immeubles)

2e *Exemple.*—Tại Xóm-củi (Chợlớn) đường Dellefosse, trên một miếng đất 726m² có cất 0 căng phố lợp ngói vách cây, bề ngang mỗi căng 3m30 bề sàu 9m phía trước dư 1m phía sau 12m, cất được 5 năm ; mỗi căng mỗi tháng cho mướn 35$ (phố lao động).

Ra giá bán 60 000$. Nên mua cùng không ?

Solution.— Diện tích 10 căn phố 3m30 × 9 × 10 = 297m².

Xóm-củi thuộc về 3e zône, giá đất nhà nước (thi dụ) 10$ le m².

726m² × 10$	7 260$
Tiền phố mỗi tháng : 35$ × 10 = 350$	
id mỗi năm : 350$ × 10 = 3.500$	
(mỗi năm tính 10 tháng, còn 2 tháng để tu bổ)	
Phố cất 5 năm còn 10 năm sẽ hư. 3.500$ × 10 =	35.000
Cọng...	42.260$

NÊN MUA.— Vì phía sau dư đất. Chừa đường hẽm 3m còn lại : 9m × 33m = 297m²; cất thêm được 10 căn phố nữa hoặc cất kho chứa đồ, phố lao-động không thể tăng hoặc tửng được.

Lưu-ý.— Phố bêton dự định 40 năm hư
« vách gạch « 30 id
« vách cây lợp ngói « 15 id

Toán đố Thương-mãi (*Problème commercial*)

Một miếng đất ở gần trường học lớn Phú-lâm diện tích 225m². Cách 50 năm về trước giá mỗi thước là 0$50, lần hồi lên 5$. Lúc trước chiến tranh giá là 10$ nay lên đến 40$ (giá thị dụ) Chủ đất ra giá bán 5.000$ nếu mua thì lời hay lỗ? (xin cắt nghĩa: tại sao lời, tại sao lỗ).

Solution.— Giá ngày nay : 225m² × 40$. . . 9.000$
Giá chủ bán. . . . . : . 5.000$

Đến sau nhà nước mua lại theo giá trước chiến tranh, cho xe lửa chạy xắn ngang qua miếng đất là : 225m² × 10$. . . . . 2.250$

Lỗ. . . 2.750

Vậy cho nên muốn mua bán nhà cửa phố xá, đất cát, phải rõ mấy việc trên đây.

Lưu-ý.— Chẳng phải học Kinh-tế chánh-trị mà làm giàu hết, trong đó cũng có do nơi thời vận nữa.

Xin Độc-giả xem gương sau đây.

Tại Địa-phương S.C. có một dãy phố lầu trên 10 căng. Mười mấy năm về trước giá là 200.000$. Chủ kêu bán lỗ phân nữa là 100.000$. Có người mua, nay lời thập bội.

Vì chủ phố dọ ra thì nhà nước đã vẽ họa đồ xong và sắp mở rộng con đường trước cửa phố ; nếu đường mở rộng ra 4 thước thì dãy lầu ấy bay hết nhà trên, còn lại nhà dưới, mà nếu nói bán lỗ chớ khi tan khẩn, giá đâu tới 100.000$. May thay ! Người mua có thời, gặp thời cuộc nhà nước bèn đình lại việc mở rộng con đường nọ.

(Còn nữa)

LEÇONS PARTICULIÈRES
ANGLAIS-FRANÇAIS-SCIENCES-MATHÉMATIQUES
Classes secondaires & P.S. Préparation intensive aux divers examens. Méthode classique — Auditions disques — Linguaphone Assimil.
S'adresser: TRI-DUC
226, Lagrandière -:- Saigon

TẬP THỂ-DỤC THẾ NÀO ?

(Tiếp theo số XII)

NGUYỄN-VĂN-ĐOAN

Tập luyện phía sau mình (bài nối).

Trong số trước tôi đã trình bày vài kiểu vận động tập luyện cây xương sống cổ (colonne cervicale). Phần xương sống cổ là ngọn của cây sống, nên có tính chất yếu ; vì vậy sự tập luyện không quan hệ bằng cây xương sống lưng (colonne dorsale).

Bình thường, thì cây xương sống lưng hơi gô ra phía sau. Những bắp thịt chằng cây sống (muscles spinaux) càng mạnh càng giữ được cho cây sống ngay thẳng và trái lại khi cao trỗi, những bắp thịt đó yếu dần mà cây sống lưng dần dần chĩu ra phía trước. Nếu cây xương sống lưng bị cay nhiều thì lồng sườn bị khép xuống mà làm tổn hại cho cơ quan hô hấp. Ngoài ra còn 2 mảnh xương bả vai cũng dự một phần quan trọng trong bộ lồng sườn vì ta có thể ví 2 mảnh xương đó như 2 gọng kìm. 2 gọng kìm đó càng khép chặt vào cây xương sống càng nâng bằng vòng vai (gồm có xương quai xanh). Vòng vai càng hăng bằng thì lồng sườn càng nở ra phía trước. Vậy tập luyện cây sống lưng có mục đích tăng cân lực cho những bắp thịt chằng và những bắp thịt kìm ương vai.

Đây là mấy kiểu vận động kìm ương bả vai.

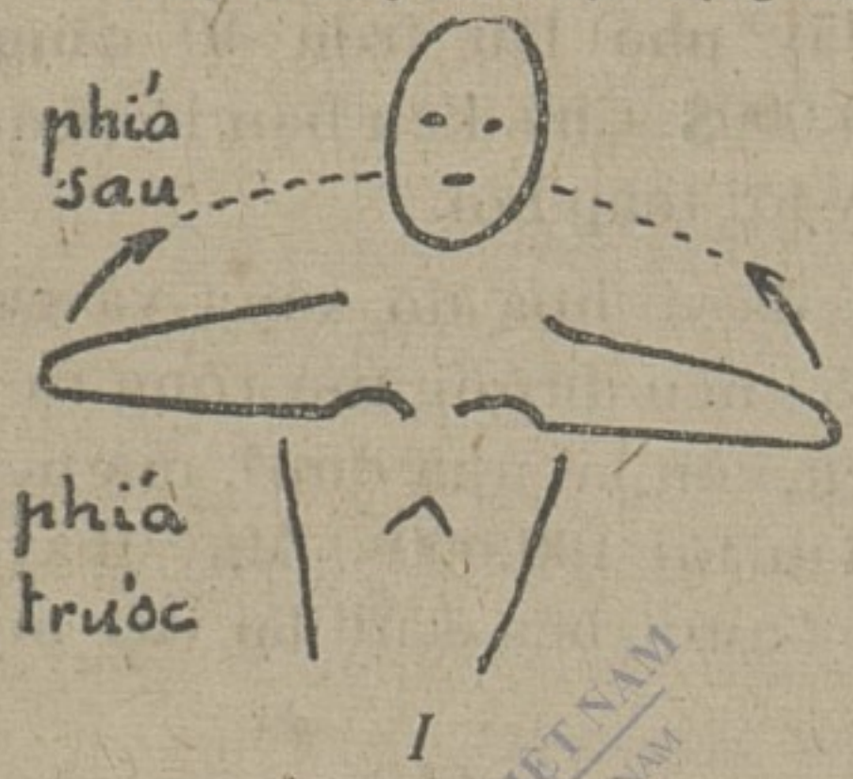

I

I.— *a)* Đứng ngay thẳng hoặc ngồi ngay lưng, cầm gập vào cổ cho gáy ngay.

b) Giang hai tay, xếp vào xương quai xanh, khép chặt lưng lại bằng cách kéo 2 khuỷu tay (cùi chỏ ra sau) ; đồng thời với 3 tác động đó hít hơi vào bằng mũi cho đầy ngực, và kìm hơi trong phổi chừng 3 giây, rồi trở ngược tác động mà thổi ra cũng bằng mũi cho hết.

Luôn luôn nên nhớ rằng lưng phải ngay thẳng vai hạ thấp, cầm gập trong cổ. Khi tập đã thành thạo rồi, ta có thể áp một đối lực vào khuỷu tay khi kéo ra phía sau ; đối lực đó có thể là tay người bạn đẩy hoặc tì khuỷu tay vào tường.

I.— *a)* Ngồi hoặc đứng ngay thẳng gáy cho ngay.

b) Giang hai tay, dựng đứng hai cẳng tay rồi hai cánh tay tự quay từ phía trước ra sau cho hai cẳng tay ngả ra sau, đồng thời kéo tay theo ra sau mà hít vào sau khi kìm hơi thở trong phổi chừng 3 giây, trở ngược động tác mà thở ra và hồi lực.

II

III.— *a)* Hai bàn tay bấm lại thành bàn hoặc ván hoặc sà- ngang mình treo bằng tay, thẳng thắn, 2 chân gót ở dưới đất, cằm gập vào cổ cho đầu nâng lên.

b) Co sát ngực vào thành bàn (ván hay sà), đồng thời hít vào cho đầy ngực, kìm hơi trong phổi chừng 3 giây rồi lần hạ thống mình xuống mà thở ra hồi lực.

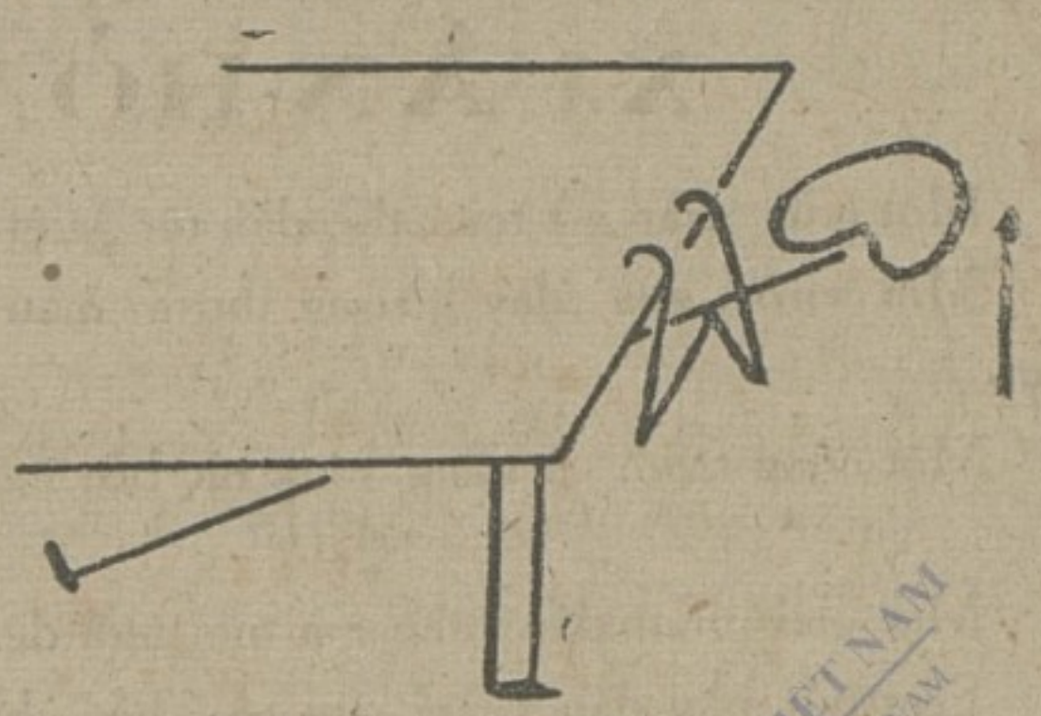

III

Dưới đây là mấy kiểu vận-động luyện những bắp thịt chằng cây sống lưng.

I,— *a)* Nằm sấp, hai tay buôn xuôi, chân gài hoặc không gài vào một vật nặng.

b) Ngóc vai lên cao mà hít vào cho đầy phổi.

Nên nhớ rằng cằm gập vào trong cổ cho gái thẳng, hai tay kéo xuống châu cho vai thấp xuống và cần nhứt uốn ngược lưng lên chớ không phải gấy vùng thận (région lombaire).

II.— *a)* Cũng thế bộ khơi động như kiểu I ở trên.

b) Cũng động tác đó nhưng thêm động tác quay mình sang trái và sang phải khi đã ngóc vai lên.

III.— *a)* Cũng thế bộ khơi động nằm sấp tay trên gáy.

b) Duỗi hai cẳng tay ra mà dương lên như hai cánh chim sắp quạt gió, đồng thời hít vào cho đầy phổi.

Nên lưu-ý rằng trong những tác động trên chỉ có vùng lưng (zône ingrate) là vận-động thôi. Ta phải tránh sự phụ-động của vùng thận và gáy. Mục-đích là luyện tập lưng chớ không phải ngóc đầu cho cao. Súc cảm của ta là thấy nơi lưng nóng và mỏi chớ không phải thấy cổ và vùng thận đâu.

Etincelles — Những tia lửa

— Si posséder est un plaisir, donner est une joie (G. Duhamet)
Nếu có là sự vui-thú, thì cho là sự hỉ-hoan.

— Dans la vie mondaine, on ne pense qu'à soi ; c'est la source de l'ennui (J. Verhœven).
Trong đời sống xã-hội, mà người ta chỉ nghĩ tới mình, thì đó là nguồn sự nhàm lờn.

— Ta vie est courte, il la faut pleine! (J. d'Arnous).
Đ ời con thì ngắn, nên nó phải đầy đủ!

— Tout effort est un succès (A. Bessières).
Hễ cố gắng thì thành công.

XUÂN-HÒA-BÌNH

Một mùa xuân mà toàn thể dân tộc Việt Nam cùng thế-giới đang trông chờ.

Một vườn hoa đầy hương thơm mầu sắc mà tất cả đang vung trồng, tô điểm.

Một công trình cố-gắng sáng tác bởi một nhóm văn nhân và nghệ-sĩ thực tài...

Một giai-phẩm đầu xuân mà mọi nhà đều nên có...

Sẽ trình bày đầu xuân năm nay bởi nhà xuất bản Tân-Văn-Hóa. *Với sự cọng tác của :* Châu-hải-Thạch, Vỏ-hòa-Khanh, Vỏ-Oanh, Tú-Cua. Châu-sáng Thế, Xuân-Phong, Hà-trường-Khanh, Đông-Quang, Hồ-văn-Hảo, Phan-Sinh, Hồ-thị, Châu-ngọc-Sáng, Nguyễn-vạn-An, Lâm-Tùng, Nguyễn-Hải, Hoàng-Chi, nữ-sĩ Đằng-Phương, Chu-văn-Khánh, Hoài-Anh, Hồ-Điệp, Vân-Sơn và họa-sĩ Lê-quang-Nhâm. Bìa in 6 màu. Dầy 40 trang.

Chúng tôi rất hân hạnh nhận những bài vở (gồm đủ các loại : thi ca, trào-phúng, khảo cứu vân-vân) của các văn nhân thi-sĩ và các giáo-sư gởi đến giúp chúng tôi để tô-điểm cho Xuân Hòa Bình được thêm phần đặc sắc. Các bạn nên gởi bài. ngay từ bây giờ đến tòa soạn chúng tôi, theo địa chỉ dưới đây :

Mr. Châu-sáng-Thế

Thơ ký tòa soạn Tân-Văn-Hóa

93 đường d'Ormay

SAIGON

Etincelles — Những tia lửa

— La prière et la volonté d'aimer les hommes sont deux conditions essentielles de l'épanouissement et de la lucidité totale (Maxence Van der Meersch).

Sự cầu nguyện và muốn thương người là 2 điều kiện đại cái trong sự phát-triển và sáng suốt hoàn toàn.

— Les échecs fortifient les forts (A. de St-Exupéry).

Những sự thất bại làm cho kẻ mạnh được mạnh hơn.

— La vie consiste moins en quelque chose à faire qu'en quelque chose à aimer (Guy de Larigandie).

Đời sống ở tại thương yêu sự gì hơn là ở tại làm sự gì.

— Nul ne doit toucher à une blessure s'il n'a pas de quoi la panser- (Ernest Hello).

Nếu không có gì để băng vít-tích thì đừng động đến nó.

DƯỢC-TÁNH TRÍCH-YẾU

(Tiếp theo số 17)

A-ĐÊ GIC (Adegic)

TRÌNH BÀY : Thuốc nước để nhỏ từng giọt, đựng trong lọ (ve) nhỏ xíu, dung tích 15 phân khối (flacon de 15 cc.)

HỢP CHẤT : Sanh tố A và Đ tập trung lại, làm mất mùi đi.

CHỦ TRỊ : Bịnh sổ mũi, chảy nước mũi hoài dơ dáy, hôi tanh.

CÁCH DÙNG : *Mỗi ngày*, trẻ sơ sanh, nhỏ từ 1 đến 4 giọt ; trẻ con, nhỏ từ 6 đến 8 giọt ; người lớn nhỏ 8 giọt. Lấy ống bơm thủy tinh, hay có bơm cao-su nhỏ, thường sẵn có trong hợp thuốc ; ngửa mặt lên rồi nhỏ vào lỗ mũi từ từ, mỗi lần nhiều lắm là 2 giọt cho người lớn — trẻ thì mỗi lần chỉ nhỏ 1 giọt.

A-ĐÊ-NÔ-SEP-TIN (Adénoseptyl)

TRÌHH BÀY : Thuốc nước để nhỏ hoặc bơm phun vào lỗ mũi

HỢP CHẤT : argent colloïdal, protéinate d'argent, vitellinate d'argent, essence de Niaouli – Eucalyptol, (dầu cây án-thụ) Camphre (long não) Excip. glycéro – Hydro - Alcool.

CHỦ TRỊ : Tất cả các chứng bịnh về mũi, cuống họng, sưng thanh khí quán, yết hầu.

Thuốc tẩy rửa sạch màng nhầy không làm sưng, làm đau.

CÁCH DÙNG : Dùng bơm hay ống riêng mà bơm nhỏ từng giọt hay phun thuốc nước chố chảy vào trong lỗ mũi cho vừa đủ, đừng ít quá mà cũng đừng nhiều quá tràn ra ngoài phí uổng hao mất thuốc.

THUỐC DÁN MÁT (POMMADE) A-ĐÊ-ÔN (Adéol)

HỢP CHẤT : Dầu cá có sanh tố A và Đ pha với peroxyde de zinc.

CHỦ TRỊ : Ghẻ hồm xanh xanh, nẻ da ung độc, ghẻ lồi, (ghẻ cuời)

CÁCH DÙNG : Xức một lớp thuốc dán trên mụt ghẻ — nếu ghẻ ăn lan ra và lồi thịt lên thì băng lại.

Tinh hoa văn học

(Tiếp theo)

Chuyện vấn đáp giữa tiểu-đồng Hạng - Thác với đại - thánh Khổng - Tử

Đức Khổng-Tử ngừng lại, hỏi đứa tiểu - đồng ấy rằng : « Mầy còn ít tuổi sao nhiều lời gian trá như thế ? »

Tiểu-đồng đáp rằng : « Người ta sinh ra được 3 tuổi, thì biết phân-biệt cha mẹ. Con thỏ sanh được 3 ngày, thì chạy khắp đồng bái. Cá sinh ra được 3 ngày thì bơi lội nơi sông hồ. Ấy là ĩrời sinh ra tự nhiên, há rằng gian trá sao ? »

Khổng-Tử hỏi : « Mầy ở làng nào ? Xóm nào ? Họ gì ? Tên gì ? Tên chữ là gì ? »

Tiểu-nhi đáp : « Tôi ở làng Nhỏ, xóm Xa, họ Hạng tên Thác, chưa có tên chữ ».

Khổng-Tử nói : « Ta muốn cùng mầy thả đi ngao du, ý mầy thế nào ? » Tiểu-nhi đáp rằng : « Ở nhà có nghiêm phụ, cần phải lo phụng-sự ; nhà có từ-mẫu cần phải lo nuôi dưỡng ; nhà có anh hiền, cần phải lo thuận thảo ; nhà có em dại, cần phải lo dạy dỗ ; nhà có thầy giáo, cần phải lo học tập ; tôi có rảnh đâu mà thả đi ngao-du với ông ?

Khổng-Tử nói : « Trong xe ta có sẵn 32 con cờ, ta muốn lấy ra đánh với mầy chơi, ý mầy có thích không ? » Tiểu-nhi đáp : « Bực thiên-tử ham đánh cờ bạc, thì bốn biển không sửa trị, bực chư hầu ham cờ bạc, có hại đến nền chánh-trị. Kẻ nho sĩ ham cờ bạc, thì bỏ bê việc học hành ; đứa tiểu-nhân ham cờ bạc thì gia kế bị thua sút, hạng tôi tớ ham cờ bạc, phải bị roi đòn, kẻ nông-phu ham cờ bạc, thì mùa màng bê trễ. Vì vậy tôi không thích đánh cờ. Khổng-Tử nói rằng : « Ta muốn cùng mầy bình khước (lấp bằng) thiên-hạ, ý mầy nghĩ thế nào ? »

Tiểu-nhi đáp : « Thiên-hạ không thể lấp bằng đi được ; hoặc có chỗ núi cao, hoặc có nơi sông hồ ; hoặc có bực vương-hầu, hoặc có kẻ tôi tớ. Nếu lấp bằng núi cao đi, thì chim muông không chỗ nương tựa, lấp bằng sông biển đi, thì tôm cá ở vào đâu ; trừ khử hạng vương-hầu đi, thì dân sinh ra nhiều điều thị-phi ; tuyệt bỏ hạng nô-bộc đi, thì kẻ quân-tử lấy ai mà sai khiến. Như vậy thiên-hạ lộng lộng, làm sao bình trị cho được.

(Còn nữa)

RƯƠNG VÀNG CỦA CON TÔI

Tác giả : **Ông N. Trương-vĩnh-Tống**

CHƯƠNG THỨ I

ĐẠO THỜ CHA MẸ *(Tiếp theo)*

Huống chi các cái đó chỉ là lễ-văn mà thôi, chớ lễ-ý thì không ở đó. Muốn kiếm tới nơi lễ-ý, thì hãy xét kỹ lời đức Khổng-Tử đáp câu hỏi Gốc-lễ của Lâm-Phóng rằng : « *Việc lễ, nếu mà xa-xỉ quá phiền, thà rằng tiết-kiệm ; việc tang, nếu mà sửa sang quá lẽ, thà rằng xót thương* ». Số là lễ tốt lành hay là lễ đám tang đều có chất có văn, mới hạp lễ trung-hòa, nhưng chất là gốc, là phần nên trọng ; mà văn là ngọn, là phần nên khinh. Ngẫm coi ý chữ Nếu và chữ Thà, thì thấy nơi cực chẳng đã của thánh-nhơn chán-ngán về cái thời-đại quá chuộng bề văn-hoa mà bỏ hết phần chất-thật vậy.

Xét ra từ đời trung-cổ đã có những tệ-tục ấy, huống chi ngày nay. Đối với những tệ-tục ấy, thánh-nhơn còn muốn cải-lương, huống chi là người mình. Nhưng người mình mà muốn cải-lương những tệ-tục ngày nay, thì nên theo cách văn-minh của các nước Thái-Tây, hoặc theo cách của các nước Á-Đông đã cải-lương qua văn-minh.

Coi như đám tang của người Âu-Mỹ chỉ cốt mồ yên mả đẹp mà thôi, không có những tiết-văn phiền-phức là các món cụ-soạn và minh-khí. Các thân bằng đi điếu tang thì chỉ tỏ lòng thương tiếc, ngụ ý kính mến bằng bó hoa, nén nhang, đưa tới mộ hoặc có đọc điếu-văn, rồi đắp một hòn đất mà về, chớ không ai trở lại nhà tang mà làm rộn nữa. Cách ấy tại xứ ta ở các nơi thành phố cũng đã làm theo, nhưng tại thôn-quê thì chưa phổ-cập.

Về ngày kị thì thấy ở nước Nhựt-bổn có lễ-tục rất phải : Nhằm ngày giỗ tổ-tiên, ông bà, cha mẹ, các con cháu nội ngoại thảy đều nhóm lại đông-đủ tại từ đường, giỗ vị nào thì rước thần-chủ của vị nấy trong khám thờ ra, con cháu dâng hương hoa cúng vái một lượt. Xong rồi, người gia-trưởng, hoặc người thay mặt cho gia-trưởng, đứng ra đem lịch-sử của vị tổ-tiên, ông bà, hoặc cha mẹ giỗ nhằm ngày ấy mà diễn-thuyết cho cả nh

cả họ nghe, khiến cho con cháu đều nhớ lại đức-nghiệp và hành trạng của tổ-tiên, ông bà hay là cha mẹ. Còn cỗ bàn thì nếu là nhà giàu có mà làm tiệc cho họ hàng con cháu ăn uống họp mặt với nhau cũng vui ; bằng không thì thôi, chớ không lấy làm lệ bắt buộc về cỗ-bàn ăn uống đó, nó nẩy sanh ra nhiều những tệ-tục hủ-bại giả-man.

Nóm tóm lại, việc ma chay thì chủ về ai thích, việc giỗ-chạp thì chủ về kỷ-niệm, miễn nhắm vào chữ *Hiếu*, ấy là hết đạo làm con. Còn các cái phẩm-tiết văn-chương đều thuộc về sự-vật bề ngoài, cần phải cho hạp với nhơn-tình và thời-thế.

*

* *

Đạo thờ cha mẹ chép ra ở các kinh các truyện, chi tiết rất phiền, vì tùy theo địa-vị và hoàn-cảnh của người làm cha mẹ cùng kẻ làm con ở đời thường thường khác nhau, cho nên sự-đỷ thường thường đổi khác. Nhưng kẻ làm con tùy sự mà xử cho láng lý, miễn làm sao thuận lòng cha mẹ và xứng lòng mình, đem từng loại mà suy, dầu sự biến trăm bề, mà đều trúng về một lý-thông thường, ấy kêu là hiếu.

Bởi cái lý-do như trên đã nói, cho nên dầu kể ra bao nhiêu cũng không thể miêu-tả được hết tình-cảnh của các nhà hiếu-tử xưa nay. Vậy đây chỉ nhắc ra mấy điều hiếu lớn thuộc về tinh thần, nó có thể cai quản được hết thảy các đạo làm con ;

Điều thứ nhứt là *để tiếng tốt* cho cha mẹ. Vì chấp cái thành-kiến nòi nào theo giống nấy, hễ thấy một người kia có giá-trị cao-thượng thì dầu kẻ không tường lịch-sử cũng đoán chắc là con nhà thượng-lưu ; trái lại, hễ thấy một người kia phẩm-cách ty-ô, chắc ai cũng đoán chắc là do nòi giống hạ-lưu sản-xuất, thì cái *tội để tiếng xấu cho cha mẹ*, lại không chi lớn bằng. Cho nên kẻ làm con bất cứ hoàn-cảnh nào, địa-vị nào, dầu là hạng người nào cũng phải nên để ý đến điều đó ; lại bất cứ ở lúc cha mẹ còn sống hay là ở lúc cha mẹ đã thác, thì khắc nào cũng phải nên lể điều đó vào lòng.

Cái điều-kiện để tiếng tốt cho cha mẹ thì có hai đường : một cà lập công, lập đức. Lập đức lớn như các vị giáo-chủ làm ho cha mẹ được cái tiếng tốt là *thánh-phụ thánh-mẫu ;* lập công lớn như các vị thánh-đế minh-vương làm cho cha mẹ được cái tiếng tốt là *cha mẹ của ông vua, nuôi bằng lộc thiên-hạ.*

(*Còn nữa*)

HIỆU NOVA

MAY ÂU-PHỤC
và
CHEMISE

Sang Pháp và trong xứ rất danh tiếng khắp nơi.

Có nhiều hàng vải đẹp vừa ý quí ngài.

33, đường SABOURAIN

Gần chợ SAIGON

Giây nói : Cardi, 435

Hộp thơ

Cần Học trân trọng cám ơn quí Bạn kể tên dưới đây đã gởi tiền đến đặt mua báo dài hạn :

Ông	Nguyễn-hữu-Trí, Pharmacie, Tây-ninh,	6 tháng	104$
—	Nguyễn-châu-Chánh, Hội tin-lành, Tourane,	—	125
—	Trần-nhựt-Tú, Sce. Géographique, Dalat.	—	125
—	Trương-đ.-Có, Sở Cảnh Sát và Công An Quốc-gia, Huế,	—	125
—	Nguyễn-Duy, Sở Cảnh Sát và Công An Quốc-gia, Huế	—	125
—	Đôm, 52, Lefèbvre, Saigon,	6 tháng	100
—	Bùi-khắc-Diệp, Commissariat Central de Police, Saigon,	—	100
Cô	Kim-Loan C/o Mr Sanh, Instituteur Travinh	—	104
Cô	Ngọc-Thu, C/o Mr Lương, P. T. T., Travinh,	—	104
Ông	Hai Ấn C/o Tiệm sách Nam-Cường V.L.	3 tháng	52
—	Nở, 9. G. Guynemer, Saigon	—	50
Mme	Bình-đức, 89 bis, Nguyễn-v-Thinh,	—	100

Cùng bạn La-văn Được, Châudốc, có được thơ và tiền rồi. Cám ơn.

C. H.

COMPTOIR GÉNÉRAL SUD-INDOCHINOIS

S.A.R.L. CAPITAL 100.000

COSUD

NHÀ XUẤT-NHẬP-CẢNG VIỆT-NAM

Buôn sỉ và lẻ

Đồ VĂN-PHÒNG VÀ HỌC-SINH, VIẾT-MÁY:

EVERGOOD BAYARD KAOLO

Bao k.3 hộp đủ màu, vân-vân

GIÁ ĐẶT-BIỆT

28 - RUE A. COURBET - SAIGON

Giây nói. Cardi : 683

CẦN HỌC

Đóng thành bộ (bộ 1) từ tập I đến tập X có bán khắp nơi !

Giá { *Nam* : 45$ / *Trung-Bắc,* / *Miên* : 50$

NÊN DÙNG:

BEKINAN TIÊN cho trẻ em

Quân thù số 1 ban nóng trẻ em

Phân ra 10 gói nhỏ ngọt, ngon và dễ uống

LONKINAN TIÊN cho người lớn

Trị ban nóng và rét rất hay

Hygiène — Santé — Qualité

✻ **PHARMACIE TIÊN, 98, BONARD - SAIGON** ✻

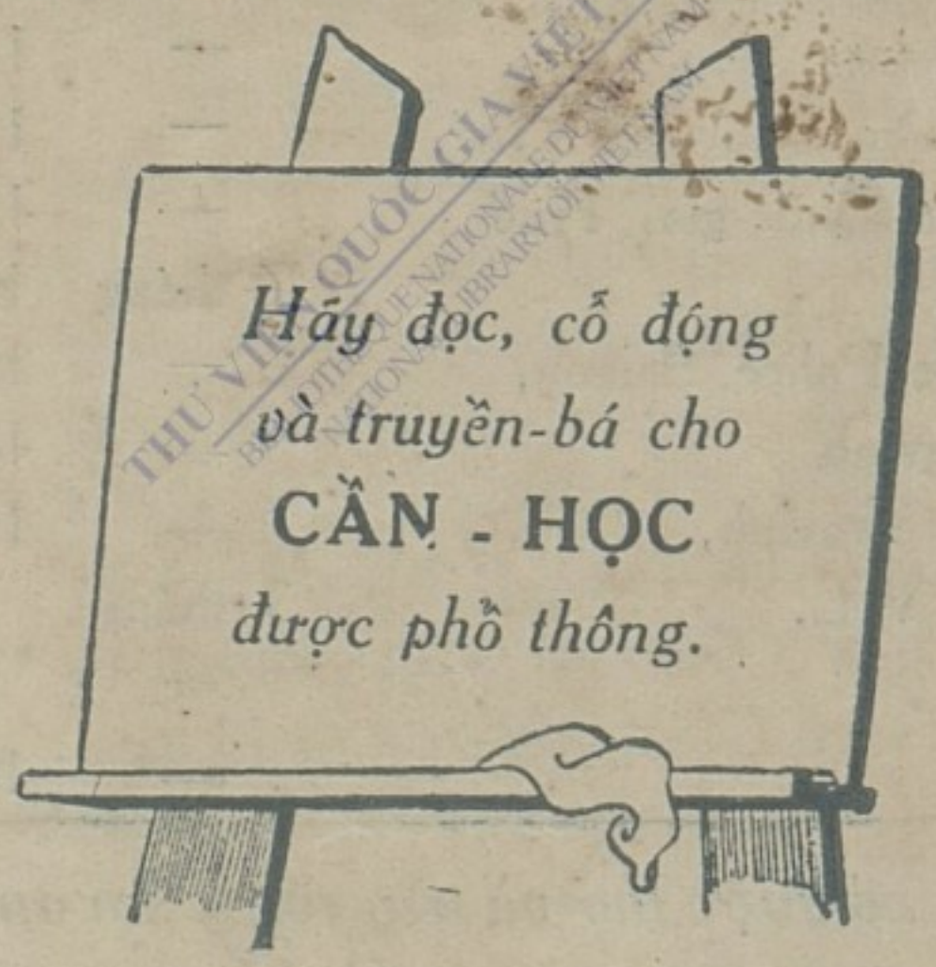

Hãy đọc, cổ động và truyền-bá cho

CẦN - HỌC

được phổ thông.

Giá mua dài hạn

Saigon-Chợlớn L.T.M. T.B.

3 t. : 12 số	50$	52$	65$
6 » : 25 »	100$	104$	125$
12» : 50 »	200$	208$	250$

Thơ và ngân phiếu xin đề:

Mr NGÔ - VĂN - THANH

165, Bd. de la Somme — Saigon

Giấy phép số 360 T.X.B.

Ngày 16 tháng 9 1950 d. l.

IN TẠI ẤN-QUÁN

—— **N A M - H Ư N G** ——

165, Đại lộ la Somme — Saigon

ỌC ĐỂ PHỤNG SỰ CHÂN LÝ

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES

ĐỌC

CẢI HỌC

TẬP XIX

44 TRANG

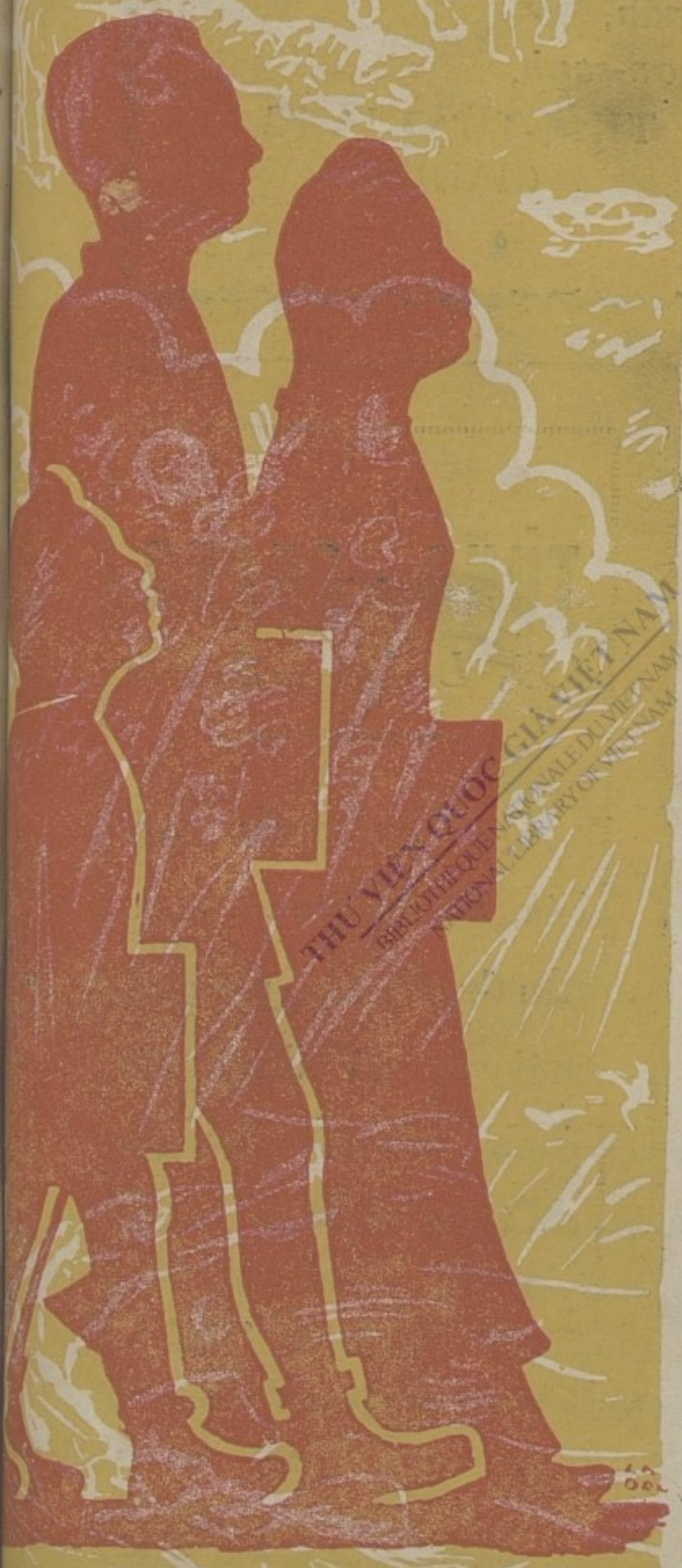

với sự hợp-tác của quí ông :

Trương-v-Tống	*Nhà học-giả*
Trần-cửu-Chấn	*Tấn-sĩ văn-chương*
Vỏ-văn-Lúa	*Cử-nhơn —*
Phan-ngọc-Phương	*— Khoa-học*
Thái-từ-Quang	*Nhà học-giả*
Ngô-tấn-Huỳnh	*Giáo-sư Pháp-văn*
Nguyễn-văn-Hanh	*— —*
Huỳnh-văn-Đó	*— —*
Trần-văn-Lâm	*— —*
Trí-Đức	*— Toán-học*
Châu-sáng-Thế	*— Anh-Văn*
Nguyễn-v-Đoan	*Cựu G. Đ. Thể-dục*
Vũ-hữu-Tiềm	*Giáo-sư Việt-ngữ*
Trúc-Khánh	*Thi-sĩ, văn-gia*
Nam-Hồng	*Văn-gia*
Lê-Hương	*Văn-gia*
Lưu-đình-Khải	*G. Đ. Tr. Mỹ-thuật*
Bùi-văn-Kỉnh	*Giáo-sư Hội-họa*
Thái-văn-Cần	*Giáo-sư Hội-họa*
Thiếu-l-Quân	*— Tốc-ký V.N.*

TÒA SOẠN : **165, Bd. de la Somme**

Téléphone : 21.309

SAIGON

GIÁ { *Nam-bộ, Miền* . . . 5 $ 00
Trung, Bắc . . . . 5 $ 50

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

TẶNG CẦN HỌC

(Tạp-chí chuyên khoa Sư-phạm)

Mừng thay CẦN HỌC được viên thành,
Vừa mới gần đây đã nổi danh,
Pháp-điển trau-dồi Đức, Trí-dục,
Tinh-thần tô-điểm Thể Văn-minh,
Giọng chuông Luân-lý cơ-quan rộng,
Đánh trống từ-chương ảnh-hưởng lành,
Gắng-chí vun-bồi nền giáo-huấn,
Một đường tiến-hóa giúp nhơn-sanh,

THÁI-TỬ-QUẠNG
GIADINH

TIỆM ĐỜN

Quảng-Thành

Chủ nhơn : **TẠ-VĂN-TUNG**
Số 122, đường Hamelin
SAIGON

Trên 15 năm chuyên nghiệp làm đủ thứ đờn. Có thứ đờn Accordéons, Harmonicas hiệu Hohner của Đức-quốc mới qua. Đờn violon hiệu Laverte, Banjo, Mandoline, trục và giây tây, Argentine, phiếm chữ T.

Bán sỉ và bán lẻ giá đặc-biệt, có bảo đảm

Thơ từ, ngân phiếu theo địa-chỉ trên

TÙNG - QUANG

159, Lê-Lợi — Saigon

Quí Ngài muốn mua, bán, đổi và mướn sách, tiểu thuyết, bản nhạc cũ, mới và đồ dùng văn phòng, xin mời lại địa chỉ trên, sẽ được vừa ý.

LUẬN-ĐÀN

Tâm-Điền

Giữa mùa thu, cảnh-tượng ngoài đồng ruộng thật là ngoạn-mục. Những người cắt lúa cho tới kẻ mót lúa, ai ai cũng vui cười làm việc.

Người làm ruộng, cày sâu cuốc bẫm, gieo mạ cấy lúa, trải bao nhiêu sự gian-nan khó-nhọc cũng không sờn, hi-vọng vào mùa gặt cho được nhiều lúa để no dạ ấm thân. Đó là nói về ruộng lúa.

Chúng ta đây mỗi người đều có một đám ruộng về tinh thần gọi là tâm-điền.

Tâm-điền luyện thì tốt, tập thì giỏi, tô-điểm thi đẹp, học hiểu thì khôn ; biết bao hột giông đức-hạnh, trí-huệ chất chứa nơi đó.

Ví như người nông-phu lo cày cuốc, nhổ sạch các thứ cỏ mọc, cho tới đoạn gieo, cấy, rồi mới được gặt, trải nhiều công-phu khổ-sở. Con người muôn nên bực đức-hạnh, trí-huệ cũng phải cầy cuốc cho dứt các tật xấu nết hư, lựa toàn hột giông đức-hạnh trí-tuệ mà gieo, cấy, thì kết-quả hoa thơm trái ngọt, tự-nhiên tâm người không còn bị chi-phối theo hoàn-cảnh, tự chủ tự tại mà làm việc để phụng sự chân-lý.

Vậy thiết-tưởng, làm người ai cũng phải cần sửa-soạn **tâm-điền**.

THÁI-TỬ-QUANG
G. Đ.

CẦN HỌC là người bạn quí và là Giáo-sư chân chánh của mỗi gia-đình. Các Phụ-Huynh lo tương-lai cho con cháu, đều nên mua sắn CẦN HỌC.

LỚP BA VÀ LỚP NHÌ BAN TIỂU-HỌC

ÁM TẢ

Văn-chương

Đặt nên câu thơ, câu hát, viết ra bài luận, bài văn, gọi là làm văn-chương. Song thử xét xem nguồn-gốc văn-chương ấy bởi lẽ gì mà có, vì đâu mà sanh ra.

Cha mẹ dạy con, giảng-giải điều hơn lẽ thiệt, rạch-ròi kẽ tóc chơn tơ. Hai người biệt-ly nhau, ấm lạnh ngọt bùi, kể hết nỗi nầy sang nỗi khác. Người mẹ già trông con, người vợ hiền đợi chồng, vào ra than-thở, tủi phận, thương thân. Đứa mục-đồng đi chăn trâu, nhân khi thích-chí, nghêu-ngao vài tiếng giữa đồng. Đó toàn là cái mầm văn-chương cả.

Người ta có tư-tưởng, có tánh-tình. Đem cái tánh-tình, tư-tưởng ấy, diễn ra thành câu nói tả ra thành đoạn văn gọi là văn-chương vậy.

Phỏng theo PHAN-KẾ-BÍNH

Câu hỏi : 1) Giải nghĩa những chữ : *Điều hơn lẽ thiệt, biệt-ly, mục-đồng, thích-chí.*

2) Tìm tiếng phản-nghĩa với tiếng : *biệt-ly,* và tiếng đồng-nghĩa với tiếng : *thích-chí.*

Học tiếng

GIẢNG : Nói chuyện, phân-giải, giải-thích.

Giảng-đề : Đề-mục bài diễn-thuyết.

Giảng-đường : Phòng dạy học trong nhà trường. Chỗ giảng dạy về tôn-giáo.

Giảng-giải : Đọc bài và giải-nghĩa.

Giảng-học : Thầy trò cùng nhau nghiên-cứu học-vấn.

Giảng-lý : Thảo-luận phải trái.

Giảng-minh : Giảng-giải rõ ràng.

Giảng-nghĩa : Bài tỏ ý nghĩa trong một bài văn.

Giảng-sách : Giảng giải-nghĩa lý trong sách.

Giảng-thuyết : Nói đ giải bày trong một vấn-đề gì.

BIỆT : chia ra-riêng.

Biệt bạch : Phân biệt rõ ràng.

Biệt-hiệu : Tên để gọi riêng (pseudonyme).

Biệt-sự : Việc riêng, việc kín.

Biệt sử : Sử chép sự tích riêng từng người hoặc từng việc (monographie).

Biệt-tài : Nhân-tài đặc-biệt.

Biệt-thự ; Chỗ nhà vườn riêng để nghỉ ngơi (villa).

Biệt-tịch : Vắng-vẻ quạnh-hiu.

Biệt-tự : Biệt hiệu.

Chữ khó viết

Lẻ : lẻ bạn, bán lẻ, chẵn lẻ, lẻ loi, lẻ tẻ.

Lẽ ; cả lẽ, cạn lẽ, làm lẽ, lẽ chánh, lặng lẽ.

Nổi : làm nổi, chịu nổi, nổi bọt, chìm nổi, nổi danh, nổi giận, nổi phình.

Nỗi : Nỗi buồn, đến nỗi, nông nỗi, lắm nỗi.

(Trả lời bài ám tả trong số XVIII)

1) *Hoàn-cầu* : khắp trái đất, khắp thế giới (le monde entier).

Trũng : chỗ thấp ở giữa 2 bên núi cao.

Đồi : gò đất lớn.

Trường hoạt-động : chỗ đông người tranh đua nhau làm việc luôn không ngừng.

Khải-hoàn : thắng-trận trở về vui vẻ.

2) Tiếng đồng-nghĩa với : *hân-hạnh* là sung-sướng ; với *khải-hoàn* là khải-triều. Tiếng phản-nghĩa với *ngu dốt* là thông minh ; với *văn-minh* là dã-man.

3) Bài nầy cốt ý là trên hoàn-cầu, ai cũng cần phải học. Nếu không học, loài người không tấn-hóa, sẽ trở lại đời mọi-rợ, sẽ ra vào cõi tối tăm.

ĐẦU ĐỀ : *Trò hãy kể ra các đồ dùng và trang-hoàng trong lớp trò.*

DÀN BÀI : Quang cảnh lớp học.

Bàn ghế và cách sắp đặt.

Bản đồ treo trên tường.

Cảm-tưởng của tôi.

BÀI LÀM.— Trường tôi là một dãy nhà dài 10 căn. Ở ngoài sân chơi mà trông vô mấy lớp học thì thấy có 2 chữ trắng : **LỚP BA** gắn trên đầu cửa lớp học, đó là lớp học của tôi. Lớp nầy là căn thứ tư trong trường.

Tới cửa thấy 2 lớp bàn và ghế băng dài, ngay-ngắn, song-song day mặt vô trong, đó là bàn học trò ngồi. Ở phía trong thì có cái bàn và ghế của thầy giáo, đặt trên cái bệ. Bàn nầy có hộc, mặt bàn chuồi xuống, giở lên xuống được.

Trên vách tường phía sau bàn của thầy giáo có treo bản-đồ xứ Đông-Dương, nước Việt-Nam và bản vẽ hình bộ xương người ta. Ở góc phía mặt có tấm bản đen xây tròn được đặt trên gía-chóng.

Trước bàn thầy có treo tấm thời-khắc-biểu lồng trong khuông kính.

Trên 2 vách tường 2 bên lớp có treo nhiều bản đồ khác : nào là bản dạy đo-lường, nào là bản vẽ hình Đầu, Mình, và tứ-chi của người ta, nào là bản vẽ bộ xương, phổi, ruột, gan của người ta. Các bản đồ nấy rất giúp ích cho học trò khi học địa-dư, khoa-học... Ngoài ra cũng có treo vài khuông ảnh : nhà trường — lớp học có Thầy giáo và học trò lấy ảnh để kỷ-niệm.

Lớp học của tôi sắp đặt có thứ tự và sạch-sẽ như thế làm tôi phải mến. Các vật-dụng trong lớp thảy đều giúp ích cho tôi nhiều trong giờ học. Bản đồ nước Việt-Nam ở trước mắt tôi mãi làm tôi không quên Tổ quốc yêu mến của tôi. Các bản vẽ thân-thể người ta giúp tôi học hiểu về mình để giữ sức-khoẻ, vệ-sanh và lo tập luyện thân-thể được tráng-kiện. Bản vẽ hình phép đo lường giúp tôi học hiểu toán pháp rõ hơn.

Cho nên tôi chuộng lớp học của tôi lắm, kể là chỗ ở thứ nhì, ngoài nhà cha mẹ thì tôi không mến đâu bằng mến lớp học của tôi.

ĐẦU ĐỀ : *Sau buổi học, về dọc đàng trò gặp 2 trò nhỏ cùng học trong một trường với trò đang đánh lộn : trò thấy vậy: cử-chỉ của trò thể nào, trò can ra hay xúi đánh hơn ?*

TOÁN-PHÁP *(Giải-pháp 2 bài toán-đố trong tập XVIII)*

I.— Xe chạy 20.000km tốn săn.

(20.000km 100) × 12*l* = 2.400*l*.

— Tiền săn : (12$50 : 5*l*) × 2.400*l* = 6000$.

— Tiền dầu nhớt : (0*l*25 × 200) × 12$ = 600$.

— Tiền tốn chung : 600$ + 6000$ + 2.100$ = 8.700$.

— Chạy mỗi cây số tốn : 8.700$: 20.000km = 0$43.

Trả lời : 0$43

II.— Tiền cơm trót năm : 30$ × 365 = 10.950$.

— Tiền hội chức-nghiệp : 18$ + 12$ = 216$.

— Tiền xài lặt-vặt : 60$ × 52 = 3.120$.

— Tiền xuất trọn năm : 10.950 + 216 + 3.120 + 2.034 = 16.320$.

— Lãnh mỗi ngày : 16.320$: (365—125) = 68$.

I.— Một gia-đình có 6 người, mỗi ngày ăn 2*l* gạo, giá 1$70 một lít. Mỗi tuần ăn 2^{kg}5 thịt bò, giá 12$ một kí. Hỏi gia-đình nầy tốn tiền gạo và tiền thịt trót năm bao nhiêu ?

II.— Trong 150 ngày và nửa năm trước nhà kia phải xuất tiền chợ mỗi ngày 12$75. Song nửa năm sau vì đồ ăn mắt mỏ mà phải thêm tiền chợ mỗi ngày 1$25. Hỏi trọn năm nhà nầy phải xuất tiền chợ hết bao nhiêu ?

Dictée.— *Le travail et la conduite*

Les élèves doivent respecter leurs parents. L'enfant obéissant n'est jamais puni. L'élève ayant une bonne conduite est aimé de ses camarades. Si l'on est appliqué on fait des progrès. Les paresseux seront malheureux plus tard. Un élève assidu deviendra un bon citoyen.

QUESTIONS.— 1·) Donnez le nom des adjectifs suivants : *obéissant, paresseux, malheureux, assidu.*

2·) Donnez le contraire de : *obéissant, paresseux, assidu.*

3·) Conjuguez le verbe **devoir** *au Passé simple, au futur simple de l'Indicatif* et *à l'Imparfait du subjonctif.*

VOCABULAIRE ET EXPRESSIONS.

Conduite (n. f.) sự dẫn, đưa đi, dắt — sự coi sóc, cai trị, gìn-giữ, cai quản (chỉ-đạo, hướng dẫn, chỉ-huy, điều-khiển) — cách ăn ở, cư-xử — tính nết, hạnh-kiểm.

Faire la conduite à quelqu'un (qqn) đưa (dắt) ai đi.

Conduite d'un troupeau : chăn (giữ) bầy trâu (bò).

Conduite d'une barque : bẻ lái thuyền.

— *d'une entreprise :* điều-khiển doanh-nghiệp.

— *d'un Etat :* chỉ huy Quốc-gia.

Bonne ou mauvaise conduite : hạnh-kiểm tốt hay xấu.

Conduite intérieure : xe kiến.

— *d'eau :* cống, ống nước.

Conduire (v. transitif) : Đưa, dắt, khiến. Dẫn, truyền. Giải-áp. Hướng-dẫn, chỉ-đạo, chỉ-huy ; điều-khiển.

(la chaleur) : truyền nhiệt, (*l'eau*) dẫn nước.

Cela nous conduit à admettre : điều đó khiến ta phải thừa nhận.

Conduire un voleur à la police : giải người ăn-trộm đến sở cảnh-sát.

Ce mendiant aveugle est conduit par son petit chien ; người ăn mày mù có con chó nhỏ dắt

Le chauffeur conduit sa voiture : người tài-xế lái xe.

Conduire bien sa barque : khéo bẻ lái con thuyền — tài điều khi n công-việc.

Conduire une armée ; chỉ-huy quân-đội.

— *une discussion* : điều-khiển cuộc thảo-luận.

Conduire (v. intr.) Lái, bẻ lái (xe, tàu, ghe, thuyền, máy bay), đưa, dẫn, đến, (tới).

Ce chauffeur conduit bien : người tài-xế nầy lái giỏi.

Ce chemin conduit à la ville : đường nầy đi ra tỉnh.

La vertu conduit au bonheur : đức-hạnh đưa tới hạnh-phúc.

Se conduire (v. prou.) xử-thế, cư-xử, ăn ở. *Se conduire (bien)*: khéo cư-xử, ăn ở tử-tế, (*mal*) vụng cư-xử, ăn ở không ra gì.

DEVOIRS CORRIGÉS. Réponses aux questions de la Dictée : Jeux et Amusements.

1) Nom de ;
- *souple* : souplesse (tính mềm mỏng, nhủn-nhặn)
- *utile* ; utilité (sự có ích, có lợi : hữu-ích, hữu-dụng ; ích-lợi, công dụng, h.ệu-dụng)
- *physique* : physique (*n. m.*) (thân-thể, hình-thể, thể-chất ; dáng-mạo, dung nhan)
  physique (*n.f.*) (vật lý-học) ;

Adjectif de:
- *santé* ; sain (lành mạnh, tráng-kiện)
- *éducation* ; educatif (có tính cách giáo-dục, giáo-huấn
- *jeunesse* : jeune (trẻ tuổi, trẻ-trung, mới-mẻ non-nớt, ngây-thơ, Em)

2) Contraire de :
- *utile* : inutile (vô-ích; vô dụng, bất-lợi)
- *jeunesse* : vieillesse (tuổi già, lão-hạng)

3) **Conjugaisons** : *lancer*

INDICATIF

Imparfait	*Passé simple*	*Futur simple*
Je lançais	Je lançai	Je lancerai

Tu lançais	Tu lanças	Tu lanceras
Il lançait	Il lança	Il lancera
Nous lancions	Nous lançâmes	Nous lancerons
Vous lanciez	Vous lançâtes	Vous lancerez
Ils lançaient	Ils lancèrent	Ils lanceront

REMARQUE : *Dans les verbes terminés en* **cer**, *on met une cédille sous le* **c** *chaque fois que la terminaison commence par* **a** *ou* **o** : **placer, percer, sucer, forcer . . .**

THÈME.— Votre frère est-il déjà allé à l'école ? — Non, Il va pas encore à l'école, parce qu'il est encore trop petit : il a cinq ans. — De quelle classe est votre frère ? — A-t-il déjà reçu le certificat d'études élémentaires. — Votre école est-elle nombreuse ? Combien y-a-t-il de classe ? — Votre école est-elle mixte ? — Y-a-t-il d'institutrice ? Où avez-vous acheté ce porte-plume et cette plume ? Je les ai achetés au marché.

VERSION.— Mấy giờ rồi ? — 8 giờ sáng (ban mai). Không phải, 8 giờ 5 phút đúng. Ông già (lão) nầy là ai ?—Ngườilà ông ngoại của tôi. Tại sao đứa trẻ nầy không đi học bữa nay ? Bởi vì nó đau (yếu), nó bị sốt ét. — Anh lấy cây thuốc nầy ở đâu ? — Tôi đã mua ở ngoài chợ.

Devoirs à proposer — THÈME.— Tôi đi tắm — Tôi đi thăm người bịnh trong nhà thương — Ông già nầy yếu (đau) Ông nhức đầu. Những đứa trẻ nầy sạch-sẽ và đáng yêu. — Trò nầy có vẻ hiền lành. Em tôi đau bụng. Anh nó nhức răng và đau cánh tay.

VERSION — Le corps humain. Le corps humain se divise en trois parties : la tête, le tronc, et les membres. Sur la tête il y a des cheveux. Les visage comprend le front, deux yeux, deux joues, un nez, une bouche et le menton. Le cou relie la tête au tronc. La partie postérieure du tronc s'appelle le dos, la partie antérieure s'appelle : en haut la poitrine, en bas le ventre. Les bras sont reliés au tronc par les épaules ; les jambes sont reliées au tronc par les hanches. Le corps est recouvert de peau. La chair est molle, les os sont durs. L'homme propre est bien portant.

LỚP NHỨT VÀ LỚP TIẾP-LIÊN BAN TIỂU-HỌC

ÁM TẢ

Bạn học

Anh Hòa, bạn học một lớp với tôi, cùng tôi kết bạn đã lâu. Anh năm nay mười ba tuổi, vóc-giạc vừa người, mặt tròn, nước da không trắng mà mịn, tay lẹ-làng, chơn thong-thả.

Anh thường ít nói. Đôi mắt sáng mà sâu, đôi mắt đó thường hay nghĩ-ngợi chuyện xa xôi. Người anh như thế cho nên tánh anh cần-trọng, trầm-mặc cũng không phải lạ. Anh không chơi đùa nghịch-ngợm, nói năng nhảm-nhí như các trẻ mất nết.

Đối với bạn lúc nào anh cũng vui vẻ tử-tế ; đối với thầy bao giờ cũng trung-hậu lễ-nghĩa. Bởi vậy trong trường thầy và bạn ai cũng có lòng yêu-mến cái tài và cái nết của anh. Riêng phần tôi, tôi đối với anh thật đã như tình cốt-nhục. Tôi thích chơi với anh Hòa vì anh là một người có tư-cách, có phẩm-hạnh, đáng làm khuôn-mẫu cho tôi theo ; kết bạn với anh có bổ-ích nhiều cho tôi về việc học-vấn và về việc tu-thân vậy.

Trích trong LỜI-HOA

Câu hỏi 1.— Giải-nghĩa những chữ : *Cẩn-trọng, trầm-mặc, trung-hậu, tư-cách, phẩm-hạnh.*

2.— Tìm tiếng phản nghĩa với tiếng : *nghĩ-ngợi, nghịch-ngợm;* và tiếng đồng nghĩa với tiếng : *Cốt-nhục.*

Học tiếng

Cẩn : Cẩn-thận —

— *kính* : Giữ-gìn, Cung-kính Kính-trọng (respectueux).

— *mật* : Cẩn-thận bí-mật (secret).

— *sức* : Cẩn-thận trau-dồi (khen người có tính nết tốt), —

— *tắc vô ưu* : Cẩn-thận thì không lo về sau.

— *thận* : Không sơ-sót, Cẩu-thả (prudent, minutieux).

Phẩm-bình : Phân biệt trên dưới mà bàn bạc khen chê(critiquer).

— *cách* : Tư-cách của người cao hay thấp (qualité).

— *trật* : Phẩm-cấp (grade).

— *vật* : Vật khác nhau (objets divers).

— *vị* : Phẩm-hạnh và địa-vị (qualité et dignité).

Chữ khó viết

Lề : — đẹn ; — gai ; kề —.

Lễ : — độ ; — mễ ; — nghĩa ; — nhạc.

Mầu : (Miếng nhỏ, đoạn ngắn) mầu bánh ; — đời : — gỗ.

Mẫu : *(mẹ)* Mẫu từ, gương mẫu, kiểu mẫu.

(Trả lời bài ám tả trong số XVIII)

1.— *Phát-nguyên* : *phát* : Khởi đầu, *nguyên* : nguồn. *Phát-nguyên* là khởi đầu chảy đi.

Kim-ô : Con quạ vàng, nghĩa bóng là mặt trời.

Ngoạn-mục : Vui mắt lắm,

Gương-Nga : Cái gương của ả Hằng-Nga (Hằng-Nga là vợ Hậu-Nghệ, ăn trộm thuốc trường-sanh của chồng rồi bay lên cung trăng, G.N. là mặt trăng.

Thiên-nhiên : Trời sanh ra như thế, không phải tự người ta làm ra.

2.— Tiếng phản nghĩa với : *Phẳng-lặng* là ồn-ào, *thiên-nhiên* là nhân-tạo ; Tiếng đồng nghĩa với : *To-tát* là lớn-lao, với *um-tùm* là sum-sê, với *rải-rác* là lưa-thưa.

Việt-văn — **Đầu-đề** — *Anh trò mới được nhập trường Petrus Ký và học lớp đệ nhứt niên, vừa gởi thơ về thăm cha mẹ của trò. Vậy trò thay mặt cha mẹ mà viết thơ trả lời cho anh trò hay tin ở nhà thế nào và khuyên anh trò cố-gắng học làm sao ?*

Sadec, ngày 28-9-50 d.l.

Cùng Anh Hai yêu dấu,

Cha má mới nhận được bức thơ anh cho hay tin, anh đã nhập vào trường và được lên lớp đệ nhứt niên. Cả nhà hết sức mừng, nên cha bảo em viết thơ cho anh lập tức.

Ở nhà, cha má và mấy em đều mạnh, không có chi lạ, duy có việc anh đi học xa, là cha má lo ngại nhiều.

Ở Anh, vào trường Trung-học, chương trình học-vấn rộng hơn, khó hơn..., nên anh càng phải phải cố tâm châm học nhiều hơn, để sau nầy nên người có ích cho gia-đình và xã-hội.

Trong gia-đình, Anh là Anh cả, nên Anh phải rán học để nêu gương cho mấy em và dìu-dắc các em, lại phải cố-gắng học để làm vui lòng Cha má nữa.

Anh cũng rõ gia-đình mình không mấy dư-giả, cha đã lớn tuổi, nhưng phải làm việc, hết sức tiết kiệm, để có dư đặng lo cho anh em mình. Cho nên Anh đừng ỷ-lại vào lòng thương của cha má, và vì cách xa gia-đình mà quên lãng việc học-vấn, chơi-bời phóng túng.

Anh đã từng biết ngày giờ thấm thoát, nó cứ mãi trôi đi không bao giờ chờ ta bước, một khi anh trễ một thời thì không bao giờ theo kịp chúng bạn.

Anh là cả một tương-lai trong gia-đình, nên anh phải rán học để làm tròn bổn phận của một người con có hiếu với cha mẹ. Cha mẹ và mấy em hy-vọng nơi Anh. Sánh với vài bạn tác của Anh, anh là một học-sinh được khá nhiều diễm-phúc, ngày giờ mà anh ngồi trong lớp, khỏi nắng, tránh mưa, để lo dồi mài trí-tuệ, thì còn nhiều trẻ đồng niên với anh đang cực-khổ, lang-thang ngoài đường bán kẹo, bán hàng rong ; ở đồng quê, thì phải chăn trâu, cày sâu cuốc bẫm, phụ giúp cha mẹ chúng để nuôi thân. Vậy anh phải cố - gắng học hỏi, để khỏi phụ lòng cho bao nhiêu kẻ khác ước mơ.

Vả lại, trong thời kỳ mà nhơn loại phát-triển nầy, bổn phận thanh-niên Việt-Nam ta là phải học nhiều để hiểu biết tất cả sự huyền-bí của loài người và vạn vật như các thanh-niên ở nước ngoài.

Tóm lại, anh phải cần học, vì sự học sẽ bổ ích cho anh sau nầy, cho gia đình và cho xã hội nữa.

Em chào anh yêu dấu và cầu chúc anh vạn an.

Em yêu mến của anh

Lành,

ĐẦU-ĐỀ : *Một buổi chiều nọ, khi đi học về, dọc đàng trò gặp 2 chiếc xe hơi đụng nhau.*

Trò hãy tả lại tai nạn nầy và cảm tưởng của trò thế nào ?

TOÁN-PHÁP (*Giải-pháp 2 bài toán đố trong tập XVIII*)

I.— Giáp Ất có chung :

34 + 14 = 48 viên đạn.

Số chung ấy là :

7 lần + 1 lần = 8 lần số đạn của Giáp.

Giáp còn : 48 : 8 = 6 viên đạn.

Giáp thua hết :

34 — 6 = 28 viên đạn.

Trả lời : | 28 viên đạn |

II.— Tỉ có hơn Tí ;

247$ — 100 = 147$.

Tí với Tỉ hai người tốn một số tiền, số tiền hơn thiếu cũng vẫn như thường ;

Số tiền hơn ấy là :

3 lần — 1 lần = 2 lần số tiền của Tí.

Tí còn dư lại :

147$: 2 = 73$50.

Giấy vé là :

100$ — 73$50 = 26$50

Trả lời : 26$50

DICTÉE.— Les qualités et les vertus

Les hommes vivant ensemble doivent être justes et humains. Etre juste consiste à ne pas faire du mal aux autres, à ne pas s'emparer de leurs biens, à ne pas porter atteinte à leur réputation. Etre humain c'est faire l'aumône aux pauvres, secourir ceux qui sont dans le malheur, défendre les faibles.

La politesse est une vertu des gens qui se respectent. L'homme poli est estimé de tous, il est entouré d'égards.

La sincérité consiste à conformer ses actes à ses pensées.

QUESTIONS.— 1) Expliquez : *s'emparer de leurs biens, porter atteinte à leur réputation, défendre les faibles.*

2) Donnez les noms des adjectifs : *Juste, humain, pauvre.*

3) Analysez grammaticalement la dernière phrase de la dictée : *La sincérité consiste... à ses pensées.*

VOCABULAIRE ET EXPRESSIONS :

Défendre.— Giữ-gìn, bảo-vệ, phòng-thủ — binh-vực, che-chở — bào-chữa, biện-hộ — cấm đoán, cấm chỉ.

— *la patrie* : bảo-vệ tổ-quốc (Quốc-gia).

— *un port maritime* : phòng-thủ hải-cảng.

— *un enfant* : binh-vực đứa trẻ.

— *les attroupements* : cấm tụ-tập.

— *un accusé* : biện-hộ cho người bị cáo.
— *dans une affaire* : bị-cáo trong vụ kiện.

Se défendre : Chống lại, kháng cự — tự-vệ, thủ-thân, phòng-thân — tự bào-chữa — cải, chối — đừng:

— *contre la tyrannie* : chống lại, chuyên-chế.
+ *d'avoir fait quelque chose* : chối không làm sự gì.
+ *Je ne peux pas me défendre de...* : tôi không thể đừng...

Porter atteinte à... làm thiệt hại, tổn-thương — xúc-phạm. xâm-phạm.

— *à l'honneur* : làm tổn-thương danh-giá.
+ *à la vie* : phạm đến tánh mạng.

S'emparer de... chiếm-đoạt, cướp, xâm-chiếm.

— *d'une ville* : chiếm thành ; *du pouvoir* : đoạt quyền.
La colère s'empare de moi : tôi giận không thể dằn được.
La tristesse s'empare de son âme : buồn rầu xâm-chiếm tâm-hồn y.

Egard : sự tôn-trọng, kính-nể, vị-tình — sự chú-ý, lưu-tâm.
Témoigner de grands égards à quelqu'un : tỏ lòng tôn-kính ai,
Avoir égard à... nghĩ tới, nể tình...
Manquer d'égards... ngạo-mạn, khinh-khi.

Những câu có tiếng MUA (acheter) *mua chịu* : acheter à crédit ; — *đứt* : acheter définitivement.

Mua chuộc : acheter à réméré (lai thục, mua lại đồ mình theo giá đã bán trước).

— *sỉ, soát* : acheter en gros, en bloc. — *lẻ* : acheter en détail.
— *rẻ* : acheter à bon marché. — *mắt* : acheter cher.
— *mặt* : acheter au comptant. — *bán* : commercer.
— *danh* : se faire une renommée.
— *vui* : chercher à se divertir.
— *việc* : s'occuper des affaires des autres.
— *ăn — mặc* : acheter de quoi vivre.
— *rẻ bán đắt* : faire de bonnes affaires.
Ăn bám : *vivre aux dépens d'autrui.*
Bay nhảy : *chercher des situations meilleures.*
Bắt nạt : *abuser de la faiblesse d'autrui.*

Bàn dày bàn mỏng : *examiner le bon et le mauvais côté* (peser le pour et le contre).

Tiền rừng bạc bể : *grande fortune.*

DEVOIRS CORRIGÉS.— *Réponses aux questions de la Dictée :*

HISTOIRE DU GÉNÉRAL ET DE LA FOURMI.

1) *Proie* : le butin, ce que la fourmi amasse en quêtant cà et là.

Gîte : ici la fourmilière.

Réussite : le succès, le bon résultat (au sens de la dictée : c'est la victoire).

2) Synomyme de *réussite* : succès

contraire — : défaite

3) **Analyse grammaticale :** *Cependant la fourmi, patiemment, s'efforçait d'emporter sa proie vers son gîte.*

Cependant : adv. de temps

La : art. déf. fém. sing. se rapporte à *fourmi.*

fourmi : n. com. f. s. sujet de *s'eflorçait.*

patiemment : adv. de manière, modifie *emporter*

d' : (mis pour *de*) préposition élidée.

emporter : verbe emporter infinit. présent, 1er gr. sens trans.

sa : adj. possessif détermine avec *proie* f.s.

Vers : prép.

Son : adj. possessif détermine gîte, m.s.

Gîte : n. com. masc. sing, compl. circ. de lieu de *emporter.*

Rédaction : *Enumérez les objets qui se trouvent dans votre salle de classe.*

Devoir corrigé.— C'est la rentrée des classes. La cloche vient de sonner et comme par enchantement tous les enfant s'arrêtent de jouer et se placent docilement en rangs. Puis, quelques instants après, tous les chuchotements se taisent, le maître ordonne d'entrer.

D'un coup d'œil je devisage toute la salle.

C'est une grande salle rectangulaire avec deux fenêtres vitrées sur chaque côté et qui laissent bien pénétrer la lumière.

L'estrade du maître est au fond contre le mur, et à sa droite se trouve un immense tableau noir d'ébène, à sa gauche, une gigantesque armoire contenant des cartes géographiques, des règles, des compas et même des bonnets d'âne....

En face de la chaire du maître s'étalent sur quatre rangées les bancs et les pupîtres des élèvers.

Tout cela fut soigneusement repeint avant la rentrée.

Je choisis immédiatement ma place avec un de mes camarades préféré.

Tous ces objets semblent me souhaiter la bienvenue.

Mais la réalité des choses me tire de ma rêverie et surtout que nous sommes en classe. Aussi prenant mon courage à deux mains je me dis en moi même : « Il me faut bien travailler afin de récompenser l'Etat de m'avoir donné les moyens de travailler ».

G. Gélot

Sujet proposé : *Une de vos tantes vous a donné un joli stylo. Décrivez-le. Dites ce que vous ferez pour assurer la conservation de ce cadeau.*

Plan

1.— Circonstances du cadeau.

2.— Aspect général du stylo : la couleur, la forme, la marque.

3.— En quoi est le stylo, la plume ? en bois ou en métal.

4.— Soins que je prendrai pour le conserver longtemps : pour ne pas le casser, pour ne pas le perdre.

THÈME *Corrigé.*— Pourquoi aujourd'hui ne sais-tu pas l'histoire par cœur ? Les autres fois tu l'as bien apprise.— Pardon, Monsieur, parce que ma mère est tombée malade, je ne peux pas l'apprendre. — Qu'a votre mère ? — Elle a la fièvre. — Maintenant va-t-elle mieux ? — Oui, Monsieur, elle va un peu mieux. Votre père a-t-il fait venir le médecin pour la soigner ? — Oui, c'est fait.

Version — **Sự giáo-dục**

Thầy giáo giảng nghĩa một bài học về luân-lý. Các học trò đều ngồi yên lặng. Trò Phúc chú ý hơn, nên hiểu lời thầy giảng-giải.

Thầy giáo gọi trò Phúc đọc bài. Trò chăm học. Trò thuộc bài, nên được thầy khen ngợi. Trò lại giỏi cả toán-pháp và địa-dư. Phúc là một học-sinh thông-minh.

DEVOIRS PROPOSÉS — *Thème*

Trò Hiếu rất giỏi về sử-ký. Là một học-sinh cần mẫn, đã làm cho thầy giáo và cha mẹ được vừa lòng.— Thầy giáo đã bảo chữ tôi xấu, tại tôi viết mau quá. — Anh có hiểu bài toán nầy không ? Quyển sách nầy hay lắm. Tôi đã đọc nó 2 bận. Tôi ham đọc sách lắm. Mỗi chiều tôi đọc vài trang sách trước khi ngủ.

Có một bộ Cần Học tức là có Giáo-sư chân-chánh trong nhà.

VERSION — *La nourriture.*

Chaque jour nous faisons trois repas: le petit déjeuner, le déjeuner et le dîner. Les aliments se composent de viande, de poisson et de légumes. Pour préparer les aliments il faut des assaisonnements tels que du sel, du poivre, du vinaigre. Les aliments cuits sont sains. Le bœuf et le poulet sont des aliments nourrissants. On boit du vin en mangeant. Boire du vin outre mesure est préjudiciable à la santé.

LỚP NHỨT BAN SƠ-HỌC

ÁM-ĐỌC (Récitation)

TỰA.— *Các em thi sơ-học đậu phần thi các bài viết rồi, khi vào thi phần vấn-đáp, đều phải trả thuộc một trong mười bài ám-đọc tiếng Pháp và một trong mười bài ám-đọc tiếng Việt ; đã trả thuộc rồi, còn phải đáp lại những câu hỏi về những tiếng khó ở trong bài và nói đại-ý bài ám-đọc.*

Vậy, tôi soạn 20 bài ám-đọc (10 bài pháp-văn, 10 bài việt-văn) này để các em học cho dễ thuộc, dễ nhớ, những bài đều lựa chọn, dễ hểiu, có cắt-nghĩa những tiếng khó, có đại-ý bài và dịch sang tiếng việt.

Rất mong rằng những bài này được các em vừa ý.

Mỗi kỳ, Cần-Học sẽ đăng 1 bài ám-đọc Pháp-văn và Việt-văn. Và sau 10 số, đủ tất cả 20 bài, sẽ ra một tập riêng để tiện cho các em đem theo vào trường thi VẤN-ĐÁP.

1. La maison *natale*

Oui, tout me charme *et* me pénètre
Dans ce coin de terre et ciel.
Si j'étais fleur, j'y voudrais naître ;
Abeille, *j'y ferais mon miel.*

Rossignol, j'y serais fidèle
Aux échos *de ce* site *ombreux.*
Et je nicherais, hirondelle,
A l'angle de ce toit heureux.

Pourquoi ? Je m'en vais le dire
Et vous me donnerez raison :
Ce site et ce toit que j'admire,
C'est mon pays et ma maison.

G. NADAUD

Natal : *où l'on est né*

Me charme : *me plaît beaucoup.*

Me pénètre : Me touche *profondément.* Nicher : *faire son nid.*

Site : *paysage agréable.* J'y serais fidèle aux échos : *je ne quitterais pas ce site où mon chant est renvoyé par l'écho.* Toit heureux : *sous l'abri de ce toit, je vis heureux,*

Idée générale : Le lieu natal me charme, j'y vis heureux à l'abri du toit de ma maison.

J'aime mon pays et j'admire mon asile, mon logis.

1 Nhà tôi sanh-trưởng.

Phải rồi, trời đất nơi đây,
Làm tôi sung-sướng, mê-say quá chừng
Là hoa, tôi nở tưng-bừng,
Là ong gây mật, xin cùng ở đây.

Là chim-oanh, chẳng xa bay,
Cảnh này rợp bóng, chốn này vang ca.
Nhạn ư, làm tổ mái nhà,
Sống trong tổ ấm, thật là sướng thay.

Tại sao ? Tôi nói ra đây,
Bạn cho tôi hữu-lý ngay, đó mà.
Cảnh này, tôi tụng tôi ca,
Ấy quê tôi để, ấy nhà tôi sinh.

VŨ-HỮU-TIỀM

Tưng-bừng : *liền liền và rực-rỡ.*

Chim oanh : *một giống chim nhỏ đẹp và hót rất hay.*

Vang ca : *tiếng ca vang dội.*

Nhạn : *một giống chim nhỏ bay nhanh và cao.* Hữu-lý : *nói đúng, có lý.*

Ca tụng : *khen ngợi.*

Đại ý : *Bài này tả cuộc đời sống sung sướng vui-vẻ, êm đềm ở nhà mình, quê hương mình, và vì vậy mà mình ca ngợi, nên còn có ý khuyên ta quý mến quê-hương, đừng xa lìa ; như hoa kia nở trong vườn mới đẹp, chim, ong có tổ mới vui.*

Đệ-nhứt và đệ-nhị niên

ÁM-TẢ *và Tập đọc*

Đô-thành sau một trận mưa

Sau một trận mưa gió lạnh-lùng, trận mưa *mau* qua một cơn gió thổi *vội-vàng* đám mây *xám* đen ở giữa trời vừa *biến* mất, trời lại *bừng* sáng hơn. Giò vẫn thổi *lành-lạnh*, và mây trắng lại đã kéo ra đầy ngang trời ; theo gió đưa, mây tan ra *tụ* lại, rủ nhau *tản* lệch sang hướng Bắc, rồi như thua sức gió đuổi, mây *ùng-ùng* rút về hướng Tây : hướng trời Nam và miền Đông đã quang đãng hẳn, chỉ còn mấy sợi mây hiền *mỏng-manh* như làn tơ trắng đang *vương-vấn nhẹ-nhàng*, *lờ-lửng* trên nền *không trung* xanh thăm-thẳm, cao vời-vợi. Ánh nắng vàng rực-rỡ đã *tự-do* chiếu xuống *trần-gian*.

Ở đây,đô-thành,từ sau giờ *giới-nghiêm*, cảnh sống ồn-ào náo-nhiệt phải ngừng lại một lát vì mưa gió, nay càng tấp-nập *rộn-ràng*. Bình-dân vất-vả lại ra sức cần-ao : xa-phu thì chuyên chở vội-vàng, những chị buôn gánh bán bưng lại đi *dẻo-dang*, tiếng rao *lảnh-lót*... Xen lẫn vào đám cần-lao, nhiều tà áo màu tươi đậm, lạt, nhiều bộ y-phục *thời-trang*, lịch-sự, đầy vẻ sang-trọng *phong-lưu*.

Những ngày nắng kéo dài, đường khô, bụi cát tung bay *mù-mịt* ; còn nay, liền sau một trận mưa, thì nước lại bắn lên *tung-toé* ; dân thành-đô phải chờ nắng gió một đôi giờ cho đường phố khô ráo, mới lại được hưởng cảnh trời tươi đẹp của mùa thu.

Vũ-hữu-TIỀM

Câu hỏi :

1.— *Giải-nghĩa* : lành-lạnh, tụ, tản, không-trung, tự-do, trần-gian, thời-trang.

2.— Tìm những tiếng đồng-nghĩa và những tiếng phản-nghĩa với : vội-vàng, vất-vả, dẻo-dang.

3.— Phân-tích loại tự : « *Ánh nắng vàng rực-rỡ đã tự-do chiếu xuống trần-gian* ».

4.— Đại ý bài ám-tả.

(Bài làm ở số tới)

Bài giải về những câu hỏi ám-tả "Tết Trung-Thu" kỳ trước

Giảng rộng hơn để làm bài học Việt-ngữ luôn thể

I.— Giải nghĩa

Rằm: Ngay 15 mỗi tháng, theo *âm*-lịch, ngày theo con *trăng* ngày giữa tháng, đến đêm có trăng thật tròn.

Trung-Thu-tiết : *Trung* là *giữa*, *thu* là *mùa thu* ; *tiết* là *lễ tết*, vậy, *Trung-Thu-tiết* là *tết giữa mùa thu*.

(Theo mẹo chữ Hán,hay phải đảo ngữ nghĩa là để ngược tiếng,những tiếng đặt ở sau là tiếng chính, ví dụ : thu *nguyệt*: *trăng* thu; thu *phong*, *gió* thu ; thu *sương*,

sương mùa thu ; thu *thủy*, *nước* mùa thu (trong) ; thu *dạ*, đêm thu ; thu *cảnh*, phong cảnh mùa thu ; thu *dung*, cảnh sắc mùa thu ;thu *thanh : tiếng* mùa thu; thu *tình*, thu *tứ*, *tình tứ* của người về mùa thu, có ý nói là *buồn hiu*.

Thưởng nguyệt : *Thưởng* là ngắm, xem, chơi (động từ) *nguyệt* là *trăng thưởng-nguyệt* là xem, ngắm, trăng ; vui chơi ăn uống, ngâm vịnh dưới ánh sáng trăng; vừa chơi vừa ăn uống, vừa ngâm-vịnh, ca hát lại vừa ngó lên mặt trăng. Mẹo chữ Hán : *động từ* có *túc từ* đứng liền sau thì *động-từ* để trên : *thưởng hoa : ngắm, xem,* hoa ; *thưởng* xuân, *chơi* xuân ; *thưởng* ngoạn : xem ngắm cái đẹp ; *thưởng* lao : *đền* thưởng công khó nhọc. (**thưởng** : trả công ; khen ngợi).

Gia-tiên : *Gia* là *nhà*,*tiên* là *người đã chết*, *gia-tiên* là *tổ-tiên* trong nhà.

Sặc-sỡ : Nhiều màu sắc tươi quá mà không hòa đối, lại tương phản nhau nên thành loè-loẹt, khó coi.

Chổ : Chổ chớ không phải **trổ** (trong bài in lộn **! ch** ra **tr**) **chổ** (dấu hỏi ?) là lấy lưỡi dao nhỏ và sắc bén mà tỉa, chạm, gọt, khoét, nạo, làm ra những hình những nét thành hoa, chim,lá, bướm v.v... Còn TRỔ, **tr**, là **trổ** lá, **trổ** bông, trái, **trổ** mã ; là *đâm, mọc, nở* ra và *nẩy* ra... *trổ mã* là tươi đẹp ra.

Con giống : Ở đây là tên chung những con nặn bằng bột nhuộm màu như : chó, mèo, tôm, cua, cá, chim, gà, heo v. v...

bồi : dán, đắp vào nhiều lớp. (**bồi** là giúp thêm).

II.— Đồng-nghĩa Phản-nghĩa

Sặc - sỡ	*loè-loẹt*	*Thanh-nhã*
rầm - rĩ	*ồn-ào, ầm-ĩ*	*êm-lặng*

III.— Phân-tích mệnh-đề

« Trẻ con tối hôm ấy, *dắt-díu* nhau từng lũ, đám thì *nhảy-vô*, đám thì *kéo-co*, đám thì « *bắt cái hồ khoan* », đám thì rước đèn, rước sư-tử ; trống, thanh-la *đánh* vang cả đường, tiếng reo, tiếng đùa *rầm-rĩ* » **Câu nầy có tám mệnh-đề.**

Số	Mệnh đề	Loại
1	Trẻ con, tối hôm ấy, dắt-díu nhau từng lũ.	chính
2	Đám thì nhảy vô *(chơi* trò chơi *nhảy vô)*.	phụ, trực tiếp bởi ý-nghĩa.
3	Đám thì kéo co *(chơi* trò chơi *kéo co)*.	phụ . . . . .
4	Đám thì «bắt cái hồ khoan» *(chơi* trò chơi «*bắt cái hồ khoan* ».	phụ . . . . .
5	Đám thì rước đèn *(chơi* rước đèn.	phụ . . . . .
6	Rước sư-tử *(chơi* rước sư-tử).	phụ . . . . .
7	Trống, thanh-la đánh vang cả đường.	độc-lập,
8	Tiếng reo, tiếng đùa rầm-rĩ.	độc-lập.

IV.— *Đại ý :* Tết Trung-Thu là tết giữa mùa thu, tức là nhằm ngày rằm tháng 8. Ở Trung, Bắc, đồng-bào theo tục-lệ, ăn chơi ngày tết này long-trọng lắm, trẻ con rước đèn, rước sư-tử, hát ca ; người lớn bày cỗ, ngắm trăng. Khắp nơi vang giậy tiếng-nhạc khí hòa lẫn với tiếng ca hát reo hò vui vẻ.

VŨ-HỮU-TIỀM

MỘT BỨC THƠ

Cần Học số 18 có cô nữ-sinh «Tân Long» mới nhập trường Gia-Long liền viết thư bằng một bài thơ « song thất lục-bát » gởi về cho cha mẹ. (đầu đề : số 17). Nay mẹ cô bèn đáp lại, lời lẽ chân thành, nồng-nàn cảm-động, *và nếu học-sinh theo đó làm ra văn xuôi, cũng vẫn được thêm một bức thư đầy đủ ý nghĩa vậy.* *VŨ-HỮU-TIỀM*

Thủ, 29-9-50

TÂN-LONG *ái-nữ*

Con ra tỉnh, theo đường học-vấn ;
Mẹ ở nhà, mắc bận *tề gia*. (1)
Thương con thân gái đi xa,
Mới lần thứ nhứt con ra thị thành ;
Còn bỡ-ngỡ chưa lanh chưa thuộc,
Lại ngày thơ, đường bước chưa quen.
Thị-thành thiên-hạ đua chen,
Mẹ mừng con gặp bạn hiền *tương thân* (2).
Con cố chí, chuyên-cần học tập,
Mẹ ra công, gắng sức lo toan.
Cha con *nặng gánh giang-san* (3),
Mọi đường có mẹ *chu-toàn* (4) cho con,
Nay nhà vắng, chỉ còn mình mẹ,
Lúc vào ra lặng-lẽ buồn-hiu.
Nhớ con, mỗi sớm, mỗi chiều,
Hình con mẹ ngắm, thêm nhiều nhớ nhung ;
Nhưng lòng mẹ *vô-cùng an-ủi* (5),
Nhìn tương-lai *phấn-khởi* (6) đời con.
Mai sau danh phận vẹn tròn,
Gấm, hoa rực-rỡ, vàng, son huy-hoàng. (7)
Con thấu chăng ? ít hàng tâm-sự,
Đồng cảm thông : *mẫu tử tình thâm* (8).
Nhớ chăng ? *Mẫu tử đồng tâm* (9).

Mẹ thương con : LAN-NGỌC (T.D.M.)

1. **Tề** là gọn-gàng ; **Gia** là nhà.
   Tề gia là xếp đặt việc gia đình.
2. **Tương thân** : cùng thân mến nhau.
3. Gánh vác trách nhiệm, lo việc nước nhà. (*giang san* : sông núi, 2 tiếng thường ám chỉ *đất nước, tổ-quốc,*
4. **Chu** : vòng tròn, **toàn** : đủ trọn; **chu toàn** là đầy đủ tròn vẹn, không sót
5. **Vô cùng an-ủi** là *an-ủi vô cùng,* theo cách *đảo ngữ* ; *giải khuây* nhiều lắm.
6. **Phấn** là mạnh mẽ, **khởi** : bắt đầu, **phấn khởi** : bắt đầu dấy lên, nổi mạnh.
7. Cuộc đời có hạnh phúc tươi đẹp như *gấm* như *hoa*, *rực - rỡ* như *vàng son* chói lọi.
8. Mẹ con tình nồng nàn sâu sắc.
9. Mẹ con cùng một lòng một dạ.

Các bạn hiếu học hãy đón xem Cần Học mỗi tuần có thêm bài mới lạ. . . . . .

1er DEGRÉ *(1ère et 2e Année P.S.)*

Dictée.— *La fête des lanternes.*

De toutes parts jaillissent, s'élancent, tournoient les bêtes et les grandes étoiles lumineuses. L'air n'est plus qu'un mélange miraculeux du monde céleste, du monde des eaux et du monde de la terre. Des crevettes énormes saisissent de leurs antennes mouvantes des papillons géants.

Des insectes formidables agitent leurs pattes. Au dessous d'eux rampent et dansent des dragons rouges qui se détendent en claquant de la gueule dans le vacarme des pétards.

De toutes les rues, de toutes les ruelles, de toutes les cours, de tous les logis bondissent des nuées d'enfants porteurs de lanternes. Et les plus pauvres et les plus petits brandissent des têtes de lapins lumineuses, rouges, vertes, blanches, au bout d'une manche de bambou.

Jeanne **LEUBA**

QUETIONS.— 1.— Expliquez la seconde phrase de la dictée : *« L air n'est plus qu'un mé ange. . . . . de la terre.»*

2.— Donnez des mots de la famille de *nuée.*

3.— Analyse logique de la phrase suivante : *« Au dessous d'eux rampent et dansent. . . . . dans le vacarme des pétards ».*

VOCABULAIRE.— *Sens de quelques expressions courantes formées avec JEU :*

Jeux de princes: actes qui causent peine et dommage à autrui ; plaisirs des grands au détriment des petits.

Entrer en jeu: se mêler tout à coup à une affaire.

Se faire un jeu de: mettre son plaisir à faire une chose, en général, désagréable à autrui.

Tirer son épingle du jeu: se dégager d'une situation désagréable, dont on veut éviter pour soi les conséquences.

Donner beau jeu: au jeu, donner de bonnes cartes ; donner à un adversaire les moyens de réussir contre soi-même.

Avoir beau jeu: être bien placé pour réussir, pour agir.
Il verra beau jeu: il sera maltraité, réprimandé.
Faire voir beau jeu: à quelqu un: le maltraiter, lui nuire.
Cacher son jeu: agir avec dissimulation.

Jouer gros jeu: s'engager dans une affaire où l'on risque un danger ou des embarras.

Couvrir le jeu de quelqu'un: s'employer à détourner l'attention des personnes en cause.

Son honneur est en jeu: il risque d'y perdre à son honneur.
Vieux jeu: d'après les vieilles idées et les coutumes d'autrefois.

Réponses au questionnaire de la Dictée :

Un nouvel élève.

1.— Il semblait un chantre de village avec ses habits rustiques, ses souliers forts, mal cirés, garnis de clous, son air embarrassé, ses poignets rouges:

2.— Fonction des mots :
Nouveau : sujet de était
Cheveux : complément d'objet direct de avait
Gars : attribut du nom nouveau
Air : complément d'objet direct de avait.

3.— Analyse logique :

NBRE	PROPOSITIONS	NATURE	FORME	FONCTION
1	Nous étions à l'étude	Principale		
2	Quand le Proviseur entra suivi d'un nouveau habillé en bourgeois	Subordonnée	par la conjonc. *quand*	compl.circ. de temps du verbe de la princ.

RÉDACTION — Devoir corrigé —

Un nouvel élève a été admis ce matin dans votre classe. Faites son portrait. Quels sentiments éprouvez vous pour lui ?

Développement.— Nous avons eu, ce matin, une nouvelle recrue dans notre classe. Ce nouvel élève s'appelle Nam. C'est un garçon d'allure timide, que j'ai examiné avec curiosité et sympathie, en raison de sa timidité même.

Sur la cour nous faisions un vacarme effrayable. Après de longues vacances, on se retrouve avec joie, et pour nous la joie est bruit, mouvement, cris, courses et bousculades. C'était un grouillement d'où montait une allégresse générale. Cependant Nam, sans amis restait en un coin, les mains enfoncées dans les poches, il regardait, muet, ahuri, stupide Nos cris l'effrayaient, et quand nous passions, à toute vitesse, auprès de lui, il se reculait au plus vite, s'appuyait au mur, semblait vouloir se cacher, disparaître.

Neuf heures ! Le tamtam sonne ; nous voilà rangés, en silence, et chacun va prendre sa place dans notre classe spacieuse. Nam, seul, ne sait où se diriger. Je l'ai vu hésiter, rougir, demander du regard ce qu'il allait devenir. Que ses livres lui semblent lourds ! Il tient à la main son cartable qui va, tristement de côté et d'autre. Mais le maître l'appelle : « Nam ! » Le voilà seul devant le bureau, tandis que cinquante paires d'yeux sont fixées sur lui, avec curiosité et malice. Nam est rouge comme une pêche bien mûre. Au fond de la classe, quelques rires étouffés passent de rang en rang. Mais l'enfant s'est ressaisi. Aux questions du maître, il répond doucement, humblement, mais avec beaucoup de précision. Qu'il me semble sympathique, ce nouveau, ainsi mis à la torture !

Sujet à proposer.— *Nam, garçon turbulent et taquin, renverse la boîte à ouvrage de sa sœur et se sauve. Quelques instants après, il revient avec une déchirure à sa veste. Racontez les deux scènes et achevez l'histoire à votre manière.*

VERSION CORRIGÉE. — *Những đứa trẻ mất dạy*

Hễ khi nào Giáp và Ất ra khỏi trường mà không có thầy đi theo, thì chúng nó la hét om-sòm hay là cải lẫy với con nít một trường với chúng. Trời có mưa chăng, thì chúng nó đi chỗ nào có nhiều bùn hơn hết và lấy làm thích mà hất bùn cho văng nhằm các trò nhỏ hơn. Có gặp con gà, con vịt hay là con chi khác thì chúng lùa đuổi, lấy đá sỏi liệng làm cho con vật hoảng kinh chơi. Ngày kia, khi chúng đang chơi dại dột như vậy, có một cụ già đi qua thấy vậy bèn la dứt và nói rằng lấy làm xấu hổ cho những đứa có học mà ăn ở dường ấy. Song le hai thằng hoang-đàng chỉ nghe sơ lời cụ già răn dứt, cười ré lên rồi chạy tuốt đi. Có đứa trẻ nào muốn bắt chước theo hai thằng học trò thô-tục và hung-hăng đó chăng ?

THÈME À PROPOSER.— *Đêm thu*

Đêm thanh, cảnh tĩnh, một mình ngồi xem sách ở dưới một bóng đèn hắt hiu. Dế kêu rỉ rỉ bên tai, đôi khi lại nghe văng vẳng có tiếng vạc kêu ở từng mây bồng.

Ra đến sân, ngóng xem trên không, mây quang, sao tỏ, sông Ngân-hà vắng vặc giữa trời. Hơi sương lạnh ngắt như đồng, bóng trăng in vẻ lạt lẽo trên mặt đất. Trông trước, trông sau, bốn bề tịch mịch, chỉ thấy gió hiu hiu thổi, lay động một vài bóng cây. Buồn quá, trở vào đắp mền ngủ, thì không sao mà ngủ cho yên giấc. Hồ nhắm mắt, lại nghe lanh lảnh mấy tiếng chuông chùa lọt đến bên tai.

PHAN-KẾ-BÍNH.

THI TRUNG-HỌC ĐỆ NHỨT CẤP

Khóa II, 18-9-50 — SAIGON

Dịch Pháp-văn ra Việt-văn.— *Avoir un idéal.*

Avoir un idéal, c'est être sûr de ne pas vivre au hasard, au jour le jour, sans but, sans règle, sans espérances ; c'est savoir pourquoi l'on préfère le devoir au plaisir, la joie du travail au laissez-aller de la paresse.

Avoir un idéal, c'est prendre la vie au sérieux, c'est choisir pour la remplir convenablement non pas ce qu'il y a de plus facile, mais ce qu'on connaît de plus noble, de plus pur, de plus digne d'un homme.

Avoir un idéal, c'est posséder pouranimer sa vie entière un coeur chaud, un esprit libre et une volonté droite, c'est aimer penser et agir en vue non pas de son propre intérêt qui est une chose si petite, mais du bien de tous qui est une chose si grande ; c'est respirer à pleins poumons au lieu de rejeter misérablement, c'est, au lieu de descendre toujours, monter toujours plus haut.

Có lý-tưởng.

Có một lý-tưởng là nhất quyết, không chịu sống một cách mặc tình may rủi, ngày lại qua ngày, vô mục-đích, vô định-luật, vô kỳ-vọng ;

Biết rõ tại sao mình thích nhiệm-vụ hơn sự khoái-lạc, thích sự vui-vẻ trong cần-lao hơn là sự buông trôi theo tánh biếng lười, ấy là **có một lý-tưởng đó**

Có một lý-tưởng là biết coi cuộc đời quan-trọng, biết sống đầy-đủ một cách xứng hợp, nên không lựa lấy phần sống dễ-dàng hơn, nhưng là biết lựa lấy phần sống tôn-quí hơn hết, trong sạch hơn hết, ấy là phần xứng đáng hơn hết của một người.

Có một lý-tưởng là có một bầu nhiệt huyết, một tâm hồn thung dung và ý-chí ngay thẳng, để làm linh-hoạt cuộc đời mình.

Có một lý-tưởng là biết yêu thương, biết tư-tưởng và biết hành-động, không phải vì lợi riêng của mình, tư-lợi là điều ti-tiểu lắm, nhưng phải vì lợi chung, điều công-ích mới là điều cao cả !

Có một lý-tưởng là sống khoan-khoái, chớ không phải sống miễn-cưỡng không phải cứ lùi xuống thấp luôn luôn, nhưng chính là phải tiến lên cao mãi mãi vậy.

Tạm chấp thành vần.

Có lý-tưởng

Có lý - tưởng, ấy là nhất-quyết,
Không sống liều mặc việc rủi-may.
Không cam ngày lại qua ngày,
Sống không mục-đích, không hay luật đời.
Không sống tạm thiếu nơi kỳ-vọng,
Nhưng sống vì biết trọng biết khinh.
Trọng bổn nhiệm-vụ của mình,
Cần-lao vui-vẻ và khinh biếng-lười.
Không ham lựa vui-chơi khoái-lạc,
Lý-tưởng mình sống thác cũng theo.
Coi đời quan-trọng bao nhiêu !
Muốn làm đầy đủ những điều xứng nên.
Không chọn lựa lấy bên dễ-dãi,
Nhưng nhận phần thượng đại thanh cao.
Phần hơn xứng mặt anh hào,
Ấy là lý-tưởng thanh-cao hơn đời.
Có lý-tưởng thành người sống đẹp,
Sống nhiệt-tâm hồn biết tự-do,
Thẳng ngay ý-chí rộng to,
Biết yêu thương chẳng đắn đo lợi mình.
Từ tư-tưởng ra hành động việc.
Chỉ vì đến công ích lớn lao.
Lợi riêng không đáng kể vào,
Sống vui khoan-khoái thanh-cao con người.
Chớ đâu phải chán đời thảm-khốc
Đâu phải lùi xuống thấp luôn luôn;
Nhưng là lên mãi cao hơn.

V. H. TIỀM

Sinh-ngữ.— **Dịch ra Việt-văn**

An old lady

In her arm-chair, with an elbow resting on the table and her head leaning on that hand, sat the strangest lady I have ever seen, or shall never see. She was dressed in rich materials-satins, and lace and silk-all of white. And she had a long white veil dependent from her hair was white. Some bright jewels sparkled on her neck and on her hands, and some other jewels lay sparkling on the table. Dresses less splendid than the dress she wore, and half-packed trunks, were scattered about.

She had not quite finished dressing, for she had but one shoe on — the other was on the table near her hand — her veil was but half arranged, her watch and chain were not but on.

Một bà lão

Trong ghế dựa, một bà lão cực-điểm lạ-kỳ mà tôi chưa từng trông thấy hoặc tôi không bao giờ sẽ thấy, đang ngồi dựa cùi chỏ trên bàn và đầu thì nghiêng tựa vào bàn tay. Bà mặc đồ sang trọng — sa-tanh, ren và lụa — toàn màu trắng — Bà có tấm lưới the trắng, dài, phủ xuống từ trên mái tóc và bà có đắc hoa trên tóc như một nàng dâu, nhưng tóc bà đã bạc trắng. Vài món nữ trang sáng ngời lóng lánh nơi cổ và tay bà và vài món trang sức khác đang nằm chiếu long lanh trên bàn. — Vài áo khác, — ít lọng lầy hơn áo bà đang mặc — và rương trấp mới sấp vô chỉ phân nửa, còn nằm rải rác đây đó,

Bà trang sức chưa được toàn vẹn vì bà chỉ mang xong có một chiếc giày — chiếc kia còn để trên bàn, cận tay bà — lưới the bà chỉ vén khéo mới nửa chừng, đồng hồ vã giày chuyền bà vẫn chưa đeo.

Thi tú-tài phần thứ nhứt (11-9-50 Saigon)

Luận quốc-văn.— Hãy phân tích *tình-ý* và *nghệ-thuật* trong bài thơ sau này của cụ *Nguyễn-Khuyến*.

Thu Điếu

Ao thu lạnh-lẽo nước trong *veo*,
Một chiếc thuyền câu bé *tẻo-teo*,
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió sẽ đưa *vèo*,
Từng mây lơ-lửng, trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co, khách vắng *teo*,
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân *bèo*.

Bài làm

Thu Điếu là gì ? Cụ Nguyễn-Khuyến mới *các-cớ* làm sao ! Cụ làm một bài thơ hoàn-toàn nôm, hoàn-toàn bằng tiếng Việt, mà lại dùng hai tiếng đặc biệt *hán tự* làm đầu-đề ! Nhưng, không sao ! Tài thơ của cụ cao quá, rõ quá, nên bài *Thu Điếu*, chỉ đọc, hay chỉ nghe qua một lần, dù ai không biết một chữ hán nào, cũng đoán đúng ra ngay *Thu Điếu* là « **mùa thu câu cá** », đoán được một cách rất dễ-dàng.

Muốn chứng minh lời nói trên nay xin chỉ mới trình bày một câu đầu :

Ao thu lạnh-lẽo, nước trong veo

Ấy là một câu thơ bảy chữ, nhất định rồi, nhưng ai cũng nhận thấy ngay câu thơ này, bảy chữ này là cả một bức tranh phong cảnh mùa thu lành-lạnh đìu-hiu ; mới chỉ có một « *nét vẽ* » đơn-sơ đầu tiên mà « *họa sĩ* » đã trình bày gần đầy đủ một « *bức tranh* » mùa thu với một cái ao lạnh-lẽo, nước trong *veo*. Rồi tiếp theo nét chấm *phá* thành cái ao rất khéo kia, « *họa sĩ* » liền điểm ngay, gần bên bờ ao, một chiếc thuyền nho nhỏ, duyên dáng :

Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo ;

Thả chiếc thuyền câu rồi, « *họa sĩ* » mới có thì giờ thảnh-thơi mà để ý tới mặt nước lung-linh :

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí...

Và hoa-sĩ vẽ được cả gió thổi, vẽ được cả *luồng gió* và vẽ được cả *tiếng* lá bay theo luồng gió nhẹ và mau. Thật đấy, vẽ được cả *gió* và *tiếng* lá bay, không ngoa đâu, vì kìa :

Lá vàng trước gió sẽ đưa VÈO.

Đó tiếng **VÈO**, tiếng lá khô rụng, lá vàng rơi bay theo luồng gió mau và nhè-nhẹ ở gần đâu đây mà ta nghe rõ lắm ; lá vàng chỉ rơi lác-đác và bay theo gió mau, gió tuy mau nhưng lại nhẹ nhàng nên ta chỉ nghe tiếng **KHẼ ĐƯA VÈO**. Và nghe rồi, ta liền ngửng lên nhìn, thì kìa :

Từng mây lơ-lửng, trời xanh ngắt.

Nhìn trời mây cao một chút thôi, ta lại ngắm đằng trước ao, nọ :

Ngõ trúc quanh co, khách vắng teo

Nãy giờ ta ngắm bức tranh đẹp tài-tình, ta đã say mê phong-cảnh mùa thu, tả đang mơ-màng với ao thu lạnh-lẽo, với làn nước *trong veo* ; ta ngồi trong chiếc thuyền con bé *tẻo teo*, ta nhìn theo làn sóng xanh biếc gợn lăn-tăn, ta trông theo lá vàng bay trước gió, *nghe rõ* **TIẾNG** *gió khẽ* đưa **VÈO** ; ta ngước nhìn lên từng mây lơ-lửng trong nền trời xanh ngắt, ta đưa ngang tầm mắt vào ngõ trúc, ngõ đường nho nhỏ hai bên có những cụm trúc lơ-thơ, thanh-tú ; đường nhỏ quanh co và vắng teo, không một khách qua lại ;

Càng ngắm càng say, càng say càng mê, say mê rồi ngây-ngất, ngây ngất rồi mê-ly, mê-ly trong cảnh, mơ mơ màng màng theo nước trong ; bồng bềnh theo chiếc thuyền, theo làn sóng lăn-tăn xanh biếc ; chơi vơi theo lá vàng bay trong tiếng gió ; lơ-lửng theo mây trôi ; say đắm tâm hồn, rồi tưởng như chính mình đang

Tựa gối ôm cần, lâu chẳng được

Thả câu đã lâu rồi, tựa gối, cầm cần câu chờ đợi mãi mà chẳng được gì, phao vẫn đứng yên không hề nháy-nháy, động đạy tí nào, mà cắc cớ chưa kìa :

Chợt một vòng tròn lung linh trên mặt ao, loang loang to lần lần mãi, vòng theo một cái bèo nổi ở một bên gần chỗ buông câu, làm ta tiếc và hơi giận sao cá không cắn câu mà lại trêu ta đó :

Cá đâu đớp động dưới chân bèo

Phân-tích *tình-ý* và *nghệ-thuật* trong bài thơ : « Thu Điếu » bài thơ : « *Mùa Thu Câu Cá* » của cụ Nguyễn-Khuyến ư ? Tình-ý thì đã thật rõ-rệt trong lời thơ diễn tả tâm-tình ưa thanh nhàn « ngồi thuyền câu cá » còn nghệ thuật thì biết lấy lời văn nào, biết dùng những tiếng hay, đẹp, tuyệt-diệu, những lời châu ngọc nào, những hàng gấm thêu nào, những câu cẩm-tú nào mà diễn đạt được sự phân tích nghệ thuật trong bài thơ ấy bây giờ ?

Không tin, xin đọc bài thơ ấy lên đi, đọc với giọng thanh thanh, nhè-nhẹ êm-êm, đọc thong thả, ngân nga đều đều, nhứt là người đọc lại ấm tiếng, dài hơi thì nghe thật là một bản nhạc, một bản nhạc có đủ âm thanh trong như *thu-thủy*, êm như *thu-thanh*, sáng như *thu ba*, thẳm như *thu vân*, nhẹ như *thu phong*, buồn như *thu tình, thu tứ* và đẹp như *thu nguyệt, thu dung vậy*.

Tóm lại, để ca tụng cái đẹp của mùa thu, cái thú thanh-nhàn, cái buồn hiu quạnh, cụ Nguyễn-Khuyến cũng như nhiều thi-nhân đã ngâm vịnh về thu, và với bài **thu điếu** cũng như mấy bài bất hủ khác : *Thu ẩm, Thu Vịnh* (Nguyễn-Khuyến), Gió Thu (Tản Đà) Tiếng Thu (Lưu-trọng-Lư) Cảnh Thu (Bà huyện Thanh Quan) *các thi-sĩ đó đã trở nên* **kiêm họa-sĩ và nhạc-sĩ nữa vậy**.

VŨ-HỮU-TIỀM

Nhà Sách P. VĂN TƯƠI, 16 Salourain SAIGON

THI TÚ-TÀI PHẦN THỨ NHỨT (*11-9-5 Saigon*)

Ban Khoa-học B

Luận Pháp-văn. — *La rentrée approche. Vous considérez de votre fenêtre les paysages au milieu desquels vous avez passé vos vacances. Vous songez à l'école où vous allez retourner. Dites les sentiments que vous éprouvez.*

Remarque

Sujet relativement facile, s'apparentant aux devoirs donnés au Diplôme et au Brevet.

Le canevas comporte deux parties : 1) description au moins sommaire du *lieu* où vous avez passé vos vacances et des *plaisirs* que vous y avez goûtés ; 2) vos sentiments.

Selon l'état de votre bourse et l'emplacement de la maison paternelle, vous avez pu passer vos vacances, soit au bord de la mer (au cap saint Jacques, à Nhatrang...) soit sur une station d'altitude (à Dalat) soit enfin à la campagne ou même à Saigon. Mais quel que soit ce lieu, vous devez le décrire, non en termes vagues et généraux pouvant s'adapter à n'importe quel paysage, mais en traits précis, au besoin avec des noms propres.

Il est clair que, parmi les sentiments que vous avez pu prouver, figurent certainement le *regret* de quitter vos amusements pour reprendre les études et la *crain'e* devant l'inconnu (nouveaux professeurs, nouvelle classe, nouveaux camarades)

Plan

D'but. — Je mène une vie insouciante à *Nha'rang*, en train de goûter la joie familiale quand brusquement mon père m'annonce que la rentrée se fera dans une semaine. Je dois faire mes préparatifs pour reprendre la route de Saigon. Quelle triste nouvelle !

Première partie. — En proie à de sombres pensées, je jette un regard d'adieu sur le paysage de Nhatrang.

Description sonmmaire, mais précise de la ville(1)

Deuxième partie. — Enoncé des sentiments éprouvés :

a) *Regret* des vacances et de leurs plaisirs;

b) *Effroi* de monter de classe et surtout d'avoir à subir un difficile examen à la fin de l'année;

(*Tristesse* à la pensée de la séparation.

---

(1) Cette partie n'intéresse que ceux qui connaissent Nhatrang. Pour les autres, ils peuvent s'en inspirer pour faire la description du lieu de leur choix. De toute façon, éviter les termes banaux, les lieux communs qui pourraient convenir à n'importe quel site.

Développement.— Depuis plus de deux mois je goûte un parfait repos à Nhatrang auprès de mes parents. Sans être très grande, ma maison est située sur le bord de la mer, près du centre de la ville.

Eloigné de la maison familiale durant dix mois de l'année, je rentre chez moi avec joie et mes parents me laissent absolument libre pour organiser mes vacances comme je l'entends.

Brusquement mon père m'annonce que suivant un entrefilet du journal, la rentrée se fera dans une Semaine· « Dans quelques jours, il me faudra dire adieu à mes amusements pour reprendre le chemin de l'école... Bientôt, je devrai quitter encore ma famille pour aller à l'internat du Lycée Chasseloup Laubat...»

Cette triste nouvelle produit sur moi le même effet qu'une douche froide sur un dormeur: elle dissipe mon insouciance habituelle et me réveille en sursaut à la réalité de l'existence.

I.— En proie de ces sombres pensées, je jette un regard sur les lieux où j'ai goûté tant de plaisirs. Devant moi, s'étend le long ruban de sable, qui constitue la baie de Nhatrang, si réputée chez les estivants. Çà et là, surtout près de la demeure de feu docteur Yersin, des baigneurs s'étendent à même sur le sable ou s'ébattent gaîment dans l'eau. A cause des récents mauvais temps, annoncés d'ailleurs par la radio, la mer est maussade et de grosses vagues viennent déferler sur la plage, incitant les gens à la prudence.

Pourtant, de ma fenêtre, je vois assez nettement les bonnets rouges ou bleus de quelques audacieux ballottés assez loin de la côte. Là-bas, au sud, se profile le promontoire de Cầu đá, coiffé de plusieurs bâtisses dont l'ensemble constitue le fameux Institut Océanographique.

Là, dans des aquariums de toutes formes et de toutes grandeurs, évoluent, dans un monde simulant à merveille la réalité, des poissons de mer les plus jolis et les plus bizarres. Que de fois j'y suis allé pour un pique-nique en compagnie de mes camarades. A présent il faut dire adieu à ce cadre enchanteur pour de longs mois!

Tout le long de la route qui relie Cầu đá à Nhatrang, s'étend la forêt de pins. Souvent, nous y restons la journée entière, à

à chanter, à danser, ou mollement couchés sur le fin duvet des feuilles mortes, nous abandonnons à la somnolence au rythme du susurrement de la brise à travers les pins. Malgré nous, le chant patriotique «Aï chi lang» revient à notre mémoire avec l'identification de ce murmure des feuilles aux plaintes des mânes errantes....

Vers le Nord, serpente la route asphaltée conduisant au Col Ru Ri, enjambant sur deux ponts en ciment les nombreux bras de la rivière de Nhatrang. La Pagode Ponagar, temple cham, constitue elle aussi un lieu de promenade intéressant car, située sur une éminence, elle permet d'avoir un coup d'œil coquet sur la ville de Nhatrang et ses environs. Enfin, au loin, sur une haute colline, à la façon des anciens châteaux forts en nids d'aigle, s'élève le majestueux couvent des Frères des Ecoles chrétiennes...Et comme fond du tableau, les contreforts de la chaine annamitique, pareils à de gigantesques troupes d'éléphants qui se seraient subitement pétrifiées...

II. - a) La rapide évocation de ces lieux enchanteurs suscite en mon âme toute une armée de sentiments complexes. Mais, à bien réfléchir, je remarque que c'est le *regret* qui prédomine. Désormais, plus de liberté dans mon emploi du temps; je ne pourrai plus passer mes après-midi à courir sur la plage ou à chasser crabes et poissons sur la grève de Hòn Chông. Plus de bains de mer ; adieu les balades sous les pins ou au tunnel de Chợ mới ! Plus de farniente sur une chaise longue, auprès d'un appareil de radio...

b)— A ce regret succède un certain *effroi* devant l'inconnu, celui qu'éprouvent les soldats montant à l'assaut. Cette année, je monte en classe de Première, au programme rébarbatif. De l'avis général l'examen de fin d'année sera difficile. En cas d'échec, il me faudra savourer la honte et recommencer... De plus, des anciens m'ont annoncé que le professeur de Mathématiques est incompréhensible ; en outre c'est un homme sévère qui ne mâche guère ses mots. C'est la terreur de ceux qui n'ont pas « la bosse de math ». A cette idée, il semble que mon cœur a cessé de battre.— Une autre source d'inquiétudes vient des surveillants, surtout ceux du dortoir et du refectoire. Ah ! ces pions ! à la moindre violation du règlement, ils nous menacent de traîner devant le Proviseur. Ils ne veulent jamais faire la part de l'étourderie, de l'insouciance ! Enfin, je suis anxieux au sujet de mes camarades de classe. Ceux de l'année dernière sont-ils tous revenus ? Ceux qui ont dû subir le concours de passage sont-il enfin admis ? Les nouveaux seront-ils aussi sages et aussi gentils que ceux de l'année passée ? Autant de points d'interrogation qui éveillent dans mon âme en désarroi une douloureuse résonance.

c) — Planant au-dessus de tous ces sentiments, à la façon de sombres nuages de pluie couvrant une ville, une *vague tristesse* m'enlève toute sérénité. Bientôt, je vais quitter mes parents, mes frères et sœurs pour me rendre à Saigon, si loin ! Passe encore si j'étais externe ! Mais non, « *la boîte* » et son rigide règlement exécuté par de solennels surveillants — vrais gendarmes de la vie écolière — se dresse sur ma route avec toute sa sévérité ! C'est surtout la pensée de quitter ma mère chérie qui m'accable. D'instinct, je redis les vers du poète :

Partir, c'est mourir un peu ;
C'est mourir à ce qu'on aime.

(Edmond de HARAUCOURT)

Je suis en train de me laisser aller à ces tristes pensées quand mon père me lance d'un ton impératif « Que fais-tu là â rêvasser ? — Prépare en hâte tes valises, car demain tu prendras l'avion pour Saigon. Je viens à l' instant acheter le billet ! » . . . .

NGUYỄN-VĂN-HANH
Professeur

2e Sujet : *Comment comprenez-vous cette réflexion de la Fontaine :*

« *Plutôt souffrir que mourir*
c'est la devise des homme ?»

(Bài làm trong số tới)

THI BẰNG TÚ - TÀI TOÀN PHẦN *(chế độ cũ)*

(Khóa nhì ngày 4-9-50 — Saigon)

Dịch Anh-văn ra Việt-văn.

The Mill.

In a winding, unfrequented road, close to a low, two arched bridge thrown across a stream of more beauty than consequence, stood the small irregu ary dwelling and the picturesque bui dings of Hatherford Mill. It was a pretty scene on a summer afternoon, was that old mill, with its strong lights and shadows, its low cottage, and the clear brook which, after dashing, and foaming, and branling, and-pluying off all the airs of a mountain river while pent up in the mill stream was no sooner let loose than it subsided into its natural peaceful character, and crept quietly along the valley, meandering through the green, woody meadows.

NHÀ MÁY XAY

Trên đường quanh co, vắng vẻ, gần một cái cầu thấp, hình đôi bán nguyệt, bắt ngang qua một giòng nước trông đẹp đẽ hơn là to-tát, có cất một cái nhà nhỏ không được đều-đặng và mấy ngôi nhà xinh xắng của máy xay Hatherford. Đấy là một cảnh tuyệt-diệu trong một buổi trưa hè : một máy xay cũ-kỹ, chỗ thì ánh sáng chói lòa, chỗ thì khuất trong bóng tối, một túp lều tranh sùm sụp, một giòng suối trong veo, — sau khi chảy cuồn cuộn, đánh bọt nổi ngầu, róc rách ầm-ĩ để tỏ ra vẻ một con sông miền thượng-du, lúc còn đang tù túng trong giòng nước của nhà máy, — mới vừa được thoát khỏi ra thì đã dịu lần trở lại có một tánh cách tự nhiên hòa nhã, lặng lẽ chảy dọc theo thung lủng và quanh-co uốn khúc giữa cánh đồng cỏ xanh cây rậm.

NG.-V.-THUẬT *Professeur*

Anglais pratique

Phrases courantes	**Current phrases**
Oui. Si (after négat.)	Yes (*dans les deux cas*)
Certainement	Certainly (*sërtinli*)
Naturellement	Of course (*ovkaurs*)
Evidemment	Obviously (*obvyesli*)
Sans doute	No doubt (*noou daout*)
Entendu	All right (*aulrait*)
D'accord	Agreed (*egrîd*)
Avec plaisir	With pleasure (*wizh plèjer*)
Volontiers	Willingly (*wilingli*)
A votre service	At your service (*yaur sërvis'*)
Non. Non pas	No (*noou*)
Nullement, En aucune façon	By no means (*bai noou minz*)
Jamais	Never (*nèver*)
Pás du tout	Not at all (*notetaul*)
Au contraire	On the contrary (*zhekœntreri*)
C'est impossible	It's impossible (*it's impossibl'*)
Je regrette	I am sorry (*ai'msori*)
Tout à votre service	All at your disposal (*aul atyour dispoouzel*)
Je vous prie de m'excuser	Please pardon me (*plîz pàrdenmi*)
Je regrette beaucoup	I much regret to (*ai mœtsh rigrèt tou*)
Çà ne fait rien	It does not matter (*itdœzn't*)
Il n'y a pas de mal	No harm done (*noou hârm dœn*)

PHÁP-VĂN THỰC-HÀNH và ANH-VĂN BỒ-TÚC

Những lời cám ơn, quở trách, cáo lỗi	Remerciemets, reproches, excuses.	To thank, to reproach, to excuse oneself.
— Đa tạ.	*Merci beaucoup.*	Thank (1) you very much.
— Rất đa tạ.	*Mille fois merci.*	Thank you so much.
— Tôi cám ơn anh nhiều.	*Je vous remercie bien.*	Very many thanks
— Tôi hết lòng cám ơn ông.	*Je vous remercie de tout cœur.*	I thank you heartily (2).
— Tôi rất cám ơn anh.	*Je vous suis très obligé.*	I am very much obliged (3).
— Tôi cám ơn vì anh có lòng tốt.	*Je vous remercie de vo're co nplaisance.*	I thank you for your kindness (4)
— Cám ơn.	*Merci.*	Thanks.
— Anh tử-tế quá.	*Vous êtes trop aimable*	You are really (5) toukind.
— Anh lỗi.	*Vous avez tort.*	You are wrong.
— Anh làm sai.	*Vous avez mal agi*	You did a shappy(6) thing.
— Anh làm việc không tử-tế.	*Vous n'avez pas agi sagement.*	You didn't (7) act wisely (8).
— Anh không có lý.	*Vous n'avez pas raison*	You are not right.
— Tôi không thích những cách đó.	*Ces façons ne me plaisent pas.*	You are rude.
— Tôi bực mình.	*Je suis navré*	I am awfully(9) sorry.
— Tôi tiếc cái đó quá.	*Je le regrette beaucoup.*	I am very sorry for it.
— Tôi sẽ nói với nó đều tôi tưởng.	*Je lui dirai ce que je pense.*	I will give him a piece of my mind.
— Tôi phải xin lỗi.	*J'ai à m'excuser.*	I have to apologize (10).
— Hồi đó tôi không để ý đến sự đó.	*Je n'en avais pas l'intention.*	I did not mean it.
— Tôi đã làm hết sức.	*J'ai fait de mon mieux*	I did my best.
— Tôi đã làm cho hay hơn.	*J'ai fait pour le mieux.*	I did it for the best.
— Chúng tôi đã làm hết sức.	*Nous avons fait l'impossible.*	We did our utmost (11).
— Chúng nó đã làm hết sức.	*Ils ont fait tout leur possible.*	They used every endeavour (12).

— Nó đã làm theo sức nó (làm đặng ngằn nào thì làm ngằn ấy).
— Anh hãy làm như anh muốn (theo ý anh).
— Anh khó.

— Tôi không cố ý làm phiền Ông.
— Tôi ước-ao Ông vui lòng thứ lỗi cho tôi !
— Tôi đã làm cái đó mà không cố ý.
— Tôi xin lỗi Ông.

— Không có gì.

Il a fait tout ce qu'il a pu.

Faites comme vous voudrez.

Vous êtes difficile.

Je n'avais pas l'intention de vous offenser.

J'espère que vous voudrez bien m'excuser.

Je l'ai fait sans y penser.

Je vous demande pardon.

Il n'y a pas de quoi :

He did all he could.

Do as you like.

You are hard to please.

I did not mean to offend you.

I hope you will excuse me.

I did it without thinking.

I beg your pardon (13).

Do not mention (14) it. There is no occasion (15) for it.

Prononciation figurée : (1) thànk, (2) heurt'lé), (2) eblaïdjd, (4) kaïnness, (5) rillaï, (6) sheppé, (7) did'nt, (8) ouaiselé , (9) aoufollé, (10) epoledjaiz, (11) œtmoust, (12) indèver (13) pârden, (14) mènshen, (15) occéijen.

Trường Huỳnh-thị-Nga

10, Đường René Héraud (vò hàng cống)

TANDINH

Trường có lớp rộng rãi, mát mẻ từ ĐỒNG-ẤU đến ĐỆ NHỨT-NIÊN! có Thầy chuyên môn dạy-dỗ cẩn-thận. Kết-quả kỳ thi vừa rồi rất tốt đẹp,

SƠ - HỌC ĐẬU (75 %)

TIỂU-HỌC ĐẬU (100 %)

Trường dạy học ban ngày và ban đêm.

NHẬN DẠY RIÊNG :

Để thí TU TÀI và THÀNH CHUNG, do nhiều Giáo-sư kinh - nghiệm và tận tâm.

Các trò cở SƠ HỌC, để thi B. E. trong 2 NĂM theo chương-trình mới mẽ, nghiên-cứu, kỹ-càng.

Khoa PHÁP-VĂN, TOÁN-PHÁP, KHOA-HỌC, SỬ-KÝ, ĐỊA DƯ, LUẬN LÝ và VIỆT-VĂN. LỚP ĐÊM cho các *bạn mù chữ* muốn học tiếng *Việt* và cho các bạn lỡ học về *Pháp-văn* : (từ mới học vần đến cở Tú-Tài).

Nhận dạy theo lối GỞI THƠ và chấm đủ các bài cho các trò ở xa gởi bài đến

Kinh-tế chánh-trị

Cô TÂN-HUỲNH-HOA — *Chợ-lớn*

(Tiếp theo)

OPÉRATIONS BANCAIRES.—

Nói về bạc dẫn kho (ouverture de crédit).

Muốn xuất cảng một món hàng hóa ra ngoại-quốc, chẳng phải chờ cho đồ đến nơi rồi mới thâu tiền ; vậy nên có người sợ mất vốn.

Tỉ như : xuất cảng 100 tấn (tonnes) khoai mì (manioc) qua xứ Pháp.

Mình làm giao kèo hoặc trao đổi thơ từ cho hãng bên ấy và gởi kiểu ; chịu giá cả xong rồi, hãng ấy phải gởi qua Saigon một số tiền dẫn kho nơi ngân hàng ; tiền ấy kêu là : onverture de crédit. Tỉ như : 100 Tonnes ou 100.000 kilos manioc à 2 $ le kilo (ac jute de 50 k° perdu) 200.000$ C.A.F Marseille (1).

(Mình chịu giá luôn cả bao bố 50 k· (emballage) tiền tàu và tiền bảo kê). Hàng hóa gởi xuống tàu, càn rồi có cho mình cái giấy gởi (connaissement). Mình khui toa (facture) đóng bao kè hàng hóa (assurances) và nạp các giấy tờ cho ngàn-hàng. Đúng 24 giờ thì nhà băng phát ra cho mình 200.000$.

Lưu ý.— Giấy gởi hàng (connaissement) giấy bảo kẻ (police d'assurances) và toa của mình (facture) nhà băng trả lại, mình vào bao thơ gởi bằng máy bay (par avion) qua cho hãng; đến khi hàng hóa tới nơi, có đủ bằng cớ sẵn, hãng mới lãnh ra được.

Ouverture de crédit irrévo able.— Có nhiều khi hãng gởi bạc dẫn kho (ouverture de crédit) rồi, mà đúng ngày giao kèo mình không có hàng hóa gởi đi, muốn đề phòng việc ấy, hãng cho nhà băng ít chữ « ouverture de crédit irrévocable ». Nếu trễ ngày mình đem hàng hóa gởi đi, nhà băng không phát bạc, sanh ra rắc rối.

---

(1) C (coût : giá bán)
A (assurances : bảo kê)
F (frêt : tiền tàu)
Anglais — Cost, Insurance, Freight (C.I.F.)

Opérations bancaires.—

Nói về Traites documentaires.— Gởi hàng hóa nhờ sở Bưu-điện thâu tiền giùm gọi là : Contre-remboursement (lãnh hóa giao ngân).

Các hãng lớn ngoại quốc không dùng cách đó lại giao cho nhà Băng thâu tiền, kêu là Traite documentaire à vue ou Traite D/P. (sur présentation de documents).

Hàng hóa đến Saigon, nhà băng cho hay, mình đến đó đóng tiền, lãnh giấy tờ rồi đến hãng tàu hoặc sở Bưu-điện mà lãnh đồ.

Có nhiều khi buôn bán lâu tin cậy, hãng ngoại-quốc có thể bán chịu cho mình 60 hoặc 90 ngày, kêu là : Traite documentaire à 60 ou 60 jours de vue.

Hàng hóa đến Saigon, mình cứ lãnh ra, và trước khi phải đến ngay hãng ký tên vào Traite (của Paris gởi).

Đến ngày kỳ hẹn 60 hoặc 90 ngày, nhà băng sẽ cho người đến thâu tiền mình ; nếu không trả thì kỳ 24 giờ, nhà băng sẽ giao cho Trưởng-tòa đi thâu.

Đây là kiểu : Traite documentaire

Nouveautés mondiales.—*B.P. Frs. 50.000.*—

Paris

Contre ce document, à 90 jours de vue, je paierai à l'ordre de la Banque du Sud-Viêtnam à Saigon ou aux Nouveautés Mondiales à Paris la somme de : Cinquante mille francs (50.000$00) valeur reçue en marchandises (suivant sa facture n° 125 du 10 Mai 1950.)

Saigon, le 25 Juin 1950

Cô **Ánh-Tuyết**

Commerçante, n° . . . rue. . . . . Saigon.

Lưu ý.— Vậy đến ngày 25 Sept. 1950 thì đúng ngày trả tiền.

(Còn tiếp)

Từ đây Cần Học xin hiến cho qui bạn đọc :

Một quyển sách quý báu, nhan đề « **Anthologie de la Poésie Viêtnamienne »,** *textes et traduction, 1er volume — Thật ngôn bát cú — tác-giả là ông Trần-cửu-Chấn, Docteur ès lettres, Membre de l'Académie des Lettres et des Arts de Paris, Lauréat de l'Académie Française. Quí tác-giả đã xuất-bản 2 quyển là Étude critique du Kim-vân-Kiều và Les Grandes Poétesses du Viêt-Nam, và cuốn Essais sur la Littérature Viêtnamienne đang in.*

Bổn-báo hân-hạnh được quí tác-giả biếu cho tài-liệu rất quí-giá và rất bổ-ích cho con nhà Việt-Nam trong nền học-vấn.

Cần Học trân-trọng cảm ơn quí tác-giả đã sẵn sàng hiến bài để phụ-trương cho Cần-Học được thêm phần vẻ-vang đặc-sắc trong việc kiến-thiết nền học-vấn nước nhà.

Lời tòa-soạn

ANTHOLOGIE de la POESIE VIETNAMIENNE

LÊ-THÁNH-TÔN (1441-1497)

Fils d'une femme de second rang du roi LÊ-THÁI-TÔN, LÊ-THÁNH-TÔN, de son vrai nom TƯ-THÀNH, fut intronisé à la suite d'une révolution sanglante du palais.

Doué de belles qualités d'esprit et de corps, il excella aussi bien dans la littérature que dans la stratégie. Il opéra de sages réformes sociales, réorganisa le service militaire, développa l'instruction et sgrandit son royaume après avoir annexé le Champa et vaincu le Laos.

Secondé par son puissant génie, il fit connaître à l'ancien Viêt-Nam une ère de prospérité et de grandeur, qui mérite dans l histoire le nom de Grand Siècle.

C'est à la vigoureuse impulsion qu'il donnait aux belles-lettres que le roi LÊ-THÁNH-TÔN dut son immortelle renommée.

Ainsi il fonda des bibliothèques, des archives et des centres d'hébergement pour les étudiants. Il fixa le règlement des concours littéraires et présida souvent la proclamation des résultats auxquels il fit donner un éclat extraordinaire.

Sur son ordre, l'historien NGÔ-SĨ-LIÊN écrivit le « *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* » (Livre complet des Annales du Grand Viêt) composé de quinze volumes, et le poète THÂN-NHÂN-TRUNG compila, dans un vaste ouvrage intitulé « *Hồng-Đức Thiên-Nam dư-hạ tập* » (Recueil d'ouvrages de la période Hồng-Đức) tous les écrits en caractères chinois et démotiques relatifs à l'administration du royaume.

LÊ-THÁNH-TÔN créa une sorte d'Académie appelée « *Tao-đàn nhị-thập bát-tú* » (Réunion littéraire des vingt-huit étoiles).

Poète délicat et inspiré, il composa neufs pièces de vers célèbres qui ont été mises en musique sous le nom de « *Quỳnh-uyển cửu-ca* » (Neufs chants du Jardin de Jade) et laissa de nombreuses poésies qui sont encore conservées dans le « *Hồng-Đức quốc-âm thi-tập* » (Recueil de poésies en langue nationale de la période Hồng-Đức).

Il exprima les graves préoccupations de sa charge royale dans les poèmes tirés des motifs les plus vulgaires, comme l'épouvantail, le chapeau, le chien de pierre, le balai, le moulin à décortiquer, le crieur public, le mendiant, etc... auxquels il prêtait des sentiments pleins de noblesse et de grandeur, propres à un roi doublé d'un héros national.

Ses poésies les plus connues sont :

1° Le moulin à décortiquer.— 2° Le chapeau.—3° Le balai.— 4° Le chien de pierre.— 5° L'épou vantail.— 6° Le crieu. public.— 7° Le mendiant.

Cái cối xay

Thóc lúa kho trời vẫn sẵn đây,
Tao thành cái cối để mà xay.
Thu tàng châu ngọc tứ mùa đủ,
Chuyển vận âm dương một máy xoay.
Đất phẳng nổi đùng cơn sấm động,
Vung to vung tế hạt mưa bay.
Đem tài xoay xói ra tay giỏi,
Lợi dụng cho dân đủ tháng ngày.

Le moulin à décortiquer

Le grenier céleste est toujours plein de paddy ;
Le moulin est inventé exprès pour décortiquer le riz.
En toutes saisons, il recueille abondamment le grain aussi précieux que les perles.
Semblables à la nuit et au jour qui se succèdent, les deux meules forment un appareil tournant en rond.
Le sol se soulève sous le tremblement de la machine, dans un bruit de tonnerre ;
Pareils à une rafale de gouttelettes de pluie, les grains gros ou menus s'envolent.
Grâce à son talent de broyeur qu'il déploie avec habileté,
Il subvient aux besoins du peuple tous les jours de l'année.

(à suivre)

LECONS PARTICULIÈRES
LATIN—GREC—ANGLAIS—LITTERATURE FRANÇAISE
Classes secondaires & P. S.
Préparation intensive aux divers examens.
S'adresser : **M. TRẦN-CỬU-CHẤN**
31, Trương-minh-Ký —Saigon

Mấy chữ số chung

Vài lời nói đầu

Thánh-hiền Trung-hoa thuở xưa đặt ra mấy con số chữ Hán như Tam-cang, Ngũ-thường, Tứ-đức vân vân... nuôi đức, nuôi trí cho loài người phương Đông.

Từ đời tổ-tiên ta cho tới chúng ta, mấy ngàn năm vẫn học theo văn-hóa Trung-hòa, nên nước Việt-Nam mình mới đặng dự vào hàng văn-hiến, khỏi mang tiếng là đất di-lỗ, là giống dã-man, là đều nhờ cái nền đức trí kia, thì mấy con số ấy thiệt là số mạng chung của loài người chúng ta vậy.

Ngày nay Âu-học bành-trướng, mà Hán-học suy-đồi, e rằng mấy chữ số ấy lu-mờ đi, thì nền đức trí thuở xưa phải theo mà đổ-nát, vì con cháu mình không học chữ thì không hiểu nghĩa, sẽ có quan-hệ đến số mạng về sau.

Bởi nghĩ vậy nên tôi lựa riêng ra từng chữ số thường dùng mà cắt nghĩa và dan điển-tích sơ qua, chẳng dám nói là dạy đời, chỉ gọi là duy-trì đạo xưa, mà bảo tồn nền đức-trí cho con cháu.

TRƯƠNG-VĨNH-TỐNG

Chữ số nhứt

Nhứt tâm.— *Nhứt* : một, *Tâm* : lòng. *Nhứt tâm* nghĩa là nhiều người đồng một lòng vậy. Trong thiên Thái-thệ-kinh Thơ vua Võ-vương nhà Châu nói rằng : *Dư hữu thần tam thiên duy nhứt tâm* (Ta có bầy tôi ba ngàn người chỉ một lòng).

Nhứt đức.— *Nhứt* : thuần nhứt (thuần một mực), *Đức* : đức. *Nhứt đức* : đức thuần nhứt, nghĩa là cái đức thuần một mực, không có điều khác lẫn-lộn vô. Trong thiên Hàm-hữu-nhứt-đức kinh Thơ lời ông Y-Doãn nói : *Duy Doãn cung kỵ Thang hàm hữu nhứt đức.* (Chỉ mình Doãn nầy và vua Thang đều có đức thuần nhứt).

Đời sau phần nhiều dùng chữ *Nhứt đức* làm ý : vua tôi hay là bậu-bạn hạp đức với nhau, như nói : *Nhứt tâm nhứt đức*, tức là nghĩa *đồng tâm đồng đức* vậy.

Nhứt kỷ.— *Nhứt* : một, *Kỷ* : mình. *Nhứt-kỷ* nghĩa là ý riêng một mình vậy. Quan Doãn-Tử nói : *Thánh-nhơn bất dĩ nhứt kỷ trì thiên-hạ, nhi dĩ thiên-hạ trì thiên-hạ.* (Đức thánh-nhơn chẳng lấy ý riêng của một mình để trị thiên hạ, mà lấy ý chung của cả thiên-hạ để trị thiên-hạ).

(Còn nữa)

DƯỢC-TÁNH TRÍCH-YẾU

(Tiếp theo số 18)

THUỐC DÁN **A-ĐÊ-ÔN (Adéol)**

HỢP CHẤT : Dầu cá Flétan có sanh tố A và Đ với peroxyde de zinc.

CHỦ TRỊ : Ghẻ hờm xanh xanh, nẻ da ung - độc, ghẻ - lở (ghẻ cườ).

CÁCH DÙNG : Xức một lớp thuốc dán trêm mục ghẻ — nếu ghẻ ăn lan ra và lồi thịt lên thì băng lại.

HOÀNG DƯỢC **A-ĐIA-GIN (Adiazine)**

TRÌNH BÀY : Thuốc viên dựng trong hộp — mỗi hộp có 20 viên 0gr,50.

CHỦ TRỊ : Hết các chứng bịnh sưng phổi — phổi cương mủ, vi-trùng bịnh lậu, chứng bại huyết, chứng hậu sản hôi thú, sưng tim, chứng màng óc.

CÁCH DÙNG : Người lớn tùy ba lúc nầy :

Bịnh rất nặng : thì ngày đầu uống từ 24 viên đến 30 viên.

Bịnh nặng : từ 16 viên đến 20 viên mỗi ngày.

Bịnh hơi nặng : từ 8 viên đến 12 viên.

Trẻ em tùy tuổi thì uống 1/4, 1/2 và 3/4 theo liều thuốc cho người lớn.

Khi người bịnh dùng thuốc viên không được thì dùng *Soludaizine* (thuốc nước dựng trong ống).

A-BO-VÈR-NÊ « RO-CHE » (Adoverne « Roche »

Thuốc bổ tim dễ dùng, không độc.

TRÌNH BÀY : Thuốc nước đựng trong chay.

Thuốc cốm (hột nhỏ)

Thuốc viên để nhét vào lỗ đít (Suppositoire).

CHỦ TRỊ : Đau tim, yếu tim, khó thở, sưng ruột, thủy thủng.

CÁCH DÙNG : Nếu uống thì dùng từ 20 đến 40 giọt hay là 2 đến 4 hột nhỏ, mỗi ngày 2 lần -- nếu nhét vào lỗ đít thì mỗi ngày nhét từ 1 đến 3 lần, mỗi lần 1 viên.

Errata : Trang 31, la devise des *hommes*.

Trang 38, vẫn sẵn *đầy*, — *Tạo* thành.

RƯƠNG VÀNG CỦA CON TÔI

Tác-giả : **Ông N. Trương-vĩnh-Tống**

CHƯƠNG THỨ I

ĐẠO THỜ CHA MẸ *(Tiếp theo)*

Tuy rằng những công-đức quá cao xa ấy, chẳng phải ai ai cũng làm được, vẫn chẳng dám kỳ-vọng cho con nhà phổ-thông, nhưng miễn là làm một việc, nói một lời, lúc nào cũng nghĩ tới cái quan-kiện *tốt xấu, xấu tốt*, rán lập công đức, chú trọng về chủ nghĩa *hiển-dương* (1). Mà đều, kẻ làm con phải biết rằng: kêu là công đức đó là tổ-chức lấy *chơn nhơn phẩm* mới được, chớ hễ là đứng thân chánh đáng thì chẳng muốn làm cha mẹ của *ông đồ hương-nguyện* hay là *ông lớn hư-vinh*.

Điều thứ nhì là *khéo nối theo chí muốn của ông cha, khéo noi theo việc làm của ông cha*. Nghĩa là chí-ý của ông cha lúc bình sanh muốn làm công việc gì, thì con cháu nối noi mà làm cho nên, ấy là một điển hiếu lớn vậy. Trong sách đã có nhiều câu thí-dụ về nghĩa ấy, kinh Thư nói « *Như việc làm nhà mà đời cha đã định kiểu mẫu, thì đời con phải chịu gắng công xây nền, dựng cột* ». Kinh Lễ nói: « *Con nhà thợ cung phải học đương ky con nhà thợ đúc phải học ghép áo cừu* ». Cho nên chữ Đường cấu (2) và chữ Cơ cừu (3) là cái biểu hiệu kế-nghiệp thành công của các nhà hiếu-tử hiếu-tôn đó.

Kế nghiệp thành-công lớn lao như vua Vỏ-vương, ông Châu-công nhà Châu dựn nên nghiệp vua, dày công trị nước, mà đức Khổng-tử khen là *Đạt hiếu* (4), điều đó chẳng phải là chuyện con cháu thế-gian đều làm được, cũng chẳng dám đặt làm lệ phổ-thông. Chỉ có lẽ ông cha là nhà nghệ-thuật gì, thì con cháu nên nối chí mà làm theo công việc nấy, đại khái như ông cha là nhà văn-học, thì con cháu cũng nối nghiệp *văn tử văn tôn*; ông cha là nhà võ-công, thì con cháu cũng nối nghiệp *tướng môn xuất tướng*, cho chí nhà triết học, nhà khoa-học chi chi đó, hay là ông cha chí muốn làm nghĩa-vụ gì cũng vậy, miễn là thuận ý người trước và giữ lấy nghiệp nhà.

Nhưng đối với sự đó thì lại cần đinh-ninh căn-dặn kẻ làm con cháu rằng : kêu là *chí* là *việc*, là phải chí về việc chánh đáng thì con cháu mới nên nối noi. Chớ như ông cha phạm vào 4 điều

---

(1) Nghĩa là làm rạng-tỏ tiếng-tăm để vẻ-vang cho cha mẹ.
(2) Đường là xây nền, Cấu là cất nhà.
(3) Cơ là đương ky, Cừu là gép áo da trừu.
(4) Nghĩa là suốt thảy thiên-hạ đều phục là hiếu (câu trong sách Trung-Dung).

đại-cấm : hút-xách, say - sưa, trai gái, cờ-bạc, hay là những chuyện vô nghĩa-lý, mà cũng nối cái chí ấy, noi cái việc ấy, thì chẳng những trái với chủ nghĩa *để tiếng tốt cho cha mẹ*, mà còn mang tội *bêu tiếng xấu của ông cha*. Đừng có nghe họ xuối bậy rằng : « *Con ôi ! giữ lấy nghề cha : một đêm ăn trộm bằng ba năm làm* ». Rồi ai nấy đều theo loại ấy mà nối noi, sẽ thành cái giống nòi bậy bạ ấy lại, sẽ hoàn-toàn thành cái xã-hội bại tục đồi phong.

Bại tục đồi phong ấy là chuyện bất lương, vẫn cần phải cải lương đi. Song cải-lương chuyện trong gia-đình có bề khó hơn cải-lương chuyện ngoài xã-hội, bởi vì ngoài là lẽ, mà trong là tình, nếu chấp lẽ công mà cải-lương một cách thẳng tay, làm cho tỏ-rõ sự lỗi của ông cha, để sửa chuyện bất-lương, thì đối với tình e lại mang tội bất hiếu.

Đối với chuyện xử biến đó mà muốn thiện toàn không lộ thanh-tích, thì đức Khổng-Tử đã dạy trong sách Luận-ngữ : «*Lúc cha còn sống, xét coi cái chí hướng (lành hay là dữ) ; lúc cha đã thác, xét coi cái việc làm (việc làm phải hay quấy), ba năm không đổi đạo của cha, ấy kêu là hiếu vậy* » Vẫn là đạo nên đổi, mà không đổi liền trong lối 3 năm, là có ý làm cho hồn-toàn tự nhiên, không để cho người ngoài ngó thấy cái hình-tích là mình phải mà cha mình quấy vậy.

Nói tóm lại, cảnh gia-đình có *thường* cũng có *biến*, xử cảnh gia-đình có *kinh* cũng có *quyền*, miễn làm sao xử biến mà không lỗi đạo thường, ấy kêu là hiếu.

*

* *

Bộ sách nầy là loại sách gia-huấn, mà ngay chương đầu tôi lấy *Đạo thờ cha mẹ* nhiều lời hơn và rõ nghĩa hơn, có lẽ người ta cho tôi là chủ nghĩa *ích-kỷ* đó chăng ? Xin tự giải là không phải vậy, cái cớ sở dĩ nhiều lời hơn và rõ nghĩa hơn đó, là tôi lấy công-tâm trộm tưởng : nết hiếu là đầu trăm nết, dùng để đối-đải với cha mẹ là đầu nhơn-luân, hễ người ta thờ cha mẹ được hết đạo làm con, thì xử với các hạng người đều đáng lẽ hết thảy. Khuyến-Hiếu-Ca đã nói : « *Chữ hiếu-niệm cho tròn một tiết, thì suy ra trăm nết đều nên* ».

Vậy tôi mượn câu nầy để kết luận hậu chương đầu, mà chuyển mạch qua các chương dưới.

CHƯƠNG THỨ II : Đạo nghĩa anh em *(Trong số tới)*

Hộp Thơ

(Dưới đây là những đoạn rút ra trong những bức thơ của quí bạn đọc Cần Học đã gởi đến tòa soạn).

Kính ông,

, , , , , , , , , , , , , ,

Lại nữa đồng tiền cũng eo hẹp, dầu sao đi nữa cũng thấy tập Cần Học có ích cho tôi và cho em cháu tôi rất nhiều...

A, SANG (T, D, M,)

Kính ông

Tôi hân-hạnh được đọc mấy tập «Cần Học» bán ở các gian hàng sách tại Mytho. Tôi nhận thấy tập sách rất có ích cho chúng tôi về giá trị của nó,,,

ĐOÀN-VĂN-VIỄN
Institeur-Mytho

Kính ông,

Nhân được đọc báo Cần Học của ông và thấy là một cơ quan rất có ích cho sự bổ-túc hiện-tại của tôi,

NGUYỄN-VỰC
Kho-bạc—Dalạt

Kính ông,

Tôi hân-hạnh nhận được Cần Học tập |XIII| của quí ông tặng. Tập tuần báo giá-trị như Cần Học thật hiếm thay...

Jeune HÀ-CẨM-TÀM
C/o M. NGUYỄN-VĂN-THOẠI
Instiftuteur—Sadec

Kính ông,

Tôi rất hoan-nghinh ông đã cho sut giá báo mà đã cho đăng trong báo những mục như «Việt-văn, Truyện Thúy-Kiều, lớp đau Vẽ, Tốc-ký Việt-Nam, tân Thể-dục, Rương vàng của con tôi, và những Cách-ngôn, Tư-tưởng, v. v...» Như vậy Cần Học mới thật là loại sách «Culture Humaine».

Nếu mà tất cả người Việt đều đọc Cần Học thì nước Nam ta sẽ hùng cường biết bao...

LÊ-BÁ-THÔNG
au Comrep—P. F

Trong kính ông,

Tôi được người bạn mới giới thiệu với tôi rằng ; hãy mua tạp chí Cần Học mà xem và để học thêm. Mà tôi là kẻ thất học từ lúc hãy còn 16 tuổi. Nên bây giờ nghe bạn tôi vừa bảo làm vậy, tôi rất vui mừng và vội vàng viết thư; trước xin chào mừng ông vì đã sáng ý-kiến mà mở ra tờ tạp-chí «Cần Học» này để giúp cho những đồng-bào thất học và lại giúp tôi cho những bạn thanh-niên đang còn từng học lại được học thêm...

THOMAS PHAN-ĐÌNH-HẢI
P. T. T. Dalat

COMPTOIR GÉNÉRAL SUD-INDOCHINOIS

S. A. R. L. CAPITAL 100.000

COSUD

NHÀ XUẤT-NHẬP-CẢNG VIỆT-NAM

Buôn sỉ và lẻ

VỞ VĂN-PHÒNG VÀ HỌC-SINH, VIẾT-MÁY:

EVEREADY BAYARD KAOLO

Bao kẹo hộp đủ mầu, vân vân

GIÁ ĐẶC-BIỆT

28 - RUE A. COURBET - SAIGON

Giây nói, Cardi : 683

CẦN HỌC

Đóng thành bộ (bộ 1) từ tập I đến tập X có bán khắp nơi !

Giá { *Nam* : 45$ / *Trung-Bắc,* / *Miên* : 50$

NÊN DÙNG:

BEKINAN TIÊN cho trẻ em

Quân thù số 1 ban nóng trẻ em

Phân ra 10 gói nhỏ ngọt, ngon và dễ uống

LONKINAN TIÊN cho người lớn

Trị ban nóng và rét rất hay

Hygiène — Santé — Qualité

PHARMACIE TIÊN, 98, BONARD - SAIGON

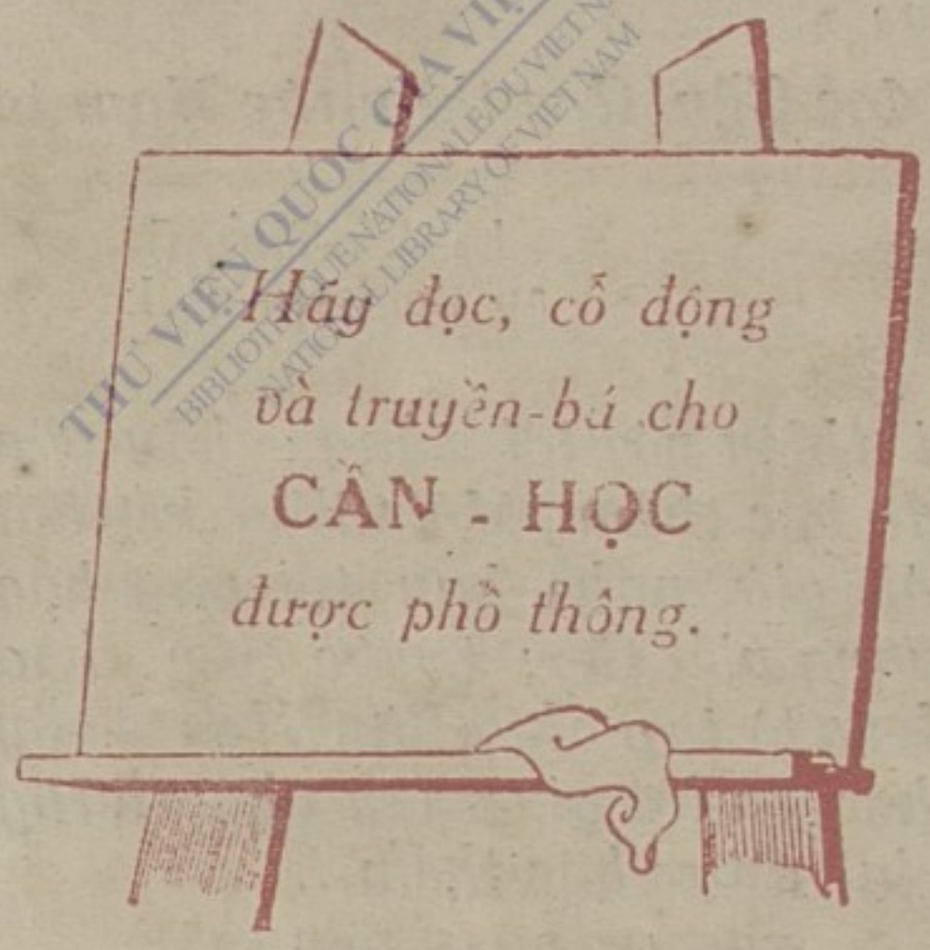

Giá mua dài hạn

Saigon-Chợlớn L.T.M. T.B

3 t. : 12 số	50$	52$	65$
6 » : 25 »	100$	104$	125$
12» : 50 »	200$	208$	250$

Thơ và ngân phiếu xin đề :

Mr NGÔ - VĂN - THANH

165, Bd. de la Somme — Saigon

Giấy phép số 393 T.X.B.

Ngày 5 tháng 10 1950 d. l.

IN TẠI ẤN-QUÁN

—— N A M - H Ư N G ——

165, Đại lộ la Somme — Saigon

ỌC ĐỂ PHỤNG SỰ CHÂN LÝ

ÉDITIONS PÉDAGOGIQUES

CẦN HỌC

TẬP XX

48 TRANG

SỐ ĐẶC-BIỆT

Trước khi thay đổi thể-tài « Cần Học » để chia ra làm hai Ban Tiểu-học và Trung-học (xem HỘP THƠ trang 46)

Tòa-soạn xin trình bày số XX

1o/ trọn một quyển

Grammaire française

PHÁP-NGỮ VĂN-PHẠM

Giảng ra tiếng Việt-Nam dễ hiểu, dễ học, dễ nhớ

2o/ Correspondance usuelle

(Thơ từ thông-dụng)

3o/ Abréviations commerciales

(Danh-từ thương-mãi viết-tắt)

TÒA SOẠN : **165, Bd. de la Somme**

Téléphone : 21.309

SAIGON

GIÁ { *Nam-bộ, Miên* . . . . 5 $ 00
{ *Trung, Bắc* . . . . . 5 $ 50

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

HIỆU NOVA

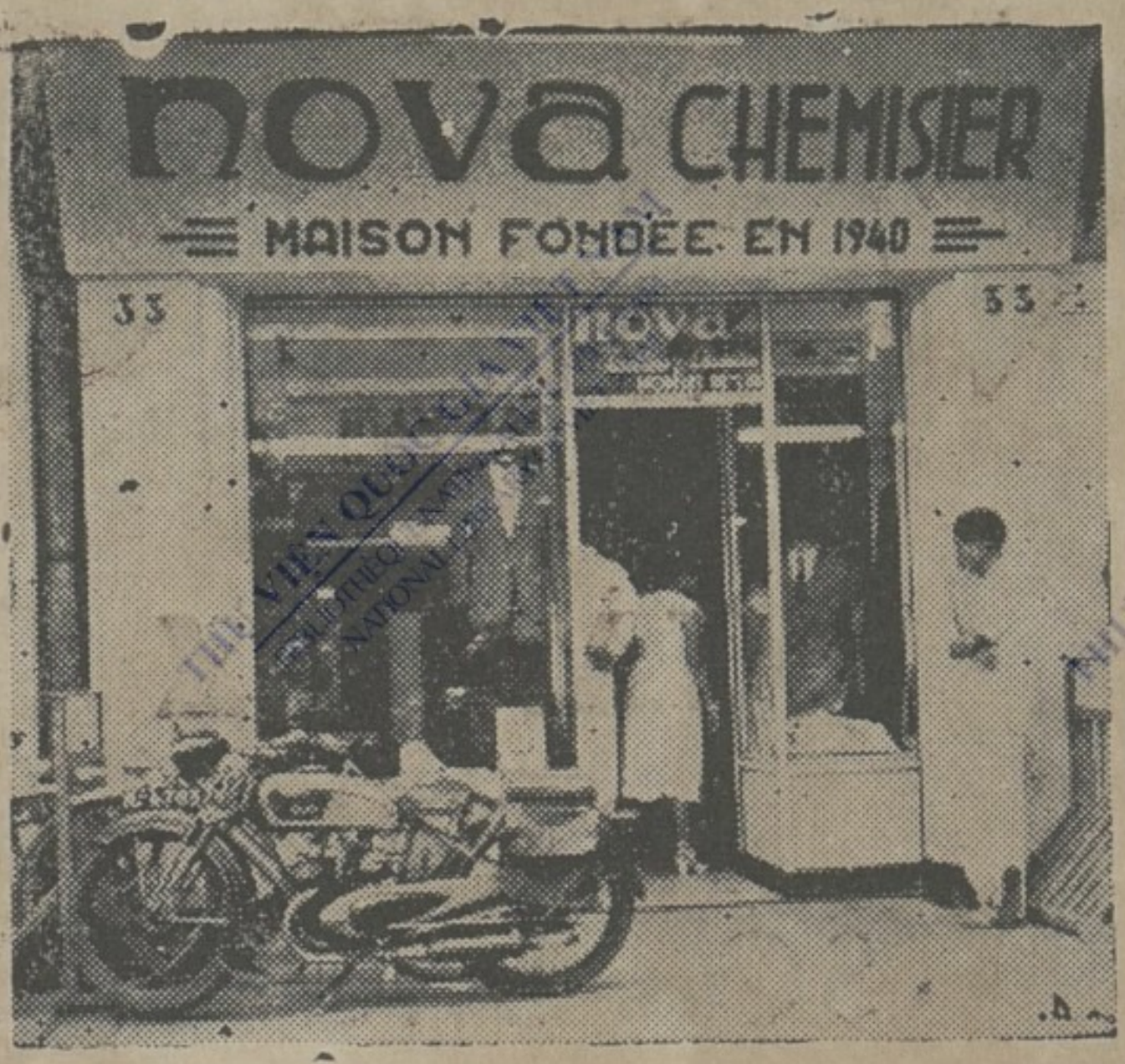

MAY ÂU-PHỤC
và
CHEMISE

Sang Pháp và trong xứ rất danh tiếng khắp nơi.
Có nhiều hàng vải đẹp vừa ý quí ngài.

33, đường SABOURAIN
Gần chợ SAIGON

Giây nói : Cardi,435

TIỆM ĐỜN

Quảng-Thành

Chủ nhơn : **TẠ-VĂN-TUNG**
Số 122, đường Hamelin
SAIGON

Trên 15 năm chuyên nghiệp làm đủ thứ đờn. Có thứ đờn Accordéons, Harmorées hiệu Hobner của Đức-quốc mới qua. Đờn violon hiệu Laverte, Banjo, Mandoline, trục và giây tây, Argentine, phiếm chữ T.

Bán sỉ và bán lẽ giá đặc-biệt, có bảo đảm

Thơ từ, ngân phiếu theo địa-chỉ trên

TÙNG - QUANG

159, Lê-Lợi — Saigon

Quí Ngài muốn mua, bán, đổi và mướn sách, tiểu thuyết, bản nhạc cũ, mới và đồ dùng văn phòng, xin mời lại địa chỉ trên, sẽ được vừa ý.

Chers amis,

C'est en pensant à vous que nous avons composé ce numéro spécial pour **l'Etude pratique du Français.**

Nous savons bien que la plupart d'entre-vous cherchent toujours à se perfectionner. Evidemment, on est à l'étude, toute sa vie.

Cette revue, comme son titre l'indique, n'est rien moins qu'une revue culturelle.

Nous ne prétendons pas pouvoir vous conduire tous à un succès certain. Nous visons uniquement à vous aider à révéler ce que souvent vous avez éprouvé, sans pouvoir l'exprimer. Nous vous fournirons une foule d'objets familiers, de figures expressives, de notions de la vie usuelle nécessaires au développement de vos connaissances.

Nous espérons que ce volume servira à être le guide de quiconque désirant apprendre, avec le minimum d'efforts dans le minimum de temps, le mécanisme de la langue française.

A l'œuvre, on connaît l'artisan.

Lisez-le assidûment, et vous le jugerez.

A vous, nos chers amis, de l'aimer.

La Rédaction

TRƯƠNG HUYNH-THI-NGA

10, Đường René Héraud (vò hàng cống)

TANDINH

Trường dạy học ban ngày và ban tối.

NHẬN DẠY RIÊNG :

Để thi TUTAI và THÀNH CHUNG, do nhiều Giáo-sư kinh-nghiệm và tận tâm.

Các trò cỡ SƠ HỌC, để thi B. E. trong 2 NĂM theo chương-trình mới mẽ, nghiên-cứu, kỹ-càng.

Khoa PHÁP-VĂN, TOÁN-PHÁP, KHOA-HỌC, SỬ-KÝ, ĐỊA DƯ, LUÂN LÝ và VIỆT-VĂN. LỚP ĐÊM cho các *bạn mù chữ* muốn học tiếng *Việt* và cho các bạn lỡ học về *Pháp-văn* : (từ mới học vần đến cỡ Tú-Tài).

Nhận dạy theo lối GỞI THƠ và chấm đủ các bài cho các trò ở xa gởi bài đến

Có một bộ Cẩn Học tức là có Giáo-sư chân-chánh trong nhà.

POUR PARLER LE FRANÇAIS

Pour parler le Français, il faut d'abord que je connaisse bien les **mots**, de façon à ne pas dire **une chose pour une autre,** et à ne pas me servir à chaque instant de **mots vagues,** tels que **chose, machin,** au lieu des **mots exacts.**

J'apprends les mots ou vocables dans le vocabulaire.

Il faut que j'emploie et que je prononce les mots comme on doit, pour que ceux à qui je les dis, les comprennent.

Sinon, on se moquerait de moi, en disant que je ne sais pas le français.

Pour parler sans fautes, j'apprendrai la grammaire.

On **parle** la langue française, mais on **l'écrit** aussi.

Il faut que je sache écrire le français de façon que d'autres puissent me lire.

C'est encore la **grammaire** qui m'enseignera à écrire les mots **sans fautes,** ou, comme on dit, à écrire **correctement.**

MUỐN NÓI TIẾNG PHÁP

Muốn nói tiếng pháp, trước hết tôi phải biết, phải thuộc rành-rẽ những tiếng nói, để không lộn tiếng nọ với tiếng kia và không dùng những tiếng dông-dài như vật này, điều ấy, mà chính ra là phải dùng những tiếng đúng nghĩa.

Tôi học những tiếng hay chữ trong tự-vị nhỏ.

Tôi phải dùng và phải nói những tiếng cho đúng như người ta phải dùng và nói, để cho những người nghe tôi nói hiểu được những tiếng ấy.

Bằng không, người ta sẽ chê tôi mà nói rằng tôi không biết tiếng pháp.

Muốn nói cho đúng, tôi phải học luật mẹo.

Không những người ta nói tiếng pháp mà người ta cũng viết nữa.

Tôi phải viết cách nào để người ta đọc có thể hiểu được tôi muốn nói gì.

Cũng chính là mẹo-luật sẽ chỉ dạy tôi viết trúng phép, như người ta thường nói.

CẦN HỌC là người bạn quí và là Giáo-sư chân chánh của mỗi gia-đình. Các Phụ-Huynh lo tương-lai cho con cháu, đều nên mua sắn CẦN HỌC.

Pháp-Văn Thực-Hành chia ra làm 2 phần :

Phần thứ nhứt : Chỉ về cách làm ra câu.

Phần thứ hai : những câu đối đáp, nói chuyện thường dùng.

Như trên đã bàn rằng muốn nói tiếng pháp, trước phải thuộc nhiều tiếng, nhiều chữ. Rồi phải học mẹo-luật.

Tiếng *hay* **chữ** *thì các bạn tự học lấy được trong bất cứ một quyển sách nào. Vì đọc một tiếng Pháp và đọc nghĩa ra tiếng Việt thì chữ nào nghĩa ấy sẵn rồi, công việc ấy dễ dàng, ai cũng học được nếu ra công.*

Vậy còn phần khó là mẹo-luật thì phải được cắt nghĩa rõ ràng, giản-dị lắm, các bạn mới thâu-thái, mới hiểu rõ và nhớ được. Còn sự đem ra thực-hành thì **cứ tập là phải thành công.**

Phần mẹo-luật, thì cách dùng động-từ và đại-từ là khó nhứt. Dưới đây chúng tôi sẽ tóm tắt sơ qua đủ các phần nhỏ khác, rồi sẽ chú trọng nhiều nhứt là cách dùng động-từ và đại-từ.

Phải nói thêm rằng : cũng như một vai chính trong một cuốn truyện, **Động-từ** *là phần chính của văn nói và viết.*

Học biết pháp-ngữ, tất các bạn đã công-nhận lời nói trên đây là đúng.

Thôi, chúng ta vào đề rồi, xin cùng nhau bắt đầu vào học :

Tóm tắt sơ về mẹo-luật

LE NOM — DANH TỪ

Le nom sert à *nommer* : *Danh*-từ dùng để chỉ *danh*. (Tên dùng để gọi)

chapeau : nón — oiseau : chim — tailleur : thợ may

Tại sao lại nói *tên* dùng để *kêu* ? Vì mỗi *món đồ*, mỗi *con vật* cũng như *mỗi người* đều phải có tên. Khi bạn nói *Chapeau* hay *nón* tức là bạn muốn nói *tên* món đồ để đội, ai cũng hiểu rằng không phải tên món đồ để mặc vào mình, món đồ nầy có tên khác là *áo* và ngược lại cũng vậy.

Tailleur : thợ may, là tên người thợ may cắt quần áo, chớ không kêu người dạy học-trò là thợ may, vì người dạy có tên khác : thầy, thầy giáo ...

Deux sortes de noms :	Hai thứ danh-từ
1°) Nom commun	Công danh (tên chung)
2°) Nom propre	Bản danh (tên riêng)

Pasteur. Lê-Lợi, France, Việt-Nam etc : *Noms propres.*
Savant, Héros, Pays, Patrie etc : *Noms communs*

Pasteur, Lê-Lợi *là tên riêng* của ông Pasteur và ông Lê-Lợi. France, Việt-Nam *là tên riêng* của nước Pháp và nước Việt-Nam.

Còn **Savant** : nhà *thông thái*; **Héros** : vị *anh-hùng*, là **tên chung** của *người thông thái* và *người anh hùng*, tất cả.

Cũng như **Pays** : xứ sở, **Patrie** : Tổ-quốc là tên chung của tất cả các miền, các nước, không riêng biệt của ai.

LE GENRE — GIỐNG

Deux genres : — hai giống :
1°) **Masculin** — 1°) giống đực
2°) **Féminin** — 2°) giống cái

Về người và động-vật khác (các con vật) thì dễ biết thuộc về **giống** nào : *đàn ông, trai,* cố nhiên là **giống đực**, cũng như cố nhiên **đàn bà, gái**, là **giống cái.**

Còn các đồ vật **Table** : cái bàn, **Couteau** : con dao, thực-vật : **Chou:** cải bắp, **laitue** : rau diếp (xà lách) thì **khó phân-biệt** *giống đực* hay *giống cái*, nhưng học biết nhiều lâu rồi nhớ quen đi.

Muốn biết **giống đực** *thì trước tiếng đó phải có thấy tiếng* **le, un** và **giống cái** thì thấy trước tiếng có : **la, une**

Masculin	*Féminin*
Le père (cha)	**la** mère (mẹ)
Le chat (mèo đực)	**La** chatte (mèo cái)
Le lit (giường)	**la** table (bàn)
Un homme (đàn ông)	**Une** femme (đàn bà)
Un coq (gà trống)	**Une** poule (gà mái)
Un fleuve (dòng sông)	**Une** pluie (mưa)

Formation du féminin — Đổi ra giống cái

1°) Thêm một chữ **e** vào đằng sau :

Masculin	*Féminin*
Un Français (người đàn ông pháp)	**Une** Française (đàn bà pháp)
Monsieur **Louis** (*ông* Louis)	Madame **Louise** (*bà* Louise)

2°) Đổi **er** ra **ère** :

Le couturier (*anh* thợ may y-phục phụ-nữ)	La couturière (Chị thợ may y-phục phụ-nữ)

Un ouvrier (anh thợ) **Une** ouvrière (cô thợ)

3·) Đổi **e** ra **esse**

Le maîtr**e** (thầy giáo, chủ nhân) La maîtr**esse** (cô giáo), (bà chủ), (người yêu).

Un **hôte** (ông chủ quán, người trọ) Une **hôtesse** (bà chủ quán, đàn bà trọ)

4·) Đổi **en** ra **enne** ; **on** ra **onne**

Le chi**en** (chó đực) La chi**enne** (chó cái)

Un li**on** (sư-tử đực) Une li**onne** (sư-tử cái)

5·) Đổi **eur** ra **euse**

Un chant**eur** (kép hát) Une chant**euse** (đào hát)

Le parleur (anh hay nói) La parl**euse** (**chị** hay nói)

6·) Đổi **teur** ra **trice**

Un act**eur** (kép) Une act**rice** (đào)

L'institu**teur** (thầy giáo) L'institu**trice** (cô giáo)

7·) **Teur** cũng đổi ra **teuse**

Le men**teur** (anh nói láo) La men**teuse** (chị nói láo)

8·) Tiếng nào sau đã có **e** rồi thì không thêm **e** vào nữa :

Un élève (cậu học trò) Une élève (cô học trò)

Le domestique (người ở trai) La domestique (chị ở)

9·) Nhiều tiếng danh-từ chỉ người và vật giống đực, giống cái khác hẳn nhau.

l'homme (đàn ông) la femme (đàn bà)

le garçon (con trai) la fille (con gái)

Un oncle (chú, bác) Une tante (cô, dì)

LE NOMBRE SỐ

Deux nombres : **Hai số :**

1·) Le Singulier. 1·) Số ít.

2·) Le Pluriel. 2·) Số nhiều.

Le singulier *Le pluriel*

Une seule personne (chỉ một người) **Plusieurs** personnes (nhiều người)

Un seul animal (chỉ một con vật) **Plusieurs** animaux (nhiều con vật)

Une seule chose (một đồ vật) **Plusieurs** choses (nhiều đồ vật)

Formation du pluriel **Đổi ra số nhiều**

1·) **Thêm chữ S vào đằng sau :**

Un homme (một người đàn-ông) Deux hommes (hai người đàn-ông)
Le chat (một con mèo) Les chats (những con mèo)
Un livre (một cuốn sách) Des livres (những cuốn sách).

2·) **Thêm chữ X vào đằng sau, tất cả những tiếng đằng sau có vần AU, EU.**

Un tuy**au** (một ống dài) Des tuy**aux**.
Un tonne**au** (một thùng lớn) Des tonn**eaux**.
Un nev**eu** (một người cháu trai) Des nev**eux**.

Trừ hai tiếng : **Landau** : xe trẻ con, xe bốn bánh mui sập và **bleu** (màu xanh) khi đổi sang số nhiều chỉ thêm **S :** les landau**s**, les bleu**s** (còn có nghĩa là ính dân chủ ngày xưa mặc áo xanh, chống với phe phản-động ở xứ Vendée bên Pháp có cờ trắng, thời kỳ cách-mạng dân-chủ mới thành công).

3·) **Đổi những danh từ sau cùng có vần AL ra AUX.**

Un chev**al** (một con ngựa) Deux chev**aux** (hai con ngựa).
Un sign**al** (một dấu hiệu) Des sign**aux** (những dấu hiệu)
Un journ**al**, (một tờ báo, Des journ**aux** (những tờ báo).

Cũng có ít tiếng không đổi ra **aux** *mà chỉ thêm* **s** *:*

Un b**al** (một đám múa) des b**als** ; un carnav**al** (ngày chơi bời) des carnav**als** ; un chac**al** (một thứ chó sói) des chac**als** ; Un festiv**al** (lễ hội lớn về âm nhạc) des festiv**als** ; Un rég**al** (bữa tiệc) des rég**als**.

4·) **Những tiếng ở số ít, sau cùng có vần OU, thêm S sang số nhiều.**

Un clou (một cái đinh) des cl**ous** ; Un sou (một xu) des **sous**, vân..vân..

Trừ bảy tiếng sau nầy phải thêm **x** *khi đổi ra số nhiều :*

Un bijou (đồ trang sức) des bij**oux** ; Un caillou (một cục sỏi) des caill**oux**
Un chou (một cải bắp) des ch**oux** ; Un pou (một con chí) des p**oux** ;
Un genou (đầu gối) des ge**noux** ; Un hibou (một con cú) des hi**boux** ;
Un joujou (đồ trẻ chơi) des jouj**oux.**

5·) **Những tiếng có vần ail ở sau cùng, thêm S.**

Un évent**ail** (cây quạt), des évent**ails**
Un port**ail** (cửa chính), des port**ails**.

Trừ ra bảy tiếng sau nầy thì **ail** *đổi ra* **aux**

Un b**ail** (văn tự) des b**aux** ; cc**rail** (san hô) cor**aux** ; ém**ail** (men ém**aux** ; soupir**ail** (lỗ hở, cửa sổ nhỏ) soupir**aux** ; Trav**ail** (công việc) Tra–v**aux** ; vant**ail** (cánh cửa) vant**aux** ; vitr**ail**, (kính ngũ sắc) vitr**aux**.

BétAIL (trâu bò, lục súc) đổi sang số nhiều ra **BestiAUX**

Monsieur (ông)	*đổi ra số nhiều là :*	Messieurs
Madame (bà)		Mesdames
Mademoiselle (cô)		Mesdemoiselles
Bonhomme (người thật thà)		Bonshommes
Gentilhomme (người dòng sang)		Gentilshommes.
Œil (con mắt)		Yeux

L'ARTICLE QUÁN-TỪ

Quán-từ là tiếng đặt liền trên danh-từ có công dụng chỉ danh-từ rõ hay không rõ nghĩa và danh-từ ở giống đực hai giống cái. **Le** : giống đực, số ít ; **La** : giống cái, số ít. **Les** : cả hay giống, số nhiều.

1°) *Quán-từ chỉ rõ nghĩa là :* **Le, la, les : Le** cheval de mon père : con ngựa của cha tôi (rõ) ; **La** mère de mon ami : người mẹ của bạn tôi.

Les livres de mon maître : những sách của thầy giáo tôi.

Quán-từ **le, la** đứng trước danh-từ bắt đầu bằng một trong những **chữ âm** : a, e, i, o, u, y, (â, ê, é, è) thì đổi tiếng **le** hay **la** ra : **l'** ; l'ardeur (sự hăng hái), l'élève (học trò) : l'ignorant, (người dốt chữ), l'or (vàng) l'union (sự hợp–quần).

Đứng trước một danh-từ bắt đầu bằng chữ **h** câm (không đọc mạnh ra) thì **le, la** cũng đổi ra **l'** như trường-hợp trên : l'homme ; l humanité ; (nhân loại).

2°) *Quán từ* **le, les** *mà đằng trước có giới từ* **à, de**, *thì biến ra thành quán từ* **kết hợp** *như sau :*

à le	biến	thành	**au**
à les	—	—	**aux**
de le	—	—	**du**
de les	—	—	**des**

Trúng **Trật** (lỗi)

Je vais **au** marché (tôi đi chợ, chớ không : je vais **à le** marché
Les fruits **du** jardin (trái trong vườn) —— les fruits **de le** jardin
Donner **aux** pauvres (cho những kẻ nghèo) —— donner **à les** pauvres
La prière **des** mendiants (lời xin của
những người ăn mày) —— La prière **de les** mendiants

3·) *Quán-từ chỉ không rõ nghĩa cho danh-từ.*

Un, Une, des.

Số ít { **Un** : giống đực / **Une** — cái } **Số nhiều,** (*cả hai giống*) { **Des**

Un père : một người cha, (không chỉ rõ là ai). Des enfants : những đứa trẻ (không chỉ rõ trẻ nào)

Une mère — — mẹ — — —

LE PRONOM ĐẠI DANH-TỪ (*đại từ*)

Đại danh-từ dùng để **thay thế cho danh-từ.**

Six sortes de pronoms : Sáu thứ đại-từ.

1·) Pronoms personnels : nhân-vật đại-từ (chỉ người, vật...)
2·) Pronoms possessifs : chỉ thuộc đại-từ (chỉ của ai)
3·) Pronoms démonstratifs : chỉ thị đại-từ (chỉ tỏ ra cho thấy)
4·) Pronoms relatifs : liên-kết đại-từ (chỉ liền nối)
5·) Pronoms interrogatifs : nghi vấn đại-từ (chỉ sự hỏi)
6·) Pronoms indéfinis : phiếm chỉ đại-từ (chỉ vu vơ không rõ)

1·) Pronoms personnels : Nhân vật đại từ

Trong câu : « **Je te** dis qu **il** viendra ». « **Tôi** nói với **anh** rằng **nó** sẽ đến » ta thấy có ba người : 1·) **tôi,** 2·) **anh,** 3·) **nó**. Je, te, il.

Vậy, nhân-vật-đại-từ có ba ngôi : 3 personnes.

	Số ít	**Số nhiều**
1re personne :	**Je, me, moi.** (tôi)	**nous,** chúng tôi.
2e —	**Tu, te, toi,** (anh, chị)	**vous,** các anh.
3e —	**il, elle,** (nó, người ấy)	**ils, elles,** (chúng nó)
	le, la, lui,	**les, leur, se,**
	en, se, soi, y.	**en. eux. y.**

Le, la, les, **leur** đi theo với động-từ (verbe) thì là đại-từ (pronoms) ;
Còn đứng trước liền danh-từ (nom) thì **le, la, les,** là quán từ (artiche) ; (**leur,** là adjectif possessif (tạm dịch là : chỉ thuộc quán-từ).

Aimez-vous **les** fruits ? Bạn có thích *trái cây* không ?

Oui, je **les** aime bien. Có, tôi thích **trái cây** lắm.

— Tiếng **les** ở câu trên *đứng liền trước tiếng danh-từ* fruits thì tiếng **les** là quán-từ.

— Tiếng **les** ở câu dưới đứng trước động-từ **aime**, thì tiếng **les** này thay thế cho danh-từ fruits, nên là **nhân-vật đại-từ.**

Vì lễ-phép, lịch-sự, người ta thường dùng tiếng **vous**, thay thế cho tiếng **tu,** và như vậy **vous** cũng phải là **số ít**, như **tu** thôi : Lợi, **vous** êtes bon (Lợi, anh tốt) và đôi khi cũng dùng tiếng **nous** thay thế tiếng **je : nous,** soussigné, maire du village,... ou chef du quartier..., (Tôi) ký tên dưới đây, là xã trưởng làng..., hay, hộ trưởng hộ...

CÔNG-DỤNG CỦA NHÂN-VẬT ĐẠI-TỪ

(Bài khó, cần học, xem kỹ nhiều hơn những bài trước)

Nhân-vật đại từ có **hai** *công dụng :*

1°) Làm **chủ từ** (sujet) 2°) Làm **túc từ** (complément)

Pronoms personnels **sujets : Nhân-vật đại-từ làm chủ-từ :**

Je	nous
tu	vous
il, elle	ils, elles,

Pronoms personnels **compléments : Nhân-vật đại-từ làm túc-từ :**

me, moi,	nous
te, toi,	vous
le, la, lui, soi, en, y, les, leur, à eux, à elles.	

a) Dùng nhân-vật đại-từ bao giờ cũng phải cho rõ nghĩa, nếu nghĩa không rõ-rệt, mập-mờ, hàng hai, người đọc câu văn sẽ có thể hiểu lầm :

Vậy, không nên viết : Le père a donné à son fils tout ce qu'il a voulu (người cha cho con tất cả cái gì mà **nó** muốn).

Vì viết thế, người ta không hiểu rõ tiếng pronom **il** là thế cho danh từ **père** hay thế cho danh từ **fils.**

Vậy, phải viết : Le père a donné à son fils tout ce que **celui-ci** a voulu.

b) Nhân-vật đại-từ làm bổ-túc đứng trước động-từ và liền sau nhân-vật đại-từ làm chủ-từ :

Vous **nous** avez écrit ; anh đã viết cho **chúng tôi.**

Nous **vous** avons répondu : Chúng tôi đã trả lời cho anh. Tiếng **nous,** câu trên, làm túc-từ cho động-từ **avez écrit.**

Tiếng **vous**, câu dưới, làm túc-từ cho động-từ **avons répondu.**

c) Khi nào **động-từ** dùng để **sai khiến, yêu cầu,** thì đại-từ bổ túc phải *đặt sau tiếng động-từ* :

Mon travail n'est pas fini, achève - **le - moi.**
(việc tôi làm chưa xong, anh hãy làm trọn giùm **tôi.**)
Vous savez cette histoire, racontez - **la - lui.**
(Anh biết chuyện này, hãy kể lại cho **nó** nghe.
Aimez, pratiquez la vertu, et parlez-en avec respect
Hãy mến, hãy tập đức hạnh và nói về **điều-đó** một cách cung kính.

d) Lại nhận rõ theo hai câu trên, còn thấy rằng khi dùng trường hợp sai khiến, yêu cầu thì động-từ có 2 đại-từ bổ túc, phải đặt đại từ bổ túc **trực tiếp** (complément **direct**) ở trên đại từ bổ túc **gián-tiếp** (compl.**ind.**) :

Cette montre, prêtez-**la-lui,** (đồng hồ này, hãy cho nó mượn).
Ces livres, cédez-**les nous** (sách này, hãy để lại cho chúng tôi).

Túc-từ **la** trực-tiếp, đứng trước túc-từ **lui**, gián-tiếp : (**à lui**)
Túc-từ **les** trực-tiếp, đặt trước túc-từ **nous,** gián-tiếp(**à nous**)

e) Khi cùng một đại từ mà vừa làm bổ-túc trực tiếp, vừa làm bổ-túc gián tiếp thì nhắc đại từ ấy lại lần nữa ở trước mỗi động-từ. Phải nói : Il **m'**a vu et il **m'**a parlé (nó đã thăm tôi và đã nói với tôi rồi). Chớ không được nói : Il **m'**a vu et parlé.

Tiếng **m'** thế tiếng **me** trước là bổ túc trực tiếp cho động-từ *a vu* (il a vu **moi**).

Tiếng **m'** sau là bổ túc gián-tiếp cho động-từ **a parlé** (il a parlé **à moi.**

f) Đại-từ **Soi** chỉ về người ta khi nó có nghĩa như thuộc hợp phiếm chỉ đại từ : on, chacun, quiconque, personne, v.v., hay nó đặt sau một động từ vị biến cách (chưa chia : infinitif).

Chacun travaille pour **soi,** (*ai* làm **nấy** hưởng) ; on est heureux chez **soi** (*ai* sung sướng ở nhà **nấy**) ; N'aimer que **soi,** c'est être égoïste (Chỉ tưởng đến **mình** là ích-kỷ).

g) Đại từ **soi** chỉ đồ vật thì dùng được đủ mọi trường-hợp.
L'aimant attire le fer à **soi.** (Nam-châm hút sắt về **nó**).
Cette chose est bonne en **soi** (Điều nầy tự **nó** đã hay).

h) Đại-từ **lui, leur, eux, elle, elles** dùng vào trường-hợp bổ túc gián tiếp chỉ nói về **người** hay đồ vật đã nhân-hóa (choses personnifiées). L'homme médisant est dangereux, éloignez-vous de lui : (kẻ gièm pha nguy hiểm, hãy nên tránh xa nó)

i) Đại-từ **en, y** dùng để nói về các **con vật** và **đồ vật :**

Hãy nói : Ce cheval est vicieux, défaites-vous-**en**, chớ không được nói : « Ce cheval est vicieux, défaites-vous de **lui** (Con ngựa nầy bất kham (xấu nết), Anh hãy bán nó đi). (v. se défaire có nghĩa là bán, cho đi; sửa trị; còn défaire là tháo, dở ra, cởi ra.)

Hãy nói : Cette science est intéressante, je m'y suis attaché.

Đừng nói : Cette science est intéressante, je me suis attaché à **elle** (khoa học này hay, tôi chú ý đến lắm).

j) **Đại từ «trung lập» (Pronoms neutres)** Đại-từ trung lập làm chủ-từ là : **il.** Il vente (trời gió, gió thổi), il pleut (trời mưa), Il tombe de la pluie (mưa rơi).

Trong câu **il** vente, **il** pleut, đại từ **il** không đại diện một chủ-từ thực sự (sujet réel).

Trong câu **il** tombe de la pluie, chủ-từ thật sự là **de la pluie** còn tiếng **il** chỉ là chủ từ theo hình thức (sujet apparent).

k) Trung-lập đại-từ **la** cũng là **bổ-túc từ** hay **thuộc-từ** (complément et attribut)

Vous partez, je **le** sais; (anh đi, tôi biết điều đó)

Etes-vous soldats ? — Nous **le** sommes.

— (Các anh phải là lính ? — Phải, chúng tôi là lính).

Trong câu trên, đại từ **le** bổ túc trực tiếp cho động từ **sais**, đại từ ấy thay thế cho cả một mệnh-đề : je sais cette chose : **que vous partez.**

Trong câu dưới, **le** thuộc về đại từ **nous** (attribut de nous).

l) Đại từ **le** sẽ đổi theo hợp sang **giống** và **số** với danh-từ (genre et nombre) khi đại từ **le** đại-diện cho một danh-từ chỉ rõ (déterminé) :

Etes-vous *les employés de la gare* ? (Các anh phải là nhân-viên của nhà ga chăng ? — Nous **les** sommes.

Etes-vous employés au chemin de fer ? — Nous **le** sommes.

Trong câu trên, danh-từ employés de la gare chỉ rõ, vì có quán-từ chỉ rõ đứng trước : **les** employés de la gare, thì đại-từ phải hợp theo giống đực, số nhiều như danh-từ).

Trong câu dưới, danh-từ employés au chemin de fer chỉ không rõ vì không có quán-từ đứng trước, thì đại từ **le** để nguyên, không thay đổi.

Etes-vous la fille de Madame Ngọc ? — Oui, je **la** suis.
Etes-vous vendeuse ? — Je **le** suis.
Etes-vous la servante de Mademoiselle Lan ? — Oui, je **la** suis.
Etes-vous servante ? — Je **le** suis.

Những câu vừa kể ra đây, cũng như trường hợp đã cắt nghĩa ở 2 câu trên.

2°) PRONOMS POSSESSIFS : CHỈ THUỘC ĐẠI-TỪ

Chỉ thuộc đại-từ thay thế danh-từ mà chỉ **thuộc về của ai** (**en marquant la possession**) :

mon chapeau : le mien (cái nón của tôi)
ta mère : la tienne (người mẹ của anh)
tes frères : les tiens (những anh em của anh)

Chỉ thuộc đại-từ cũng có số nhiều, số ít, giống đực, giống cái theo hợp với danh-từ được thay thế, và cũng có ngôi thứ để nối hợp và từng bực.

Số ít

	Giống đực		*Giống cái*
1re pers.	Le mien	của tôi	La mienne
2e —	Le tien	của anh	La tienne
3e —	Le sien	của nó	La sienne
1re pers.	Le nôtre	của chúng tôi	La nôtre
2e —	Le vôtre	của các anh	La vôtre
3e —	Le leur	của chúng nó	La leur

Số nhiều

Les miens.	Les nôtres.	Les miennes.	Les nôtres.
Les tiens.	Les vôtres.	Les tiennes.	Les vôtres.
Les siens.	Les leurs.	Les siennes.	Les leurs.

Votre père est tailleur, **le mien** (*mon* père) est commerçant.
Mon frère est sage, **le tien** (*ton* frère) est fort.
Ton livre est beau, **le sien** (*son* livre) est neuf.
Ton patron est riche, **le nôtre** (*notre* patron) est bon.
Notre maître est doux, **le vôtre** (*votre* maître) est sévère.
Votre oncle est vieux, **le leur** (*leur* oncle) est jeune.

Xem mấy câu dùng chỉ thuộc đại-từ ở trên đây làm mẫu, thì đủ biết tiếng ấy dùng để thay thế một danh-từ mà trước có tiếng quán-từ nói rõ về của ai, (adjectif possessif).

Và, tất cả chỉ thuộc đại-từ sẽ theo **giống** và **số** của danh-từ nó thay thế mà đổi cho đúng.

Tes parents sont riches, **les miens**, (*mes* parents) sont bons.

Tes sœurs sont heureuses, **les miennes** (mes sœurs) sont douces.

3°) PRONOMS DÉMONSTRATIFS : CHỈ-THỊ ĐẠI-TỪ

Chỉ-thị đại-từ thay thế danh-từ mà người ta còn muốn trỏ vào hay trông vào mà nói một người, một vật hay một con vật :

Quel livre préférez-vous ? **Celui-ci** ou **celui-là ?**

(Anh thích sách nào ? Cuốn **này** hay cuốn **kia ?**

Cela me fait plaisir **(điều đó** làm tôi vui lòng).

Chỉ-thị đại-từ cũng có **giống** và **số :**

Số ít		**Số nhiều**	
Giống đực	**Giống cái**	**Giống đực**	**Giống cái**
Celui	Celle	Ceux	Celles
Celui-ci	Celle-ci	Ceux-ci	Celles-ci
Celui-là	Celle-là	Ceux-là	Celle-là.

Chỉ-thị Đại-từ đứng trung-lập **(neutre)** có **ba** tiếng là :

Ce, Ceci, Cela

— **Chớ lộn CE, chỉ-thị đại-từ với CE, chỉ-thị quán-từ : adj. démonstratif.**

Ce : chỉ-thị đại-từ luôn luôn đặt **TRƯỚC động-từ,** hay **TRƯỚC** những tiếng *liên-kết đại-từ* pronoms relatifs : **qui, que, quoi, dont :**

Ce *qui* me plait, c'est sa modestie **(điều** làm đẹp lòng tôi chính là tánh khiêm-nhượng của nó*)*.

Ce dont vous me parlez est exact (điều anh nói với tôi là đúng).

Ce doit être vrai **(Điều** ấy phải có thật).

Còn—**Ce**, chỉ-thị quán-từ thì luôn luôn đặt trước danh-từ.

Ce tableau, **Ce** jour, **Ce** projet (điều toan tính này).

Celui-ci, celle-ci, ceci chỉ gần hơn (plus proche)

Celui-là, celle-là, cela, chỉ xa hơn (plus éloigné)

Je préfère **celui-ci** et vous **celui-là** (tôi thích cái **này,** vật *này,* người *này,* anh thích cái **kia...**

N'imitons ni l'avare ni le prodigue : **celui-ci** (le prodigue) sera bientôt misérable, **celui-là** (l'avare) l'est déjà au sein même de la richesse. (Chớ bắt chước kẻ biển-lận, kẻ hoang-phí : **kẻ này** thì chẳng bao lâu nữa sẽ khốn khổ ; **kẻ kia** thì ngay ở giữa tiền của cũng đã khốn khổ rồi.

4°) PRONOMS RELATIFS : LIÊN KẾT ĐẠI-TỪ

Liên-kết đại-từ kết liền tiếng *danh-từ* hay *đại-từ* mà nó thay thế, với phần câu tiếp ở sau : J'écris à mon ami **qui** me répondra. Tiếng **qui** thay thế tiếng **ami**, và nối **mon ami** với **me répondra**. (Tôi viết cho bạn tôi **nó** sẽ trả lời cho tôi)

a) Những tiếng liên kết đại-từ **qui, que, quoi, dont, où,** thì không bao giờ thay đổi.

b) Còn tiếng liên kết đại từ **Lequel** thay đổi ra :

Số ít		**Số nhiều**	
Giống đực	**Giống cái**	**Giống đực**	**Giống cái**
Lequel	laquelle	lesquels	lesquelles
Duquel	de laquelle	desquels	desquelles
Auquel	à laquelle	auxquels	auxquelles.

c) **Lequel** thay đổi tùy theo danh-từ nó thay thế và tùy trường hợp.

Le *convive sur* **lequel** *nous comptions n'est pas venu.*

La *convive sur* **laquelle** *nous comptions n'est pas venue*

Les convises sur **lesquels** *nous comptions ne sont pas venus,* (người khách ăn tiệc **mà** ta kể vào lại không đến).

d) Liên kết đại-từ luôn-luôn cùng một giống và một số với tiếng nó thay-thế và cùng luôn một ngôi-thứ (personne).

C'est **toi,** Jules, qui (2e pers) m'appelles.
(chính **anh,** Jules, **anh** kêu tôi.
C'est **vous** **qui** partez, (chính **anh, anh** đi)
Ce sont **Lan** et **Đức qui** sont aimables, (khả ái)

e) CHỚ LỘN tiếng **que** là liên kết đại-từ với tiếng **que** là *trạng-từ chỉ lượng số* (adverbe de quantité) hay lộn với tiếng **que** là liên-từ phụ thuộc (conjonction).

1°) QUE là **liên-kết đại-từ** thì có thể thay bằng tiếng **lequel, laquelle, lesquels, lesquelles :**

La rose est la fleur **que** je préfère.
La rose est la fleur **laquelle** je préfère.
(Bông Hồng là một hoa **mà** tôi thích).

2°) **Que** là *lượng số trạng từ* khi tiếng **que** có nghĩa là (combien) *biết bao* : và cuối câu có dấu tán than (!)

Que vous êtes bon ! (Anh tốt **biết bao !**)
(*combien* vous êtes bon !)

Que de belles fleurs ! (Biết bao hoa đẹp !)
(*combien* de belles fleurs !)

3·) **Que : Phụ-thuộc liên-từ** có nghĩa là : **rằng :**

J'espère **que** vous viendrez (tôi mong **rằng** anh sẽ đến)
Je pense **qu'**il est parti (tôi tưởng **rằng** nó đã đi)

f) **Cách dùng liên-kết đại-từ QUI**

a) Tiếng **Qui** phải đặt **gần tiếng nó thay thế** để tránh cách dùng **tối nghĩa**, cách có thể hiểu **nghĩa hàng hai.** (sens équivoque):

Chớ nói : *Il y a des choses dans tes paroles* **qui** *ne sont pas vraies.* (Trong những *điều* anh nói không đúng sự thật) người ta sẽ không hiểu tiếng **qui** thay thế cho tiếng *điều* (choses) hay thay thế cho tiếng *lời nói* (paroles)

Vậy, muốn cho câu văn được sáng, rõ nghĩa hơn, phải đặt tiếng **qui** gần ngay tiếng nó thay thế.

Phải nói : *Il y a dans tes paroles des choses* **qui** *ne sont pas vraies.* (Trong những lời anh nói có nhiều điều không đúng sự thật), người ta hiểu ngay là nhiều *điều không đúng sự thật* chớ không thể lộn là những *lời không đúng sự thật.*

b) Tiếng **qui** mà *đằng trước nó có một giáo-từ* (préposition) thì chỉ dùng để nói về *người* hay vật đã *nhân hóa.*

La femme **à qui** *je parle est intelligente.* (thông minh)

5·) **PRONOMS INTERROGATIFS : NGHI VẤN ĐẠI-TỪ**

Những liên kết đại-từ **qui, que, quoi, LEQUEL** v.v. cũng dùng để **hỏi**, khi đó thì chúng biến thành **nghi-vấn đại-từ**, và có thể thay thế bằng những tiếng :

quelle personne (Người nào), quelle chose (điều gì) (cái gì ?) cuối câu chấm hỏi (?) — **Qui** a dit cela ? (**ai** đã nói điều đó ?) **Quelle personne** a dit cela? (**người nào** đã nói...?) — **Que** faites-vous là ? (anh làm **gì** đó ?) — **Quelle chose** faites-vous là ? (anh làm **cái gì, điều gì** đó ?)

6·) **PRONOMS INDÉFINIS : PHIẾM CHỈ ĐẠI-TỪ**

Phiếm chỉ là chỉ **không rõ**, chỉ **vu vơ** (indéfini).

Phiếm chỉ đại-từ đại diện những người hay những vật một cách **vu-vơ không rõ,** một cách **trống không : On** viendra me voir (**người ta** sẽ đến thăm tôi) nhưng không chỉ rõ **người ta** là **ai.**

Những **Phiếm chỉ đại-từ :** *a) không thay đổi* là : **On (người ta), quiconque (Hễ ai, người nào), personne** *(không ai)* **autrui (kẻ khác).**

b) *Thay đổi* là : **l'un** (kẻ này) **l'autre** (kẻ kia) **l'un l'autre, l'un et l'autre, chacun** (mỗi người) **quelqu'un** (người nào) **aucun** (không một) **certain** (có kẻ) **nul** (không ai) **tel** (kẻ ấy) kẻ nào) **tout** (tất cả) **plusieurs** (nhiều người).

c) *Trung lập* : **Rien** (không gì) **Quelque chose** (cái gì, chuyện nào) **autre chose** (vật khác, chuyện khác).

J'attends mes amis ; **quelqu'un** est-il venu ?
(tôi đợi các bạn tôi ; có kẻ nào tới chưa ?)

Non, **personne** n'est encore arrivée, (không, chưa có *người nào* tới hết) **không ai** tới hết).

Nul n'est parfait en ce monde(không ai hoàn-toàn ở trên đời này)

Ne faites pas à **autrui** ce que vous ne voudriez pas qu'**on** vous fit. (Chớ làm cho **kẻ khác** điều gì mà anh không muốn **người ta** làm cho anh) (kỷ sở bất dục, vật thi ư **nhân**).

Tenez cette affaire secrète et n'en dites **rien à personne.** (Hãy giữ kín việc này và chớ nói **gì** với **ai** hết).

On, l'on

Sau những tiếng **si, et, ou, où,** thì phải dùng tiếng **l'on** (để đọc lên cho êm, khỏi trúc-trắc).

Si l'on *est bon et indulgent*, **on** *est aimé de tout le monde* (Nếu **người ta** tử tế và tốt, **người ta** sẽ được mọi người thương mến).

Avancez **et l'on** *vous suivra* (anh hãy tiến trước đi rồi **người ta** sẽ theo anh).

Pourquoi n'allez-vous pas **où l'on** *vous a dit d'aller ?* (Sau anh không đi tới chỗ mà **người ta** đã bảo anh đi).

L'ADJECTIF : TĨNH TỪ

Tĩnh-từ chỉ rõ thêm nghĩa của ý do danh-từ diễn tả nên phải đặt gần danh-từ luôn.

Có **sáu** *thứ tĩnh-từ :*

1·)	Adjectifs	**qualificatifs :**	Chỉ về **phẩm**
2·)	—	**numéraux :**	— số đếm
3·)	—	**possessifs :**	— thuộc của ai.
4·)	—	**démonstratifs :**	— tỏ, chỉ trỏ.
5·)	—	**interrogatifs :**	— nghi vấn.
6·)	—	**indéfinis :**	— phiếm chỉ.

1·/ ADJECTIFS QUALIFICATIFS : Phẩm-từ

Phẩm từ biểu diễn cái **phẩm chất**, cái **tình**, cái **trạng-thái**, tức là cái **thể** của một người, một con vật hay một đồ vật.

L'homme **vertueux :** (người đàn ông **đức hạnh**)
L'agréable promenade (cuộc đi chơi **thú-vị**)
Mon **cher** ami (người bạn **quí** của tôi)

Nhận biết một tiếng là **phẩm-từ** : *a*) khi nào người ta có thể thêm liền trước hay liền sau tiếng đó một danh-từ: *vertueux* là **phẩm từ**, người ta đã thêm liền trước được tiếng *danh-từ l'homme.*

b) khi nào người ta có thể đặt trước tiếng đó động-từ **être** hay **devenir, paraître, sembler, rester, rendre ....**

Etre **bon, jeune, beau, grand, content, heureux**
devenir **fou, utile, sage, agréable, habile, vieux**
sembler **beau, bon.....** — *rester* : **jeune, ...** — *rendre* : **utile, beau, ...**

Giống và số của phẩm-từ

Phẩm từ *hợp theo* **giống** *và* **số** *của* **danh-từ** *hay* **đại-từ**

Un grand local — **Une** grande maison
De grand**s** locaux — **De** grand**es** maisons

(Đứng trước phẩm-từ đặt tiếng **de** thế cho tiếng **des**)

il est content, — **elle** est content**e**
ils sont content**s** — **elles** sont content**es**

Đổi phẩm-từ sang giống cái, sang số nhiều

1·) Lệ thường thì phần nhiều những phẩm-từ ở giống đực **đổi sang giống cái** chỉ thêm chữ **E** vào sau, và ở số ít **đổi sang số nhiều** thì thêm chữ **S** vào sau chót, như mấy câu ví dụ ở trên kia vừa kể ra.

ER = ÈRE

2·) Phẩm từ tận cùng có vần **er** thì sang giống cái đổi **er** ra **ère** :

Un homme lég**er**, une femme lég**ère** (nhẹ dạ) Ce bois est lég**er**, cette boîte est lég**ère** (nhẹ).

g = gue ; f = ve ; x = se ; gu = guë

Phẩm từ	**giống đực**	đổi sang	**giống cái**
	long		long**gue** (dài)
	neu**f**		neu**ve** (mới)
	honteu**x**		honteu**se** (mắc cở)
	aigu		aig**uë** (sắc, nhọn)

Ngoại lệ : những phẩm từ sau này đổi sang giống cái *không theo lệ thường:*

doux	đổi ra	douce (dịu, hiền)	nouveau	—	nouvelle (mới)
faux	—	fausse (dả)	jumeau	—	jumelle (sinh đôi)
préfix	—	préfixe (đã chỉ trước, hẹn).	fou	—	folle (điên)
roux	—	rousse (màu hung hung đỏ)	mou	—	molle (mềm)
beau	—	belle (đẹp)	vieux	—	vieille (già)

Đứng trước một danh-từ giống đực mà bắt đầu bằng **chữ-âm** (a, â, e, é, è, ê, i, o, u, y) hay chữ **h câm** thì : **beau, nouveau vieux, fou, mou,** đổi ra **bel, nouvel, vieil, fol, mol :**

Un **beau** *champ*, nhưng không phải **un beau** *oiseau*, mà là : un **bel** oiseau. Un **nouvel** arrivage (mới lại). Un **fol** espoir (hy-vọng điện cuồng, cuồng-vọng). Un **mol** édredon (chăn mềm bằng lông). Un **nouvel** historien (nhà chép sử mới, tân sử-gia). Un **vieil** hôte (một *khách* hay *chủ* **cũ**).

Những phẩm từ : **dispos** (khoan khoái) **châtain** (nâu sẫm) **aquilin** (cong như mỏ phụng-hoàng ; nez aquilin). *Không bao giờ sang giống cái.*

Grognon (càu nhàu) **témoin** (chứng cớ) *dùng chung 2 giống. Nên tất cả những tiếng đó không thay đổi về giống.*

Os = *Osse* **As** = *Asse*, **Ot** = *Otte*, **An** = *Anne* v. v...

Đổi sang giống cái như trên là đặc-biệt ngoại-lệ của những phẩm từ :

gros	— grosse	(to mập)	**pâlot**	— pâlotte	— (xanh mét)
bas	— basse	(thấp)	**vieillot**	— vieillotte	— (khí già)
las	— lasse	(mệt)	**paysan**	— paysanne	— (quê)
gras	— grasse	(béo mập)	**épais**	— épaisse	— (dày)
sot	— sotte	(dại)	**exprès**	— expresse	— (rõ, nhứt-định)
nul	— nulle	(không)	**profès**	— professe	— (đã khấn)
			gentil	— gentille	— (tử-tế, xinh)

Còn tất cả những phẩm-từ khác ở sau có vần **as, ot, ain** *đổi sang giống cái thì chỉ thêm* **e.**

ras	=	rase (gọt, cạo bằng)	idiot	=	idiote (ngây ngô)
dévot	=	dévote (có lòng đạo đức)	sain	=	saine (lành mạnh)

Những phẩm-từ có vần cùng **ien, on, el, eil, et** đổi ra giống cái phải thêm chữ câm (consonne) trước rồi mới thêm **e** sau chót :

ien, ienne ; on, onne ; el, elle ; eil, eille ; et, ette.

ví-dụ :

ancien	đổi ra	ancienne	(cũ)
bon	—	bonne	(tốt)
cruel	—	cruelle	(độc ác)
vermeil	—	vermeille	(đỏ thắm)
muet	—	muette	(câm)

Et = Ète

Nhưng sáu tiếng dưới đây cũng có vần **et** song không thêm thành hai chữ t **(tt)** chỉ đánh dấu đổi **e** ra **è** và thêm *e* vao sau chót.

complet đổi ra complète (đầy đủ trọn) inquiet — inquiète (lo lắng)
concret — concrète (đầy đặt) replet — replète (béo, ú sữa)
discret — discrète (trống, hở việc) secret — secrète (kín nhẹm)

Phẩm-từ có vần EUR hay TEUR

1·) Một ít tiếng vần **eur** đổi ra **eure** thêm (e)

meil**leur** đổi ra meil**leure** (hơn hết)
min**eur** — min**eure** (vị thành niên, chưa đến tuổi, ít)
maj**eur** — maj**eure** (đến tuổi trưởng thành, nhiều)

2·) Còn phần đông có vần **eur** đổi ra **euse** bou**deur** = bou**deuse**, men**teur** = men**teuse** v.v...

3·) Có những tiếng đổi vần **teur** ra **trice : accusateur** đổi ra **accusatrice** (cáo ra, hay kiện).

4·) Và cũng có ít tiếng (tối thiểu số) đổi **eur** sang **eresse** péch**eur**, péch**eresse** (phạm tội) veng**eur**, veng**eresse** (hay báo thù)

Những phẩm-từ dưới đây **đổi sang giống cái** thật *không theo lệ nào* : Blanc đổi ra blanche (trắng) sec, sèche (khô)

Franc - - franche (thật thà) frais, fraîche (mát, tươi)
public - - publique (công cộng) tiers, tierce (thứ ba)
caduc -- caduque (phù vân, già) malin, maligne (tinh quái)
favori - - favorite (vừa ý) Bénin, bénigne (hiền, có nhân)

Đổi sang số nhiều những phẩm-từ.

Thường lệ thì thêm một chữ **s** *vào* :

Un homme utile, des hommes *utile***s**, un homme *fort*, des hommes *fort***s**

Những phẩm-từ *beau, nouveau, jumeau,* thêm **x** :

Les fruits nouveau**x** sont beau**x** ; les frères jumeau**x**.

Những phẩm-từ có vần AL thì số nhiều đổi sang **aux**

Un homme *loy***al**, des hommes *loy***aux** (thật thà)
Un récit *mor***al**, des récits *mor***aux** (chuyện luân-lý)

Trừ ra bảy tiếng sau nầy cũng có vần AL mà chỉ thêm S :

bancals (què, khập-khiễng) **fatals** (có số, định mệnh, khốn nạn) **finals** (tận cùng) **glacials** (lạnh giá), **natals** (sinh đẻ) **navals** (thuộc về thủy, tàu chiến) **papals** (thuộc về giáo chủ)

Cách hợp phẩm-tử với danh-từ :

a/ Phẩm từ hợp theo giống và số với danh-từ.

b/ Hai hay nhiều danh-từ ở số ít thì phẩm cũng phải đổi sang số nhiều : Le pauvre et le riche sont *égaux* à la mort (giàu nghèo cũng **đều** chết)

c) Khi có nhiều danh từ cả giống đực lẫn với giống cái thì để phẩm từ ở **giống đực số nhiều** : La mère et le père sont **contents.,**

LE POSITIF, LE COMPARATIF ET LE SUPERLATIE

(Đúng thế) *(so sánh)* *và* *(cao hơn)*
(xác định) *(tỉ-hiệu)* *(tối cao)*

Trois Degrés de signification dans les adjectifs

Ba đẳng-cấp về nghĩa của phẩm-từ

Cái **phẩm**, cái **tính** hay cái **thế** của một người, một vật diễn tả ra ở tiếng *phẩm từ* **có thể có nhiều bực**. Một người có thể **mạnh**, (khỏe) **mạnh hơn**, hay **mạnh lắm** ; một vật có thể **tốt, tốt hơn** hay **tốt lắm**.

Positif (xác định) **fort** : *mạnh*
Comparatifs : *(tỉ hiệu)*

1°) *supériorité* = (+) bậc cao hơn
2°) *égalité* = (=) bậc ngang bằng
3°) *infériorité* = (—) bậc kém (không bằng)

plus fort : *mạnh hơn* (+)
aussi fort *mạnh bằng* (=)
moins fort : *không mạnh bằng* (—)

(+) Je suis *plus fort* que vous (tôi mạnh hơn anh).
(=) Je suis *ausi fort* que vous (tôi mạnh bằng anh)
(—) Je suis *moins fort* que vous (tôi không mạnh bằng anh)
(tôi mạnh kém, thua anh)

Comparatifs = plus, aussi, moins + adjectifs

Đẳng cấp tỉ-hiệu tạo thành do phẩm từ đi liền sau với những tiếng *hơn, kém, bằng, (adjectif* précédé des adverbes *plus, moins, aussi* = **comparatif**)

Comparatifs en un mot :

meilleur	= *plus bon* (**ne se dit pas**)	uru hạng (**chớ nói** : *plus bon*)
Pire	= *plus mauvais*	(liệt — (tệ)
moindre	= *plus petit*	nhỏ hơn
minime	= *très petit*	tối thiểu (quá ít) (nhỏ quá)

Dégrés des Superlatifs = tối cao đẳng cấp

1°) **Superlatif relatif** = *tỉ hiệu tối cao*

a) **Le plus**, *le meilleur*, *le mieux (hơn hết, nhứt hạng)* { L'or est **le plus** précieux des métaux / Vàng quí **hơn hết** các thứ kinh khí.

b) **Le moins** (kém nhứt) : Mon cheval est **le moins** ombrageux de tous ceux de ce quartier (ngựa tôi *ít* sợ bóng *nhứt* trong các con ngựa ở hộ này).

Le pire (tệ hơn hết, tệ nhứt) Le médisant est *le pire* des malfaiteurs (kẻ nói gièm *tệ nhứt* trong những kẻ ác hại)

2° **Superlatif absolu** : *tuyệt đối tối cao*

(*sans comparaison*) (không so sánh)
très, lắm (très précieux) (quý lắm)
fort, lung (fort avisé) (nghĩ lung)
extrêmement, *cùng* (—avisé) (nghĩ cùng, cạn)
infiniment, *vô cùng* (infiniment reconnaissant) (biết ơn vô cùng)

EMPLOI DE L'ADJECTIF : CÁCH DÙNG PHẨM TỪ

Phải biết dùng phẩm từ rõ nghĩa, chớ đặt trật chỗ mà tối nghĩa hay là có thể hiểu hai nghĩa :

Vậy chớ viết : *Pauvre* ou *riche, je vous reste fidèle.*

Nghèo hay *giàu, tôi cũng trung thành với bạn*. Người ta sẽ không hiểu *tôi* giàu, nghèo hay *bạn* giàu,nghèo.

Phải viết : *Que vous soyez pauvre ou riche, je ....*

Dầu bạn giàu hay nghèo, tôi cũng ....

Thường thường thì phẩm từ đặt sau hay trước danh từ cũng được; tùy theo cách dùng, ý tác-giả muốn, và sự cân đối du dương của câu văn, mà định vị-trí của phẩm từ :

Có thể viết : l'ami fidèle hay le *fidèle ami* (bạn thủy chung)
l'ouvrier habile hay *l'habile ouvrier* (thợ khéo).

Nhưng phẩm từ về màu sắc thì chớ viết :

un *blanc* cheval, du *rouge* vin, un *noir* tableau.

mà phải viết : un cheval *blanc*, du vin *rouge*, un tableau *noir*.

Đặt phẩm từ trước khác nghĩa hẳn với cách đặt phẩm từ sau danh từ

Vì trường-hợp phải hiểu nghĩa bóng của phẩm từ (sens figuré)

Un *grand homme* : Un homme *célèbre* (người có *danh tiếng*)
Un *homme grand* : Un homme de *haute taille* (người *cao lớn*)
Soldat *brave* : lính can đảm, *Brave* soldat : lính kỹ luật.
Vers *méchants* : thơ châm chọc, *Méchants* vers : thơ không hay, tồi, dở.

Homme *bon* : người tốt, *Bon*homme : người lương thiện, thật thà, ngây thơ.
Honnête homme : người đúng mực, gương mẫu, Homme *honnête:* người lương thiện, ngay thẳng.
Homme *malhonnête* : người quê kịch, thô lỗ, thiếu xã giao, *Malhonnête* homme : người bất lương, không thật.
Une *simple* fleur : một đóa hoa, Une fleur *simple* : hoa đơn cánh.
Dernière année : năm cuối cùng, année *dernière* : năm vừa qua.

L'adjectif possessif : Chỉ thuộc tính-từ (hay quán-từ)

Cũng như *quán-từ* chung, thường tiếng nầy đặt trước danh-từ, để *chỉ rõ thuộc về ai* ; một người, một con vật, hay một đồ vật của ai :
Mon père : Cha *tôi* ; *Ma* mère, Mẹ *tôi* ; *Mes* parents, Cha mẹ *tôi*.

TABLEAU DES ADJECTIFS POSSESSIFS

L'OBJET APPARTIENT		SINGULIER MASCULIN	SINGULIER FÉMININ	PLURIEL DES 2 GENRES
Un seul possesseur của một chủ một người	à moi	mon père cha tôi	ma mère mẹ tôi	mes parents cha mẹ tôi
	à toi	ton — cha anh	ta mère — anh	tes — — anh
	à lui, à elle	son — cha nó	sa mère — nó	ses — — nó
plusieurs possesseurs của chung nhiều chủ nhiều người	à nous	notre — cha chúng ta	notre mère — chúng ta	nos — — chúng ta
	à vous	votre — cha các anh	votre mère — các chị	vos — — các anh
	à eux, à elles	leur — cha chúng nó	leur mère — chúng nó	leurs — — chúng nó

có chỗ phải dịch là của *tôi* : mon *cheval : con ngựa* của tôi,

Để tránh hai chữ âm (voyelles) gặp nhau :

Phải dùng *mon, ton, son* thế cho *ma, ta, sa*, mặc dầu danh-từ nó chỉ định (déterminer) thuộc về giống cái :

Phải dùng :		*chớ dùng :*
mon école *(école : féminin)*		*ma* école
mon habitation	—	*ma* habitation (*h* muet)
ton âme	—	*ta* âme
son histoire	—	*sa* histoire (*h* câm)

Chớ lầm lộn : **Leur** : *nhân vật đại từ* (pron. pers.) với **Leur** : chỉ thuộc tính từ (adj. poss.)

1· **Leur** : *pronom personnel* (nghĩa là *à eux, à elles* : cho chúng nó, với chúng nó) đặt theo động-từ, và không bao giờ có *s* (*leur* et non *leurs*) je *leur* donne. Ecrivez-*leur*, donnez-*leur* de mes nouvelles. (Viết *cho chúng nó*) cho *chúng nó* biết tin tức của tôi.

2· **Leur** : *adjectif possessif* (của chúng nó) đặt trước danh từ và chỉ định danh-từ nên nếu danh-từ ở số nhiều thì *leur* phải thêm *s* : *leurs*. Ecrivez à *leurs* parents : viết cho cha mẹ chúng

ADJECTIFS DÉMONSTRATIFS :

(Chỉ thị quán-từ hay là chỉ thị định-từ)

Tiếng nầy đứng trước danh-từ để trỏ *người* hay *vật* hay đồ vật, hiện có ở trước mắt, hay đã kể ra ở trên mà ở dưới bây giờ nhắc lại :

Ce monsieur : ông nầy. *Cet* enfant : đứa trẻ này.
Cette dame bà này. *Cet* homme : người đàn ông nầy.
Ces fleurs : những đóa hoa nầy.

Chỉ-thị định-từ chỉ định danh-từ (*détermine le nom*) nên danh từ ở *giống* nào, *số* nào thì chỉ-thị định từ cũng phải là tiếng về *số* và *giống* ấy, nghĩa là : danh-từ ở *giống đực* thì phải dùng chỉ thị định từ *giống đực* : *Ce* monsieur. (*Ce*: adj. dém. masc, singulier)

Danh từ *giống cái*, chỉ thị định từ *giống cái* :
Cette dame (*Cette* : adj. démonst. féminin, sing.)

Danh từ ở *số nhiều*, chỉ thị định từ *số nhiều* :
Ces fleurs (*Ces* : adj. dém. pluriel des 2 genres)

Ces messieurs, *Ces* dames. tiếng *Ces* : số nhiều cả 2 giống

Danh từ bắt đầu dùng một chữ *âm* hay chữ *h câm* thì dùng chỉ thị định từ *Cet* (giống đực, số ít) : *Cet* enfant, *Cet homme*.

CE CE SÈ CES SES

Chớ lộn : 1· *Ce* : (*adj. dém.*) *Chỉ thị định từ* đặt trước danh-từ có thể thay bằng một quán từ : *Ce* monsieur (*le* monsieur que vous voyez)

2) 1) *Ce* (*pronom dém.*) Chỉ thị đại từ đặt trước liên-kết đại-từ (pronom relatif : qui, que, dont : *ce* qui, *ce* que, *ce* dont) hay đặt trước đông từ *être* (C'est, *ce* sera, *ce* fut v.v... *ce*, pr. dém. có thể thay bằng : *cette* chose.

3) *Se* (*pr. pers*) : *nhân vật đại từ*, luôn luôn đặt trước động từ. Qui *se* ressemble s'assemble tương đồng, tương hội (giống tính nhau thì ở với nhau

4) *Ces* : *adj. dém.* đặt trước danh từ để *chỉ trỏ*.

5) *Ses* : *adj. pos.* cũng đặt trước danh từ nhưng để chỉ thuộc về của ai.

Đổi ra số ít thì phân biệt được : *ces* : ce, cet, cette
ses : son, sa.

Adjectifs interrogatifs : nghi vấn chỉ định từ

Nghi-vấn chỉ định-từ đặt *ở đầu câu* hay *ở trong* câu *hỏi* :

1· Có *danh từ liền sau* { *Quel* métier voulez-vous apprendre ? (anh muốn học nghề *nào* ?
Indiquez-moi *quel* chemin que je dois suivre ? (Hãy chỉ tôi con đường *nào*, để tôi phải đi theo).

{ *Quelle* leçon avez-vous apprise ? (Anh đã học bài *nào* ?)
Quels livres voulez-vous ? (Anh muốn những sách *nào* ?
Quelles fleurs aimez-vous ? (Anh ưa những bông hoa *nào* ?

2·) *Không có danh-từ liền sau.*

Quel est le meilleur élève ? (Người học trò *nào* giỏi hơn hết ?)

attribut verbe sujet
Quel est ton désir ? (Ý thích anh thế *nào* ?)
Quelles sont vos intentions ? (Ý định anh thế *nào* ?)

Nghi-vấn chỉ định từ hợp với danh từ hay chủ từ :

Quel métier...? *Quel* (giống đực, số ít, vì danh-từ *métier* giống đực, số ít).

Quelle profession (nghề)..? *Quelle* (giống cái, số ít, vì danh-từ *profession* giống cái số ít).

Quels livres...? *Quels* (giống đực, số nhiều vì danh-từ *livres* giống đực, số nhiều).

Quelles fleurs...? *Quelles* (giống cái, số nhiều vì danh từ *fleurs* giống cái, số nhiều).

Danh-từ đứng ngay sau thì *adj. interr.* hợp với nó cũng dễ nhận ra. Còn phải để ý kỹ về *chủ-từ* đứng xa mà adj. inter. vẫn phải hợp là hay quên :

Quelle est votre intention ? *Quelle* làm attribut cho *sujet* : intention (f. s.) đứng sau.

Adjectif exclamatif : Tán thán chỉ định từ (!)

Tiếng *Quel* còn dùng để tán thán (s'exclamer) và cuối câu có dấu (!)

Quel bonheur ! hạnh phước *biết bao !*
Quelle chance ! may mắn *biết bao !*

Adjectifs indéfinis : Phiếm chỉ định từ

Phiếm-chỉ định từ đặt trước danh từ để chỉ định danh từ theo cách *không rõ* và hợp theo *giống* và *số* với danh từ :

m. s.	*Tout* emploi. *tout* le monde.	*f.* *s.*	*toute* faute *toute* la journée	*m.* *pl.*	*tous* les jours	*f.* *pl.*	*toutes* les fois

Những phiếm-chỉ định-từ là :

aucun, không một : *aucun* travail, *aucune* joie, *aucuns* frais.....
autre, khác, kia : *autre* maison, *autres* livres, *autre* jour.....
certain, có ít, nào : *certain* pays, *certaine* faute, *certains* signes
chaque, mỗi một : chaque jour, chaque chose, chaque élève
maint, nhiều ; mainte parole, maintes fois, maintes explications
même, cùng : même ton, même geste, mêmes paroles
nul, không : nul bonheur nulle tranquillité, nul danger.
Quel, nào : Quel chemin, quelles routes, quelle promenade.
Quelque, nào, một vài : *quelques* garçons, quelque maman.
Tel, ấy : tel père, tels enfants, telle mère, telles filles
Tout, tất cả : Tout emploi, tous les enfants, toute faute, toutes les semaines
Quelconque, nào : livre quelconque, ombre quelconque
Plusieurs, nhiều : plusieurs jours, plusieurs heures, plusieurs mois. plusieurs années, plusieurs amis, etc.

Không đứng trước danh-từ mà lại đứng trước động-từ thì những tiếng sau này không phải *phiếm chỉ định từ* (adj. ind. mà là *phiếm chỉ đại từ* (*pronoms indéfinis*) :

Aucun certain, plusieurs, nul, tel, tout :

Aucun ne voulut entrer ; *plusieurs* s'en allèrent.

Nul n'est venu. *Tout* passe. etc...

Chớ dùng lộn tiếng *chaque* thay thế tiếng *chacun* : chaque adj.ind.) luôn luôn đặt trước tiếng *nom*, còn *chacun* pronom ind.) thay thế danh-từ.

Chaque ouvrier possède une maison : *chacun* habite...

Adjectifs numéraux : số mục chỉ định từ

1·) *Adj. numéraux cardinaux* (*lượng số* chỉ định từ) :
un, deux, trois, quatre, cinq, six, sept, huit, neuf, dix, etc...

Lượng số chỉ định từ dùng để đếm, và không thay đổi ; Les *quatre* enfants.

2·) *Adj. numéraux ordinaux* (*thứ tự* chỉ định từ) *premier, deuxième ou second, troisième, quatrième cinquième, sixième* etc..,

Thêm phần *ième* vào sau lượng số chỉ định từ thì thành ra thứ-tự chỉ định adjectif numéral *ordinal* = adj. numéral *cardinal* + *ième* (suffixe).

LE VERBE ĐỘNG-TỪ

Động-từ là tiếng diễn tả cái *hành-động, tác-dụng* (action) hoặc cái tồn-tại, cái thể (état) của một người, một vật hay một đồ vật :

L'action : L'homme **travaille**. L'oiseau **vole** la terre **tourne.**

L'état : L'homme **est** intelligent. L'oiseau **est** joyeux. la terre **est** ronde.

Làm thế nào mà biết một tiếng là động-từ ?

— Khi mà người ta có thể đặt trước tiếng ấy một nhân-vật đại danh-từ làm chủ từ : **je, tu, il, elle, nous, vous, ils, elles,** hay một đại danh-từ khác : **on, tout, le mien, celui-ci, qui** etc...

VÍ DỤ : **Lire, chanter, parler, finir** là *động-từ* vì người ta có thể nói : *je* lis, *tu* chantes, *il* parle, *on* finit.

Location verbale
expression verbale } Động từ kép

Có những thành-ngữ do hai động-từ ghép lại : *laisser tomber* (*bỏ rơi*) hay do một động-từ với một danh-từ ghép lại : *avoir honte* (mắc cở) *avoir regret* (tiếc) *avoir faim, avoir soif* (đói, khát) *faire peur* (làm cho sợ). Những thành-ngữ ấy khi phân-tách (analyse) không chia hai ra (décomposer) mà chỉ nói là : **locution verbale** hay là **expression verbale.**

Le sujet : Chủ từ

Chủ từ là tiếng chỉ người, vật, hay đồ vật đứng làm chủ cái hành-động, cái hể do tiếng động-từ biểu-diễn :

L'homme travaille **(l'homme** là **sujet).**
L'oiseau vole **(l'oiseau — —).**
La terre tourne **(la terre — —).**

Chủ từ thường đặt trước động-từ, nhưng cũng có nhiều trường-hợp :

1) **Đảo-ngữ** (inversion) thì động-từ ở trước chủ từ ;

Je retiens ce que dit *le* **maître** (*maître :* **sujet** de **dit).**

2) **Nghi-vấn** (forme interrogative), cũng đặt động-từ lên trên:

Retiens-**tu** ce que dit le maître ? (**tu** sujet de *retiens.)*

Những tiếng nào có thể làm CHỦ-TỪ

1) Danh-từ (nom)
2) Tiếng được danh từ hóa (mot pris substantivement).
3) Đại danh-từ (pronom)
4) Một vị biến cách động từ (infinitif) *(Động-từ chưa chia).*
5) Một mệnh-đề (une proposition).

Les **femmes** *chantent.*

Le **sage** *est ménager du temps* (sage là **adj**. được dùng ra danh-từ).

On *est heureux.*

Reculer *serait une lâcheté.*

(Thối lui là chuyện hèn nhát).

Il est bon **qu'on se fasse des amis** (sujet réel) (trường hợp này, chủ-từ thực-sự là **qu'on se fasse des amis** (sujet réel du erbe **est,** tiếng **il** chỉ là *chủ-từ về hình thức* (sujet apparent).

Một động-từ có thể thuộc về nhiều chủ-từ :

Les **femmes** et les **enfants** chantent (**femmes** và **enfants** là hai chủ-từ của động-từ chantent.

Một chủ-từ lại cũng có thể có nhiều động-từ :

Le maître **explique** la leçon, **corrige** les devoirs (**explique** và **corrige** là hai động-từ mà chỉ có một chủ-từ **le maître**).

Attribut : Thuộc từ

Thuộc-từ diễn-tả cái **phẩm**, cái **thể** của chủ-từ (la qualité) và chuyển đến chủ-từ do một động-từ, thường thường là động-từ **être**, hay do một trong những động-từ sau này :

sembler, paraître, devenir, demeurer, tomber, passer pour etc...

Thuộc từ hợp với chủ-từ : Cet ouvrier est *adroit* (khéo).

Ces ouvriers sont *adroit***s**.

Ces ouvrières sont *adroite***s**...

°°°

Complément du verbe : Túc từ của động-từ

Tiếng làm đầy đủ nghĩa do động-từ diễn tả là **túc-từ** : J'achète une **montre** elle marque l'**heure** (tôi mua một cái **đồng-hồ**, nó chỉ **giờ**.

Đồng-hồ làm túc-từ cho động-từ **mua**. **Mua** gì ? — **đồng-hồ**.

Giờ làm — — — **chỉ**. **Chỉ** gì ? — **giờ**.

(**montre** complément de **achète** ; **heure** complément de **marque**).

Complément direct : trực tiếp túc từ
Complément indirect : gián tiếp túc từ

1 — **Trực tiếp túc từ là túc từ đặt liền với động từ, không** *có giới từ chuyển tiếp* (préposition *de*, *à*, *pour* v.v.) ;

Le maître *explique* une **leçon. (Leçon** compl. dir. de *explique*).

L'élève écoute son professeur **(professeur** c.d.de *écoute*)

On doit faire son devoir **(devoir** compl.d.de *faire*)

2.— **Gián-tiếp túc-từ cách động-từ bởi một giới-từ** (préposition).

Le maître parle **à** ses élèves *(élèves* **c.ind**. de *parle)*

J'écris **à** mon frère (*frère* **c.ind**. de *écris*)

Je me souviens **de** ma promesse (promesse c.ind. de me souviens)

Ils partirent avec **joie** (**joie** compl.ind, de *partirent)*

(Muốn biết gián-tiếp túc từ thì đặt câu hỏi : **à** qui ? về ai, cho ai ?) **avec** qui ? với ai ? **à** quoi ? về cái gì, ? **de** qui ? của ai, do ai ?) **de** quoi ? **par** qui ? **pour** qui ? **pour** quoi ?).

3. Compléments circonstanciels trường hợp túc-từ

a) Compl.circ de lieu (chỉ nơi chốn) où ?

b). — — de manière (chỉ thể cách) — comment ?

c) — — — temps (chỉ thời gian) — quand ?

d) — — — cause (chỉ nguyên do, — par ? pour ? à cause de ?

e) — — — but (mục đích) — pour, afin de (que).

f) — — — d'attribution (thuộc cho) à qui ? pour qui ?

Vi-dụ ; *Pendant la nuit*, les voitures roulaient à *grand fracas dans ces rues pavées*.

Les voitures roulaient : **quand? —** Pendant *la nuit* (c.circ. de **temps** *de roulaient*.

comment ? — à *grand fracas (c.circ de* **manière)**

où ? — *Dans ces rues pavées (c.circ.de* **lieu)**

Nuit, fracas, rues sont des **compléments circonstanciels de** *roulaient*.

Những tiếng nào có thể làm túc-từ ?

1·) Un nom (danh-từ) : aimer sa **patrie** (*patrie, nom* c. f. s. **compl.** de *aimer*

2·) Un pronom (đại từ) :ma patrie, je **vous** aime (*vous*, pronom, **compl.** de *aime)*

3·) Un verbe à l'infinitif : je veux *parler* (*parler* **compl.** de *veux*)

4·) Une proposition (mệnh đề) je veux *qu'il vienne* (qu'il vienne, *prop. subordonnée* compl. de *veux)*

Những đại-từ LE, LA, LES, QUE bao giờ cũng là trực-tiếp túc từ (compléments directs) :

Voilà mon **camarade**, je **le** vois. (**le** *c. d.* de vois)
Voici ma **sœur**, je **la** vois (**la** *c. d.* de vois)
Mes **amis** arrivent, je **les** entends (**les** c. d. de entends)

Những đại từ LUI, LEUR, DONT, EN, Y là gián tiếp túc từ :
Bởi vì thay thế cho : **à lui, à elle, à eux, à elles, duquel, de cela, à cela:**
Je **lui** parle : je parle **à lui** (lui c. ind. de parle)
Je **leur** réponds : je réponds **à eux** (leur c. ind. de réponds) etc ....

La personne Ngôi thứ

Cũng như nhân vật đại từ; Động từ có ba ngôi :

		(*số ít*)	(*số nhiều*)	
1re	pers	*j'aime*	nous *aimons*	(chính mình nói) (*mình tự xưng*)
2e	—	tu *aimes*	vous *aimez*	(người mình nói với) (*người nói với mình*)
3e	—	il aime	ils aiment	(người vắng mặt, người mình nói)

Động từ hợp với chủ từ về số và về ngôi thứ :

1·) Je *travaille*; travaille ngôi thứ nhứt, số it, vì chủ từ **je** cũng vậy
vous *travaillez;* travaillez ngôi thứ 2, số nhiều, vì chủ từ **vous** cũng vậy
ils *travaillent ;* travaillent - - 3, số nhiều, vì chủ từ **ils** —

2·) **Hai hay nhiều chủ-từ ở số ít thì động từ số nhiều :**

Mon frère et ma sœur **lisent** (**lisent** ở số nhiều vì có hai chủ-từ là frère và sœur)

3·) Nếu có nhiều chủ từ mà ngôi thứ khác nhau thì động từ ở số nhiều và ở ngôi trên ; Có ngôi thứ nhứt và ngôi thứ nhì, thứ ba, thì dùng động từ ngôi thứ nhứt là ngôi trên hết ;

Lui, vous et moi **Chantons** la paix
(3e) (2e) (1re) (1ère)
nó, anh và tôi **chúng ta ca ngợi** hòa bình

Nếu chỉ có ngôi thứ nhì và ngôi thứ ba thì dùng động từ ngôi trên là ngôi thứ nhì :

Vous et *lui* **partez**
(2e) (3e) (2e)
anh và *nó* **các anh đi**

Les modes du verbe : Những trường-hợp của động-từ

SIX modes du verbe : Sáu trường hợp của động-từ

1·) **Mode Indicatif** (trường hợp *xác-định*) : Je *lis* aujourd'hui, je *lisais* hier, je *lirai* demain

Hôm nay tôi **đọc,** hôm qua tôi **đã đọc**, mai tôi **sẽ đọc** ; công việc **đọc** nhứt định, chắc có thực, nên động-từ ở trường hợp *xác định*)

2·) **Mode conditionnel** (trường hợp *tùy thuộc có điều-kiện*) : je **lirais** ce livre si vous me le prêtiez. ((Tôi **sẽ đọc** sách này nếu anh cho tôi mượn.; Công việc **đọc** *chưa chắc* vì còn tùy theo *điều kiện* nếu được anh cho mượn).

3·) **Mode impératif** (trường hợp *yêu cầu, ước muốn, sai khiến*) **lisez** ce livre (**Hãy đọc** sách này; Công việc **đọc** ở trường hợp biểu người khác)

4·) **Mode subjonctif :** (trường hợp *nghi hoặc, phụ-thuộc*) : *Le maître veut que* je **lise** ce livre. (Thầy muốn tôi đọc sách nầy). Công việc **đọc** là do thầy muốn,còn tôi đọc hay không thì là ở nơi tôi, nên công việc **đọc** chưa chắc có, còn ở trường-hợp *nghi-hoặc*.

Qu'il *vienne* me voir (nó hãy đến thăm tôi) việc **đến** là tôi muốn chớ chưa chắc, còn **hiện tại tùy thuộc nó.**

5) **Mode participe** *(trường hợp dự phân)* 1) chỉ việc làm: *hiện tại dự phân* (*participe* **présent**) Voilà ma sœur **lisant** son livre. Kia, chị tôi **đang đọc** sách- 2·) Chỉ cái **thể** (manière d'être) : **quá khứ** *dự phân* : *(participe* **passé**) le livre **lu ;** le devoir **écrit** (cuốn sách **đã đọc** rồi, bài làm **đã viết rồi**) **đã đọc** và **đã viết** là đã qua từ trước.

6) *Mode infinitif* (trường hợp nguyên vẹn) (vị biến cách: chưa đổi): **lire** est facile mais **comprendre** est difficile (đọc thì dễ nhưng **hiểu** thì khó; đọc và hiểu là 2 công việc không chỉ về ai nên còn *nguyên vẹn*, nói trống như một danh-từ vậy thôi, nên cũng có địa-vị như một danh-từ *(rôle, valeur d'un nom)*

LES TEMPS DU VERBE

Những « thời-gian » của động-từ

Trois temps principaux : Ba thời-gian chính (*giai đoạn*)

1·)*Le passé*	2) *Le présent*	3·)*Le futur,*
Quá khứ (đã qua)	**Hiện tại** (bây giờ)	**Tương lai** (về sau)
j'aimai, (tôi đã yêu)	j'aime (*tôi đang yêu*)	j'aimerai (tôi sẽ yêu

1·) Việc đã qua thì dùng động từ ở giai đoạn quá khứ (verbe au passé).

2·) Việc đang làm thì dùng — — — — hiện tại (verbe au présent)

3·) Việc chưa làm, sẽ làm về sau thì dùng động-từ ở giai đoạn tương lai (verbe au futur)

(Cách dùng động từ về các **trường hợp** (*Modes*) và các **giai đoạn** *(temps)* rắc-rối lắm, nên có nhiều sách đã bàn đến Vậy ta sẽ học riêng sau nếu muốn nghiên cứu thêm).

Có bao nhiêu thể, cách nói về ba giai-đoạn ?

1·) Về **hiện tại** ; chỉ có một (un seul *présent*)

2·) Về **quá khứ** có tới **5** cách : *a*) qua chậm và kéo dài (l'imparfait) *b*) qua mau, lâu lắm rồi, qua lẹ (passé simple), *c)* đã qua, nói trống, không rõ (passé composé) *d)* qua trước kia rồi mà cũng kéo dài (plus-que-parfait) *e*) qua lâu lắm rồi, qua trước kia rồi, nhưng mau lẹ (passé antérieur).

Cả hai việc đều đã qua lâu rồi, hay qua lẹ thì :

a) Việc qua trước dùng động từ ở **passé antérieur**, *việc qua sau dùng động từ ở* **passé simple,**

b) Cả hai việc đã qua rồi nhưng kéo dài thì việc qua *trước* dùng *Plus-que-parfait* và việc qua *sau* việc kia dùng *imparfait*.

3·) Về *tương-lai* có **2** cách :

a) việc **sẽ tới trước** một việc cũng sẽ tới, thì việc **tới trước sẽ xảy ra trước,** phải dùng động từ ở **Futur antérieur.**

b) Còn việc tới sau (sau việc dùng *Futur antérieur*) thì phải dùng động-từ ở **Futur simple.**

o°o

1·) Temps simples (thể đơn)	2·) temps composés (thể kép)

1·) Thể đơn là thể chỉ dùng **một tiếng** : je chante, je chantai, je chantais, je chanterai vân, vân....

2·) *Thể kép là thể dùng* **être** *hay* **avoir** *chia phụ thuộc với participe passé của động từ chánh.*

với v. **être** : je *suis* allé, j'*étais* venu, je *serai* entré ...
— v. **avoir** : j'*ai* aimé, tu *avais* aimé, nous *aurons* aimé.

Conjugaison « cách chia » động từ

Conjuguer un verbe (chia một động-từ) là viết ra hay đọc ra hết các thể mà động từ có thể đổi ra được (toutes les formes que le verbe peut prendre)

QUATRE Terminaisons : er, ir, oir, re

Có bốn vần cuối của động từ nguyên vẹn (**infinitifs :** vị biến cách, tức là chưa chia)

1·) . . . **ER** crier
2·) . . . **IR** unir
3·) **OIR** voir, recevoir
4·) **RE** rendre, prendre

o°o

LES 3 GROUPES DE VERBES : BA NHÓM ĐỘNG-TỪ

Những **động-từ hoạt-động (verbes actifs)** chia ra **3 nhóm :**

1er **Groupe :** Tất cả động-từ chia như động-từ **aimer ;** présent de l'indicatifs : j'aime ; infinitif en e**r :** chante**r**, parle**r.**

2· Groupe : Tất cả động-từ chia như động-từ **finir ;** *présent de l'Ind :* je **finis ;** *participe présent* en **issant** (fi**nissant**) grand**ir,** un**ir,** nour**rir,** jou**ir** v. v... (cả 2 nhóm động-từ trên không thay đổi phần gốc (radical) (*chant... fin... grand...*).

3· Groupe : Tất cả những động-từ không chia giống những động-từ trong **2 nhóm** trên. Những động-từ 3e groupe tận cùng có vần : **ir, oir, re** mà chia ở présent *de l'ind.* thì sau động-từ có **s : ir,** *cour***ir :** je cour**s** *; ment***ir :** je men**s,** sen**tir :** je sens; **re :** *ren***dre** : je *rend***s** *; prend***re** *:* je prend*s* ; **oir : voir :** je vois : sa**voir** : je sai**s** ; connaître, je connais...

Cũng ở nhóm thứ ba, những động-từ này không chia ở présent có **s** như trên, đó là ngoại trừ (excepté) Offr**ir** : j'offre ; ouvr**ir** : j'ouv**re** ; couvr**ir** : je couv**re** ; cueill**ir** : je cueille ; tressaill**ir** : je tressaille etc... và v.vou**loir** : je veux ; pouv**oir** : je peu**x**, je puis ; valoir : je vau**x.**

o°o

AVOIR, ÊTRE kể là động từ **phụ** (auxiliaires) khi giúp vào các động từ khác ; j'**ai** aimé, je **suis** aimé. Nếu đứng riêng biệt một mình thì **avoir** là động-từ thông (v.transitif) j'**ai** un projet ; nous **avon**s des amis.

Être chỉ cái thể, trạng, (marquer l'existence) :

Trừ những động từ dễ chia như Ma mère est douce ; je **serai** reconnaissant. *chan***ter**, *fini***r** ở 1er và 2e groupe,còn rất nhiều động từ chia biến thể rắc-rối lắm gọi là **động-từ chia ngoại-lệ (irréguliers)**.

Phải một quyển sách hay một chương một phần dài mới nói đủ được — Các bạn hãy kiếm xem sách khác kỹ hơn ví-dụ sách **Huit mill**e **verbes** — tạm đỡ ; Rồi sau nếu thuận tiện chúng tôi sẽ viết hẳn riêng **một quyển về cách dùng và chia verbes.**

o°o

TROIS FORMES DU VERBE ; BA THỂ CỦA ĐỘNG TỪ

1·) **activ**e (hoạt động) chủ từ làm công việc do động-từ diễn tả : je punis, tôi **phạt,** j'aime : tôi **yêu.**

2·) **passiv**e (thụ động) chủ từ chịu, bị ; được :

Je *suis puni*, (tôi bị phạt) Je *suis aimé* (tôi được yêu)

Muốn chia động-từ theo thể thụ động, thì cứ **chia** động từ **être** và thêm participe passé vào sau : je **suis** *aimé,* tu **es** *aimé.*

3·) **pronominale** (tự tác) : je *me punis :* tôi tự phạt tôi ; je *m'aime* ; tôi thương tôi v.v, (tương hộ : lẫn nhau) nous *nous* battons : chúng ta *cùng đánh nhau.* Ils *se nuisent* (se nuire) chúng nó hại lẫn nhau. Chia những động từ tự tác (**pronominaux**) tức là chia luôn luôn với **2** pronoms cùng một ngôi (**Je me** regarde, **tu te** regardes,**il se** regarde, **nous nous... vous vous...ils se...** Và luôn phải chia với phụ động từ **être** ở các thể kép (temps composés) *je me* **suis** *aimé,* tu **t'es** aimé, je me *serai*...tu te *seis*...

ooo

Verbes impersonnels (**un**ipersonnels) là động từ độc xưng chỉ chia ở một ngôi thứ ba số ít : pleuvoir, **il pleut** (trời mưa) ; falloir, **il faut** (phải, nên) v.v...

Verbes conjugués interrogativement

Động-từ chia cách nghi-vấn (hỏi ?)

Tất cả các động-từ đều có thể chia **cách nghi-vấn** về trường hợp *xác-định* mode indicatif) và trường-hợp **tùy thuộc điều kiện** (mode conditionnel) **ai-je... ? aurais-je... ?)**

1·) Ở các thể đơn (temps simples) thì chỉ đổi ngược động từ lên trên, gạch một gạch nối ở giữa rồi đặt đại-từ làm chữ từ (pronom pers. sujet) ở sau ;
Verbe **prendre** thường chia : **je** *prends* đổi ra *prends*-**je** ?

entendre	— —	j'entends	— —	entends-je ?	
venir	— —	je viendrai (futur)	— —	viendrai-je ?	
partir	— —	je partirai	— —	partirai-je ? v.v.	

2·) Ở các thể kép (temps composés) thì đặt động từ phụ (auxiliaire) lên trước gạch nối, kế đặt đại-từ ở giữa, rồi thêm participe passé sau chót ;
V. *Prendre* chia thường thể kép : J'ai pris đổi ra ai-**je** pris ? (passé composé)

Entendre	— —	: tu as entendu	— —	as-**tu** entendu ?	—
Venir	— —	**il** est venu	— —	est-**il** venu ?	—
partir	— —	— **nous** sommes partis	— —	sommes-**nous** partis ?	—

(Trả lời xác định (affirmative) về những câu hỏi đơn thường này (interrogative) phải dùng tiếng **oui** (đừng **si** là trật).

Est-ce que ? Phải chăng ? *chăng ?*

Dùng thành-ngữ EST-CE QUE đặt trên đầu thì không đảo ngược vị-trí chủ từ ra sau động-từ, cứ để như chia thường, vì tự riêng thành ngữ **EST-CE QUE** đã biểu diễn nghi *vấn rồi.*

Est-ce que je prends ? **est-ce que tu** viens ?
Est-ce qu'**il** partira ? **est-ce que** j'entends ?

Viens-je	?	=	*Est-ce que* je viens	?	tôi đến chăng ?
Viens-tu	?	=	Est-ce que tu viens	?	em đến chăng ?
Vient-il	?	=	Est-ce qu'il vient	?	nó đến chăng ?
Venons-nous	?	=	Est-ce que nous venons	?	chúng ta đến chăng ?
Venez-vous	?	=	Est-ce que nous venez	?	các bạn đến chăng ?
Viennent-elles	?	=	Est-ce qu'elles viennent	?	các chị ấy đến chăng ?

VERBES CONJUGUÉS NÉGATIVEMENT

Động-từ chia cách phủ-định (nói rằng **không**)

Chia động-từ cách phủ-định chỉ đặt động-từ giữa những phần của phủ-định trạng từ (adverbe de négation) là được.

V. **venir** chia thường : je viens thì đổi ra : je **ne** viens **pas** (tôi *không* đến).

Vouloir (muốn) je veux . . : je **ne** veux **pas** (tôi **không** muốn).

Ở các thể kép (temps composés), phải đặt động-từ phụ vào giữa **ne... pas, ne... point**... rồi để part. passé sau chót :

Venir : je suis venu đổi ra je **ne** suis **pas** venu (tôi đã không đến)

Vouloir : j'ai voulu — je **n'**ai **pas** voulu (tôi đã không muốn)

nous avons voulu — nous **n'**avons **point** *voulu* (chúng tôi đã không muốn tí nào) (**ne... point** là không một **chấm**, không một **lý** (không **hề**)

VERBES CONJUGUÉS INTERRO-NÉGATIVEMENT

Động-từ chia cách nghi-vấn phủ-định

Đặt thể nghi-vấn (*động-từ trước chủ từ có gạch ngang ở giữa*) vào giữa trạng-từ phủ-định : giữa ne... pas ?

Thể nghi-vấn : viens-je ? : *ne viens-je pas ?* Tôi không đến chăng ?

veux-tu ? : *ne veux - tu pas* venir ? Em không muốn đến chăng ?

thể kép — avez-vous voulu ? **n'***avez-vous pas voulu ?* anh đã không muốn chăng ? (Part. passé vẫn ở sau chót).

(Trả lời cách xác-định (affirmative) về những câu hỏi cách *interro-négative*, phải dùng tiếng SI (dùng **oui** là trật). N'avez-vous pas de la monnaie ?— Si, monsieur. Anh không có tiền lẻ hử ? Thưa có — Nếu trả lời *oui*, nghĩa là không có.

LES PARTICIPES : DỰ PHÂN TỪ

1°) Participe présent (dự phân từ hiện tại) diễn-tả một việc làm hiện tại (action présente) vần cuối cùng là **ant** và không thay đổi (invariable).

Des écoliers **aimant** leurs livres ; Des écolières **aimant** leurs cahiers. (Trò trai **yêu** sách, nữ-sinh **yêu** tập). Tiếng part. présent : aim**ant** vẫn nguyên, không thay đổi.

Dùng làm tĩnh từ, phẩm từ (adj.) thì tiếng có vần **ant** ấy là tiếng **phẩm từ hóa** (adj. **verbal**) và hợp theo **giống** và **số** với danh-từ cũng như phẩm-từ thiệt-thọ vậy : Des enfants *obéissants* : une histoire **intéressante.**

A) PARTICIPE PRÉSENT thì : a) có **complément : aimant leur maître,**

obéissant à leurs **parents** (p.prés) (compl)
(part.prés). (complément)

b) hay là có **adverbe** : Une fille obéissant **bien** (adv. de manière)

c) hay là với **adv.de négation :** Votre sœur est une excellente personne, **ne** grondant, **ne** contredisant **jamais** chị anh tử-tế quá **không rầy không cãi bao giờ.**

B) ADJECTIF VERBAL thì :

a) đặt sau v.être ; *vos enfants sont* **charmants** (ngộ tươi vui)

b) đặt sau adverbe ; *Voilà une fillette bien* **obéissante**

c) cùng thuộc về danh-từ như phẩm-từ khác ; voilà deux fillettes **propres** et **charmantes** *(charmantes* cũng thuộc về **fillettes** như *propres.*

2·) PART. PASSÉ hợp với danh-từ, vì đứng kế liền danh-từ, thì kể như *phẩm-từ* ;

Une feuille *fanée* (lá héo) Des fenêtres *ouvertes* (cửa sổ **mở**)

Part. passé hợp với **chủ-từ** vì dùng với v. **Être** :

Cette **porte est** *fermée*, Ces **roses sont** *épanouies* (hường nở)

— — hợp với **trực tiếp túc-từ đứng trước khi part.passé chia với avoir (c. direct) :**

Voilà la lettre **que** ma mère a reçue ;

(**Part passé** reçue hợp với c. direct là tiếng **que**, pr.relatif thế cho *lettre*, danh từ giống cái số ít, nên reçue có e).

Ces livres, je **les** ai lus (lus hợp với pr.pers. **les** thế cho *livres*). Ces dames, je **les** ai vues...

Participe passé không hợp với sujet khi nó dùng với Avoir ; Ma sœur a *chanté*, mes sœurs ont *chanté*.— *Participe passé* hợp rắc-rối còn nhiều ở đây không thể nói hết, chỉ nói ít luật thông-thường — Phải viết cả một quyển sách khác mới chỉ đủ hết khúc mắt được.

Mots invariables : *adverbe, préposition, conjonction, interjection.*

1·) L'ADVERBE : TRẠNG-TỪ

Trạng-từ là tiếng để phụ thêm nghĩa, biến nghĩa cho *động từ*, tĩnh-từ, phẩm từ và đặt liền với những tiếng ấy : La rose est **très** belle, je l'aime **bien.**

8 SORTES D'ADVERBES : 8 THỨ TRẠNG-TỪ :

Adverbes de lieu : (*chỉ nơi chốn*) : ici, ci, là, loin, partout, près etc...

Adv. de temps : (*chỉ thời-gian*) tôt, tard, toujours, demain, bientôt etc...

— **de quantité** : (*chỉ lượng số*) peu, beaucoup, assez, trop, tout etc...

— **d'affirmation** : (*xác định*) oui, si, certes, certainement, assurément etc...

de **négation** : (*phủ-định*) non, nullement, ne... pas, ne... point, etc...

d'ordre : (*thứ bực*) premièrement, secondement, puis, ensuite etc...

de manière (*thể-cách*) bien, mal, vite, sagement, doucement etc...

Adverbes de manière thì nhiều lắm. Thường thường người ta thêm vần **ment** vào sau phẩm-từ thì phẩm-từ thành ra **trạng từ.** Nhiều phẩm-từ phải *đổi ra giống cái* trước rồi mới thêm vần **ment** vào sau :

doux : douce, **doucement, lent**, lente : **lentement**
frais : fraîche, **fraîchement**, **franc** : franche : fran**chement** etc...

ANT = AMMANT, ẸNT = EMMENT

Phẩm-từ với vần **ant** thì thêm **amment** : puissant : puisa**mment**
— — **ent** — — **emment** : prudent : prude**mment**

Phẩm-từ dùng làm trạng-từ thì không thay đổi :

Ces livres coûtent **cher,** ces enfants chantent **juste.**

LOCUTIONS ADVERBIALES : THÀNH-NGỮ TRẠNG-TỪ

au-dessus	ở trên	en même temps	đồng thời
au dehors	— ngoài	sans cesse	không ngừng
à présent	lúc này	sans doute	chắc hẳn
à regret	lấy làm tiếc	tout à coup	thình lình
d'abord	trước hết	petit à petit	lần lần
de suite	liền sau	ne... jamais	không bao giờ v. v....

2.) LA PRÉPOSITION = GIỚI TỪ

Giới từ là tiếng không thay đổi dùng để liên lạc, chuyển đến túc từ gián tiếp (*complément indirect*).

Giới từ nối chuyển túc từ với danh từ, với đại từ, với tĩnh từ, với động từ ; Nous irons **dans** les champs **avec** vous.

Giới từ thông dụng hơn hết là ; à, de, pour, chez, depuis, par, sans, sur voici, voilà, vers etc...

Locutions prépositives : **Thành-ngữ giới từ.**

au-dedans de	ở trong		au lieu de	;	đáng lẽ ra
au-dessus de	— trên		à côté de	:	ở bên cạnh
au-dessous de	— dưới		à cause de	:	vì nguyên nhân
à travers	ngang qua		afin de	:	để... etc...

3.) LA CONJONCTION = LIÊN TỪ

Liên-từ là tiếng không thay đổi,dùng để nối liền hai tiếng hay lá hai mệnh-đề:
Je vois les fleuilles **et** les fleurs (lá **và** hoa)
Je crois **que** vous êtes juste (tôi tưởng **rằng** anh đúng công bằng)

Ít tiếng liên từ thường dùng ;

ainsi, như vậy	mais, nhưng	si, nếu
aussi, cũng như	ou, hay là	sinon, nếu không
car, vì	pourquoi, tại sao	or, vậy mà,
donc, vậy	quand, khi nào,	comme, như là

Locutions conjonctives

Parce que	bởi vì	c'est-à dire	=	nghĩa là.
Pourvu que	miễn là	c'est pourquoi	=	bởi thế cho nên
tandis que	còn như	à condition que	=	với trường hợp, điều kiện
ou bien	hay là	aussitôt que	=	liền ngay, v.v...

4.) L'INTERJECTION = TÁN-THÁN-TỪ

Tán thán-từ để tỏ cảm tình hay xúc động mạnh đột phát :
Diễn tả nỗi vui mừng ; Ah ! bon ! (A ! Ô ! Ơ !)
— — lo sợ ; Ha ! he ! ho ! (cha ôi ! chúa ôi ! trời ôi !)
— — ngạc-nhiên ; ho ! bah ! ah ! (hả ! ủa !)
Biểu diễn sự đau đớn : ah ! hélas ! aïe ! (ôi ! than ôi ! ái !)
— — tức giận : Fi ! Oh ! pouah ! (hừ ! cha chá ! chà !)
— khen, phục : Ah ! oh ! eh ! ô ! ciel ! (À ! ồ ! ô! trời !)
Để kêu : Holà ! hé ! hein ! (này ! ấy ! kìa !)
Để bảo im : Chut ! paix ! silence ! (suỵt ! im ! câm !)
Để báo : Hola ! gare ! (tránh ! Đi !)
Để khen, vỗ tay : Bravo ! Vivat ! (hoan nghênh !)

PROPOSITIONS MỆNH-ĐỀ

Mệnh đề có thể là : 1.) Một động-từ : **avancez.** (tiến lên)
2.) Một *chủ-từ* và *một động-từ* : la terre tourne
3.) *Một chủ-từ+động-từ+tĩnh từ* : la terre est ronde
4.) *Chủ-từ+động-từ+túc-từ* : Je fais le commerce.

Thường thường trong một câu có bao nhiêu động-từ biểu-diễn hay hiểu ngầm thì có bấy nhiêu mệnh-đề :

L'étude, aujourd'hui, vous *semble* amère et triste, mais *prenez* courage, et vous *direz* bientôt : les fruits en *sont* doux et agréables. (Câu nầy có 4 mệnh-đề vì có 4 động-từ :

1· *semble,* 2· *prenez,* 3· *direz,* 4· *sont.*

Trois sortes de propositions :

1·) **Indépendante** : La terre tourne, sa vitesse est immense (**độc lập**) (tự đủ nghĩa) (2 propositions indépendantes)

2·) **principale** : mille ouvriers *commencent* leurs travaux

3·) **Subordonnée** ; aussitôt que les arbres *ont développé* leurs feuilles. Mệnh đề trên là *chánh* vì có mệnh đề dưới *phụ thuộc* vào nó do *thành ngữ liên từ (locution conjonctive) aussitôt que.*

oOo

Phần văn-phạm đến đây đã dài, tuy chưa hoàn-toàn đủ, song vì phạm-vi tờ báo, xin tạm chấm-dứt và *hẹn với các bạn còn nhiều dịp khác* ; vì biển học mông mênh, càng học càng thấy phấn khởi, nay xin các bạn nhớ thuộc và tập cho quen dùng được những phần này, và chúc các bạn thành *công trên* đường học-vấn.

Vì phạm-vi tờ báo chật hẹp, mà chúng tôi không đăng được những bài Conversations (nói chuyện) trong số nầy. Xin các bạn đón xem trong những số sau.

DANH TỪ THƯƠNG-MÃI

Le Commerce (Thương-nghiệp)

I

Le commerçant	*Nhà thương-mãi*
Le négociant	*Lái buôn*
Le débitant	*Người buôn bán lẻ*
Le marchand en gros	*Kẻ buôn bán sỉ*
L'acheteur	*Kẻ mua*
Le vendeur	*Người bán*
Le client	*Bạn hàng, thân chủ*
Le débiteur	*Người thiếu nợ*
Le créancier	*Chủ nợ*
L'usurier	*Kẻ cho vay ăn lời*
Le caissier	*Kẻ coi giữ tiền bạc.*
Le comptable	*Viên kế-toán*
L'associé	*Người hùn vốn, làm chung với nhau*
L'actionnaire	*Kẻ có dự phần hùn*
Le commanditaire	*Người xuất vốn bao cho*

II

Le dépôt	*Chỗ trữ hàng hóa, vựa*
Le magasin	*Kho để hàng*
La boutique	*Cửa hàng*
Le bazar	*Tiệm tạp-hóa*
La gargote	*Quán nước*

Le restaurant	*Nhà hàng cơm*
La succursale	*Chi ngánh*
Le comptoir	*Hãng buôn, chỗ để đếm bạc thối trả, chỗ để hàng cho bạn hàng xem*
La vitrine	*Tủ kiến*
L'enseigne	*Bản hiệu*
La banque	*Ngân hàng*
Le débit d'alcool, de tabac	*Chỗ bán lẻ rượu trắng, thuốc hút*

III

L'échantillon	*Kiểu hàng*
La réclame	*Quảng-cáo*
La marchandise	*Hàng hóa*
L'étiquette	*Nhãn hiệu*
La facture	*Toa hàng*
La quittance	*Tờ biên lai*
Le ballot ou le paquet	*Gói hàng*
La remise	*Sự giảm giá hàng*
Le rabais ou la baisse	*Sự sụt giá hàng*
La hausse	*Sự tăng giá hàng*
La commande	*Sự đặt đồ*
L'expédition	*Sự gởi hàng*
Le bénéfice	*Lời*
La perte	*Lỗ*
Le capital	*Vốn*
Le taux	*Số lời tính theo phần trăm trong năm.*
L'intérêt	*Tiền lời của bạc cho vay hoặc ký gởi.*
L'action	*Phần hùn*
La faillite	*Sự đóng cửa hàng, hết mua bán*
La banqueroute	*Sự khánh tận*
La contrebande	*Sự mua bán hàng lậu*
Le monopole	*Sự độc-quyền buôn bán*
L'importation	*Sự nhập-cảng*
L'exportation	*Sự xuất-cảng*
La société anonyme	*Hội nặc-danh, có nhiều người hùn, không để tên riêng người chủ nào*
La livraison à domicile	*Chở giao hàng đến chỗ*

IV

— Un objet à bon marché (à bas prix)	*Món hàng được giá rẻ*
— Coûteux (cher)	*Giá mắt*

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIỆT NAM

— Un commerce lucratif	*Một việc thương-mải sanh lợi*
— Florissant	*Thạnh-vượng*
— Un prix modéré	*Giá vừa phải*
— Exorbitant	*Mắc quá đỗi*
— Un commerce en gros	*Mua bán sỉ*
— Détail	*Mua bán lẻ*
— Une maison de commerce	*Hảng buôn*
— société —	*Hội thương-mãi*
— chambre —	*Phòng thương-mãi*
— Un tribunal —	*Tòa án thương-mãi*
— traité —	*Thương-ước*
Hausser	*Lên*
Abaisser	*Hạ*
Réduire	*Bớt*
Le prix	*Giá*
Marchander	*Trả giá cã*
Consommer	*Tiêu-thụ, xài*
Faire son marché	*Đi chợ*
Passé un marché avec...	*Chịu lãnh với...*
Accaparer un produit	*Trữ một món hàng để giành giá chợ*
Vendre à crédit	*Bán chịu*
Au rabais	*Hạ giá*
À perte	*Lỗ*

Paronymes (Đồng âm dị nghĩa)

Importer : Nhập-cảng : (introduire dans un pays des productions étrangères). **Ex:** Le Việt-Nam *importe* du lait et exporte du riz. (Nước Việt-Nam nhập-cảng sửa bò và xuất-cảng lúa gạo).

Exporter : Xuất-cảng : (transporter à l'étranger les produits du sol et de l'industrie. **Ex :** La France *exporte* ses vins mais importe du blé. (Nước Pháp xuất-cảng rượu, song nhập-cảng lúa mì.)

Consommer : Tiêu-thụ (faire disparaître par l'usage. **Ex :** M. Thân et ses trois enfants consomment 2 litres de riz par jour. (Ông Thân với 3 đứa con tiêu thụ mỗi ngày 2 lít gạo).

Consumer : Phá hư (détruire... **Ex :** L'année dernière, l'incendie a consumé le quartier des paillotes de Choquan. (Năm rồi, bà hỏa đã thiêu xóm nhà lá ở Chợ-quán).

THƠ-TỪ THÔNG DỤNG
(Correspondance Usuelle)

Thơ từ viết bằng tiếng Pháp có nhiều thứ, nhưng đại-khái chia làm hai loại :

1·) Thơ gởi thăm viếng, nói chuyện thích, có tánh cách riêng tư gọi là *tettre privée ou lettre familière)*. Hoặc gởi cho cha mẹ, anh em, bà con thân quyến *(lettre familiale ou lettre de famille)* hoặc gởi cho bằng hữu quen thuộc *(lettre amicale ou lettre d'amitié)* v. v...

Về loại thơ nầy khỏi phải buộc theo phương-thức nhứt-định *(les lettres familières ne sont pas soumises à aucune règle)*

2.) Thơ gởi nói một chuyện có mục-đích cho người nhận thơ *(destinataire)* phải chú-ý và định-đoạt, gọi là *lettres d'affaires*. Hoặc như viết xin một việc chi *(demandes)*, viết nói về thương-mãi *(lettres commerciales)*, viết cho nhà chức-trách, cho những nhà quyền-quí, cho những người trong cơ quan hành-chánh, trong công-sở *(lettres officie'les)*.

Vài đều cần-yếu nên biết khi viết thơ *(Conseils généraux pour rédiger une lettre)*.

Muốn viết một bứcthơ đúng-đắn nên làm sao ?

— Làm sao cho người nhận thơ đọc được một cách dễ dàng, dễ hiểu, vừa đọc vừa chủ-ý, đọc mà không nhàm-chán.

Đây xin sơ-lược vài đều cần-yếu đáng thi-hành như sau nầy :

1·) Trong thơ, nên chừa cho có một cái lề *(marge)* cở 5 phân (5^{cm}) sấp lên.

2·) Vắn tắt ít chữ cho biết chỗ yếu-giải trong thơ *(objet)*.

3·) Chữ viết rõ ràng, ngay hàng thẳng lối *(écriture lisible)*, nếu đánh máy được *(dactylographier)*, càng tốt.

4·) Chấm câu đúng-đắn *(ponctuation correcte)*.

5·) Đừng ham viết tắt, nhứt là những cách viết tắt ít thông dụng *(éviter autant que possible les abréviations, surtout les abréviations peu usuelles)*.

6·) Nên gạch đường ngang ở dưới đoạn văn nào cần-thiết nhứt trong câu chuyện hoặc là tiếng nói lạ như tiếng ngoại-quốc v. v... *(souligner un passage essentiel ou un mot d'une langue étrangère)*.

7·) Nhớ đề kỹ ngày, tháng, năm trên đầu bức thơ, tháng nên viết bằng chữ đừng viết bằng số *(dater la lettre au commencement, indiquer le mois par son nom et non par un chiffre)*.

8°) Nếu bức thơ dài phải dùng nhiều trang, nên điểm số từng trang (numéroter).

9°) Nhớ ký tên và cho biết địa-điểm của người viết (*signature et adresse de l'expéditeur ou de l'expéditrice*).

10°) Thể-văn (*style*) nên tránh những tiếng vô-vị (*mot impropre*) lời nói quanh quẩn (*périphrase*), điệu văn quanh quẹo (*tournure entortillée*), ngôn ngữ phi-lý (*parole oiseuse*).

Nên viết gọn-gàng (*concision*), giản-dị (*précision*), tự-nhiên (*naturel*), rõ ràng (*clarté*), nhứt về thương-mãi, cần sự nhậm lẹ (*célérité*), sự đúng-đắn (*exactitude*) sự khôn khéo (*prudence*) v. v...

Khi viết nên cẩn-thận, nhứt là khi một người ở bực thấp, dưới quyền (*inférieur*) ví như người làm công (*employé*) viết cho người ở bực cao, trên quyền (*supérieur*) ví như người chủ (*employeur*); trong trường-hợp ấy, nếu thất một lời, có thể chạm lòng tự-ái (*blesser amour propre*) của kẻ bề trên, thì khó được kết-quả theo ý muốn.

Nên nhớ câu ngạn-ngữ :

« Verba volant scripta manent ».

Les paroles s'envolent, les écrits restent.

(Lời nói bay đi, chữ viết còn lại.)

Demande d'emploi

Références à fournir.

Nom et Prénom, Age, Situation de famille, Instruction générale, Spécialités, Services antérieurs, Qualité.

Modèle type

Saigon, le 15 Août 1948

A Monsieur le Directeur de.....

Monsieur le Directeur,

Je, soussigné X....., âgé de X... ans, marié (ou célibataire) pourvu de..... (diplôme obtenu), ayant acquis la connaissance approfondie de..... (comptabilité, sténographie, dactylographie, interprètre (langues étrangères, etc...) ex-secrétaire (ou comptable, sténographe, dactylographe, interprète etc.....) à..... (Administration ou Entreprise commerciale.....) du..... au.....

Ai l'honneur de solliciter de votre haute bienveillance une place de... dans vos services.

Je vous promets, Monsieur, d'apporter tout mon zèle au travail que vous voudrez bien me confier.

Veuillez trouver ci-joint les Copies des Certificats qui vous permettront de juger de mes aptitudes et de mon caractère.

Dans l'espoir d'une suite favorable à ma demande, je vous prie d'agréer, Monsieur le Directeur, l'assurance de mes sentiments respectueux et reconnaissants.

Ou Dans l'espoir de voir ma demande agréée, — *ou* : Avec mes sincères remerciements anticipés, veuillez agréer, Monsieur.....)

(*Signature*)
et adresse,

QUELQUES FORMULES INITIALES

De supérieur à inférieur :

Monsieur, Monsieur X.
Cher Monsieur, Cher Monsieur X.

D'inférieur à supérieur :

Monsieur,
Monsieur et cher protecteur,
Pour un Souverain : Sire
Pour les Hauts fonctionnaires { Monsieur le Ministre, Monsieur l'Ambassadeur.
Pour un avocat : Monsieur et mon cher maître,
Pour un officier : Mon colonel, Mon général,
Pour les religieux : à un Pape : Très Saint Père,
à un Cardinal, ou à un évêque { *Monseigneur.*
à un supérieur de couvent : Révérend Père.
à un prêtre ordinaire : Monsieur l'Abbé ;
aux autres membres du Clergé :
Monsieur le Chanoine
Monsieur, l'Archiprêtre,
Monsieur le Curé, etc

D'égal à égal

Monsieur, Cher Monsieur,
Monsieur et Cher Camarade,
Mon Cher Confrère

D'homme à femme :

Madame, Mademoiselle,
Madame la Directrice,
Madame la Présidente, etc

A une religieuse :

Révérende Sœur Supérieure
Ma sœur,

De femme à homme :

Monsieur
Monsieur (titre personnel)

De femme à femme :

Madame, Mademoiselle,
Chère Madame et Amie
Ma Chère (Nom propre)

A une religieuse :

Revérende Mère,
Ma Chère Sœur.

QUELQUES FORMULES FINALES

De supérieur à inférieur :

Croyez, Monsieur, à ma sincère affection.

Agréez, Monsieur, l'expression de mes meilleurs sentiments.

Soyez assuré, Monsieur, de ma parfaite considération,

D'inférieur à supérieur :

Veuillez (daignez) agréer, (je vous prie d'agréer), Monsieur, l'expression de mes sentiments respectueux, — de mes sentiments les plus distingués — de mon profond respect — de ma profonde reconnaissance.

Pour un empereur :

Que Votre Majesté Impériale veuille agréer les assurances de la respectueuse considération avec laquelle j'ai l honneur d'être, de Votre Majesté, le très humble serviteur.

Pour un haut fonctionnaire : Votre Excellence.

Pour un Pape :

Prosterné aux pieds de Votre Sainteté et implorant la faveur de sa bénédiction apostolique,

J'ai l'honneur d'être, Très Saint Père, avec le plus profond respect, de Votre Sainteté, le très humble serviteur et fils.

Pour un cardinal, On emploie : Votre Eminence.

D'égal à égal :

Recevez, Monsieur et Cher Camarade, l'expression de mes sentiments cordiaux,— sentiments distingués — sentiments les meilleurs — de ma vive sympathie.

Simplement : Recevez, Monsieur, mes meilleures salutations.

D'homme à femme :

Daignez agréer, Madame, mes hommages les plus respectueux — l'hommage de mes sentiments respectueux — avec mes hommages, l'expression de ma plus respectueuse sympathie.

De femme à homme :

Veuillez agréer, Monsieur, l'assurance de mes sentiments respectueux — distingués.

De femme à femme :

Veuillez agréer, Madame, l'assurance de mes sentiments respectueux — distingués — sympathiques — affectueux —

Veuillez croire, Chère Madame, à toute ma sympathie,

ABREVIATIONS COMMERCIALES FRANÇAISES
PHÁP-VĂN THƯƠNG-MÃI VIẾT TẮT

a	*accepté*	có nhận.
A. C.	*argent comptant*	tiền mặt.
Art.	*article*	hóa phẩm
bt.	*billet*	thiệp, giấy, vé, phiếu.
a.t.p.	*à tout prix*	giá nào cũng được
b.a.r.	*billet à recevoir*	giấy nhận,
b.a.p.	*billet à payer*	giấy trả tiền.
B/B.	*billet de banque*	giấy bạc, ngân phiếu.
brl.	*baril*	thùng tròn.
bque	*barrique*	thùng lớn.
bt	*brut*	trọng lượng nguyên, chưa trừ bì.
C'-a-d	*c'est-à-dire*	nghĩa là
Cie	*compagnie*	Hội, công-ty
Ct.	*courant*	Thường, thông-dụng
Con	*commission*	Tiền huê-hồng
Caire	*commissionnaire*	Người môi-giới (mãi-biện)
Cs	*cours*	Sự lưu thông, thời-giá
dz	*douzaine*	một lố, chục có đầu
do	*dito (idem)*	Như trên
Escte	*escompte*	Số chiết-khấu (tiền xài non)
Fre	*facture*	Hóa-đơn, (giấy giao hàng)
fr. frcs.	*franc, francs*	Đồng phật-lăng
f.a.b.	*franco à bord*	Không trả tiền cước-phí
ge	*gramme*	Đơn-vị của khối-lượng
G.V.	*grande vitesse*	Đại tốc
Ko.	*kilo*	Kí, cân
L/C	*lettre de crédit*	Tín thơ
M^es	*marchandises*	Hàng-hóa
M^on	*Maison*	Hãng, Nhà buôn
M	*mètre*	Thước
M^e	*maître*	Trưởng tòa
M/	*mon*	Của tôi
M.	*Monsieur*	Ông, Ngài
M^d	*marchand*	Lái buôn

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

MM.	*Messieurs*	Các ông, Ngài
M^me	*Madame*	Bà,
M^mes	*Mesdames*	Các Bà
M^lle	*Mademoiselle*	Cô
N.B.	*Nota bene*	Nên chú ý
N/	*Note*	Của chúng tôi
N/V	*notre ville*	Thành của chúng tôi
negt.	*négociant*	Thương-gia
No.	*numéro*	số thứ-tự
o/o	*ordre*	thứ tự
%	*pour cent*	phần trăm
p. pon.	*par procuration*	Có ủy-quyền
p.ex.	*par exemple*	Thí dụ, ví dụ.
pl.ou m.	*plus ou moins*	Không nhiều thì ít
p.s.	*post-scriptum*	Tái bút
p.v.	*petite vitesse*	Tiểu tốc
qual	*quintal*	Tạ
q^x	*quintaux*	Nhiều tạ
R.	*recu*	Biên lai
rem.	*remise*	Sự giảm giá
R.S.V.P.	*réponse s'il vous plaît*	Xin trả lời
S.b.f.	*sauf bonne fin*	Trừ ra có kết quả tốt
S.E.O.O.	*sauf erreur ou omission*	Trừ ra khi lầm lộn
S.G.D.G.	*sans garantie du gouvernement*	Chính-phủ không bảo-đảm
t^te	*traite*	Sự buôn bán, giao-dịch
T.S.F.	*télégraphie sans fil*	Vô-tuyến-điện (Giây thép gió).
v/	*votre*	của ông, của các anh
V/V	*votre ville*	thành của anh
Val	*valeur*	giá trị
V/C	*votre compte*	Sổ của Ông
V^e	*veuve*	Bà góa
7^bre	*Septembre*	Tháng chín dương-lịch
8^bre	*Octobre*	— mười d. l.
9^bre	*Novembre*	— mười một d. l.
X^bre	*Décembre*	— mười hai d. l.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM

Hộp Thơ

Ngỏ cùng Bạn đọc thân mến,

Cần Học trân trọng cám ơn quí bạn đọc xa gần kẻ mua dài hạn, người mua 1/3, từ Nam chí Bắc, toàn cõi Đông-Dương: số người đọc và ủng-hộ Cần Học cũng khá đông... Cần Học chẳng những có độc-giả ở bên nước nhà, mà đến bên Pháp cũng có nhiều Học-sinh đọc và cổ-động Cần Học (như Ông Trần-hữu-Phương, 1 Rossini, Paris (9e).)

Như trong hộp thơ trước chúng tôi đã gởi cho quí bạn, có đăng trong số XVI, chúng tôi cố-gắng hy-sinh để giúp các bạn lớn nhỏ trong nền học-vấn và lập đời sống của mình. Vì ước mong cho mỗi người Việt được đọc Cần-Học nên chúng tôi đã sụt giá báo ở Miền, Trung và Bắc-Việt.

Nay vì muốn theo lời yêu cầu của phần đông trong số độc-giả mà chúng tôi định từ số XXI (21) sẽ chia Cần Học ra làm hai cuốn : 1 cuốn cho Ban Tiểu-Học, gồm 36 trang, giá mỗi số là 3 $ 00 ở Nam-việt và Miền, 4 $ 00 ở Trung và Bắc-việt. 1 cuốn nữa cho Ban Trung-Học, gồm 44 trang, mỗi số giá 4 $ 00 hay là 5 $ 00. Như vậy thì chắc quí bạn sẽ được hài lòng và nhiệt thành ủng-hộ Cần Học.

Thưa quí bạn đọc thân mến đã đặt mua Cần Học dài hạn từ trước đến giờ và đã đóng tiền rồi, xin cho chúng tôi biết quí bạn có muốn chọn lựa sửa đổi chi trong việc gởi báo. Nếu có bạn nào chọn lấy 1 cuốn trong 2 thì chúng tôi sẽ gởi thêm báo cho đủ số tiền.

Còn quí bạn nào muốn nhận luôn 2 cuốn một lượt thì chúng tôi cũng sẽ gởi báo cho đủ số tiền đã đóng trước.

Nếu có bạn nào đã đặt mua báo dài hạn 1 năm hay 6 tháng mà chỉ gởi tiền đến đủ 6 tháng hoặc 3 tháng mà thôi, thì chúng tôi sẽ gởi báo theo số tiền đã nhận được.

Còn có ít bạn gởi thơ đến đặt mua báo dài hạn, và có nhận được báo lâu rồi, nhưng chưa gởi tiền đến, mong quí bạn tính giùm cho sớm!

Xin các bạn khi gởi thơ đặt mua báo hay khi nhận được báo thì gởi bưu-phiếu đến ngay cho Ông Ngô-văn-Thanh, chủ nhiệm tờ Cần Học, theo địa-chỉ trên mặt báo, đặng tiện việc sổ sách.

Ban Giám-đốc

Dưới đây là giá mua báo dài hạn :

	Cần Học ban Tiểu-học			**ban Trung-học**			**và chung 2 cuốn**		
	NAM-VIỆT	*VÀ MIỀN*		*TRUNG VÀ BẮC-VIỆT*					
3 tháng : 12 số :	*30$00*	—	*45$00*	—	*70$00*	*40$00*	—	*55$00*	— *80$00*
6 tháng : 25 số :	*65$00*	—	*90$00*	—	*150$00*	*85$00*	—	*115$00*	— *175$00*
12 tháng : 50 số :	*125$00*	—	*175$00*	—	*290$00*	*170$00*	—	*220$00*	— *325$00*

Xin lưu ý : *Ở Saigon-Cholon quí bạn nào muốn đổi 10 số CẦN HỌC lẻ để lấy 1 bộ CẦN HỌC đóng lại từ I đến X, (bộ 1), xin đem mau đến Tòa-soạn CẦN HỌC, 163, Đại lộ La Somme, Saigon, và xin chịu thêm 5 $ 00 tiền đóng.*

CẦN HỌC trân trọng cám ơn các bạn đọc kể tên dưới đây đã đặt mua báo dài hạn :

Anh Huỳnh-kim-Thới, Học-sinh Trường V. N. Học-Đường.
Ông La-tòng-Bá, 195, Quai de la Marne, Saigon
Cô Hạnh, 280, Rue Paul Blanchy, Saigon.
Ông Bùi-văn-Nghiêm, 458, Rue Paul Blanchy, Saigon.
Anh Trần-thanh-Các, 328, Đường Trần-hưng-Đạo, Chợ-lớn.
Cô Bích-Toàn, 91, Sadi Carnot, Hải-phòng.
Pharmacie Tiên, 98, Bd. Bonard, Saigon.
Trường Huỳnh-thị-Ngà, 10, Rue René Héraud, Tânđịnh.
Ông Phạm-Tập, Tỵ cảnh sát Hội-an (Faifo).
Ông Tạ-văn-Thoại, Tribunal P. P.
Anh Thanh, 49 c, Audouit, Saigon.
Ông Châu, 319/15, Lefèbvre, Saigon.
Ông Đoàn-văn-Viền, Instituteur; Mytho.
Anh Nguyễn-văn-Nhứt, thiếu sinh quân, Giađịnh.

(còn tiếp)

XIN SỬA CHỖ SAI

T. XI - Trang 3 : chín tuổi
— 5 : lành lương.
— 10 : pitoyable
— 11 : Trả lời { 75 $ 00 / 344 $ 64
— 16 : Arithmétique : $\frac{1}{9}$

20.250 x 1=2.250 $
16.500 x 1=1.840 $
R. { 2.250 $ / 1.840 $

T. XII - — 6 : để dành 9.000 $
Trả lời : 9.000 $
— 11 ; — — : 2.850 $
T. XVII — 15 : Hàng 2 : il y a *des* maisons
— 18 : — 19 : je croise
— 23 : — 8 : aimant à tout prix
— 33 : — 17 : au dos
— 42 : TÚ-ĐỨC
T. XIX — 15 Bài Rédaction { tous les enfants / pupîtres des élèves
— 28 : Hàng 18 : avez pu éprouver
— 29 : — 16 : En proie à de
— 20 : s' étendent à même le sable
— 2 : nous nous abandonnons
— 30 : — 5 : mânes errants
— 12 : châteaux forts bâtis en nids
31 : — 5 : « la boîte » avec
— — 15 : à l'instant d'acheter

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIET NAM
MISSION DE FRANCE POUR L'INDOCHINE
DIRECTION DES ARCHIVES ET DES BIBLIOTHÈQUES
HANOI

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIỆT NAM